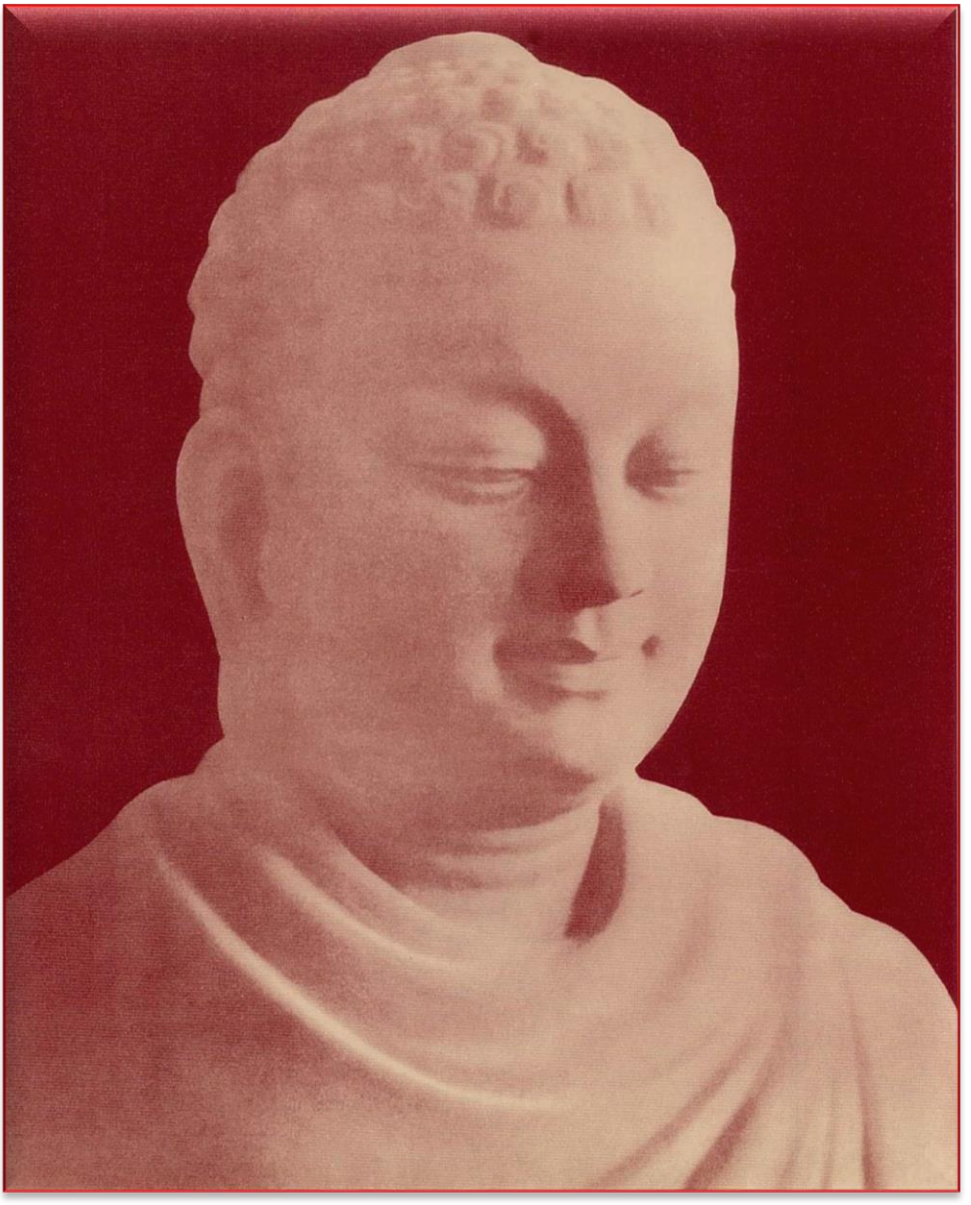

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 8

BỘ A-HÀM

VIII

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 8

BỘ A HÀM

VIII

SỐ 125

(Tăng Nhất A-Hàm)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ A HÀM 8 – T008

(Tăng Nhất A-Hàm)

SỐ 125 ..... **3**
KINH TĂNG NHẤT A-HÀM **3**
QUYỂN 1 ..... **3**
Phẩm 1: TỰA 3
Phẩm 2: THẬP NIỆM 18
QUYỂN 2 ..... **23**
Phẩm 3: QUẢNG DIỄN 23
QUYỂN 3 ..... **36**
Phẩm 4: ĐỆ TỬ 36
Phẩm 5: TỲ-KHEO-NI 47
Phẩm 6: THANH TÍN SĨ 52
Phẩm 7: THANH TÍN NỮ 55
Phẩm 8: A-TU-LUÂN 57
QUYỂN 4 ..... **64**
Phẩm 9: CON MỘT 64
Phẩm 10: Hộ TÂM 71
QUYỂN 5 ..... **83**
Phẩm 11: BẤT ĐÃI 83
Phẩm 12: NHẬP ĐẠO 90
QUYỂN 6 ..... **105**
Phẩm 13: LỢI DƯỠNG 105
QUYỂN 7 ..... **125**
Phẩm 14: NGŨ GIỚI 125
Phẩm 15: HỮU VÔ 130
Phẩm 16: HỎA DIỆT 135
Phẩm 17: AN-BAN (1) 148
QUYỂN 8 ..... **154**
Phẩm 17: AN-BAN (2) 154
QUYỂN 9 ..... **171**
Phẩm 18: TÀM QUÝ 171
QUYỂN 10 ..... **194**
Phẩm 19: KHUYẾN THỈNH 194
QUYỂN 11 ..... **210**
Phẩm 20: THIỆN TRI THỨC 210

QUYỂN 12 229
Phẩm 21: TAM BẢO 229
Phẩm 22: BA CÚNG DƯỜNG 249
QUYỂN 13 260
Phẩm 23: ĐỊA CHỦ 260
QUYỂN 14 283
Phẩm 24: CAO TRÀNG (1) 283
QUYỂN 15 303
Phẩm 24: CAO TRÀNG (2) 303
QUYỂN 16 328
Phẩm 24: CAO TRÀNG (3) 328
QUYỂN 17 345
Phẩm 25: TỨ ĐẾ 345
QUYỂN 18 362
Phẩm 26: BỐN Ý ĐOẠN (1) 362
QUYỂN 19 386
Phẩm 26: BỐN Ý ĐOẠN (2) 386
Phẩm 27: ĐẲNG THÚ BỐN ĐẾ 393
QUYỂN 20 409
Phẩm 28: THANH VĂN 409
QUYỂN 21 438
Phẩm 29: KHỔ LẠC 438
QUYỂN 22 454
Phẩm 30: TU-ĐÀ 454
QUYỂN 23 479
Phẩm 31: TĂNG THƯỢNG 479
QUYỂN 24 507
Phẩm 32: THIỆN TỤ 507
QUYỂN 25 539
Phẩm 33: NĂM VUA 539
QUYỂN 26 568
Phẩm 34: ĐẲNG KIẾN 568
QUYỂN 27 601
Phẩm 35: TÀ TỤ 601
QUYỂN 28 619
Phẩm 36: THÍNH PHÁP 619
QUYỂN 29 642
Phẩm 37: SÁU TRỌNG PHÁP (1) 642
QUYỂN 30 658

Phẩm 37: SÁU TRỌNG PHÁP (2) 658

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 8

BỘ A-HÀM
8

SỐ 125

(QUYỂN 1 → 30)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 125
KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Tam tạng Cù-đàm Tăng-già-đề-bà, người nước Kế Tân.

QUYỂN 1

Phẩm 1: TỰA

Kính lạy Năng Nhân Đệ Thất Tiên
Diễn nói pháp Thánh hiền vô thượng
Thế Tôn nay độ chúng quần sinh
Vốn đã từ lâu trôi sinh tử.

Tôn trưởng Ca-diếp và Thánh chúng
Hiền triết A-nan văn quảng bác
Cúng dường xá-lợi Phật Niết-bàn
Từ nước Câu-di đến Ma-kiệt.

Ca-diếp tư duy hành bốn Đẳng[1]
Với những chúng sinh đọa năm đường
Chánh giác dẫn đường nay cách xa
Nhớ lời dạy khéo, lòng thương khóc.
Ca-diếp nghĩ suy: Chánh pháp xưa
Làm sao lưu bố mãi thế gian?
Lời dạy tối tôn từ kim khẩu
Ghi giữ trong lòng không để mất.
Ai có sức này, gom các pháp
Nói rõ nhân duyên, gốc từ đâu?
Người trí hiện nay trong chúng này
A-nan hiền thiện, nghe vô lượng.

---

1. *Hán: Tứ đẳng 四等; tức bốn Vô lượng tâm.*

Liền gióng kiền chùy họp bốn chúng
Tỳ-kheo tám vạn bốn ngàn người
Tâm đều giải thoát, đạt La-hán
Giải thoát trói buộc, là phước điền.
Ca-diếp bởi vì thương thế gian
Báo ân quá khứ, nhớ Tôn đức
Thế Tôn phú pháp, trao A-nan
Nguyện pháp lưu bố mãi ở đời.
Làm sao thuận tự, không mất mối
Kết tập Pháp bảo ba tăng-kỳ
Để sau bốn chúng được nghe pháp
Nghe rồi liền được lìa các khổ.

A-nan từ chối: "Sức không kham
Các pháp thậm thâm ngần ấy thứ
Há dám phân biệt lời Như Lai?
Phẩm đức Phật pháp, vô lượng trí.
Tôn giả Ca-diếp nay kham nhiệm
Đấng Thế Hùng đem pháp phú cho
Nay vì mọi người, Đại Ca-diếp
Từng được Như Lai chia nửa tòa.[2] *"*

Ca-diếp đáp rằng: "Tuy có vậy
Nhưng tuổi già yếu, đã quên nhiều
Sự nghiệp trí tuệ, ông giữ hết
Hãy khiến gốc pháp còn mãi đời.
Nay tôi có ba mắt thanh tịnh
Cũng có thể biết tâm trí người
Biết rõ tất cả hàng chúng sinh
Không ai hơn Tôn giả A-nan."

Từ Phạm thiên xuống đến Đế Thích
Hộ thế Tứ vương cùng chư Thiên
Di-lặc Đâu-suất cũng đến họp
Hàng ức Bồ-tát không kể hết.
Di-lặc, Phạm, Thích cùng Tứ vương

---

2. Phật nhường cho Đại Ca-diếp nửa chỗ ngồi: Xem Tạp 41 (tr. 302a2).

Thảy đều chắp tay mà bạch hỏi:
Tất cả các pháp, Phật ấn chứng:
A-nan là pháp khí của Ta.
Nếu ai không muốn pháp tồn tại
Người ấy xuyên tạc lời Như Lai.
Nguyện lưu pháp yếu, vì chúng sinh
Vượt qua nguy ách, thoát các nạn.
Thích Tôn ra đời, sống rất ngắn
Tuy nhục thể mất, Pháp thân còn
Để mong pháp yếu không đoạn tuyệt
A-nan, chớ chối từ thuyết pháp!"

Tối tôn Ca-diếp cùng Thánh chúng
Di-lặc, Phạm, Thích cùng Tứ vương
Cần thỉnh A-nan mở lời cho
Khiến lời Như Lai không diệt tận.
A-nan nhân từ, hòa bốn Đẳng[3]
Ý chuyển vi tế sư tử hống
Liếc nhìn bốn chúng, ngó hư không
Khóc thương rừng lệ không ngăn được.
Nhan sắc chợt bừng ánh sáng chói
Tỏa khắp chúng sinh như hừng đông
Di-lặc, Phạm, Thích nhìn ánh sáng
Chắp tay chờ nghe Pháp vô thượng.
Bốn bộ chúng lặng lẽ, tâm chuyên nhất
Muốn được nghe pháp, ý không loạn
Tôn trưởng Ca-diếp cùng Thánh chúng
Nhìn thẳng tôn nhan, mắt không chớp.

Rồi A-nan nói kinh vô lượng
Những gì đầy đủ, thành một tụ:
Nay tôi sẽ chia làm ba phần
Tóm thâu mười kinh thành một kệ.
Phần một Khế kinh, phần hai Luật,
Phần ba lại là A-tỳ-đàm.

---

[3] *Xem cht. 1.*

Chư Phật[4] *quá khứ đều phân ba*
Khế kinh, Luật, Pháp, làm ba tạng.
Khế kinh nay hãy phân bốn đoạn
Trước hết Tăng Nhất, hai là Trung
Ba gọi là Trường, nhiều chuỗi ngọc
Sau cùng phần bốn gọi Tạp kinh."

Tôn giả A-nan lại suy nghĩ:
"Pháp thân Như Lai không diệt mất
Còn mãi thế gian không đoạn tuyệt
Trời, người được nghe, thành đạo quả.
Hoặc có Một pháp mà nghĩa sâu
Khó trì, khó tụng, không thể nhớ
Nay tôi kết tập nghĩa Một pháp
Một, Một, nối nhau, không mất mối.
Cũng có Hai pháp, tập thành Hai
Ba pháp thành Ba, như xâu chuỗi
Bốn pháp thành Bốn, Năm cũng vậy
Năm pháp tiếp đến Sáu, Bảy pháp
Nghĩa Tám pháp rộng cho đến Chín
Mười pháp, từ Mười đến Mười một
Pháp bảo như vậy trọn không mất
Hằng ở thế gian, tồn tại lâu."

Ở giữa đại chúng tập pháp này
A-nan tức thì thăng pháp tọa
Di-lặc tán thán: "Khéo thuyết thay!
Hãy nên phối hợp nghĩa các pháp.
Lại có các pháp nên phân bộ
Lời dạy Thế Tôn, mỗi mỗi khác
Bồ-tát phát ý hướng Đại thừa
Như Lai nói riêng cho pháp này:
Có người Thế Tôn dạy sáu Độ:
Bố thí, trì giới, nhẫn, tinh tấn,
Sức thiền, trí tuệ như trăng non

---

[4] *Nguyên Hán: Tam-phật 三佛, phiên âm Skt. Pāli: Sambuddha, Phật chánh giác. Cũng có thể hiểu là ba Phật quá khứ: Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm Mâu-ni, Ca-diệp.*

Vượt qua vô cực thấy các pháp.
Có ai dũng mãnh thí đầu mắt
Thân thể máu thịt không thương tiếc
Thê thiếp, quốc thành, cùng nam nữ
Đó là Đàn độ [5] *không nên bỏ.*
Giới độ vô cực như kim cương
Không hủy, không phạm không lọt mất
Giữ tâm hộ giới như bình tách
Đó gọi Giới độ không nên bỏ.
Hoặc có người đến chặt tay chân
Không khởi sân hận, sức nhẫn mạnh
Như biển dung chứa không tăng giảm
Đó gọi là Nhẫn độ không nên bỏ.
Những ai tạo tác hành thiện ác
Cả thân, khẩu, ý không chán đủ
Các hành chướng ngại không đến đạo
Đó gọi Tấn độ không nên bỏ.
Những ai thiền tọa đếm hơi thở
Tâm ý kiên cố, không loạn niệm
Ví có động đất, thân không nghiêng
Đó gọi Thiền độ, không nên bỏ.
Dùng sức trí tuệ, đếm bụi trần
Trải triệu số kiếp không kể xiết
Số nghiệp sách ghi ý không loạn
Đó gọi Trí độ, không nên bỏ.
Các pháp thậm thâm, luận lý Không
Khó sáng, khó tỏ, không thể quán
Tương lai đời sau lòng hồ nghi
Đức Bồ-tát này không nên bỏ.”

A-nan tự trình bày ý nghĩ:
“Người ngu không tin hạnh Bồ-tát
Trừ các La-hán tín giải thoát
Mới có tín tâm không do dự.
Bốn chúng đệ tử, phát đạo ý [6]

---

5. *Đàn độ 檀度, tức Đàn ba-la-mật, hay Bố thí ba-la-mật.*
6. *Phát đạo ý: Phát Bồ-đề tâm.*

Cùng tất cả mọi loài chúng sinh
Có lòng tin vững không hồ nghi.”

Di-lặc tán thán: “Khéo thuyết thay!
Phát tâm Đại thừa, ý quảng đại
Hoặc có các pháp, đoạn kết sử
Hoặc có các pháp, thành quả đạo.”

A-nan nói rằng: “Đây thế nào?
Tôi thấy Như Lai tuyên pháp này
Có người không nghe Như Lai thuyết
Pháp này, há chẳng có hồ nghi?
Nếu tôi nói nghĩa này không đúng
Như vậy hư dối đời tương lai
Nay các kinh xưng: Nghe như vầy
Phật trú thành nào, đất nước nào?
Lần đầu nói pháp: Ba-la-nại
Độ ba Ca-diếp: Ma-kiệt-đà
Câu-tát, Ca-thi, giữa Thích tộc
Chiêm-ba, Câu-lưu, Tỳ-xá-ly
Cung Trời, cung Rồng, A-tu-luân
Cung Kiền-đạp-hòa, thành Câu-thi
Giả sử không rõ nơi nói kinh
Thì nói nguyên gốc tại Xá-vệ.
Việc một thời tôi đã nghe từ
Phật tại Xá-vệ cùng đệ tử
Tinh xá Kỳ hoàn, tu thiện nghiệp
Vườn Cấp cô độc Trưởng giả cúng.
Khi Phật ở đây, bảo Tỳ-kheo:
Nên chuyên tâm tu tập một pháp
Tư duy một pháp, không buông lung
Sao gọi một pháp? Là niệm Phật
Niệm Pháp, niệm Tăng cùng niệm Giới,
Niệm Thí, niệm Thiên, trừ loạn tưởng
An-ban hơi thở và niệm Thân,
Niệm Chết trừ loạn, tổng mười niệm.
Đó pháp mười niệm, có thêm mười
Tiếp theo, lại nói Tôn đệ tử:

Trước độ Câu-lân làm Phật tử,
Người nhỏ cuối cùng là Tu-bạt.
Dùng phương tiện nay hiểu một pháp
Hai từ hai pháp, ba từ ba
Bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười
Mười một, không pháp nào không rõ.
Từ một tăng một đến các pháp
Nghĩa nhiều, tuệ rộng không thể tận
Mỗi một Khế kinh nghĩa cũng sâu
Cho nên gọi là Tăng Nhất Hàm.
Nay tìm một pháp khó rõ ràng
Khó trì, khó hiểu, không thể tỏ
Tỳ-kheo tự nói nghiệp công đức
Nay phải tôn xưng là đệ nhất;
Giống như thợ gốm làm đồ dùng
Theo ý mà làm không nghi ngại
A-hàm Tăng nhất pháp cũng vậy
Ba thừa giáo hóa không sai khác.
Vi diệu Phật kinh rất thâm sâu,
Hay trừ kết sử như dòng chảy
Tuy nhiên, Tăng Nhất ở trên hết
Làm sạch ba nhãn trừ ba cấu.
Người nào chuyên tâm trì Tăng Nhất
Là người tổng trì tạng Như Lai
Cho dù thân này còn kết sử
Đời sau liền được trí tài cao.
Nếu ai chép viết thành kinh quyển
Hoa lọng, lụa là đem cúng dâng
Phước này vô lượng không kể xiết
Vì pháp bảo này, rất khó gặp.”

Khi nói lời này, trời đất động
Trời mưa hoa thơm ngập đến gối
Trên không chư Thiên khen: “Lành thay!
Tôn giả nói lời đều thuận nghĩa.
Khế kinh tạng một, Luật tạng hai
Kinh A-tỳ-đàm là tạng ba
Phương đẳng, Đại thừa nghĩa thâm thúy

Cùng các khế kinh là Tạp tạng
Để yên lời Phật quyết không đổi
Nhân duyên đầu cuối đều tùy thuận.”

Di-lặc, chư Thiên cũng khen tốt:
Kinh điển Thích-ca tồn tại mãi
Di-lặc đứng lên tay cầm hoa
Vui mừng đem rải lên A-nan:
“Kinh này chân thật Như Lai nói.
Cầu mong A-nan quả đạo thành.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cùng Phạm thiên dẫn các trời Phạm-ca-di đều đến hội họp.

Trời Hóa tự tại dẫn đoàn tùy tùng đều đến tụ hội. Trời Tha hóa tự tại dẫn đoàn tùy tùng đều đến tụ hội.

Đâu-suất Thiên vương dẫn chúng chư Thiên đến tụ hội.

Trời Diễm dẫn đoàn tùy tùng đều đến tụ hội.

Thích Đề-hoàn Nhân dẫn chúng chư Thiên Tam thập tam đều đến tụ hội.

Đề-đầu-lại-tra Thiên vương dẫn chúng Càn-đạp-hòa đều đến tụ hội.

Tỳ-lưu-lặc-xoa Thiên vương dẫn các Yếm quỷ đều đến tụ hội.

Tỳ-sa-môn Thiên vương dẫn chúng Duyệt-xoa, La-sát đều đến tụ hội.

Bấy giờ, Di-lặc Đại sĩ nói với các Bồ-tát:

–Các vị hãy khuyến khích các tộc tánh nam, tộc tánh nữ trong hiền kiếp phúng tụng, thọ trì Tôn pháp Tăng Nhất, giảng nói rộng rãi khiến mọi người phụng hành.

Sau khi nói những lời này, chư Thiên, loài Người, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Ma-hầu-lặc, Chân-đà-la,... đều bạch rằng:

–Hết thảy chúng tôi đều ủng hộ người thiện nam, thiện nữ mà phúng tụng, thọ trì Tôn pháp Tăng Nhất ấy giảng nói rộng rãi, trọn không bao giờ để dứt tuyệt.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bảo Ưu-đa-la:

–Nay tôi đem Tăng Nhất A-hàm này phó chúc cho ông. Hãy khéo phúng tụng, đọc thuộc, chớ để sai sót. Vì sao? Vì nếu ai khinh mạn Tôn

kinh này, sẽ đọa lạc xuống hàng phàm phu. Vì sao? Này Ưu-đa-la, Tăng Nhất A-hàm này xuất giáo nghĩa của ba mươi bảy phẩm đạo, và các pháp cũng từ đây mà phát sinh.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp hỏi A-nan:

–Thế nào, A-nan, Tăng nhất A-hàm này xuất giáo nghĩa của ba mươi bảy phẩm đạo và các pháp cũng từ đây mà phát sinh?

A-nan bạch:

–Đúng vậy, đúng vậy, Tôn giả Ca-diếp! Tăng Nhất A-hàm này xuất giáo nghĩa của ba mươi bảy phẩm đạo và các pháp cũng từ đây mà phát sinh; điều này hãy gác lại. Chỉ một bài kệ trong Tăng Nhất A-hàm cũng xuất sinh ba mươi bảy phẩm và các pháp.

Ca-diếp hỏi:

–Trong bài kệ nào mà xuất sinh ba mươi bảy phẩm và các pháp?

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền nói kệ này:

Chớ làm các điều ác.
Vâng làm các điều thiện.
Tự thanh tịnh tâm ý.
Là lời chư Phật dạy.

Sở dĩ như vậy là vì, chớ làm các điều ác, đó là gốc rễ của các pháp, từ đó xuất sinh tất cả các pháp thiện. Do sinh pháp thiện, nên tâm ý thanh tịnh. Cho nên, bạch Ca-diếp, thân, khẩu, ý hành của chư Phật Thế Tôn thường tu thanh tịnh.

Ca-diếp hỏi:

–Thế nào, A-nan, chỉ có Tăng nhất A-hàm mới xuất sinh ba mươi bảy phẩm và các pháp, hay là bốn A-hàm khác cũng xuất sinh?

A-nan đáp:

–Hãy gác lại điều đó, bạch Ca-diếp. Nghĩa của bốn A-hàm, trong bài kệ đã tóm thâu đầy đủ giáo nghĩa của chư Phật và giáo nghĩa của Thanh văn, Bích-chi-phật. Sở dĩ như vậy là vì: "Chớ làm các điều ác", đó là sự cấm chỉ đầy đủ giới, là hạnh thanh bạch. "Vâng làm các điều thiện", đó là tâm ý thanh tịnh. "Tự thanh tịnh tâm ý", là trừ tà điên đảo. "Là lời chư Phật dạy", là trừ khử tưởng mê lầm.

Thế nào, bạch Ca-diếp, giới thanh tịnh, há ý không thanh tịnh sao? Ý thanh tịnh thì không điên đảo. Vì không điên đảo nên tưởng mê hoặc bị diệt và các quả do ba mươi bảy phẩm đạo mà được thành tựu. Đạo quả đã thành tựu, há đó chẳng phải là các pháp sao?

Ca-diếp hỏi:

–Thế nào, A-nan, sao đem Tăng Nhất này mà trao cho Ưu-đa-la, chứ không trao cho Tỳ-kheo khác và tất cả ác pháp khác nữa?

A-nan đáp:

–Tăng Nhất A-hàm chính là các pháp, các pháp chính là Tăng Nhất A-hàm, chỉ là một, không có hai.

Ca-diếp hỏi:

–Vì những nguyên nhân nào mà đem Tăng Nhất A-hàm này trao cho Ưu-đa-la, chứ không trao cho Tỳ-kheo khác?

A-nan đáp:

–Bạch Ca-diếp, nên biết, chín mươi mốt kiếp trước, Tỳ-bà-thi Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, lúc ấy Tỳ-kheo Ưu-đa-la này có tên là Y-câu Ưu-đa-la. Bấy giờ, Đức Phật kia đem pháp Tăng Nhất trao cho người này, khiến phúng tụng, đọc thuộc. Từ đó cho đến ba mươi mốt kiếp về sau, tiếp theo lại có Đức Phật tên là Thức-cật Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác ra đời. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Mục-già Ưu-đa-la, được Như Lai Thức-cật lại đem pháp này trao cho, khiến phúng tụng, đọc thuộc. Rồi trong ba mươi mốt kiếp ấy, Tỳ-xá-bà Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác lại xuất hiện ở thế gian. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Long Ưu-đa-la, lại được trao cho pháp này, khiến phúng tụng, đọc thuộc.

Bạch Ca-diếp, nên biết, trong Hiền kiếp này có Câu-lưu-tôn Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa la này tên là Điện Lôi Ưu-đa-la, lại được trao cho pháp này, khiến phúng tụng, đọc thuộc. Trong hiền kiếp này, tiếp theo, lại có Phật, hiệu là Câu-na-hàm Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Thiên Ưu-đa-la. Ngài lại đem pháp này chúc lụy cho người này, khiến phúng tụng, tập đọc. Trong hiền kiếp này, tiếp theo, lại có Phật, hiệu là Ca-diếp Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Phạm Ưu-đa-la, lại được trao cho pháp này, khiến phúng tụng, đọc thuộc.

Bạch Ca-diếp, nên biết, nay Thích-ca Văn Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Tỳ-kheo này nay tên là Ưu-đa-la. Phật Thích-ca Văn tuy đã vào Bát-niết-bàn, nhưng Tỳ-kheo A-nan vẫn còn ở thế gian. Thế Tôn đã đem pháp phó chúc hết cho tôi. Nay tôi

lại đem pháp này trao lại cho Ưu-đa-la. Vì sao? Hãy xem đồ dùng, xét kỹ nguyên gốc, rồi sau mới trao pháp. Vì sao? Vì vào thời quá khứ, ở trong hiền kiếp này, Đức Câu-lưu-tôn Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Chúng Hựu, xuất hiện ở thế gian. Lúc đó có vua tên Ma-ha Đề-bà dùng pháp trị giáo hóa chưa từng bị sai lệch; tuổi thọ rất dài, đoan chánh vô song, ít có trong đời. Trong tám vạn bốn ngàn năm, thân làm đồng tử, tự mình vui chơi. Trong tám vạn bốn ngàn năm, thân làm thái tử mà trị hóa bằng pháp. Trong tám vạn bốn ngàn năm, lại trị hóa thiên hạ bằng vương pháp.

Bạch Ca-diếp, nên biết, bấy giờ Thế Tôn trú trong vườn Cam lê. Như pháp thường từ xưa, sau khi ăn xong, Ngài kinh hành ở sân trước, tôi làm thị giả. Lúc đó, Thế Tôn cười, miệng phát ra ánh sáng năm sắc. Tôi thấy vậy, liền quỳ trước Thế Tôn, bạch: "Phật không cười vô cớ. Con xin được nghe gốc gác ngọn ngành, Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác không cười vô cớ." Bấy giờ, Phật Ca-diếp bảo tôi: "Vào thời quá khứ, ở trong Hiền kiếp này, có Như Lai danh hiệu Câu-lưu-tôn, Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, cũng tại chỗ này thuyết pháp rộng rãi cho các đệ tử. Kế đến, cũng ở trong Hiền kiếp này, lại có Như Lai Câu-na-hàm, Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Bấy giờ, Đức Phật kia cũng tại chỗ này thuyết pháp rộng rãi. Tiếp đến, cũng trong Hiền kiếp này, Như Lai Ca-diếp, Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Như Lai Ca-diếp cũng tại chỗ này thuyết pháp rộng rãi."

Bạch Ca-diếp, lúc ấy tôi quỳ trước Đức Phật, bạch rằng: "Con nguyện sau này Đức Thích-ca Văn Phật cũng tại chỗ này thuyết pháp đầy đủ cho các đệ tử. Chỗ này đã là tòa Kim cang của bốn Đức Như Lai, hằng không gián đoạn."

Bạch Ca-diếp, lúc ấy Thích-ca Văn Phật ngay tại chỗ ngồi ấy bảo tôi: "Này A-nan, thuở xưa, tại chỗ này, trong hiền kiếp, có vị vua sinh ra ở đời tên là Ma-ha Đề-bà, (...) cho đến, trong tám vạn bốn ngàn năm dùng vương pháp giáo hóa, lấy đức mà huấn thị, trải qua nhiều năm. Một hôm bảo Kiếp-tỉ[7] rằng: 'Nếu khi nào thấy đầu ta có tóc bạc, hãy báo cho ta.' Bấy giờ, người kia nghe giáo lệnh của vua và phải trải qua nhiều năm mới thấy trên đầu vua có tóc bạc xuất hiện, liền quỳ trước

[7] *Kiếp-tỉ 劫比. Có lẽ là người hớt tóc (nāpita).*

vua tâu: 'Tâu Đại vương, nên biết, trên đầu đã xuất hiện tóc bạc.' Lúc ấy, vua bảo người kia: 'Lấy nhíp vàng, nhổ tóc bạc của ta, rồi đặt vào tay ta.' Người kia vâng lệnh của vua, liền cầm nhíp vàng nhổ tóc bạc. Bấy giờ, Đại vương thấy tóc bạc rồi, liền nói bài kệ này:

[552a1][8]*Hôm nay trên đầu ta*
Đã sinh tóc suy hao
Thiên sứ đã đến rồi
Nên xuất gia kịp lúc.

Hiện tại ta đã hưởng phước nhân gian rồi, phải tự nỗ lực để có đức lên trời. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y; với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa bỏ các khổ.

Bấy giờ, vua Ma-ha Đề-bà bảo thái tử thứ nhất tên là Trường Thọ: 'Nay, con biết không! Đầu ta đã sinh tóc bạc. Ý ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa bỏ các khổ. Con hãy nối ngôi ta, dùng pháp mà trị giáo hóa, chớ làm trái lại lời ta dạy mà làm việc phàm phu. Sở dĩ như vậy, là vì nếu có người nào trái lại lời ta, người đó làm việc phàm phu. Kẻ phàm phu thì ở mãi trong ba đường, tám nạn.'

Bấy giờ, vua Ma-ha Đề-bà đem ngôi vua trao cho thái tử rồi, lại đem của báu ban cho Kiếp-tỉ, rồi tại nơi khác cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa bỏ các khổ; khéo tu phạm hạnh trong tám vạn bốn ngàn năm, thực hành bốn Đẳng tâm[9] là Từ, Bi, Hỷ, Xả[10]; thân hoại mạng chung sinh lên Phạm thiên.

Bấy giờ, vua Trường Thọ nhớ những lời vua cha dạy, chưa bao giờ tạm quên, dùng pháp mà trị hóa, không để sai lệch; không đầy tuần lễ liền được làm Chuyển luân thánh vương, bảy báu đầy đủ. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, điển tạng báu, điển binh báu. Đó gọi là bảy báu. Lại có một ngàn người con trí tuệ dũng mãnh, thống lãnh bốn phương, hay trừ các khổ.

Bấy giờ, vua Trường Thọ, bằng vương pháp như trên, làm bài kệ:

Kính pháp, vâng lời Tôn
Không quên báo ân xưa

---

8. *Từ đây trở xuống (Hán tạng trang 552a1) cho đến bài kệ tiếp theo, xem phần chép thêm của để bản, cuối quyển 1.*
9. *Tứ đẳng tâm 四等心, tức Tứ vô lượng tâm.*
10. *Nguyên Hán: Hộ 護, một cách hiểu khác từ Skt. Upekṛā (Pal. Upekkā).*

Lại hay trọng ba nghiệp
Điều kẻ trí quý trọng.

Tôi, sau khi quán sát nghĩa này, đem Tăng Nhất A-hàm này trao cho Tỳ-kheo Ưu-đa-la. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều có nguyên do.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo Ưu-đa-la:

–Thầy trước đây khi làm Chuyển luân thánh vương không quên lời dạy vua cha. Nay tôi lại đem pháp này phó chúc, mong thầy không để sai sót chánh giáo, chớ tạo hạnh phàm phu. Nay thầy nên biết, nếu có ai trái mất thiện giáo của Như Lai, thì sẽ đọa vào trong hàng phàm phu. Vì sao? Vì lúc bấy giờ vua Ma-ha Đề-bà không đến được địa vị giải thoát cứu cánh, chưa giải thoát đến nơi an ổn. Tuy được phước hưởng Phạm thiên, nhưng vẫn còn chưa đến được cứu cánh thiện nghiệp của Như Lai; đến đây mới gọi là nơi cứu cánh an ổn, khoái lạc cùng cực, được trời người cung kính, tất được Niết-bàn. Vì vậy cho nên, này Ưu-đa-la, hãy phụng trì pháp này, phúng tụng, đọc, niệm chớ để cho thiếu sót.

Rồi thì, A-nan liền nói kệ:

Hãy chuyên niệm nơi pháp
Như Lai từ đây sinh.
Pháp hiện, thành Chánh giác
Đạo Bích-chi, La-hán.
Pháp hay trừ các khổ
Cũng hay thành quả chắc
Niệm pháp, tâm không rời
Hưởng báo nay, đời sau.
Nếu người muốn thành Phật
Giống như Thích-ca Văn
Thọ trì pháp ba tạng
Câu cú không loạn sai.
Ba tạng tuy khó trì,
Nghĩa lý không thể cùng
Hãy tụng bốn A-hàm
Cắt đường tắt nhân thiên.
A-hàm tuy khó tụng
Nghĩa kinh không thể tận
Chớ để mất giới luật
Đây là báu Như Lai.

Cấm luật cũng khó trì
A-hàm cũng như vậy
Giỏi trì A-tỳ-đàm
Hàng phục thuật ngoại đạo.
Tuyên dương A-tỳ-đàm
Nghĩa ấy cũng khó trì
Hãy tụng ba A-hàm
Không mất câu cú kinh.
Khế kinh, A-tỳ-đàm
Giới luật, truyền khắp đời
Trời người được phụng hành
Liền sinh nơi an ổn.
Ví không pháp Khế kinh
Cũng lại không giới luật
Như mù vào trong tối
Bao giờ mới thấy sáng?
Vì vậy phó chúc Thầy
Cùng với bốn bộ chúng
Hãy trì, chớ khinh mạn
Trước Phật Thích-ca Văn.

Khi Tôn giả A-nan nói những lời này, trời đất sáu lần rung động. Chư Thiên tôn thần ở giữa hư không, tay cầm hoa trời rải lên người Tôn giả A-nan cùng chúng bốn bộ. Tất cả Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... đều hoan hỷ và tán thán:

–Lành thay, lành thay, Tôn giả A-nan. Những lời nói mà khoảng trên, khoảng giữa và khoảng dưới, không có điều nào là không khéo léo. Hãy cung kính Pháp, thật đúng như lời. Chư Thiên và người đời không ai không từ Pháp mà thành tựu. Nếu ai làm ác sẽ đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan, ở giữa bốn bộ chúng, cất tiếng rống của sư tử, khuyên tất cả mọi người phụng hành pháp này.

Bấy giờ, ngay tại chỗ, ba vạn trời, người được mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, bốn Bộ chúng, chư Thiên, người đời, nghe Tôn giả thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Đoạn chép phụ cuối quyển 1 trong để bản, gồm 299 chữ. So sánh đoạn văn [552a1] ở trên.

Hôm nay trên đầu ta
Đã sinh tóc suy hao.
Thiên sứ đã đến rồi.
Nên xuất gia kịp lúc.

Hiện tại ta đã hưởng phước nhân gian rồi, phải tự nỗ lực để có đức lên trời. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y; với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa bỏ các khổ.

Bấy giờ, vua *Trường Thọ* bảo thái tử thứ nhất tên là *Thiện Quán*: "Nay, con biết không! Đầu ta đã sinh tóc bạc. Ý ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa bỏ các khổ. Con hãy nối ngôi ta, dùng pháp mà trị giáo hóa, chớ làm trái lại lời ta dạy mà làm việc phàm phu. Sở dĩ như vậy, là vì nếu có người nào trái lại lời ta, người đó làm việc phàm phu. Kẻ phàm phu thì ở mãi trong ba đường, tám nạn."

Bấy giờ, vua Ma-ha Đề-bà đem ngôi vua trao cho thái tử rồi, lại đem của báu ban cho Kiếp-tỉ, rồi tại nơi khác cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa bỏ các khổ; khéo tu phạm hạnh trong tám vạn bốn ngàn năm, thực hành bốn Đẳng tâm là Từ, Bi, Hỷ, Xả; thân hoại mạng chung sinh lên Phạm thiên.

Bấy giờ, vua *Thiện Quán* nhớ những lời vua cha dạy, chưa bao giờ tạm quên, dùng pháp mà trị hóa, không để sai lệch. Bạch Ca-diếp, ngài biết không, Ma-ha-đề-bà bấy giờ há là ai khác chăng? Chớ có quan sát như vậy. Vua bấy giờ là Đức Thích-ca Văn nay vậy. Trường Thọ vương khi đó bấy giờ là thân A-nan vậy. Thiện Quán khi ấy, nay là Tỳ-kheo Ưu-đa-la vậy, Trường Thọ vương pháp chưa từng bỏ quên, cũng không để bị cắt đứt. Bấy giờ, vua Thiện Quán lại tuân hành sắc chỉ của vua cha, bằng pháp mà trị hóa, không làm đứt vương giáo. Sở dĩ như vậy, vì khó có thể làm trái giáo huấn của vua cha.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bèn nói kệ:

-oOo-

Phẩm 2: THẬP NIỆM[11]

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Phật[12]. Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn.

Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Pháp[13]. Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn.

Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

---

11. Pāli tương đương, A. I.16 Ekadhamma*. Cf. Quang Tán Bát-nhã 7, T8n222, tr.195a12.*

12. Pāli: Buddhānussati*.*

13. Pāli: Dhammānussati.

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Chúng[14]. Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn.

Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Giới[15]. Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn.

Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

14. *Pāli: Saṅghānussati.*

15. *Pāli:* Sīlānussati.

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Thí[16]. Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn.

Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Thiên[17]. Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn.

Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Hưu tức[18]. Hãy khéo

---

16. *Pāli:* Cāgānussati.
17. *Pāli: D*evānussati.
18. *Pāli: Upasamānussati, niệm tịch tĩnh (của Niết-bàn).*

tu hành. Hãy quảng bá. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn.

Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm An-ban[19]. Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn.

Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Thân vô thường[20]. Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn.

Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một

---

19. Pāli: Anāpānasati, niệm hơi thở ra vào.

20. Pāli: Kāyagatāsati, niệm thân hành.

pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm sự chết[21]. Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các ông sẽ được thần thông, bỏ các loạn tưởng, nhanh chóng được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn.

Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Niệm Phật, Pháp, Thánh chúng
Niệm Giới, Thí và Thiên
Niệm Hưu tức, An-ban
Niệm Thân, Chết cuối cùng.

❑

[21] *Pāli: Marasiassati.*

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 2

Phẩm 3: QUẢNG DIỄN

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Phật.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là tu hành niệm Phật, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông.

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

–Nếu có Tỳ-kheo nào chánh thân, chánh ý, ngồi bắt tréo chân, cột niệm ở trước, chuyên tinh niệm Phật, không có niệm tưởng nào khác. Quán hình của Như Lai, mắt không hề rời. Trong khi mắt không rời, niệm tưởng công đức Như Lai.

Thể của Như Lai được thành tựu từ kim cương, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, dũng mãnh giữa đại chúng. Gương mặt của Như Lai đoan chánh vô song, nhìn không chán mắt. Giới đức thành tựu giống như kim cương không thể phá hoại, trong sạch không tỳ vết cũng như lưu ly. Tam-muội của Như Lai chưa từng sút giảm, đã tĩnh chỉ, vĩnh viễn tịch tĩnh, không có niệm khác. Các thứ tình kiêu mạn, ngang bướng đã vắng im[1], ý tham dục, tưởng sân hận, tâm ngu hoặc, mạn kết[2] do dự, tất đều tận trừ. Tuệ thân của Như Lai, trí không bờ đáy, không bị chướng ngại. Thân Như Lai, được thành tựu từ giải thoát, các cõi đã hết, không còn sinh phần để nói "Ta sẽ đọa nơi sinh tử". Thân Như Lai được vượt qua thành trì của tri kiến, biết căn cơ người khác đáng được độ hay không đáng được độ, chết đây sinh kia, xoay vần qua lại trong ngằn mé sinh tử, có người giải thoát, người không giải thoát; Như Lai thảy đều biết tất cả.

Đó là tu hành niệm Phật, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Phật, liền sẽ được những thứ công đức thiện này.

Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Pháp.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

---

[1] · Để bản: Đãm phạ 憺怕. Nên đọc là đạm bạc 憺.

[2] Để bản: Võng kết 網結. TNM: Mạn kết. Pāli: Māna-saṃyojana.

–Thế nào là tu hành niệm Pháp, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông.

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

–Nếu có Tỳ-kheo nào chánh thân, chánh ý, ngồi bắt tréo chân, cột niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Pháp, trừ các dục ái, không còn trần lao, tâm khát ái vĩnh viễn không nổi lên nữa.

Phàm Chánh pháp là ở nơi dục mà đạt đến vô dục, lìa các kết phược và các bệnh của triền cái. Pháp này giống như mùi các loại hương, không có tỳ vết của niệm loạn tưởng.

Đó gọi là Tỳ-kheo tu hành niệm Pháp, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Pháp, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một

pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Là niệm Tăng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là tu hành niệm Tăng, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Gốc rễ của pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông.

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

–Nếu có Tỳ-kheo nào chánh thân, chánh ý, ngồi bắt tréo chân, cột niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Tăng. Thánh chúng của Như Lai thành tựu từ nghiệp lành, chất trực, thuận nghĩa, không có nghiệp tà, trên dưới hòa mục, pháp pháp thành tựu[3]. Thánh chúng của Như Lai thành tựu giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu tri kiến giải thoát. Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi, tám hạng. Đó là Thánh chúng của Như Lai, xứng đáng được tùy thuận cung kính, thừa sự, lễ bái. Sở dĩ vậy là vì đó là ruộng phước của thế gian. Ở trong chúng này đều cũng là pháp khí, cũng vì tự độ lại độ người khác đến đạo ba thừa. Nghiệp như vậy gọi là Thánh chúng.

Đó là nói, này các Tỳ-kheo, nếu ai niệm Tăng, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Tăng, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các

---

3. Pháp pháp thành tựu 法法成就, nên hiểu là pháp tùy pháp hành (Pāli: Dhammānudhamma-paṭipanna), thực hành theo thuận thứ của pháp.

Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Giới.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là tu hành niệm Giới, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Gốc rễ của pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông.

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

–Nếu có Tỳ-kheo nào chánh thân, chánh ý, ngồi bắt tréo chân, cột niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Giới. Giới có nghĩa là dừng các điều ác. Giới hay thành đạo, khiến người hoan hỷ. Giới là anh lạc đeo thân, hiện những vẻ đẹp.

Phàm cấm giới, giống như bình cát tường, mọi sở nguyện liền đạt được. Mọi pháp đạo phẩm đều do giới mà thành tựu.

Như vậy, Tỳ-kheo thực hành cấm giới sẽ thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần

thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Giới, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Thí.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là tu hành niệm Thí, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Những gì Như Lai đã nói về nguồn gốc các pháp, nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo, nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông.

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

–Nếu có Tỳ-kheo nào chánh thân, chánh ý, ngồi bắt tréo chân, cột niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Thí. Những gì tôi bố thí hôm nay, là tối thượng trong các sự thí, vĩnh viễn không có tâm hối hận, không mong đền đáp để mong được thiện lợi. Nếu người nào mắng tôi, tôi quyết không mắng trả. Dù người hại tôi,

dùng tay đánh, đao trượng đập, gạch đá ném, tôi cũng sẽ khởi lòng Từ, không nổi sân hận. Những gì tôi bố thí, ý muốn cho sẽ không dứt tuyệt.

Đó gọi là, này Tỳ-kheo, đại thí, sẽ thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Thí, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, thì liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Thiên.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là tu hành niệm Thiên, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Gốc rễ của pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông.

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

–Nếu có Tỳ-kheo nào chánh thân, chánh ý, ngồi bắt tréo chân, cột niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Thiên.

Thân, miệng, ý trong sạch, không tạo hạnh nhơ; thực hành giới thành tựu thân. Thân phóng ánh sáng tỏa khắp mọi nơi, thành tựu thân trời kia. Quả báo lành thành tựu thân trời kia. Các hành đầy đủ mới thành thân trời.

Như vậy, các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm Thiên, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Thiên, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Hưu tức.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là tu hành niệm Hưu tức, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Gốc rễ của pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông.

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

–Nếu có Tỳ-kheo nào chánh thân, chánh ý, ngồi bắt tréo chân, cột niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Hưu tức. Hưu tức là tâm ý tưởng lắng đọng, chí tánh an nhàn, mà không nóng nảy; tâm hằng chuyên nhất, thích nơi vắng vẻ, thường tìm phương tiện nhạp định Tam-muội, thường niệm tưởng không ham tranh thắng, dành chỗ trước trên.[4]

Như vậy, này các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm Hưu tức, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Hưu tức, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm An-ban.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là tu hành niệm hơi thở ra vào, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến

---

[4]. Cf. Pāli, A. ii. 34, dẫn bởi Visuddhimagga: "Yāvatā, bhikkhave, dhammā saṅkhatā và asaṅkhatā và, virāgo tesaṃ aggamakkhāyati, yadidaṃ madanimmadano pipāsavinayo ālayasamugghāto vaṭṭupacchedo taṇhākkhayo virāgo nirodho nibbānaṃ, "Này các Tỳ-kheo, trong các pháp, hữu vi hay vô vi, ly dục được nói là tối thượng; đó là sự diệt trừ kiêu mạn, chế ngự khát dục, trừ khử chấp tàng, đoạn tuyệt lưu chuyển, ái tận, ly dục, Niết-bàn.

Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Gốc rễ của pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông.

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

–Nếu có Tỳ-kheo nào chánh thân, chánh ý, ngồi bắt tréo chân kiết già, cột niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm An-ban. Nói An-ban, tức là khi hơi thở dài, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang dài; nếu hơi thở lại ngắn, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang ngắn; nếu hơi thở rất lạnh, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang lạnh; nếu hơi thở lại nóng, hãy quán biết hơi thở ta hiện đang nóng. Quán khắp thân thể từ đầu đến chân, tất cả đều nên quán biết. Nếu hơi thở lại có dài ngắn, cũng hãy quán hơi thở có dài ngắn. Đem tâm đặt nơi thân, biết hơi thở dài ngắn, tất cả đều biết rõ, cho đến khi hơi thở ra vào được phân biệt hiểu rõ ràng. Nếu tâm đặt nơi thân, biết hơi thở dài ngắn, cũng lại biết rõ, đếm hơi thở dài ngắn cũng phân biệt hiểu rõ ràng.

Như vậy, các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm An-ban, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm An-ban, liền sẽ được những thứ công đức thiện này.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Thân.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là tu hành niệm thân, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Gốc rễ của pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông.

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

–Nếu có Tỳ-kheo nào chánh thân, chánh ý, ngồi bắt tréo chân, cột niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm thân. Niệm thân là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, mật, gan, phổi, tim, lá lách, thân, ruột già, ruột non, bạch chức[5], bàng quang, phẩn, tiểu, dạ dày[6], thương đãng[7], dịch vị[8], nước mắt, đờm dãi, mủ, máu, mỡ, nước miếng, đầu lâu, não[9]. Cái nào là thân? Đó là đại chủng đất? Đó là đại chủng nước? Đó là đại chủng lửa? Đó là đại chủng gió? Được tạo ra bởi giống của cha, giống của mẹ chăng? Nó từ đâu đến? Do ai tạo ra? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, chết ở đây sẽ sinh về nơi nào?

Như vậy, các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm Thân, liền được thành tựu

---

5. Bạch chức 白膱 Khang Hy: "Thịt khô (脯phủ) dài một thước hai tấc gọi là chức." Có lẽ đây nên đọc là bạch mô 白膜. Nhưng cũng không biết chỉ thứ gì.

6. Hán: Bách diệp 百葉, nguyên chỉ dạ dày của bò dê.

7. Thương đãng 滄蕩.

8. Nguyên bản: Tì bào 脾泡, bong bóng hay bọt nơi lá lách (?).

9. Đại thể, gồm ba mươi sáu vật trong thân, cf. Tạp 43, T2n99, tr. 311a28; Đại Bát-nhã 53, T5n220, tr. 298b26. Cf. Pāli, M.iii. 90.

đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm thân, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Sự chết (Tử).

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là tu hành niệm Sự chết, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Gốc rễ của pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ông.

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

–Nếu có Tỳ-kheo nào chánh thân, chánh ý, ngồi bắt tréo chân, cột niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Sự chết. Chết là mất ở đây, sinh bên kia; qua lại các đường, sinh mạng trôi đi

không dừng, các căn tan hoại, như khúc gỗ mục nát; mạng căn đoạn tuyệt, dòng họ chia lìa, không hình không tiếng, cũng không tướng mạo.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm Sự chết, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Sự chết, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Phật, Pháp, cùng Thánh chúng
Cuối cùng niệm Sự chết
Dù cùng trên đồng tên
Nhưng nghĩa chúng mỗi khác.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 3

Phẩm 4: ĐỆ TỬ[1]

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, người có lòng nhân rộng rãi, hiểu biết rộng, hay khéo khuyến hóa, nuôi dưỡng Thánh chúng không mất oai nghi, đó là Tỳ-kheo A-nhã-câu-lân[2].

Nhận pháp vị đầu tiên, tư duy về bốn Đế cũng là Tỳ-kheo A-nhã-câu-lân.

Hay khéo khuyến bảo hướng dẫn tạo phước và độ mọi người, chính là Tỳ-kheo Ưu-đà-di[3].

Trong hàng mau thành tựu thần thông, nửa chừng không hối tiếc, đó chính là Tỳ-kheo Ma-ha-nam[4].

Thường bay giữa hư không, chân không đạp đất, chính là Tỳ-kheo Thiện Trửu.

Gặp dịp thì giáo hóa, ý không cầu vinh, đó chính là Tỳ-kheo Bà-phá[5].

Sống vui trên trời, không ở trong loài người, chính là Tỳ-kheo Ngưu Tích[6].

Hằng quán tưởng bất tịnh ghê tởm, đó chính là Tỳ-kheo Thiện Thắng.

---

1. *Tham chiếu Pāli, A. 1. 14. Etadaggavaggo.*
2. *Pāli: Aññà Koṇḍaññña.*
3. *Pāli: Udāyī.*
4. *Pāli: Mahānāma.*
5. *Pāli: Vappa.*
6. *Pāli: Gavampati.*

Nuôi dưỡng Thánh chúng, bốn sự cúng dường, chính là Tỳ-kheo Ưu-lưu-tỳ Ca-diếp[7].

Tâm ý lặng lẽ, hàng phục các kết, chính là Tỳ-kheo Giang Ca-diếp[8].

Quán rõ các pháp, không bị đắm trước, chính là Tỳ-kheo Tượng Ca-diếp[9].

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Câu-lân, Đà-di, Nam
Thiện Trửu, Bà thứ năm
Ngưu Tích cùng Thiện Thắng
Ba anh em Ca-diếp.

-oOo-

Kinh số 2

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của ta có oai nghi đoan chánh, bước đi khoan thai, chính là Tỳ-kheo Mã Sư[10].

Trí tuệ không cùng, giải tỏ các nghi, chính là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất[11].

Thần túc nhẹ bay đến tận mười phương, chính là Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên[12].

Dũng mãnh tinh tấn, cam chịu khổ hành, chính là Tỳ-kheo Nhị Thập Ức Nhĩ[13].

Thực hành mười hai hạnh Đầu-đà khó hành được, chính là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp[14].

---

7. *Pāli: Uruvela-Kassapa.*
8. *Pāli: Nadī-Kassapa.*
9. *Pāli: Gayā-Kassapa.*
10. *Pāli: Assajit.*
11. *Pāli: Sāriputta.*
12. *Pāli: Mahā-Moggallāna.*
13. *Pāli: Soṇakolivīsa.*
14. *Pāli: Mahā-Kassapa.*

Đệ nhất Thiên nhãn, thấy tận cõi mười phương, chính là Tỳ-kheo A-na-luật[15].

Ngồi thiền nhập định, tâm không tán loạn, chính là Tỳ-kheo Ly-viết[16].

Thường khuyên mọi người làm gương bố thí, thiết lập trai giảng[17], chính là Tỳ-kheo Đà-la-bà-ma-la[18].

Tạo lập phòng ốc, nhà cửa cho Tăng mười phương, chính là Tỳ-kheo Tiểu Đà-la-bà-ma-la[19].

Dòng họ tôn quý xuất gia học đạo, chính là Tỳ-kheo La-tra-bà-la[20].

Khéo phân biệt nghĩa, phô diễn đạo giáo, chính là Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên[21].

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Ca-chiên-diên.
Mã Sư, Xá-lợi-phất,
Câu-luật, Nhĩ, Ca-diếp;
A-na-luật, Ly-viết,
Ma-la, Tra, Chiên-diên.

-oOo-

Kinh số 3

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta xứng đáng nhận thẻ[22], không trái phép cấm, chính là Tỳ-kheo Quân-đầu-bà-mạc[23].

---

15. *Pāli: Anuruddha.*

16. *Pāli: Revata.*

17. *So sánh Pāli:* Senāsanapaññapakānaṃ*, người phân phối chỗ nằm cho Tăng. Xem Tứ Phần 1 (T22n1428, tr. 587a25tt).*

18. *Pāli: Dabba-Mallaputta.*

19. *Xem cht. 18 trên.*

20. *Pāli: Raṭṭhapāla. Nhưng A.1. 24 nói, quý tộc xuất gia (*uccākulikānaṃ*) là Bhaddhiya Kāligodhāyaputta. Còn Raṭṭhapāla là đệ nhất trong những Tỳ-kheo xuất gia bởi tín tâm kiên định (*saddhāpabbajitānaṃ yadidam raṭṭhapālo*).*

21. *Pāli: Mahā-Kaccāna.*

22. *Hán: Thọ trù 籌 (Pāli: Salāka), đây chỉ thẻ chia phần ăn cho các Tỳ-kheo.*

23. *Pāli: Kuṇḍadhāna. AA. i. 146 giải thích: Kuṇḍadhāna là người nhận thẻ số một trong buổi cúng dường của Mahā-Subhaddā, con gái trưởng của ông Cấp cô độc, trong ngày cưới chồng.*

Hàng phục ngoại đạo, thực hành chánh pháp, chính là Tỳ-kheo Tân-đầu-lô[24].

Chăm sóc bệnh tật, cung cấp thuốc thang, chính là Tỳ-kheo Sấm[25]. Bốn sự cúng dường, y phục đồ ăn thức uống, cũng là Tỳ-kheo Sấm*.

Hay làm kệ tụng, tán thán đức của Như Lai, chính là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xá[26]. Lời lẽ biện luận rõ ràng trôi chảy, cũng là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xá.

Được bốn biện tài, trả lời khi bị vấn nạn, chính là Tỳ-kheo Ma-ha Câu-hy-la[27].

Sống nơi vắng vẻ thanh tịnh, không thích gần gũi con người, chính là Tỳ-kheo Kiên Lao.

Khất thực nhẫn nại, không tránh nóng lạnh, chính là Tỳ-kheo Nan-đề[28].

Tĩnh tọa một nơi, chuyên tâm nhớ đạo, chính là Tỳ-kheo Kim-tỳ-la[29].

Ngồi một lần ăn một bữa[30], không đứng lên di chuyển chỗ, chính là Tỳ-kheo Thi-la.

Giữ gìn ba y, không rời khi ăn nghỉ, chính là Tỳ-kheo Phù-di.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Quân-đầu, Tân-đầu-lô,
Thức, Bằng, Câu-hy-la;
Kiên Lao, cùng Nan-đề,
Kim-tỳ, Thi-la, Di.

-oOo-

Kinh số 4

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta về tọa thiền dưới

---

24. Pāli: Piṇḍola-Bhāradvāja. A.i. 24: Đệ nhất sư tử hống (sìhanādiknaṃ).

25. Sấm 讖; để bản: Thức 識. Có là Pāli, Khema, được nói đến trong S.iii. 126.

26. Pāli: Vaṅgīsa.

27. Mahā-Koṭṭhita.

28. Pāli: Nandiya.

29. Pāli: Kimbila.

30. Chỉ hành Đầu-đà nhất tọa thực. Pāli: Ekāsanika.

bóng cây, ý không di chuyển, chính là Tỳ-kheo Hồ nghi Ly-viết[31].

Khổ thân ngồi giữa trời, không tránh nắng mưa, chính là Tỳ-kheo Bà-tha.

Vui một mình nơi vắng vẻ, chuyên tâm tư duy, chính là Tỳ-kheo Đà-tô.

Khoác y năm mảnh[32], không mặc đồ tốt đẹp, chính là Tỳ-kheo Ni-bà.

Thường thích nơi gò mả, không ở nơi gần người, chính là Tỳ-kheo Ưu-đa-la.

Thường ngồi nệm cỏ, ban ngày làm phước độ người, chính là Tỳ-kheo Lô-hê-ninh.

Không nói chuyện với người, nhìn xuống đất mà đi, chính là Tỳ-kheo Ưu-kiềm-ma-ni-giang.

Ngồi dậy, bước đi thường ở trong Tam-muội, chính là Tỳ-kheo San-đề[33].

Thích du hành nước xa, dạy dỗ mọi người, chính là Tỳ-kheo Đàm-ma-lưu-chi.

Ưa họp Thánh chúng, bàn luận pháp vị, chính là Tỳ-kheo Ca-lệ.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Hồ nghi, Bà-tha, Ly,
Đà-tô, Bà, Ưu-đa;
Lô-hê, Ưu-ca-ma,
Tức, Đàm-ma-lưu, Lệ.

-oOo-

Kinh số 5

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta có thọ mạng lâu dài, quyết không chết yểu, chính là Tỳ-kheo Bà-câu-la[34].

---

31. Pāli: Kaṅkhā-Revata.

32. Ngũ nạp y 五納衣; xem Tứ Phần 41, T22n1428, tr. 864a6. Đây chỉ hạnh Đầu-đà trì y phấn tảo. Pāli: Pāṃsukūlika.

33. San-đề 刪提; bản Tống: Na-đề 那提. Trong kệ tóm tắt, gọi là Tức 息, cho thấy Pāli: Sānti. Nhưng chưa tìm thấy đâu trong tư liệu Pāli nào.

34. Pāli: Bakkula.

Thường thích chỗ nhàn cư, không thích ở giữa đám đông, cũng chính là Tỳ-kheo Bà-câu-la.

Hay nói pháp rộng rãi, phân biệt nghĩa lý, chính là Tỳ-kheo Mãn Nguyện Tử[35].

Vâng giữ giới luật, không điều xúc phạm, chính là Tỳ-kheo Ưu-ba-ly[36].

Được tín giải thoát, ý không do dự, chính là Tỳ-kheo Bà-ca-lợi[37].

Thân thể to lớn, đẹp đẽ khác hẳn thế gian, chính là Tỳ-kheo Nan-đà[38].

Các căn tịch tĩnh, tâm không biến dịch, cũng chính là Tỳ-kheo Nan-đà.

Biện tài nhạy bén, giải thông nghi trệ cho người, chính là Tỳ-kheo Bà-đà.

Hay nói rộng nghĩa lý, không có trái nghịch, chính là Tỳ-kheo Tư-ni.

Thích mặc áo tốt, hành vốn thanh tịnh, chính là Tỳ-kheo Thiên Tu-bồ-đề.

Thường thích dạy dỗ những kẻ hậu học, chính là Tỳ-kheo Nan-đà-ca[39].

Khéo dạy cấm giới cho Tỳ-kheo-ni, chính là Tỳ-kheo Tu-ma-na.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Bà-câu, Mãn, Ba-ly,
Bà-ca-lợi, Nan-đà,
Đà, Ni, Tu-bồ-đề,
Nan-đà, Tu-ma-na.

-oOo-

Kinh số 6

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta có công đức tràn

---

35. *Pāli: Puṇṇa Mantāniputta.*
36. *Pāli: Upāli.*
37. *Pāli: Vakkalī.*
38. *Pāli: Nanda.*
39. *Pāli: Nandaka. A.i. 25: Đệ nhất giáo thọ Tỳ-kheo-ni (bhikkunovādakānaṃ) là Nandaka.*

đầy, nhu yếu không thiếu, chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la[40].

Đầy đủ các hành pháp đạo phẩm, chính là Tỳ-kheo Ưu-ba-tiên Ca-lan-đà Tư.[41].

Mọi điều nói ra đều vui hòa, không làm thương tổn ý người, chính là Tỳ-kheo Bà-đà-tiên.

Tu tập An-ban, tư duy bất tịnh ghê tởm, chính là Tỳ-kheo Ma-ha Ca-diên-na.

Chấp ngã vô thường, tâm không có tưởng, chính là Tỳ-kheo Ưu-đầu-bàn.

Hay luận bàn về mọi thứ, làm vui tâm thức, chính là Tỳ-kheo Câu-ma-la Ca-diếp[42].

Mặc áo xấu tệ, mà không gì hổ thẹn, chính là Tỳ-kheo Diện Vương[43].

Không hủy phạm cấm giới, đọc tụng không lười, chính là Tỳ-kheo La-vân[44].

Dùng sức thần túc, hay tự ẩn mình, chính là Tỳ-kheo Bàn-đặc[45].

Hay thay hình đổi dạng, tạo mọi thứ biến hóa, chính là Tỳ-kheo Châu-lợi Bàn-đặc[46].

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Thi-bà, Ưu-ba-tiên,
Bà-đà, Ca-diên-na,
Ưu-đầu, Vương, Ca-diếp,
La-vân, hai Bàn-đặc.

-oOo-

---

40. Pāli, A.1. 24: Sīvala, lợi đắc đệ nhất (lābhīnaṃ).

41. Có lẽ Pāli, Upasena Vaṅgantaputta, em trai ngài Xá-lợi-phất, hành giả Đầu-đà. A.i. 24 nói, Upasena này là đệ nhất trong các Tỳ-kheo oai nghiêm (samantapāsādikānaṃ).

42. A.i. 24: Đệ nhất có lời nói làm đẹp lòng người (cittakathikānaṃ) là Kumārakassapa.

43. Tham chiếu, A.i.25: Thọ trì y phục thô xấu (lūkhacīvaradhārānaṃ) là Mogharājāti.

44. A.i. 24: Rāhula, đệ nhất siêng học (sikkhākāmānaṃ).

45. Để bản: Ban-thố 般兔. TNM: Bàn-đặc 槃特. Tham chiếu, A.i. 24: Mahā-Panthaka, thiện xả hồi chuyển các tưởng (saññivaṭṭakusalānaṃ).

46. Pāli: Cūḷa-Panthaka, A.i.24: Đệ nhất biến hóa ý thành thân (manomayaṃ kāyaṃ abhinimmiantānaṃ).

Kinh số 7

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta thuộc hào tộc phú quý, thiên tánh nhu hòa, chính là Tỳ-kheo Thích Vương[47].

Khất thực không chán đủ, giáo hóa không cùng, chính là Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la.

Khí lực cường thạnh, không gì sợ khó, cũng là Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la.

Âm thanh trong suốt vang đến Phạm thiên, chính là Tỳ-kheo La-bà-na-bà-đề[48].

Thân thể thơm tinh khiết tỏa ra bốn phía, chính là Tỳ-kheo Ương-ca-xà.

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, biết thời, rõ vật, chỗ đến không nghi, chỗ nhớ không quên, nghe nhiều xa rộng, khả năng phụng sự bậc trên, chính là Tỳ-kheo A-nan.

Phục sức trang nghiêm, nhìn bóng bước đi, chính là Tỳ-kheo Ca-trì-lợi.

Các vua kính hầu, quần thần cung kính, chính là Tỳ-kheo Nguyệt Quang.

Trời, người phụng sự, sáng nào cũng hầu thăm, chính là Tỳ-kheo Thâu-đề.

Đã bỏ hình người, tướng mạo giống trời, cũng là Tỳ-kheo Thâu-đề.

Bậc Thầy hướng dẫn chư Thiên, chỉ trao chánh pháp, chính là Tỳ-kheo Thiên.

Tự nhớ mọi việc vô số kiếp đời trước, chính là Tỳ-kheo Quả Y[49].

-oOo-

---

47. Có lẽ chỉ Pāli Baddhiya Kāligodhāputta, nguyên là ông hoàng họ Thích. Xem cht. kinh số 2, phẩm 4 trên.

48. Tham chiếu, A.i.23: Đệ nhất có âm thanh dịu dàng (mañjussaràư) là Lakuṇḍka Bhaddiya.

49. Có lẽ Pāli: Bāhiya-Dāricìriya āhiya, người lấy vỏ cây làm áo). Nhưng, A.i. 24 nói ngài là đệ nhất thần thông nhanh chóng (khipPābhiññānaṃ), trong khi đó, đệ nhất nhớ nhiều đời trước (pubbenivāsaṃ anussarantānaṃ) là Sobhita.

Kệ tóm tắt:

Thích Vương, Bà-đề-ba
La-bà, Ương-ca-xà
A-nan, Ca, Nguyệt Quang
Thâu-đề, Thiên, Bà-ê.

-oOo-

Kinh số 8

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của ta có thể tánh lợi căn, trí tuệ sâu xa, chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma[50].

Thường hàng tà nghiệp của phục ma, ngoại đạo, chính là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma.

Nhập thủy Tam-muội không lấy làm khó, chính là Tỳ-kheo Chất-đa Xá-lợi-phất.

Những hiểu biết rộng rãi, là được mọi người kính nhớ, cũng là Tỳ-kheo Chất-đa Xá-lợi-phất.

Nhập hỏa Tam-muội chiếu khắp mười phương, chính là Tỳ-kheo Thiện Lai[51].

Hay hàng phục rồng khiến phụng sự Tam bao, chính là Tỳ-kheo Na-la-đà[52].

Hàng phục Quỷ thần cải ác tu thiện, chính là Tỳ-kheo Quỷ-đà[53].

Hàng phục Càn-đạp-hòa khiến cần thực hành hạnh lành, chính là Tỳ-kheo Tỳ-lô-giá.

Thường vui với định Không, phân biệt nghĩa không, chính là Tỳ-kheo Tu-bồ-đề.

Chí ở nơi không vắng, nghiệp đức vi diệu, cũng là Tỳ-kheo Tu-bồ-đề[54].

Thực hành định vô tưởng, trừ bỏ các niệm, chính là Tỳ-kheo Kỳ-

---

50. Pāli: Aṅgulimāla.

51. Pāli, A.i. 25: Đệ nhất thiện xảo với hỏa giới Tam-muội là Sāgata (tejodhātukusalānaṃ yadidaṃ sāgato). Bản Hán đọc là Sugāta.

52. Có thể đồng nhất với Trưởng lão Nārada của Pāli, được kể trong các sớ giải của Petavatthu (Ngạ quỷ sự) và Vimāvatthu (Thiên cung sự).

53. Có thể đồng nhất với Trưởng lão Bhūta của Pāli, người mà tất cả các anh chị đều bị một con quỷ Dạ-xoa ăn thịt.

54. A.i. 24: Đệ nhất lâm trụ (a-lan-nhã hạnh hay vô tránh hạnh), và đệ nhất ứng cúng, là Tu-bồ-đề (araíavihārinām, dakkhiịeyyaṃ, Subhūti).

lợi-ma-nan [55].

Nhập định vô nguyện, ý không tán loạn, chính là Tỳ-kheo Diệm Thạnh.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Ương-quật, Tăng-ca-ma
Chất-đa, Bà[56]*, Na-la*
Duyệt-xoa[57]*, Phù-lô-giá*
Thiện nghiệp cùng Ma-nan.

-oOo-

Kinh số 9

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta nhập Từ Tam-muội, tâm không phẫn nộ, chính là Tỳ-kheo Phạm-ma-đạt[58].

Nhập Bi Tam-muội, thành tựu bản nghiệp, chính là Tỳ-kheo Tu-thâm[59].

Được đức của thiện hành[60], không có các thứ tưởng, chính là Tỳ-kheo Sa-di-đà.

Thường giữ gìn tâm, ý không lìa bỏ, chính là Tỳ-kheo Dược-ba-ca.

Hành Diệm thạnh Tam-muội, trọn không giải đãi, chính là Tỳ-kheo Đàm-di.

Ngôn ngữ thô lỗ, không kể bậc tôn quý, chính là Tỳ-kheo Tỷ-lợi-đà-bà-giá.

Nhập Kim quang Tam-muội, cũng là Tỳ-kheo Tỷ-lợi-đà-bà-giá.

Nhập Kim cang Tam-muội, không thể bị phá hoại, chính là Tỳ-kheo Vô Úy.

Những gì nói ra dứt khoát rõ ràng, trong lòng không khiếp nhược,

---

55. Đồng nhất với Girimānanda của Pāli.

56. Để bản: Bà 婆. TNM: Thiện 善 (lai).

57. Âm khác của Dạ-xoa (Pāli: Yakkha, Skt. Yakwa), liên hệ đến Quỷ-đà, xem cht. 53 trên.

58. Có thể đồng nhất với Trưởng lão Brahmadatta của Pāli.

59. Pāli: Susīma, nguyên là xuất gia ngoại đạo, được đề cập nhiều chỗ trong Tương ưng bộ.

60. Để bản: Hỷ hành 喜行. TNM: Thiện hành 善行.

chính là Tỳ-kheo Tu-nê-đa.

Thường thích nơi tịch tĩnh, ý không thường loạn, chính là Tỳ-kheo Đà-ma.

Nghĩa thì không ai thắng, không hề bị khuất phục, chính là Tỳ-kheo Tu-la-đà.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Phạm-đạt, Tu-thâm-ma
Sa-di, Dược, Đàm-di
Tỳ-lợi-đà, Vô Úy
Tu-nê-đà, Tu-la.

-oOo-

Kinh số 10

Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của ta, hiểu rõ tinh tú, biết trước cát hung, chính là Tỳ-kheo Na-già-ba-la.

Thường vui Tam-muội, thiền duyệt làm thức ăn, chính là Tỳ-kheo Bà-tư-tra.

Thường lấy Hỷ làm thức ăn, chính là Tỳ-kheo Tu-dạ-xà.

Thường hành nhẫn nhục, vật đối đến tâm không khởi, chính là Tỳ-kheo Mãn Nguyện Thạnh Minh.

Tu tập Nhật quang Tam-muội, chính là Tỳ-kheo Di-hề.

Rõ phép toán thuật, không có sai lầm, chính là Tỳ-kheo Ni-câu-lưu.

Trí tuệ phân biệt các loại, thường không quên mất, chính là Tỳ-kheo Lộc-đầu.

Đắc Điện lôi Tam-muội, lòng không sợ hãi, chính là Tỳ-kheo Địa.

Quán rõ gốc rễ của thân, chính là Tỳ-kheo Đầu-na.

Thủ chứng được Lậu tận thông tối hậu, chính là Tỳ-kheo Tu-bạt[61].

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Na-ca, Tra, Xá-na

---

[61] *Pāli: Subhadda, được hóa độ cuối cùng trước khi Phật nhập Niết-bàn.*

Di-hề, Ni-câu-lưu
Lộc-đầu, Địa, Đầu-na
Tu-bạt ở sau cùng.

Một trăm vị Hiền thánh này cần được giảng rộng.

-oOo-

Phẩm 5: TỲ-KHEO-NI

Kinh số 1

Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của ta, xuất gia học đạo lâu, được quốc vương cung kính, chính là Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di[62].

Trí tuệ thông minh, chính là Tỳ-kheo-ni Sấm-ma[63].

Thần túc đệ nhất, cảm đến các thần, chính là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc[64].

Thực hành pháp Đầu-đà với mười một điều hạn chế, chính là Tỳ-kheo-ni Cơ-lê-xa Cù-đàm-di[65].

Thiên nhãn đệ nhất, nhìn khắp không trở ngại, chính là Tỳ-kheo-ni Xa-câu-lê[66].

Tọa thiền nhập định, ý không phân tán, chính là Tỳ-kheo-ni Xa-ma[67].

Phân biệt nghĩa thú, diễn rộng đạo giáo, chính là Tỳ-kheo-ni Ba-đầu-lan-đồ-na.

Vâng giữ luật giáo không phạm thêm, chính là Tỳ-kheo-ni Ba-la-giá-na[68].

Đạt tín giải thoát, không thoái lui trở lại, chính là Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên[69].

Đạt bốn biện tài, trong lòng khiếp sợ, chính là Tỳ-kheo-ni Tối Thắng.

---

62. *Pāli: Mahāpajāpatì Gotamì.*
63. *Để bản: Thức-ma 識摩. TNM: Sấm-ma. Pāli: Khemā 讖摩.*
64. *Pāli: Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc).*
65. *Pāli: Kisā-Gotamī, đệ nhất thọ trì y thô xấu (lūkhacīvaradharāaṇaṃ).*
66. *Pāli: Sakulā.*
67. *A.i.25: Đệ nhất tọa thiền là Nandā.*
68. *Pāli: Đệ nhất trì luật, Paṭācāra.*
69. *A.i. 25: Đệ nhất tín giải thoát (saddhādhimuttānaṃ) là Siṅgālakamātā.*

-oOo-

Kệ tóm tắt:

*Đại Ái cùng Sấm-ma**
Ưu-bát, Cơ-đàm-di
Câu-lợi, Xà, Lan-đồ
Na-la, Ca-chiên, Thắng.

-oOo-

Kinh số 2

Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, tự biết mọi việc vô số kiếp đời trước, chính là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà Ca-tỳ-ly[70].

Nhan sắc xinh đẹp, được mọi người yêu kính, chính là Tỳ-kheo-ni Hê-ma-xà.

Hàng phục ngoại đạo để lập chánh giáo, chính là Tỳ-kheo-ni Thâu-na[71].

Phân biệt nghĩa thú, nói rộng từng bộ, chính là Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề-na[72].

Mình mặc áo thô, không lấy làm xấu hổ, chính là Tỳ-kheo-ni Ưu-đa-la.

Các căn tịch tĩnh, thường thuận nhất tâm, chính là Tỳ-kheo-ni Quang Minh.

Y phục tề chỉnh, đúng theo pháp giáo, chính là Tỳ-kheo-ni Thiền Đầu.

Luận biện nhiều đề tài, không nghi ngờ do dự, chính là Tỳ-kheo-ni Đàn-đa.

Khả năng sáng tác kệ, khen ngợi đức của Như Lai, chính là Tỳ-kheo-ni Thiên Dữ.

Nghe nhiều biết rộng, ân huệ tiếp dẫn người dưới, chính là Tỳ-kheo-ni Cù-ty.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Bạt-đà, Đồ, Thâu-na

---

70. *Pāli: Bhaddā Kāpilānī.*
71. *Pāli: Soṇā, đệ nhất tinh cần.*
72. *Pāli: Dhammadinnā.*

Đàm-ma-na, Ưu-đa
Quang Minh, Thiền, Đàn-đa
Thiên Dữ cùng Đàm-ty.

-oOo-

Kinh số 3

Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của ta, thường ở nơi vắng vẻ, không sống giữa nhân gian, chính là Tỳ-kheo-ni Vô Úy.

Khổ thân khất thực, không lựa sang hèn, chính là Tỳ-kheo-ni Tỳ-xá-khư[73].

Tại một chỗ chỉ ngồi một lần, quyết không xê dịch, chính là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-bà-la.

Đi khắp cầu xin, rộng độ mọi người, chính là Tỳ-kheo-ni Ma-nộ-ha-lợi.

Chóng thành đạo quả, không vướng giữa chừng, chính là Tỳ-kheo-ni Đà-ma.

Nắm giữ ba y, quyết không lìa bỏ, chính là Tỳ-kheo-ni Tu-đà-ma.

Thường ngồi dưới bóng cây, ý không dời đổi, chính là Tỳ-kheo-ni Hiếp-tu-na.

Thường ở nơi đất trống, không cần nghĩ đến đồ che, chính là Tỳ-kheo-ni Xà-đà.

Thích nơi vắng vẻ, không sống giữa nhân gian, chính là Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-la.

Ngồi mãi nệm cỏ, không cần trang sức, chính là Tỳ-kheo-ni Ly-na.

Khoác y năm mảnh, tuần tự khất thực[74], chính là Tỳ-kheo-ni A-nô-ba-ma.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Vô Úy, Đa-tỳ-xá
Bà-đà, A-nô-ba
Đàn, Tu-đàn, Xà-đa
Ưu-ca, Ly, A-nô.

---

73. Pāli: Visakhā.

74. Để bản: Phân-việt 分越, TNM: Phân-vệ, Pāli: Piṇḍapāta, hành khất thực.

-oOo-

Kinh số 4

Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của ta, thích nơi gò mả vắng, chính là Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-ma.

Thường xuyên an trú tâm Từ, thương tưởng chúng sinh, chính là Tỳ-kheo-ni Thanh Minh.

Buồn khóc chúng sinh không đến được với đạo, chính là Tỳ-kheo-ni Tố-ma[75].

Hoan hỷ vì được đạo, nguyện chia cho tất cả, chính là Tỳ-kheo-ni Ma-đà-lợi.

Thủ hộ các hành, ý không lìa xa, chính là Tỳ-kheo-ni Ca-la-già.

Giữ không chấp hư[76], biết rõ không có gì tồn tại, chính là Tỳ-kheo-ni Đề-bà-tu.

Tâm vui với vô tưởng[77], trừ bỏ các chấp, chính là Tỳ-kheo-ni Nhật Quang.

Tu tập vô nguyện[78], tâm thường giúp khắp, chính là Tỳ-kheo-ni Mạt-na-bà. Không nghi các pháp, độ người không hạn, chính là Tỳ-kheo-ni Ty-ma-đạt. Thường nói nghĩa rộng, phân biệt pháp sâu, chính là Tỳ-kheo-ni Phổ Chiếu.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Ưu-ca, Minh, Tố-ma
Ma-đà, Ca, Đề-bà
Nhật Quang, Ma-na-bà
Tỳ-ma-đạt, Phổ Chiếu.

-oOo-

Kinh số 5

Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của ta, tâm hằng nhẫn nhục như đất bao dung, chính là Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề[79].

---

75. Pāli: Somā Therī. Nhưng Pāli không đề cập sự kiện này.

76. Đây chỉ Không giải thoát (Pāli: Suñña-vimokkha).

77. Đây chỉ Vô tướng giải thoát (Pāli: Animitta-vimokkha).

78. Đây chỉ Vô nguyện giải thoát (Pāli: Appaṇihita-vimokkha).

79. Để bản Đàm-ma-đề 曇摩提. TNM: Đàm-ma-ma-đề 曇摩摩提.

Hay dạy bảo mọi người, khiến lập hội bố thí, chính là Tỳ-kheo-ni Tu-dạ-ma.

Phân bố chỗ ngồi chỗ nằm, cũng là Tỳ-kheo-ni Tu-dạ-ma.

Tâm đã vĩnh viễn lắng đọng, không còn khởi loạn tưởng, chính là Tỳ-kheo-ni Nhân-đà-xà.

Quán rõ các pháp mà không bao giờ chán, chính là Tỳ-kheo-ni Long.

Ý chí kiên cường, dũng mãnh, không bị nhiễm đắm, chính là Tỳ-kheo-ni Câu-na-la.

Nhập Thủy Tam-muội, thấm nhuần khắp tất cả, chính là Tỳ-kheo-ni Bà-tu.

Nhập Diệm quang Tam-muội, tất chiếu khắp cả mọi loài, chính là Tỳ-kheo-ni Hàng-đề.

Quán bất tịnh ghê tởm, phân biệt duyên khởi, chính là Tỳ-kheo-ni Giá-ba-la.

Nuôi dạy mọi người, cung cấp mọi thiếu thốn, chính là Tỳ-kheo-ni Thủ-ca.

Tỳ-kheo-ni đệ nhất cuối cùng trong hàng Thanh văn của Ta, chính là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà Quân-đà-la[80] nước Câu-di.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Đàm-ma, Tu-dạ-ma
Nhân-đề, Long, Câu-na
Bà-tu, Hàng, Giá-ba
Thủ-ca, Bạt-đà-la.

Năm mươi Tỳ-kheo-ni này, nói rộng như trên.

-oOo-

80. Pāli (A.i. 25): Bhaddā Kuṇḍalakesā (người Rājagaha), đệ nhất thần thông nhanh nhẹn (khipPābhiññānaṃ).

Phẩm 6: THANH TÍN SĨ[81]

Kinh số 1

Ưu-bà-tắc đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, người đầu tiên nghe pháp dược mà chứng thành Hiền thánh, chính là thương khách Tam Quả[82].

Trí tuệ đệ nhất, chính là gia chủ Chất-đa[83].

Thần đức đệ nhất, chính là Kiền-đề A-lam.

Hàng phục ngoại đạo, chính là gia chủ Quật-đa.

Thường nói pháp sâu, chính là gia chủ Ưu-ba-quật.

Thường tọa thiền tư duy, chính là Ha-xỉ A-la-bà[84].

Hàng phục bọn ma[85], chính là gia chủ Dũng Kiện.

Phước đức sung mãn, chính là gia chủ Xà-lợi.

Chủ đại đàn thí, chính là gia chủ Tu-đạt[86].

Thành tựu môn tộc, chính là gia chủ Mẫn-dật[87].

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Tam Quả, Chất, Kiền-đề
Quật, Ba cùng La-bà
Dũng, Đồ-lợi, Tu-đạt
Mẫn-dật gọi là mười.

-oOo-

Kinh số 2

Ưu-bà-tắc đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, ưa hỏi nghĩa thú, chính là Bà-la-môn Sinh Lậu[88].

---

81. Tham chiếu Pāli A.1. 14.6 (R. i. 26).

82. Pāli, hai thương khách Tapussa-Bhallika; hình như bản Hán đọc là Ta(ya?) pussa-Phalika.

83. Pāli: Citta-gahapati. Nhưng A.i. 26 nói là đệ nhất thuyết pháp (dhammakathikānaṃ).

84. Pāli: Haṭṭhaka (Haṭṭhi theo bản Hán) Āḷavaka; A.i. 26: Đệ nhất hành bốn Nhiếp sự để đoàn kết đại chúng.

85. Để bản: Ma cung 魔宮. TNM: Ma hoạn.

86. Pāli: Sudatta, tên thật của Cấp Cô Độc.

87. Để bản: Mẫn-thố 泯兔. TNM: Mẫn dật.

88. Sinh Lậu 生漏, bản Minh chép là Sinh Mãn.

Lợi căn thông minh, chính là Phạm-ma-du[89].

Tín sứ của chư Phật, chính là Ngự mã Ma-nạp.

Xét thân vô ngã, chính là Bà-la-môn Hỷ Văn Cầm.

Bàn luận không ai hơn, chính là Bà-la-môn Tỳ-cừu.

Hay sáng tác kệ tụng, chính là gia chủ Ưu-ba-ly[90].

Nói năng nhanh lẹ, cũng là gia chủ Ưu-ba-ly.

Thích bố thí của báu tốt, không có lòng tiếc, chính là gia chủ Thù-đề.

Kiến lập gốc thiện, chính là Ưu-ca Tỳ-xá-ly[91].

Hay nói pháp vi diệu, chính là Ưu-bà-tắc Tối Thượng Vô Úy.

Những điều nói ra không sợ, khéo xem xét căn cơ mọi người, chính là đại tướng lãnh Đầu-ma thành Tỳ-xá-ly.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Sinh Lậu, Phạm-ma-du
Ngự mã cùng Văn Cầm
Tỳ-cừu, Ưu-ba-ly
Thù-đề, Ưu, Úy, Ma.

-oOo-

Kinh số 3

Ưu-bà-tắc đệ nhất trong hàng đệ tử của ta, vui ban ân huệ, chính là vua Bình-sa[92].

Sở thí ít ỏi, chính là vua Quang Minh.

Kiến lập gốc lành, chính là vua Ba-tư-nặc[93].

Được tín tâm thiện vô căn[94], khởi lòng hoan hỷ, chính là vua A-xà-thế[95].

---

89. Pāli: Brahmāyu, cf. M.iii.133.

90. Pāli: Upāli-gahapati.Cf. M.i. 371.

91. Pāli: Ugga-Vesālika, đệ nhất bố thí vật thích ý (mānapadāyakānaṃ).

92. Pāli: Bimbisāra.

93. Pāli: Pasenadì.

94. Do giết cha, đoạn thiện căn, nhưng về sau tin Phật. Xem, Trường A-hàm 17, T1n1, tr. 109b26. Cf. Pāli, D.i. 49.

95. Pāli: Ajātasatta.

Chí tâm hướng về Phật, ý không biến dịch, chính là vua Ưu-điền[96].

Thừa sự chánh pháp, chính là Vương tử Nguyệt Quang.

Cung phụng Thánh chúng, ý luôn bình đẳng, chính là vương tử tạo ra Kỳ hoàn.

Thường thích giúp người, hơn là tự vì mình, chính là vương tử Sư Tử.

Khéo phụng kính người, không phân cao thấp, chính là vương tử Vô Úy[97].

Tướng mạo đoan chánh, đẹp đẽ hơn người, chính là vương tử Kê-đầu.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Bình-sa vương, Quang Minh
Ba-tư-nặc, Xà vương
Nguyệt, Kỳ hoàn, Ưu-điền
Sư Tử, Úy, Kê-đầu.

-oOo-

Kinh số 4

Ưu-bà-tắc đệ nhất trong hàng đệ tử của ta, thường hành tâm Từ, chính là gia chủ Bất-ni.

Tâm thương Bi niệm tất cả các loài, chính là Thích chủng Ma-ha-nạp[98].

Thường hành tâm hoan hỷ, chính là Thích chủng Bạt-đà.

Thường giữ tâm không mất hạnh lành, chính là Ưu-bà-tắc Tý-xà-tiên.

Khả năng hành nhẫn nhục, chính là Đại tướng Sư Tử[99].

Luận biện nhiều đề tài, chính là Ưu-bà-tắc Tỳ-xá-ngự[100].

Im lặng như Hiền thánh, chính là Ưu-bà-tắc Nan-đề-bà-la.

---

96. *Pāli: Udena.*
97. *Pāli: Abhaya-kumāra.*
98. *Pāli: Mahānāma-Sakka.*
99. *Pāli: Sīha-senapati.*
100. *Pāli: Visākha, cf. M.i.299.*

Siêng tu hành lành không dừng nghỉ, chính là Ưu-bà-tắc Ưu-đa-la.

Các căn tịch tĩnh, chính là Ưu-bà-tắc Thiên-ma.

Người chứng quả cuối cùng trong hàng đệ tử của ta, chính là Câu-di-na Ma-la.

Kệ tóm tắt:

Bất-ni, Ma-ha-nạp
Bạt-đà, Ưu-đa-la
Sư Tử, Tỳ-xá, Ly
Ưu-đa, Thiên, Ma-la.

Bốn mươi Ưu-bà-tắc này đều nên nói rộng như trên.

-oOo-

Phẩm 7: THANH TÍN NỮ

Kinh số 1

Ưu-bà-tư đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, người đầu tiên thọ trì đạo mà chứng quả, chính là Ưu-bà-tư Nan-đà Nan-đà-bà-la[101].

Trí tuệ đệ nhất, chính là Ưu-bà-tư Cửu-thọ-đa-la[102].

Thường thích tọa thiền, chính là Ưu-bà-tư Tu-tỳ-da Nữ[103].

Tuệ căn tỏ rõ, chính là Ưu-bà-tư Tỳ-phù.

Kham năng nói pháp, chính là Ưu-bà-tư Ương-kiệt-xà.

Khéo diễn nghĩa kinh, chính là Ưu-bà-tư Bạt-đà-sa-la Tu-diệm-ma.

Hàng phục ngoại đạo, chính là Ưu-bà-tư Bà-tu-đà.

Âm vang trong suốt, chính là Ưu-bà-tư Vô Ưu.

Hay luận giải nhiều đề tài, chính là Ưu-bà-tư Bà-la-đà.

Dũng mãnh tinh tấn, chính là Ưu-bà-tư Tu-đầu.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Nan-đà-đà, Cửu-thọ

---

101. Không rõ tiểu sử. Pāli, A.i. 25: Nữ quy y đầu tiên là Sujātā Seniyadhītā.

102. Pāli: Khujjuttarā, đa văn đệ nhất (bahussutānaṃ).

103. A.i.26: Đệ nhất tọa thiền, Uttarā Nandamātā. Hán có thể đồng nhất với Suppiyā của Pāli, cf. Vin. 1. 216, Xem Tứ phần 42, T22n1428, tr. 868c7.

Tu-tỳ, Ương-kiệt-xà
Tu-diệm cùng Vô Ưu
Bà-la-đà, Tu-đầu.

-oOo-

Kinh số 2

Ưu-bà-tư đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, cúng dường Như Lai, chính là phu nhân Ma-lợi[104].

Thừa sự chánh pháp, chính là phu nhân Tu-lại-bà.

Cúng dường Thánh chúng, chính là phu nhân Xả-di.

Chiêm ngưỡng Hiền sĩ quá khứ tương lai, chính là phu nhân Nguyệt Quang.

Đàn-việt đệ nhất, chính là phu nhân Lôi Điện[105].

Luôn hành Từ Tam-muội, chính là Ưu-bà-tư Ma-ha Quang[106].

Hành tâm Bi, hằng thương xót, chính là Ưu-bà-tư Tỳ-đề.

Tâm Hỷ không dứt, chính là Ưu-bà-tư Bạt-đề.

Hành nghiệp thủ hộ, chính là Ưu-bà-tư Nan-đà Mẫu[107].

Được tín giải thoát, chính là Ưu-bà-tư Chiếu Diệu.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Ma-lợi, Tu-lại-bà
Xả-di, Quang Nguyệt, Lôi
Đại Quang, Tỳ-đề, Đà
Nan-đà cùng Chiếu Diệu.

-oOo-

Kinh số 3

Ưu-bà-tư đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, thường hành nhẫn nhục, chính là Ưu-bà-tư Vô Ưu.

Hành Không Tam-muội[108], chính là Ưu-bà-tư Tỳ-thù-tiên.

---

104. Pāli: Mallikā.

105. A.i. 26: Đệ nhất bố thí, Visākhā.

106. Để bản: Ma-ha quang 摩訶光. TNM: Ma-ha tiên. Pāli, A.i. 26: Đệ nhất hành Từ vô lượng, Sāmāvatī (mettāvihārinaṃ).

107. Pāli: (Uttarā) Nandamātā, xem cht. kinh số 1, phẩm 7 trên.

108. Xem cht. kinh số 4, phẩm 5 trên.

Hành Vô tưởng Tam-muội[109], chính là Ưu-bà-tư Ưu-na-đà.

Hành Vô nguyện Tam-muội[110], chính là Ưu-bà-tư Vô Cấu.

Thích dạy dỗ người, chính là Ưu-bà-tư phu nhân Thi-lợi.

Khéo hay trì giới, chính là Ưu-bà-tư Ương-kiệt-ma.

Dung mạo đoan chánh, chính là Ưu-bà-tư Lôi Diệm.

Các căn tịch tĩnh, chính là Ưu-bà-tư Tối Thắng.

Nghe nhiều, biết rộng, chính là Ưu-bà-tư Nê-la.

Thường sáng tác kệ tụng, chính là Ưu-bà-tư Tu-ma-ca-đề Tu-đạt Nữ. Không chỗ khiếp nhược, cũng là Ưu-bà-tư Tu-đạt Nữ.

Ưu-bà-tư thủ chứng cuối cùng trong hàng Thanh văn của ta, chính là Ưu-bà-tư Lam.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Vô Ưu, Tỳ-thù-tiên
Ưu-na, Vô Cấu, Thi
Ương-kiệt, Lôi Diệm, Thắng
Nê, Tu, Lam-ma Nữ.

Ba mươi Ưu-bà-tư này nói rộng như trên.

-oOo-

Phẩm 8: A-TU-LUÂN

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Thọ thân hình lớn không ai hơn vua A-tu-luân. Tỳ-kheo nên biết, thân hình A-tu-luân lớn cao tám vạn bốn ngàn do-tuần. Miệng rộng ngàn do-tuần. Tỳ-kheo nên biết, có lúc vua A-tu-luân muốn xúc phạm đến mặt trời, liền hóa thân cao gấp bội đến mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, đến trước mặt trời, mặt trăng. Vua mặt trời, mặt trăng thấy vậy, trong lòng sợ hãi cho nơi ở của mình không an ninh. Vì sao? Vì thân hình A-tu-luân rất đáng sợ. Vua mặt trời, mặt trăng kia vì ôm lòng sợ

---

109. Xem cht. kinh số 4, phẩm 5 trên.

110. Xem cht. kinh số 4, phẩm 5 trên.

hãi, nên ánh sáng không còn nữa. Nhưng A-tu-luân không dám đến trước bắt mặt trời, mặt trăng. Vì sao? Vì oai đức mặt trời, mặt trăng có thần lực lớn, thọ mạng rất dài, nhan sắc đoan chánh, hưởng lạc vô cùng. Muốn biết thọ mạng dài ngắn thì tuổi thọ trụ một kiếp. Hơn nữa, do phước báo của chúng sinh cõi này, nên vua mặt trời, mặt trăng không bị A-tu-luân thấy mà xúc não. Bấy giờ, A-tu-luân ôm lòng sầu lo liền biến mất.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, ác ma Ba-tuần luôn ở sau các ông, tìm cầu phương tiện làm bại hoại thiện căn. Ba-tuần liền hóa ra sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp mịn màng, láng mướt, cực kỳ vi diệu lạ lùng, muốn làm mê loạn ý các Tỳ-kheo. Ba-tuần tự nghĩ: "Ta sẽ rình cơ hội nơi mắt Tỳ-kheo và cũng rình cơ hội nơi tai, mũi, lưỡi, thân và ý."

Lúc ấy, Tỳ-kheo tuy thấy pháp sáu tình cực kỳ vi diệu, nhưng tâm không nhiễm đắm. Bấy giờ, ác ma Ba-tuần ôm lòng sầu lo liền rút lui. Vì sao? Vì những ảnh hưởng oai lực của Như Lai bậc A-la-hán[111] mà như vậy. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo không gần sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp mịn màng, láng mướt.

Bấy giờ, Tỳ-kheo thường xuyên học như vầy: "Thật là khó khăn khi nhận đồ hiến cúng của người. Nếu không thể tiêu hóa được thì sẽ rơi vào năm đường; không thể đến được đạo Chánh chân vô thượng."

Cho nên cần phải chuyên tâm, để đạt được cái chưa đạt được, vượt qua cái chưa được vượt qua, chưa chứng đắc khiến cho chứng.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, chưa được tín thí không khởi tưởng niệm, đã có tín thí thì hãy làm cho tiêu hóa, không khởi nhiễm đắm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2[112]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

111. Trong nguyên bản: Đa-tát-a-kiệt a-la-ha 多薩阿竭阿羅呵.

112. Tham chiếu Pāli, A.1. 13.1 (Ekapuggalavaggo, R.i. 22).

–Có một con người[113] xuất hiện ở thế gian, đem nhiều lợi ích cho người, an ổn chúng sinh, thương đời ngu tối, muốn khiến trời, người có được phước hựu. Một con người đó là ai? Đó là Đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác[114]. Đó gọi là có một con người xuất hiện ở thế gian đem nhiều lợi ích cho người, an ổn chúng sinh, thương đời ngu tối, muốn khiến trời, người có được phước hựu.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3[115]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có một con người* mà xuất hiện ở thế gian, liền có một người nhập đạo ở tại thế gian và cũng xuất hiện ở thế gian có hai đế, ba giải thoát môn, pháp chân thật bốn Đế, năm Căn; sáu tà kiến diệt[116]; bảy Giác ý, tám Đạo phẩm Hiền thánh, chín cõi cư trú của chúng sinh, mười Lực của Như Lai, mười một Từ tâm giải thoát.

Một con người ấy là ai? Đó là Đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác*. Đó gọi là có một con người xuất hiện ở thế gian, liền có một người nhập đạo ở tại thế gian và cũng xuất hiện ở thế gian có hai đế, ba giải thoát môn, pháp chân thật bốn Đế, năm Căn; sáu tà kiến diệt; bảy Giác ý, tám Đạo phẩm Hiền thánh, chín cõi cư trú của chúng sinh, mười Lực của Như Lai, mười một Từ tâm giải thoát.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

113. Pāli: Ekapuggalo.

114. Trong nguyên bản: Đa-tát-a-kiệt A-la-ha Tam-da-tam-phật 多薩阿竭阿羅呵三耶三佛.

115. Tham chiếu Pāli, A.1.13.6. (R.i. 22).

116. Pāli: Xuất hiện sáu vô thượng (channaṃ anuttariyānaṃ pātubhāvo hoti).

-oOo-

Kinh số 4[117]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có một con người mà xuất hiện ở thế gian, liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở thế gian. Một con người ấy là ai?

Đó là Đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác*. Đó gọi là một người xuất hiện ở thế gian, liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở thế gian.

Cho nên các Tỳ-kheo, hãy có tín tâm hướng đến Phật, chớ có nghiêng tà. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có một con người mà xuất hiện ở thế gian thì vô minh tối tăm liền tự tiêu diệt. Bấy giờ, những kẻ phàm ngu bị kết sử trói buộc bởi vô minh sở kiến này, nên không biết như thật về con đường sinh tử, luân hồi qua lại từ đời này qua đời sau, từ kiếp này qua kiếp nọ, không cởi trói được. Nếu lúc đó có Như Lai, bậc A-la-ha, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian thì vô minh tối tăm liền tự tiêu diệt.

Cho nên các Tỳ-kheo, nên nhờ thừa sự chư Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

---

117. Tham chiếu Pāli, A.1.13.6.

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có một con người mà xuất hiện ở thế gian, liền có ba mươi bảy phẩm xuất hiện ở thế gian. Những gì là ba mươi bảy phẩm đạo?

Đó là bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác y, tám Chân hành, liền xuất hiện ở thế gian.

Một con người ấy là ai? Đó là Đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác*.

Cho nên các Tỳ-kheo, thường nên thừa sự Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7[118]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có một con người mà mất hẳn ở thế gian thì nhiều người sẽ ôm lòng sầu lo; khắp trời, người mất cả bóng che. Một con người ấy là ai?

Đó là Đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác*. Đó gọi là có một con người mà mất hẳn ở thế gian, nhân loại phần nhiều ôm lòng sầu lo; khắp trời, người mất cả bóng che. Vì sao? Vì nếu Đức Như Lai diệt tận ở đời, thì ba mươi bảy phẩm cũng lại diệt tận.

Cho nên các Tỳ-kheo, thường nên cung kính đối với Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

118. Tham chiếu Pāli, A.1.13.4.

–Có một con người mà xuất hiện ở thế gian thì bấy giờ trời, người liền được thấm nhuần ánh sáng, liền có tín tâm nơi giới, văn, thí, tuệ. Giống như ánh trăng tròn mùa thu vằng vặc chiếu khắp mọi nơi, thì ở đây cũng vậy. Nếu Như Lai, bậc A-la-ha, Chánh Đẳng Chánh Giác, xuất hiện thế gian, thì trời, người liền được thấm nhuần ánh sáng, liền có lòng tin đối với giới, văn, thí, tuệ, như trăng tròn chiếu khắp tất cả.

Cho nên các Tỳ-kheo, nên khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có một con người mà xuất hiện ở thế gian thì bấy giờ tất cả trời, người đều đông đúc, chúng sinh ba đường ác liền tự giảm thiểu. Giống như đất nước lúc có Thánh vương cai trị giáo hóa, thì nhân dân trong thành này đông mạnh, nước láng giềng sức yếu hơn, ở đây cũng vậy. Nếu lúc Như Lai, xuất hiện thế gian thì ba đường ác liền tự giảm thiểu.

Cho nên các Tỳ-kheo, nên khởi lòng tin đối với Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10[119]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có một con người xuất hiện ở thế gian mà không có một ai bắt kịp, không thể bắt chước, đi một mình, không bạn lữ, không ai sánh ngang; chư Thiên cùng loài người không ai có thể sánh kịp; đối tín, giới, văn, thí, tuệ cũng không ai sánh kịp.

---

[119] *Pāli, A.1. 16. 5.*

Một con người ấy là ai? Đó là Đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác*. Đó gọi là một con người xuất hiện ở thế gian mà không có một ai bắt kịp, không thể bắt chước, đi một mình, không bạn lữ, không ai sánh ngang; chư Thiên cùng loài người không ai có thể sánh kịp; người mà tín, giới, văn, thí, tuệ thảy đều đầy đủ.

Cho nên các Tỳ-kheo, nên khởi lòng tin cung kính đối với Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Tu-luân, ích, một đường
Ánh sáng cùng tối tăm
Đạo phẩm, mất hẳn, tin
Đông đúc, không ai bằng.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 4

Phẩm 9: CON MỘT

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Giống như người mẹ có một người con duy nhất, trong lòng tin tưởng, hằng nghĩ như vầy: "Phải dạy dỗ làm sao cho nó trở thành người?"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa này. Thế Tôn là gốc các pháp, những điều Như Lai trần thuật, không ai là không vâng lãnh. Cúi xin Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa sâu này. Nghe rồi, chúng con phụng hành.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các ông.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

–Giống như Ưu-bà-tư kia, trong lòng tin tưởng, dạy dỗ như vầy: "Nay con ở tại gia phải như gia chủ Chất-đa và như đồng tử Tượng. Sở dĩ như vậy, vì đây là khuôn phép, đây là mẫu mực. Những đệ tử của Thế Tôn đã chứng ngộ, đó là gia chủ Chất-đa và đồng tử Tượng[1]. Còn nếu con trẻ muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, thì

---

[1] Tham chiếu, A. ii. 12. 3 (R i. 89): Cư sĩ Citta (Chất-đa) và Haṭṭhaka người Āḷavī (Thủ trưởng giả, bản Hán đọc là Hatthika): Đệ nhất trong những vị hành bốn Nhiếp sự.

phải như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên[2]. Sở dĩ như vậy, vì đây là khuôn phép, đây là mẫu mực[3]. Nghĩa là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên thích học chánh pháp, không tạo nghiệp tà để dấy lên phi pháp. Nếu con có sinh tư tưởng nhiễm đắm này, con sẽ rơi vào trong ba đường ác."

Do đó, nên chuyên tâm khéo nhớ: "Hãy đạt được cái chưa đạt được. Hãy thu hoạch cái chưa thu hoạch. Hãy chứng cái chưa chứng." Sở dĩ như vậy, nay các Tỳ-kheo, vì sức nặng của tín thí thật khó có thể tiêu được, khiến cho con người không đến được đạo. Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ sinh ý tưởng nhiễm đắm. Đã sinh rồi thì hãy diệt. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có Ưu-bà-tư chí tín, có một người con gái duy nhất, phải dạy dỗ làm sao cho nó thành tựu?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa này. Thế Tôn là gốc các pháp, những điều Như Lai trần thuật, không ai là không vâng lãnh. Cúi xin Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa sâu này. Nghe rồi, chúng con phụng hành.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các ông.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

–Giống như Ưu-bà-tư chí tín kia dạy dỗ con gái như vầy: "Nay

---

2. Tham chiếu Pāli, A. II. 12.1 (R i. 88).

3. Hán: Thử thị kỳ hạn, thử thị kỳ lượng 此是其限。此是其量。Pāli. ibid., esā tulā etaṃ pamāṇaṃ.

con ở tại gia phải như Ưu-bà-tư Câu-thù-đa-la và mẹ Nan-đà[4]. Sở dĩ như vậy, vì đây là khuôn phép, đây là mẫu mực. Các đệ tử của Thế Tôn đã chứng ngộ, đó chính là Ưu-bà-tư Câu-thù-đa-la và mẹ Nan-đà. Còn nếu ý con gái muốn cạo bỏ râu tóc[5], mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thì phải như Tỳ-kheo-ni Sấm*-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc. Sở dĩ như vậy, vì đây là khuôn phép, đây là mẫu mực. Nghĩa là Tỳ-kheo-ni Sấm*-ma[6], Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc thích học chánh pháp, không tạo nghiệp tà để dấy lên phi pháp. Nếu con có sinh tư tưởng nhiễm đắm này, con sẽ rơi vào trong ba đường ác."

Do đó, nên chuyên tâm khéo nhớ: "Hãy đạt được cái chưa đạt được. Hãy thu hoạch cái chưa thu hoạch. Hãy chứng cái chưa chứng." Sở dĩ như vậy, này các Tỳ-kheo, vì sức nặng của tín thí thật khó có thể tiêu được, khiến cho con người không đến được đạo. Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ sinh ý tưởng nhiễm đắm. Đã sinh rồi thì hãy diệt. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta không thấy một pháp nào nhanh nhạy hơn tâm, không thể ví dụ được. Giống như vượn khỉ, tâm không chuyên định, buông cái này, chụp lấy kia. Tâm cũng như vậy, tưởng trước và tưởng sau bất đồng. Vì tâm luân chuyển nhanh nhạy pháp mà không có phương tiện nào bắt chước được.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, người phàm phu không thể quán sát tâm ý. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy luôn luôn hàng phục tâm ý khiến hướng theo đường thiện. Các ông hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng

---

4. Tham chiếu Pāli, ibid.: Ưu-bà-di Khujjuttarā, và Nandāmātā người Veḷukaṇṭa.

5. Nguyên Hán: Tu phát 鬚髮。

6. Pāli, ibid.: Khemā và Uppalavaṇṇā.

hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta không thấy một pháp nào nhanh nhạy hơn tâm, không thể ví dụ được. Giống như vượn khỉ, tâm không chuyên định, buông cái này, chụp lấy kia. Tâm cũng như vậy, tưởng trước và tưởng sau bất đồng. Vì tâm luân chuyển nhanh nhạy pháp mà không có phương tiện nào bắt chước được.

Cho nên, nay các Tỳ-kheo, người phàm phu không thể quán sát tâm ý. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy luôn luôn hàng phục tâm ý khiến hướng theo đường thiện. Các ông hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta hằng quán sát thấy những điều niệm tưởng trong tâm của một người. Người này như trong khoảnh khắc cánh tay co duỗi đọa vào trong địa ngục. Sở dĩ như vậy, là do tâm ác. Tâm mà sinh bệnh, nó rơi rớt xuống địa ngục.

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ:

Giống như có một người
Tâm ôm tưởng sân hận
Nay bảo các Tỳ-kheo
Diễn rộng nghĩa thú này.
Nay chính lúc thích hợp:
Nếu có người mạng chung
Giả sử vào địa ngục
Do tâm hành ô uế.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy hàng phục tâm, chớ để sinh các hành ô uế. Như vậy, các ông hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta thường quán sát thấy những điều niệm tưởng trong tâm một người. Người này như trong khoảnh khắc cánh tay co duỗi mà sinh lên trời. Sở dĩ như vậy, do tâm thiện. Đã sinh tâm thiện, liền sinh lên trời.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu lại có một người
Mà sinh tâm thiện diệu
Nay bảo các Tỳ-kheo
Diễn rộng nghĩa thú này.
Nay là lúc thích hợp:
Nếu có người mạng chung
Liền được sinh lên trời
Là do tâm hành thiện.

Cho nên, các Tỳ-kheo hãy phát tâm ý trong sạch, chớ để sinh các hành ô uế. Như vậy, các ông hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào tối thắng, tối diệu, nó huyền hoặc người đời khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh mà trói buộc vào lao ngục không giải thoát được; đó là, người nam thấy sắc của người nữ, liền khởi tưởng đắm trước, tâm ý hết mực yêu thương, khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh mà trói buộc

vào lao ngục không giải thoát được, ý không lìa bỏ, xoay vần qua lại đời này đời sau, luân chuyển năm đường, trải qua bao kiếp.

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ:

Tiếng Phạm thiên êm dịu
Như Lai nói, khó thấy
Hoặc lại có lúc thấy
Nên buộc niệm trước mắt.
Cũng chớ cùng nữ nhân
Qua lại chuyện trò nhau
Hằng giăng lưới bắt người
Không đến vô vi được.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trừ các sắc, chớ khởi ý tưởng đắm trước. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các ông hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào tối thắng, tối diệu, nó huyễn hoặc người đời khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào lao ngục không giải thoát được; đó là, người nữ thấy sắc của người nam, liền khởi tưởng đắm trước, tâm ý hết mực yêu thương, khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào lao ngục không giải thoát được, ý không lìa bỏ, xoay vần qua lại đời này đời sau, luân chuyển năm đường, trải quả báo kiếp.

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ:

Nếu sinh tưởng điên đảo
Khởi niệm, tâm ân ái
Hãy trừ niệm, ý nhiễm
Liền không các nhơ này.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trừ các sắc, chớ khởi ý tưởng đắm trước. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các ông hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng

hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào, không có tưởng dục liền khởi dục tưởng; tưởng dục đã khởi liền tăng thêm. Không có tưởng sân nhuế liền khởi sân nhuế, sân nhuế đã khởi liền tăng thêm. Không có tưởng thùy miên liền khởi thùy miên, thùy miên đã khởi liền tăng thêm. Không có tưởng trạo cử[7], liền khởi trạo cử; trạo cử đã khởi liền tăng thêm. Không có tưởng nghi, liền khởi tưởng nghi; tưởng nghi đã khởi, liền tăng thêm. Vậy nên, hãy quán ác bất tịnh tưởng ghê tởm. Nếu có loạn tưởng thì không có tưởng dục liền khởi dục tưởng; tưởng dục đã khởi liền tăng thêm; không có tưởng sân nhuế liền khởi sân nhuế, sân nhuế đã khởi liền tăng thêm; không có tưởng thùy miên liền khởi thùy miên, thùy miên đã khởi liền tăng thêm; không có tưởng trạo cử, liền khởi trạo cử; trạo cử đã khởi liền tăng thêm; không có tưởng nghi, liền khởi tưởng nghi; tưởng nghi đã khởi, liền tăng thêm.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ khởi loạn tưởng. Hãy thường chuyên ý. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các ông hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào, chưa có tưởng dục thì khiến tưởng dục không sinh; tưởng dục đã sinh thì hãy diệt chúng. Chưa có tưởng sân nhuế thì khiến không sinh, tưởng sân nhuế đã sinh thì hãy diệt. Chưa có thùy miên tưởng thì khiến không sinh;

---

7. Nguyên Hán: Điệu hý 調戲。

tưởng thùy miên đã sinh thì hãy diệt. Chưa có tưởng trạo cử thì khiến không sinh, tưởng trạo cử đã sinh thì hãy diệt. Chưa có tưởng nghi thì khiến không sinh, tưởng nghi đã sinh thì hãy diệt. Hãy nên quán bất tịnh ghê tởm. Đã quán bất tịnh ghê tởm, tưởng dục chưa sinh liền không sinh; đã sinh thì sẽ bị diệt; sân nhuế chưa sinh thì không sinh, sân nhuế đã sinh thì sẽ bị diệt;... cho đến tưởng nghi chưa sinh thì không sinh, tưởng nghi đã sinh thì sẽ bị diệt.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, thường phải chuyên tâm, quán bất tịnh tưởng. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các ông hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Hai điều đó, hai tâm
Một đọa, một sinh Thiên
Nam, nữ tưởng thọ lạc
Hai dục tưởng sau cùng.

-oOo-

Phẩm 10: Hộ TÂM

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy truyền rộng một pháp. Khi đã tu hành một pháp, truyền rộng một pháp rồi, liền được thần thông, các hành tịch tĩnh, được quả Sa-môn, đến Niết-bàn giới. Một pháp đó là gì? Đó là hành không phóng dật.

Thế nào là hành không phóng dật? Là phòng hộ tâm.

Thế nào là phòng hộ tâm? Ở đây, Tỳ-kheo thường thủ hộ tâm khỏi pháp hữu lậu. Khi Tỳ-kheo thủ hộ tâm khỏi pháp hữu lậu, vị ấy liền ở nơi pháp hữu lậu mà được an vui, cũng có tín lạc, an trụ không di dịch, hằng chuyên tâm ý, luôn tự lực cố gắng. Như vậy, này Tỳ-kheo, vị kia hành không phóng dật, hằng tư cẩn thận, nếu dục lậu chưa sinh thì khiến không sinh; dục lậu đã sinh, thì có thể khiến nó diệt. Hữu lậu chưa sinh thì khiến không sinh, hữu lậu đã sinh, thì có thể khiến nó diệt. Vô minh

lậu chưa sinh thì khiến không sinh; vô minh lậu đã sinh, thì có thể khiến nó diệt. Tỳ-kheo ở đó hành không phóng dật, ở một nơi vắng vẻ, thường tự giác tri, an trú, liền được giải thoát khỏi tâm dục lậu; liền được giải thoát khỏi tâm hữu lậu, vô minh lậu. Khi đã được giải thoát, liền được giải thoát trí, biết rằng: "Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Không mạn[8], vết cam lồ
Phóng dật, con đường chết
Không mạn, thì không chết
Ai mạn, tức là chết[9].

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tu hành hạnh không phóng dật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các ông hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy tu hành một pháp. Hãy truyền rộng một pháp. Khi đã tu hành một pháp, truyền rộng một pháp rồi, liền được thần thông, các hạnh tịch tĩnh, được quả Sa-môn, đến Niết-bàn giới. Một pháp đó là gì? Đó là hành không phóng dật đối với các thiện pháp. Thế nào là hành không phóng dật? Không gây nhiễu tất cả chúng sinh, không gây hại tất cả chúng sinh, không não hại tất cả chúng sinh. Đó là hành không phóng dật. Kia sao gọi là thiện pháp? Đó là tám đạo phẩm Hiền thánh: Đẳng kiến[10], đẳng phương tiện[11], đẳng ngữ, đẳng hạnh[12], đẳng mạng,

---

8. Để bản: Kiêu 憍。TNM: Mạn.

9. Tham chiếu, Dhp. 21: Appamādo amatapadaṃ pamādo maccuno padaṃ, appamattā na mīyanti, ye pamattā yathā matā, "Không phóng dật, con đường dẫn đến bất tử. Phóng dật, con đường dẫn đến cõi chết. Những ai không phóng dật thì không chết. Những ai phóng dật, chúng như đã chết."

10. Đẳng kiến 等見 phổ thông nói là chánh kiến. Xem đoạn sau, kinh 1 phẩm 12.

11. Đẳng phương tiện 等方便。Phổ thông: Chánh tinh tấn. Thứ tự có đảo lộn.

12. Đẳng hành 等行。Phổ thông: Chánh nghiệp.

đẳng trị[13], đẳng niệm, đẳng định. Đó gọi là thiện pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Thí tất cả chúng sinh
Không bằng người thí pháp
Thí chúng sinh tuy phước
Pháp thí một người hơn.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành thiện pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các ông hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ngươi quán Đàn-việt thí chủ như thế nào?

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Thế Tôn là chủ[14] các pháp. Nguyện xin Thế Tôn nói nghĩa này cho các Tỳ-kheo. Sau khi nghe, chúng con sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nghĩa nay cho các ông.

Các Tỳ-kheo bạch:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

–Đối với Đàn-việt thí chủ, nên cung kính như là con hiếu thuận mẹ cha, nuôi dưỡng, hầu hạ, khiến cho năm ấm được tăng ích, để ở nơi cõi Diêm-phù-lợi hiện mà hiện các thứ nghĩa. Quán Đàn-việt thí chủ hay thành tựu giới, văn, Tam-muội, trí tuệ cho người; các Tỳ-kheo được nhiều lợi ích, ở trong Tam bảo không có điều gì quái ngại.

Thí chủ hay cho các ông áo chăn, ẩm thực, khăn trải giường chõng, thuốc thang cho bệnh tật. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy có tâm

---

13. Đẳng trị 等治。Phổ thông: Chánh tư duy. Thứ tự có đảo lộn.

14. Để bản: Vương 王 。TNM: Chủ 主。

Từ đối với Đàn-việt. Ân nhỏ thường không quên, huống chi ân lớn. Hằng đem tâm Từ hướng về Đàn-việt kia mà nói hành thanh tịnh của thân, khẩu, ý. Thân hành Từ, khẩu hành Từ, ý hành Từ, không thể tính đếm, không thể hạn lượng, khiến cho vật sở thí của Đàn-việt kia trọn không bị phế bỏ, được quả lớn, thành tựu phước hựu lớn, có danh xưng lớn, truyền khắp thế gian, pháp vị cam lồ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Thí, để thành của lớn
Sở nguyện cũng thành tựu
Vua cùng các đạo tặc
Không thể đoạt vật này.
Thí, để được vương vị
Nối tiếp ngôi chuyển luân
Thành bảy báu đầy đủ
Đạt được nhờ bố thí.
Bố thí, thành thân trời
Đầu đội mũ đa bảo
Cùng kỹ nữ dạo chơi
Báo này nhờ bố thí.
Thí, được Thiên đế Thích
Vua trời oai lực thạnh
Ngàn mắt thân trang nghiêm
Báo này nhờ bố thí.
Bố thí thành Phật đạo
Đủ ba mươi hai tướng
Chuyển pháp luân vô thường
Báo này cũng nhờ thí.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Đàn-việt thí chủ làm sao để thừa sự, cúng dường các bậc Hiền

thánh tinh tấn trì giới?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Thế Tôn là chủ* các pháp. Xin nguyện Thế Tôn nói nghĩa này cho các Tỳ-kheo. Nghe rồi, chúng con sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta phân biệt nghĩa này cho các ông.

Các Tỳ-kheo bạch:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng nghe những lời Phật dạy như vậy. Thế Tôn bảo:

–Đàn-việt thí chủ mà thừa sự, cúng dường các bậc đa văn, tinh tấn trì giới, cũng giống như chỉ bảo đường cho người mê, cung cấp thức ăn cho người thiếu thốn lương thực, khiến người sợ hãi không lo phiền, dạy bảo người kinh sợ chớ sợ hãi, che chở giúp cho người không nhà cửa, làm con mắt cho người mù, làm y vương cho người bệnh; giống như nông phu nhà ruộng sửa sang nghiệp ruộng trừ khử cỏ dại để có thể thành tựu lúa ăn. Còn Tỳ-kheo thì thường nên trừ bỏ bệnh năm thạnh ấm[15], cầu mong vào thành Niết-bàn, chỗ không có sợ hãi. Như vậy, này các Tỳ-kheo, Đàn-việt thí chủ thừa sự cúng dường các bậc đa văn tinh tấn trì giới là như vậy.

Lúc bấy giờ, gia chủ A-na-bân-trì[16] đang ở trong chúng. Bấy giờ, gia chủ A-na-bân-trì bạch Thế Tôn:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Đúng vậy, bạch Như Lai! Tất cả thí chủ đến với người nhận, giống như bình cát tường. Những vị nhận bố thí như Tỳ-sa vương. Khuyên người hành bố thí như cha mẹ thân; người nhận thí là phước lành đời sau. Tất cả mọi thí chủ đến với người nhận giống như cư sĩ.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, gia chủ. Như những gì ông đã nói.

Gia chủ A-na-bân-trì bạch Thế Tôn:

–Từ nay về sau, cửa nhà con không đóng kín, cũng không cự tuyệt Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-ba-di, cùng những người đi

---

15. Năm thạnh ấm: Năm thủ uẩn.

16. A-na-bân-trì 阿那邠持。(Pāli: Anāthapiṇḍika): Phiên âm của Cấp Cô Độc.

đường thiếu lương thực.

Bấy giờ, gia chủ A-na-bân-trì bạch Thế Tôn:

–Nguyện xin Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của đệ tử.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của gia chủ. Gia chủ thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng trở về chỗ ở. Đến nhà rồi, ngay trong đêm đó bày biện thịnh soạn đủ các loại đồ ăn, thức uống ngon ngọt, trải tọa cụ rộng rãi xong, tự đến bạch:

–Đồ ăn đã dọn xong. Cúi xin Thế Tôn kịp thời quang lâm chiếu cố.

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo, đắp y ôm bát đến nhà gia chủ tại thành Xá-vệ. Đến xong, mọi người tự tìm chỗ ngồi và các Tỳ-kheo Tăng cũng theo thứ tự mà ngồi.

Bấy giờ, gia chủ thấy Phật và chúng Tỳ-kheo ngồi đã an định rồi, tự tay đi dâng các thứ đồ ăn thức uống. Sau khi đi dâng các thứ đồ ăn thức uống xong, thu dọn bát, rồi đến ngồi chỗ thấp trước Như Lai, muốn nghe pháp. Gia chủ bấy giờ bạch Thế Tôn:

–Lành thay, Như Lai. Cho phép các Tỳ-kheo tùy theo những vật cần như ba y, bình bát, ống đựng kim, ni-sư-đàn, giải buộc y[17], bồn tắm[18], cùng tất cả những vật khác của Sa-môn, được phép nhận hết tại nhà đệ tử.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu các người cần y áo, bình bát, ni-sư-đàn, bồn tắm cùng tất cả những vật tạp của Sa-môn thì cho phép đến đó nhận, chớ có nghi nan mà khởi tưởng tâm đắm trước.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho gia chủ A-na-bân-trì. Nói pháp vi diệu xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Lúc bấy giờ, A-na-bân-trì nơi bốn cửa thành lại bố thí rộng rãi. Lần thứ năm ở trong chợ, lần thứ sáu ở tại nhà. Ai cần đồ ăn thì cho đồ ăn, cần thức uống thì cho thức uống, cần xe cộ, kỹ nhạc, hương xông, anh lạc thì cho tất cả.

Bấy giờ, Thế Tôn nghe gia chủ A-na-bân-trì bố thí rộng rãi trong bốn cửa thành và nơi chợ lớn; bố thí cho kẻ nghèo thiếu. Nơi nhà lại bố

---

17. Để bản: Y đái 衣帶。TNM: Y thường, áo xiêm, chỉ nội y.

18. Bình đựng nước để tắm.

thí vô lượng. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong hàng đệ tử của Ta, Ưu-bà-tắc ưa thích bố thí bậc nhất đó là gia chủ Tu-đạt.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, gia chủ A-na-bân-trì đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn bảo:

–Thế nào gia chủ, quý gia chủ thường bố thí cho những người nghèo thiếu phải không?

Gia chủ thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Con thường bố thí cho những người nghèo thiếu. Nơi bốn cửa thành thì bố thí rộng rãi. Tại nhà thì cung cấp những gì cần dùng. Bạch Thế Tôn, có lúc con tự nghĩ muốn bố thí cho các loại cầm thú như chim chóc, heo, chó. Con cũng không nghĩ là đây nên cho, đây không nên cho; cũng lại không nghĩ là đây nên cho nhiều, đây nên cho ít. Con thường tự nghĩ tất cả chúng sinh đều do ăn uống mà sinh mạng tồn tại; có ăn thì sống, không ăn thì chết.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay, gia chủ! Ông đã bằng tâm Bồ-tát, chuyên tinh nhất ý mà huệ thí rộng rãi. Đúng vậy, chúng sinh nhờ ăn uống mà được cứu sống, không ăn uống thì liền chết. Nay gia chủ, ông sẽ được quả lớn, được tiếng tăm nhiều; được quả báo lớn mà tiếng đồn thấu mười phương; được pháp vị cam lồ. Vì sao? Vì hàng Bồ-tát thường đem tâm bình đẳng để bố thí, lúc nào cũng một lòng mà nhớ đến các loài chúng sinh, nhờ ăn uống mà tồn tại, có ăn uống tức được cứu sống, không ăn uống tức chết. Nay gia chủ, đó là tâm Bồ-tát ở tại chỗ yên ổn mà bố thí rộng rãi.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nên bố thí khắp cả
Quyết không lòng hối tiếc
Ắt sẽ gặp bạn lành

Được giúp đến bờ kia.

Cho nên, gia chủ, hãy dùng tâm bình đẳng mà bố thí rộng rãi. Như vậy, gia chủ hãy học điều này.

Gia chủ sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Như Ta ngay nay biết rõ căn nguyên chỗ đến của chúng sinh, cũng biết quả báo của việc bố thí một nắm cơm dư cuối cùng, mình đã không ăn mà đem bố thí cho người khác. Lúc ấy, tuy không khởi tâm ghen ghét dù bằng lông tóc, nhưng vì chúng sinh này không biết quả báo của việc bố thí. Con như Ta thì biết rõ điều đó. Quả báo của bố thí, báo của sự bình đẳng, tâm không có gì khác. Cho nên, chúng sinh vì không thể bố thí bình đẳng mà tự thân đọa lạc, hằng bị tâm keo kiệt, ganh tỵ trói buộc tâm ý.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Chúng sinh không tự giác
Lời dạy của Như Lai:
Thường nên bố thí khắp
Chuyên hướng chỗ chân nhân.
Chí tánh đã thanh tịnh
Được phước nhiều gấp bội
Cùng cộng phần phước đó
Sau được quả báo lớn.
Nay lành thay bố thí
Tâm hướng ruộng phước rộng
Chết ở cõi người này
Ắt sinh lên trên trời.
Cho đến xứ lành kia
Khoái lạc tự vui sướng
Cát tường rất hoan vui
Tất cả không thiếu thốn.
Do nghiệp trời oai đức
Ngọc nữ theo chung quanh

Báo bố thí bình đẳng
Nên được phước đức này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông chớ sợ phước báo. Vì sao? Vì đây là sự báo ứng của việc thọ lạc rất đáng yêu kính. Sở dĩ gọi là phước vì có báo lớn này. Các ông nên sợ vô phước. Vì sao? Vì đây là nguồn gốc của khổ, sầu lo, khổ não, không thể kể hết, không có yêu thích. Đây gọi là vô phước. Này Tỳ-kheo, Ta tự nhớ xưa kia bảy năm hành Từ tâm. Lại trải qua bảy kiếp Ta không đến cõi này. Lại trong bảy kiếp Ta sinh về trời Quang âm, bảy kiếp sinh vào chốn Không Phạm thiên[19] làm Đại Phạm thiên không ai sánh bằng, thống lãnh trăm ngàn thế giới. Ba mươi sáu lần Ta làm thân Thiên đế Thích, vô số đời làm vua Chuyển luân.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tạo phước chớ mệt mỏi. Vì sao? Vì đây gọi là sự báo ứng của thọ lạc rất đáng yêu kính, đó gọi là phước. Các ông nên sợ vô phước. Vì sao? Vì là nguồn gốc của khổ, sầu lo, khổ não, không thể kể hết, đó gọi là vô phước.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Vui thay, phước báo
Sở nguyện tựu thành
Mau đến diệt tận
Đến chỗ vô vi.
Ví dù số ức
Thiên ma Ba-tuần
Cũng không thể quấy
Người tạo nghiệp phước.
Kia thường tự cầu

---

[19] *Không Phạm thiên xứ 空梵天處, hay Không Phạm thiên cung, thiên cung trống không của Phạm thiên. Xem, Trường 14, T1n1, tr. 90b10. Cf. Brahmajālasutta, D.i. 16: Suññaṃ brahmavimānaṃ.*

Đạo của Hiền thánh
Liền trừ hết khổ
Sau cùng không lo.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tạo phước chớ chán nản. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có người thuận theo một pháp, không lìa một pháp, thì Thiên ma Ba-tuần không thể có được cơ hội, cũng không thể đến để quấy nhiễu người. Những gì là một pháp? Là công đức phước nghiệp. Vì sao? Vì Ta nhớ xưa kia, dưới bóng đạo thọ, cùng các Bồ-tát hội họp về một chỗ. Ác ma Ba-tuần đem hàng ngàn vạn ức binh chủng, đủ các loại tướng mạo, hình người đầu thú không thể kể hết: Trời, Rồng, Quỷ thần, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Ma-hưu-lặc v.v... đều đến tụ hội.

Lúc ấy ma Ba-tuần nói với Ta rằng:

–Sa-môn, mau gọp mình sát đất.

Phật dùng sức lớn phước đức hàng phục ma oán, mọi trần cấu đều tiêu, không uế nhiễm, liền thành đạo Vô thượng chánh chân.

Các Tỳ-kheo nên quán sát nghĩa này. Nếu có Tỳ-kheo nào đầy đủ công đức, ác ma Ba-tuần không thể có được cơ hội để phá hoại công đức kia.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Có phước khoái lạc
Vô phước thì khổ
Đời này, đời sau
Tạo phước thọ lạc.

Cho nên các Tỳ-kheo, tạo phước chớ mệt mỏi.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có Tỳ-kheo nào tu hành một pháp thì không thể làm bại hoại các nẻo dữ. Một pháp thì hướng đến các nẻo lành. Một pháp thì hướng đến Niết-bàn. Thế nào là tu hành một pháp, thì không thể làm bại hoại các nẻo dữ? Là tâm không chí tín. Đó gọi là tu một pháp này thì không thể làm hoại các nẻo ác.

Thế nào là tu hành một pháp thì hướng đến các nẻo thiện? Là tâm hành chí tín. Đó gọi là tu một pháp thì hướng đến các nẻo lành.

Thế nào là tu hành một pháp thì hướng đến Niết-bàn? Là thường chuyên tâm niệm. Đó gọi là tu hành pháp này được đến Niết-bàn.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy chuyên tinh tâm ý niệm tưởng đến các gốc lành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có một người mà xuất hiện ở thế gian, thì chúng sinh ở đây liền tăng ích tuổi thọ, nhan sắc tươi nhuận, khí lực sung mãn, khoái lạc vô cùng, âm thanh hòa nhã. Một người ấy là ai? Là Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Đây gọi là một người mà xuất hiện ở thế gian, khiến chúng sinh ở đây liền tăng ích tuổi thọ, nhan sắc tươi nhuần, khí lực sung mãn, khoái lạc vô cùng, âm thanh hòa nhã.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường chuyên tinh nhất tâm niệm Phật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Không mạn, hai niệm, đàn
Hai thí, keo[20] không chán
Thí phước, ma Ba-tuần
Nẻo ác và một người.

❑

[20] **Để bản:** Kiên 堅。TNM: Khan 慳。

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 5

Phẩm 11: BẤT ĐÃI

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy diệt một pháp, Ta sẽ xác chứng các ông thành A-na-hàm. Một pháp gì? Đó là tham dục.

Này các Tỳ-kheo, hãy diệt tham dục, Ta sẽ xác chứng các ông đắc A-na-hàm.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bị nhiễm vào tham dâm
Chúng sinh rơi đường dữ
Siêng từ bỏ tham dục
Liền thành A-na-hàm.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy diệt một pháp, Ta sẽ xác chứng các ông thành A-na-hàm. Một pháp gì? Đó là sân nhuế.

Này các Tỳ-kheo, hãy diệt sân nhuế, Ta sẽ xác chứng các ông đắc A-na-hàm.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bị nhiễm vào sân nhuế
Chúng sinh rơi đường dữ
Siêng tu bỏ sân nhuế
Liền thành A-na-hàm.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy diệt một pháp, xa lìa một pháp, Ta sẽ xác chứng các ông thành A-na-hàm. Một pháp gì? Đó là ngu si.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hay diệt ngu si, Ta sẽ xác chứng các ông đắc A-na-hàm.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bị nhiễm vào ngu si
Chúng sinh rơi đường dữ
Siêng từ bỏ ngu si
Liền thành A-na-hàm.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy diệt một pháp, xa lìa một pháp, Ta sẽ xác chứng các ông thành A-na-hàm. Một pháp gì? Đó là xan tham.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hay diệt xan tham, Ta sẽ xác chứng các ông đắc A-na-hàm.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bị nhiễm vào xan tham
Chúng sinh rơi đường dữ

Siêng từ bỏ xan tham
Liền thành A-na-hàm.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta ở trong chúng này, ban đầu không thấy một pháp không thể hàng phục, khó có được thời cơ thích nghi, chịu các báo khổ, như là tâm.

Này các Tỳ-kheo, tâm này không thể hàng phục, khó có được thời cơ thích nghi, chịu các báo khổ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy phân biệt tâm, hãy tư duy tâm; hãy khéo niệm tưởng các gốc rễ thiện. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta ở trong chúng này, ban đầu không thấy một pháp dễ hàng phục, dễ có được thời cơ thích nghi, nhận các báo thiện, như là tâm. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy phân biệt tâm, hãy tư duy tâm; hãy khéo niệm tưởng các gốc rễ thiện. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ở trong chúng này, nếu có một người nào nghĩ điều gì, Ta tất biết rõ. Sau đó người này ở trong chúng không vì sự ăn uống mà nói lời hư dối. Nhưng vào một lúc khác, Ta xem thấy người này sinh tâm đắm nhiễm, niệm tưởng tài vật, nên ở trong đại chúng nói hư dối. Vì sao? Này các Tỳ-kheo, sự đắm nhiễm tài vật thật là khó bỏ, khiến người rơi vào trong ba đường dữ, không đến được chỗ vô vi. Cho nên, này các Tỳ-kheo, đã sinh tâm này rồi, thì hãy xả ly. Giả sử chưa sinh, chớ để khởi tâm nhiễm đắm tài vật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ở trong chúng này, có người tự nghĩ, thà bị đoạn mạng chứ không nói dối ở trong chúng. Nhưng vào một lúc khác, Ta xem thấy người này sinh tâm đắm nhiễm niệm tưởng tài vật, nên ở trong đại chúng nói lời hư dối. Sở dĩ như vậy, này các Tỳ-kheo, sự đắm nhiễm vào tài vật thật là khó bỏ, khiến người rơi vào trong ba đường dữ, không đến được chỗ vô vi. Cho nên, này các Tỳ-kheo, đã sinh tâm này rồi thì hãy xả ly. Giả sử chưa sinh, chớ để khởi tâm nhiễm đắm tài vật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành La-duyệt-kỳ, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào, các Tỳ-kheo, có ai thấy pháp Đề-bà-đạt-đâu[1] thanh bạch không? Nhưng Đề-bà-đạt-đâu lại tạo ác sâu nặng, sẽ trải qua một kiếp chịu tội, không thể chữa trị. Ở trong pháp của ta thì không thấy một mảy may điều lành nào để có thể ghi ra. Vì vậy cho nên, nay Ta nói đầu mối các tội của Đề-bà-đạt-đâu là không thể chữa trị được. Giống như có người rơi vào hố phẩn sâu, thân thể chìm ngập, không có chỗ nào là sạch. Có người muốn đến cứu mạng nó đặt lên chỗ sạch, nhìn quanh hố phẩn và thân người kia, có chỗ nào sạch, để dùng tay kéo vớt lên; nhưng nhìn kỹ không một chỗ nào sạch để mà nắm, nên bỏ mà đi.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta xem nơi kẻ ngu si Đề-bà-đạt-đâu không thấy mảy may pháp thiện[2] nào đáng ghi nhớ và sẽ trải qua một kiếp chịu tội, không thể chữa trị. Sở dĩ như vậy, vì Đề-bà-đạt-đâu chỉ có ngu si, chuyên đắm lợi dưỡng; sau khi tạo tội ngũ nghịch, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào đường dữ.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, sâu nặng về lợi dưỡng khiến người không đến được nơi an ổn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, đã sinh tâm lợi dưỡng thì hãy lìa bỏ. Nếu nó chưa sinh thì chớ để khởi tâm đắm nhiễm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt-kỳ, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo nghe Như Lai đã có thọ ký về Điều-đạt[3], là sẽ chịu tội một kiếp không thể chữa trị. Lúc ấy Tỳ-kheo kia đến chỗ Tôn giả A-nan, sau khi thăm hỏi xong, ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia hỏi A-nan rằng:

–Thế nào, Tôn giả A-nan, Như Lai đã quán sát tận cùng căn nguyên của Đề-bà-đạt-đâu rồi, sau đó mới thọ ký là sẽ chịu tội một kiếp

---

1. Đề-bà-đạt-đâu 提婆達兜, thường biết là Đề-bà-đạt-đa. Pāli: Devadatta.

2. Để bản nhảy chữ thiện có trong TNM.

3. Điều-đạt 調達, trên kia nói là Đề-bà-đạt-đâu. Xem cht. 1 trên.

không thể chữa liệu chăng? Có nguyên do để có thể được thọ ký chăng?

Lúc ấy, A-nan bảo:

–Những gì Như Lai nói ra không bao giờ hư dối. Những gì được hành bởi thân, khẩu của ngài không có đổi khác. Như Lai đã chắc thật thọ ký Đề-bà-đạt-đâu sẽ chịu tội sâu nặng trải qua một kiếp không thể chữa trị.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan rời chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

–Có một Tỳ-kheo đi đến chỗ con nói: "Thế nào, Tôn giả A-nan, Như Lai đã quán sát tận cùng căn nguyên của Đề-bà-đạt-đâu rồi, sau đó mới thọ ký là sẽ chịu tội một kiếp không thể chữa liệu chăng? Có nguyên do để có thể được thọ ký chăng?" Nói xong những lời này rồi từ bỏ đi.

Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo kia chắc là người xuất gia tu học trễ muộn, hay mới đi đến trong pháp của ta chưa bao lâu chăng? Những gì Như Lai đã nói ra không bao giờ hư dối, sao lại ở trong đó mà khởi lên do dự?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

–Ông hãy đến đó, bảo Tỳ-kheo kia rằng: "Như Lai cho gọi thầy."

A-nan đáp :

–Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Sau khi vâng lời Thế Tôn dạy, A-nan liền đến chỗ Tỳ-kheo kia; đến rồi bảo Tỳ-kheo kia rằng:

–Như Lai cho gọi thầy.

Tỳ-kheo kia đáp:

–Xin vâng, Tôn giả.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia sửa lại y phục, cùng A-nan đến chỗ Thế Tôn. Đến rồi, lễ sát chân Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

–Này kẻ ngu kia, sao ông không tin những gì Như Lai đã nói ra? Những gì Như Lai dạy là không hư vọng. Nay thầy muốn tìm hư vọng nơi Như Lai?

Lúc ấy Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

–Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đâu có thần lực lớn, có oai thế lớn, vì sao Thế Tôn lại thọ ký thầy ấy chịu tội sâu nặng một kiếp?

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Hãy giữ gìn lời nói của ông, chớ để phải lâu dài chịu khổ vô lượng.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Trụ thiền, thần thông tục[4]
Rốt lại, không giải thoát
Không tạo đường diệt tận
Lại trở vào địa ngục.

Giả sử nếu Ta thấy Đề-bà-đạt-đâu tự thân có chút ít pháp thiện nào, Ta không bao giờ thọ ký Đề-bà-đạt-đâu kia phải chịu tội một kiếp không thể chữa trị. Cho nên, nay kẻ ngu kia, vì Ta không thấy Đề-bà-đạt-đâu có một chút pháp thiện nào cho nên mới thọ ký Đề-bà-đạt-đâu kia chịu tội một kiếp không thể chữa trị. Sở dĩ như vậy, vì Đề-bà-đạt-đâu ngu si tham đắm vào lợi dưỡng, khởi tâm nhiễm trước, tạo ác ngũ nghịch, thân hoại mạng chung sẽ đọa vào trong địa ngục. Vì sao? Vì tâm lợi dưỡng nặng thì sẽ làm bại hoại gốc rễ thiện của con người, khiến con người không đến được nơi an ổn.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu có tâm lợi dưỡng khởi lên thì hãy tìm cách diệt, nếu không có tâm thì chớ khởi tưởng đắm vào. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lễ sát chân Thế Tôn, bạch Thế Tôn:

–Nay con tự hối lỗi, nguyện xin Thế Tôn rủ lòng tha thứ, vì ngu si nên con đã tạo hành bất thiện. Những gì Như Lai đã nói ra không có hai lời, nhưng vì con ngu si nên khởi tưởng do dự. Nguyện xin Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con, sửa đổi cái đã qua, tu tập cái sẽ đến.

Tác bạch cho đến ba lần như vậy.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, Tỳ-kheo! Đã biết hối những điều mình đã nghĩ. Ta tha thứ cho những bất cập của ông. Chớ đối với Như Lai mà khởi tưởng do dự. Nay Ta nhận sự hối lỗi của ông, sau này chớ gây nữa.

Cho đến ba bốn lần như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Dù có tạo tội nặng

---

[4] *Đề-bà-đạt-đa đắc Tứ thiền và có thần thông.*

Hối lỗi, không tái phạm
Người này hợp giới cấm
Nhổ căn nguyên tội này.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia cùng bốn bộ chúng nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Bốn loại A-na-hàm
Hai tâm và hai thực
Bà-đạt, hai Khế kinh
Người trí nên biết rõ.

-oOo-

Phẩm 12: NHẬP ĐẠO

Kinh số 1[5]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ[6], Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có con đường chỉ một lối vào[7], làm thanh tịnh các hành của chúng sinh, trừ bỏ sầu ưu, không còn mọi bức não, được trí tuệ lớn, thành tựu sự chứng đắc Niết-bàn. Đó là hãy diệt trừ năm triền cái, tư duy bốn Ý chỉ[8].

Thế nào là một lối vào? Tâm chuyên nhất, đó là một lối vào. Thế nào là đạo? Tám phẩm đạo Hiền thánh:

1. Chánh kiến.
2. Chánh trị[9].
3. Chánh nghiệp.
4. Chánh mạng.

---

5. *Tham chiếu, Pāli, M. 10 Mahāsatipaṭṭhāna (R i. 55 ff).*
6. *Pāli: Phật trú tại thôn Kammāsadhamma, xứ Kuru.*
7. *Hán: Nhất nhập đạo. Pāli: Ekāyano maggo, con đường có một lối đi duy nhất.*
8. *Tứ Ý chỉ: Bốn chỗ y chỉ của ý. Thường nói là bốn Niệm xứ, hay bốn Niệm trụ. Pāli: Cattāro satipaṭṭhānā.*
9. *Xem kinh số 3, phẩm 10.*

5. Chánh phương tiện.

6. Chánh ngữ[10].

7. Chánh niệm.

8. Chánh định.

Đó gọi là đạo. Đó gọi là con đường chỉ một lối vào.

Thế nào là hãy diệt trừ năm triền cái? Tham dục cái, sân nhuế cái, điệu hý[11] cái, thùy miên cái, nghi cái. Đó gọi là năm triền cái phải diệt.

Thế nào là tư duy bốn Ý chỉ? Ở đây, này Tỳ-kheo, bên trong tự quán thân[12] trừ bỏ niệm ác, không có sầu ưu; bên ngoài tự quán thân trừ bỏ ác niệm, không có sầu ưu; trong ngoài quán thân trừ bỏ ác niệm, không có sầu ưu. Trong quán thọ nơi thọ[13], ngoài quán thọ nơi thọ, trong ngoài quán thọ trên thọ mà tự vui thú[14]. Trong quán tâm, ngoài quán tâm, trong ngoài quán tâm mà tự vui thú. Trong quán pháp, ngoài quán pháp, trong ngoài quán pháp mà tự vui thú.

Thế nào là Tỳ-kheo bên trong quán thân mà tự vui thú*? Ở đây, Tỳ-kheo quán thân này tùy theo tánh hạnh của nó: Từ đầu đến chân, từ chân đến đầu; quán trong thân này tất cả đều bất tịnh, không có gì đáng tham.

Lại quán thân này có các thứ lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, mỡ cao[15], ruột, bao tử, tim, gan, tỳ, thận; thảy đều quán biết hết. Phẩn, tiểu, sinh tạng, thục tạng, nước mắt, đờm dải, huyết mạch, mỡ[16], mật; đều nên quán biết, không có gì đáng tham đắm.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy quán thân mà tự vui thú, trừ bỏ niệm ác, không có sầu ưu.

Lại nữa, Tỳ-kheo lại quán thân này có đại chủng đất chăng? Có đại chủng nước, lửa, gió chăng? Tỳ-kheo quán sát thân này như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân này, phân biệt các giới; thân này có bốn đại chủng. Giống như người khéo mổ bò, hoặc học trò người mổ

---

10. Thứ tự có đảo lộn.

11. Điệu hý, thường nói là trạo cử: Cử động bồn chồn, bức rức không yên.

12. Hán: Nội tự quán thân. Pāli: Bhikkhu kāye àyānupassī vaharti, Tỳ-kheo an trú (sống) với sự quán thân trên (trong, nơi) thân.

13. Nguyên Hán: Quán thống thống. Pāli: Vedanāsu vedanānupassī, quán thọ trên (nơi) các thọ.

14. Hán: Tự ngu lạc 自娛樂。Pāli: Viharati, (vị ấy) an trú.

15. Hán: Chi cao 脂膏, phân biệt với phương 肪, cũng là mỡ, kể sau.

16. Hán: Phương 肪, phân biệt với chi cao 脂膏 kể trên; đều chỉ mỡ.

bò, xẻ con bò từng phần để tự xem xét: Đây là chân, đây là tim, đây là đốt xương, đây là đầu. Cũng vậy, Tỳ-kheo kia phân biệt giới này mà tự quán sát: Thân này có các đại chủng đất, nước, lửa, gió. Tỳ-kheo quán sát thân như vậy mà tự vui thú.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ rỉ chảy không sạch. Giống như người kia quán sát vườn trúc hay quán sát bụi lau. Cũng vậy Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ chảy ra các thứ bất tịnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi, hoặc chết đã một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, sáu ngày, bảy ngày; thân thể sình trướng, hôi thối không sạch. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng với thân kia không khác, thân ta không thoát khỏi hoàn này.

Hoặc Tỳ-kheo quán tử thi bị quả, se sẻ, kên kên ăn nuốt, hoặc bị hổ lang, chó sói, các loài trùng thú trông thấy ăn thịt. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta không tránh khỏi hoạn này. Đó là Tỳ-kheo tự quán thân mà vui thú.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi hoặc bị ăn một nửa, rơi vãi trên đất, hôi thối không sạch. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta không tránh khỏi pháp này.

Lại nữa, quán tử thi đã hết thịt, chỉ còn có xương bê bết máu. Tỳ-kheo lại đem thân mình quan sát như thân kia cũng không khác. Tỳ-kheo quán thân này như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi, gân ràng rịt như bó củi. Tỳ-kheo lại quán thân mình cùng kia không khác. Tỳ-kheo quán thân này như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi, từng đốt xương phân tán rơi vãi khắp nơi. Hoặc xương tay, xương chân mỗi thứ một nơi, hoặc xương đùi, xương hông, hoặc xương cùng, hoặc xương tay, hoặc xương vai, hoặc xương sườn, hoặc xương sống, hoặc xương cổ, hoặc đầu lâu. Lại nữa, thân này cùng kia không khác. Ta không thoát khỏi pháp này. Thân ta cũng sẽ bại hoại. Như vậy Tỳ-kheo quán thân này mà tự vui thú.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi màu trắng, màu ngọc trắng[17]. Tỳ-kheo lại tự quán thân cùng kia không khác, ta không lìa khỏi pháp này. Đó là Tỳ-kheo tự quán thân.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo thấy tử thi, tưởng xương xanh bầm, không có gì đáng tham đắm, hoặc cùng màu tro đất không thể phân biệt. Như

---

17. Hán: Bạch kha 白珂, trắng như mã não.

vậy, Tỳ-kheo tự quán thân, trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo. Thân này vô thường, là pháp phân tán. Như vậy Tỳ-kheo nội tự quán thân, ngoại quán thân, nội ngoại quán thân, phân rã, không có gì.

Thế nào là Tỳ-kheo nội quán thọ nơi thọ? Ở đây, Tỳ-kheo khi có cảm thọ lạc, tức thì tự giác tri rằng ta có cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, tức thì tự giác tri rằng ta có cảm thọ khổ. Khi có cảm thọ không lạc không khổ, tự giác tri rằng ta có cảm thọ không lạc không khổ. Nếu khi được cảm thọ lạc bởi ăn[18], liền tự giác tri ta được cảm thọ lạc bởi ăn*. Nếu khi được cảm thọ khổ bởi ăn*, liền tự giác tri ta được cảm thọ khổ bởi ăn*. Nếu khi được cảm thọ không lạc không khổ bởi ăn*, liền tự giác tri ta được cảm thọ không lạc không khổ bởi ăn*. Nếu khi được cảm thọ lạc không bởi ăn[19], liền tự giác tri ta được cảm thọ lạc không bởi ăn. Nếu được cảm thọ khổ không bởi ăn, liền tự giác tri ta được cảm thọ khổ không bởi ăn. Nếu khi được cảm thọ không lạc không khổ không bởi ăn, liền tự giác tri ta được cảm thọ không lạc không khổ không bởi ăn. Tỳ-kheo bên trong tự quán thọ như vậy.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo lúc được cảm thọ lạc, lúc ấy không có cảm thọ khổ, bấy giờ tự giác tri ta đang cảm thọ lạc. Nếu lúc được cảm thọ khổ, lúc ấy không có cảm thọ lạc, bấy giờ tự giác tri ta đang cảm thọ khổ. Nếu khi được cảm thọ không lạc không khổ, lúc đó không có lạc, không có khổ thì tự giác tri ta đang cảm thọ không lạc không khổ.

Vị đó pháp tập khởi[20] mà tự vui thú*, cũng quán pháp diệt tận[21], lại quán pháp tập diệt[22]. Hoặc lại có thọ hiện ở trước mà có thể biết, có thể thấy; vị ấy tư duy nguồn gốc của nó, không nương tựa vào đâu mà tự vui thú, không khởi niệm tưởng về thế gian[23]. Ở trong đó cũng không

---

18. Hán: Thực lạc thống 食樂痛, cảm thọ lạc thuộc vật chất, nhục thể. Pāli: Sāmisaṃ và sukhaṃ vedanaṃ.

19. Hán: Bất thực lạc thống 不食樂痛, cảm thọ lạc không thuộc vật chất, phi nhục thể. Pāli: Nirāmisaṃ vedanaṃ.

20. Để bản: Tập (tu tập) pháp 習法; không có chữ quán 觀。Theo văn mạch dưới, nên hiểu là quán pháp tập khởi nơi các thọ, tức quán tập khởi hay nguyên nhân sinh khởi của các thọ. Pāli: Samudaya-dhammānupassī vā vedanāsu vi harati, (Tỳ-kheo ấy) an trú (sống), quán sát pháp tập khởi nơi các thọ.

21. Hán: Quán tận pháp 觀盡法。Pāli: Vayadhammānupassī và vedanāsu viharati, vị ấy an trú, quán sát pháp bại hoại nơi các thọ.

22. Hán: Quán tập tận chi pháp 觀習盡之法。Pāli: Samudayavayadhammānupassī và vedanāsu viharati, vị ấy an trú, quán sát pháp khởi diệt nơi các thọ.

23. Pāli: Yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati na ca kiñci loke upādayati, cho đến như vậy, vị ấy an trú (sống) không nương tựa cái gì, không chấp

kinh sợ. Do không kinh sợ mà đạt đến Niết-bàn, như thật biết rằng: "Sinh[24] đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc phải làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa." Tỳ-kheo bên trong tự quán thọ như vậy, trừ bỏ loạn niệm không có sầu lo. Bên ngoài tự quán thọ[25], nội ngoại quán thọ, trừ bỏ loạn niệm không có sầu lo. Như vậy Tỳ-kheo nội ngoại quán thọ.

Thế nào là quán tâm, tâm pháp[26] mà tự vui thú*? Ở đây, Tỳ-kheo có tâm ái dục, liền tự giác tri có tâm ái dục; không có tâm ái dục cũng thì tự giác tri không có tâm ái dục. Có tâm sân nhuế, liền tự giác tri có tâm sân nhuế; không có tâm sân nhuế, cũng tự giác tri không có tâm sân nhuế. Nếu có tâm ngu si, liền tự giác tri có tâm ngu si; không có tâm ngu si, liền tự giác tri ta không có tâm ngu si. Nếu có tâm ái niệm, liền tự giác tri có tâm ái niệm; không có tâm ái niệm, cũng tự giác tri không có tâm ái niệm. Có tâm thọ nhập[27], thì tự giác tri có tâm thọ nhập; không tâm thọ nhập, thì tự giác tri không có tâm thọ nhập. Nếu có tâm loạn[28], thì tự giác tri có tâm loạn; không có tâm loạn niệm, cũng tự giác tri không có tâm loạn niệm. Có tâm tán lạc[29], liền tự giác tri có tâm tán lạc; không có tâm tán lạc, liền tự giác tri không có tâm tán lạc. Có tâm phổ biến, liền tự giác tri có tâm phổ biến; không có tâm phổ biến, cũng tự giác tri không có tâm phổ biến. Có tâm lớn, liền tự giác tri có tâm lớn; không có tâm lớn cũng tự giác tri không có tâm lớn. Có tâm vô lượng, liền tự giác tri có tâm vô lượng; không có tâm vô lượng, cũng tự giác tri không có tâm vô lượng. Có tâm Tam-muội, liền giác tri có tâm Tam-muội[30]; không có tâm Tam-muội, cũng giác tri không có tâm Tam-muội. Tâm chưa giải thoát, liền tự giác tri tâm chưa giải thoát; tâm đã giải thoát, cũng tự giác tri tâm đã giải thoát.

---

thủ bất cứ cái gì trên đời, chỉ hướng đến tuệ, chỉ hướng đến niệm.

24. Để bản: Sinh tử 生死; có thể chép dư chữ tử 生。

25. Ý nghĩa: Quán thọ nới người khác.

26. Hán: Quán tâm tâm pháp. Pāli: Citte cittānupassī, quán tâm nơi tâm.

27. Hán: Thọ nhập tâm 受入心, chỉ tâm được thâu rút lại (Pāli: Saṃkhittaṃ và cittaṃ); đối lại với tâm loạn và tâm tán lạc kể sau (Pāli: Vikhittaṃ và cittaṃ).

28. Để bản: Loạn niệm tâm 亂念心; tiếp theo dưới: Loạn tâm 亂心. TNM: Loạn tâm 亂心。

29. Hán: Tán lạc tâm 散落心, "tâm rơi vãi" đồng nghĩa với tâm loạn kể trên. Pāli: (Vikkhittaṃ cittaṃ).

30. Hán: Tam-muội tâm 三昧心。Pāli: Samāhitaṃ cittaṃ, tâm định, tập trung.

Như vậy, Tỳ-kheo tu ý chỉ với sự quán sát tướng của tâm nơi[31]; quán tập pháp, quán diệt pháp, cùng quán pháp tập diệt*; tư duy quán pháp mà tự vui thú. Những gì mà[32] có thể biết, có thể thấy, có thể tư duy, không thể tư duy, không nương tựa cái gì, không khởi lên niệm tưởng thế gian[33]. Đã không khởi tưởng liền không sợ hãi. Đã không sợ hãi liền được vô dư. Đã được vô dư liền được Niết-bàn, như thật biết rằng: "Sinh* đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân đời sau nữa."

Như vậy, Tỳ-kheo tu tập ý chỉ, bên trong tự quán tự tâm, trừ bỏ loạn tưởng, không có sầu lo; tu tập ý chỉ, bên ngoài tự quán tâm, nội ngoại quán tâm, trừ bỏ loạn niệm, không có sầu lo. Như vậy, Tỳ-kheo tu tập ý chỉ quán tướng của tâm nơi tâm*.

Thế nào là Tỳ-kheo tu ý chỉ, quán tướng của pháp nơi pháp? Ở đây, Tỳ-kheo tu Niệm giác ý[34], y quán, y vô dục, y diệt tận, trừ bỏ các pháp ác. Tu Pháp giác ý[35], tu Tinh tấn giác ý, tu Niệm giác ý[36], tu Ỷ giác ý[37], tu Tam-muội giác ý, tu Hộ giác ý,[38] y quán, y vô dục, y diệt tận, trừ bỏ các pháp ác. Như vậy, Tỳ-kheo tu ý chỉ, quán tướng của pháp nơi pháp.

Lại nữa, Tỳ-kheo đã giải thoát khỏi ái dục[39], trừ pháp ác bất thiện, có giác, có quán[40], có ỷ niệm và lạc[41], ở nơi Sơ thiền mà tự vui thú. Như

---

31. Để bản: Tâm tướng quán ý chỉ 心相觀意止。Y theo đoạn dưới thêm một chữ tâm: Tâm tâm tướng quán ý chỉ 心心相觀意止。

32. Theo ngữ cảnh, ở đây hình như thiếu một đoạn nói trong quán về các thọ ở trên, và quán pháp ở sau: "(những cái đó, các thọ hay các trạng thái của tâm) mà đang hiện tại trước mắt, có thể biết…"

33. Văn mạch, như đoạn trên về quán thọ. Văn dịch ở đây có chỗ thêm bớt. Xem cht. 23 trên.

34. Niệm giác ý 念覺意, hay Niệm giác chi (Pāli: Satisambojjhaṅga). Tham chiếu Pāli: Puna caparaṃ, bhikkhave, bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati sattasu bojjhaṅgesu, "Lại nữa, Tỳ-kheo sống quán pháp trong các pháp trong bảy Giác chi."

35. Pháp giác y 法覺意, hay Trạch pháp giác chi. Pāli: Dhammavicayasambojjhaṅga.

36. Niệm giác ý 念覺意; đây phải kể là Hỷ giác chi, không đồng nhất với niệm đã kể trên. Pāli: Pītisambo-jjhaṅga.

37. Ỷ giác ý, hay Khinh an giác chi. Pāli: Passaddhisambojjhaṅga.

38. Hộ giác ý, tức Xả giác chi. Pāli: Upekkhāsambojjhaṅga.

39. Hán: Ư ái dục giải thoát 於愛欲解脫, chỉ trạng thái ly dục, không còn ham muốn nơi ngũ dục, của người nhập Sơ thiền.

40. Hữu giác hữu quán 有覺有觀 tức có tầm, có tứ. Pāli: Savitakkaṃ savicāraṃ.

41. Hữu ỷ niệm lạc 有猗念樂, tức có hỷ và lạc do viễn ly sinh (Pāli: Vivekajaṃ

vậy, Tỳ-kheo tu ý chỉ, quán tướng của pháp nơi pháp.

Lại nữa, Tỳ-kheo xả hữu giác, xả hữu quán, bên trong phát hoan hỷ[42], chuyên nhất ý[43], thành không giác, không quán, niệm ỷ hỷ an[44]; vào Nhị thiền mà tự vui thú. Như vậy, Tỳ-kheo tu ý chỉ, quán tướng của pháp nơi pháp.

Lại nữa, Tỳ-kheo xả niệm, tu nơi hộ,[45] hằng tự giác tri[46], thân có tri giác lạc, điều mà các Hiền thánh mong cầu, hộ và niệm thanh tịnh[47] hành nơi Tam thiền. Như vậy, Tỳ-kheo tu ý chỉ, quán tướng của pháp nơi pháp.

Lại nữa, Tỳ-kheo xả tâm lạc khổ, không còn có ưu và hỷ, không lạc không khổ, hộ niệm thanh tịnh[48], vui thú nơi Tứ thiền. Như vậy, Tỳ-kheo tu ý chỉ, quán tướng của pháp nơi pháp.

Vị ấy, hành pháp tập, hành pháp diệt tận, cùng hành pháp tập diệt mà tự vui thú, liền được ý chỉ nơi pháp mà hiện ra trước, có thể biết, có thể thấy, trừ bỏ loạn tưởng, không nương tựa cái gì, không khởi tưởng thế gian. Đã không khởi tưởng liền không sợ hãi. Đã không sợ hãi thì như thật biết rằng: "Sinh* đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa."

Nay các Tỳ-kheo, y chỉ trên con đường một lối vào mà chúng sinh được thanh tịnh, xa lìa sầu ưu, lại không có tưởng ưu[49] hỷ, đạt được trí

---

pītisukhaṃ).

42. Xem Huyền Trang, Pháp Uẩn 5 (T26n1537, tr. 482b3, 484a18): Nội đẳng tịnh 內等淨。Trạng thái trừng tịnh và quân bình nội tâm. Skt. Adhyātma-saṃpasāda (Pāli không có).

43. Huyền Trang, ibid. (482b03, 484a20): Tâm nhất thú tính 心一趣性, tâm tập trung trên một điểm. Skt. Cittasyaikāgratā (Pāli: Cittaggatā).

44. Hán: Niệm ỷ hỷ an 念猗喜安。Cf. Huyền Trang, ibid. (482b03): Định sinh hỷ lạc 定生喜樂, có hỷ lạc phát sinh do định. Pāli: Samādhijaṃ pītisukhaṃ.

45. Hán: Xả ư niệm, tu ư hộ 捨於念。修於護。Cf. Huyền Trang, ibid. (482b04): Ly hỷ, trụ xả 離喜住捨。

46. Cf. Huyền Trang, ibid. (482b05): Chánh niệm chánh tri 正念正知。

47. Hán: Hộ niệm thanh tịnh 護念清淨, hai chữ thanh tịnh 清淨, nghi dư. Vì nó chỉ trạng thái thiền thứ tư, được nói sau đó. Cf. Pāli: Yaṃ taṃ ariyā ācikkhanti upekkhako satimā sukhavihārī, điều mà các Thánh mong cầu là xả, vị ấy an trú lạc cùng với niệm.

48. Hán: Hộ niệm thanh tịnh 護念清淨。Pāli: Upekkhā sati parisuddhaṃ catutthajjhānaṃ, thiền thứ tư thanh tịnh với xả và niệm.

49. Để bản: Phục hỷ 復喜。TNM: Ưu hỷ憂喜。

tuệ, chứng ngộ Niết-bàn[50]. Đó là diệt năm triền cái, tu bốn Ý chỉ.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta ở trong đây không thấy một pháp nào đưa đến hoại diệt nhanh như ganh ghét, đố kỵ đối với người phạm hạnh. Cho nên, các Tỳ-kheo nên tu hành từ nhẫn, thân hành Từ, khẩu hành Từ, ý hành Từ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có một người mà khi xuất hiện ở thế gian thì tối tôn, tối thượng trên cả chư Thiên, loài người, ma, cùng Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn tối tôn, ai sánh bằng; đó là ruộng phước, bậc nhất đáng thừa sự, đáng tôn kính. Thế một người ấy là ai? Là Như Lai, Bậc A-la-ha Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó gọi là một người mà khi xuất hiện ở thế gian, thì tối tôn, tối thượng, vượt qua chư Thiên, loài người, A-tu-luân, ma cùng Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn không ai sánh bằng; đó là ruộng phước bậc nhất, đáng thừa sự, đáng tôn kính. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên thường cúng dường Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

---

50. Hán: Niết-bàn chứng. Pāli: Nibbānassa sacchikiriyā.

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ai chăm sóc bệnh nhân, là người ấy đã chăm sóc Ta. Ai khán hộ bệnh nhân, là người ấy đã khán hộ Ta. Vì sao? Ta nay muốn đích thân khán hộ người tật bệnh.

Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy một người nào mà bố thí cho vị ấy thì sự bố thí này không gì vượt qua, tối thượng trên cả sự bố thí cho chư Thiên, thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn. Hành thí này mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn, tiếng đồn vang khắp, được pháp vị cam lồ. Nghĩa là bố thí đến Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Nên biết, đó là bố thí tối thượng trong sự bố thí, không có gì vượt qua. Hành thí này mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn. Nay Ta vì nhân duyên này mà nói ra như vầy: Chăm sóc bệnh nhân, tức là đã chăm sóc Ta không khác. Các ông lâu dài được phước lợi lớn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ai tán thán A-luyện-nhã tức là đã tán thán Ta. Vì sao? Vì hiện tại lúc nào Ta cũng tự tán thán hạnh A-luyện-nhã. Ai bài báng A-luyện-nhã tức là đã bài báng Ta.

Ai tán thán khất thực tức là đã tán thán Ta. Vì sao? Vì lúc nào Ta cũng tán thán người hay khất thực. Ai hủy báng khất thực tức là đã hủy báng Ta.

Ai tán thán người ngồi một mình tức là đã tán thán Ta. Vì sao? Vì Ta thường tán thán người hay ngồi một mình. Ai hủy báng người ngồi một mình tức là đã hủy báng Ta.

Ai tán thán người một lần ngồi một lần ăn tức là đã tán thán Ta. Vì sao? Vì Ta thường tán thán người một lần ngồi một lần ăn. Ai hủy

báng người một lần ngồi một lần ăn tức là đã hủy báng Ta.

Ai tán thán người ngồi dưới bóng cây, tức là đã tán thán thân Ta không khác. Vì sao? Vì Ta thường tán thán người ngồi dưới bóng cây. Ai hủy báng người ngồi dưới bóng cây, tức là đã hủy báng Ta.

Ai tán thán người ngồi ngoài trời tức là đã tán thán Ta. Vì sao? Vì Ta thường tán thán người ngồi ngoài trời. Ai hủy nhục người ngồi ngoài trời, tức là đã hủy nhục Ta.

Ai tán thán người ở nơi trống vắng, tức là đã tán thán Ta. Vì sao? Vì Ta thường tán thán người ở nơi trống vắng. Ai hủy nhục ngươi ở nơi trống vắng, tức là đã hủy nhục Ta.

Ai tán thán người khoác y năm mảnh, tức là đã tán thán Ta. Vì sao? Vì Ta thường tán thán người khoác y năm mảnh. Ai hủy nhục ngươi khoác y năm mảnh tức là đã hủy nhục Ta.

Ai tán thán người trì ba y tức là đã tán thán Ta. Vì sao? Vì lúc nào Ta cũng tán thán người trì ba y. Ai hủy nhục người trì ba y tức là đã hủy nhục Ta.

Ai tán thán người ngồi nơi gò mả tức là đã tán thán Ta. Vì sao? Vì Ta thường tán thán người ngồi nơi gò mả. Ai hủy nhục người ngồi nơi gò mả tức là đã hủy nhục Ta.

Ai tán thán người ăn một lần tức là đã tán thán Ta. Vì sao? Vì Ta thường tán thán người ăn một lần. Ai hủy nhục người ăn một lần tức là đã hủy nhục Ta.

Ai tán thán người ăn đúng giữa ngày, tức là đã tán thán thân Ta. Vì sao? Vì Ta thường tán thán người ăn đúng giữa ngày. Ai hủy nhục người ăn đúng giữa ngày, tức là đã hủy nhục Ta.

Ai tán thán hạnh Đầu-đà tức là đã tán thán Ta. Vì sao? Vì Ta thường tán thán các hạnh Đầu-đà. Ai hủy nhục hạnh Đầu-đà, tức là đã hủy nhục Ta[51].

---

[51] *Đoạn trên, mười hai Đầu-đà hành, theo các kinh luận Đại thừa. Hữu bộ Tỳ-nại-da, Giải thoát đạo luận và Luật tạng Pāli, liệt kê mười ba hành. Liệt kê theo Pāli, Vin. v. 131, 193: 1. Āraññika, lâm trụ, chỉ sống trong rừng. 2. Piṇḍapātika, thường hành khất thực. 3. Paṃsukūlika, phấn tảo y. 4. Rukkhamūlika, chỉ ngồi dưới gốc cây. 5. Sosānika, chỉ nghỉ tại các bãi tha ma. 6. Abbhokāsika, chỉ ngồi giữa trời trống. 7. Tecīvarika, chỉ thọ trì ba y. 8. Sapadānacrika, khất thực tuần tự. 9. Nesajjika, thường ngồi không nằm. 10. Yathāsanthatika, tùy ngọa cụ, không chọn lựa. 11. Ekāsanika, nhất tọa thực, ăn một bữa, nếu đứng dậy, không ngồi ăn trở lại. 12. Khalupacchābhattika, sau khi đã ăn, không ăn thêm (dù chưa quá trưa). 13.*

Nay Ta dạy các Tỳ-kheo nên như sở hành của Đại Ca-diếp, không để có điều rơi rớt mất. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Ca-diếp có các hạnh này. Cho nên sở học của các Tỳ-kheo thường nên như Ca-diếp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt, cùng câu hội với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp sống ở A-luyện-nhã, đến giờ khất thực thì không phân biệt giàu nghèo. Ở một nơi ngồi một chỗ không bao giờ di dịch. Ngồi dưới bóng cây, hay ngoài trời, hoặc nơi trống vắng. Khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y, hoặc ở gò mả, hoặc ăn một bữa, hoặc ăn đúng ngọ, hoặc hạnh Đầu-đà dù tuổi cao già cả.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp sau khi ăn xong, liền đến dưới bóng cây thiền định. Thiền định xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, đến chỗ Thế Tôn. Lúc ấy, Thế Tôn từ xa nhìn thấy Ca-diếp lại. Thế Tôn bảo rằng:

–Thiện lai, Ca-diếp!

Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Thế Tôn bảo:

–Ca-diếp, nay ông tuổi đã cao già cả, chí kém, suy nhược. Nay ông nên bỏ khất thực, cho đến các hạnh Đầu-đà; cũng nên nhận lời mời của các gia chủ và nhận xiêm y.

Ca-diếp thưa:

–Hôm nay, con không dám theo lời dạy của Như Lai. Vì sao? Vì nếu Như Lai không thành tựu đạo Vô thượng chánh chân thì con sẽ thành Bích-chi-phật. Nhưng Bích-chi-phật kia lúc nào cũng hành A-luyện-nhã hết, đến giờ khất thực thì không phân biệt giàu nghèo. Ở một nơi ngồi một chỗ không bao giờ di dịch. Ngồi dưới bóng cây, hay ngoài trời, hoặc nơi trống vắng. Khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y, hoặc ở gò mả, hoặc ăn một bữa, hoặc ăn đúng ngọ, hoặc hạnh Đầu-đà. Thật hôm

---

Pattapiṇḍika, nhất bát thực.

nay, con không dám bỏ thói quen gốc cũ, mà học hạnh khác.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay, Ca-diếp! Đã làm nhiều lợi ích và độ người vô lượng; rộng đến tất cả trời người được độ. Vì sao? Vì này Ca-diếp, nếu hạnh Đầu-đà này còn ở thế gian thì pháp của Ta cũng sẽ tồn tại lâu ở thế gian. Nếu pháp mà tồn tại ở đời thì Thiên đạo sẽ tăng, ba đường dữ liền giảm, cũng thành tựu Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và đạo ba thừa đều còn ở đời.

Này các Tỳ-kheo, phải học như những gì Ca-diếp đã tu tập. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Lợi dưỡng rất nặng, làm cho con người không đến được đạo Vô thượng chánh chân. Vì sao?

Này các Tỳ-kheo, vì Đề-bà-đạt-đâu ngu si kia nhận lấy năm trăm chỗ thức ăn cúng dường của vương tử Bà-la-lưu-chi kia. Nếu ông ta không cúng dường thì Đề-bà-đạt-đâu ngu si không bao giờ làm việc ác này. Vì vương tử Bà-la-lưu-chi ngày nào cũng đem năm trăm chỗ thức ăn đến cúng dường, nên Đề-bà-đạt-đâu mới khởi lên ác ngũ nghịch, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục Ma-ha A-tỳ. Vì phương tiện này, nên biết, lợi dưỡng là rất nặng sẽ làm cho con người không đến được đạo Vô thượng chánh chân. Nếu tâm chưa sinh lợi dưỡng thì chớ để nó sinh, đã sinh thì hãy diệt nó. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá, cùng

câu hội với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đâu loạn phá Tăng, đả thương chân Như Lai, xúi A-xà-thế sát hại phụ vương, lại giết Tỳ-kheo-ni A-la-hán. Ở trong chúng, ông lại nói như vầy:

–Chỗ nào có ác? Ác sinh ra từ đâu? Ai làm ác này, phải chịu báo đó. Ta cũng không làm ác này, mà chịu báo đó.

Bấy giờ, có các Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khất thực mà nghe những lời này:

–Kẻ ngu Đề-bà-đạt-đâu, ở trong đại chúng tuyên bố rằng: "Chỗ nào có ác? Ác sinh ra từ đâu? Ai làm ác này, phải chịu báo đó. Ta cũng không làm ác này, mà chịu báo đó."

Sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, cầm lấy y bát, vắt ni-sư-đàn lên vai phải, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Kẻ ngu Đề-bà-đạt-đâu ở trong đại chúng tuyên bố rằng: "Tại sao làm ác không có tai ương, làm phước không có báo? Không có ai nhận báo thiện ác cả."

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ác thì có tội. Thiện hành, ác hành đều có báo ứng cả. Nếu kẻ ngu Đề-bà-đạt-đâu kia biết có báo thiện ác thì sẽ sầu lo khô héo không vui, sẽ ói ra máu sôi. Vì kẻ ngu Đề-bà-đạt-đâu kia không biết có báo thiện ác, cho nên ở trong đại chúng mới tuyên bố là không có báo thiện ác; làm ác không tai ương, làm phước không có phước.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người ngu xét tự rõ
Làm ác không có báo
Nay Ta biết rõ trước
Báo ứng của thiện ác.

Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy lìa xa ác, làm phước chớ mệt mỏi. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nhận lợi dưỡng người rất nặng, không dễ; nó khiến con người không đến được nơi vô vi. Vì sao? Vì báo lợi dưỡng cắt vào da người. Đã cắt da rồi cắt thịt. Đã cắt thịt rồi cắt xương. Đã cắt xương liền thấu tủy.

Cho nên các Tỳ-kheo, nhờ phương tiện này mà biết lợi dưỡng rất là nặng. Nếu tâm lợi dưỡng chưa sinh thì chớ để nó sinh, đã sinh thì tìm cách diệt nó. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nhận lợi dưỡng người thật là không dễ; nó khiến con người không đến được nơi vô vi. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo Sư-lợi-la[52] kia không tham lợi dưỡng thì sẽ không tạo ra việc sát sinh vô lượng như vậy, để thân hoại mạng chung sinh vào trong địa ngục.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Nhận nhiều lợi dưỡng người
Phá hạnh thanh bạch người
Cho nên phải giữ tâm
Chớ tham đắm vào vị.
Sư-lợi nhờ đắc định
Cho đến cung Thiên đế
Liền sút giảm thần thông
Rơi vào lò sát sinh.

Cho nên các Tỳ-kheo, nhờ vào phương tiện này mà biết việc nhận lợi dưỡng người thật là không dễ. Tâm lợi dưỡng chưa sinh, chế ngự nó đừng cho sinh. Tâm nay đã sinh tìm cách diệt. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

[52] *Để bản: Sư-lợi-la 師利羅。NTM: Lợi-sư-la.*

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 6

Phẩm 13: LỢI DƯỠNG

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nhận lợi dưỡng người thật là không dễ. Nó làm con người không đến được nơi vô vi. Vì sao? Nếu Tỳ-kheo Tu-la-đà không tham lợi dưỡng, thì không bao giờ ở trong pháp của Ta mà bỏ ba pháp y làm người cư sĩ tại gia. Tỳ-kheo Tu-la-đà vốn tu hạnh A-luyện-nhã, đến giờ thì khất thực[1], tại một nơi ngồi một chỗ[2], hoặc ăn đúng ngọ, ngồi dưới bóng cây, ngoài trời, thích nơi trống vắng, khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y, hoặc thích nơi gò mả, cần thân khổ hạnh, hành hạnh Đầu-đà này. Rồi khi ấy, Tỳ-kheo Tu-la-đà thường nhận sự cúng dường thức ăn trăm vị cung cấp hằng ngày của quốc vương Bồ-hô.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nhiễm ý nơi thức ăn này, dần dần bỏ hạnh A-luyện-nhã, như đến giờ thì khất thực, tại một nơi ngồi một chỗ, hoặc ăn đúng ngọ, ngồi dưới bóng cây, ngoài trời, thích nơi trống vắng, khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y, hoặc thích nơi gò mả, cần thân khổ hạnh. Đã bỏ hết hạnh này rồi, bỏ ba y, trở về làm bạch y, giết bò, sát sinh không thể kể hết; khi thân hoại mạng chung, sinh vào địa ngục.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, nhờ phương tiện này mà biết lợi dưỡng thật là nặng, làm cho con người không đến được đạo Vô thượng chánh chân. Nếu lợi dưỡng chưa sinh, hãy chế ngự chớ để nó sinh; đã sinh rồi tìm cách khiến diệt. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

---

1. Đáo thời khất thực, chỉ thường hành khất thực. Pāli: Piṇḍapātika. Xem cht. kinh số 5, phẩm 12 trên.

2. Hán: Nhất xứ nhất tọa 一處 一坐, tức nhất tọa thực, ngày chỉ ăn một lần ngồi; một trong các hạnh Đầu-đa。Pāli: Ekāsanika. Xem cht. kinh số 5, phẩm 12.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy diệt một pháp. Ta xác chứng các ông thành quả thần thông, các lậu diệt tận. Một pháp gì? Đó là nếm vị dục.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy diệt vị ngọt của dục này. Ta xác chứng các ông thành quả thần thông, các lậu diệt tận.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Chúng sinh đắm vị này
Chết đọa vào đường ác
Nay nên bỏ dục này
Liền thành A-la-hán.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, thường nên bỏ tưởng đắm vị này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một gia chủ vừa mất một người con trai mà ông rất yêu mến, thương nhớ, chưa từng lìa xa. Ông thấy con chết, liền phát cuồng điên; đi lang thang qua lại khắp nơi. Nếu gặp ai thì cũng hỏi: "Có gặp con tôi không?[3]"

Rồi thì, người kia đi lần đến tinh xá Kỳ hoàn, đến chỗ Thế Tôn, đứng qua một bên, người kia bạch Thế Tôn rằng:

–Sa-môn Cù-đàm, thấy con tôi không?

Thế Tôn hỏi gia chủ:

---

[3]. Nội dung liên hệ, xem Trung 60, Ái Sinh kinh, T1n26,tr. 800c21. Cf. M. ii. 106.

–Tại sao mặt mũi không vui, các căn thác loạn vậy?

Lúc ấy gia chủ thưa Cù-đàm rằng:

–Không vậy sao được? Vì sao? Hiện tại tôi chỉ có một đứa con trai, vì vô thường nó đã bỏ tôi. Tôi rất yêu mến thương nhớ chưa từng rời khỏi mắt; vì thương mến đứa con kia nên khiến tôi phát cuồng. Nay tôi hỏi Sa-môn, thấy con tôi không?

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, gia chủ, như những gì ông đã hỏi. Sinh, già, bệnh, chết là thường pháp của thế gian. Ân ái biệt ly là khổ, oán ghét gặp nhau là khổ. Người con vì vô thường bỏ ông, há không nhớ nghĩ được sao?

Lúc đó, người kia nghe những gì Thế Tôn nói mà không để vào lòng, liền bỏ đi. Trên đường gặp người, lại nói như vầy:

–Sa-môn Cù-đàm nói rằng: "Ân ái mà biệt ly liền có khoái lạc.[4]" Như những gì Sa-môn đã nói, xét thật ra có đúng không?

Người trên đường đáp:

–Ân ái biệt ly, có gì là khoái lạc?

Lúc đó, cách thành Xá-vệ không xa, có nhiều người đang cùng nhau chơi bạc. Người kia tự nghĩ: "Những người nam này, thông minh trí tuệ, không việc gì không biết. Bấy giờ ta đem nghĩa này hỏi những người kia." Nghĩ xong liền đến chỗ chơi cờ bạc, hỏi mọi người rằng:

–Sa-môn Cù-đàm nói với tôi rằng: "Ân ái biệt ly khổ[5], oán ghét gặp nhau khổ*, đó là khoái lạc." Nay theo ý mọi người thế nào?

Lúc đó những người chơi bạc đáp người này rằng:

–Ân ái biệt ly có gì khoái lạc? Nói khoái lạc, nghĩa này không đúng[6].

Lúc đó, người kia liền tự nghĩ: "Xét lời Như Lai thì không bao giờ hư vong. Sao ân ái biệt ly mà sẽ có khoái lạc? Nghĩa này không đúng."

Bấy giờ, người kia vào thành Xá-vệ; đến bên ngoài cửa cung nói lên:

---

4. Có sự nhầm lẫn trong bản dịch Hán.

5. Theo ngữ cảnh, như các đoạn trước và có lẽ để bản chép dư chữ khổ 苦。

6. Có sự nhầm lẫn trong bản dịch Hán. T26 ibid. : Phật nói ái sinh là khổ. Những con bạc này nói: Ái thì sung sướng. Pāli: Piyajātikasuttaṃ (M.ii. 107), như T26.

–Sa-môn Cù-đàm dạy như vầy: "Ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, đó là khoái lạc."

Bấy giờ, cả thành Xá-vệ và trong cung đều rao truyền lời này; khắp mọi nơi không đâu là không tới. Ngay lúc đó, đại vương Ba-tư-nặc cùng Ma-lợi phu nhân ở trên lầu cao đang vui đùa với nhau. Khi ấy vua Ba-tư-nặc bảo Ma-lợi phu nhân rằng:

–Chắc là Sa-môn Cù-đàm có nói những lời này chăng: "Ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, chúng đều khoái lạc?"

Phu nhân đáp:

–Tôi không được nghe những lời dạy này từ nơi Như Lai. Nhưng nếu Như Lai có dạy những lời này thì điều này cũng không phải là hư dối.

Vua Ba-tư-nặc bảo rằng:

–Giống như thầy dạy đệ tử: "Nên làm điều này, nên bỏ điều này." Thì đệ tử thưa rằng: "Xin vâng, Đại sư." Này Ma-lợi, bà cũng lại như vậy. Sa-môn Cù-đàm kia tuy có như vậy, nhưng bà ưng theo nên bảo rằng đúng vậy không khác, không có hư vọng. Bà hãy đi nhanh đi, không cần đứng trước mặt ta nữa.

Bấy giờ, Ma-lợi phu nhân bảo Bà-la-môn Trúc Bác[7] rằng:

–Bây giờ, ông đến tinh xá Kỳ hoàn, đến chỗ Như Lai, nhân danh ta, quỳ gối sát chân Như Lai, lại đem nghĩa này bạch đầy đủ lên Thế Tôn rằng: "Người trong thành Xá-vệ và trong cung đang bàn luận về những lời mà Sa-môn Cù-đàm đã nói: 'Ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, đây là điều khoái lạc.' Không rõ Thế Tôn có dạy điều này không?" Nếu Thế Tôn có dạy điều gì, thì ông hãy khéo ghi nhận trở về nói lại cho ta.

Lúc đó, Bà-la-môn Trúc Bác vâng theo lời dạy của phu nhân, tìm đến tinh xá Kỳ hoàn, đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi nhau. Sau khi chào hỏi nhau xong, ngồi lui qua một bên, Phạm chí kia bạch Thế Tôn:

–Ma-lợi phu nhân xin lễ sát chân Thế Tôn, thăm hỏi Như Lai đi đứng có nhẹ nhàng, thoải mái, khí lực có mạnh khỏe không? Giáo hóa kẻ mê mờ ngu muội có mệt lắm không? Lại thưa như vầy: "Khắp nơi trong thành Xá-vệ này rao truyền về những lời dạy của Sa-môn Cù-đàm như vầy: 'Ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, đó là điều khoái lạc.' Không rõ Thế Tôn có dạy những lời này không?"

---

7. *Trúc Bác 竹膊; T26: Na-lợi-ương-già 那利鴦伽。Pāli: Nāḷijaṅgha.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bà-la-môn Trúc Bác rằng:

–Ở trong thành Xá-vệ này, có một gia chủ mất một người con trai. Ông ta nhớ người con này đến độ cuồng điên mất tánh, chạy lang thang khắp nơi, gặp người liền hỏi: "Ai thấy con tôi?" Như vậy, thì này Bà-la-môn, ân ái biệt ly khổ, oán ghét gặp nhau khổ. Đó là điều không có hoan lạc.

Ngày xưa trong thành Xá-vệ này, lại có một người vì vô thường mất mẹ già, cũng lại cuồng điên không biết Đông, Tây là gì. Lại có một người vì vô thường mất cha già, cũng lại vì vô thường anh em, chị em đều mất cả. Họ nhân thấy sự biến đổi của vô thường này nên phát cuồng điên, mất tánh, không còn biết Đông, Tây là gì.

Này Bà-la-môn, ngày xưa trong thành Xá-vệ này có một người, mới rước về một người vợ đoan chánh vô song. Sau đó một thời gian không lâu, người kia tự nhiên nghèo túng. Lúc ấy cha mẹ của người vợ thấy người này nghèo, liền nảy sinh ý nghĩ này: "Ta hãy đoạt con gái lại gả cho người khác."

Người kia, sau đó rình nghe được chuyện cha mẹ nhà vợ muốn đoạt lại vợ mình để gả cho người khác.

Một hôm, người kia dắt dao bén trong áo, đến nhà vợ. Trong lúc đó, vợ ông ta đang dệt ở ngoài vách.

Lúc này ông ta bước đến chỗ cha mẹ vợ hỏi: "Hiện tại vợ con đang ở đâu?

Mẹ vợ đáp: "Vợ con đang dệt dưới bóng mát ngoài vách."

Lúc này, người kia liền đến chỗ vợ, đến rồi hỏi vợ rằng: "Rằng cha mẹ nàng muốn đoạt nàng để gả cho người khác phải không?"

Vợ đáp: "Không sai, có lời này. Nhưng tôi không thích nghe lời này vậy."

Bấy giờ, người kia liền rút dao bén đâm chết vợ, rồi lấy dao bén tự đâm vào bụng mình và nói lời này: "Cả hai ta cùng chọn lấy cái chết."

Này Bà-la-môn, hãy bằng phương tiện này để biết, ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau khổ. Đó là điều sầu lo, thật không thể nào nói được.

Bấy giờ, Bà-la-môn Trúc Bác bạch Thế Tôn:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn. Có những điều bức não này thật khổ, không vui. Vì sao? Xưa con có một đứa con cũng vì vô thường bỏ con, ngày đêm thương nhớ canh cánh bên lòng. Vì nhớ con nên tâm ý cuồng

điên, giong ruổi khắp nơi, gặp người liền hỏi: "Ai thấy con tôi?" Nay những gì Sa-môn Cù-đàm đã nói thật đúng như vậy. Vì việc nước bận rộn đa đoan, con muốn trở về chỗ mình.

Thế Tôn bảo:

–Hiện tại đã đúng lúc.

Bà-la-môn Trúc Bác từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi ra đi. Về chỗ Ma-lợi phu nhân, đem nhân duyên này tâu lại đầy đủ cho phu nhân. Lúc ấy, Ma-lợi phu nhân lại đến chỗ vua Ba-tư-nặc, đến rồi, tâu đại vương rằng:

–Hôm nay tôi có điều muốn hỏi, nguyện xin đại vương nghe qua rồi trả lời cho từng việc.

Thế nào đại vương, có tưởng đến vương tử Lưu-ly[8] không?

Vua trả lời:

–Rất nhớ, thương yêu canh cánh bên lòng.

Phu nhân hỏi:

–Nếu vương tử có biến đổi gì, đại vương có lo không?

Vua lại trả lời:

–Đúng vậy, phu nhân. Như những gì bà nói.

Phu nhân hỏi:

–Đại vương nên biết, ân ái biệt ly đều dẫn đến sầu khổ. Thế nào, tâu đại vương, có tưởng đến vương tử Y-la[9] không?

Vua trả lời:

–Ta rất yêu quý.

Phu nhân hỏi:

–Đại vương. Nếu vương tử có biến đổi gì, đại vương có sầu ưu không?

Vua trả lời:

–Rất là sầu ưu.

Phu nhân bảo:

---

8. Lưu-ly vương tử 琉璃王子。T26: Tỳ-lưu-la Đại tướng 鞞留羅羅大將。Pāli: Viḍūḍabha-senāpati.

9. Theo sử liệu Pāli, Pasenadi có hai con trai, một là Viḍūḍabha sau này cướp ngôi và một nữa là Brahmadatta, xuất gia, thành A-la-hán. Không rõ Y-la 伊羅 đồng nhất với ai.

–Nên bằng phương tiện này để biết ân ái biệt ly không mang lại hoan lạc. Thế nào, đại vương có tưởng đến bà Tát-la-đà dòng Sát-lợi[10] không?

Vua trả lời:

–Thật là yêu quý thương nhớ.

Phu nhân nói:

–Thế nào, tâu đại vương, giả sử nếu phu nhân Tát-la có biến đổi gì, đại vương có sầu lo không?

Vua trả lời:

–Ta có sầu lo.

Phu nhân nói:

–Đại vương nên biết, ân ái biệt ly, điều này là khổ.

Phu nhân nói:

–Vua nhớ thiếp không?

Vua nói:

–Yêu nhớ khanh.

Phu nhân nói:

–Giả sử thân thiếp có biến đổi gì, đại vương có sầu ưu không?

Vua nói:

–Giả sử thân khanh có mất đi thì ta rất sầu ưu.

–Đại vương, nên bằng phương tiện này để biết ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, không có gì hoan lạc.

Phu nhân nói:

–Thế nào, đại vương có tưởng đến dân chúng Ca-thi và Câu-tát-la không?

Vua nói:

–Ta rất yêu nhớ nhân dân Ca-thi và Câu-tát-la.

Phu nhân nói:

–Giả sử nhân dân Ca-thi và Câu-tát-la có biến đổi gì, đại vương có sầu ưu không?

Vua nói:

---

10. Tát-la-đà sát-lợi chủng 薩羅陀剎利種。T26: Vũ Nhật Cái 雨日蓋。Pāli: Vāsabhā-khattiyā, một phu nhân khác của Pasenadi, gốc họ Thích.

–Nếu nhân dân Ca-thi và Câu-tát-la có biến đổi gì thì mạng ta cũng không còn; huống chi nói đến sầu ưu. Vì sao? Vì ta nhờ vào sức nhân dân nước Ca-thi và Câu-tát-la nên được tồn tại. Bằng phương tiện này mà biết mạng cũng không còn, huống chi là không sinh sầu ưu.

Phu nhân nói:

–Do đây để biết, ân ái biệt ly đều có khổ này, mà không có hoan lạc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, quỳ gối phải sát đất, chắp tay hướng về Thế Tôn, nói như vầy:

–Thật là kỳ lạ. Thật là kỳ lạ. Thế Tôn kia đã nói pháp này. Nếu Sa-môn Cù-đàm kia đến, tôi sẽ cùng bàn luận.

Vua lại bảo phu nhân:

–Từ nay về sau ta sẽ xem trọng khanh hơn thường ngày, cho phép phục sức không khác ta.

Bấy giờ, Thế Tôn nghe Ma-lợi phu nhân lập ra luận cứ này cho đại vương, liền bảo các Tỳ-kheo:

–Ma-lợi phu nhân thật rất là thông minh. Giả sử nếu vua Ba-tư-nặc hỏi Ta những lời này, thì Ta cũng dùng nghĩa này để nói cho vua kia, như những gì phu nhân đã nói cho vua không có khác.

Lại bảo các Tỳ-kheo:

–Trong hàng Thanh văn của Ta, Ưu-bà-tư chứng chí tín kiên cố bậc nhất, chính là Ma-lợi phu nhân.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4[11]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Nai trong rừng Quỷ,[12] núi Thi-mục-ma-la[13], nước Bạt-kỳ[14].

---

11. Tham chiếu, Pāli, S. 22. 1. Nakula (R iii. 1); Hán, Tạp 5 T99(107, tr. 33a6).

12. Quỷ lâm Lộc viên 鬼林鹿園。T99: Lộc dã thâm lâm 鹿野深林。Pāli: Bhesakaḷāvane migadāya.

13. Thi-mục-ma-la 尸牧摩羅。T99:Thiết-thủ-bà-la 設首婆羅。Pāli: Suṃsumāragira.

14. Bạt-kỳ 拔祇; T99: Bà-kỳ 婆祇。Pāli: Bhagga.

Bấy giờ, gia chủ, ông của Na-ưu-la[15], đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, giây lát lui khỏi chỗ ngồi, bạch Thế Tôn rằng:

–Tuổi con ngày đã suy yếu, lại mang tật bệnh, có nhiều điều ưu não. Nguyện xin Thế Tôn tùy thời dạy dỗ khiến cho chúng sinh được lâu dài an ổn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo gia chủ rằng:

–Như những gì ông đã nói, thân có nhiều lo sợ, đau đớn, nào đáng để cậy nương. Nó chỉ có lớp da mỏng bao phủ lên. Trưởng giả nên biết, ai ỷ tựa vào thân này, để có thể thấy được cái vui trong chốc lát, đó là tâm niệm của kẻ ngu, chứ không phải là điều quý của người trí. Cho nên, này trưởng giả, dù thân[16] có bệnh, nhưng không để tâm bệnh. Như vậy, này trưởng giả, hãy học điều này.

Trưởng giả sau khi nghe Phật nói những điều này, từ chỗ ngồi đứng dậy, làm lễ sát chân Thế Tôn, rồi ra về.

Bấy giờ, trưởng giả lại tự nghĩ: "Nay ta có thể đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất để hỏi nghĩa này."

Lúc đó, Xá-lợi-phất đang ngồi dưới bóng cây cách đó không xa. Ông của Na-ưu-la đến chỗ Xá-lợi-phất, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất hỏi trưởng giả:

–Hôm nay, trưởng giả nhan sắc tươi vui, các căn tịch tĩnh, ắt có lý do. Này trưởng giả, chắc ông đã nghe pháp từ Phật phải không?

Lúc đó, trưởng giả bạch Xá-lợi-phất rằng:

–Thế nào, Tôn giả Xá-lợi-phất, làm sao mặt mày không tươi vui được? Vì sao? Vì con đã được Thế Tôn đem pháp cam lồ tưới rót vào lòng.

Trưởng giả thưa tiếp:

–Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, con đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy con bạch Thế Tôn rằng: "Tuổi con đã lớn, suy yếu, thường mang tật bệnh, khổ đau nhiều điều, không thể kể xiết. Nguyện xin Thế Tôn phân biệt thân này khiến tất cả chúng sinh đều được sự an ổn này."

---

15. Na-ưu-la Công 那憂羅公。T99: Na-câu-la 那拘羅。Pāli: Nakulapitā.

16. Để bản: Tâm 心。Nên sửa lại là thân.

Lúc ấy Thế Tôn liền bảo con rằng: "Đúng vậy, trưởng giả! Thân này nhiều sợ hãi, khổ đau, chỉ có lớp da mỏng bao phủ. Trưởng giả nên biết, ai ỷ tựa vào thân này để có thể thấy được cái vui trong chốc lát, không biết lâu dài phải chịu vô lượng khổ. Cho nên, này trưởng giả, ở đây dù thân có hoạn, nhưng không để tâm tai hoạn. Như vậy, này trưởng giả, hãy học điều này."

Thế Tôn đem pháp cam lồ này tưới rót vào lòng con.

Xá-lợi-phất nói:

–Thế nào, trưởng giả, sao không hỏi thêm Như Lai nghĩa này? Thế nào là thân có hoạn, tâm không hoạn? Thế nào là thân có bệnh, tâm không bệnh?

Trưởng giả bạch Xá-lợi-phất rằng:

–Đúng là con đã không đem việc này hỏi thêm Thế Tôn, thân có hoạn, tâm có hoạn; thân có hoạn, tâm không hoạn.

Tôn giả Xá-lợi-phất, chắc ngài biết việc này, mong phân biệt đầy đủ.

Xá-lợi-phất nói:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Tôi sẽ vì ông mà diễn rộng nghĩa này.

Đáp:

–Xin vâng.

Xá-lợi-phất bảo trưởng giả:

–Này gia chủ, người phàm phu không gặp Thánh nhân, không lãnh thọ Thánh giáo, không theo lời giáo huấn, cũng không gặp Thiện tri thức, không theo hầu Thiện tri thức; nên chúng chấp sắc là ngã, sắc là của ngã, ngã là của sắc; trong sắc có ngã, trong ngã có sắc; sắc kia, sắc ta cùng hòa hợp một chỗ. Sắc kia sắc ta vì đã tập họp một chỗ; bấy giờ sắc bị bại hoại, di chuyển không dừng, ở đó lại sinh khởi sầu lo, khổ não. Đối với thọ*, tưởng, hành, thức đều nhận thấy ngã có... thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức; thức kia, thức ta hòa hợp một chỗ. Thức kia, thức ta vì đã hòa hợp một chỗ; nên khi thức bị bại hoại, di chuyển không dừng, ở đó lại sinh khởi sầu lo, khổ não. Như vậy, này trưởng giả, thân cũng có hoạn, tâm cũng có hoạn.

Trưởng giả hỏi Xá-lợi-phất:

–Thế nào là thân có hoạn, tâm không hoạn?

Xá-lợi-phất nói:

–Trưởng giả, ở đây đệ tử Hiền thánh thừa sự Thánh hiền, tu hành cấm pháp, cùng theo hầu Thiện tri thức, gần gũi Thiện tri thức. Họ cũng không quán ngã có sắc, không thấy trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, không thấy sắc là của ngã, ngã là của sắc; mà sắc kia di chuyển không dừng. Khi sắc kia chuyển dịch, vị ấy không sinh ra sầu lo khổ não đối với tai hoạn của sắc. Cũng lại không thấy thọ*, tưởng, hành, thức; không thấy trong thức có ngã, trong ngã có thức; cũng không thấy thức là của ngã, cũng không thấy ngã là của thức. Thức kia, thức ta hội họp một chỗ mà khi thức bị bại hoại, ở đây không sinh khởi sầu lo, khổ não. Như vậy, này trưởng giả, thân có hoạn mà tâm không hoạn.

Như vậy, này trưởng giả, nên tu tập điều này, quên thân, trừ tâm, cũng không nhiễm đắm. Này trưởng giả, hãy học điều đó.

Ông của Na-Ưu-la sau khi nghe những gì Xá-lợi-phất nói, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5[17]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho hàng vạn người đang vây quanh trước sau.

Lúc ấy, có Bà-la-môn Giang Trắc[18] vai gánh một gánh nặng đến chỗ Thế Tôn. Đến rồi, đặt gánh một bên chỗ Thế Tôn, đứng im lặng. Bấy giờ, Bà-la-môn suy nghĩ như vầy: "Hôm nay Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp cho hàng vạn ngàn người vây quanh trước sau. Hiện tại ta thanh tịnh không khác gì Sa-môn Cù-đàm. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm ăn lúa gạo cùng các loại thức ăn tốt, hiện tại ta chỉ ăn trái cây để tự nuôi mạng sống."

Bấy giờ, Thế Tôn đã biết những ý nghĩ trong tâm Bà-la-môn, nên bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có chúng sinh nào mà tâm bị nhuộm dính với hai mươi mốt kết, thì nên quán sát rằng người đó chắc chắn sẽ đọa đường dữ, không

---

17. Tham chiếu, Pāli: M. 7 Vatthūpama (R. i. 36); Hán: Trung 23 (T1n26, tr.575a19); T51, T99(1185), T100(99).

18. Giang Trắc 江側。Cuối kinh, tên ông được gọi là Tôn-đà-la-đế-lợi. T26: Thủy Tịnh 水淨.

sinh về cõi lành. Những gì là hai mươi mốt kết? Sân tâm kết, nhuế hại tâm kết, thùy miên tâm kết, điệu hý tâm kết, nghi tâm kết, nộ tâm kết, kỵ tâm kết, não tâm kết, tật tâm kết, tắng tâm kết, vô tàm tâm kết, vô quý tâm kết, huyễn tâm kết, gian tâm kết, ngụy tâm kết, tránh tâm kết, kiêu tâm kết, mạn tâm kết, đố tâm kết, tăng thượng mạn tâm kết, tham tâm kết.

Này các Tỳ-kheo, nếu người nào mà tâm bị nhuộm dính với hai mươi mốt kết, thì nên quán sát rằng người đó chắc chắn sẽ đọa đường dữ, không sinh về cõi lành.

Giống như tấm gia trắng mới, để lâu ngày nên mục nát, có nhiều bụi bặm. Dù có muốn nhuộm thành màu xanh, vàng, đỏ, đen, rốt cuộc cũng không thành được. Vì sao? Vì có bụi bặm. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu có người mà tâm bị nhuộm dính với hai mươi mốt kết, thì nên quán sát rằng người đó chắc chắn sẽ đọa đường dữ, không sinh về cõi lành.

Giả sử lại có người nào mà tâm không bị nhuộm bởi hai mươi mốt kết này, thì nên biết, người này chắc sẽ sinh lên cõi trời, không đọa vào trong địa ngục. Giống như giạ mới, trắng sạch, tùy theo ý muốn thành gì, màu xanh, vàng, đỏ, đen, thì chắc sẽ thành những màu này, không hề hư hại. Vì sao? Vì sự tinh sạch của nó. Ở đây, cũng như vậy, người nào mà tâm không bị nhuộm bởi hai mươi mốt kết này, thì nên biết, người đó chắc chắn sinh lên cõi trời, không đọa vào đường ác.

Nếu đệ tử Hiền thánh kia khởi sân tâm kết; quán sát biết rồi, liền dứt trừ chúng. Hoặc khởi nhuế hại tâm kết, khởi thùy miên tâm kết, khởi điệu hý tâm kết, khởi nghi tâm kết, khởi nộ tâm kết, khởi kỵ tâm kết, khởi não tâm kết, khởi tật tâm kết, khởi tắng tâm kết, khởi vô tàm tâm kết, khởi vô quý tâm kết, khởi huyễn tâm kết, khởi gian tâm kết, khởi ngụy tâm kết, khởi tránh tâm kết, khởi kiêu tâm kết, khởi mạn tâm kết, khởi đố tâm kết, khởi tăng thượng mạn tâm kết, khởi tham tâm kết; quán biết rồi liền có thể dứt trừ chúng.

Nếu đệ tử Hiền thánh kia không sân, không nhuế, không có ngu si, tâm ý hòa vui, đem tâm Từ trải khắp một phương mà tự vui thú*; hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; bốn góc, trên dưới, ở trong tất cả cũng như tất cả thế gian, với tâm không oán, không hận, vô lượng, vô hạn, không thể tính biết mà tự vui thú, đem tâm Từ này rải khắp tràn đầy, ở trong đó được hoan hỷ rồi, tâm ý liền chánh.

Lại đem tâm Bi trải khắp một phương mà tự vui thú*; hai phương,

ba phương, bốn phương cũng như vậy; bốn góc, trên dưới, ở trong tất cả cũng như tất cả thế gian, với tâm không oán, không hận, vô lượng, vô hạn, không thể tính biết mà tự vui thú, đem tâm Bi này trang trải đầy khắp, ở trong đó được hoan hỷ rồi, thì tâm ý liền chánh.

Lại đem tâm Hỷ trải khắp một phương mà tự vui thú*; hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; bốn góc, trên dưới, ở trong tất cả cũng như tất cả thế gian, với tâm không oán, không hận, vô lượng, vô hạn, không thể tính biết mà tự vui thú, đem tâm Hỷ này rải khắp tràn đầy, ở trong đó được hoan hỷ rồi, tâm ý liền chánh.

Lại đem tâm Hộ trải khắp một phương mà tự vui thú*; hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; bốn góc, trên dưới, ở trong tất cả cũng như tất cả thế gian, với tâm không oán, không hận, vô lượng, vô hạn, không thể tính biết mà tự vui thú, đem tâm Hộ này trang trải đầy khắp, ở trong đó được hoan hỷ rồi, thì tâm ý liền chánh.

Bấy giờ, đối với Như Lai thành tựu tín căn, gốc rễ di dời, dựng cờ cao hiển không bị lay động. Chư Thiên, Long thần, A-tu-luân, Sa-môn, Bà-la-môn, hay Người đời, ở trong đó được hoan hỷ rồi, thì tâm ý liền chính. Đó là Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc[19], Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu, ở trong đó được hoan hỷ rồi, tâm ý liền chánh.

Đối với pháp cũng lại thành tựu. Pháp của Như Lai thật là thanh tịnh, không thể đổi dời, được mọi người người yêu kính. Người trí nên quán như vậy, thì ngay trong đó được hoan hỷ.

Đối với Chúng cũng lại thành tựu. Thánh chúng của Như Lai rất là thanh tịnh, tánh hạnh thuần hòa, thành tựu pháp pháp[20], thành tựu mọi giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát kiến tuệ. Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi tám bậc. Đó là Thánh chúng của Như Lai, đáng yêu đáng quý, thật đáng thừa sự, ở trong đó được hoan hỷ, tâm ý liền chánh.

Vị ấy lại bằng tâm Tam-muội, thanh tịnh không vết nhơ, các kết liền dứt sạch, cũng không còn cáu bẩn, tánh hạnh nhu nhuyến, chứng đắc thần thông, liền tự biết mọi việc trong vô lượng đời trước. Từ nơi nào đến, không đâu là không biết; hoặc là một đời, hai đời, ba đời, bốn

---

19. Để bản: Túc 足。TNM: Thành 成。

20. Pháp pháp thành tựu 法法成就; tức pháp tùy pháp hành, hành pháp theo thuận tự của pháp. Pāli: Dhammānudhammapaṭipanna.

đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, trăm ngàn đời; kiếp thành, kiếp bại, kiếp không thành bại, kiếp thành bại, không thành bại; vô số kiếp thành bại, vô số kiếp không thành bại; ta đã từng ở nơi kia chữ gì, tên gì, họ gì, sống như vậy, ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, thọ mạng có ngắn dài; chết từ chỗ kia sinh chỗ nọ, chết từ chỗ kia sinh chỗ này. Tự biết mọi việc trong vô lượng đời trước.

Vị ấy lại bằng tâm Tam-muội này, thanh tịnh không vết nhơ, biết mọi suy nghĩ trong tâm của chúng sinh. Vị ấy lại dùng Thiên nhãn quán sát các loài chúng sinh, kẻ này sinh, kẻ kia chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường dữ; hoặc tốt, hoặc xấu tùy hành vi chúng sinh đã tạo đưa đến quả báo; thảy đều biết tất cả. Hoặc có chúng sinh thân hành ác, khẩu hành ác, tâm hành ác, phỉ báng Thánh hiền, tạo ra hành tà kiến, thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục, ba đường dữ. Hoặc lại có chúng sinh thân hành thiện, khẩu hành thiện, tâm hành thiện, không phỉ báng Thánh hiền, chánh kiến, không có tà kiến, thân hoại mạng chung, sinh về cõi lành trên trời. Đó gọi là Thiên nhãn thanh tịnh quán sát các loài chúng sinh, kẻ này sinh, kẻ kia chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường dữ; hoặc tốt, hoặc xấu tùy hành vi chúng sinh đã tạo đưa đến quả báo; thảy đều biết tất cả.

Vị ấy lại bằng tâm Tam-muội này, thanh tịnh không vết nhơ, không có kết sử, tâm tánh nhu nhuyến, chứng đắc thần thông. Lại dùng lậu tận thông mà tự vui thú*. Vị ấy quán biết như thật đây là khổ. Lại quán tập khởi khổ. Lại quán diệt tận khổ. Lại quán xuất yếu của khổ. Vị ấy quán biết như thật rồi, tâm dục lậu được giải thoát; tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu được giải thoát. Đã được giải thoát rồi, liền được trí giải thoát, biết rằng: "Sinh* đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa."

Như vậy, Tỳ-kheo, đệ tử Hiền thánh tâm được giải thoát, dù có ăn lúa gạo tốt nhất, các loại thức ăn ngon lành nhiều như Tu-di, thì rốt cuộc cũng không có tội. Vì sao? Vì không dục, ái diệt tận, không sân hết nhuế, không ngu si, ngu si đã diệt tận. Đó gọi là Tỳ-kheo trong Tỳ-kheo, bên trong đã tắm rửa sạch sẽ rồi.

Bấy giờ, Bà-la-môn Giang Trắc bạch Thế Tôn:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, Ngài nên đến bên sông Tôn-đà-la tắm rửa.

Thế Tôn bảo:

–Bà-la-môn, thế nào gọi là nước sông Tôn-đà-la?

Bà-la-môn thưa:

–Nước sông Tôn-đà-la, đó là vực sâu của phước, là ánh sáng của đời. Nếu có nhân vật nào tắm nước sông này, thì tất cả các ác đều được trừ hết.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Thân này vô số kiếp
Đã từng tắm sông này
Cùng các vũng hồ nhỏ
Không đâu không trải qua.
Người ngu thường thích chúng
Hạnh tối không thanh tịnh
Trong thân đầy tội cũ
Sông kia sao rửa được.
Người tịnh luôn vui sướng
Vui sướng vì giới tịnh
Người sạch tạo hạnh sạch
Nguyện kia chắc quả thành.
Cẩn thận, chớ lấy cắp
Hành từ, không sát sinh
Thành thật, không nói dối
Tâm bình không tăng giảm.
Nay ngươi tắm ở đây
Chắc được nơi an ổn
Sông kia đưa đến đâu
Như mù đi vào tối.

Bấy giờ, Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

–Bạch Cù-đàm, đã đủ, đã đủ rồi! Giống như người lưng còng được thẳng, người tối thấy được sáng, chỉ đường cho người mê, thắp đèn soi nhà tối, làm mắt cho người không mắt. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện nói diệu pháp này. Xin cho phép con hành đạo.

Lúc này, Bà-la-môn ở cạnh sông liền được hành đạo, lãnh thọ giới Cụ túc, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến như thật biết rằng: "Sinh* đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa."

Lúc này, Tôn giả Tôn-đà-la-đế-lợi[21] liền đắc A-la-hán.

Sau khi Tôn giả Tôn-đà-la-đế-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6[22]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, ngày đã tàn, đêm đang đến, Thích Đề-hoàn Nhân đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân liền dùng kệ tụng hỏi nghĩa Như Lai:

Thường thuyết thường tuyên bố
Qua dòng, thành vô lậu
Qua vực sâu sinh tử
Nay hỏi nghĩa Cù-đàm.
Con quán chúng sinh này
Nghiệp phước đức đã tạo
Tạo hành bao nhiêu thứ
Thí ai, phước tối tôn?
Thế Tôn, trên Linh-thứu
Nguyện xin diễn nghĩa này
Biết ý hướng Đế Thích
Cũng vì người thí nói.

Bấy giờ Thế Tôn dùng kệ đáp:

Bốn đường[23] *không tạo phước*
Bốn quả thành đầy đủ
Hữu học, hàng kiến đạo
Chân thật tin pháp này.
Không dục cũng không sân
Ngu hết, thành vô lậu
Qua hết tất cả vực
Thí kia thành quả lớn.

---

21. Tôn-đà-la-đế-lợi 孫陀羅諦利。Pāli: Sundarikabhāradvāja.

22. Pāli, S.11.2.6 Yajamāna (R i.233).

23. Bốn đường: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A-tu-la.

Những loại chúng sinh này
Nghiệp phước đức đã tạo
Tạo hành bao nhiêu thứ
Thí Tăng phước được nhiều.
Chúng này độ vô lượng
Như biển cho trân bảo
Thánh chúng cũng như vậy
Nói pháp tuệ quang minh.
Cù-đàm chỗ thiện kia
Người thường thí chúng Tăng
Được phước không thể kể
Điều bậc Tối thắng nói.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những gì Phật dạy rồi, làm lễ sát chân Phật, liền lui đi.

Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề cũng ở sườn núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá làm riêng một chòi tranh để tự thiền tứ.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề thân bị bệnh khổ rất là trầm trọng, liền tự nghĩ: "Khổ đau này của ta từ đâu sinh, từ đâu mất và sẽ đi về đâu?" Rồi Tôn giả Tu-bồ-đề liền trải tọa cụ nơi đất trống, chánh thân chánh ý, chuyên tinh nhất tâm, ngồi kiết già, tư duy về các nhập[24], muốn trấn áp khổ đau.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân biết ý nghĩ của Tôn giả Tu-bồ-đề, liền ra lệnh Ba-giá-tuần[25] bằng bài kệ rằng:

Thiện Nghiệp[26], thoát trói buộc

---

24. Nhập 入, hay xứ. Pāli: Āyatana.

25. Ba-giá-tuần 波遮旬。Pāli: Pañcasikha, Ngũ Kế Càn-thát-bà, vị thần âm nhạc của Thiên đế Thích.

26. Thiện Nghiệp 善業, chỉ ngài Tu-bồ-đề.

Ở nơi núi Linh thứu
Nay bị bệnh rất nặng
Quán Không, các căn định.
Hãy nhanh đi thăm bệnh
Chăm sóc bậc Thượng tôn
Sẽ thu hoạch phước lớn
Trồng phước không đâu hơn.

Ba-giá-tuần thưa rằng:

–Xin vâng, Tôn giả!

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân dẫn năm trăm chư Thiên cùng Ba-giá-tuần, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất từ trời Tam thập tam, hiện đến núi Linh thứu, cách Tôn giả Tu-bồ-đề không xa, lại dùng kệ này bảo Ba-giá-tuần rằng:

Nay ngươi biết Thiện Nghiệp
Đang vui Thiền, Tam-muội
Hãy dùng âm du dương
Khiến ngài xuất thiền tọa.

Ba-giá-tuần thưa rằng:

–Xin vâng!

Bấy giờ, Ba-giá-tuần vâng theo lời Thích Đề-hoàn Nhân, chỉnh dây đàn lưu-ly, đến trước Tu-bồ-đề, dùng kệ này tán thán Tu-bồ-đề rằng:

Kết sử đã diệt tận
Các niệm không thác loạn
Mọi trần cấu đều sạch
Nguyện mau tỉnh giấc thiền!
Tâm tịch, vượt sông hữu
Hàng ma, vượt kết sử
Công đức như biển cả
Nguyện mau rời khỏi định!
Mắt tịnh như hoa sen
Uế trược không còn dính
Chỗ tựa cho bơ vơ
Xin rời Không Tam-muội!
Vượt bốn dòng[27]*, vô vi*

---

[27] *Tứ lưu, chỉ bốn bộc lưu: Dục, hữu, kiến và vô minh. Pāli, Cattāro oghā: Kāmogho,*

Khéo tỏ không già, bệnh
Vì thoát nạn hữu vi
Nguyện Tôn rời giấc định.
Năm trăm trời ở trên
Thích chủ, tự thân đến
Muốn hầu tôn nhan Thánh
Bậc Giải không, xin dậy!

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi khen Ba-giá-tuần rằng:

–Lành thay, Ba-giá-tuần! Nay tiếng ông cùng tiếng đàn giao hòa với nhau không khác. Nhưng vì tiến đàn không rời tiếng ca, tiếng ca không lìa tiếng đàn, cả hai cùng hòa hợp nên mới thành tiếng hay.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân mới đi đến chỗ Tôn giả Tu-bồ-đề, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Thích-Đề-hoàn Nhân bạch Tu-bồ-đề rằng:

–Thế nào, bạch Thiện Nghiệp, bệnh mà ngài đang mang có thêm bớt gì chăng? Nay thân bệnh này từ đâu sinh? Từ thân sinh chăng? Từ ý sinh chăng?

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bảo Thích Đề-hoàn Nhân rằng:

–Lành thay, Câu-dực! Pháp pháp tự sinh, pháp pháp tự diệt, pháp pháp động nhau, pháp pháp tự dừng.

Này Câu-dực, giống như có thuốc độc, lại có thuốc giải độc. Thiên đế Thích, ở đây cũng vậy, pháp pháp loạn nhau, pháp pháp tự dừng. Pháp có thể sinh pháp, pháp đen dùng pháp trắng để trị, pháp trắng dùng pháp đen để trị.

Này Thiên đế Thích, bệnh tham dục dùng bất tịnh để trị. Bệnh sân nhuế dùng tâm Từ để trị. Bệnh ngu si dùng trí tuệ để trị. Như vậy, Thích Đề-hoàn Nhân, tất cả mọi sở hữu đều quy về không, không ngã, không nhân, không thọ, không mạng, không sĩ, không phu, không hình, không tượng, không nam, không nữ.

Này Thích Đề-hoàn Nhân, giống như gió thì hại đến cây cối, cành, lá, gãy đổ. Mưa đá thì hại đến mầm non, hoa quả. Hoa quả vừa ra tốt, mà không nước, sẽ bị héo. Nhờ lúc trời mưa xuống, sinh mầm non sống trở lại.

---

bhavogho, diṭṭhogho, avijjogho.

Cũng vậy, Thiên đế Thích, pháp pháp loạn nhau, pháp pháp tự định. Những bệnh hoạn, đau nhức, khổ não của tôi trước đây, nay đã trừ hết, không còn bệnh khổ nữa.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Tu-bồ-đề:

–Tôi cũng có sầu lo, khổ não. Nay nghe pháp này, không còn sầu lo nữa. Nay tôi muốn trở về trời lại, vì bận việc đa đoan, việc mình cũng có và cả các việc trời, tất cả đều nhiều.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Bấy giờ là lúc thích hợp.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Tu-bồ-đề, nhiễu quanh ba vòng rồi đi.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề liền nói kệ này:

Năng Nhân nói lời này
Căn bản đều đầy đủ
Người trí được an ổn
Nghe pháp dứt các bệnh.

Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những gì Tôn giả Tu-bồ-đề nói, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Điều-đạt và hai kinh
Da và Lợi-sư-la
Trúc Bác, Tôn-đà-lợi
Thiện Nghiệp, Thích Đề-hoàn.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 7

Phẩm 14: NGŨ GIỚI

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà thành hạnh địa ngục, thành hạnh súc sinh, thành hạnh ngạ quỷ, nếu sinh vào cõi người mà thọ mạng ngắn ngủi, như là sát sinh.

Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào có ý thích sát sinh, liền bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; nếu sinh vào cõi người thì thọ mạng ngắn ngủi. Vì sao? Vì họ đã dứt sinh mạng kẻ khác. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học chớ sát sinh.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu hành, tu hành nhiều mà hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chứng đắc Niết-bàn, như là không sát sinh.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có người nào không hành sát sinh, cũng không nghĩ đến sát sinh, thọ mạng sẽ dài lâu. Vì sao? Vì không bức hại. Cho nên, này các

Tỳ-kheo, hãy học chớ sát sinh.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà thành hạnh địa ngục, thành hạnh súc sinh, thành hạnh ngạ quỷ; nếu sinh vào cõi người rất là nghèo túng, áo không đủ che thân, ăn không đầy miệng, như là trộm cướp.

Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào có ý thích trộm cướp, lấy tài vật của người khác, liền bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; nếu sinh vào cõi người rất là nghèo túng. Vì sao? Vì đã dứt sinh nghiệp người khác. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học xa lìa lấy của không được cho.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu hành, tu hành nhiều, mà hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chứng đắc Niết-bàn, như là bố thí rộng rãi.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có người nào hành bố thí rộng rãi, trong đời hiện tại được sắc đẹp, được sức khỏe, được đầy đủ tất cả; cõi trời, cõi người, hưởng phước vô lượng.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy hành bố thí, chớ có lòng keo lẫn.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà thành hạnh địa ngục, thành hạnh súc sinh, thành hạnh ngạ quỷ; nếu sinh vào cõi người, sống tại gia gian dâm không có tịnh hạnh, bị người chê bai và thường bị phỉ báng. Một pháp gì? Đó là tà dâm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có người nào dâm dật vô độ, thích xâm phạm vợ người, liền bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; nếu sinh vào cõi người thì khuê môn dâm loạn.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường chánh ý, chớ khởi ý tưởng dâm. Cẩn thận chớ xâm phạm vợ người.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu hành, tu hành nhiều, mà hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chứng đắc Niết-bàn, như là không tà dâm vợ người.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có người nào trinh khiết, không tà dâm, thân thể hương khiết, cũng không có tưởng tà vạy, sẽ hưởng được phước cõi người, cõi trời.

–Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ hành tà dâm, khởi ý dâm loạn.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà thành hạnh địa ngục, thành hạnh súc sinh, thành hạnh ngạ quỷ; nếu sinh vào cõi người, thì hơi miệng hôi hám, làm người chán ghét, như là nói dối vậy.

Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào nói dối, nói thêu dệt, gây tranh cãi phải quấy, liền bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì sao? Vì sự nói dối ấy.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, phải chí thành không được nói dối.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu hành, tu hành nhiều, mà hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chứng đắc Niết-bàn. Một pháp gì? Đó là không nói dối.

Này các Tỳ-kheo:

–Người nào không nói dối, thì hơi miệng thơm tho, tiếng tốt đồn xa.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thực hành không nói dối.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà chịu tội địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; nếu sinh vào cõi người thì cuồng si, ngu muội, không biết chân ngụy, như là uống rượu.

Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào tâm ham uống rượu, thì sẽ sinh vào nơi không có trí tuệ, thường chịu ngu si.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, cẩn thận chớ uống rượu.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào hơn pháp này, nếu đã tu hành, tu hành nhiều mà hưởng phước cõi người, hưởng phước cõi trời, chứng đắc Niết-bàn. Một pháp gì? Đó là không uống rượu.

Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào không uống rượu, sinh ra liền thông minh, không có ngu muội, biết rộng kinh sách, ý không lầm lẫn.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Thứ năm, kinh địa ngục
Đây gọi hành bất thiện
Năm là trời cùng người
Hãy biết theo thứ tự.

-oOo-

Phẩm 15: HỮU VÔ

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nên biết, có hai kiến này. Thế nào là hai? Đó là hữu kiến, vô kiến.[1] Các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã học tập, đã đọc tụng ở nơi hai kiến chấp này mà trọn không hề theo pháp đó, không như thật biết; thì nên biết đó không phải là Sa-môn, Bà-la-môn. Với Sa-môn thì phạm pháp Sa-môn, với Bà-la-môn thì phạm pháp Bà-la-môn. Các Sa-môn, Bà-la-môn này không bao giờ tự thân tác chứng mà tự vui thú[2].

Các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã học tập, đã đọc tụng ở nơi hai kiến chấp này, mà đáng xả thì biết xả, như thật biết, thì đó là Sa-môn trì hạnh Sa-môn; là Bà-la-môn biết hạnh Sa-môn, tự thân tác chứng mà tự vui thú và biết như thật rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, không còn tái sinh đời sau nữa."

Cho nên, này các Tỳ-kheo, đối với hai kiến này không nên tập hành, không nên đọc tụng, nên lìa bỏ tất cả. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai kiến này. Thế nào là hai kiến? Đó là hữu kiến, vô kiến. Thế nào là hữu kiến? Thấy dục có thật; thấy sắc có thật; thấy vô sắc có

---

1. Tham chiếu Pāli, A. II. 9. 5 (R i. 83): Bhavadiṭṭhi ca vibhavadiṭṭhi ca.

2. Hán: thân tác chứng nhi tự du hý 身作證而自遊戲, tức là, tự thân chứng ngộ (chứng tri) và an trú (trong pháp đó). Ở trên kia, Hán dịch: nhi tự ngu lạc 而自娛樂; xem cht. kinh số 1, phẩm 12. Pāli: Kāyena sacchikaraṇīyā, cf. A. ii. 182.

thật[3]. Thế nào là thấy dục có thật? Đó là năm dục. Năm dục là những gì? Sắc được thấy bởi mắt, rất khả ái, rất khả niệm mà người đời tôn thờ chưa từng lìa bỏ. Thanh được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, mượt láng được xúc chạm bởi thân, pháp được nhận biết bởi ý. Đó là hữu kiến.

Thế nào là vô kiến? Thấy có thường, thấy vô thường; thấy có đoạn diệt, thấy không đoạn diệt; thấy có biên, thấy không biên; thấy có thân, thấy không thân; thấy có mạng, thấy không mạng; thấy thân khác, thấy mạng khác. Sáu mươi hai kiến này gọi là vô kiến và cũng chẳng phải là chân kiến. Đó gọi là vô kiến.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy xả bỏ hai kiến này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3[4]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai thí này. Những gì là hai? Pháp thí, tài thí. Trên hết trong bố thí, không gì hơn pháp thí.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, thường nên học pháp thí. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4[5]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai nghiệp này. Thế nào là hai nghiệp? Có pháp nghiệp, có

---

3. Hán: Dục hữu kiến, sắc hữu kiến, vô sắc hữu kiến 欲有見・色有見・無色有見。

4. Tham chiếu Pāli. A. II. 13. 1 (R i. 91).

5. Tham chiếu Pāli, như trên.

tài nghiệp.[6] Trên hết trong nghiệp, không gì hơn pháp nghiệp.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên học pháp nghiệp, không học tài nghiệp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5[7]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai ân này. Thế nào là hai? Pháp ân, tài ân[8]. Trên hết trong ân, không gì hơn pháp ân.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên tu hành pháp ân. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Người ngu có hai tướng để nhận diện mạo. Những gì là hai? Ở đây, với người ngu những việc không thể làm xong mà vẫn làm, những việc làm sắp xong thì chán bỏ[9]. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là người ngu có hai thứ tướng mạo.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Người trí có hai tướng đến nhận diện mạo. Những gì là hai?

---

6. Pháp nghiệp 法業, tài nghiệp 財業。Pāli, ibid. : Àmisayāgo ca dhammayāgo, hiến tế tài vật, và hiến tế pháp.

7. Tham chiếu Pāli, như trên.

8. Pháp ân 法恩, tài ân 財恩。Pāli: Àmisacāgo ca dhammacāgo ca, thi ân (huệ thí) bằng tài vật và thi ân bằng pháp.

9. Tham chiếu Pāli, A. ii. 10.1 (R i. 84).: Yo ca anāgataṃ bhāraṃ vahati, yo ca āgataṃ bhāraṃ na vahati, gánh nặng chưa đến thì mang, gánh nặng đã đến lại không mang.

Ở đây, với người trí những việc không thể làm xong được thì không làm, những việc làm sắp xong, cũng không chán bỏ.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy gạt bỏ hai tướng của người ngu; hãy nương tu hành hai tướng của người trí mà tu hành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai pháp này, mà bên trong tự tư duy và chuyên tinh nhất ý lễ kính Như Lai. Thế nào là hai pháp? Một là trí tuệ; hai là diệt tận. Tỳ-kheo, đó gọi là bên trong tự tư duy và chuyên tinh nhất ý lễ kính Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai pháp này, bên trong tự tư duy và chuyên tinh nhất ý kính lễ Pháp bảo, hay kính lễ thần miếu Như Lai. Thế nào là hai pháp? Có Lực, có Vô úy. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai pháp này, bên trong tự tư duy và chuyên tinh nhất ý lễ kính Pháp bảo, hay thần miếu Như Lai[10].

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

---

[10]. Như Lai thần miếu 如來神廟。Skt. Caitya (Pāli: Cetiya), thường âm là chi-đề, chế-để, chế-đa. Dịch là miếu hay linh miếu. Luật Tăng-kỳ 33 (T22n1425, tr. 498b20): "Có xá-lợi, gọi là tháp. Không có xá-lợi, gọi là chi-đề 枝提。

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai pháp này, bên trong tự tư duy và chuyên tinh nhất ý kính lễ chùa Như Lai. Thế nào là hai pháp? Như Lai cùng người thế gian không ai bằng. Như Lai có đại Từ, đại Bi, thương tưởng mười phương. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai pháp này, bên trong tự tư duy và chuyên tinh một ý lễ kính chùa Như Lai[11]. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai nhân, hai duyên khởi lên chánh kiến. Những gì là hai? Nhận pháp giáo hóa, bên trong tư duy về chỉ quán[12]. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai nhân, hai duyên này khởi lên chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Hai kiến và hai thí
Kẻ ngu có hai tướng
Lễ pháp, miếu Như Lai
Chánh kiến, kinh sau cùng.

-oOo-

---

[11] *Như Lai tự 如來寺。*

[12] *Tham chiếu Pāli, A. II. 15. 10 (R i. 95): Samatho vā vipassanā.*

Phẩm 16: HỦY DIỆT

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà ở trong vườn Tượng hoa, tại thành Vương xá. Lúc ấy, Tôn giả Nan-đà ở nơi vắng vẻ, tự nghĩ: "Như Lai xuất hiện ở đời, thật là khó gặp; ức kiếp mới xuất hiện, thật không thể gặp. Một thời thật lâu dài, Như Lai mới xuất hiện. Giống như hoa Ưu-đàm-bát đúng thời mới xuất hiện. Cũng vậy, Như Lai xuất hiện ở đời, thật là khó gặp; ức kiếp mới xuất hiện, nên thật là khó gặp. Trường hợp này cũng khó gặp: Tất cả các hành đều tĩnh chỉ, ái diệt tận không còn, cũng không nhiễm ô, diệt tận, Niết-bàn."

Bấy giờ có một Thiên tử Ma Hành, biết những ý nghĩ trong tâm Tôn giả Nan-đà, liền đến cô gái Thích Tôn-đà-lợi[13]; bay trên hư không, dùng kệ tán thán rằng:

Nay cô hãy vui mừng
Trang điểm, tấu ngũ nhạc
Nan-đà bỏ pháp phục
Sẽ đến cùng hưởng vui.

Cô gái họ Thích Tôn-đà-lợi, sau khi nghe những lời này của ông trời, vui mừng phấn khởi, không thể tự kiềm chế được, liền tự trang sức, sửa sang dọn dẹp nhà cửa, trải tọa cụ tốt, trổi kỹ nhạc như lúc Nan-đà còn ở nhà không khác.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tập họp tại giảng đường Phổ hội, nghe đồn Tỳ-kheo Nan-đà trả lại pháp phục tập thói gia nghiệp. Vì sao? Vì có trời ở không trung mách bảo cho vợ ông biết. Vua Ba-tư-nặc sau khi nghe những lời này xong, trong lòng sầu lo, liền đóng xe bạch tượng, đến vườn kia. Đến nơi rồi, liền vào trong ao Hoa tượng. Từ xa, Vua thấy Tôn giả Nan-đà, liền đến trước chỗ Nan-đà, đảnh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà bảo vua Ba-tư-nặc:

–Đại vương! Vì sao đến đây mà mặt mày đổi sắc? Lại có việc gì đến chỗ tôi vậy?

---

[13] Tôn-đà-lợi 孫陀利。Skt. = Pāli: Sundarī. Truyền thuyết phương Bắc nói cô là người vợ hụt của Nan-đà. Truyền thuyết phương này gọi cô là Janapadakalyāḷī Nandā.

Vua Ba-tư-nặc đáp:

–Tôn giả nên biết, nơi giảng đường Phổ hội, tôi nghe Tôn giả xả bỏ pháp phục trở về làm bạch y. Nghe xong những lời này, nên đến đây. Không biết Tôn giả chỉ dạy thế nào?

Lúc đó Tôn giả mỉm cười, rồi từ từ bảo vua:

–Không thấy, không nghe, cớ gì đại vương nói những lời này? Đại vương, há không nghe từ Như Lai rằng: Tôi đã trừ các kết, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa, đã biết như thật. Nay thành A-la-hán, tâm được giải thoát sao?

Vua Ba-tư-nặc nói:

–Tôi chưa nghe từ Như Lai nói Tỳ-kheo Nan-đà sinh tử đã dứt, đắc A-la-hán, tâm được giải thoát. Vì sao? Vì có trời đến báo cho cô gái họ Thích Tôn-đà-lợi như vậy. Phu nhân Tôn-đà-lợi sau khi nghe những lời này rồi, liền trổi kỹ nhạc, sửa sang phục sức, trải các tọa cụ. Tôi nghe những lời này rồi liền đến chỗ Tôn giả.

Nan-đà bảo:

–Vua không biết, không nghe, sao đại vương lại nói những lời này? Các Sa-môn, Bà-la-môn không có điều gì là không vui thú với cái vui do tịch tĩnh, cái vui Thiện thệ, cái vui của Sa-môn, cái vui Niết-bàn, mà không tự quán sát cái dâm này như hầm lửa, lại phải đi đến đó! Việc này không đúng. Dâm dục như bộ xương, như miếng thịt, như đống đá, như mật bôi trên dao, ngồi đó mà ham cái lợi nhỏ, không lo cái tai hoạn về sau. Cũng như trái sum suê làm cho cành gãy; cũng như mắc nợ không lâu sẽ phải trả; cũng như rừng kiếm, cũng như thuốc độc hại, cũng như lá độc, như hoa quả độc. Đã quán sát dâm dục này cũng lại như vậy, mà ý còn nhiễm trước; việc này không đúng. Từ dục như hầm lửa cho đến quả độc, không quán sát những điều này mà muốn vượt qua được dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu[14] mà muốn được nhập vào cõi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn, thì việc này không xảy ra. Đại vương nên biết, những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã quán sát đây là cái vui của tịch tĩnh, vui Thiện thệ, vui Sa-môn, vui Niết-bàn, thì điều ấy tất xảy ra. Những vị ấy do quán sát như vậy, hiểu rõ dâm dục như hầm lửa, giống như bộ xương, đống thịt, mật bôi đao bén, trái sum suê làm cành gãy, mắc nợ không lâu phải trả; cũng như rừng kiếm, như thuốc độc hại; đã quán sát, đã biết rõ, trường hợp ấy

14. Bốn bộc lưu.

có xảy ra; tức là, đã hiểu rõ, biết chỗ nổi dậy của lửa dâm, thì liền có thể vượt qua được dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu, điều này tất xảy ra. Các vị ấy đã vượt qua dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu, việc này tất như vậy.

Vậy thế nào đại vương, lấy gì để thấy, gì để biết mà nói như vậy? Này đại vương, nay tôi đã thành A-la-hán, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc lòng tràn đầy vui vẻ, tâm thiện phát sinh, bạch Tôn giả Nan-đà rằng:

–Nay tôi không còn chút mảy may hồ nghi nào nữa, mới biết Tôn giả thành A-la-hán. Nay xin cáo từ, vì việc nước đa đoan.

Nan-đà đáp:

–Nên biết đúng lúc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, rồi cáo lui ra về.

Vua Ba-tư-nặc đi chưa bao lâu, Thiên ma kia đến chỗ Tôn giả Nan-đà, đứng giữa hư không, lại dùng kệ này nói với Nan-đà rằng:

Phu nhân, mặt như trăng
Thân đeo vàng, chuỗi ngọc
Nhớ dung nhan dáng kia
Ngũ nhạc hằng vui hưởng.
Gảy đàn, đánh trống ca
Âm vang thật uyển chuyển
Khiến trừ các sầu lo
Vui gì trong rừng này?

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà liền tự nghĩ: "Đây là trời Ma Hành." Biết vậy rồi, lại dùng kệ đáp:

Xưa ta có tâm ấy
Dâm dật không biết chán
Bị dục trói vào trong
Không biết già, bệnh, chết.
Ta qua vực ái dục
Không ô, không nhiễm trước
Tươi thắm kia rồi khổ
Nay vui pháp chân như.

Ta đã trừ các kết
Dâm, nộ, si đều sạch
Không tập pháp ấy nữa
Người ngu nên biết rõ.

Sau khi trời Ma Hành nghe những lời này, lòng ôm sầu lo, liền biến mất.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo đoan chánh đẹp đẽ không ai hơn Tỳ-kheo Nan-đà. Có các căn trầm lặng cũng chính là Tỳ-kheo Nan-đà. Không có dục tâm cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Không có sân nhuế cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Không có ngu si cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Thành A-la-hán cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Nan-đà đẹp trai, các căn tịch tĩnh.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

–Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ nhất[15] đoan chánh đẹp đẽ, đó chính là Tỳ-kheo Nan-đà; các căn tịch tĩnh cũng là Tỳ-kheo Nan-đà.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai Niết-bàn giới này[16]. Những gì là hai? Hữu dư Niết-bàn giới, Vô dư Niết-bàn giới. Kia sao gọi là Hữu dư Niết-bàn giới? Ở đây, Tỳ-kheo đã diệt năm hạ phần kết, rồi Bát-niết-bàn ở kia[17], không còn trở lại thế gian này nữa. Đó gọi là Hữu dư Niết-bàn giới[18]. Kia, sao gọi là Vô dư Niết-bàn giới? Cũng vậy, Tỳ-kheo đã diệt tận hữu lậu thành vô lậu, ý giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân tác chứng mà tự vui thú,

---

15. Để bản: Đệ tử 弟子。TNM: Đệ nhất 弟一。

16. Tham chiếu Pāli. Itiv. 44: dveme… nibbānadhātuyo… sa-upādisesā ca nibbānadhātu, anupādisesā ca nibbānadhātu.

17. Thánh A-na-hàm nhập Niết-bàn tại một trong năm cõi trời Tịnh cư.

18. Pāli, ibid., nói khác: A-la-hán lậu tận (arahaṃ hoti khīṇāsavo), nhưng các căn còn tồn tại (tiṭṭhanteva pañcidriyāni), vị ấy còn có cảm thọ lạc và khổ (sukhadukkhaṃ paṭisaṃvedeti).

biết như thật rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần là đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa." Đó gọi là Vô dư Niết-bàn giới[19]. Đây là hai Niết-bàn giới.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện để đến vô dư Niết-bàn giới. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói thí dụ về quạ, cũng sẽ nói thí dụ về heo. Hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói cho các ông nghe.

Bạch:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Sau khi các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

–Kia, sao gọi là người ví như quạ? Giống như có người ở nơi vắng vẻ, thường tập hành dâm dục, tạo các ác hành; sau đó hổ thẹn, tự hối lỗi, đem những việc đã làm trình bày cho người. Vì sao? Hoặc bị những vị phạm hạnh thấy mà chê trách rằng: "Người này tập hành dâm dục, tạo các ác hành. Nó sau khi tạo các ác hành, tự biết hổ thẹn, hối lỗi với người."

Giống như con quạ kia thường xuyên bị khổ vì đói, bèn ăn đồ bất tịnh, sau đó quẹt mỏ, sợ có các loài chim khác thấy nói rằng quạ này ăn đồ bất tịnh. Ở đây cũng như vậy, có một người ở nơi vắng vẻ, tập hành dâm dục, tạo bất thiện hành. Sau đó hổ thẹn, tự hối lỗi, đem những việc đã làm trình bày cho người. Vì sao? Hoặc bị những vị phạm hạnh thấy mà chê trách rằng: "Người này tập hành dâm dục, tạo các ác hành." Đó gọi là người giống như quạ.

Kia, sao gọi là người như heo? Hoặc có một người ở nơi vắng vẻ, lâu dài tập hành dâm dục, tạo các ác hành, cũng không hổ thẹn, lại

---

[19]. Pāli, ibid., A-la-hán lậu tận,… tất cả cảm thọ không còn hoan hỷ, trở thành nguội lạnh (sabbavedayitāni anabhinanditāni sītī bhavissanti).

không hối lỗi. Đối với người thì tự khen mình, cống cao, tự đắc, nói rằng: "Tôi có được ngũ dục tự vui chơi, còn những người kia không có được ngũ dục." Nó tạo ác mà không biết hổ thẹn. Người này dụ như heo, thường ăn đồ bất tịnh, nằm chỗ bất tịnh, chạy theo chân các con heo khác. Ở đây cũng vậy, có một người lâu dài tập hành dâm dục, tạo các ác hành, cũng không hổ thẹn, lại không hối lỗi. Đối với người thì tự khen mình, cống cao, tự đắc, nói rằng: "Tôi có được ngũ dục tự vui chơi, còn những người kia không có được ngũ dục." Đó gọi là người như heo.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trừ bỏ, hãy tránh xa. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói về có người giống lừa, có người giống bò. Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Kính vâng, Thế Tôn.

Sau khi các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

–Kia, sao gọi là người giống lừa? Có người nào cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, vì lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo. Bấy giờ người ấy các căn không định, nếu mắt thấy sắc thì theo đó khởi lên sắc tưởng, giong ruổi vạn mối, lúc bấy giờ mắt không thanh tịnh, sinh ra các loạn tưởng, không thể ngăn giữ các ác khắp nơi đến và cũng không thể phòng hộ được nhãn căn. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết trơn nhuyễn, ý biết pháp, theo đó khởi lên bệnh thức, giong ruổi vạn mối, lúc bấy giờ ý căn không thanh tịnh, sinh ra các loạn tưởng, không thể ngăn giữ các ác khắp nơi đến, cũng lại không thể giữ được ý căn, không có oai nghi lễ tiết, bước lên, dừng lại, co duỗi, cúi ngước; khoác y, ôm bát, đều trái cấm giới, bị người phạm hạnh bắt gặp chê trách rằng: 'Ôi! người ngu này giống như Sa-môn.' Nó liền bị hạch tội: 'Nếu là Sa-môn, đáng ra không nên như vậy.' Nó lại nói như vầy: 'Tôi cũng là Tỳ-

kheo! Tôi cũng là Tỳ-kheo!' Giống như con lừa vào trong bầy bò mà tự xưng là: 'Tôi cũng là bò! Tôi cũng là bò!' Nhưng hai lỗ tai của nó xem ra lại không giống bò, sừng cũng không giống, đuôi cũng không giống, âm thanh đều khác.

Bấy giờ, bầy bò hoặc dùng sừng húc, hoặc dùng chân đá, hoặc dùng cắn. Nay Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, các căn bất định; nếu mắt thấy sắc, theo đó khởi lên sắc tưởng, đuổi theo vạn mối, bấy giờ nhãn căn không thanh tịnh, sinh ra các loạn tưởng, không thể ngăn giữ các ác khắp nơi đến, lại cũng không thể giữ được nhãn căn. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân rõ trơn nhuyễn, ý biết pháp, theo đó khởi lên bệnh thức, đuổi theo vạn mối, bấy giờ ý căn không thanh tịnh, sinh ra các loạn tưởng, không thể chế ngự các ác khắp nơi đến, lại cũng không thể giữ được ý căn, không có oai nghi lễ tiết, bước lên, dừng lại, co duỗi, cúi ngước, khoác y, ôm bát, đều trái cấm giới[20], liền bị người phạm hạnh bắt gặp quở trách chỉ trích rằng: "Ôi! người ngu này giống như Sa-môn." Liền chấp nhận sự chỉ trích. Nếu là Sa-môn đáng ra không nên như vậy. Họ tự nói: "Tôi là Sa-môn!" Giống như con lừa vào trong bầy trâu. Đó gọi là người giống lừa.

Kia, sao gọi là giống bò? Có một người nào cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, vì lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Bấy giờ người kia các căn tịch định, ăn uống biết tiết chế, kinh hành cả ngày chưa từng lìa bỏ, ý nghĩ đến pháp ba mươi bảy đạo phẩm. Nếu mắt thấy sắc, không khởi sắc tưởng, niệm cũng không giong ruổi. Bấy giờ nhãn căn thanh tịnh, sinh ra các tưởng thiện, cũng có thể chế ngự, không còn các thứ ác nữa, thường phòng hộ nhãn căn. Tai đối tiếng, mũi đối mùi, lưỡi đối vị, thân đối trơn nhuyễn, ý đối pháp, không khởi lên bệnh thức, bấy giờ ý căn thanh tịnh. Người kia liền đến chỗ các vị phạm hạnh. Các vị phạm hạnh từ xa trông thấy đến, ai cũng đều kêu lên: "Thiện lai, đồng học!" Tùy thời cúng dường không để thiếu. Giống như bò tốt vào trong đàn bò, mà tự xưng: "Hiện tại ta là bò." Vì lông, đuôi, tai, sừng, âm thanh của nó tất cả đều đúng là bò. Những con bò khác thấy đều đến liếm mình nó. Ở đây, cũng như vậy, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, vì lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Bấy giờ, các căn người kia tịch định, ăn uống biết tiết chế, kinh hành cả ngày chưa từng lìa bỏ, ý nghĩ đến pháp ba mươi bảy đạo phẩm. Nếu mắt thấy sắc, không khởi sắc tưởng, niệm cũng

---

20. Hán: Chấp trì cấm giới 執持禁戒。đoạn văn bị nhảy sót. Y theo văn mạch trên, sửa lại.

không giong ruổi. Bấy giờ nhãn căn được thanh tịnh, sinh ra các tưởng thiện, cũng có thể chế ngự, không còn các thứ ác nữa, thường ủng hộ nhãn căn. Tai đối tiếng, mũi đối mùi, lưỡi đối vị, thân đối trơn nhuyễn, ý đối pháp, không khởi lên bệnh thức, bấy giờ ý căn được đầy đủ. Người này gọi là giống bò.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học như bò, chớ giống như lừa. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói về thiện hành, bất thiện hành. Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Xin vâng, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

–Kia, sao gọi là bất thiện? Sao gọi là thiện? Sát sinh là bất thiện, không sát sinh là thiện. Không cho mà lấy là bất thiện, cho mới lấy là thiện. Dâm dật là bất thiện, không dâm dật là thiện. Nói dối là bất thiện, không nói dối là thiện. Nói thêu dệt là bất thiện, không nói thêu dệt là thiện. Hai lưỡi là bất thiện, không hai lưỡi là thiện. Loạn đấu kia đây là bất thiện, không loạn đấu kia đây là thiện. Tham của người là bất thiện, không tham của người là thiện. Khởi sân nhuế là bất thiện, không khởi sân nhuế là thiện. Tà kiến là bất thiện, chánh kiến là thiện. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành những điều ác này sẽ đọa vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu người nào hành thiện sẽ sinh về cõi người, cõi trời, cùng các đường thiện trong A-tu-luân.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy lìa xa ác hành tu tập thiện hành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta sẽ nói pháp vi diệu cho các ông, đầu thiện, giữa thiện, cho đến cuối cũng thiện, có nghĩa, có vị, tu các pháp phạm hạnh đầy đủ. Đó là hai pháp. Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói đầy đủ cho các ông nghe.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn!

Sau khi các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy xong, Thế Tôn bảo:

–Kia, sao gọi là hai pháp? Tà kiến, chánh kiến; tà trị, chánh trị; tà ngữ, chánh ngữ; tà nghiệp, chánh nghiệp; tà mạng, chánh mạng; tà phương tiện, chánh phương tiện; tà niệm, chánh niệm; tà Tam-muội, chánh Tam-muội. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là hai pháp. Nay Ta đã nói hai pháp này cho các ông. Những điều đáng làm, nay Như Lai đã chu toàn xong. Hãy khéo nhớ nghĩ, quán sát, phúng tụng chớ có lười mỏi. Hiện tại, nếu người nào không hành, sau này hối không kịp.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay, Ta sẽ nói về pháp đuốc sáng, cũng sẽ nói về nhân đưa đến nghiệp đạo đuốc sáng. Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ!

Các Tỳ-kheo thưa:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn!

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Kia, sao gọi là đuốc sáng? Diệt tận tham dâm, sân nhuế, ngu si. Kia, sao gọi là nhân đưa đến nghiệp đạo đuốc sáng? Chánh kiến, chánh trị, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh Tam-muội. Đó là nhân đưa đến nghiệp đạo sáng. Ta cũng

nhân đây, đã nói về đuốc sáng, cũng đã nói về nhân đưa đến nghiệp đạo đuốc sáng. Những việc cần làm, nay Như Lai đã chu toàn. Hãy khéo nhớ nghĩ, phúng tụng, chớ có lười biếng. Hiện tại nếu không hành, sau này hối không kịp.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai lực này. Thế nào là hai lực? Nhẫn lực, tư duy lực. Nếu Ta không có hai lực này, đã không thành Vô thượng Chánh chân, Đẳng chánh giác.

Lại nữa, nếu không có hai lực này, đã không hề có sáu năm khổ hạnh ở xứ Ưu-lưu-tỳ, lại cũng không thể hàng phục ma oán, thành đạo Vô thượng Chánh chân ngồi nơi đạo tràng. Vì Ta có nhẫn lực, tư duy lực này, nên liền có thể hàng phục chúng ma, thành đạo Vô thượng Chánh chân ngồi nơi đạo tràng.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu hai lực này: nhẫn lực, tư duy lực, để thành đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, ở Vô dư Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật ở nơi quê nhà là nước Câu-thi-na-yết. Lúc ấy, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương cùng năm trăm chư Thiên và hai mươi tám đại quỷ thần vương đến chỗ Tôn giả A-na-luật. Đến rồi đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, lại dùng kệ này tán thán A-na-luật:

Quy mạng bậc trên người
Đấng mọi người tôn kính

Nay chúng tôi không biết
Là nương vào thiền nào?

Lúc này, có Phạm chí tên Xà-bạt-tra là đệ tử của Phạm-ma-dụ[21], lại đến chỗ Tôn giả A-na-luật, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc ấy, Phạm chí kia hỏi A-na-luật rằng:

–Xưa kia tôi sinh tại vương cung, chưa từng nghe mùi hương tự nhiên này. Có người nào đến nơi này? Là Trời, Rồng, Quỷ thần, Nhân phi nhân?

Bấy giờ, A-na-luật bảo Phạm chí rằng:

–Mới đây Thích, Phạm, Tứ Thiên vương cùng năm trăm chư Thiên, hai mươi tám đại quỷ thần vương vừa đến chỗ tôi, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên, lại dùng kệ này tán thán tôi:

Quy mạng bậc trên người
Đấng mọi người tôn kính
Nay chúng tôi không biết
Là nương vào thiền nào?

Phạm chí hỏi:

–Sao nay tôi không thấy bóng dáng họ? Thích, Phạm, Tứ Thiên vương đang ở chỗ nào?

A-na-luật đáp:

–Vì ông không có Thiên nhãn cho nên không thấy Thích, Phạm, Tứ Thiên vương cùng năm trăm chư Thiên, hai mươi tám đại quỷ thần vương.

Phạm chí hỏi:

–Nếu tôi được Thiên nhãn, có thể thấy Thích, Phạm, Tứ Thiên vương cùng năm trăm chư Thiên, hai mươi tám đại quỷ thần vương không?

A-na-luật đáp:

–Nếu ông được Thiên nhãn, có thể thấy Thích, Phạm, Tứ Thiên vương cùng năm trăm chư Thiên, hai mươi tám đại quỷ thần vương. Nhưng, này Phạm chí, Thiên nhãn này nào đủ để cho là lạ! Có Phạm thiên tên là Thiên Nhãn. Ông ấy thấy ngàn thế giới này. Như người có mắt tự xem mũ báu của mình trong lòng bàn tay. Phạm thiên vương này

---

[21] Phạm-ma-dụ 梵摩喻, xem Trung 41 (T1n26. tr. 685a05): Phạm-ma 梵摩。Cf Pāli, M. ii. 133. Brahmāyu-sutta.

cũng như vậy, thấy ngàn thế giới này không có chướng ngại. Nhưng vị Phạm thiên này không tự thấy y phục mặc trên người mình.

Phạm chí hỏi:

–Vì sao Phạm thiên Thiên Nhãn không tự thấy đồ phục sức mang trên người mình?

A-na-luật đáp:

–Vì vị Thiên kia không có con mắt trí tuệ vô thượng, nên không thể tự thấy đồ phục sức mang ở trên người mình.

Phạm chí hỏi:

–Nếu tôi được con mắt trí tuệ vô thượng, có thấy đồ phục sức mang trên thân này hay không?

A-na-luật đáp:

–Nếu có thể được con mắt trí tuệ vô thượng, có thể thấy đồ phục sức mang trên thân mình.

Phạm chí hỏi:

–Xin Tôn giả nói pháp cực diệu cho tôi nghe, để đạt được mắt trí tuệ vô thượng.

A-na-luật bảo:

–Ông có giới không?

Phạm chí hỏi:

–Thế nào là giới?

A-na-luật nói:

–Không tạo các tội, không phạm phi pháp.

Phạm chí thưa:

–Nếu giới như vậy, tôi kham vâng giữ giới này.

A-na-luật nói:

–Này Phạm chí, nay ông hãy giữ giới cấm không một mảy may khuyết thất và cũng nên từ bỏ kết sử kiêu mạn, chớ chấp ngô, ngã, sinh tưởng đắm nhiễm.

Lúc đó, Phạm chí lại hỏi A-na-luật:

–Sao là ngô? Sao là ngã? Sao là kết sử kiêu mạn?

A-na-luật nói:

–Ngô là thần thức. Ngã là đầy đủ hình thể. Ở trong đó khởi thức sinh ngô ngã, đó là kết kiêu mạn.

Cho nên, này Phạm chí, hãy tìm cầu phương tiện loại trừ các kết này. Này Phạm chí, hãy học điều này như vậy.

Phạm chí liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân A-na-luật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trên đường chưa đến nhà, ông tư duy về nghĩa này, tức thì các trần cấu sạch hết, được con mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, có vị trời xưa kia là bạn thân của Phạm chí này, biết trong tâm của Phạm chí mọi trần cấu đã được dứt sạch, được con mắt pháp thanh tịnh.

Vị trời kia lại đến chỗ Tôn giả A-na-luật, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên, liền dùng kệ này tán thán A-na-luật:

Phạm chí chưa đến nhà
Giữa đường được dấu đạo
Trần cấu, Pháp nhãn tịnh
Không nghi, không do dự.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật dùng kệ báo vị trời kia:

Ta trước quán tâm kia
Trung gian ứng dấu đạo
Kia, thời Phật Ca-diếp
Từng nghe dạy pháp này.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật rời khỏi nơi ấy, du hành trong nhân gian, lần hồi đến chỗ Thế Tôn. Đảnh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng pháp ngữ dạy A-na-luật đầy đủ. A-na-luật sau khi thọ trì lời Phật dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân rồi thoái lui.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đệ tử trong hàng Thanh văn của ta, người được Thiên nhãn đệ nhất, đó chính là Tỳ-kheo A-na-luật.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả La-vân, phụng trì giới cấm, không điều vi phạm, tội nhỏ còn tránh huống là lớn; nhưng tâm không giải thoát khỏi hữu

lậu. Bấy giờ các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên.

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Tỳ-kheo La-vân phụng trì giới cấm, không điều vi phạm; nhưng tâm không giải thoát khỏi hữu lậu.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Pháp giới cấm đầy đủ
Các căn cũng thành tựu
Dần dần sẽ đạt được
Sạch hết cả kết sử.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy luôn nhớ nghĩ tu tập chánh pháp không có sơ sót. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Nan-đà, Niết-bàn, quạ
Lừa, bất thiện có hai
Xúc và nhẫn tư duy
Phạm chí và La-vân.

-oOo-

Phẩm 17: AN-BAN (1)

Kinh số 1[22]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đã đến giờ, Thế Tôn đắp y ôm bát, dẫn La-vân[23] vào thành Xá-vệ để khất thực[24]. Khi ấy, Thế Tôn quay qua bên phải bảo La-vân:

–Ông nay hãy quán sắc là vô thường.

La-vân thưa:

---

22. *Tham chiếu Pāli, M. 62. Rāhulovāda (R i. 421).*
23. *La-vân 羅雲。Pāli: Rāhula.*
24. *Phân-vệ 分衛 。Pāli: Piṇḍapāta.*

–Kính vâng, bạch Thế Tôn, sắc là vô thường.

Thế Tôn bảo:

–Này La-vân, thọ*, tưởng, hành, thức đều là vô thường.

La-vân thưa:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường.

Khi ấy, Tôn giả La-vân lại tự nghĩ: "Ở đây có nhân duyên gì, hôm nay mới đi vào thành để khất thực, đang trên đường đi, cớ sao Thế Tôn trực tiếp dạy dỗ ta? Bấy giờ ta hãy trở về trú xứ, không nên vào thành khất thực."

Bấy giờ, Tôn giả La-vân, đang giữa đường liền trở về tinh xá Kỳ hoàn, cầm y bát đến dưới một bóng cây, chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, chuyên tinh nhất tâm suy niệm sắc vô thường; suy niệm thọ*, tưởng, hành, thức vô thường.

Bấy giờ, Thế Tôn khất thực ở thành Vương xá xong. Sau khi ăn rồi, một mình kinh hành tại tinh xá Kỳ hoàn, lần hồi đến chỗ La-Vân. Đến đó rồi, bảo La-vân rằng:

–Ông hãy tu hành pháp An-ban[25]. Tu hành pháp này, có tâm tưởng sầu ưu đều sẽ trừ diệt hết. Nay ông lại nên tu hành tưởng bất tịnh ghê tởm, nếu có tham dục, thì sẽ trừ diệt hết. Này La-vân, nay ông phải tu hành Từ tâm. Đã hành Từ tâm rồi, nếu có sân nhuế, thì sẽ trừ diệt hết. Này La-vân, nay ông phải tu, hành Bi tâm. Đã hành Bi tâm rồi, nếu có tâm hại, thì sẽ trừ diệt hết. Này La-vân, nay ông phải tu hành Hỷ tâm. Đã hành Hỷ tâm rồi, nếu có tâm tật đố, thì sẽ trừ diệt hết. Này La-vân, nay ông phải tu hành tâm Xả[26]. Đã hành tâm Xả* rồi, nếu có kiêu mạn, thì sẽ trừ diệt hết.

Bấy giờ, Thế Tôn hướng về La-vân, liền nói kệ này:

Chớ luôn khởi tưởng đắm
Thường phải y thuận pháp
Người hiền trí như vậy
Danh đồn vang khắp nơi.
Cầm đuốc sáng cho người
Phá màng vô minh lớn

---

25. An-ban 安般。Pāli: ĀnāPāṇa, hơi thở ra vào.

26. Nguyên Hán: Hộ tâm 護心。

Trời, rồng thảy phụng kính
Tôn thờ bậc Sư trưởng.

Lúc ấy Tỳ-kheo La-vân dùng kệ này thưa Thế Tôn rằng:

Con không khởi tưởng đắm
Hằng tùy thuận theo pháp
Người hiền trí như vậy
Kính thờ là sư trưởng.

Sau khi Thế Tôn dạy bảo xong, trở về tịnh thất. Lúc ấy, Tôn giả La-vân lại tự nghĩ: "Tu hành An-ban như thế nào để trừ bỏ sầu ưu, không có các tưởng?" Bấy giờ, La-vân từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi rồi, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Ngay sau đó, ngồi lui, bạch Thế Tôn rằng:

–Tu hành An-ban như thế nào để trừ bỏ sầu ưu, không có các tưởng, được quả báo lớn, được vị cam lồ?

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay, La-vân! Ông có thể ở trước Như Lai rống tiếng rống sư tử hỏi mà hỏi nghĩa này: "Tu hành An-ban như thế nào để trừ bỏ sầu ưu, không có các tưởng, được quả báo lớn, được vị cam lồ? Này La-vân, nay ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nói đầy đủ cho ông."

Thưa:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ, Tôn giả La-vân vâng lời dạy từ Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

–Này La-vân, ở đây nếu có Tỳ-kheo nào ưa thích ở nơi vắng vẻ không người, chánh thân chánh ý, ngồi kiết già, không có niệm khác, cột ý trên chóp mũi. Thở ra dài, biết hơi thở dài. Thở vào dài, cũng biết hơi thở dài. Thở ra ngắn, cũng biết hơi thở ngắn. Thở vào ngắn, cũng biết hơi thở ngắn. Hơi thở ra lạnh, cũng biết hơi thở lạnh. Hơi thở vào lạnh, cũng biết hơi thở lạnh. Hơi thở ra ấm, cũng biết hơi thở ấm. Hơi thở vào ấm, cũng biết hơi thở ấm. Quán toàn thân, hơi thở vào, hơi thở ra; thảy đều biết rõ. Có lúc có hơi thở, cũng lại biết là có. Có lúc không có hơi thở, cũng lại biết là không. Hoặc hơi thở từ tâm ra[27], cũng lại biết từ tâm ra; hoặc hơi thở từ tâm vào*, cũng lại biết từ tâm vào.

---

[27] *Tức tùng tâm xuất 息從心出。Hán dịch mơ hồ. Tham chiếu Pāli: Cittapaṭisaṃvedì assasissāmi, với cảm giác nhận biết tâm, tôi sẽ thở ra.*

Như vậy, La-vân, ai tu hành An-ban, sẽ không có tưởng sầu ưu, não loạn, được quả báo lớn, được vị cam lồ.

Sau khi nghe Thế Tôn nói pháp vi diệu đầy đủ xong, La-vân từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi rồi đi. Đến dưới một bóng cây nơi vườn An-đà[28], chánh thân, chánh ý ngồi kiết già, không có một niệm nào khác, cột tâm trên chóp mũi. Thở ra dài, biết hơi thở dài. Thở vào dài, cũng biết hơi thở dài. Thở ra ngắn, cũng biết hơi thở ngắn. Thở vào ngắn, cũng biết hơi thở ngắn. Hơi thở ra lạnh, cũng biết hơi thở lạnh. Hơi thở vào lạnh, cũng biết hơi thở lạnh. Hơi thở ra ấm, cũng biết hơi thở ấm. Hơi thở vào ấm, cũng biết hơi thở ấm. Quán toàn thân, hơi thở vào, hơi thở ra; thảy đều biết rõ. Có lúc có hơi thở, cũng lại biết là có. Có lúc không có hơi thở, cũng lại biết là không. Hoặc hơi thở từ tâm ra, cũng lại biết từ tâm ra; hoặc hơi thở từ tâm vào*, cũng lại biết từ tâm vào.

Bấy giờ, La-vân tư duy như vậy tâm được giải thoát khỏi dục[29], không còn các thứ ác, có giác, có quán, niệm trì hỷ an[30], vui thú[31] nơi sơ thiền. Hữu giác, hữu quán đã dứt[32], bên trong tự hoan hỷ[33], chuyên tinh nhất tâm[34]; không giác, không quán, nhập Tam-muội niệm hỷ[35], vui thú* nơi Nhị thiền. Không còn niệm hỷ, tự thủ[36], giác tri thân lạc, điều mà các Hiền thánh thường cầu, hộ niệm hỷ[37], vui thú* nơi tam thiền. Khổ và lạc kia đã diệt, không còn sầu ưu, không khổ không lạc, hộ niệm thanh tịnh[38], vui thú* nơi Tứ thiền.

Với tâm Tam-muội[39] này, thanh tịnh không bụi nhơ, thân thể nhu

---

28. An-đà viên 安陀園。Pāli: Andhavana. Cf. M. 147 Cūla-Rāhulovāda-sutta.

29. Xem cht. kinh số 1 phẩm 12 trên.

30. Hán: Niệm trì hỷ an 念持喜安。Trên kia, kinh số 1 phẩm 12, Hán dịch: Hữu ỷ niệm lạc.

31. Hán: Du 遊。Nơi khác dịch: Tự ngu lạc; hiểu là an trú. Pāli: Vihārati.

32. Trạng thái không tầm (giác) không tứ (quán) của thiền thứ hai.

33. Nên hiểu là nội đẳng tịnh. Xem cht. kinh số 1 phẩm 12 trên.

34. Nên hiểu là tâm nhất cảnh tính. Xem cht. kinh số 1 phẩm 12 trên.

35. Nên hiểu là định sinh hỷ lạc, tức trạng thái hỷ lạc phát sinh bởi định.

36. Trên kia, ibid., Hán dịch: Xả ư niệm, tu ư hộ 捨於念。修於護。Nên hiểu là "ly hỷ, trụ xả." Vì thiền thứ ba được nói là "ly hỷ diệu lạc địa. Xem cht. kinh số 1 phẩm 12 trên.

37. Hán: Hộ niệm hỷ 護念喜。Nên hiểu là an trú lạc với niệm và xả.

38. Nên hiểu là xả và niệm thanh tịnh. Xem cht. kinh số 1 phẩm 12 trên.

39. Hán: Tam-muội tâm 三昧心; chỉ tâm định tĩnh do chứng tứ thiền; y tâm này mà chứng tam minh. Lưu ý ngắt chữ không đúng trong để bản. Pāli, định cú: So evaṃ

nhuyến[40], La-vân biết mình từ đâu đến, nhớ những việc đã làm trước kia, tự biết đời trước, những việc trong vô số kiếp trước; cũng biết một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, ngàn đời, vạn đời, hàng ngàn vạn đời, kiếp thành, kiếp bại, vô số kiếp thành, vô số kiếp bại, ức nam không thể kể xiết: Ta đã từng sinh nơi kia, tên gì, họ gì, ăn thức ăn như vậy, hưởng khổ vui như vậy, thọ mạng dài ngắn, chết kia sinh đây, chết đây sinh kia.

Với tâm Tam-muội này*, thanh tịnh không tỳ vết, La-vân cũng không còn các kết, cũng biết chỗ khởi của tâm chúng sinh. Bằng Thiên nhãn thanh tịnh không tì vết, La-vân quán biết như thật các loài chúng sinh, người sống, kẻ chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường dữ, hoặc tốt, hoặc xấu, điều đã làm, điều đã tạo. Hoặc có chúng sinh thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, thường hành tà kiến, tạo hạnh tà kiến, thân hoại mạng chung. sinh vào địa ngục. Hoặc lại có chúng sinh thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh, thường hành chánh kiến, tạo hạnh chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh lên trời cõi thiện. Đó gọi là Thiên nhãn thanh tịnh không tỳ vết, quán biết như thật các loài chúng sinh, người sống, kẻ chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường dữ, hoặc tốt, hoặc xấu, điều đã làm, điều đã tạo.

Rồi lai vận dụng ý, thành tâm vô lậu. La-vân lại quán biết như thật đây là khổ; lại quán biết như thật đây là tập khởi của khổ, cũng quán biết như thật đây là sự diệt tận khổ, cũng quán biết như thật đây là xuất yếu của khổ. La-vân quán biết như thật như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu; được giải thoát khỏi hữu lậu, vô minh lậu. Đã được giải thoát, nên liền được trí giải thoát, biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau. Bấy giờ, Tôn giả La-vân liền thành A-la-hán.

Sau khi Tôn giả La-vân thành A-la-hán rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, bạch Thế Tôn rằng:

–Sở cầu của con đã được, các lậu đã tận trừ.

---

samāhite citte parisuddhe…

40. Bản Hán có thể nhầm do gán hình dung từ không đúng với chủ từ. Nên hiểu, với tâm định tĩnh, thanh tịnh…, (và) nhu nhuyến. Pāli: So evaṃ samāhite citte parisuddhe…mudubhūte…

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong những vị đắc A-la-hán, không có ai bằng La-vân. Luận về người các hữu lậu đã dứt cũng là Tỳ-kheo La-vân. Luận về người trì giới cấm cũng là Tỳ-kheo La-vân. Vì sao? Vì chư Như Lai Đẳng Chánh Giác đời quá khứ cũng có Tỳ-kheo La-vân này. Muốn nói con Phật cũng là Tỳ-kheo La-vân, đích thân từ Phật sinh, là người thừa tự pháp.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trong hành Thanh văn của ta, đệ tử bậc nhất trì giới cấm chính là Tỳ-kheo La-vân.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Pháp cấm giới đầy đủ
Các căn cũng thành tựu
Dần dần sẽ cũng được
Sạch tất cả kết sử.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 8

Phẩm 17: AN-BAN (2)

Kinh số 2[1]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai con người xuất hiện ở đời, thật là khó có được. Hai người ấy là ai? Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, thật là khó có được và Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời thật là khó có được. Hai người này xuất hiện ở đời thật là khó có được.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai con người xuất hiện ở đời, thật là khó có được. Hai người ấy là ai? Bích-chi-phật xuất hiện ở đời, thật là khó có được và A-la-hán lậu tận đệ tử của Như Lai, xuất hiện ở đời, thật là khó có được.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là hai người xuất hiện ở đời thật là khó có được.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

---

[1] *Tham chiếu Pāli, A. II. 6. 2 (R.i. 77).*

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai pháp này ở thế gian thật là phiền não. Hai pháp gì? Tạo các gốc rễ ác, khởi lên các oán hiềm và lại không tạo hạnh lành, gốc của các đức.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là hai pháp thật là phiền não.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy giác tri pháp phiền não này và cũng nên giác tri pháp không phiền não. Các pháp phiền não thì hãy đoạn trừ, pháp không phiền não, thì nên tu hành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Tà kiến, mà chúng sinh suy niệm, hướng đến, cùng các hành khác, tất cả đều không có gì đáng quý, là những điều mà người thế gian không đáng ham thích. Vì sao? Vì tà kiến này là bất thiện. Giống như những hạt quả đắng, nghĩa là những hạt quả đắng, hạt rau đắng, hạt rau đay, hạt tất-địa bàn-trì, cùng các loại hạt đắng khác, mà đem những loại hạt này trồng nơi đất tốt, sau đó sẽ sinh ra mầm cũng đắng như xưa. Vì sao? Vì những hạt này vốn đã đắng. Ở đây, tà kiến chúng sinh cũng lại như vậy. Những gì được làm bởi thân hành, khẩu hành, ý hành, những gì hướng đến, những gì nghĩ đến, cùng các hành ác khác, tất cả đều không đáng quý, là những điều mà người thế gian không ham thích. Vì sao? Vì tà kiến ác này là bất thiện.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trừ tà kiến, tập hành chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Chánh kiến mà chúng sinh nghĩ đến, hướng đến, cùng các hành khác, tất cả đều đáng quý kính, là những điều mà người thế gian đáng ham thích. Vì sao? Vì chánh kiến này là diệu. Giống như những quả ngọt, như mía, quả bồ-đào, cùng tất cả những quả ngon ngọt khác, có người sửa sang đất tốt đem trồng chúng, sau đó sẽ sinh ra con, tất cả đều ngon ngọt, khiến người ham thích. Vì sao? Vì những hạt quả này vốn đã ngon ngọt. Ở đây chánh kiến chúng sinh cũng lại như vậy. Những gì được nghĩ đến, hướng đến, cùng các hành khác, tất cả đều đáng quý kính, là những điều mà người thế gian đáng ham thích. Vì sao? Vì tà kiến này là diệu.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tập hành chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở nơi vắng vẻ, một mình tư duy, nảy sinh ý niệm này: "Có những chúng sinh khơi dậy tưởng ái dục, liền sinh dục ái, rồi tập hành ngày đêm không hề nhàm chán." Bấy giờ vào buổi chiều, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, khoác y, sửa lại y phục, đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi rồi, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên.

Lúc ấy Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn rằng:

–Con ở nơi vắng vẻ liền phát sinh ý nghĩ này: "Có những chúng sinh khơi dậy tưởng ái dục, liền sinh dục ái, rồi tập hành ngày đêm không hề nhàm chán."

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, A-nan, như những gì ông đã nói: "Có những chúng sinh khơi dậy tưởng ái dục, liền sinh dục ái, rồi tập hành ngày đêm không hề nhàm chán." Vì sao? Này A-nan, vào thời quá khứ xa xưa

có Chuyển luân thánh vương tên là Đảnh Sinh, dùng pháp mà trị hóa, không có gian dối, thành tựu bảy báu. Bảy báu là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Đó là bảy báu. Lại có ngàn người con dũng mãnh cường tráng, có thể hàng phục các kẻ ác; thống lãnh bốn thiên hạ mà không cần đao trượng.

A-nan nên biết, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sinh phát sinh ý niệm này: "Nay ta có đất Diêm-phù-đề này, dân chúng đông đúc, các loại trân báu nhiều. Ta cũng đã nghe các vị trưởng lão kỳ cựu nói, phía Tây có nước Cù-da-ni, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo rất nhiều. Nay ta hãy đến thống lãnh quốc độ kia."

Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sinh mới nảy sinh ý nghĩ này: "Ta đem bốn bộ binh rời khỏi Diêm-phù, đi qua nước Cù-da-ni." Lúc đó người dân nước kia thấy Thánh vương đến, tất cả đều ra trước nghênh đón, quỳ lễ thỏi thăm: "Thiện lai! Đại vương! Nay nhân dân nước Cù-da-ni này đông đúc, nguyện xin Thánh vương nên ở đây cai trị giáo hóa nhân dân, khiến theo giáo lệnh như pháp."

Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sinh liền thống lãnh nhân dân ở nước Cù-da-ni trải qua hàng trăm ngàn năm. Rồi thì, Thánh vương Đảnh Sinh tự nghĩ như vầy: "Ta có Diêm-phù-đề, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, cũng có mưa bảy báu ngập đến gối. Nay cũng lại có Cù-da-ni này, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Ta cũng từng nghe các trưởng lão nói, còn có Phất-vu-đãi, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Nay ta hãy đến thống lãnh quốc độ kia, dùng pháp mà trị hóa."

Này A-nan, bấy giờ, Thánh vương Đảnh Sinh mới nảy sinh ý nghĩ này: "Ta đem bốn bộ binh rời khỏi Cù-da-ni, đi qua nước Phất-vu-đãi." Lúc đó người dân nước kia thấy Thánh vương đến, tất cả đều ra trước nghênh đón, quỳ lễ thỏi thăm, khác miệng nhưng đồng thinh nói như vầy: "Thiện lai! Đại vương! Nay nhân dân nước Phất-vu-đãi này đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, nguyện xin Đại vương nên ở đây cai trị giáo hóa nhân dân, khiến theo giáo lệnh như pháp."

Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sinh liền thống lãnh nhân dân ở nước Phất-vu-đãi trải qua hàng trăm ngàn vạn năm. Rồi thì, Thánh vương Đảnh Sinh tự nghĩ như vầy: "Ta ở Diêm-phù-đề, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, cũng có mưa bảy báu ngập đến gối. Nay cũng lại có Cù-da-ni này, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Nay cũng lại có Phất-vu-đãi này nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Ta cũng từng nghe các trưởng lão nói

còn có Uất-đơn-việt, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, việc làm tự do, không cần cất giữ, tuổi thọ không bị yểu, tuổi thọ chính là ngàn tuổi. Hết tuổi thọ ở đây sẽ sinh lên trời, không đọa vào đường khác, mặc áo kiếp-ba-dục[2], ăn loại lúa gạo tự nhiên. Nay ta hãy đến thống lãnh quốc độ kia, dùng pháp mà trị hóa.

Này A-nan, bấy giờ, Thánh vương Đảnh Sinh mới nảy sinh ý nghĩ này: "Ta đem bốn bộ binh rời khỏi Phất-vu-đãi, đi qua nước Uất-đơn-việt." Từ xa nhìn thấy đất kia màu xanh rậm rạp. Thấy rồi, liền hỏi quần thần tả hữu rằng: "Các ngươi có thấy khắp cả đất này một màu xanh rậm rạp chăng?"

Đáp rằng: "Vâng, chúng tôi thấy."

Vua bảo quần thần rằng: "Cỏ ở đây mềm mại, mịn như Thiên y không khác. Chư hiền ở đây thường ngồi nơi này."

Đi về phía trước một tý nữa, từ xa nhìn thấy đất này màu vàng rực rỡ, liền hỏi quần thần rằng: "Các ngươi có thấy khắp cả đất này màu vàng rực rỡ không?"

Đáp rằng: "Chúng tôi đều thấy vậy."

Đại vương nói: "Đây gọi là lúa tự nhiên. Chư hiền ở đây thường ăn thức an này. Hiện tại các khanh cũng sẽ ăn lúa gạo này."

Bấy giờ, Thánh vương tiến về phía trước một tý nữa, lại thấy khắp cả đất kia đều bằng phẳng, từ xa nhìn thấy đài cao nổi lên một cách đặc biệt. Lại bảo quần thần: "Các ngươi có nhìn khắp đất này đất đai bằng phẳng không?"

Đáp rằng: "Thưa vâng, chúng tôi đều thấy vậy."

Đại vương bảo rằng: "Đó gọi áo cây kiếp-ba-dục*, các ngươi cũng sẽ mặc áo cây này."

Này A-nan, bấy giờ nhân dân nước kia thấy đại vương đến, đều tiến lên phía trước nghênh đón, quỳ lễ thưa hỏi, nhiều tiếng cùng vang lên: "Thiện lai, Thánh vương! Dân chúng nước Uất-đơn-việt này đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, nguyện xin Đại vương nên ở đây cai trị giáo hóa nhân dân khiến theo giáo lệnh như pháp."

Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sinh liền thống lãnh nhân dân ở Uất-đơn-việt, trải qua trăm ngàn vạn năm. Rồi thì, Thánh vương Đảnh Sinh lại sinh ý nghĩ này: "Nay ta có đất Diêm-phù, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, cũng có mưa bảy báu ngập đến gối. Nay

---

[2]. *Kiếp-ba-dục 劫波育. Pāli: Kappāsika, được làm bằng bông gòn.*

cũng lại có Cù-da-ni, Phất-vu-đãi cùng Uất-đơn-việt này, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Ta cũng từng nghe các trưởng lão nói, còn có trời Tam thập tam khoái lạc không đâu bằng, tuổi thọ rất lâu, y thực tự nhiên, ngọc nữ vây quanh không thể kể xiết. Nay ta nên đến thống lãnh Thiên cung kia, dùng pháp mà trị hóa."

Này A-nan! Bấy giờ, Thánh vương Đảnh Sinh mới nảy sinh ý nghĩ này: "Ta đem bốn bộ binh rời khỏi Uất-đơn-việt, đi lên Tam thập tam thiên. Lúc ấy, Thiên đế Thích từ xa trong thấy Thánh vương Đảnh Sinh đến, liền nói như vầy: "Thiện lai, Đại vương! Xin đến ngồi đây."

Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sinh cùng Thích Đề-hoàn Nhân ngồi một chỗ. Cả hai cùng ngồi, không thể phân biệt được, từ tướng mạo, cử động, cho đến âm vang lời nói, chỉ là một không khác.

Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đảnh Sinh ở đó trải qua hàng ngàn trăm năm, rồi nảy sinh ý niệm này: "Nay ta có đất Diêm-phù này, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, cũng có mưa bảy báu ngập đến gối, cũng có Cù-da-ni, cũng lại có Phất-vu-đãi, cũng lại có Uất-đơn-việt này, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Nay ta lại đến Tam thập tam thiên, bấy giờ, ta phải hại Thiên đế Thích này, để ở đây một mình làm vua chư Thiên.

Này A-nan, bấy giờ, Thánh vương Đảnh Sinh vừa nảy sinh ý niệm này, liền từ trên chỗ ngồi tự đọa xuống đến đất Diêm-phù, cùng với bốn bộ binh, tất cả đều rơi xuống. Lúc này, bánh xe báu cũng mất, không biết ở đâu? Voi báu, ngựa báu chết cùng lúc, châu báu thì tự mất; ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu, chúng đều mạng chung. Bấy giờ, Thánh vương Đảnh Sinh thân mắc bệnh nặng, tông tộc, thân quyến, tất cả đều vân tập thăm hỏi bệnh vua: "Thế nào Đại vương! Giả sử sau khi đại vương mệnh chung, có người đến hỏi điều này: 'Lúc đại vương Đảnh Sinh mệnh chung, có dạy lời nào không?' Nếu có ai hỏi như vậy, thì nên trả lời thế nào?"

Thánh vương Đảnh Sinh đáp: "Nếu giả sử ta mệnh chung; sau khi ta mệnh chung nếu có người hỏi thì nên đáp như vầy: 'Vua Đảnh Sinh thống lãnh bốn châu thiên hạ không biết đủ và nhàm tởm, lại đến Tam thập tam thiên, ở tại đó trải qua hàng trăm ngàn năm, mà ý còn sinh tham, muốn hại Thiên đế, nên tự đọa lạc, liền nhận lấy cái chết.'"

Này A-nan, trong lòng ông chớ hồ nghi: "Vua Đảnh Sinh bấy giờ là ai vậy?" Chớ có quán sát như vậy! Vì sao? Vì vua Đảnh Sinh lúc đó chính là thân Ta. Bấy giờ, Ta lãnh bốn châu thiên hạ, cùng đến Tam thập tam thiên ở trong ngũ dục mà không biết đủ và nhàm tởm.

Này A-nan, hãy bằng phương tiện này chứng biết nơi mà tâm tham dục hưng khởi hướng đến, niệm tưởng càng tăng gấp bội, ở trong ái dục mà không biết đủ và nhàm tởm. Muốn cầu biết đủ và nhàm tởm, thì phải cầu từ trong trí tuệ Thánh hiền.

Bấy giờ, Thế Tôn ở giữa đại chúng, liền nói kệ này:

Tham, dâm như mưa mùa
Với dục không biết đủ
Vui ít mà khổ nhiều
Những điều người trí bỏ.
Giả sử hưởng dục trời
Vui hưởng với ngũ nhạc
Không bằng đoạn tâm ái
Là đệ tử Chánh giác.
Tham dục dài ức kiếp
Phước hết trở lại ngục
Hưởng lạc há bao lâu
Liền chịu khổ địa ngục.

Cho nên, này A-nan, hãy bằng phương tiện này để biết dục mà từ bỏ dục, vĩnh viễn không khởi tưởng[3] này. Hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Bà-la-môn Sinh Lậu[4] đến chỗ Thế Tôn, cùng nhau hỏi thăm, rồi ngồi qua một bên. Lúc này, Bà-la-môn Sinh lậu bạch Thế Tôn:

–Nên xem người ác tri thức như thế nào?[5]

Thế Tôn bảo:

–Nên xem như xem trăng.

Bà-la-môn hỏi:

---

3. Xem cht. kinh số 3, phẩm 19.

4. Sinh Lậu 生漏; Trung: Sinh Văn 生聞。Pāli: Jāṇussoṇī.

5. Xem Trung 36 (T2n125, tr. 584c12).

–Nên xem Thiện tri thức như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Nên xem như xem trăng.

Bà-la-môn hỏi:

–Những gì Sa-môn Cù-đàm nói hôm nay chỉ lược nói cốt yếu, chứ chưa giải rộng nghĩa, nguyện xin Cù-đàm nói rộng hết nghĩa khiến cho người chưa hiểu được hiểu.

Thế Tôn bảo:

–Này Bà-la-môn, lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà diễn rộng nghĩa này.

Bà-la-môn thưa:

–Xin vâng, thưa Cù-đàm!

Bà-la-môn Sinh Lậu vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

–Này Bà-la-môn, giống như trăng cuối tháng, ngày đêm xoay vần, nó chỉ có giảm chứ không có đầy. Vì nó tổn giảm, hoặc có khi trăng không hiện nên không có ai thấy. Này Bà-la-môn, ở đây cũng vậy, như ác tri thức, trải qua ngày đêm, dần dần không có tín, không có giới, không có văn, không có thí, không có trí tuệ. Lúc đó ác tri thức kia thân hoại mạng chung, sinh vào trong địa ngục. Cho nên, Bà-la-môn, nay Ta nói người ác tri thức này giống như mặt trăng cuối tháng.

Này Bà-la-môn, giống như mặt trăng đầu tháng, trải qua ngày đêm, ánh sáng dần tăng lên, từ từ tròn đầy, cho đến ngày mười lăm là sung mãn đầy đủ, tất cả chúng sinh không ai là không thấy. Này Bà-la-môn, cũng vậy, như Thiện tri thức, trải qua ngày đêm, tăng thêm tín, giới, văn, thí, trí tuệ. Vì họ nhờ tăng thêm tín, giới, văn, thí, trí tuệ, nên Thiện tri thức lúc bấy giờ thân hoại mạng chung, sinh lên trời, cõi lành. Cho nên, Bà-la-môn, nay Ta nói chỗ hướng đến của người Thiện tri thức này, giống như mặt trăng tròn đầy.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Như người có tham dục
Sân nhuế, si không hết
Với thiện có giảm dần
Như trăng đang thời khuyết.
Như người không tham dục
Sân nhuế, si cũng hết
Với thiện có tăng dần

Giống như trăng tròn đầy.

Cho nên, Bà-la-môn, hãy học như trăng đầu tháng.

Bấy giờ, Bà-la-môn Sinh Lậu bạch Thế Tôn:

–Lành thay, Cù-đàm, giống như người gù được thẳng, người tối được sáng, người mê thấy đường, nơi tối tăm được thắp sáng. Ở đây cũng như vậy, Sa-môn Cù-đàm dùng vô số phương tiện vì con mà nói pháp. Nay con tự quay về Thế Tôn, Pháp, cùng chúng Tăng. Từ nay cho phép con làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không sát sinh.

Sinh Lậu sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói về pháp Thiện tri thức, cũng sẽ nói về pháp ác tri thức. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ!

Các Tỳ-kheo thưa:

–Kính vâng, thưa Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

–Kia, sao gọi là pháp ác tri thức? Này Tỳ-kheo! Ở đây người ác tri thức tự sinh tâm niệm này: "Ta thuộc dòng hào tộc xuất gia học đạo. Các Tỳ-kheo khác thuộc dòng ti tiện xuất gia." Ỷ vào dòng họ mình mong chê bai người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

Lại nữa, người ác tri thức tự sinh tâm niệm này: "Ta rất siêng năng phụng hành chánh pháp. Các Tỳ-kheo khác thì không siêng năng trì giới." Lại dùng nghĩa này chê bai người khác mà tự cống cao. Đó gọi là pháp ác tri thức.

Lại nữa, người ác tri thức lại tự nghĩ: "Ta thành tựu Tam-muội, các Tỳ-kheo khác không có Tam-muội, tâm ý thác loạn không nhất định." Người ấy ỷ vào Tam-muội này thường tự cống cao chê bai người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

Lại nữa, người ác tri thức lại tự nghĩ: "Ta trí tuệ bậc nhất. Ở đây các Tỳ-kheo khác không có trí tuệ." Họ ỷ vào trí tuệ này mà tự cống cao hủy báng người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

Lại nữa, người ác tri thức, lại tự nghĩ: "Hiện tại ta thường được thức ăn, giường mềm, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh. Ở đây các Tỳ-kheo khác không được các vật cúng dường này." Người này ỷ vào vật cúng dường này mà tự cống cao, chê bai người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

Này Tỳ-kheo, Đó gọi là người ác tri thức, hành tà nghiệp này.

Kia, sao gọi là pháp Thiện tri thức? Này Tỳ-kheo, ở đây người Thiện tri thức không tự nghĩ: "Ta sinh thuộc dòng hào tộc. Ở đây các Tỳ-kheo khác không phải là dòng hào tộc." Vì thân mình cùng người không có khác. Đó gọi là pháp Thiện tri thức.

Lại nữa, người Thiện tri thức không tự nghĩ: "Nay ta trì giới. Ở đây các Tỳ-kheo khác không trì giới hạnh." Vì thân mình cùng họ không có thêm bớt. Tuy người ấy nương vào giới này, nhưng không tự cống cao, không chê bai người khác. Đó gọi là pháp Thiện tri thức.

Lại nữa, người Thiện tri thức lại không tự nghĩ: "Ta thành tựu Tam-muội. Ở đây các Tỳ-kheo khác ý loạn không định." Vì thân mình cùng người không thêm bớt. Người ấy tuy nương vào Tam-muội này, nhưng không tự cống cao, cũng không chê bai người khác. Đó gọi là pháp Thiện tri thức.

Lại nữa Tỳ-kheo, người Thiện tri thức cũng không tự nghĩ: "Ta thành tựu trí tuệ. Ở đây các Tỳ-kheo khác không có trí tuệ." Vì thân mình cùng người cũng không thêm bớt. Người ấy tuy nương vào trí tuệ này, nhưng không tự cống cao, cũng không chê bai người khác. Này Tỳ-kheo đó gọi là pháp Thiện tri thức.

Lại nữa Tỳ-kheo, người Thiện tri thức không tự nghĩ: "Ta có thể được y phục, đồ ăn thức uống, giường mền, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh. Ở đây các Tỳ-kheo khác không thể được y phục, đồ ăn thức uống, giường mền, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh." Vì thân mình cùng người cũng không thêm bớt. Người ấy tuy nương vào những lợi dưỡng này, nhưng không tự cống cao, cũng không chê bai người. Này Tỳ-kheo, đó gọi là pháp Thiện tri thức.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta phân biệt cho các ngươi pháp ác tri thức, cũng nói cho các ngươi pháp Thiện tri thức. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tránh xa pháp ác tri thức và nhớ hãy cùng tu hành pháp Thiện tri thức. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-lưu[6], của Thích-sí[7], cùng câu hội với năm trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, có năm trăm người quý tộc thuộc dòng họ Thích ở trong nước, có điều muốn bàn luận nên tập họp tại giảng đường Phổ nghĩa[8]. Lúc ấy, Bà-la-môn Thế Điển[9] đến chỗ những người họ Thích kia, nói với họ rằng:

–Thế nào các vị, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn cùng người thế tục nào có thể cùng luận nghị với tôi không?

Bấy giờ, số đông người họ Thích bảo Bà-la-môn Thế Điển rằng:

–Hôm nay, ở đây có hai người tài cao học rộng, ở tại nước Ca-tỳ-la-việt. Hai người này là ai? Một là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, hai là Cù-đàm họ Thích, Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Người mà trong các đám đông ít được nghe đến, người không có trí tuệ, lời nói vụng về, không phân biệt được nên bỏ hay nên lấy; đại loại như Châu-lợi-bàn-đặc. Còn người mà trong cả nước Ca-tỳ-la-việt này không ai biết đến, không ai nghe, người không trí tuệ, người quê mùa xấu xí, đại loại như Cù-đàm. Bấy giờ, ông có thể luận nghị cùng họ. Nếu Bà-la-môn có khả năng luận nghị mà thắng được hai người này, thì năm trăm người chúng tôi liền tùy thời cúng dường mọi thứ cần dùng và cũng sẽ đền ơn một ngàn thỏi vàng ròng.

Bấy giờ, Bà-la-môn liền tự nghĩ: "Dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-việt này, tất cả đều thông minh, có nhiều kỹ thuật, gian xảo, hư ngụy, không có chánh hạnh. Nếu ta cùng hai người kia luận nghị mà thắng được, thì đâu có đủ là lạ! Còn nếu người kia thắng ta, thì ta liền bị người ngu chiết phục. Nghĩ về hai lẽ này, ta không kham cùng họ luận nghị." Sau khi nghĩ vậy xong, liền rút lui ra về.

---

6. *Ni-câu-lưu viên 尼拘留園; vườn cây đa, ở ngoài thành Ca-tỳ-la-vệ (Pl. Kapilavatthu). Pāli: Nigrodhārāma.*

7. *Thích-sí 釋翅, phiên âm: Giữa những người họ Thích. Pāli: Sakkesu.*

8. *Phổ nghĩa giảng đường. Pāli: Santhāgārasālā (Sandhāgāra), hội trường của họ Thích. cf. M. i. 91.*

9. *Có lẽ đồng nhất với Lokāyatika của Pāli, cf. S. ii. 77ff.*

Bấy giờ, đã đến giờ, Châu-lợi-bàn-đặc cầm bát vào thành Ca-tỳ-la-việt khất thực. Lúc này, Bà-la-môn Thế Điển từ xa trông thấy Châu-lợi-bàn-đặc đến, liền tự nghĩ: "Bấy giờ, ta nên đến hỏi nghĩa người kia." Rồi Bà-la-môn Thế Điển đi đến chỗ Tỳ-kheo, nói với Châu-lợi-bàn-đặc rằng:

–Sa-môn tên gì?

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

–Thôi, Bà-la-môn! Cần gì hỏi tên? Sở dĩ ông đến đây là muốn hỏi nghĩa. Giờ thì nên hỏi đi!

Bà-la-môn nói:

–Sa-môn có thể luận nghị cùng tôi không?

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

–Nay ta còn có khả năng luận nghị cùng Phạm thiên, huống chi cùng với người mù không mắt như ông ư?

Bà-la-môn nói:

–Người mù tức không phải là người không mắt? Không mắt tức không phải mù? Đây chỉ có một nghĩa há chẳng phải là lập lại phiền phức sao?

Châu-lợi-bàn-đặc, bấy giờ liền bay lên không trung hiện ra mười tám cách biến hóa. Lúc này, Bà-la-môn liền tự nghĩ: "Sa-môn này chỉ có thần túc, chứ không biết luận nghị. Nếu ai giải nghĩa này cho ta, ta sẽ tự thân làm đệ tử người ấy.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, bằng Thiên nhĩ thông, nghe được những lời này: "Châu-lợi-bàn-đặc đang luận nghĩa với Bà-la-môn Thế Điển." Tôn giả Xá-lợi-phất liền biến thân thành hình Bàn-đặc và làm ẩn hình Bàn-đặc khiến không cho hiện ra, rồi nói với Bà-la-môn rằng:

–Này Bà-la-môn nếu ông tự nghĩ rằng: "Sa-môn này chỉ có thần túc, chứ không kham luận nghị." Bấy giờ, ông nên lắng nghe, tôi sẽ nói, sẽ đáp lại nghĩa mà ông vừa hỏi và sẽ dựa vào gốc luận cứ này dẫn thêm thí dụ.

Này Bà-la-môn, hiện tại ông tên gì?

Bà-la-môn đáp:

–Tôi tên Phạm Thiên.

Châu-lợi-bàn-đặc hỏi:

–Ông là đàn ông phải không?

Bà-la-môn nói:

–Tôi là đàn ông.

Lại hỏi:

–Đó là người phải không?

Bà-la-môn đáp:

–Là người.

Châu-lợi-bàn-đặc hỏi:

–Thế nào, Bà-la-môn, đàn ông cũng là người, người cũng là đàn ông, đây cũng là một nghĩa, há chẳng phải là lập lại phiền phức sao? Nhưng này Bà-la-môn, mù cùng với không mắt, nghĩa này không giống nhau.

Bà-la-môn nói:

–Sa-môn, thế nào gọi là mù?

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

–Giống như không thấy đời này, đời sau, người sinh, người diệt, sắc tốt, sắc xấu, hoặc đẹp, hoặc xấu, chúng sinh đã tạo các hành vi thiện, hành vi ác, mà không biết như thật, vĩnh viễn không thấy, nên gọi đó là mù.

Bà-la-môn nói:

–Thế nào là người không mắt?

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

–Mắt là mắt của trí tuệ vô thượng. Người kia không có mắt của trí tuệ vô thượng này, nên gọi là không mắt.

Bà-la-môn nói:

–Thôi, thôi, Sa-môn, bỏ thứ tạp luận này đi. Nay tôi muốn hỏi nghĩa sâu. Thế nào, này Sa-môn, có trường hợp không nương vào pháp mà được Niết-bàn chăng?

Châu-lợi đáp:

–Không cần nương vào năm thạnh ấm mà được Niết-bàn.

Bà-la-môn nói:

–Thế nào, Sa-môn, năm thạnh ấm này là có duyên mà sinh hay là không duyên mà sinh?

Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

–Năm thạnh ấm này là có duyên mà sinh chứ chẳng phải không

duyên mà sinh.

Bà-la-môn hỏi:

–Duyên của năm thạnh ấm là gì?

Tỳ-kheo đáp:

–Ái là duyên.

Bà-la-môn hỏi:

–Gì là ái?

Tỳ-kheo đáp:

–Chính là sinh.

Bà-la-môn hỏi:

–Gì gọi là sinh?

Tỳ-kheo đáp:

–Chính là ái.

Bà-la-môn hỏi:

–Ái có đạo nào?[10]

Tỳ-kheo đáp:

–Chính là tám phẩm đạo Hiền thánh; đó là chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng, chánh hành[11], chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. đó gọi là tám phẩm đạo Hiền thánh.

Sau khi Châu-lợi-bàn-đặc rộng nói pháp cho Bà-la-môn rồi và Bà-la-môn nghe giáo nghĩa mà Tỳ-kheo đã nói như vậy xong, các trần cấu sạch hết, được Pháp nhãn tịnh, liền tại chỗ trong thân khởi lên ngọn gió đao mà qua đời.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất hiện nguyên hình trở lại, bay trên hư không, trở về chỗ ở. Lúc đó Tôn giả Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đến giảng đường Phổ nghĩa, chỗ những người dòng họ Thích đang tụ tập, bảo những người họ Thích kia rằng:

–Mọi người hãy nhanh chóng sửa soạn tô dầu, củi đuốc, đem đến trà-tỳ Bà-la-môn Thế Điển.

Bấy giờ, dòng họ Thích sửa soạn tô dầu đến trà-tỳ[12] Bà-la-môn Thế Điển và khởi công xây tháp ở ngã tư đường. Mọi người cùng theo

---

10. Bản Hán có thể nhảy sót. Nên hiểu: Có con đường nào dẫn đến diệt tận ái không?

11. Chánh hành 正行; tức chánh tư duy.

12. Da-duy 耶維 trong Hán dịch, ta quen nói là trà-tỳ. (Pāli: Jhāpeti).

nhau đến chỗ Tôn giả Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, đến rồi đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi những người họ Thích hướng về Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc nói bằng bài kệ này, rằng:

Trà-tỳ khởi dựng tháp*
Không trái lời Tôn giả
Chúng tôi được lợi lớn
Gặp được phước đức này.

Bấy giờ, Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc nói kệ này đáp lại dòng họ Thích:

Nay chuyển Tôn pháp luân
Hàng phục các ngoại đạo
Trí tuệ như biển cả
Đến đây hàng Phạm chí.
Đã làm hành thiện ác
Khứ, lai và hiện tại
Ức kiếp không quên mất
Cho nên phải tạo phước.

Sau khi Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc rộng nói pháp cho những người dòng họ Thích kia xong. Những người dòng họ Thích bạch Châu-lợi-bàn-đặc rằng:

–Nếu Tôn giả cần, y phục, đồ ăn thức uống, chăn giường, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh, chúng tôi sẽ cung cấp hết mọi sự. Nguyện xin nhận lời thỉnh cầu, chớ từ chối một chút tình.

Lúc ấy, Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc im lặng nhận lời.

Bấy giờ, những người dòng họ Thích sau khi nghe những gì Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 11

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt, cùng câu hội với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, người ác Đề-bà-đạt-đâu đến chỗ vương tử Bà-la-lưu-chi[13], bảo vương tử rằng:

---

[13]. Bà-la-lưu-chi 婆羅留支。Skt. Balaruci (?), Hán dịch: Chiết Chỉ 折指, Vô Chỉ 無指。Tên hiệu của A-xà-thế (Pāli: Ajātassattu), theo truyền thuyết phương Bắc. Xem

–Xưa kia, người dân thọ mạng rất dài, nhưng nay tuổi thọ con người không quá một trăm. Vương tử nên biết, mạng người vô thường, nếu không lên ngôi, mà giữa chừng mạng chung thì không đau lắm sao? Vương tử nay có thể đoạn mạng vua cha mà thống lãnh người trong nước. Còn tôi sẽ giết Sa-môn Cù-đàm để làm Vô thượng Chí chân Đẳng chánh giác. Làm vua mới, Phật mới ở quốc độ Ma-kiệt, không khoái lắm sao? Như mặt trời xuyên qua mây, không chỗ nào là không chiếu. Như mặt trăng, mây tan, sáng rõ giữa muôn sao.

Bấy giờ, vương tử Bà-la-lưu-chi liền bắt vua cha giam vào trong lao sắt, lập thêm thần phụ tá, thống lãnh nhân dân. Lúc bấy giờ, có các Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khất thực, nghe Đề-bà-đạt-đâu xúi dục vương tử bắt vua cha giam vào trong lao sắt, lập thêm thần phụ tá. Sau khi các Tỳ-kheo khất thực xong, trở về nơi ở, thu cất y bát, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

–Sáng nay chúng con vào thành khất thực, nghe người ngu Đề-ba-đạt-đâu dạy bảo vương tử bắt vua cha giam vào lao ngục, lập thêm thần phụ tá. Rồi dạy vương tử rằng: "Ông giết vua cha, ta hại Như Lai, làm vua mới. Phật mới ở quốc độ Ma-kiệt này, không khoái lắm sao?"

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu vua cai trị giáo hóa mà không dùng chánh lý, thì bấy giờ vương thái tử cũng thi hành phi pháp. Thái tử đã thi hành phi pháp, bấy giờ quần thần, trưởng quan lại cũng thi hành phi pháp. Quần thần, trưởng quan lại đã thi hành phi pháp, thì nhân dân quốc độ cũng thi hành phi pháp. Nhân dân quốc độ đã thi hành phi pháp, bấy giờ binh chúng nhân mã cũng thi hành phi pháp. Binh chúng đã thi hành phi pháp, bấy giờ trời, trăng đảo lộn, chuyển vận không đúng giờ. Trời, trăng đã không đúng giờ, liền không có năm tháng. Đã không có năm tháng, ngày sai tháng lộn, không còn tinh quang. Ngày tháng đã không có tinh quang, bấy giờ tinh tú hiện quái. Tinh tú đã hiện ra biến quái, liền có gió dữ nổi lên. Gió dữ đã nổi lên, thần kỳ giận dữ. Thần kỳ đã giận dữ, bấy giờ mưa gió thất thường, khi ấy hạt lúa ở dưới đất liền không tăng trưởng. Nhân dân và các loài bò, bay, máy, cựa, nhan sắc biến đổi, tuổi thọ cực ngắn.

Nếu có lúc nào pháp vua cai trị chính đáng, bấy giờ quần thần cũng thi hành chính pháp. Quần thần đã thi hành chính pháp, vương

---

Pháp Hoa Văn Cú 4 (T34n1718, tr. 25c21). Pāli không thấy nói đến tên hiệu này.

thái tử cũng thi hành chính pháp. Vương thái tử đã thi hành chính pháp, bấy giờ trưởng quan lại cũng thi hành chính pháp. Trưởng quan lại đã thi hành chính pháp, quốc độ nhân dân cũng thi hành chính pháp; trời trăng luôn thuận, gió mưa đúng thời, tai quái không hiện, thần kỳ hoan hỷ, ngũ cốc đầy dẫy; vua tôi hòa mục, nhìn nhau như anh như em không bao giờ thêm bớt; loài có hình nhan sắc tươi sáng; thức ăn tự tiêu hóa, không có tai hại; tuổi thọ rất dài, được người yêu kính.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

Giống như trâu lội nước
Dẫn đầu mà không ngay
Tất cả đều không ngay
Là do gốc dẫn đường.
Chúng sinh cũng như vậy
Quần chúng cần người dẫn
Dẫn đường hành phi pháp
Huống là người thấp bé.
Dân chúng đều chịu khổ
Do phép vua không chính
Vì vua hành phi pháp
Tất cả dân làm theo.
Giống như trâu lội nước
Dẫn đầu mà đi ngay
Đàn theo cũng đều ngay
Là do gốc dẫn đường.
Chúng sinh cũng như vậy
Quần chúng cần người dẫn
Dẫn đường đi đúng pháp
Huống chi người thấp bé.
Dân chúng đều hưởng vui
Do phép vua dạy chánh
Vì vua hành chánh pháp
Tất cả dân làm theo.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy bỏ phi pháp mà hành chánh pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 9

Phẩm 18: TÀM QUÝ

Kinh số 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai pháp tinh diệu[2] thủ hộ thế gian. Thế nào là hai pháp? Có tàm, có quý[3]. Này các Tỳ-kheo! Nếu không có hai pháp này, thì thế gian sẽ không phân biệt có cha, có mẹ, có anh, có em, vợ con, tri thức, tôn trưởng, lớn nhỏ; sẽ cùng với lục súc heo, gà, chó, ngựa, dê... cùng một loại. Vì thế gian có hai pháp này thủ hộ, nên thế gian phân biệt có cha mẹ, anh em, vợ con, tôn trưởng, lớn nhỏ và cũng không cùng đồng loại với lục súc.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học tập có tàm, có quý. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Thế gian có hai hạng người vì không biết chán, đủ, nên nhận lấy cái chết. Hai hạng người ấy là gì? Người được tài vật luôn cất giấu và

---

1. Tương đương Pāli, A. ii. 1.9 Hirottapa (R i. 51).

2. Hán: Diệu pháp. Pāli, ibid.: Dhammā sukkā, hai pháp tinh trắng.

3. Hữu tàm hữu quý 有慚有愧。Pāli: Hirì ca ottapañca.

người có được tài vật lại thích cho người. Đó gọi là hai hạng người không biết chán đủ, nên nhận lấy cái chết[4].

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con không hiểu nghĩa tóm lược này. Thế nào là được vật luôn cất giấu? Thế nào là được vật thích cho người? Nguyện xin Thế Tôn giảng rộng nghĩa này.

Thế Tôn bảo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe, suy nghĩ kỹ! Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các ông.

Thưa:

–Kính vâng.

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ở đây có người thiện gia nam tử học các kỹ thuật, hoặc tập làm ruộng, hoặc tập thư sớ, hoặc tập kế toán, hoặc tập thiên văn, hoặc tập địa lý, hoặc tập bói tướng, hoặc học làm sứ giả phương xa, hoặc làm thần tá vua, không tránh nóng lạnh, đói rét, cần khổ mà tự mưu sống cho mình. Người ấy làm mọi công sức như vậy mà được tài vật, nhưng người kia không thể dám ăn tiêu, cũng không cấp cho vợ con, cũng không cho nô tỳ, hay những bà con quyến thuộc; tất cả đều không cho. Những tài vật có được ấy, hoặc bị vua tước đoạt, hoặc bị giặc trộm, hoặc bị lửa thiêu, nước cuốn, phân tán chỗ khác, lợi kia không được hưởng; hoặc ngay trong nhà có người phân tán vật này, không cho để yên một chỗ. Này Tỳ-kheo, đó gọi là được tài luôn cất giấu.

Kia, sao gọi là được tài vật đem phân cho? Có người thiện gia nam tử học các kỹ thuật, hoặc tập làm ruộng, hoặc tập thư sớ, hoặc tập kế toán, hoặc tập thiên văn, hoặc tập địa lý, hoặc tập bói tướng, hoặc học sứ phương xa, hoặc làm thần tá vua, không tránh nóng lạnh, đói rét, cần khổ mà tự mưu sống cho mình. Người ấy làm mọi công sức như vậy mà được tài vật, nhưng người kia đem bố thí cho chúng sinh, phụng dưỡng cho cha mẹ, nô tỳ, vợ con, cũng chu cấp rộng rãi cho Sa-môn, Bà-la-môn, tạo ra các thứ công đức, gieo trồng phước cõi trời. Này Tỳ-kheo, đó gọi là được tài mà đem bố thí.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là hai hạng người không biết chán đủ. Như người thứ nhất, có được tài vật mà cất giấu, các ông nên nghĩ tưởng

---

4. Có sự nhầm lẫn trong Hán dịch.

tránh xa. Người thứ hai, có được mà đem bố thí rộng rãi, hãy học nghiệp này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3[5]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy thường xuyên tập thí pháp, chớ nên tập thí thực[6]. Vì sao? Các ông đã có được phước báo, nên khiến đệ tử của ta cung kính pháp, không tham lợi dưỡng. Nếu người nào tham lợi dưỡng, người đó có lỗi lớn đối Như Lai. Vì sao? Vì chúng sinh không phân biệt được pháp, nên hủy báng lời dạy Thế Tôn[7]. Đã hủy báng lời dạy Thế Tôn, sau đó không còn đến được đạo Niết-bàn. Ta rất lấy làm xấu hổ. Vì sao? Vì đệ tử của Như Lai tham đắm lợi dưỡng, không thực hành nơi pháp, không phân biệt pháp, hủy báng lời dạy Thế Tôn, không thuận chánh pháp. Đã hủy báng lời dạy Thế Tôn, sẽ không còn đến được đạo Niết-bàn.

Này Tỳ-kheo, các ông nên nghĩ đến thí pháp, đừng tư duy đến thí dục[8], rồi các ông được danh thơm vang khắp bốn phương. Cung kính pháp, không tham tài vật, Ta sẽ không lấy làm xấu hổ. Vì sao? Vì đệ tử của Như Lai chỉ thích thí pháp, không ham nghĩ thí dục.

Cho nên các Tỳ-kheo, nên nghĩ thí pháp, chớ học thí tài. Tỳ-kheo các ông, Ta nói nghĩa này, vì nhân nghĩa gì mà nói duyên này?

Bấy giờ các Tỳ-kheo, bạch Thế Tôn:

–Nguyện xin Thế Tôn, phân biệt chi tiết.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Xưa kia, có một người thỉnh Ta cúng dường. Rồi bấy giờ Ta có

---

5. Pāli tương đương, M 3 Dhammadāyāda (R i. 12); Hán: Trung 22 (T1n26, tr. 569c23).

6. Pháp thí 法施, thực thí 食施。Hán dịch không chỉnh ý. Xem nội dung dưới đây sẽ rõ. Pāli, ibid.: Dhammadāyādā me, bhikkhave, bhavatha, mā āmisadāyādā, này các Tỳ-kheo, hãy là kẻ thừa tự pháp của ta, chứ đừng là kẻ thừa tự tài vật của ta.

7. Tham chiếu Pāli, ibid., bị chỉ trích: Thầy trò chỉ là những kẻ thừa tự tài vật (āmisadāyādā satthusāvakā viharanti).

8. Hán: Dục thí; được hiểu là bố thí vật dục tức vật chất.

thức ăn dư tàn[9], có thể vất bỏ. Có hai Tỳ-kheo từ phương xa lại, thân thể mệt mỏi, nhan sắc biến đổi. Bấy giờ Ta bảo hai Tỳ-kheo kia những lời như vầy: "Có thức ăn dư tàn có thể vất bỏ, nếu các ông thấy cần thì có thể lấy mà dùng."

Lúc ấy, một Tỳ-kheo liền tự nghĩ: "Hôm nay Thế Tôn có thức ăn dư tàn có thể vất bỏ. Ai thấy cần thì có thể lấy. Nếu chúng ta không lấy ăn, thì thức ăn này sẽ đem bỏ nơi đất sạch hay trút vào trong nước. Vậy, nay chúng ta nên lấy thức ăn này để lấp đầy vào chỗ đói thiếu, tăng thêm khí lực."

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia lại học điều này: "Phật cũng đã từng dạy: 'Nên hành thí pháp, chớ nghĩ đến thí dục. Vì sao? Vì cao nhất trong bố thí không gì hơn thí tài, nhưng thí pháp ở trong đó được tôn trọng nhất.' Nay ta cam chịu suốt ngày không ăn, ngõ hầu để được tự cứu, không cần nhận phước tín thí kia." Lúc ấy Tỳ-kheo kia liền tự dừng ý nghĩ và không lấy vật thí kia, thân thể mệt mỏi, không cần để ý đến mạng sống.

Trong khi ấy, Tỳ-kheo thứ hai lại tự nghĩ: "Thế Tôn có thức ăn dư tàn đáng bị vất bỏ. Nếu chúng ta không lấy ăn, sẽ mệt mỏi. Nay nên lấy thức ăn này để lấp đầy vào chỗ đói thiếu, tăng thêm khí lực, ngày đêm an ổn." Bấy giờ, Tỳ-kheo kia liền lấy ăn, khí lực sung mãn, ngày đêm an ổn.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Tuy Tỳ-kheo kia đã nhận lấy đồ cúng dường kia, đã trừ bỏ được cái thiếu đói, khí lực sung mãn, nhưng không như Tỳ-kheo trước là đáng kính, đáng quý, rất đáng được tôn trọng. Tỳ-kheo ấy lâu dài tiếng khen được đồn xa, đối y theo luật mà biết đủ, dễ thỏa mãn. Này các Tỳ-kheo, hãy học thí pháp, chớ học nghĩ đến thí dục. Những điều được Ta nói trước đó là do nhân duyên này.

Sau khi Thế Tôn nói những lời này xong, rời chỗ ngồi đứng dậy ra về. Lúc ấy, các Tỳ-kheo lại tự nghĩ: "Thế Tôn vừa rồi chỉ nói tóm lược điều cốt yếu, chứ không nói rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, im lặng vào thất. Hiện tại trong chúng này, ai có khả năng kham nhậm đối với nghĩa sơ lược này mà diễn giải rộng nghĩa của chúng?"

Bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo lại nghĩ: "Hiện nay Tôn giả Xá-lợi-phất được Thế Tôn khen ngợi. Chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Tôn

---

9. Hán: Di dư pháp 遺餘法; đây chỉ đồ ăn còn dư thừa. Pāli, ibid.: (piṇḍapāto) atirekadhammo, đồ ăn khất thực (thuộc loại, pháp) còn dư tàn.

giả Xá-lợi-phất.” Rồi các Tỳ-kheo liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, vái chào nhau, ngồi qua một bên. Sau khi ngồi qua một bên rồi, các Tỳ-kheo đem những điều đã nghe được từ Thế Tôn trình lại hết cho Tôn giả Xá-lợi-phất.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là đệ tử Thế Tôn tham đắm lợi dưỡng không tu hành pháp? Thế nào là đệ tử Thế Tôn ham tu hành pháp không tham lợi dưỡng?

Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa Xá-lợi-phất:

–Chúng tôi là những người từ xa đến, xin hỏi nghĩa này để tu hành. Tôn giả Xá-lợi-phất có khả năng xin diễn rộng nghĩa này cho chúng tôi.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe, suy nghĩ kỹ, tôi sẽ diễn rộng nghĩa này cho các vị.

Lúc ấy các Tỳ-kheo thưa:

–Xin vâng.

Xá-lợi-phất bảo:

–Cái học của đệ tử Thế Tôn là tịch tĩnh, niệm an tĩnh, nhưng đệ tử Thanh văn không học như vậy[10]. Thế Tôn tuôn ra giáo pháp, những điều phải diệt, mà các Tỳ-kheo đối với các pháp đó lười biếng không chịu diệt, lại khởi lên các loạn tưởng; những điều đáng làm mà không chịu làm, những điều không nên làm, thì liền tu hành.

Bấy giờ, này chư Hiền, Tỳ-kheo trưởng lão liền có ba trường hợp đáng hổ thẹn. Thế nào là ba? Thế Tôn thường ưa nơi tịch tĩnh[11] nhưng các Thanh văn không học điều này, nên Tỳ-kheo trưởng lão liền có sự hổ thẹn. Thế Tôn dạy, các vị hãy diệt pháp này, nhưng Tỳ-kheo lại không diệt pháp này, nên Tỳ-kheo trưởng lão liền có sự hổ thẹn. Ở trong đó khởi lên niệm tưởng loạn, ý không chuyên nhất[12], nên Tỳ-kheo trưởng lão liền có sự hổ thẹn.

Chư Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo trung tọa có ba trường hợp đáng

---

10. Tham chiếu Pāli: Satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekaṃ nānusikkhanti, Tôn sư sống viễn ly, nhưng các đệ tử không học theo hành viễn ly.

11. Tịch tĩnh xứ 寂靜之處。Pāli: Viveka, viễn ly, đời sống ẩn dật.

12. Pāli: Họ sống sung túc (bahulikā), lười nhác (sāthlikā), dẫn đầu đọa lạc (okkame pubbaṅgamā), quăng bỏ hạnh viễn ly (paviveke nikkhittadhurā).

hổ thẹn. Thế nào là ba? Thế Tôn thường ưa nơi tịch tĩnh nhưng các Thanh văn không học điều này, nên Tỳ-kheo trung tọa liền có sự hổ thẹn. Thế Tôn dạy, các vị hãy diệt pháp này, nhưng Tỳ-kheo lại không diệt pháp này, nên Tỳ-kheo trung tọa liền có sự hổ thẹn. Ở trong đó khởi lên niệm tưởng loạn, ý không chuyên nhất, nên Tỳ-kheo trung tọa liền có sự hổ thẹn.

Chư Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo niên thiếu liền có ba trường hợp đáng hổ thẹn. Thế nào là ba? Đệ tử[13] Thế Tôn thường ưa nơi tịch tĩnh nhưng các Thanh văn không học điều này, nên Tỳ-kheo niên thiếu liền có sự hổ thẹn. Thế Tôn dạy, các vị hãy diệt pháp này, nhưng Tỳ-kheo lại không diệt pháp này, nên Tỳ-kheo niên thiếu liền có sự hổ thẹn. Ở trong đó khởi lên niệm tưởng loạn, ý không chuyên nhất, nên Tỳ-kheo niên thiếu liền có sự hổ thẹn.

Này chư Hiền giả, đó gọi là tham đắm tài, không đắm pháp.

Các Tỳ-kheo thưa Xá-lợi-phất:

–Thế nào là Tỳ-kheo tham đắm pháp, không đắm tài?

Xá-lợi-phất nói:

–Này Tỳ-kheo, ở đây Như Lai ưa nơi tịch tĩnh, Thanh văn cũng học theo Như Lai mà ưa nơi tịch tĩnh. Thế Tôn dạy, các ông hãy nên diệt pháp này; các Tỳ-kheo liền diệt pháp này. Không lười biếng, không loạn, những điều đáng làm liền tu hành, những điều không đáng làm liền không làm.

Chư Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo trưởng lão liền có ba trường hợp được tiếng khen. Thế nào là ba?

Thế Tôn ưa nơi tịch tĩnh, Thanh văn cũng thích nơi tịch tĩnh, nên Tỳ-kheo trưởng lão liền được tiếng khen. Thế Tôn dạy, các ông hãy diệt pháp này, bấy giờ Tỳ-kheo liền diệt pháp này, nên Tỳ-kheo trưởng lão liền được tiếng khen. Ở trong đó không khởi lên niệm tưởng loạn, ý thường chuyên nhất, nên Tỳ-kheo trưởng lão liền được tiếng khen.

Chư Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo trung tọa liền có ba trường hợp được tiếng khen. Thế nào là ba?

Thế Tôn ưa nơi tịch tĩnh, Thanh văn cũng thích nơi tịch tĩnh, nên Tỳ-kheo trung tọa liền được tiếng khen. Thế Tôn dạy, các ông hãy diệt pháp này, bấy giờ Tỳ-kheo liền diệt pháp này, nên Tỳ-kheo trung tọa

---

13. Đệ tử, nghi dư. Xem văn mạch các đoạn trên.

liền được tiếng khen. Ở trong đó không khởi lên niệm tưởng loạn, ý thường chuyên nhất, nên Tỳ-kheo trung tọa liền được tiếng khen.

Chư Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo niên thiếu nên liền có ba trường hợp được tiếng khen. Thế nào là ba?

Ở đây, này Tỳ-kheo, Thế Tôn ưa nơi tịch tĩnh, Thanh văn cũng thích nơi tịch tĩnh, nên Tỳ-kheo niên thiếu liền được tiếng khen. Thế Tôn dạy, các ông hãy diệt pháp này, bấy giờ Tỳ-kheo liền diệt pháp này, nên Tỳ-kheo niên thiếu liền được tiếng khen. Ở trong đó không khởi lên niệm tưởng loạn, ý thường chuyên nhất, nên Tỳ-kheo niên thiếu liền được tiếng khen.

Chư Hiền giả nên biết, tham là bệnh, rất là đại tai hoạn. Sân nhuế cũng vậy. Ai diệt được tham dâm, sân nhuế, liền được trung đạo[14], sinh nhãn, sinh trí, các trói buộc được dứt trừ, đến được Niết-bàn. Xan tham, tật đố là bệnh, cũng lại rất nặng, bị phiền não nấu nung. Kiêu mạn cũng sâu. Huyễn ngụy không chân thật, không tàm, không quý, không thể lìa bỏ dâm dục, bại hoại chánh chân; mạn, tăng thượng mạn cũng không bỏ. Nếu hai mạn này diệt, liền được ở vào trung đạo, sinh nhãn, sinh trí, các trói buộc được dứt trừ, đến được Niết-bàn.

Tỳ-kheo thưa:

–Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào là ở trung đạo, sinh nhãn, sinh trí, các trói buộc được dứt trừ, đến được Niết-bàn?

Xá-lợi-phất nói:

–Chư Hiền giả nên biết, đó là tám đạo phẩm của Hiền thánh: Chánh kiến, chánh trị, chánh ngữ, chánh hành, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh Tam-muội. Đó gọi là ở trung đạo, sinh nhãn, sinh trí, các trói buộc được dứt trừ, đến được Niết-bàn.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Tôn giả Xá-lợi-phất nói, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

---

14. Đắc xứ trung chi đạo. Pāli: Atthi majjhimā paṭipadā.

Bấy giờ đã đến giờ Thế Tôn đắp y cầm bát vào thành La-duyệt khất thực tại một ngõ hẻm. Lúc ấy tại ngõ hẻm kia có vợ một Phạm chí muốn đãi cơm Bà-la-môn, bèn ra ngoài cửa. Từ xa, bà trông thấy Thế Tôn, liền đến chỗ Thế Tôn, hỏi Thế Tôn rằng:

–Ngài có thấy Bà-la-môn không?

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp đã có mặt trước nơi đó. Thế Tôn liền đưa tay chỉ, bảo rằng:

–Đó là Bà-la-môn.

Lúc ấy vợ Bà-la-môn nhìn chăm chăm vào mặt Như Lai, im lặng không nói.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người không dục, không nhuế
Xả ngu, không có si
Lậu tận A-la-hán
Đó gọi là Phạm chí.
Người không dục không nhuế
Bỏ ngu, không có si
Do bỏ tụ kết sử
Đó gọi là Phạm chí.
Người không dục, không nhuế
Xả ngu, không có si
Do đoạn mạn tôi, ta
Đó gọi là Phạm chí.
Nếu ai muốn biết pháp
Những gì Tam-phật[15] *nói*
Chí thành tự quy y
Tối tôn không gì hơn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Ông có thể đến vợ Phạm chí, khiến thân hiện tại của bà thoát được tội cũ.

Ca-diếp vâng theo lời Phật, đi đến nhà vợ Phạm chí, ngồi vào chỗ ngồi. Lúc ấy vợ Bà-la-môn kia liền bày biện các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ để cúng dường Ca-diếp.

Bấy giờ, Ca-diếp nhận đồ ăn thức uống, vì muốn độ người cho

---

[15] *Tam-phật-(đà) 三佛 ◦ Tức Pāli: Sambuddha, Phật chánh giác.*

nên nói cho bà nghe bài kệ này:

Tế tự, lửa trên hết
Các thư, tụng hơn hết
Vua tôn quý giữa người
Các dòng, biển là nhất.
Các sao, trăng đứng đầu
Chiếu sáng, mặt trời trước
Bốn bên, trên và dưới
Ở các phương, cảnh vức,
Trời cùng người thế gian
Phật là bậc tối thượng
Ai muốn cầu phước kia
Nên quy y Tam-phật.*

Vợ Phạm chí sau khi nghe những lời dạy, vui mừng hớn hở không tự làm chủ được, đến trước Đại Ca-diếp bạch:

–Nguyện xin Phạm chí thường xuyên nhận lời mời của tôi đến thọ thực tại nhà này.

Lúc ấy, Đại Ca-diếp liền nhận lời mời thọ thực tại nơi đó. Vợ Bà-la-môn thấy Ca-diếp thọ thực xong, liền lấy một chiếc ghế thấp đặt ngồi trước Ca-diếp. Sau đó, Ca-diếp nói pháp vi diệu cho bà như luận về bố thí, trì giới, sinh Thiên, dục là bất tịnh, đoạn tận lậu là trên hết, xuất gia là thiết yếu.

Lúc này Tôn giả Đại Ca-diếp đã biết tâm ý của vợ Phạm chí kia đã được khai mở, lòng rất vui mừng. Khi Tôn giả Đại Ca-diếp nói cho vợ Phạm chí nghe pháp mà chư Phật thường nói là Khổ, Tập, Tận, Đạo, vợ Phạm chí liền ngay trên chỗ ngồi mà các trần cấu đều sạch hết, được Pháp nhãn tịnh. Giống như tấm lụa mới trắng tinh, không có bụi dơ, dễ bị nhuộm màu; vợ Phạm chí cũng như vậy, ngay ở trên chỗ ngồi mà được Pháp nhãn tịnh. Bà đã đắc pháp, thấy pháp, phân biệt pháp kia không còn hồ nghi, đã đắc vô úy, tự quy y ba ngôi Phật, Pháp, Thánh chúng và thọ trì năm giới. Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp vì vợ Phạm chí thuyết pháp vi diệu lại lần nữa, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy mà ra về.

Sau khi Ca-diếp đi chưa bao lâu, người chồng trở về đến nhà. Ông Bà-la-môn thấy nhan sắc vợ rất vui tươi, không còn như người thường. Bà-la-môn liền hỏi vợ mình. Người vợ đem nhân duyên này thuật lại đầy đủ cho chồng. Sau khi Bà-la-môn nghe những lời này xong, liền dẫn vợ mình cùng đến tinh xá, đến chỗ Thế Tôn. Bà-la-môn cùng Thế

Tôn chào hỏi rồi ngồi qua một bên. Vợ Bà-la-môn đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi, cũng ngồi qua một bên. Bà-la-môn bạch Thế Tôn rằng:

–Vừa rồi có Bà-la-môn đã đến nhà tôi, hiện ở đâu?

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp hiện đang ngồi kiết già cách Thế Tôn không xa, chánh thân, chánh ý, đang tư duy pháp vi diệu.

Thế Tôn từ xa chỉ Đại Ca-diếp bảo:

–Đó là Tôn trưởng Bà-la-môn.

Bà-la-môn nói:

–Thế nào Cù-đàm! Sa-môn tức Bà-la-môn chăng? Sa-môn cùng Bà-la-môn há không khác chăng?

Thế Tôn bảo:

–Muốn nói Sa-môn thì chính thân Ta. Vì sao? Ta tức là Bà-la-môn. Những giới luật gì mà các Sa-môn phụng trì, Ta đều đã đắc. Vậy nay muốn luận về Bà-la-môn, thì cũng chính là thân Ta. Vì sao? Ta tức là Bà-la-môn. Các Bà-la-môn quá khứ, đã trì những pháp hạnh nào, Ta cũng đã biết hết.

Muốn luận về Sa-môn, thì chính là Đại Ca-diếp. Vì sao? Có những luật gì của các Sa-môn, Tỳ-kheo Ca-diếp đều bao gồm cả. Muốn luận về Bà-la-môn, thì cũng chính là Tỳ-kheo Ca-diếp. Vì sao? Có những cấm giới gì mà các Bà-la-môn phụng trì, Tỳ-kheo Ca-diếp đều biết rõ hết.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Ta không nói Phạm chí
Người rành biết chú thuật
Nói rằng sinh Phạm thiên
Đây vẫn chưa lìa trói.
Không trói, không đường sinh
Hay thoát tất cả kết
Không còn nói phước trời
Tức Sa-môn Phạm chí.

Bấy giờ, Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

–Nói kết phược, những gì gọi là kết?

Thế Tôn bảo:

–Dục ái là kết. Sân nhuế là kết. Ngu si là kết. Như Lai không dục ái này, vĩnh viễn đã diệt tận không còn. Sân nhuế, ngu si cũng lại như vậy. Như Lai không còn kết này.

Bà-la-môn thưa:

–Nguyện xin Thế Tôn thuyết pháp thâm diệu về sự không còn các kết phược này.

Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt nói các đề tài vi diệu cho Bà-la-môn kia; đó luận về thí, luận về giới, luận về sinh Thiên; dục là bất tịnh, đoạn tận lậu là trên hết, xuất gia là thiết yếu.

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm ý Bà-la-môn kia đã khai mở, trong lòng rất vui mừng. Thế Tôn bèn nói cho Bà-la-môn pháp mà chư Phật thời xa xưa đã thuyết: Khổ, Tập, Tận, Đạo. Tức thì, Bà-la-môn ngay trên chỗ ngồi mà dứt sạch các trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh. Giống như tấm lụa mới trắng tinh, không có bụi dơ, dễ nhuộm màu; Bà-la-môn cũng như vậy, ngay trên chỗ ngồi mà đắc Pháp nhãn tịnh. Ông đã đắc pháp, thấy pháp, phân biệt pháp kia không còn hồ nghi, đã được vô úy rồi, tự quy y Tam tôn: Phật, Pháp, Thánh chúng, thọ trì ngũ giới, là đệ tử chân thật Như Lai, không còn thoái thất nữa.

Vợ chồng Bà-la-môn kia sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, vua A-xà-thế có con voi tên Na-la-kỳ-lê[16] rất là hung dữ, bạo ngược, dũng mãnh, thường đánh bại kẻ địch bên ngoài. Nhờ sức voi này mà khiến không đâu không phục một nước Ma-kiệt.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đâu đến chỗ vua A-xà-thế, nói như vầy:

–Đại vương, nên biết, hiện tại con voi ác này có khả năng hàng phục các kẻ thù. Nên dùng rượu mạnh cho voi này uống say. Sáng mai Sa-môn Cù-đàm ắt sẽ vào thành khất thực, hãy thả voi say này dẫm đạp chết ông ta!

Vua A-xà-thế nghe lời xúi của Đề-bà-đạt-đâu, ra lệnh trong nước:

–Sáng sớm ngày mai sẽ thả voi say, cấm không cho người dân đi lại nơi các ngã đường trong thành.

Rồi Đề-bà-đạt-đâu nói với A-xà-thế rằng:

---

16. Na-la-kỳ-lê 那羅祇梨。Pāli: Nālāgiri (Dhanapāla), cf. Vin.ii. 194f.

–Nếu Sa-môn Cù-đàm kia có Nhất thiết trí biết việc tương lai, thì ngày mai ắt sẽ không vào thành khất thực.

Vua A-xà-thế nói:

–Như lời Tôn giả dạy, nếu có Nhất thiết trí thì sáng sớm ngày mai sẽ không vào thành khất thực.

Bấy giờ, nam nữ lớn nhỏ trong thành đều phụng sự Phật, nghe vua A-xà-thế sớm mai sẽ thả voi say hại Như Lai. Nghe xong mọi người đều trong lòng buồn lo, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

–Sáng sớm ngày mai xin Thế Tôn chớ vào thành nữa. Vì sao? Vua A-xà-thế hôm nay có ra lệnh, bắt mọi người dân trong thành, ngày mai chớ đi lại nơi các ngã đường, ta muốn thả voi say hại Sa-môn Cù-đàm. Nếu Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, thì sáng sớm ngày mai sẽ không vào thành khất thực. Nguyện xin Thế Tôn chớ vào thành nữa! Nếu Như Lai mà bỗng dưng bị hại thì người thế gian sẽ mất con mắt, không còn ai cứu giúp.

Thế Tôn bảo:

–Thôi! Thôi! Các Ưu-bà-tắc chớ ôm lòng sầu não. Vì sao? Thân của Như Lai không phải là thân thế tục, nên không bị người khác hại được. Không bao giờ có việc này. Các Ưu-bà-tắc nên biết, đất Diêm-phù, Đông Tây rộng bảy ngàn do-tuần, Nam Bắc dài hai mươi mốt ngàn do-tuần. Cù-da-ni ngang rộng tám ngàn do-tuần như nửa hình mặt trăng. Phất-vu-đãi ngang rộng chín ngàn do-tuần đất đai vuông vức. Uất-đơn-việt ngang rộng mười ngàn do-tuần đất dai tròn như mặt trăng đầy. Ví như voi say đầy khắp trong bốn thiên hạ này, giống như lúa mè, rừng rậm; số như vậy, cũng không thể nào đụng đến mảy may sợi lông của Như Lai, huống chi là hại được Như Lai. Không bao giờ có việc này. Ngoài bốn thiên hạ ra, dù có cả ngàn thiên hạ, ngàn mặt trời, mặt trăng, ngàn núi Tu-di, ngàn nước bốn biển, ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Cù-da-ni, ngàn Phất-vu-đãi, ngàn Uất-đơn-việt, ngàn Tứ Thiên vương, ngàn Tam thập tam thiên, ngàn Đâu-thuật thiên, ngàn Diệm thiên, ngàn Hóa tự tại thiên, ngàn Tha hóa tự tại thiên, đó gọi là ngàn thế giới. Cho đến hai ngàn thế giới, đó gọi là trung thiên thế giới. Cho đến ba ngàn thế giới, đó gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Trong đó đầy khắp Long vương Y-la-bát còn không thể động một sợi lông của Như Lai, huống lại là voi này muốn hại Như Lai được sao? không bao giờ có trường hợp đó. Vì sao? Thần lực của Như Lai là chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai xuất hiện ở đời, vĩnh viễn không thể bị người đả

thương được. Các vị hãy trở về nhà mình. Như Lai tự biết việc gì sẽ xảy ra.

Bấy giờ, Thế Tôn đã vì bốn bộ chúng thuyết pháp vi diệu rộng rãi. Các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-tư sau khi nghe chánh pháp rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, thoái lui ra về.

Sáng sớm hôm đó, Thế Tôn đắp y, ôm bát tính vào thành La-duyệt khất thực. Khi ấy, Thiên vương Đề-đầu-lại-tra dẫn Càn-đạp-hòa... từ phương Đông đến theo hầu Thế Tôn. Lại có Tỳ-lưu-lặc vương dẫn chúng Câu-bàn-trà, từ phương Nam đến theo hầu Như Lai. Phương Tây, Thiên vương Tỳ-lưu-lặc-xoa dẫn các chúng Rồng theo hầu Như Lai. Phương Bắc, Thiên vương Câu-tỳ-la dẫn chúng quỷ La-sát theo hầu Như Lai. Lại có Thích Đề-hoàn Nhân dẫn ngàn vạn chúng chư Thiên biến mất từ trời Đâu-thuật mà hiện đến chỗ Thế Tôn. Lại có Phạm Thiên vương dẫn ngàn vạn chúng Phạm thiên từ trên Phạm thiên đến chỗ Thế Tôn. Lại có Thích, Phạm, Tứ Thiên vương cùng với hai mươi tám trời, đại quỷ thần vương, cùng bảo nhau:

–Hôm nay chúng ta phải xem hai thần voi và rồng đấu với nhau. Ai là người thắng, kẻ bại?

Lúc này bốn bộ chúng thành La-duyệt, từ xa trông thấy Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo vào thành khất thực, mọi người dân trong thành đều cất tiếng kêu la. Vua A-xà-thế lại nghe những tiếng này, hỏi tả hữu:

–Đây là những âm vang gì mà lọt thấu nơi này?

Thị thần đáp:

–Đây là những âm thanh phát xuất từ nhân dân khi thấy Như Lai vào thành khất thực.

A-xà-thế nói:

–Sa-môn Cù-đàm cũng không có Thánh đạo, không biết tâm người, rồi sẽ kinh nghiệm việc gì sẽ xảy ra.

Vua A-xà-thế liền bảo tượng sư:

–Ngươi hãy mau đem rượu mạnh cho voi uống, cột kiếm bén vào vòi và lập tức thả cho nó chạy.

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến cửa thành, vừa cất chân vào cửa, khi ấy trời đất chấn động mạnh, chư Thiên tôn thần ở giữa hư không rải xuống các loại hoa. Tức thì, năm trăm Tỳ-kheo thấy voi say đến, mọi người đều bỏ chạy, không biết theo hướng nào! Lúc đó voi hung dữ kia thấy Như Lai từ xa, nó liền chạy đến. Thấy voi say đến, thị

giả A-nan sau Thế Tôn lòng không an, bạch Thế Tôn:

–Voi này dữ quá! Coi chừng bị hại! Hãy tránh xa nó!

Thế Tôn bảo:

–A-nan, chớ sợ! Nay Ta sẽ dùng thần lực hàng phục voi này.

Như Lai quan sát voi hung bạo với khoảng cách không gần cũng không xa, liền hóa ra các sư tử vương ở hai bên và phía sau voi kia là một hầm lửa lớn. Lúc này voi dữ kia thấy hai bên là sư tử vương cùng thấy hầm lửa, liền té vãi phân tiểu, không biết chạy đi đâu, nó cứ nhắm phía trước hướng Như Lai mà chạy đến.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Ngươi chớ làm hại Rồng
Rồng hiện rất khó gặp
Do ngươi không hại Rồng
Mà được sinh chỗ thiện.

Lúc ấy voi hung bạo nghe Thế Tôn nói kệ này, như bị lửa đốt, liền tự gỡ kiếm hướng về Như Lai, quỳ hai gối phủ phục sát đất, lấy vòi liếm chân Như Lai. Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay phải duỗi thẳng, sờ vào đầu voi, mà nói kệ:

Sân nhuế sinh địa ngục
Cũng sinh thân rắn rít
Cho nên phải trừ sân
Chớ thọ thân này lại.

Lúc đó các vị Thiên thần ở giữa hư không dùng hàng trăm ngàn loài hoa tung rãi trên Như Lai. Bấy giờ Thế Tôn nói pháp vi diệu cho bốn bộ chúng trời, rồng, quỷ, thần. Hơn sáu vạn nam nữ, sau khi thấy Phật hàng phục voi, mọi trần cấu đều dứt sạch, đắc Pháp nhãn tịnh và tám vạn Thiên nhân cũng đắc Pháp nhãn tịnh. Lúc đó tự trong thân voi say kia gió đao nổi dậy, thân hoại mạng chung, sinh về cung Tứ Thiên vương.

Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cùng Thiên, Long, Quỷ, Thần, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà khoác y thật đẹp với màu sắc làm hoa mắt người, mang giày dép da viền vàng, lại tô vẽ hai mắt, tay cầm bình bát, đang đi vào thành Xá-vệ.

Lúc đó, có các Tỳ-kheo từ xa nhìn thấy Tôn giả Nan-đà đắp y thật đẹp, vào thành Xá-vệ khất thực. Các Tỳ-kheo liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Sau đó ngồi thoái lui, bạch Thế Tôn:

–Vừa rồi Tỳ-kheo Nan-đà đắp y thật đẹp, màu chói mắt người, vào thành Xá-vệ khất thực.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

–Ông hãy nhanh chóng đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà nói là Như Lai cho gọi.

Thưa:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy, đảnh lễ sát chân, rồi đi đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà, nói với Tỳ-kheo Nan-đà rằng:

–Thế Tôn cho gọi ông.

Nan-đà nghe Tỳ-kheo sau khi nói, liền đến chỗ Thế Tôn. Đến rồi đảnh lễ sát chân, nồi qua một bên. Lúc ấy Thế Tôn bảo Nan-đà:

–Vì cớ gì hôm nay ông đắp y thật đẹp này, còn mang giày dép da viền vàng, vào thành Xá-vệ khất thực?

Tôn giả Nan-đà im lặng không nói. Thế Tôn lại bảo tiếp:

–Thế nào Nan-đà, ông há không do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo ư?

Nan-đà thưa:

–Đúng vậy, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

–Ông nay là thiện gia nam tử không y luật mà hành! Do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, sao lại đắp y thật đẹp, chải chuốt dáng vóc để vào thành Xá-vệ khất thực, cùng với những kẻ bạch y kia không khác?

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bao giờ thấy Nan-đà
Trì hạnh A-luyện-nhã
Tâm ưa pháp Sa-môn
Đầu-đà đưa đến đích.

Nan-đà! Nay ông đừng có tạo hạnh như vậy nữa!

Tôn giả Nan-đà cùng bốn bộ chúng sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà không kham hành phạm hạnh, muốn cởi pháp y tập hạnh bạch y. Lúc ấy, các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Tỳ-kheo Nan-đà không kham hành phạm hạnh, muốn cởi pháp y, tập hạnh tại gia.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

–Ông hãy đến chỗ Nan-đà nói là Như Lai cho gọi.

Thưa:

–Kính vâng, Thế Tôn.

Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy, rời chỗ ngồi đứng dậy lễ sát chân Thế Tôn, rồi lui đi. Đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà kia, nói:

–Thế Tôn cho gọi Nan-đà.

Đáp:

–Vâng.

Lúc ấy Tỳ-kheo Nan-đà theo Tỳ-kheo này đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên.

Thế Tôn bảo Nan-đà:

–Thế nào Nan-đà? Không thích tu phạm hạnh, muốn cởi pháp y, tu hạnh bạch y ư?

Nan-đà thưa:

–Đúng vậy, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

–Vì sao, Nan-đà?

Nan-đà thưa:

–Dục tâm con hừng hực, không thể tự kiềm được!

Thế Tôn bảo:

–Thế nào Nan-đà? Ông không phải là thiện gia nam tử xuất gia

học đạo ư?

Nan-đà thưa:

–Đúng vậy, Thế Tôn! Con là thiện gia nam tử, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo.

Thế Tôn bảo:

–Điều đó không thích hợp với ông, là thiện gia nam tử đã bỏ nhà xuất gia học đạo, tu hạnh thanh tịnh, sao lại bỏ chánh pháp mà muốn tập hành ô uế?

Nan-đà nên biết, có hai pháp không biết chán đủ. Nếu có người nào tập hai pháp này thì không bao giờ biết chán đủ. Hai pháp gì? Dâm dục và uống rượu, đó gọi là hai pháp không biết chán đủ. Nếu người nào tập hai pháp này, thì không bao giờ biết chán đủ. Do bởi hành quả này mà không thể đạt đến chỗ vô vi. Cho nên, này Nan-đà, hãy ghi nhớ bỏ hai pháp này, sau nhất định sẽ thành tựu quả báo vô lậu. Nan-đà, nay ông khéo tu phạm hạnh, hướng đến quả đạo, không thể không đều do đây.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Nhà lợp không kín
Trời mưa ắt dột
Người không thực hành
Dâm, nộ, si dột.
Nhà khéo lợp kín
Trời mưa không dột
Người hay thực hành
Không dâm, nộ, si[17].

Thế Tôn lại tự nghĩ: "Thiện gia nam tử này dục ý quá nhiều. Nay Ta có thể dùng lửa trị lửa."

Bấy giờ Thế Tôn liền dùng thần lực, tay nắm Nan-đà; trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, đem Nan-đà lên Hương sơn. Bấy giờ, trên núi có một hang đá, lại có một con khỉ cái mù lòa đang ở nơi đó. Thế Tôn, tay phải nắm Nan-đà, bảo rằng:

–Nan-đà, ông có thấy con khỉ cái mù lòa này không?

Thưa:

---

[17] *Cf. Dhp. 13, 14. Yathā agāraṃ ducchannaṃ, vuṭṭhì samativijjhati; evaṃ abhāvitaṃ cittaṃ, rāgo samativijjhati. Yathà agāraṃ suchannaṃ, vuṭṭhì na samativijjhati; evaṃ subhāvitaṃ cittaṃ, rāgo na samativijjhati.*

–Có thấy, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

–Đằng nào xinh đẹp? Tôn-đà-lợi cô gái Thích xinh đẹp hay con khỉ cái mù lòa này xinh đẹp?

Nan-đà thưa:

–Giống như có người đả thương lỗ mũi con chó dữ, lại bôi thêm độc vào, con chó kia càng thêm dữ hơn. Ở đây cũng như vậy, Thích nữ Tôn-đà-lợi, nếu đen con khỉ cái mù lòa để cùng so sánh, thì không thể làm ví dụ được. Giống như đống lửa lớn thiêu đốt sơn dã, còn dùng củi khô bỏ thêm vào thì lửa càng trở nên hừng hực. Ở đây cũng vậy, con nhớ cô gái họ Thích kia, không rời khỏi tâm được.

Bấy giờ Thế Tôn trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay biến khỏi núi này, hiện đến trời Tam thập tam. Khi ấy chư Thiên trên cõi Tam thập tam đều tụ họp tại giảng đường Thiện pháp. Cách giảng đường Thiện pháp không xa, lại có cung điện, năm trăm ngọc nữ đang vui đùa với nhau, toàn là người nữ không có người nam. Bấy giờ Nan-đà từ xa trông thấy năm trăm Thiên nữ, đang ca hát kỹ nhạc vui đùa với nhau; thấy rồi hỏi Thế Tôn:

–Đây là những đâu, mà có năm trăm Thiên nữ ca hát kỹ nhạc vui đùa với nhau?

Thế Tôn bảo:

–Nan-đà, ông tự đến hỏi!

Tôn giả Nan-đà liền đến chỗ năm trăm Thiên nữ; thấy cung điện nhà cửa kia, trải hàng trăm thứ tọa cụ tốt; toàn là người nữ không có người nam. Lúc đó Tôn giả Nan-đà hỏi Thiên nữ kia:

–Các cô, có đúng là Thiên nữ đang cùng nhau vui đùa khoái lạc phải không?

Thiên nữ đáp:

–Chúng tôi có năm trăm người, tất cả đều thanh tịnh, không có phu chủ. Chúng tôi nghe Thế Tôn có đệ tử tên là Nan-đà, là con di mẫu của Phật. Ngài đang ở chỗ Như Lai tu phạm hạnh thanh tịnh, sau khi mạng chung sẽ sinh về cõi này làm phu chủ chúng tôi, cùng vui đùa với nhau.

Lúc này Tôn giả Nan-đà lòng rất vui mừng không thể tự kiềm chế, liền tự nghĩ: “Hiện tại ta là đệ tử Thế Tôn, lại là con di mẫu. Những Thiên nữ này đều sẽ làm vợ cho ta.”

Bấy giờ, Nan-đà thoái lui, đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn hỏi:

–Thế nào Nan-đà! Các ngọc nữ kia nói gì?

Nan-đà thưa:

–Các ngọc nữ kia đều nói: "Chúng tôi đều không có phu chủ. Nghe có đệ tử Thế Tôn khéo tu phạm hạnh, sau khi mạng chung sẽ sinh về nơi này."

Thế Tôn bảo:

–Nan-đà, ý ông thế nào? Nan-đà, ý ông thế nào?

Nan-đà thưa:

–Khi ấy, con tự nghĩ: "Ta là đệ tử Thế Tôn, là con di mẫu của Phật. Những Thiên nữ này tất cả đều sẽ làm vợ cho ta."

Thế Tôn bảo:

–Khoái thay, Nan-đà! Khéo tu phạm hạnh, Ta sẽ xác chứng cho ông, khiến cho năm trăm người nữ này đều sẽ thành những người hầu hạ ông.

Thế Tôn lại bảo:

–Thế nào Nan-đà? Thích nữ Tôn-đà-lợi xinh đẹp, hay là năm trăm Thiên nữ xinh đẹp?

Nan-đà thưa:

–Giống như con khỉ cái mù lòa trên đỉnh núi ở trước Tôn-đà-lợi, không tươi sáng cũng không nhan sắc. Ở đây cũng như vậy, Tôn-đà-lợi ở trước những Thiên nữ kia cũng lại như vậy, không có tươi sáng.

Thế Tôn bảo:

–Ông khéo tu phạm hạnh, Ta sẽ tác chứng cho ông được năm trăm Thiên nữ này.

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: "Nay Ta sẽ dùng lửa để diệt lửa Nan-đà." Trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thế Tôn tay phải nắm cánh tay Nan-đà, dẫn đến trong địa ngục. Lúc này chúng sinh địa ngục đang chịu ngần ấy khổ não. Khi ấy trong địa ngục kia có một cái vạc lớn, trống không, có người. Thấy vậy, Nan-đà sinh lòng sợ hãi, lông áo đều dựng đứng, đến trước Thế Tôn thưa:

–Ở đây mọi chúng sinh đều chịu khổ đau, chỉ có độc nhất cái vạc này trống không có người!

Thế Tôn bảo:

–Đây gọi là địa ngục A-tỳ.

Bấy giờ, Nan-đà lại càng sợ hãi hơn, lông áo đều dựng đứng lên, bạch Thế Tôn:

–Đây là địa ngục A-tỳ, mà sao có một chỗ trống không có tội nhân?

Thế Tôn bảo:

–Nan-đà, ông tự đến đó hỏi.

Lúc này, Tôn giả Nan-đà liền tự đến hỏi:

–Thế nào ngục tốt, đây là ngục gì mà trống, không có người?

Ngục tốt đáp:

–Tỳ-kheo nên biết, đệ tử của Phật Thích-ca Văn tên là Nan-đà, ở chỗ Như Lai tu phạm hạnh thanh tịnh, sau khi thân hoại mạng chung, sinh về chỗ lành trên trời. Ở đó, ông ta sống lâu ngàn tuổi, tự vui đùa khoái lạc, mạng chung ở đó lại sinh vào trong địa ngục A-tỳ này. Cái vạc trống này chính là nhà của ông ta.

Tôn giả Nan-đà nghe xong những lời này, sinh lòng sợ hãi, lông áo đều dựng đứng, liền tự nghĩ: "Cái vạc trống này chính là dành cho ta chăng?" Rồi trở lại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân bạch Thế Tôn:

–Xin nhận sự sám hối tội của chính con, vì không lo tu phạm hạnh, lại còn xúc nhiễu Như Lai!

Bấy giờ Tôn giả Nan-đà, liền nói kệ này:

Đời người không đủ quý
Tuổi trời rồi cũng tàn
Địa ngục chua, thống khổ
Chỉ có vui Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Nan-đà:

–Lành thay! Lành thay! Như những gì ông đã nói. Niết-bàn rất là khoái lạc. Nan-đà, cho phép ông sám hối. Ông kẻ ngu si đã tự biết là mình có lỗi đối với Như Lai. Nay Ta nhận sự hối lỗi của ông, sau này chớ tái phạm.

Bấy giờ, Thế Tôn trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, tay nắm Nan-đà biến khỏi địa ngục, trở về đến vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thành Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Nan-đà:

–Này Nan-đà, nay ông hãy tu hành hai pháp. Hai pháp gì? Chỉ và Quán. Lại phải tu thêm hai pháp. Hai pháp gì? Sinh tử không đáng vui, biết Niết-bàn là an lạc. Đó là hai pháp. Lại tu thêm hai pháp. Hai pháp gì? Trí và Biện.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết giảng cho Nan-đà bằng nhiều pháp khác nhau. Tôn giả Nan-đà sau khi thọ lãnh những lời dạy của Thế Tôn rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Thế Tôn, rồi lui ra; đi đến vườn An-đà. Ở đó, ngồi kiết già dưới một bóng cây, chánh thân, chánh ý, cột niệm trước mặt, tư duy những lời dạy này của Như Lai. Bấy giờ Tôn giả Nan-đà ở nơi vắng vẻ, lúc nào cũng tư duy về những lời dạy của Như Lai không bỏ quên giây phút nào, vì mục đích gì mà thiện gia nam tử này, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến biết như thật rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa."

Lúc bấy giờ, Tôn giả Nan-đà thành A-la-hán. Sau khi thành A-la-hán, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc này Tôn giả Nan-đà bạch Thế Tôn:

–Trước đây, Thế Tôn đã hứa chứng nhận năm trăm Thiên nữ cho đệ tử. Nay con xả hết.

Thế Tôn bảo:

–Nay ông đã dứt sinh tử, phạm hạnh đã lập. Ta cũng liền bỏ nó luôn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nay Ta thấy Nan-đà
Tu hành pháp Sa-môn
Các ác đều đã diệt
Không mất hạnh Đầu-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Người đắc A-la-hán, hiện nay chính là Tỳ-kheo Nan-đà; không còn dâm, nộ, si cũng là Tỳ-kheo Nan-đà.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-lưu, tại Ca-tỳ-la-việt, Thích-sí-sấu[18], cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo. Bấy giờ Đại Ái Đạo

---

[18] Thích-sí-sấu 釋翅瘦, hay Thích-sí 釋翅; Pāli: Sakkesu: Giữa những người họ Thích. Xem kinh 10, phẩm 17.

Kiều-đàm-di[19] đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

–Ước nguyện Thế Tôn sinh mạng hằng được thủ hộ để giáo hóa lâu dài những kẻ ngu tối.

Thế Tôn bảo:

–Cù-đàm-di, không nên nói với Như Lai những lời như vậy. Tuổi thọ của Như Lai lâu vô cùng, mạng hằng được thủ hộ.

Bấy giờ, Đại Ái Đạo Cù-đàm-di liền nói kệ này:

Làm sao lễ Tối Thắng
Đấng thế gian Tối tôn
Để đoạn tất cả nghi
Do vậy nói lời này.

Bấy giờ, Thế Tôn đáp lại Cù-đàm-di bằng bài kệ này:

Tinh tấn ý khó khuyết
Thường có tâm dũng mãnh
Xem Thanh văn bình đẳng
Đó là lễ Như Lai.

Rồi Đại Ái Đạo bạch Thế Tôn:

–Từ đây về sau con sẽ lễ Thế Tôn. Nay Như Lai dạy xem[20] tất cả chúng sinh với ý không tăng tổn. Trên trời, trong cõi người, cùng A-tu-luân, Như Lai là tối thượng.

Khi ấy Như Lai chấp nhận những gì Đại Ái Đạo đã nói. Bà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, rồi lui ra.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử hiểu biết rộng rãi đệ nhất, chính là Đại Ái Đạo.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

19. Đại Ái Đạo Cù-đàm-di 大愛道瞿曇彌。Pāli: Mahāpajāpatì Gotamī.

20. Để bản: Lễ 禮。TNM: Thị 視。

–Có hai hạng người này ở trong chúng sẽ phát sinh hủy báng Như Lai[21]. Hai hạng người nào? Hạng phi pháp nói là pháp; pháp nói là phi pháp. Đó là hai hạng người phỉ báng Như Lai.

Lại có hai hạng người không phỉ báng Như Lai. Thế nào là hai? Hạng phi pháp nói là phi pháp; thật pháp nói là thật pháp. Đó là hai hạng người không phỉ báng Như Lai.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, phi pháp nên nói là phi pháp; thật pháp nên nói là thật pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai hạng người được phước vô lượng. Thế nào là hai? Người đáng khen ngợi thì liền khen ngợi; người không đáng khen ngợi, thì cũng không khen ngợi. Đó là hai hạng người được phước vô lượng.

Lại có hai hạng người chịu tội vô lượng. Thế nào là hai? Người đáng khen ngợi, lại còn phỉ báng; người không đáng khen ngợi, mà lại khen ngợi. Các Tỳ-kheo chớ học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

[21] *Lưu ý Hán dịch đảo cú. So ngữ cảnh tiếp theo để rõ. Cf. A ii. 3. 3 (R i. 60).*

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 10

Phẩm 19: KHUYẾN THỈNH

Kinh số 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ngồi dưới gốc cây tại đạo tràng[2], nước Ma-kiệt. Bấy giờ Thế Tôn đắc đạo chưa lâu, liền tự nghĩ như vầy: "Nay Ta đạt pháp rất sâu khó hiểu khó rõ, khó có thể giác tri, không thể tư duy; pháp tịch tĩnh vi diệu, được giác tri bởi người trí, được phận biệt nghĩa lý, tu tập không chán, liền được hoan hỷ[3]. Nếu Ta nói pháp vi diệu này cho mọi người, họ sẽ không tin nhận, cũng không phụng hành; không những uổng công vô ích mà còn bị tổn giảm nữa. Nay Ta nên im lặng, cần gì phải nói pháp?"

Bấy giờ, Phạm thiên ở trên cõi Phạm thiên, biết những ý nghĩ của Như Lai. Trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, ông biến mất khỏi Phạm thiên, hiện đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Khi ấy Phạm thiên bạch Thế Tôn:

–Cõi Diêm-phù-đề này chắc sẽ bị tan hoại, ba cõi mất đi con mắt,

---

1. *Tham chiếu Pāli, S. 6. 1.1. Brahma-āyācana (R. i. 136)*

2. *Pāli, ibid.: Tại Uruvela, bên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây ajapālanigrodha.*

3. *Tham chiếu Pāli, ibid.: Adhigato kho myāyaṃ dhammo gambhìro duddaso duranubodho santo paṇīto atakkāvacaro nipuṇo paṇḍitavedanīyo. Ālayarāmā kho panāyaṃ pajā ālayaratā ālayasammuditā… duddasaṃ idaṃ ṭhānaṃ yadidaṃ idappaccayatāpaṭiccasamuppādo, pháp mà Ta chứng đắc sâu xa, khó thấy, khó giác ngộ, tịch tĩnh, vi diệu, không thể suy lý, thâm áo, chỉ bậc trí mới cảm nghiệm được. Chúng sinh này vui thích chấp tàng, yêu thích chấp tàng, hoan hỷ chấp tàng… khó thấy điều này, đó là lý y tánh duyên khởi. Đoạn kinh quan trọng đối với Duy thức được dẫn bởi Nhiếp Đại Thừa 1 (bản Huyền Trang, T31n1594, tr. 134a18): 增壹阿笈摩說，世間眾生愛阿賴耶，樂阿賴耶，欣阿賴耶，喜阿賴耶，"Như trong Tăng nhất A-cấp-ma nói, chúng sinh thế gian yêu a-lại-da (chấp tàng), vui sướng với a-lại-da, thích thú với a-lại-da, hoan hỷ với a-lại-da."*

vì Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian đáng ra sẽ diễn Pháp bảo, nhưng nay lại không diễn nói pháp vị! Cúi mong Như Lai khắp vì tất cả chúng sinh mà rộng nói pháp sâu xa. Hơn nữa, căn nguyên của chúng sinh này dễ độ; nếu chúng không nghe, vĩnh viễn mất pháp nhãn[4]. Ngài hãy vì những đứa con côi cút của pháp[5]. Giống như hoa sen Ưu-bát, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà-lợi, tuy ra khỏi bùn đất, nhưng chưa lên khỏi nước, cũng chưa nở bung ra. Khi ấy, hoa kia sinh trưởng dần, nhưng vẫn không ra khỏi mặt nước, chưa ra khỏi nước. Có khi, hoa kia đã lên khỏi nước, hoặc khi ấy hoa kia không bị thấm nước. Ở đây cũng vậy, các loài chúng sinh được thấy bị bức bách bởi sinh, già, bệnh, chết, các căn đã chín mùi, nhưng vì không được nghe pháp nên bị diệt vong, há không khổ sao? Nay thật đúng thời, nguyện xin Thế Tôn nên vì họ chúng nói pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn biết mọi ý nghĩ trong tâm Phạm thiên và vì lòng Từ mẫn đối tất cả chúng sinh, nên nói kệ này:

Nay Phạm thiên khuyến thỉnh
Như Lai mở cửa pháp
Người nghe dốc lòng tin
Phân biệt pháp yếu sâu.
Như trên đỉnh núi cao
Xem khắp loài chúng sinh
Nay Ta có pháp này
Mắt pháp hiện lầu cao.

Bấy giờ, Phạm thiên liền tự nghĩ: "Như Lai chắc sẽ vì chúng sinh nói pháp thâm diệu," nên trong lòng vui mừng phấn khởi không tự kiềm chế được, đảnh lễ sát chân rồi liền trở về trời.

Phạm thiên sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh số 2[6]

Nghe như vầy:

---

4. Tham chiếu Pāli, ibid.: Santi sattā apparajakkhajātikā, assavanatā dhammassa parihāyanti, "Có những chúng sinh chỉ dính một ít bụi bẩn, nếu không được nghe pháp, chúng sẽ thoái đọa."

5. Hán: Pháp chi di tử 法之遺子 (!). Tham chiếu Pāli: Bhavissanti dhammassa aññātāro, chúng sẽ là những người tỏ ngộ pháp, sau khi nghe pháp.

6. Tham chiếu Pāli, S. 56. 2. 1 (R v. 420).

Một thời Đức Phật ở tại vườn Nai trong khu Tiên nhân[7], tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai sự này, người học đạo không nên gần gũi. Hai sự ấy là gì? Tham đắm pháp dục và lạc[8]. Đó là pháp phàm phu hạ tiện. Lại nữa, đây là trăm đầu mối của mọi thứ khổ não[9]. Đó là hai việc mà người học không nên gần gũi. Như vậy, sau khi xả bỏ hai sự này, Ta tự có con đường chí yếu thành tựu được Chánh giác, sinh nhãn, sinh trí, ý được tịch tĩnh, đắc các thần thông, thành quả Sa-môn, đạt đến Niết-bàn. Thế nào là con đường chí yếu[10] thành tựu được Chánh giác, sinh nhãn, sinh trí, ý được tịch tĩnh, đắc các thần thông, thành quả Sa-môn, đạt đến Niết-bàn? Đó là tám phẩm đạo Hiền thánh, là đẳng kiến, đẳng trị, đẳng ngữ, đẳng nghiệp, đẳng mạng, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định. Đó gọi là con đường chí yếu, khiến Ta thành tựu được Chánh giác, sinh nhãn, sinh trí, ý được tịch tĩnh, đắc các thần thông, thành quả Sa-môn, đạt đến Niết-bàn.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học xả bỏ hai sự ấy và tu tập đạo chí yếu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

La-vân, Ca-diếp, rồng.
Hai Nan-(đà), Đại Ái Đạo,
Phỉ báng, phi, Phạm thỉnh,
Hai sự tại sau cùng[11].

-oOo-

---

7. Pāli: Isipatana Migadāya.

8. Hán: Dục cập lạc. Pāli: Kāmasukhallikānuyo, tham đắm khoái lạc dục vọng.

9. Hán dịch không rõ nghĩa, hay nhầm. Tham chiếu Pāli, ibid.: Dveme, antā… kāmesu kāmasukhallikānuyogo… attakilamathānuyogo dukkho anariyo anatthasaṃhito, "Có hai cực đoan này… đắm đuối lạc dục trong các dục vọng… và đắm đuối tự hành xác, đau khổ, phi Thánh, không liên hệ mục đích (giải thoát).

10. Hán: Chí yếu chi đạo; đây hiểu là con đường giữa, trung đạo. Tham chiếu Pāli, ibid.: Ubho ante anupagamma majjhimā paṭipadā, "tránh xa hai cực đoan này, là con đường giữa."

11. Kệ tóm tắt này gồm 10, nhưng thiếu hệ thống. La-vân, trong phẩm 17. Ca-diếp, và tiếp theo, phẩm 18. Hai kinh chót, phẩm 19.

Kinh số 3[12]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

–Thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục, tâm được giải thoát[13], cho đến chỗ cứu cánh an ổn, không có mọi tai hoạn, được trời người tôn kính?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực, ở đây nếu Tỳ-kheo nào nghe pháp Không[14] này, tỏ rõ là không có gì, vị ấy liền hiểu rõ được tất cả các pháp. Rồi với pháp khổ, lạc, hay pháp không khổ không lạc, mà thân giác tri được, tức ở ngay nơi thân này, vị ấy quán chúng đều vô thường, đều trở về không. Khi đã quán biết như thật về sự biến dịch của cái không khổ không lạc này, vị ấy cũng không tưởng khởi[15]. Đã không tưởng khởi nên không sợ hãi[16]. Đã không sợ hãi nên Bát-niết-bàn, như thật biết rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa." Này Thích Đề-hoàn Nhân, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục được tâm giải thoát, cho đến, chỗ cứu cánh an ổn, không có tai hoạn, được trời người tôn kính.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân đảnh lễ sát chân Thế Tôn, rồi nhiễu quanh ba vòng mà lui.

Trong lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ngồi kiết già cách Thế Tôn không xa, chánh thân, chánh ý, cột niệm trước mặt. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên tự nghĩ: "Có phải vừa rồi Đế Thích do được đạo tích mà hỏi việc, hay là không do được đạo tích mà hỏi nghĩa chăng? Nay ta nên thử xem."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền dùng thần túc, trong

---

12. Tham chiếu Pāli, M. 37 Taṇhāsaṅkhaya (R i. 251). Hán, Tạp 19 (T2n99, tr. 133b24).

13. Hán: Đoạn ư ái dục tâm đắc giải thoát. Pāli, ibid.: Taṇhāsaṅkhayavimutto, ái tận giải thoát (giải thoát do khát ái đã diệt tận).

14. Không pháp 空法。Pāli, ibid.: Sabbe dhammā nālaṃ abhinivesāyā'ti, hết thảy các pháp không đáng để tham trước.

15. Tham chiếu Pāli, ibid. : Tāsu vedanāsu aniccānupassī… nissaggānupassī viharanto na kiñci loke upādiyati, quán vô thường nơi các thọ ấy, rồi vị ấy an trú quán xả ly, không chấp thủ cái gì ở trên đời.

16. Pāli: Anupādiyaṃ na paritassati, không chấp thủ, nên không sợ hãi. Có lẽ bản Hán đọc anuppādayaṃ (không khởi, sinh khởi) thay vì anupādiyaṃ (không chấp thủ).

khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, lên đến Tam thập tam thiên. Thích Đề-hoàn Nhân từ xa trông thấy Đại Mục-kiền-liên đến, liền đứng lên tiếp đón và nói:

–Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, khéo đến! Đã lâu lắm, Tôn giả không đến đây. Mong được cùng Tôn giả luận thuyết nghĩa pháp. Mời Tôn giả ngồi nơi này.

Bấy giờ, Mục-kiền-liên hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thế Tôn đã nói pháp đoạn ái dục cho ông, tôi muốn nghe nó. Nay là lúc thích hợp, hãy nói cho tôi nghe.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch rằng:

–Hiện tại, tôi bận rộn nhiều việc, vừa có việc riêng, lại vừa có việc của chư Thiên. Những gì tôi nghe được tức thì quên mất. Ngài Mục-liên, xưa kia khi đánh nhau với các A-tu-luân, trong trận đánh ngày hôm đó, các chư Thiên đắc thắng, A-tu-luân bị bại. Bấy giờ, đích thân tôi tự đi chiến đấu, sau đó thống lãnh chư Thiên trở về Thiên cung, ngồi tại giảng đường tối thắng. Vì nhờ đánh thắng nên gọi là giảng đường Tối thắng[17]. Đường cái thành hàng, đường sá giao nhau. Mỗi một đầu đường[18] có bảy trăm lầu các, trên mỗi một lầu các đều có bảy ngọc nữ, mỗi một ngọc nữ đều có bảy người hầu. Xin mời Tôn giả Mục-liên ngắm xem nơi đó.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân cùng Thiên vương Tỳ-sa-môn, theo sau Tôn giả Mục-liên đến nơi giảng đường Tối thắng. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân và Thiên vương Tỳ-sa-môn, bạch Đại Mục-kiền-liên:

–Đây là giảng đường Tối thắng, tất có thể dạo xem.

Mục-liên bảo Thiên vương:

–Chỗ này rất là vi diệu, đều do tiền thân đã tạo ra phước đức, nên được mời đến bảo đường tự nhiên này. Giống như nhân gian có một chỗ vui nhỏ cũng đã tự chúc mừng rồi, như cung trời không khác, đều do tiền thân tạo ra phước mà được như vậy.

Lúc ấy, ngọc nữ hai bên Thích Đề-hoàn Nhân đều chạy tứ tán. Giống như có chỗ cấm kỵ nhân gian, trong lòng họ đều hổ thẹn. Đám ngọc nữ chỗ Thích Đề-hoàn Nhân cũng lại như vậy, từ xa trong thấy

---

17. Tối thắng giảng đường 最勝講堂。Pāli: Vejayanta-pāsāda, cung điện Chiến thắng.

18. Giai đầu 階頭。Bản Pāli: Niyyūha, vọng tháp. Điện Chiến thắng có một trăm vọng tháp. Mỗi vọng tháp có bảy trăm ngôi lầu (Kūṭāgāra).

Đại Mục-kiền-liên đến, các cô đều chạy tứ tán mất. Khi ấy, Đại Mục-kiền-liên liền tự nghĩ: "Thích Đề-hoàn Nhân này ý rất phóng dật, ta nên làm cho ông ấy sợ hãi."

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền dùng ngón chân phải ấn xuống đất, làm cho cung điện kia bị chấn động sáu cách. Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân cùng Thiên vương Tỳ-sa-môn trong lòng sợ hãi, lông áo dựng đứng, tự nghĩ: "Đại Mục-kiền-liên này có thần túc lớn nên mới có thể làm cho cung điện này chấn động sáu cách. Kỳ diệu thay, chưa từng có việc này!"

Lúc này, Đại Mục-kiền-liên tự nghĩ: "Nay tự thân Đế Thích này đã sinh lòng sợ hãi, ta phải hỏi về nghĩa sâu kia."

–Thế nào Câu-dực[19]? Kinh trừ ái dục mà Như Lai đã thuyết, nay là lúc thích hợp, xin ông nói lại cho chúng tôi nghe.

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Mục-liên, trước đây tôi có đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Lúc ấy tôi liền bạch Thế Tôn: "Thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục tâm được giải thoát, cho đến, cứu cánh đến chỗ vô vi, không có khổ hoạn, được trời người tôn kính?" Bấy giờ Thế Tôn liền bảo tôi rằng: "Này Câu-dực, ở đây các Tỳ-kheo sau khi nghe pháp này rồi, không còn gì để đắm trước[20], cũng không đắm vào sắc, tỏ rõ hết thảy các pháp đều vô sở hữu. Do đã tỏ rõ tất cả các pháp rồi, hoặc khổ hoặc lạc, hoặc không khổ hoặc không lạc, quán chúng là vô thường, diệt hết không còn, cũng không đoạn hoại. Do quán như vậy rồi, không còn gì để đắm trước. Do không khởi lên thế gian tưởng[21] nên không còn sợ hãi. Do không sợ hãi nên Bát-niết-bàn, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Này Thích Đề-hoàn Nhân, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục tâm được giải thoát, cho đến, chỗ cứu cánh vô vi, không có khổ hoạn, được trời người tôn kính." Sau khi nghe những lời dạy như vậy, tôi liền đảnh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng, rồi thoái lui trở về trời.

Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bèn nói pháp sâu xa cho Thích Đề-hoàn Nhân và Tỳ-sa-môn nghe, phân biệt đầy đủ. Sau khi đã thuyết

---

19. Câu-dực 拘翼。Pāli: Kosiya.

20. Nghĩa là, không còn chấp thủ. Pāli, anupādāya. xem cht. 16 trên.

21. Hán: Bất khởi thế gian tưởng 不起世間想。Pāli: Na kiñci loke upādiyati, không còn chấp thủ bất cứ gì trên thế gian. Xem cht. 16 trên.

pháp đầy đủ, Mục-kiền-liên trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay biến mất khỏi Tam thập tam thiên, trở về vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Khi ấy Mục-kiền-liên ngay trên chỗ ngồi bạch Thế Tôn:

–Trước đây Như Lai nói cho Thích Đề-hoàn Nhân nghe pháp trừ dục. Nguyện xin Thế Tôn hãy nói cho con.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Mục-kiền-liên:

–Ông nên biết, Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Ta, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên. Rồi Thích Đề-hoàn Nhân đem nghĩa này hỏi Ta: "Thế Tôn! Thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục tâm đắc giải thoát?" Bấy giờ, Ta bảo Thích Đề-hoàn Nhân rằng: "Này Câu-dực, nếu Tỳ-kheo tỏ rõ tất cả các pháp là không, hoàn toàn không có gì, cũng không có cái gì để chấp trước, Tỳ-kheo ấy hiểu rõ hết tất cả các pháp vô sở hữu. Do biết tất cả các pháp là vô thường, diệt hết không còn, cũng không đoạn hoại. Tỳ-kheo ấy quán như vậy rồi, không có gì để đắm trước. Do không khởi thế gian tưởng nên không còn sợ hãi[22]. Do không sợ hãi nên Bát-niết-bàn, biết như thật rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa."

Này Thích Đề-hoàn Nhân, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục tâm được giải thoát. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, rồi thoái lui trở về trời.

Đại Mục-kiền-liên sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4[23]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Thế gian có hai hạng này, nếu có thấy nghe điện chớp sấm gầm thì cũng không sợ hãi. Hai hạng ấy là ai? Sư tử vua muôn thú và A-la-hán lậu tận[24]. Này Tỳ-kheo, đó gọi là ở thế gian nếu có hai hạng này, dù có thấy nghe điện chớp sấm gầm cũng không sinh lòng sợ hãi.

---

22. Lưu ý văn các đoạn lặp lại trong Hán dịch không hoàn toàn nhất trí.

23. Tham chiếu, Pāli, A. II. 6. Puggalavaggo 6-8.

24. Pāli, A. II. 6. 8 (R. i. 77): Bhikkhu ca khīṇāsavo, sīho ca migarājā.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học A-la-hán lậu tận. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai pháp này, khiến người không có trí tuệ. Hai pháp gì? Không thích hỏi người hơn mình; chỉ ham ngủ nghỉ, không ý siêng năng. Này Tỳ-kheo, có hai pháp này, khiến cho người không có trí tuệ.

Lại có hai pháp khiến cho người thành trí tuệ lớn. Hai pháp gì? Thích hỏi nghĩa người khác; không ham ngủ nghỉ, có ý siêng năng. Này Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người có trí tuệ. Các ông hãy học lìa xa pháp ác.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai pháp này khiến người bần tiện, không có tài sản. Hai pháp gì? Khi thấy người khác bố thí thì ngăn cản; tự mình thì không chịu bố thí. Này Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người bần tiện, không có của báu.

Tỳ-kheo nên biết, lại có hai pháp khiến người phú quý. Hai pháp gì? Khi thấy người cho vật người khác, hoan hỷ trợ giúp và tự mình cũng thích bố thí. Này Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người phú quý.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học huệ thí, chớ có lòng tham.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng

hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai pháp khiến cho người sinh vào nhà bần tiện. Hai pháp gì? Bất hiếu cha mẹ, các bậc sư trưởng; cũng không thừa sự người hơn mình. Này Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người sinh vào nhà bần tiện.

Tỳ-kheo nên biết, lại có hai pháp, sẽ khiến người sinh vào nhà hào tộc. Hai pháp gì? Cung kính cha mẹ, anh em, dòng họ; đem những gì có được của nhà mình ra bố thí. Này Tỳ-kheo, có hai pháp này, sẽ sinh vào nhà hào tộc.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có nữ Phạm chí tên Tu-thâm đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la. Đến nơi rồi, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc này nữ Phạm chí kia bạch Câu-hy-la rằng:

–Ưu-đạp-lam-phất[25], La-lặc-ca-lam[26] không được hóa độ ở trong pháp sâu này, rồi mạng chung. Thế Tôn thọ ký cho hai người này rằng: "Một người sinh vào Bất dụng xứ[27], một người sinh vào Hữu tưởng vô tưởng xứ[28]. Hai người này sau khi thọ mạng ở đó hết, lại mạng chung. Một người sẽ làm quốc vương nơi biên địa, sát hại nhân dân không thể kể xiết. Một người sẽ làm chồn ác có cánh, các loài thú hoặc bay, hoặc

---

25. Ưu-đạp-lam-phất 優蹋藍弗。Pāli: Uddaka-Rāmaputta.

26. La-lặc-ca-lam 羅勒迦藍。Pāli: Āḷāra-Kālāma.

27. Bất dụng xứ 不用處, hay Vô sở hữu xứ. Pāli: Ākiñcaññyatana.

28. Hữu tưởng vô tưởng xứ 有想無想處, hay Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Pāli: Nevasaññà-nāsaññyatana.

chạy nhảy đều không thoát được nó. Sau khi chúng mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục.” Nhưng Thế Tôn lại không thọ ký cho họ lúc nào sẽ tận cùng biên tế khổ. Cớ sao Thế Tôn không thọ ký cho họ tận cùng biên tế khổ?

Bấy giờ, Tôn giả Câu-hy-la bảo nữ nhân Tu-thâm:

–Sở dĩ Thế Tôn không thọ ký là do vì không có người hỏi về nghĩa này, cho nên Thế Tôn không thọ ký họ lúc nào sẽ hết biên tế khổ.

Nữ nhân Tu-thâm thưa:

–Bấy giờ, Như Lai đã vào Niết-bàn, cho nên không hỏi được. Nếu Ngài còn tại thế, con sẽ đến hỏi nghĩa này. Vậy, nay Tôn giả Câu-hy-la nói cho con biết lúc nào họ sẽ hết biên tế khổ?

Bấy giờ, Tôn giả Câu-hy-la liền nói kệ này:

Các loại quả không đồng
Hướng chúng sinh cũng vậy
Người tự giác, giác tha
Đây, tôi không biện thuyết.
Biện Thiền trí giải thoát
Nhớ đời trước, Thiên nhãn
Hay dứt nguồn gốc khổ
Đây, tôi không biện thuyết.

Lúc đó, nữ nhân Tu-thâm liền nói kệ này:

Thiện thệ có trí này
Chất trực không tỳ vết
Dũng mãnh, đã chiến thắng
Cầu nơi hạnh Đại thừa.

Lúc này Tôn giả Câu-hy-la lại nói kệ này:

Ý này thật khó được
Hay được pháp yếu khác
Khó mà biện thuyết nổi
Đối với sự kỳ diệu.

Bấy giờ, Tôn giả nói đầy đủ pháp yếu cho nữ nhân Tu-thâm kia, khiến phát tâm hoan hỷ. Bấy giờ, nữ nhân kia rời chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, rồi thoái lui ra về.

Nữ nhân Tu-thâm sau khi nghe những gì Tôn giả Câu-hy-la dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9[29]

Nghe như vầy:

Một thời Tôn giả Ma-ha Ca-giá-diên[30] hướng dẫn chúng năm trăm đại Tỳ-kheo, du hành đến bên cạnh hồ sâu, nước Bà-na[31]. Bấy giờ, Tôn giả Ca-giá-diên đang nổi tiếng khắp nơi. Có một Tôn giả trưởng lão Bà-la-môn Gian-trà[32] cũng đang du hóa ở đây. Bà-la-môn nghe sau khi nghe tin Tôn giả Ca-giá-diên hướng dẫn năm trăm Tỳ-kheo đang du hóa bên cạnh hồ này, bèn nghĩ: "Tôn giả trưởng lão công đức đầy đủ, nay ta nên đến thăm hỏi người này."

Bấy giờ, Thượng Sắc Bà-la-môn[33] dẫn theo năm trăm đệ tử đến chỗ Tôn giả Ca-giá-diên, cùng chào hỏi, rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn hỏi Tôn giả Ca-giá-diên:

–Như sở hành của Ca-giá-diên, thì đấy không phải là pháp luật. Tỳ-kheo niên thiếu mà không chịu làm lễ các vị cao đức Bà-la-môn chúng tôi!

Ca-giá-diên nói:

–Bà-la-môn nên biết, Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác chúng tôi nói về hai địa này. Hai địa gì? Một là địa vị già cả; hai là vị trai tráng[34].

Bà-la-môn hỏi:

–Sao gọi là địa vị già cả? Sao gọi là vị trai tráng?

Ca-giá-diên nói:

–Giả sử Bà-la-môn ở vào tuổi tám mươi, hay chín mươi, nhưng người kia không đình chỉ dâm dục, tạo các ác hạnh, Bà-la-môn đó tuy gọi là già cả, song hiện đang ở vào địa vị trai tráng.

Bà-la-môn hỏi:

–Sao gọi là tuổi trai tráng ở vào địa vị già cả?

Ca-giá-diên nói:

---

29. Pāli, A II.4.7 (R i. 67).

30. Ca-giá-diên. Pāli, ibid.: Mahākaccāna.

31. Mahākaccāna ở tại Madhura, trong rừng Gunda.

32. Gian-trà 姦荼。Pāli: Kaṇḍarāyana.

33. Thượng Sắc Bà-la-môn 上色婆羅門。Dịch nghĩa của phiên âm trên, nhưng không phù hợp nghĩa với Pāli.

34. Hán: Lão địa, tráng địa 老地壯地。Pāli, ibid., vuddhabhīmi ca daharabhūmi ca: Địa vị trưởng đại, và địa vị niên thiếu.

–Bà-la-môn, nếu có Tỳ-kheo tuy ở vào tuổi hai mươi, hay ba mươi, bốn mươi, năm mươi, nhưng không tập hành dâm dục, cũng không tạo ác hạnh. Đó gọi là, này Bà-la-môn, tuổi trai tráng ở vào địa vị già cả.

Bà-la-môn hỏi:

–Trong đại chúng này có một Tỳ-kheo nào không hành dâm dục, không tạo ác hạnh không?

Ca-giá-diên nói:

–Trong đại chúng của tôi không có một Tỳ-kheo nào tập hành dục và tạo ác cả.

Lúc ấy, Bà-la-môn từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ sát chân các Tỳ-kheo và nói lời này:

–Nay, các ông tuổi niên thiếu ở vào vị già cả, còn tôi tuổi già cả ở vào vị niên thiếu!

Sau đó Bà-la-môn kia trở lại chỗ Ca-giá-diên, đảnh lễ sát chân rồi tự trình bày:

–Nay, con xin quy y Tôn giả Ca-giá-diên cùng Tỳ-kheo Tăng, suốt đời không sát sinh.

Ca-giá-diên nói:

–Nay ông chớ quy y tôi, mà ông nên hướng về chỗ tôi đã quy y.

Bà-la-môn hỏi:

–Tôn giả Ca-giá-diên đã quy y ai?

Tôn giả Ca-giá-diên liền quỳ hướng về chỗ Như Lai đã Bát-niết-bàn, nói:

–Có người con dòng họ Thích xuất gia học đạo tôi hằng quy y Ngài. Vậy, người đó tức là thầy tôi.

Bà-la-môn thưa:

–Sa-môn Cù-đàm này hiện đang ở chỗ nào? Nay tôi muốn gặp Ngài.

Ca-giá-diên nói:

–Như Lai của tôi đã vào Niết-bàn rồi!

Bà-la-môn thưa:

–Nếu Như Lai còn ở tại thế, thì dù trăm ngàn do-tuần con cũng đến thăm hỏi Ngài. Như Lai kia tuy đã vào Niết-bàn, nhưng nay con một lần nữa quy y, làm lễ Phật, Pháp cùng Thánh chúng, suốt đời không

tái phạm sát sinh.

Thượng Sắc Bà-la-môn sau khi nghe những gì Tôn giả Ca-giá-diên dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai hạng người xuất hiện thế gian, rất khó gặp được. Hai hạng người ấy là ai? Người hay thuyết pháp xuất hiện ở thế gian, thật là khó gặp được; người hay nghe pháp, thọ trì phụng hành, thật là khó gặp được. Tỳ-kheo, đó là hai hạng người xuất hiện thế gian, thật khó gặp được.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học thuyết pháp. Hãy học nghe pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 11

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Ma-kiệt, lần hồi đến thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Ngài cùng với năm trăm chúng đại Tỳ-kheo đang ở trong vườn Am-bà-bà-lợi[35] phía Bắc thành Tỳ-xá-ly.

Lúc này, nữ Am-bà-bà-lợi[36] nghe Thế Tôn cùng năm trăm đại Tỳ-kheo đến ở trong vườn, cô liền thắng xe có gắn lông chim[37] ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến ngã đường hẹp là đến chỗ Thế Tôn, cô tự xuống xe, đến chỗ Phật. Bấy giờ, từ xa Thế Tôn trông thấy người nữ kia đến,

---

35. Ám-bà-bà-lợi viên 闇婆婆利園。Pāli, Ambapālī-vana. Tham chiếu, D. 16 (R ii. 95ff). Hán, Trường 2 (T1n1, tr. 13b19).

36. Ám-bà-bà-lợi nữ 闇婆婆利女。Pāli: Ambapālī gaṇikā.

37. Hán: Vũ bảo chi xa 羽寶之車。Pāli: Bhaddāni bhaddāni yāni, những cỗ xe lộng lẫy. Có lẽ bản Hán đọc Skt. Pattrāni (lông chim) thay vì Bhadrāni (đẹp quý). Trường 2, ibid., dịch là nghiêm giá bảo xa 嚴駕寶車。Xem thêm, D. 17 Mahāsudassanasuttaṃ (R.ii. 187): Tám vạn bốn ngàn cỗ xe phủ bằng da sư tử, da hổ...

liền bảo các Tỳ-kheo:

–Tất cả hãy chuyên tinh, chớ sinh tà niệm.

Lúc ấy, người nữ đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ nói cho cô nghe pháp cực kỳ vi diệu. Sau khi nói pháp vi diệu xong, cô bạch Phật rằng:

–Cúi xin Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng nhận lời mời của con.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Cô thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời mời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, rồi lui ra.

Bấy giờ, nam nữ lớn nhỏ trong thành Tỳ-xá-ly nghe tin Thế Tôn cùng năm trăm chúng đại Tỳ-kheo đang ở trong vườn Am-bà-bà-lợi. Lúc ấy, trong thành có năm trăm[38] đồng tử đi các loại xe có gắn lông chim*; trong đó hoặc đi xe trắng thì ngựa trắng, áo, dù, lọng, người theo hầu đều cùng trắng; đi xe đỏ thì ngựa đỏ, áo, dù, lọng, người theo hầu đều cùng đỏ; đi xe xanh thì ngựa xanh, áo, dù, lọng, người theo hầu đều cùng xanh; đi xe vàng thì ngựa vàng, áo, dù, lọng, người theo hầu đều cùng vàng. Cử chỉ, ăn mặc như vương pháp. Họ ra khỏi thành, đến chỗ Thế Tôn. Chưa đến, giữa đường gặp người nữ kia đang dong xe đánh bò[39] chạy hướng về trong thành. Khi ấy các đồng tử hỏi người nữ:

–Cô gái này, thật đáng xấu hổ! Sao lại đánh bò dong xe, chạy hướng về trong thành[40]?

Cô đáp:

–Các Hiền giả nên biết, ngày mai tôi có thỉnh Phật cùng Tỳ-kheo Tăng, cho nên mới đánh xe vậy!

Các đồng tử nói:

–Chúng tôi cũng muốn mời Phật cùng Tỳ-kheo Tăng thọ trai. Bấy giờ cho cô một ngàn lạng vàng ròng, hãy nhường cái hẹn cúng dường cơm ngày mai lại cho chúng tôi.

Người nữ đáp:

–Thôi đi, thôi đi, quý công tử! Tôi không chịu đâu!

---

38. Để bản: Năm trăm ức. TNM: Năm trăm.

39. Để bản: Tẩu đả xa ngưu 走打車牛 (ruổi xe và đánh con bò kéo xe). TNM: Tẩu xa đả ngưu.

40. Hán dịch có thể nhầm, vì vô lý. Pāli, ibid., và Trường 2 đều nói: Xe cô và xe các thiếu niên Tỳ-da-ly đụng nhau nên họ gây gỗ. (Pāli: Cakkena cakkaṃ yugena yugaṃ paṭivaṭṭesi: Xe đụng xe, ách đụng ách).

Các đồng tử lại nói:

–Cho cô hai ngàn lượng, ba ngàn, bốn ngàn, năm ngàn,... cho đến trăm ngàn lượng, chịu hay không chịu, ngày mai nhường cúng dường trai phạn cho Phật cùng Tỳ-kheo Tăng lại cho chúng tôi?

Người nữ đáp:

–Tôi không chịu đâu! Vì sao? Vì Thế Tôn thường dạy: "Có hai hy vọng mà người đời không thể lìa bỏ. Thế nào là hai? Hy vọng tài lợi, hy vọng mạng sống. Ai có thể bảo đảm cho tôi đến ngày mai? Vì tôi đã thỉnh Như Lai trước, nên nay sẽ phải chuẩn bị đầy đủ."

Các đồng tử hoai tay lên nói:

–Chúng ta bao nhiêu người mà không bằng một cô gái!

Nói như vậy rồi họ bỏ cô mà đi.

Bấy giờ, các đồng tử đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ, rồi đứng qua một bên. Khi Thế Tôn thấy các đồng tử đến, bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo các ông, hãy nhìn cử chỉ, phục sức của các đồng tử này, giống như khi Thiên đế Thích đi dạo chơi, không có gì sai khác.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các đồng tử:

–Thế gian có hai việc thật bất khả đắc. Thế nào là hai? Người có đền đáp và người tạo ân nhỏ luôn không quên, huống chi là lớn. Này các đồng tử, đó gọi là có hai việc thật bất khả đắc. Đồng tử nên biết, hãy nhớ đền đáp, cũng như biết ân nhỏ không quên, huống chi là lớn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Tri ân, biết đền đáp
Luôn nhớ người dạy dỗ
Người trí được kính hầu
Tiếng khen khắp trời người.

Như vậy, các đồng tử, hãy học điều này.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu đầy đủ cho các đồng tử. Sau khi nghe xong, họ từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, rồi lui ra.

Ngay trong đêm hôm đó, cô gái sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống ngon ngọt, trải các tọa cụ. Sáng sớm đến bạch:

–Đã đến giờ, nay đã đúng lúc, nguyện xin Thế Tôn hạ cố đến tệ xá.

Bấy giờ, Thế Tôn đắp y ôm bát, dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau đến nhà người nữ trong thành Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, cô thấy Thế Tôn đã an tọa, tự tay dâng thức ăn lên Phật cùng Tỳ-kheo Tăng. Cúng dường thức ăn cho Phật và Tỳ-kheo Tăng rồi, cô đi lấy nước sạch, sau đó lấy ghế chạm vàng nhỏ đặt ngồi trước Thế Tôn. Khi ấy cô bạch Thế Tôn:

–Vườn Am-bà-bà-lợi này, con dâng lên Như Lai và Tỳ-kheo Tăng, để cho chúng Tăng quá khứ, hiện tại, tương lai được dừng nghỉ nơi đây. Nguyện xin Thế Tôn nhận vườn này.

Bấy giờ, Thế Tôn vì người nữ kia, nên liền nhận vườn này. Thế Tôn bèn nói lời chú nguyện này:

Thí vườn trái, mát mẻ
Làm cầu đò đưa người
Gần đường làm cầu xí
Nhân dân được nghỉ ngơi.
Ngày đêm được an ổn
Phước kia không thể kể
Các giới pháp thành tựu
Chết chắc sinh lên trời.

Thế Tôn sau khi nói những lời này xong, liền đứng dậy ra về. Người nữ bấy giờ nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Đoạn ái, cùng sư tử
Vô trí, ít của cải
Nhà nghèo, nữ Tu-thâm
Ca-chiên, thuyết pháp, nữ.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 11

Phẩm 20: THIỆN TRI THỨC

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy chư Tỳ-kheo:

–Nên gần gũi Thiện tri thức, đừng tập theo ác hành, tin vào ác nghiệp. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, gần gũi Thiện tri thức, tín được tăng trưởng; văn, thí, trí tuệ, hết thảy đều tăng trưởng. Nếu các Tỳ-kheo gần gũi Thiện tri thức, thì không tập theo các ác hành. Vì sao? Nếu gần ác tri thức, sẽ không có tín, không có giới, văn, thí, trí tuệ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy gần gũi Thiện tri thức, đừng gần gũi ác tri thức. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại Ca-la-đà[1], trong Trúc viên, thành La-duyệt, thuyết pháp cho năm trăm đại Tỳ-kheo vây quanh trước sau.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa[2] dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi ngang qua, cách Như Lai không xa. Đức Thế Tôn từ xa thấy Đề-bà-đạt-đa tự dẫn môn đồ đi, liền nói kệ này:

Đừng gần ác tri thức
Cũng đừng dại theo hầu
Nên gần Thiện tri thức

---

1. *Ca-la-đà 迦羅陀, Ca-lan-đà trong các kinh trước.*
2. *Bản gốc Đề-bà-đạt-đâu.*

Bậc Tối thắng trong người.
Người vốn không có ác
Tập gần ác tri thức
Sau tất trồng gốc ác
Ở mãi trong tối tăm.

Lúc đó, năm trăm đệ tử Đề-bà-đạt-đa nghe Đức Thế Tôn nói kệ này, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Không lâu, họ rời chỗ ngồi, hướng về Đức Thế Tôn hối lỗi:

–Chúng con ngu muội không hiểu biết gì. Cúi xin Đức Thế Tôn nhận sự sám hối chúng con.

Bấy giờ Thế Tôn nhận sự sám hối của năm trăm vị Tỳ-kheo kia, rồi thuyết pháp cho họ, khiến được tín căn.

Bấy giờ năm trăm Tỳ-kheo ở nơi nhàn tịnh, tư duy pháp mầu. Vì sao? Vì mục đích mà thiện gia nam tử, với lòng tin kiên cố, tu phạm hạnh vô thượng. Bấy giờ năm trăm Tỳ-kheo kia thành A-la-hán, tự biết như thật rằng, sinh tử đã hết, việc cần làm đã xong, phạm hạnh đã lập, không còn tái sinh nữa. Bấy giờ, năm trăm người thành A-la-hán.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho vô số chúng vây chung quanh. Lúc đó Đàm-ma-lưu-chi[3] một mình tư duy trong tĩnh thất, nhập thiền Tam-muội, quán thấy tiền thân làm thân cá dài bảy trăm do-tuần, ở trong biển lớn. Tức thì, ông rời tĩnh thất, trong khoảnh khắc như lực sĩ trong khoảng co duỗi cánh tay, đến biển lớn, đi kinh hành trên xác chết cũ.

Bấy giờ, Đàm-ma-lưu-chi nói kệ này:

Sinh tử vô số kiếp
Lưu chuyển không thể tính
Mỗi mỗi cầu được an
Số số chịu khổ não.
Dù thấy lại thân rồi
Ý muốn tạo nhà cửa

[3] *Đàm-ma-lưu-chi 曇摩留支, đồng nhất với Dhammaruci, trong Apādana (R. ii. 429).*

Tất cả chi tiết hoại
Hình thể không nguyên vẹn.
Tâm đã lìa các hành
Ái trước đã diệt tận
Không thọ lại thân này
Mãi vui trong Niết-bàn.

Sau khi Tôn giả Đàm-ma-lưu-chi nói kệ này rồi, bèn biến mất khỏi chỗ đó, xuất hiện đến chỗ Thế Tôn tại tinh xá Kỳ hoàn, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn thấy Đàm-ma-lưu-chi đến, liền bảo rằng:

–Lành thay, Đàm-ma-lưu-chi, lâu lắm mới đến chốn này.

Đàm-ma-lưu-chi bạch Thế Tôn:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn, lâu lắm con mới đến chốn này.

Bấy giờ các Thượng tọa và các Tỳ-kheo đều tự nghĩ : "Đàm-ma-lưu-chi này thường ở bên cạnh Thế Tôn, nhưng nay Thế Tôn bảo rằng: Lành thay! Đàm-ma-lưu-chi, lâu lắm mới đến chốn này?"

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những ý nghĩ trong tâm các Tỳ-kheo, muốn dứt nghi ngờ, nên bảo chư Tỳ-kheo:

–Chẳng phải vì Đàm-ma-lưu-chi lâu lắm đến chốn này mà Ta nói nghĩa này. Vì sao? Vì vô số kiếp quá khứ xưa kia có Đức Đính Quang[4] Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu xuất hiện ở đời, giáo hóa tại đại quốc Bát-ma[5] cùng với mười bốn ngàn tám trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ chúng bốn bộ không thể tính kể. Quốc vương, đại thần, quan lại, nhân dân, đều đến cúng dường, cung cấp những phẩm vật nhu yếu.

Bấy giờ có Phạm chí tên Da-nhã-đạt[6] sống bên sườn Tuyết sơn, xem sấm bí mật, thiên văn, địa lý, tất cả đều rất thông thạo; sách sớ, văn tự, cũng đều hiểu biết, đọc tụng một câu năm trăm từ; tướng của bậc đại nhân cũng đều biết rõ. Ông thờ các thần lửa, mặt trời, mặt trăng, tinh tú và dạy năm trăm đệ tử đêm ngày không mỏi. Phạm chí Da-nhã-đạt có đệ tử tên là Vân Lôi[7], tướng mạo xinh đẹp hiếm có trên

---

4. Để bản: Định Quang 定光。TNM: Đính Quang 錠光. Pāli: Dīpaṅkara.

5. Bát-ma đại quốc 鉢摩大國。Tứ Phần 31 (T22n1428, tr. 782b1): Liên hoa 蓮花. Skt: Padma (Pāli: Paduma).

6. Da-nhã-đạt 耶若達。Tứ Phần, ibid. (tr.784a03): Tự Thí 祀施。Skt. Yajñqdatta (Pāli: Yaññadatta).

7. Vân Lôi 雲雷。Tứ Phần, ibid. (tr.784a19): Di-khước 彌卻。Skt. Megha.

đời; mắt[8] màu xanh biếc. Phạm chí Vân Lôi thông minh, thấy rộng, thông hiểu mọi thứ, thường được Da-nhã-đạt yêu mến không chút rời xa. Bấy giờ, những chú thuật mà Bà-la-môn làm đều đem ra dạy đủ hết. Lúc ấy Phạm chí Vân Lôi liền suy nghĩ như vầy: "Nay ta đã đủ hết những gì nên học." Song lại tự nghĩ: "Sách vở có ghi, những Phạm chí có học, người hành pháp thuật xong, phải báo ơn thầy. Nay những gì cần học ta đều biết hết. Nay ta phải báo đáp ân thầy. Nhưng mình nghèo thiếu, trống không, không có gì để cúng dường thầy. Ta hãy đi khắp nơi trong nước tìm những thứ cần."

Bấy giờ Phạm chí Vân Lôi liền đến chỗ thầy, bạch thầy rằng: "Những phương pháp kỹ thuật mà Phạm chí học, nay đã biết rồi. Nhưng trong sách lại ghi, những người học pháp thuật rồi phải báo ơn thầy. Song lại nghèo thiếu, không có vàng bạc trân bảo có thể dùng cúng dường, nay con muốn đi khắp nơi trong nước tìm kiếm tài vật dùng cúng dường thầy."

Khi ấy, Bà-la-môn Da-nhã-đạt liền tự nghĩ: "Phạm chí Vân Lôi này được ta yêu mến, không rời khỏi tâm, dù ta có chết còn không thể xa lìa, huống chi hôm nay muốn bỏ ta đi. Nay ta phải làm sao để giữ ở lại cho được?"

Khi đó Phạm chí Da-nhã-đạt liền bảo Vân Lôi: "Anh Phạm chí, nay vẫn có điều Bà-la-môn cần phải học mà anh còn chưa biết."

Phạm chí Vân Lôi liền đến trước bạch thầy: "Cúi mong được chỉ dạy, những gì chưa đọc tụng."

Khi đó Phạm chí Da-nhã-đạt liền suy nghĩ làm ra bài tụng năm trăm từ, bảo Vân Lôi: "Nay có sách này gọi là tụng năm trăm lời, anh nên học thuộc."

Vân Lôi bạch: "Mong thầy truyền thọ, con muốn được đọc tụng."

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ Da-nhã-đạt liền truyền cho đệ tử bài tụng năm trăm lời này. Qua chưa được mấy ngày, tất đều thông suốt.

Bấy giờ, Bà-la-môn Da-nhã-đạt bảo năm trăm đệ tử: "Phạm chí Vân Lôi này, kỹ thuật đầy đủ, không việc gì không thông. Ta đặt tên ngay là Siêu Thuật."

Phạm chí Siêu Thuật này rất là tài cao; thiên văn, địa lý không gì không xuyên suốt; thư sớ, văn tự cũng đều biết rõ. Phạm chí Siêu Thuật qua mấy ngày lại thưa với thầy: "Pháp kỹ thuật mà Phạm chí đã học,

---

[8]. *Để bản: 髮 Phát (tóc); TNM: 眼 Nhãn (mắt).*

nay con biết hết rồi. Song trong sách ghi lại, những người học pháp thuật rồi phải báo ơn thầy. Nhưng con lại nghèo thiếu, không có vàng bạc, trân bảo, có thể cúng dường thầy. Nay muốn đi khắp nơi trong nước tìm kiếm tài vật để cúng dường thầy. Cúi mong thầy cho phép."

Bấy giờ Phạm chí Da-nhã-đạt bảo: "Anh biết đúng thời."

Phạm chí Siêu Thuật đến trước lễ sát chân thầy rồi liền lui đi.

Bấy giờ, cách trị trấn của đại quốc Bát-ma không xa, có nhiều Phạm chí tập hội lại một chỗ, đang thiết đại tế đàn và cũng để giảng luận. Lúc đó, có tám vạn bốn ngàn Phạm chí cùng tụ tập. Vị thượng tọa đệ nhất cũng đọc tụng thư sớ ngoại đạo, không gì không tinh tường. Hiểu biết thiên văn địa lý, tinh tú biến quái tất đều biết rõ. Mỗi người khi sắp giải tán, họ liền lấy năm trăm lượng vàng, một cây gậy vàng, bồn tắm bằng vàng và một ngàn con bò dùng dâng lên vị thượng sư và thượng tọa đệ nhất[9].

Bấy giờ Phạm chí Siêu Thuật nghe cách nước lớn Bát-ma không xa có tám vạn bốn ngàn Phạm chí đang tụ tập lại một chỗ. họ có thi nghệ thuật. Người thắng được năm trăm lượng vàng, một cây gậy vàng, một bồn tắm bằng vàng và một ngàn con bò.

Phạm chí Siêu Thuật tự nghĩ: "Nay ta sao phải đi khất cầu từng nhà? Chẳng bằng đến đám đông kia cùng so tài nghệ."

Rồi Phạm chí Siêu Thuật liền đến chỗ đám đông. Bấy giờ, nhiều Phạm chí từ xa trông thấy Phạm chí Siêu Thuật, mọi người đều hô to: "Lành thay Từ chủ[10]! Nay được lợi lớn mới khiến Phạm thiên đích thân giáng hạ."

Khi ấy tám vạn bốn ngàn Phạm chí đều đứng dậy cùng nghênh đón, đồng loạt nói rằng: "Kính Đại phạm Thần thiên mới đến!"

Phạm chí Siêu Thuật nghĩ thầm: "Các Phạm chí này, gọi ta là Phạm thiên, nhưng ta lại chẳng phải Phạm thiên!"

Rồi Phạm chí Siêu Thuật nói với các vị Bà-la-môn rằng: "Thôi, thôi, các Hiền giả, chớ gọi tôi là Phạm thiên. Quý vị không nghe sao? Phía Bắc Tuyết sơn có thầy của chúng Phạm chí tên Da-nhã-đạt, thiên văn địa lý không gì không tinh thông."

Các Phạm chí nói: "Chúng tôi có nghe, nhưng chưa từng gặp."

---

9. Có lẽ mỗi người khi giải tán nhận được những thứ ấy, chứ không phải mỗi người dâng cho thượng sư và thượng tọa như Hán dịch.

10. Hán: Từ chủ 祠主, chủ tổ chức tế đàn này.

Phạm chí Siêu Thuật nói: "Tôi chính là đệ tử của vị ấy, tên là Siêu Thuật."

Lúc này Phạm chí Siêu Thuật liền quay sang vị thượng tọa đệ nhất trong chúng ấy báo rằng: "Nếu ngài biết kỹ thuật xin nói cho tôi nghe."

Bấy giờ, người đứng đầu trong chúng kia liền quay sang Phạm chí Siêu Thuật tụng ba tạng kỹ thuật[11] không hề sai sót. Bà-la-môn Siêu Thuật nói với vị thượng tọa kia rằng: "Một câu năm trăm lời, ông hãy nói đi!"

Lúc đó, vị Thượng tọa kia nói: "Tôi không hiểu nghĩa này. Cái gì là một câu năm trăm lời?"

Phạm chí Siêu Thuật bảo: "Quý vị, hãy yên lặng nghe nói một câu năm trăm lời; nói về tướng của bậc Đại nhân."

Tỳ-kheo, nên biết, bấy giờ Phạm chí Siêu Thuật liền tụng thuật ba tạng và một câu năm trăm lời, về tướng của bậc Đại nhân. Bấy giờ, tám vạn bốn ngàn Phạm chí khen: "Chưa từng có, thật là kỳ đặc, từ trước chúng ta chưa nghe một câu năm trăm lời về tướng của bậc Đại nhân. Nay Tôn giả nên đứng đầu làm thượng tọa đệ nhất."

Bấy giờ Phạm chí Siêu Thuật thay chỗ thượng tọa kia rồi, liền ngồi vào chỗ cao nhất. Lúc đó, thượng tọa của chúng kia trong lòng rất tức giận, phát thệ nguyện như vầy: "Nay người này thay chỗ ngồi của ta, tự thế vào chỗ đó. Nay những phước mà ta có được nhờ tụng kinh, trì giới, khổ hạnh, đều đem hết để vào lời thề: Những nơi nào người này sinh ra, những việc gì muốn làm, ta luôn luôn phá hỏng công việc của người đó."

Lúc đó người chủ cúng thí liền xuất năm trăm lạng vàng và một cây gậy vàng, một bồn tắm bằng vàng, một ngàn con bò và một cô gái đẹp đem đưa cho thượng tọa để chú nguyện.

Bấy giờ thượng tọa bảo chủ nhân rằng: "Nay tôi nhận năm trăm lạng vàng, gậy vàng và bồn tắm bằng vàng này đem cúng dường thầy tôi. Còn cô gái và một ngàn con bò này trả lại cho thí chủ. Vì sao? Vì tôi không tập hành dục, cũng không chứa của."

Bấy giờ Phạm chí Siêu Thuật nhận gậy và bồn tắm rửa bằng vàng rồi liền đến nước lớn Bác-ma. Vua nước đó tên là Quang Minh[12]. Lúc

---

11. Ba tạng kỹ thuật, đây chỉ ba pho Vệ-đà.

12. Quang minh 光明。Tứ Phần, ibid., Thắng Oán vương 勝怨王 。

đó, nước này thỉnh Như Lai Định Quang và chúng Tỳ-kheo cúng dường y phục ẩm thực. Bấy giờ, vua nước này thông báo trong thành: "Người dân nào có hương hoa hết thảy không được bán, nếu có ai bán sẽ phạt nặng. Ta tự xuất tiền ra mua không cần đem bán." Lại ra lệnh nhân dân rưới nước quét dọn làm cho sạch, không để có đất cát dơ bẩn, treo tràng phan bảo cái lụa là, rưới hương thơm trên đất, xướng ca kỹ nhạc không thể tính kể.

Phạm chí kia thấy vậy, liền hỏi người đi đường rằng: "Nay là ngày gì mà rưới nước quét dọn đường sá, dẹp bỏ bất tịnh, treo tràng phan bảo cái lụa là, không thể tính kể, chẳng lẽ thái tử của quốc chủ hay kết hôn chăng?"

Người đi đường kia đáp: "Phạm chí không biết sao? Hôm nay vua nước lớn Bát-ma thỉnh Định Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cúng dường y phục đồ ăn thức uống, nên mới sửa sang đường xá bằng phẳng, treo tràng phan bảo cái lụa là."

Vả lại, trong bí điển của Phạm chí cũng có lời này: "Như Lai xuất thế rất khó gặp được. Rất lâu mới xuất hiện; thật khó có thể gặp được. Cũng như hoa ưu-đàm-bát thật rất lâu mới xuất hiện. Đây cũng như vậy, Như Lai xuất hiện ở đời thật không thể gặp được." Lại trong sách Phạm chí cũng nói: "Có hai người ra đời rất khó gặp được. Hai người ấy là ai? Như Lai và Chuyển luân thánh vương. Hai người này xuất hiện rất khó gặp được."

Bấy giờ người kia lại nghĩ rằng: "Nay ta sao phải cấp tốc báo ân thầy? Nay ta hãy đem năm trăm lạng vàng này dâng lên Đức Định Quang Như Lai." Lại nghĩ như vầy: "Trong sách có ghi, Như Lai không nhận vàng bạc trân bảo, ta có thể đem năm trăm lạng vàng này, dùng mua hoa hương rải lên Như Lai."

Lúc đó, Phạm chí liền vào trong thành tìm mua hương hoa. Bấy giờ, người đi lại trong thành bảo rằng: "Phạm chí không biết sao? Quốc vương có ra lệnh, ai bán hương hoa sẽ bị phạt nặng."

Bấy giờ, Phạm chí Siêu Thuật kia liền nghĩ như vầy: "Ta đây phước mỏng, tìm hoa không được. Nên biết làm sao?" Liền trở ra khỏi thành, đứng ở ngoài cổng. Bấy giờ có nữ Bà-la-môn tên là Thiện Vị[13] cầm bình đi lấy nước, tay cầm năm cành hoa. Phạm chí thấy vậy, nói với người nữ kia: "Này cô em, tôi đang cần hoa. Cô em bán cho tôi."

---

13. Thiện Vị 善味 。Tứ Phần, ibid., Tô-la-bà-đề 蘇羅婆提。

Nữ Phạm chí hỏi: "Tôi làm em ông hồi nào? Có biết cha mẹ tôi không?"

Khi ấy, Phạm chí Siêu Thuật lại nghĩ rằng: "Cô gái này tánh hạnh phóng khoáng, có ý đùa giỡn." Liền nói lại rằng: "Thưa cô, tôi sẽ trả giá phải chăng. Xin cô nhường lại tôi hoa này."

Nữ Phạm chí đáp: "Há không nghe đại vương có nghiêm cấm không được bán hoa sao?"

Phạm chí nói: "Thưa cô, việc này không khó. Vua không làm gì cô đâu. Nay tôi cần gấp năm cành hoa này. Tôi được hoa này, cô được giá cao."

Nữ Phạm chí hỏi: "Ông cần gấp hoa để làm gì?"

Phạm chí đáp: "Hôm nay tôi thấy có đất lành, nên muốn trồng hoa này."

Nữ Phạm chí nói: "Hoa này đã bị lìa khỏi gốc nó, chắc chắn không thể sống. Làm sao lại nói: Tôi muốn trồng?"

Phạm chí đáp: "Như hôm nay, tôi thấy ruộng tốt, trồng tro nguội còn sống huống chi hoa này."

Nữ Phạm chí hỏi: "Ruộng tốt gì mà trồng tro nguội cũng sống?"

Phạm chí đáp: "Thưa cô, có Đức Phật Định Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời."

Nữ Phạm chí hỏi: "Phật Định Quang Như Lai là hạng người nào?"

Phạm chí liền trả lời cô kia: "Định Quang Như Lai có đức như vậy, có giới như vậy; làm nên các công đức."

Nữ Phạm chí nói: "Giả sử vị ấy có công đức; nhưng ông muốn cầu phước gì?"

Phạm chí trả lời: "Mong tôi đời sau như Đức Định Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác; công đức cấm giới cũng sẽ như vậy."

Nữ Phạm chí nói: "Nếu ông hứa tôi đời đời làm vợ chồng, tôi sẽ cho ông hoa này."

Phạm chí nói: "Sự tu hành của tôi là ý không dính mắc dục."

Nữ Phạm chí nói: "Như thân tôi hiện tại, không mong làm vợ ông. Nhưng đời sau sẽ làm vợ ông."

Phạm chí Siêu Thuật nói: "Sở hành của Bồ-tát làm không có yêu tiếc. Nếu như cô làm vợ tôi, đó là phá hoại tâm tôi."

Nữ Phạm chí nói: "Tôi quyết không phá hoại tâm ý bố thí của

ông. Ngay dù ông đem thân tôi bố thí cho người khác, tôi quyết không phá hoại tâm bố thí."

Bấy giờ, ông liền đem năm trăm tiền vàng dùng mua năm cánh hoa, cùng với người nữ kia lập thề nguyện với nhau, rồi từ biệt đi.

Bấy giờ, Định Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đến giờ, khoác y cầm bát cùng với Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau đi vào nước lớn Bát-ma. Phạm chí Siêu Thuật từ xa thấy Đức Định Quang Như Lai dung mạo đoan chánh, ai thấy cũng hoan hỷ; các căn tịch tĩnh, bước đi tề chỉnh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, giống như nước lắng trong không có cợn nhơ, ánh sáng chiếu khắp không bị ngăn chận, cũng như núi báu xuất hiện trên các núi. Thấy rồi, trong lòng rất hoan hỷ đối với Như Lai, cầm năm cành hoa này đến chỗ Định Quang Như Lai. Đến nơi rồi đứng qua một bên.

Phạm chí Siêu thuật bạch Phật Định Quang rằng: "Mong Thế Tôn hãy nhận lấy và thọ ký cho con. Nay nếu Thế Tôn không thọ ký, con sẽ dứt mạng căn ngay tại đây, không mong sống nữa."

Bấy giờ Thế Tôn bảo rằng: "Phạm chí, không thể chỉ với năm cành hoa này mà được thọ ký Vô thượng Đẳng chánh giác."

Phạm chí bạch: "Mong Thế Tôn thuyết cho con pháp sở hành của Bồ-tát."

Đức Phật Định Quang bảo: "Sở hành của Bồ-tát là không tiếc lẫn."

Bấy giờ Phạm chí liền nói kệ:

Không dám đem cha mẹ
Mà bố thí cho người
Chư Phật, bậc cao cả
Lại càng không dám thí.
Nhật, nguyệt xoay thế gian
Hai thứ không thể thí
Ngoài ra thí được hết
Y quyết, không gì khó.

Bấy giờ, Đức Phật Định Quang dùng kệ này đáp Phạm chí:

Sự thí mà ông nói
Cũng chẳng phải lời Phật
Nên nhẫn khổ ức kiếp
Thí đầu, thân, tai, mắt,

Vợ con, nước, của báu
Xe, ngựa và tôi tớ
Nếu ông kham chịu thí
Nay Ta thọ ký cho.

Bấy giờ, Ma-nạp lại nói kệ này:

Núi lớn hừng như lửa
Ức kiếp chịu đội mang
Không thể phá đạo tâm
Chỉ mong giờ thọ ký.

Bấy giờ, Định Quang Như Lai yên lặng không nói. Phạm chí kia tay cầm năm cành hoa, gối phải chấm đất, rải lên Đức Định Quang Như Lai và nói như vầy: "Nguyện đem phước lành này dành đời sau sẽ được như Định Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác không có khác."

Rồi ông trải tóc mình lên vũng bùn, thầm nguyện: "Nếu Như Lai truyền thọ ký cho tôi thì hãy dùng chân dẫm lên tóc tôi mà đi qua."

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ, Định Quang Như Lai quán sát những suy nghĩ trong tâm Phạm chí, liền bảo Phạm chí: "Tương lai ông sẽ làm Phật Thích-ca Văn Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác."

Bấy giờ, Phạm chí Siêu Thuật có người đồng học tên là Đàm-ma-lưu-chi đứng bên cạnh Như Lai, thấy Định Quang Như Lai truyền thọ ký cho Phạm chí Siêu Thuật, lại dùng chân đạp lên tóc. Thấy vậy, liền nói như vầy: "Sa-môn đầu trọc này sao dám dẫm chân lên tóc của Phạm chí thanh tịnh này? Đây là hành vi của phi nhân."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Phạm chí Da-nhã-đạt lúc đó, há là người nào khác chăng? Chớ có nghĩ như vậy. Bởi vì Da-nhã-đạt lúc ấy nay chính là Bạch Tịnh Vương. Vị thượng tọa của tám vạn bốn ngàn Phạm chí lúc đó, nay là Đề-bà-đạt-đâu. Phạm chí Siêu Thuật lúc đó, nay chính là Ta. Nữ Phạm chí bán hoa lúc đó, nay chính là Cù-di[14]. Từ chủ lúc ấy, nay chính là Phạm chí Chấp Trượng[15]. Đàm-ma-lưu-chi lúc đó, miệng tuôn lời thô tục, nay chính là Đàm-ma-lưu-chi hiện nay. Song Đàm-ma-lưu-chi trong vô số kiếp lại thường làm súc sinh. Thọ thân sau cùng là thân cá

---

[14] Cù-di 瞿夷。(Pāli: Gotamì). Đây chỉ Da-du-đà-la (Pāli: Yasodhāra).

[15] Chấp Trượng Phạm chí 執杖梵志。(Pāli: Daṇḍapāḷī). Truyền thuyết phương Bắc nói ông là bố của Yasodhāra. Truyền thuyết Pāli ông người họ Thích ở Kapilavatthu, em của bà Mayā.

dài bảy trăm do-tuần trong đại dương. Từ đó mạng chúng sinh đến chốn này, theo hầu Thiện tri thức, thường gần gũi Thiện tri thức, tập các pháp lành, các căn thông lợi. Vì nhân duyên này, nên Ta nói lâu đến chốn này.

Đàm-ma-lưu-chi lại cũng tự trình bày:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Lâu rồi con mới đến nơi này. Cho nên các Tỳ-kheo thường phải tu tập thân, khẩu, ý nghiệp. Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay ta sẽ thuyết về có người như sư tử, có người như dê. Các ông hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

–Người kia vì sao như sư tử? Ở đây, này Tỳ-kheo, hoặc có người được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Người đó được rồi liền tự dùng, không khởi tâm nhiễm trước, cũng không có dục y, không khởi các tưởng, hoàn toàn không có những niệm này, tự biết pháp xuất yếu. Cho dù không được lợi dưỡng, không khởi loạn niệm, không tâm tăng giảm. Như sư tử chúa ăn thịt thú nhỏ. Lúc đó, vua loài thú cũng không nghĩ: "Cái này ngon, cái này không ngon; không khởi tâm đắm nhiễm, cũng không dục ý, không khởi các tưởng." Người này cũng lại như vậy. Nếu được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Người đó được rồi liền tự dùng, không khởi ý tưởng đắm trước, cho dù không được cũng không có các niệm tưởng.

Lại có người nhận người cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, được rồi liền tự dùng, lại khởi tâm nhiễm trước, sinh tâm ái dục, không biết đạo xuất yếu. Giả sử không được, thì thường sinh niệm tưởng này. Nếu người đó được cúng

dường, đối với các Tỳ-kheo, mà tự cống cao, hủy báng người khác, những y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, tọa cụ, thuốc trị bệnh mà ta có, các Tỳ-kheo này không thể có được vậy. Cũng như trong đàn dê lớn, có một con dê rời đàn, thấy đống phân lớn. Con dê này ăn phân no rồi, quay lại trong đàn dê, liền tự cống cao: "Ta có được ăn ngon, bầy dê này không thể ăn được." Ở đây cũng như vậy, nếu có một người được lợi dưỡng, y phục, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, khởi các loạn tưởng, sinh tâm nhiễm trước liền đối với các Tỳ-kheo, mà tự cống cao: "Ta có được cúng dường, các Tỳ-kheo này không được cúng dường."

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học như sư tử chúa, chớ như con dê. Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

–Nếu có chúng sinh biết báo đáp, người này đáng kính, ân nhỏ còn không quên huống chi ân lớn. Cho dù cách chốn này ngàn do-tuần, trăm ngàn do-tuần mà không là xa, cũng như gần Ta không khác. Vì sao? Tỳ-kheo nên biết, vì Ta thường khen ngợi người biết báo đáp.

Có những chúng sinh không biết báo đáp, ân lớn còn quên huống chi ân nhỏ. Kẻ đó chẳng gần Ta. Ta chẳng gần kẻ đó. Giả sử khoác Tăng-già-lê hầu hạ bên Ta, kẻ này cũng như xa. Vì sao? Ta không bao giờ nói về người không báo đáp.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy nhớ báo đáp, chớ học không báo đáp.

Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

–Nếu có người lười biếng, gieo trồng hành vi bất thiện, có sự tổn hại trong các sự. Nếu có người siêng năng không lười biếng, người này tối diệu, có tăng ích trong các thiện pháp. Vì sao? Bồ-tát Di-lặc trải qua ba mươi kiếp, mới thành Phật Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Ta nhờ tâm dũng mãnh, sức tinh tấn, nên khiến Di-lặc ở sau. Hằng sa các Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác[16], thời quá khứ, đều do dũng mãnh mà được thành Phật. Do phương tiện này, nên biết, lười biếng là khổ, tạo các hạnh ác, có tổn hại trong các sự. Nếu có tâm dũng mãnh tinh tấn mạnh, có tăng ích trong các công đức thiện.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tinh tấn, chớ có lười biếng.

Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo a-luyện nên tu hành hai pháp. Hai pháp gì? Đó là Chỉ và Quán.

Nếu Tỳ-kheo a-luyện đắc tịch tĩnh, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì thành tựu giới luật, không mất oai nghi, không phạm cấm hạnh, tạo các công đức.

Nếu Tỳ-kheo a-luyện lại được quán rồi, liền quán và biết như thật rằng, đây là Khổ; quán biết như thật rằng đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ đạo xuất yếu. Người đó quán như vậy rồi, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, vô minh lậu, bèn được trí giải thoát, biết như thật rằng, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh nữa.

Chư Như Lai Chí Chân, Chánh Đẳng Chánh Giác* thời quá khứ, nhờ hai pháp này mà được thành tựu. Vì sao? Như khi Bồ-tát ngồi dưới bóng thọ vương, trước tiên tư duy pháp Chỉ và Quán này. Nếu Bồ-tát

---

16. *Phiên âm trong để bản: A-tát-a-kiệt, A-la-ha, Tam-da-tam-phật 多薩阿竭阿羅訶三耶三佛。*

ma-ha-tát đã đắc Chỉ rồi, bèn có thể hàng phục được các ma oán. Nếu Bồ-tát đạt được Quán rồi, ngay sau đó liền đạt được ba đạt trí[17], thành Vô thượng Chí chân, Đẳng chánh giác.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo a-luyện nên tìm phương tiện hành hai pháp này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

–Nếu có Tỳ-kheo a-luyện nào ở nơi nhàn tĩnh, không sống trong chúng, thì thường phải cung kính, phát tâm hoan hỷ. Nếu lại có Tỳ-kheo a-luyện nào ở nơi nhàn tĩnh, không có cung kính, không phát tâm hoan hỷ, thì dù ở trong chúng cũng bị người bàn tán rằng, vị ấy không biết pháp của a-luyện. Sao gọi là Tỳ-kheo a-luyện mà không có tâm cung kính, không phát hoan hỷ?

Lại nữa Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo a-luyện nào ở nơi nhàn tịnh, không ở trong chúng, thì thường phải tinh tấn, chớ có lười biếng, phải hiểu rõ yếu chỉ các pháp. Nếu lại có Tỳ-kheo a-luyện nào ở nơi nhàn tịnh, có tâm lười biếng, tạo các hạnh ác, kẻ đó ở trong chúng bị người bàn tán, Tỳ-kheo a-luyện này lười biếng không có tinh tấn.

Cho nên, này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo a-luyện ở nơi nhàn tịnh, không ở trong chúng, thường phải quyết chí phát tâm hoan hỷ, chớ có lười biếng và không có cung kính, niệm tưởng hành tinh tấn, ý không thay đổi, sẽ thành tựu đầy đủ trong các thiện pháp.

Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

---

[17] *Tam đạt trí 三達智, tức ba minh.*

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

–Có hai hạng người, không thể khéo nói thuyết ngữ. Hai hạng gì?

1. Thuyết về tín cho người không có tín, việc này thật khó.

2. Thuyết về thí cho người tham lam keo kiết, đây cũng thật khó.

Lại nữa, Tỳ-kheo, thuyết về tín cho người không có tín, họ liền nổi sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại. Cũng như chó dữ thêm mũi lại bị thương, càng trở nên hung dữ. Các Tỳ-kheo, đây cũng như vậy. Thuyết về tín cho người không có tín, họ liền nổi sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại.

Lại nữa Tỳ-kheo, thuyết về thí cho người tham lam keo kiết, họ liền sinh sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại. Cũng như ung nhọt chưa mùi, lại bị dao cắt, đau không chịu nổi. Đây cũng như vậy, thuyết về thí cho người tham lam keo kiết, họ liền sinh sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có hai hạng người này khó thuyết pháp cho họ.

Lại nữa Tỳ-kheo, có hai hạng người dễ thuyết pháp cho nghe. Sao gọi là hai? Thuyết tín cho người có tín; thuyết thí cho người không tham lam keo kiết. Này Tỳ-kheo, nếu tín cho người có tín, họ liền hoan hỷ, ý không hối tiếc. Như người mắc bệnh, nói cho thuốc trừ bệnh liền được bình phục. Đây cũng như vậy. Thuyết tín cho người có tín, họ liền hoan hỷ, tâm không thay đổi. Nếu lại thuyết thí cho người không tham lam keo kiết, họ liền hoan hỷ, tâm không có tiếc. Cũng như có trai, gái đoan chánh, thích tắm rửa mặt mày, tay chân, rồi lại có người mang hoa đẹp đến cho để tăng thêm nhan sắc; lại đem y phục, trang sức tốt đẹp tặng những người đó. Họ được vậy rồi, lòng càng hoan hỷ. Đây cũng như vậy. Thuyết thí cho người không tham lam keo kiết, họ liền được hoan hỷ không có tâm tiếc. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có hai hạng người này dễ thuyết pháp cho. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học có tín, hãy học bố thí, chớ có xan tham.

Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai pháp bố thí cho người phàm phu mà được công đức lớn thành quả báo lớn, được vị cam lồ đến chỗ vô vi. Sao gọi là hai pháp? Cúng dường cha, mẹ. Đó là hai hạng người mà cúng dường đến thì được công đức lớn thành quả báo lớn.

Lại nếu, cúng dường một vị Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, được công đức lớn, được quả báo lớn, được vị cam lộ đến chỗ vô vi. Cho nên, các Tỳ-kheo, thường niệm hiếu thuận cúng dường cha, mẹ.

Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 11[18]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai người thể báo ơn hết được, khuyến giáo làm điều thiện. Hai người đó là ai? Đó là cha, mẹ.

Này các Tỳ-kheo, nếu lại có người vai trái vác cha, vai phải vác mẹ đến ngàn vạn năm, lo áo quần, cơm nước, giường nệm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, đại tiện tiểu tiện ngay ở trên vai, còn chưa thể báo ơn hết được.

Tỳ-kheo nên biết, cha mẹ ân trọng, bồng bế, nuôi dưỡng, tùy lúc giữ gìn không lỡ thời tiết, xem như nhật nguyệt. Do phương tiện này mà biết ân này khó báo đáp.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, phải cúng dường cha mẹ, thường phải hiếu thuận, không lỡ thời tiết[19].

Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

---

18. Tham chiếu Pāli, A II. 4. 2 (R i. 61).

19. Pāli, thêm chi tiết: Nếu cha mẹ bất tín, khuyên cho có tín. Cha mẹ phá giới, khuyên trì giới,… Chỉ như vậy mới có thể báo ân.

-oOo-

Kinh số 12

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả Bàn-đặc[20] bảo người em là Châu-lợi Bàn-đặc[21]:

–Nếu ngươi không thể học thuộc giới, hãy trở về làm bạch y.

Khi đó, Châu-lợi Bàn-đặc nghe những lời này, liền đi đến tinh xá Kỳ hoàn, đứng ở ngoài cửa mà rơi lệ. Bấy giờ, Thế Tôn bằng Thiên nhãn thanh tịnh, quán thấy Tỳ-kheo Châu-lợi Bàn-đặc này đứng ở ngoài cửa, than khóc không xiết. Thế Tôn từ trong tịnh thất đi ra giống như kinh hành, đến ngoài cửa tinh xá Kỳ hoàn, bảo Châu-lợi Bàn-đặc:

–Tỳ-kheo, vì sao ở đây than khóc?

Châu-lợi Bàn-đặc đáp:

–Bạch Thế Tôn, con bị anh xua đuổi, nếu con không học thuộc giới được, thì trở về làm bạch y, không nên sống ở đây. Cho nên, con than khóc.

Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo, chớ ôm lòng lo sợ. Ta thành Vô thượng Đẳng chánh giác, không phải do Bàn-đặc anh của ông mà đắc đạo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cầm tay dẫn Châu-lợi Bàn-đặc về tịnh thất, bảo chỗ ngồi. Thế Tôn lại dạy cầm chổi quét:

–Ông đọc thuộc chữ này, nó là chữ gì.

Lúc này, Châu-lợi Bàn-đặc học được chữ "quét" lại quên chữ "chổi". Nếu học thuộc được chữ "chổi" lại quên chữ "quét". Bấy giờ, Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc tụng hai chữ "chổi quét" này, qua mấy ngày. Song cái chổi quét này là để trừ sạch bụi bẩn. Châu-lợi Bàn-đặc lại nghĩ như vầy: "Trừ là gì? Bẩn là gì? Bẩn là tro, đất, ngói, đá. Trừ là làm cho sạch.

Lại nghĩ như vầy: "Thế Tôn vì sao đem việc này dạy cho ta. Nay ta phải tư duy nghĩa này." Vì tư duy nghĩa này, lại nghĩ như vầy: "Nay

---

[20] Bàn-đặc 槃特. Pāli: (Mahā)Panthaka; cf. A. I 14. 2 (R i. 24).

[21] Châu-lợi Bàn-đặc 朱利槃特。Pāli: Cūla-Panthaka; cf. A. ibid.; DhA. iv. 180f. Cf. Hán, Hữu Bộ Tỳ-nại-da 31 (Tiểu Lộ Biên, T23n1442, tr. 794c26); Thiện Kiến Luật 16 (T24n1462, tr. 782c14).

trên thân ta cũng có bụi bẩn. Ta tự ví dụ. Sao là trừ? Sao là bẩn?" Ông ta lại tự nghĩ: "Dính kết là bẩn. Trí tuệ là trừ. Nay ta có thể dùng chổi trí tuệ quét dính kết này."

Rồi Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc tư duy năm thạnh ấm là thành, là hoại. Cái gọi là sắc này, sắc tập, sắc diệt; cái gọi là gọi là thọ[22], tưởng, hành, thức này là thành, là bại. Sau khi tư duy năm thạnh ấm này, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Đã được giải thoát, liền được trí giải thoát, biết như thật rằng, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, lại không còn tái sinh nữa, biết chúng như thật. Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc thành A-la-hán. Đã thành A-la-hán, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

–Nay đã có trí, nay đã có tuệ, nay đã hiểu được chổi quét.

Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo, hiểu nó thế nào?

Châu-lợi Bàn-đặc đáp:

–Trừ là tuệ. Bẩn là dính kết.

Thế Tôn nói:

–Lành thay, Tỳ-kheo, như những lời ông nói, trừ là tuệ. Bẩn là dính kết.

Bấy giờ Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc hướng về Thế Tôn mà nói kệ này:

Nay đã tụng thuộc đủ
Như lời Phật đã dạy
Trí tuệ hay trừ kết
Không do hạnh nào khác.

Đức Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo, như những lời ông nói, chỉ bằng trí tuệ chứ không do cái khác.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 13

Nghe như vầy:

---

[22] *Nguyên bản: Thống.*

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai pháp này, không thể mong đợi, cũng không đủ mến yêu, bị người đời vứt bỏ. Hai pháp gì?

1. Oán ghét gặp nhau, điều này không thể mong đợi, cũng không đủ để mến yêu, bị người đời vứt bỏ.

2. Ân ái biệt ly, không thể mong đợi cũng không đủ để yêu mến, bị người đời vứt bỏ.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có hai pháp này bị người đời không ưa, không đáng mong đợi.

Tỳ-kheo, lại có hai pháp không bị người đời bỏ. Hai pháp gì?

1. Oán ghét xa lìa, được người đời ưa thích.

2. Ân ái họp một chỗ, rất đáng yêu mến, được người đời ưa thích.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có hai pháp này, được người đời ưa thích. Nay Ta nói oán ghét gặp nhau, ân ái xa lìa này; lại nói oán ghét xa lìa, ân ái gặp nhau là có nghĩa gì, có duyên gì?

Tỳ-kheo đáp:

–Thế Tôn là chủ của các pháp. Cúi mong Đức Thế Tôn vì chúng con mà giảng. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ cùng phụng hành.

Thế Tôn bảo:

–Lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nói rõ cho các ông. Này các Tỳ-kheo, hai pháp này do ái nổi lên, do ái sinh ra, do ái mà thành, do ái trổi dậy, phải học trừ ái này, đừng để sinh ra.

Các Tỳ-kheo, hãy học tập các điều này như vậy.

Sau khi các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 12

Phẩm 21: TAM BẢO

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Tự quy có ba đức. Những gì là ba? Đó là quy y Phật là đức thứ nhất; quy y Pháp là đức thứ hai; quy y Tăng là đức thứ ba[1].

Sao gọi là đức quy y Phật? Có những chúng sinh hai chân, bốn chân, nhiều chân; hoặc có sắc, không sắc; hoặc có tưởng, không tưởng; cho đến trên trời Nê-duy-tiên[2], trong đó, Như Lai là bậc tối tôn, tối thượng không ai có thể sánh bằng. Như từ bò được sữa, từ sữa được lạc, từ lạc được tô, từ tô được đề hồ. Song ở trong đó đề hồ lại tối tôn, tối thượng, không gì có thể sánh bằng. Đây cũng như vậy, có những chúng sinh thuộc loài hai chân, bốn chân, nhiều chân; hoặc có sắc, không sắc; hoặc có tưởng, không tưởng; cho đến trên Nê-duy-tiên thiên, trong đó, Như Lai là bậc tối tôn, tối thượng, không ai có thể sánh bằng. Có những chúng sinh phụng thờ Phật, đó gọi là phụng thờ đức thứ nhất. Đã được đức thứ nhất, liền hưởng phước trời ngay trong loài người. Đây gọi là đức thứ nhất.

Sao gọi là đức tự quy y Pháp? Các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, vô dục, vô nhiễm, diệt tận, Niết-bàn; trong các pháp đó, pháp Niết-bàn là tối tôn, tối thượng, không pháp nào có thể sánh bằng. Như từ bò được sữa, từ sữa được lạc, từ lạc được tô, từ tô được đề hồ. Song trong đó đề hồ lại tối tôn, tối thượng, không gi có thể sánh bằng. Đây

---

[1] *Tham chiếu Pāli, A IV 34 Aggappasadā (R ii. 34): Bốn đức (tịnh tín) tối tượng: tịnh tín Phật (buddhe pasannā), tịnh tín Pháp là Thánh đạo tám chi (ariye aṭṭhaṅgike magge pasannā), tịnh tín Pháp ly dục (virāge dhamme pasannā), tịnh tín Tăng (saṅghe pasannā).*

[2] *Nê-duy-tiên 尼維先: Phi tưởng phi phi tưởng. Pāli: Nevasaññināsaññino, cf. A. ibid.*

cũng như vậy, các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, vô dục, vô nhiễm, diệt tận, Niết-bàn. Song ở trong các pháp đó, pháp Niết-bàn là tối tôn tối thượng, không pháp nào có thể sánh bằng. Chúng sinh nào phụng thờ pháp, đó gọi là phụng thờ đức thứ nhất. Đã được đức thứ nhất, liền hưởng phước trời ở ngay trong loài người. Đây gọi là đức thứ nhất.

Sao gọi là đức tự quy y Thánh chúng? Trong các đại chúng, đại tụ tập, trong các loại hữu hình, trong các chúng sinh trong các chúng ấy, chúng Tăng của Như Lai là tối tôn, tối thượng, không chúng nào có thể sánh bằng. Như từ bò được sữa, từ sữa được lạc, từ lạc được tô, từ tô được đề hồ. Song trong đó đề hồ lại tối tôn, tối thượng, không gì có thể sánh bằng. Đây cũng như vậy, trong các đại chúng, đại tụ tập, trong các loại hữu hình, trong các chúng sinh trong các chúng ấy, chúng Tăng của Như Lai là tối tôn, tối thượng, không chúng nào có thể sánh bằng. Đó gọi là phụng thờ đức thứ nhất. Đã được đức thứ nhất, liền hưởng phước trời trong loài người. Đây gọi là đức thứ nhất.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Thứ nhất tôn thờ Phật
Tối tôn không gì hơn
Kế lại tôn thờ Pháp
Vô dục, không dính trước.
Kính phụng chúng Hiền thánh
Là ruộng phước tốt nhất
Người đó trí bậc nhất
Thọ phước ở trước hết[3] .
Nếu ở trong trời người
Thủ lãnh trong các chúng
Ngồi trên chỗ vi diệu
Tự nhiên thọ cam lồ;
Thân mặc y bảy báu
Được người đời tôn kính
Giới thành tựu bậc nhất
Các căn không khuyết mất;
Cũng được biển trí tuệ
Dần đến Niết-bàn giới
Ai có ba quy này

[3] *Pāli, ibid., hưởng năm phước: Tuổi thọ (àyu), nhan sắc (vaṇṇa), danh tiếng (yaso kitti), an lạc (sukkha), sức lực (bala).*

Đến đạo cũng không khó.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba phước nghiệp này [4]. Sao gọi là ba? Thí là phước nghiệp, bình đẳng là phước nghiệp, tư duy là phước nghiệp.

Sao gọi thí là phước nghiệp? Nếu có một người mở lòng bố thí Sa-môn, Bà-la-môn, người bần cùng, người cô độc, người lang thang; ai cần thức ăn cho thức ăn, cần nước uống cho nước uống, quần áo, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc trị bệnh, hương hoa, ngủ nghỉ, tùy theo nhu cầu không gì luyến tiếc. Đây gọi là nghiệp phước bố thí.

Sao gọi là bình đẳng là phước nghiệp? Nếu có một người không sát sinh, không trộm cắp, thường biết tàm quý, không nảy tưởng ác. Cũng không trộm cắp, ưa ban thí cho người, không có tâm tham lam keo kiết, lời nói hòa nhã không tổn thương lòng người. Cũng không gian dâm vợ người, tự tu phạm hạnh, tự đủ với sắc mình. Cũng không vọng ngữ, thường nghĩ chí thành, không lời dối trá, được người đời tôn kính, không có thêm bớt. Cũng không uống rượu, luôn biết tránh xa loạn động.

Lại rải tâm Từ trải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; tám phương trên dưới, trải khắp trong đó, vô lượng, vô hạn, không thể cùng, không thể tính kể; rải tâm Từ này phủ khắp tất cả, mong cho được an ổn.

Lại rải tâm Bi, Hỷ, Xả[5] trải khắp một phương, hai phương, ba

---

[4] Cf. Trường 8 (T1n1, tr. 50a19); Tập Dị 5 (T26n1536, tr. 385c12), ba phước nghiệp sự: Thí loại phước nghiệp sự 施類福業事, giới loại phước nghiệp sự 戒類福業事, tu loại phước nghiệp sự 修類福業事。Pāli: Tiṇi punnakiriyavatthūni– dānamayaṃ punnakiriyavatthu, sīlamayaṃ punnakiriyavatthu, bhāvanāmayaṃ punnakiriyavatthu (D 10, R. iii. 218).

[5] Để bản: Hộ 護。

phương, bốn phương cũng như vậy; tám phương trên dưới, tất khắp trong đó, vô lượng, vô hạn, không thể tính kể; rải tâm Bi, Hỷ, Xả này tất khắp trong đó. Đó gọi là bình đẳng là phước nghiệp.

Sao gọi tư duy là phước nghiệp? Ở đây, Tỳ-kheo tu hành niệm giác ý, y vô dục, y vô quán, y diệt tận, y xuất yếu; tu trạch pháp giác ý, tu niệm giác ý, tu ỷ giác ý, tu định giác ý, tu xả* giác ý; y vô dục, y vô quán, y diệt tận, y xuất yếu. Đó gọi tư duy là phước nghiệp. Như vậy Tỳ-kheo, có ba phước nghiệp này.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Bố thí và bình đẳng
Từ tâm, xả, tư duy*
Có ba xứ sở [6] *này*
Được người trí gần gũi.
Đời này thọ báo kia
Trên trời cũng như vậy
Duyên có ba xứ này
Sinh Thiên ắt không nghi.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện cầu ba xứ* này. Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba nhân duyên thức đến thọ thai[7]. Những gì là ba? Ở đây, Tỳ-kheo, mẹ có dục ý, cha mẹ hội hợp ở một chỗ và cùng ngủ chung, nhưng thức bên ngoài chưa đến kịp lúc thì chẳng thành thai. Nếu thức muốn đến, nhưng cha mẹ không hội hợp một chỗ, chẳng thành thai. Nếu người mẹ không dục, dù cha mẹ hội hợp một chỗ, nhưng lúc đó dục ý của cha

---

6. Xứ sở 處所, hay xứ 處。Tập Dị, ibid.: Sự; Pāli, ibid. vatthu, căn cứ, cơ sở.

7. Tham chiếu Pāli, M 38 Mahā-taṇhāsaṅkhaya (R.i. 266), do ba sự hòa hợp mà có nhập thai (tiṇṇaṃ sannipātā gabbhassāvakkanti hoti): Cha mẹ giao hội (mātāpitaro sannipatitā), mẹ có kinh nguyệt (mātā utunì hoti), hương ấm hiện diện (gandhabbo paccupaṭṭhito hoti).

thạnh mà mẹ thật không ân cần, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ cùng hợp một chỗ, dục ý của mẹ thạnh mà cha thật không ân cần, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ cùng hợp một chỗ, cha mắc bệnh phong, mẹ mắc bệnh lãnh, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, mẹ bị bệnh phong, cha bị bệnh lãnh, chẳng thành thai. Nếu có khi cha mẹ hợp một chỗ, nhưng chỉ riêng thân cha thủy khí nhiều, mẹ không có chứng này, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, tướng cha có con, tướng mẹ không con, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, tướng mẹ có con, tướng cha không con, chẳng thành thai. Nếu khi tướng cha mẹ đều không con, chẳng thành thai. Nếu có khi thần thức đến thai, mà cha đi vắng, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ đáng hợp một chỗ, nhưng mẹ đi xa, không có mặt, không có thai. Nếu có lúc cha mẹ đáng hợp một chỗ, nhưng người cha gặp bệnh nặng, khi thần thức đến, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ đáng hợp một chỗ, thần thức có đến, song người mẹ mắc bệnh nặng, chẳng thành thai. Nếu có lúc cha mẹ nên hợp một chỗ, thần thức đến, nhưng cha mẹ đều mắc bệnh, chẳng thành thai.

Lại nữa Tỳ-kheo, nếu cha mẹ hợp ở một chỗ, cha mẹ không chứng tật gì, thần thức đến, tướng cha mẹ đều có con, đây thành thai. Đó gọi là có ba nhân duyên thức đến thọ thai. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện đoạn dứt ba nhân duyên.

Này các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có chúng sinh muốn khởi Từ tâm, có ý chí tín, vâng phục phụng sự cha mẹ, anh em, tông tộc, gia thất, bè bạn tri thức, nên an lập những người này trên ba xứ khiến không di động[8]. Những gì là ba?

---

[8] Tham chiếu, A III 75 Nivesaka (R. i. 222): Khuyên khích (samādapetabbā), xác lập (nivesetabbā), an lập (patiṭṭhāpetabbā) những người mình yêu thương (ye anukampeyyātha) trong ba xứ (tīsu ṭhānesu).

1. Khiến họ phát tâm hoan hỷ đối với Như Lai[9], tâm không di động rằng: "Ngài là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc[10], Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự[11], Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Thế Tôn."

2. Lại khiến họ phát tâm hoan hỷ nơi Chánh pháp[12] rằng: "Pháp được Như Lai khéo nói, vô ngại, cực kỳ vi diệu, do đây mà thành quả; pháp như vậy được học và biết bởi người trí."

3. Cũng khiến họ phát tâm hoan hỷ nơi Thánh chúng này[13] rằng: "Thánh chúng của Như Lai tất cả đều hòa hợp, không có lẫn lộn, thành tựu pháp, thành tựu giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến tuệ. Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi, tám hạng, mười hai Hiền thánh. Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng kính, đáng quý. Đây là ruộng phước vô lượng thế gian."

Các Tỳ-kheo nào học ba xứ này sẽ thành tựu quả báo lớn.

Này các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5[14]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Cù-ba-ly[15] đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Lúc đó vị Tỳ-kheo kia bạch Phật:

–Những việc mà Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên này làm, thật là xấu xa, làm các ác hành.

Thế Tôn bảo rằng:

---

9. Pāli, ibid., buddhe aveccappasāde, Phật chứng tịnh, tín tâm bất hoại (bất động) ở nơi Phật.

10. Nguyên Hán: Minh hành thành vi 明行成為。

11. Nguyên Hán: Đạo pháp ngự 道法御。

12. Pāli, ibid., Dhamme aveccappasāde, Pháp chứng tịnh, tín tâm bất hoại (bất động) nơi Pháp.

13. Pāli, ibid., Saṅghe aveccappasāde, Tăng chứng tịnh, tín tâm bất hoại (bất động) nơi Tăng.

14. Pāli, S. 6. 10 Kokālika (R. i. 149).

15. Cù-ba-li 瞿波離。Pāli: Kokālika. Xem kinh số 5 phẩm 50 đoạn sau.

–Chớ nói những lời như vậy. Ông hãy phát tâm hoan hỷ đối Như Lai. Những việc mà Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên làm đều là thuần thiện, không có việc nào xấu ác.

Khi đó, Tỳ-kheo Cù-ba-ly hai ba lần bạch Thế Tôn:

–Những điều Đức Như Lai nói thật không hư vọng. Song những việc Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên làm đều thật xấu ác, không có gốc rễ thiện.

Đức Thế Tôn bảo:

–Này kẻ ngu si kia, ông há không tin những gì Như Lai đã nói sao? Vì vậy mà ông nói những việc Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên làm đều rất xấu ác. Nay ông tạo hành vi xấu ác này, sau không lâu sẽ nhận quả báo.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia ngay trên chỗ ngồi, thân mọc nhọt độc lớn bằng hạt cải, chuyển như hạt đậu lớn, dần dần bằng trái A-ma-lặc, gần bằng hồ đào, rồi bằng nắm tay, máu mủ tuôn ra, thân hoại mạng chung, sinh trong địa ngục Hoa sen[16].

Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Cù-ba-li mạng chung, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Một lát sau, rời khỏi chỗ ngồi, bạch Thế Tôn:

–Tỳ-kheo Cù-ba-ly bị sinh nơi nào?

Thế Tôn bảo:

–Người đó mạng chung, sinh trong địa ngục Hoa sen.

Mục-liên bạch Đức Thế Tôn:

–Nay con muốn đi đến địa ngục kia giáo hóa người này.

Thế Tôn bảo:

–Mục-liên, không cần đến đó.

Mục-liên lặp lại bạch Thế Tôn lần nữa:

–Con muốn đến địa ngục kia giáo hóa người đó.

Bấy giờ, Thế Tôn cũng im lặng không đáp. Khi đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, từ Xá-vệ biến mất, hiện đến trong địa ngục lớn Hoa sen. Ngay lúc đó, Tỳ-kheo Cù-ba-ly thân thể bị lửa đốt, lại có hàng trăm con trâu cày trên lưỡi ông.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ngồi kiết già ở giữa không trung, búng ngón tay gọi Tỳ-kheo kia. Tỳ-kheo kia liền ngửa mặt

---

16. Liên hoa địa ngục 蓮華地獄。Pāli: Paduma-niraya.

hỏi:

–Ông là người nào?

Mục-kiền-liên đáp:

–Cù-ba-ly, ta là đệ tử của Đức Phật Thích-ca Văn, tên Mục-kiền-liên, họ Câu-lị-đà.

Khi Tỳ-kheo thấy Mục-liên, liền buông lời hung dữ như vầy:

–Nay ta đọa ác thú này, còn không tránh khỏi ông ở trước mặt sao?

Nói như vậy rồi, ngay lúc đó có ngàn con trâu cày lên lưỡi ông. Mục-liên thấy vậy càng thêm sầu não, trong lòng hối tiếc, biến mất ở nơi đó, trở về Xá-vệ, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, Mục-liên đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Trước Ta đã nói với ông, không cần đến đó gặp người ác này.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ thế này:

Phàm người sinh ra
Búa ở trong miệng
Sở dĩ chém thân
Do lời ác kia.
Người dứt ta dứt
Cả hai đều thiện
Đã tạo hành ác
Tất đọa đường ác.
Đó là cực ác
Có hết, không hết
Ác đối Như Lai
Tội này rất nặng.
Một vạn ba ngàn
Sáu mốt ngục Tro
Chê Thánh rơi vào
Do thân, khẩu tạo.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nên học ba pháp, thành tựu hạnh mình. Thế nào là ba? Thân làm thiện, miệng nói thiện và ý nghĩ thiện.

Các Tỳ-kheo, hãy học tập những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6[17]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có Tỳ-kheo nào thành tựu ba pháp, ở trong hiện pháp khéo được khoái lạc, dũng mãnh tinh tấn hữu lậu dứt sạch[18]. Thế nào là ba? Ở đây, Tỳ-kheo, các căn tịch tĩnh[19], ăn uống biết tiết độ, không bỏ kinh hành[20].

Tỳ-kheo, thế nào các căn tịch tĩnh? Ở đây, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, không khởi tưởng đắm, không có thức niệm[21], được sự thanh tịnh ở nơi nhãn căn; vì để giải thoát khỏi những cái ấy[22] nên luôn thủ hộ nhãn căn. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi biết vị, thân biết mịn láng, ý biết pháp, không khởi tưởng đắm, không có thức niệm, được sự thanh tịnh ở nơi nhãn căn; vì để giải thoát khỏi những cái ấy nên luôn thủ hộ ý căn. Như vậy là Tỳ-kheo có các căn tịch tĩnh.

Sao gọi là Tỳ-kheo ăn uống biết tiết độ? Ở đây, Tỳ-kheo suy xét những đồ ăn thức uống từ đâu mà đến; ăn không vì để mập trắng, mà chỉ muốn duy trì thân hình, tứ đại được nguyên vẹn: "Nay tôi phải trừ cảm thọ cũ[23], khiến cảm thọ* mới không sinh, để thân đủ sức, được tu hành đạo, khiến cho phạm hạnh không dứt." Cũng như thân nam, nữ nổi lên nhọt độc, phải dùng cao mỡ bôi nhọt. Sở dĩ bôi nhọt là muốn chóng khỏi.

Đây cũng như vậy, các Tỳ-kheo, ăn uống biết tiết độ. Ở đây, Tỳ-

---

17. Pāli, A III 16 Apaṇṇaka (R.i. 113).

18. Pāli, ibid., bhikkhu apaṇṇakapaṭipadaṃ paṭipanno hoti, yoni cassa āraddhā hoti āsavānaṃ khayāya, Tỳ-kheo hành đạo vô hý luận, đó là căn nguyên dẫn đến diệt tận các lậu.

19. Pāli, ibid., indriyesu guttadvāro, thủ hộ căn môn.

20. Hán: Bất thất kinh hành 不失經行。Pāli: Jāgariyaṃ anuyutto, tinh cần tỉnh giác.

21. Pāli: Na nimittaggāhī hoti nānubyañjanaggāhī, không nắm bắt tướng chung, không nắm bắt tướng riêng.

22. Pāli: ibid., Yatvādhikaraṇamenaṃ cakkhundriyaṃ asaṃvutaṃ viharantaṃ abhijjhādomanassā pāpakā akusalā dhammā anvāssaveyyuṃ tassa saṃvarāya paṭipajjati, rakkhati cakkhundriyaṃ, cakkhundriye saṃvaraṃ āpajjati. Do những nhân tố nào mà tham ưu, và pháp ác, bất thiện, do nhãn căn không được thủ hộ, nên chảy lọt vào; để phòng hộ nhân tố ấy, nên thủ hộ nhãn căn.

23. Hán: Cố thống 故痛。Pāli: Purāṇañca vedanaṃ.

kheo suy xét đồ ăn thức uống từ đâu mà đến; ăn không vì để mập trắng, mà chỉ muốn duy trì thân hình, tứ đại được nguyên vẹn: "Nay tôi phải trừ cảm thọ* cũ, khiến cảm thọ* mới không sinh, để thân đủ sức, được tu hành đạo, khiến cho phạm hạnh không dứt." Cũng như xe cộ chở nặng, sở dĩ bôi mỡ trục là muốn đem vật nặng đến nơi. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, ăn uống biết tiết độ, suy xét những đồ ăn thức uống từ đâu đến, ăn không vì để mập trắng, mà chỉ muốn duy trì thân hình, tứ đại được nguyên vẹn: "Nay tôi phải trừ cảm thọ* cũ, khiến cảm thọ* mới không sinh, để thân đủ sức, được tu hành đạo, khiến cho phạm hạnh không dứt." Tỳ-kheo ăn uống biết tiết độ là như vậy.

Sao gọi là Tỳ-kheo không bỏ kinh hành? Ở đây, Tỳ-kheo, đầu hôm cuối hôm luôn nhớ kinh hành không sai thời khóa, thường niệm tưởng buộc ý vào trong đạo phẩm. Nếu là ban ngày, hoặc đi hoặc ngồi, tư duy diệu pháp, trừ khử ấm cái[24]. Rồi lúc đầu hôm, hoặc đi hoặc ngồi, tư duy diệu pháp, trừ khử ấm cái. Rồi vào giữa đêm nằm nghiêng bên phải, tư duy buộc ý vào nơi ánh sáng. Rồi đến cuối hôm thức dậy, hoặc đi, hoặc tư duy diệu pháp, trừ khử ấm cái. Như vậy là Tỳ-kheo không bỏ kinh hành.

Nếu có Tỳ-kheo nào mà các căn tịch tĩnh, ăn uống biết tiết độ, không bỏ kinh hành, thường niệm buộc ý vào trong đạo phẩm, Tỳ-kheo này liền thành nhị quả, ở trong hiện pháp đắc A-na-hàm. Cũng như người đánh xe giỏi, ở trên đường bằng thẳng, đánh xe tứ mã không bị ngưng trệ, muốn đến nơi nào, chắc chắn được không nghi ngờ. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, các căn tịch tĩnh, ăn uống biết tiết độ, không bỏ kinh hành, thường niệm buộc ý ở trong đạo phẩm, Tỳ-kheo này liền thành nhị quả, ở trong hiện pháp dứt sạch các lậu, đắc A-na-hàm[25].

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

---

24. Hán: Ấm cái 陰蓋, hay triền cái. Pāli: Āvaraṇīyehi dhammehi cittaṃ parisodheti, làm thanh tịnh khỏi các pháp phú chướng.

25. A-na-hàm lậu tận, chưa thấy nơi nào nói điều này. Cf. Pāli: Khīṇāsava.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba bệnh lớn. Những gì là ba?

1. Phong là bệnh lớn.

2. Đàm là bệnh lớn.

3. Lãnh là bệnh lớn.

Các Tỳ-kheo, đó gọi là ba bệnh lớn. Lại có ba thứ thuốc hay. Những gì là ba?

1. Nếu bệnh phong, tô[26] là thuốc hay và tô dùng làm thức ăn.

2. Nếu bệnh đờm, mật làm thuốc hay và mật dùng làm thức ăn.

3. Nếu bệnh lãnh, dầu[27] là thuốc hay và dầu dùng làm thức ăn.

Tỳ-kheo, đó gọi là ba loại bệnh lớn này, có ba thứ thuốc này.

Cũng vậy, Tỳ-kheo cũng có ba loại bệnh lớn. Những gì là ba? Đó là tham dục, sân nhuế, ngu si. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba loại bệnh lớn này. Song, ba loại bệnh lớn này, lại có ba thứ thuốc hay. Những gì là ba?

1. Nếu lúc tham dục khởi, thường trị bằng bất tịnh và tư duy bất tịnh đạo.

2. Nếu bệnh lớn là sân nhuế, thường trị bằng Từ tâm và tư duy từ tâm đạo.

3. Nếu bệnh lớn là ngu si, thường trị bằng trí tuệ và duyên khởi đạo.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là ba loại bệnh lớn này, có ba thứ thuốc này. Cho nên Tỳ-kheo phải cầu phương tiện tìm ba loại thuốc này.

Này các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba hành vi ác. Những gì là ba? Đó là thân làm ác, miệng nói

---

[26] Tô 酥 ; gồm sinh tô (Pāli: Takka) và thục tô (Pāli: Navanīta).

[27] Du 油 ; thường là dầu mè (Pāli: Tela).

ác, ý nghĩ ác. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba hành vi ác này, phải tìm cầu phương tiện tu ba hành vi thiện. Những gì là ba?

1. Nếu thân làm ác, phải tu hành vi thiện nơi thân.

2. Miệng nói ác, phải tu hành vi thiện nơi miệng.

3. Ý nghĩ ác, phải tu hành vi thiện nơi ý.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Giữ thân không hành ác
Tu tập thân thiện hành
Niệm xả thân ác hành
Hãy học thân thiện hành.
Giữ miệng không hành ác
Tu tập miệng hành thiện
Niệm xả miệng nói ác
Hãy học miệng nói thiện.
Giữ ý không hành ác
Tu tập ý nghĩ thiện
Niệm xả ý hành ác
Hãy học ý nghĩ thiện.
Lành thay, thân hành thiện
Khẩu hành cũng như vậy
Lành thay ý hành thiện
Tất cả cũng như vậy[28].
Giữ khẩu, ý thanh tịnh
Thân không hành vi ác
Ba hành tích[29] *thanh tịnh,*
Đường vô vi của Tiên[30].

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy xả bỏ ba hành vi ác, tu ba hành vi thiện.

---

28. Cf. Pāli, Dhp. 361. Kāyena saṃvaro sādhu, sādhu vācāya saṃvaro; manasā saṃvaro sādhu, sādhu sabbattha saṃvaro; sabbattha saṃvuto bhikkhu, sabbadukkhā pamuccati, Lành thay, thân phòng hộ! Lành thay, ngữ phòng hộ! Lành thay, ý phòng hộ! Tỳ-kheo tất cả phòng hộ, giải thoát tất cả khổ.

29. Tam hành tích; chỉ ba nghiệp đạo (Pāli: Kammapatha).

30. Xem, kệ Thất Phật, Tứ Phần Tỳ-kheo Giới Bản (T22n1429, tr. 1022c5). Cf. Pāli, Dhp. 281 Vācānurakkhī manasā susaṃvuto, kāyena ca nākusalaṃ kayirā ete tayo kammapathe visodhaye, ārādhaye maggam isippaveditaṃ, thủ hộ ngôn ngữ, chế ngự ý; thân không hành bất thiện, ba nghiệp đạo này tịnh, đạt đến con đường mà Đấng Đại Tiên (Phật) đã chỉ.

Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9[31]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo, đến giờ, khoác y, cầm bát, vào thành khất thực. Lúc đó, các Tỳ-kheo nghĩ rằng: "Chúng ta vào thành khất thực giờ này còn sớm. Giờ nên dẫn nhau đến chỗ của Phạm chí ngoại đạo[32]." Rồi số đông các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phạm chí dị học[33]. Sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi xuống một bên. Lúc đó ngoại đạo Phạm chí hỏi Sa-môn:

–Đạo sĩ Cù-đàm thường nói về dục luận[34], sắc luận, thọ* luận, tưởng luận. Những luận như vậy có gì sai khác? Những gì chúng tôi luận cũng là những gì Sa-môn nói. Những gì Sa-môn nói cũng là những gì chúng tôi luận. Thuyết pháp giống như tôi thuyết pháp. Dạy dỗ giống như tôi dạy dỗ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những lời này xong, không nói đúng, cũng không nói sai, rời chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, vừa suy nghĩ, như vầy: "Chúng ta nên đem nghĩa này đến hỏi Đức Thế Tôn."

Các Tỳ-kheo sau khi ăn xong, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi đó, các Tỳ-kheo đem nhân duyên đầu đuôi câu chuyện đã nghe từ chỗ Phạm chí, bạch hết lên Thế Tôn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu Phạm chí kia hỏi như vậy, các ông nên đem nghĩa này hỏi lại họ: "Dục có vị gì, lại có lỗi gì phải lìa bỏ dục[35]? Sắc có vị gì, lại có lỗi gì phải lìa bỏ sắc? Thọ có vị gì, lại có lỗi gì phải lìa bỏ thọ?" Nếu

---

31. Pāli, M 13 Mahādukkhakkhandhasuttaṃ (R.i. 83). Hán, Trung 99 (T1n26, tr. 584c8).

32. Ngoại đạo Phạm chí 外道梵志。Pāli: Aññatitthiya-paribbājaka, ngoại đạo xuất gia, phổ hành (du sĩ) dị học.

33. Dị học Phạm chí 異學梵志, như ngoại đạo Phạm chí.

34. Pāli, ibid., Kāmānaṃ pariññaṃ kāmānaṃ pariññaṃ, thi thiết dục biến tri, chủ trương nhận thức về các dục.

35. Pāli, ibid., Kāmānaṃ assādo, ko ādānavo, kiṃ nissaraṇaṃ? Dục có vị ngọt gì? Nguy hiểm gì? Xuất yếu gì?

các ông đem những lời này đáp lại câu hỏi của họ, các Phạm chí sẽ lặng im không trả lời được. Giả sử có nói, cũng không thể giải thích nghĩa sâu xa này, mà còn tăng thêm ngu hoặc, rơi vào ngõ cụt. Vì sao? Vì chẳng phải cảnh giới của họ.

Lại nữa, này Tỳ-kheo, Ma cùng Thiên ma, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương, Sa-môn, Bà-la-môn, người và phi nhân, ai mà có thể hiểu nghĩa sâu này, trừ Như Lai Đẳng Chánh Giác và Thánh chúng của Như Lai, hay những người thọ giáo của ta, những người này thì không luận đến[36].

Dục có vị gì? Đó chính là năm dục[37]. Những gì là năm? Sắc được thấy bởi mắt làm khởi nhãn thức, rất đáng yêu, đáng nhớ, được người đời ưa thích; tiếng được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, mịn láng được xúc chạm bởi thân, rất đáng yêu, đáng nhớ, được người đời ưa thích. Khổ, lạc phát sinh từ trong năm dục này, đó gọi là vị của dục.

Dục có lỗi gì? Ở đây, một thiện gia nam tử học các kỹ thuật để tự kinh doanh cho mình; hoặc học làm ruộng, hoặc học thư sớ, hoặc học làm thuê, hoặc học toán số, hoặc học cân dối, hoặc học chạm khắc, hoặc học thông tin qua lại, hoặc học hầu hạ vua, thân không lánh nắng mưa, mệt nhọc cần khổ, không được tự do. Làm những việc khổ cay này để thu hoạch sản nghiệp. Đó là lỗi lớn của dục. Khổ não trong đời này do ân ái này, đều do tham dục. Nhưng thiện gia nam tử kia lại làm việc cực khổ vậy mà không được của cải, trong lòng sầu lo khổ não không thể tính kể, tự suy nghĩ rằng: "Ta làm công lao này, bày các phương kế, mà không được tiền của." Các trường hợp như vậy, nên nghĩ đến lìa bỏ. Đó là nên lìa bỏ dục.

Lại nữa, khi thiện gia nam tử kia, hoặc khi bày phương kế vậy mà được tiền của. Do được tiền của nên tìm đủ mọi cách thích hợp để luôn tự giữ gìn, sợ vua chiếm đoạt, bị giặc cướp giật, bị nước cuốn trôi, bị lửa thiêu đốt. Lại nghĩ như vầy: "Ta muốn chôn giấu, nhưng sợ sau quên mất. Ta muốn xuất ra sinh lời lại sợ không thể giữ. Hay nhà sinh con xấu, tiêu phá tài sản của ta." Đại loại như vậy, dục là tai hoạn lớn, do bởi gốc dục này đưa đến tai biến này.

Lại nữa, thiện gia nam tử kia thường sinh tâm này, là muốn gìn giữ tài sản, sau đó vẫn bị quốc vương chiếm đoạt, bị giặc cướp giật, bị

---

36. Hán: thử tức bất luận 此即不論; nghĩa không rõ, hoặc Hán đọc nhầm từ nguyên bản. Tham chiếu Pāli, ibid.: Ito và pana sutvà, hay những người đã nghe từ đây. Hình như Hán đọc là: Ito và na sutvà.

37. Ngũ dục. Pāli: Pañca kāmaguṇā, năm dục công đức, năm thành tố của dục vọng,

nước cuốn trôi, bị lửa thiêu đốt; những thứ chôn giấu cũng lại không thể giữ. Ngay khi muốn xuất vốn kiếm lời cũng thu không được. Ở nhà sinh con xấu, tiêu phá tài sản. Tiền vạn không thu được một. Trong lòng sầu ưu, khổ não, đấm ngực kêu la: "Tiền của ta có trước kia nay mất tất cả." Người ấy trở nên ngu hoặc, tâm ý thác loạn. Cho nên, gọi dục là tai hoạn lớn, do bởi gốc dục này không đến vô vi được.

Lại nữa, do bởi gốc dục này, mà con người mặc giáp, cầm dao gậy, công phạt lẫn nhau. Chúng đánh nhau, hoặc ở trước bầy voi, hoặc ở trước bầy ngựa, hoặc ở trước bộ binh, hoặc ở trước xa binh; cho ngựa đấu ngựa, cho voi đấu voi, cho xe đấu xe, cho bộ binh đấu bộ binh; hoặc chém nhau, bắn nhau, hoặc đâm nhau. Đại loại như vậy, dục là tai hoạn lớn, vì dục là nguồn gốc đưa đến tai biến này.

Lại nữa, do bởi gốc dục này, mà con người mặc giáp, cầm gậy, hoặc ở cửa thành, hoặc ở trên thành, chém nhau, bắn nhau, hoặc dùng giáo đâm, hoặc dùng bánh xe sắt nghiến đầu, hoặc tưới sắt nấu chảy, chịu đau đớn như vậy mà chết rất nhiều.

Lại nữa, dục cũng không có thường, tất cả thay nhau biến đổi không ngừng. Không hiểu rõ dục này biến đổi vô thường, thì đây gọi dục là tai hoạn lớn.

Sao phải lìa bỏ dục? Nếu ai hay tu hành trừ tham dục[38]; đó gọi là bỏ dục.

Các Sa-môn, Bà-la-môn mà không như thật biết tai hoạn lớn của dục, cũng lại không biết nguyên do xả ly dục; không biết Sa-môn, oai nghi của Sa-môn, không biết Bà-la-môn, oai nghi của Bà-la-môn, những người ấy chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn, cũng lại không thể tự thân tác chứng mà tự vui thú[39]. Nghĩa là các Sa-môn, Bà-la-môn mà xét biết dục là tai hoạn lớn, xa lìa dục, như thật không hư dối, biết Sa-môn có oai nghi của Sa-môn, biết Bà-la-môn có oai nghi của Bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự vui thú*. Đó là lìa bỏ dục.

Sao gọi là vị sắc? Khi nó thấy con gái dòng Sát-lợi, con gái dòng Bà-la-môn, con gái dòng trưởng giả, tuổi mười bốn, mười lăm, mười sáu, không cao, không thấp, không mập, không ốm, không trắng, không đen, xinh đẹp vô song, hiếm có ở đời. Vừa mới thấy nhan sắc ấy, nó liền khởi tưởng yêu thích. Đó gọi là vị của sắc.

---

38. Pāli, ibid., Kiñca kāmānaṃ nissaraṇaṃ? Yo kāmesu chandarāgavinayo chandarāgappahānaṃ–, sự xuất yếu (thoát ly) của dục là gì? Chế ngự ham muốn, đoạn trừ ham muốn trong các dục vọng.

39. Hán: Tự du hý 自遊戲, hiểu là tự an trú (sống với).

Sao gọi sắc là tai hoạn lớn? Lại nữa, sau nếu lại thấy người con gái kia, tuổi đã tám mươi, chín mươi, cho đến trăm tuổi, nhan sắc đổi khác, qua tuổi thiếu, tráng niên, răng rụng, tóc bạc, thân thể cáu ghét, da dùn, mặt nhăn, lưng khòm, rên rỉ, thân như xe cũ, hình dáng run rẩy, chống gậy mà đi. Thế nào, các Tỳ-kheo, sắc đẹp được thấy ban đầu, sau lại thấy đổi khác, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

Lại nữa, ở đây nếu thấy người con gái kia thân mang trọng bệnh, nằm trên giường, đại tiểu tiện không thể đứng dậy. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp được thấy trước kia, nay trở nên bệnh này; há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

–Các Tỳ-kheo! Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

Lại nữa Tỳ-kheo, nếu lại thấy người con gái kia, thân hoại mạng chung, được đem đến gò mả. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp trước kia đã thấy, nay đã biến đổi; ở trong đó mà tưởng khổ lạc; há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp rằng:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

–Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

Lại nữa, nếu thấy người con gái kia, chết qua một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, cho đến bảy ngày; thân thể sình chướng, rữa thối, tan rã, rơi vãi một nơi. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp có trước kia, đến nay thay đổi đến như vậy; há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

–Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

Lại nữa, nếu thấy người con gái kia, bị quạ, chim khách, kên kên, tranh nhau đến ăn thịt; hoặc bị beo, chó, sói, hổ, thấy mà ăn thịt; hoặc các loài trùng ngọ ngoạy rất nhỏ, biết bò, bay, động đậy, thấy mà ăn

thịt. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia vốn có, nay biến đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

–Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, thân bị trùng quạ đã ăn một nửa, ruột, dạ dày, thịt, máu, ô uế bất tịnh. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp mà trước kia cô ấy có, nay biến đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

–Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, máu thịt đã hết, chỉ còn hài cốt liền nhau. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến nỗi như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

–Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, máu thịt đã hết, chỉ có gân quấn ràng như bó củi. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến nỗi như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

–Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, hài cốt tan rã mỗi nơi, hoặc xương chân một chỗ, hoặc xương tay một chỗ, hoặc xương đùi một chỗ, hoặc xương hông một chỗ, hoặc xương sườn một chỗ, hoặc xương bả vai một chỗ, hoặc xương cổ một chỗ, hoặc đầu lâu một chỗ. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

–Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, xương cốt bạc trắng, hoặc giống sắc bồ câu. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

–Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, hài cốt trải qua nhiều năm, hoặc bị mục nát, tan rã, giống như màu đất. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

–Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

Lại nữa, sắc này vô thường biến đổi, không được lâu dài, không được bền vững[40]. Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

Sao gọi sắc là xuất yếu[41]? Nếu hay lìa nơi bỏ sắc, trừ các loạn tưởng. Đó là lìa bỏ nơi sắc.[42] Những Sa-môn, Bà-la-môn mà đắm trước sắc nơi sắc, không như thật biết tai hoạn lớn, cũng không biết xả ly, đó không phải là Sa-môn, Bà-la-môn; đối với Sa-môn mà không biết oai nghi của Sa-môn, đối với Bà-la-môn mà không biết oai nghi của Bà-la-môn, không thể tự thân tác chứng mà tự vui thú*. Nghĩa là các Sa-môn, Bà-la-môn mà không đắm trước sắc ở nơi sắc; biết rõ sâu xa đại hoạn, biết xả ly, những người ấy ở nơi Sa-môn mà biết oai nghi của Sa-môn, ở nơi Bà-la-môn biết oai nghi của Bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự vui thú*. Đó gọi là lìa bỏ đối sắc.

Sao gọi là vị của thọ*? Ở đây, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ lạc, biết rằng ta có cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, biết rằng ta có cảm thọ khổ.

---

40. Để bản: Vô hữu lão ấu 無有老幼。

41. Xuất yếu 出要; đoạn trên nói là xả ly. Cùng nghĩa. Pāli: Nisssara.

42. Xem cht. 38 trên.

Khi có cảm thọ không khổ không lạc, biết rằng ta có cảm thọ không khổ không lạc. Khi có cảm thọ lạc do ăn[43], biết rằng ta có cảm thọ lạc do ăn. Khi có cảm thọ khổ do ăn,* biết rằng ta có cảm thọ khổ do ăn. Khi có cảm thọ không khổ không lạc do ăn,* biết rằng ta có cảm thọ không khổ không lạc do ăn. Khi có cảm thọ khổ không do ăn[44], biết rằng ta có cảm thọ khổ không do ăn*. Khi có cảm thọ lạc không do ăn,* biết rằng ta có cảm thọ lạc không do ăn. Khi có cảm thọ không khổ không lạc không do ăn,* biết rằng ta có cảm thọ không khổ không lạc không do ăn*.

Lại nữa Tỳ-kheo, khi có cảm thọ lạc, khi ấy không có cảm thọ khổ, cũng lại không có cảm thọ không khổ không lạc; bấy giờ ta chỉ có cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, khi ấy không có cảm thọ lạc, cũng lại không có cảm thọ không khổ không lạc, chỉ có cảm thọ khổ.

Lại nữa, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ không khổ không lạc, khi ấy không có cảm thọ lạc và cảm thọ khổ, mà chỉ có cảm thọ không khổ không lạc.

Lại nữa, thọ* là pháp vô thường biến đổi. Vì biết thọ* là pháp vô thường biến đổi, cho nên gọi thọ là tai hoạn lớn.

Sao gọi thọ là xuất yếu? Nếu hay xả ly thọ nơi thọ, trừ các loạn tưởng[45]. Đó gọi là lìa bỏ đối cảm giác. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào mà đắm trước thọ nơi thọ, không biết tai hoạn lớn, cũng không lìa bỏ, không như thật biết; những người ấy chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn. Ở nơi Sa-môn không biết oai nghi của Sa-môn. Ở nơi Bà-la-môn không biết oai nghi của Bà-la-môn. Không thể tự thân chứng, mà tự vui thú*. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không đắm trước thọ nơi thọ, biết rõ sâu xa là tai hoạn lớn, hay biết xả ly, những người ấy ở nơi Sa-môn mà biết oai nghi của Sa-môn; ở nơi Bà-la-môn mà biết oai nghi của Bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự vui thú*. Đó gọi là xả ly thọ.

Lại nữa Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ không khổ không lạc; không như thật biết, nhưng lại giảng dạy người khác khiến thực hành. Điều này không xảy ra. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể xả ly thọ, như thật biết, lại khuyên dạy người xả ly. Điều này có xảy ra. Đó gọi là xả ly nơi thọ.

Các Tỳ-kheo, nay Ta đã nói về sự đắm trước dục, vị của dục, dục

---

43. Hán: Thực lạc thống 食樂痛; xem cht. kinh số 1 phẩm 12 trên.

44. Hán: Bất thực khổ thống 不食苦痛; xem cht. kinh số 1 phẩm 12 trên.

45. Pāli, ibid., Yo vedanāsu chandarāgavinayo, chandarāgappahānaṃ, chế ngự ham muốn, đoạn trừ ham muốn nơi các thọ.

là tai hoạn lớn, lại có thể xả ly; cũng nói về đắm trước sắc, vị của sắc, sắc là tai hoạn lớn, có thể xả ly sắc. Đã nói về sự đắm trước thọ, vị của thọ, thọ là tai hoạn lớn, có thể xả ly thọ.

Những gì các Như Lai cần làm, những gì cần thi thiết, nay Ta đều đã chu tất. Các ông hãy thường suy niệm ở dưới bóng cây, nơi hoang vắng, thiền tọa tư duy, chớ có giải đãi. Đó là giáo sắc của Ta.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba thứ không chắc thật. Những gì là ba?

1. Thân không chắc thật.

2. Mạng không chắc thật.

3. Tài không chắc thật.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là ba thứ không chắc thật.

Ở đây, Tỳ-kheo, trong ba thứ không chắc thật, hãy phương tiện tìm cầu làm thành ba thứ chắc thật. Những gì là ba?

1. Thân không chắc thật, tìm cầu nơi cái chắc thật.

2. Mạng không chắc thật, tìm cầu nơi cái chắc thật.

3. Tài không chắc thật, tìm cầu nơi cái chắc thật.

Sao gọi là thân không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật? Nghĩa là khiêm nhường, cung kính, lễ bái, tùy lúc thăm hỏi. Đây là thân không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật.

Sao gọi là mạng không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật? Ở đây, nếu có thiện nam, thiện nữ nào, suốt đời không sát sinh, không dùng dao gậy, thường biết tàm quý, có tâm Từ bi, nghĩ khắp tất cả chúng sinh; suốt đời không trộm cắp, thường niệm bố thí, tâm không ý tưởng keo lẫn; suốt đời không dâm dục, cũng không thông dâm vợ người; suốt đời không vọng ngữ, thường nghĩ đến chí thành không khi dối người đời; suốt đời không uống rượu, ý không tán loạn, giữ giới cấm của Phật. Đó gọi là mạng không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật.

Sao gọi là tài không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật? Nếu có thiện

nam, thiện nữ nào thường niệm bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, các hàng nghèo khó. Người cần ăn thì cho ăn, cần nước uống cho nước uống, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men chữa bệnh, nhà cửa thành quách, những thứ gì cần đều đem cho hết; tài sản không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật là như vậy.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có ba thứ không chắc thật này, tìm cầu nơi ba thứ chắc này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Biết thân không chắc thật
Mạng cũng không kiên cố
Tài sản, pháp suy mòn
Người nên cầu chắc thật.
Thân người thật khó được
Mạng cũng chẳng dài lâu
Hoan hỷ niệm bố thí.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Thứ nhất đức, phước nghiệp
Ba nhân, ba an, sợ
Ba đêm, bệnh, ác hành
Trừ khổ, không chắc thật.

-oOo-

Phẩm 22: BA CÚNG DƯỜNG

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba người, xứng đáng được người đời cúng dường. Ba người ấy là ai?

1. Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, xứng đáng được người đời cúng dường.

2. Đệ tử của Đức Như Lai, A-la-hán lậu tận, xứng đáng được người đời cúng dường.

3. Chuyển luân thánh vương, xứng đáng được người đời cúng dường.

Có nhân duyên gì mà Như Lai xứng đáng được người đời cúng dường? Như Lai điều phục những ai chưa được điều phục, hàng phục những ai chưa được hàng phục, độ những ai chưa được độ, giải thoát những ai chưa được giải thoát, khiến thành Niết-bàn những ai chưa Bát-niết-bàn, cứu hộ những ai chưa được cứu hộ, làm con mắt cho những ai mù mắt. Như Lai là tối tôn đệ nhất, là ruộng phước tối tôn, đáng kính, đáng quý giữa ma, hoặc Thiên ma, trời và người, làm Đạo sư hướng dẫn loài người biết con đường chánh, thuyết đạo giáo cho những ai chưa biết đạo. Do nhân duyên này, Như Lai là xứng đáng được người đời cúng dường.

Có nhân duyên gì mà đệ tử của Như Lai, A-la-hán lậu tận, xứng đáng được người đời cúng dường? Tỳ-kheo nên biết, A-la-hán lậu tận đã vượt qua được dòng sinh tử, không còn tái sinh, đã đắc pháp vô thượng; dâm, nộ, si vĩnh viễn diệt tận không còn, là ruộng phước của đời. Do nhân duyên này, A-la-hán lậu tận xứng đáng được người đời cúng dường.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà Chuyển luân thánh vương xứng đáng được người đời cúng dường? Các Tỳ-kheo nên biết, Chuyển luân thánh vương dùng pháp để trị hóa, trọn không sát sinh, lại dạy dỗ người khiến không sát sinh; tự mình không trộm cắp và cũng dạy người khác không trộm cắp; tự mình không dâm dật và dạy người khác không dâm dật; tự mình không nói vọng ngữ và dạy người khác không vọng ngữ; tự mình không nói hai lưỡi đấu loạn kia đây, lại cũng dạy người khác khiến không nói hai lưỡi; tự mình không ganh ghét, sân, si, lại dạy người khác cũng không tập pháp này; tự hành theo chánh kiến và dạy người khác không hành theo tà kiến. Do nhân duyên này, Chuyển luân thánh vương xứng đáng được người đời cúng dường.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Có ba thiện căn không thể cùng tận, đưa dần đến Niết-bàn giới. Những gì là ba?

1. Gieo trồng công đức ở nơi Như Lai, thiện căn này không thể cùng tận.

2. Gieo trồng công đức ở nơi Chánh pháp, thiện căn này không thể cùng tận.

3. Gieo trồng công đức ở nơi Thánh chúng, thiện căn này không thể cùng tận.

Này A-nan, đó gọi là có ba thiện căn không cùng tận này, đưa đến Niết-bàn giới. Cho nên A-nan, hãy tìm cầu phương tiện để đạt được phước không thể cùng tận này.

A-nan, hãy học tập điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba thọ* này. Những gì là ba? Đó là:

1. Cảm thọ lạc.

2. Cảm thọ khổ.

3. Cảm thọ không khổ không lạc.[46]

Này các Tỳ-kheo nên biết, cảm thọ lạc kia là sứ giả của ái dục. Cảm thọ khổ kia là sứ giả của sân nhuế sai khiến. Cảm thọ không khổ không lạc kia là sứ giả của si. Cho nên, này Tỳ-kheo, hãy học phương tiện tìm cầu diệt các sứ giả này. Vì vậy, các ông hãy tự nhiệt hành, tự tu hành pháp cần phải tu hành, đắc pháp vô tỷ. Các Tỳ-kheo nên biết,

---

46. Hán: Tam thống 三痛, ba thọ hay cảm thọ. Cf. D 10 Sagti (R.iii. 216): Tisso vedanā– sukhā vedanā, dukkhā vedanā, adukkhamasukhā vedanā.

sau khi Ta diệt độ, nếu có Tỳ-kheo nào tự niệm nhiệt hành tu hành pháp này, đắc pháp vô tỷ, người ấy chính là đệ nhất Thanh văn.

Thế nào, Tỳ-kheo, hãy tự nhiệt hành, tự tu hành pháp cần phải tu hành, đắc pháp vô tỷ. Ở đây, Tỳ-kheo bên trong tự quán thân nơi thân, ngoài tự quán thân nơi thân, trong ngoài tự quán thân mà tự vui thú*; trong quán thọ ngoài quán thọ, trong ngoài quán thọ; trong quán ý ngoài quán ý, trong ngoài quán ý; trong quán pháp, ngoài quán pháp, trong ngoài quán pháp tự vui thú*.

Như vậy Tỳ-kheo, hãy tự nỗ lực tu hành pháp ấy, đắc pháp vô tỷ. Những Tỳ-kheo nào thực hành pháp này, người ấy là đệ tử bậc nhất ở trong hàng Thanh văn.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo:

–Có ba sự, che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt[47]. Những gì là ba?

1. Nữ nhân, che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt.

2 .Chú thuật Bà-la-môn, che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt.

3. Nghiệp của tà kiến, che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt.

Tỳ-kheo, đó gọi là có ba sự này, che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt.

Lại có ba sự mà hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt[48]. Những gì là ba?

1. Mặt trời hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt.

2. Mặt trăng hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt.

---

[47] Cf. A III 129 Paṭicchannasuttaṃ (R i. 182): Tīṇimāni paṭicchannāni āvahanti no vivaṭāni, ba sự kiện này được che giấu thì có hiệu quả, chứ không phải hiển lộ.

[48] Cf. Pāli, ibid., Tīṇimāni vivaṭāni virocanti, no paṭicchannāni, ba sự kiện này được hiển lộ thì chiếu sáng, chứ không phải bị che giấu.

3. Pháp ngữ của Như Lai, hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt.

Tỳ-kheo, đó gọi là có ba sự này mà hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Nữ nhân cùng chú thuật
Tà kiến hành bất thiện
Đây ba pháp ở đời
Che giấu thì rất tốt.
Nhật, nguyệt chiếu khắp nơi
Lời chánh pháp Như Lai
Đây ba pháp ở đời
Hiện bày là đẹp nhất.

Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy hiển bày pháp Như Lai, chớ để che khuất.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba tướng hữu vi của hữu vi. Những là ba?

1. Biết nó sinh khởi.

2. Biết nó biến thiên.

3. Biết nó diệt tận[49].

Sao gọi đó là biết nó sinh khởi? Biết nó sinh, nó lớn, thành hình

---

[49] *Cf. A III 47 Saṅkhatalakkhaṇa (R i. 152): Tìṇimāni, saṅkhatassa saṅkhatalakkhaṇāni. Katamāni tìṇi? Uppādo paññāyati, vayo paññāyati, ṭhitassa aññathattaṃ paññāyati. Cf. Dẫn bởi Câu-xá 5 (T29n1558_p0027a17); Tỳ-bà-sa 38 (T27n1545_p0198a11): Hữu vi chi khởi diệc khả liễu tri, tận cập trú dị diệc khả liễu tri 有為之起亦可了知。盡及住異亦可了知, sinh khởi của hữu vi cũng đã được biết; tận và trú dị cũng đã được biết.*

năm ấm, đến các giới và xứ[50]. Đó gọi là biết nó sinh khởi.

Sao gọi là nó diệt tận? Nó chết, mạng đã qua, không tồn tại, vô thường, các ấm tan hoại, dòng họ chia lìa, mạng căn cắt dứt. Đó gọi là biết diệt tận.

Sao gọi là nó biến dịch? Răng rụng, tóc bạc, khí lực hao mòn, tuổi cao sức yếu, thân thể rã rời. Đó gọi là biệt pháp biết pháp biến dịch.

Tỳ-kheo, đó là ba tướng hữu vi của hữu vi. Nên biết ba tướng hữu vi của hữu vi này. Hãy khéo phân biệt.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Người ngu có ba tướng, ba pháp không thể trông cậy[51]. Ba pháp gì? Ở đây, điều mà người ngu không nên tư duy mà cứ tư duy; điều không nên luận nói mà cứ luận thuyết; điều không nên hành mà cứ tu tập.

Thế nào là người ngu tư niệm điều không nên tư duy? Ở đây, người ngu khởi ba hành của ý, rồi tư duy, ức niệm. Những gì là ba? Ở đây, người ngu khởi tâm ganh tị tài sản và nữ sắc nơi người khác, tâm nghĩ lời ác làm trỗi dậy tâm ganh ghét, rằng: "Mong những cái mà người ấy thuộc về ta." Như vậy người ngu tư duy điều không nên tư duy.

Thế nào là người ngu luận thuyết điều không nên luận thuyết? Ở đây, người ngu gây bốn tội lỗi nơi miệng. Những gì là bốn? Ở đây, người ngu thường thích vọng ngôn, ỷ ngữ, ác khẩu, gây đấu loạn giữa người này người kia. Người ngu bốn tội lỗi nơi miệng như vậy.

Thế là người ngu tạo các hành vi ác? Ở đây, người ngu tạo hành vi ác bởi thân, thường nghĩ đến sát sinh, trộm cắp, dâm dật. Người ngu tạo các ác hành như vậy.

---

50. Hán: Trì nhập 持入。Pāli: dhātu, āyatana.

51. Cf. A III 3 Cintsutta (R.i. 102): Tìṇimāni bālassa bālalakkhaḷāni bālanimittāni bālāpadānāni, có ba đặc tính ngu, ba dấu hiệu ngu, ba hành tích ngu của người ngu.

Như vậy, Tỳ-kheo, người ngu có ba hành tích này, người ngu si tập hành ba sự này.

Lại nữa Tỳ-kheo, người trí có ba sự cần được niệm tưởng tu hành. Những gì là ba? Ở đây, người trí tư duy điều đáng tư duy; luận thuyết điều đáng luận thuyết; hành thiện điều đáng tu hành thiện.

Thế nào là người trí tư duy điều đáng tư duy? Ở đây, người trí tư duy ba hành vi của ý. Những gì là ba? Ở đây, người trí không ganh ghét, oán giận, si mê; thường hành chánh kiến, thấy tài sản của người khác không sinh tưởng niệm. Như vậy, người trí tư duy điều đáng tư duy.

Thế nào là người trí luận thuyết điều đáng luận thuyết? Ở đây, người trí thành tựu bốn hành vi bởi miệng. Những gì là bốn? Ở đây, người trí không nối dối, cũng không dạy người khác nói dối, thấy người nói dối, ý không hoan hỷ. Đó gọi là người trí giữ gìn miệng mình. Lại nữa, người trí không nói thêu dệt, ác khẩu, tranh loạn kia đây, cũng không dạy người khiến nói thêu dệt, ác khẩu, gây đấu loạn giữa người này người kia. Như vậy, người trí thành tựu bốn hành vi bởi miệng.

Thế nào là người trí thành tựu ba hành vi của thân? Ở đây, người trí tư duy thân hành không có điều gì xúc phạm; song người trí lại tự mình không sát sinh, cũng không dạy người sát sinh, thấy người khác giết hại, tâm không hoan hỷ; tự mình không trộm cắp, không dạy người trộm cắp, thấy người khác trộm cắp tâm không hoan hỷ; cũng không dâm dật, thấy nữ sắc của kẻ khác tâm không khởi tưởng, cũng không dạy người khiến hành dâm dật. Nếu thấy người già thì xem như mẹ, người vừa như chị, người nhỏ như em, ý không cao thấp. Người trí đã thành tựu ba hành của thân như vậy.

Đó gọi là những hành tích của người trí.

Như vậy, này Tỳ-kheo, có ba tướng hữu vi này của hữu vi. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường xả ly ba tướng của người ngu. Chớ nên phế bỏ ba điều sở hành của người trí.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-

vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba pháp này, vì không được giác tri, không được thấy, không được nghe, nên trải qua sinh tử mà chưa từng nhìn ngắm; Ta và các ông trước đây chưa từng thấy nghe. Những gì là ba? Đó là giới Hiền thánh, không thể giác tri, không thấy, không nghe, nên trải qua sinh tử mà chưa từng nhìn ngắm; Ta và các ông trước đây chưa từng thấy nghe. Tam-muội Hiền thánh, trí tuệ Hiền thánh, không thể giác tri, không thấy, không nghe. Nay, như thân Ta, cùng với các ông, thảy đều giác tri cấm giới Hiền thánh, Tam-muội Hiền thánh, trí tuệ Hiền thánh, thảy đều thành tựu, nên không còn tái sinh nữa, đã đoạn nguồn gốc sinh tử. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng tu hành ba pháp này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba pháp rất đáng mến yêu mà người đời tham muốn. Ba pháp gì?

1. Trẻ khỏe là pháp đáng mến yêu mà người đời tham muốn.

2. Không bệnh là pháp đáng mến yêu mà người đời tham muốn.

3. Tuổi thọ bệnh là pháp đáng mến yêu mà người đời tham muốn.

Tỳ-kheo, đó gọi là có ba pháp đáng mến yêu mà người đời tham muốn.

Lại nữa Tỳ-kheo, tuy có ba pháp đáng mến yêu mà người đời tham đắm này, nhưng lại có ba pháp không đáng mến yêu mà người đời không tham muốn. Ba pháp gì?

1. Tỳ-kheo nên biết, tuy có trẻ khỏe, nhưng ắt sẽ già, pháp không đáng mến yêu mà người đời không tham muốn.

2. Tỳ-kheo nên biết, tuy có không bệnh, song tất sẽ bệnh, pháp không đáng mến yêu mà người đời không tham muốn.

3. Tỳ-kheo nên biết, tuy có sống lâu, song tất sẽ chết, pháp không

đáng mến yêu mà người đời không tham muốn.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, tuy có trẻ khỏe, nhưng phải tìm cầu cái không già, đến Niết-bàn giới. Tuy có không bệnh, như phải tìm cầu phương tiện để không có cái bệnh. Tuy có sống lâu, nhưng hãy tìm cầu phương tiện để không bị chết.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Giống như mùa Xuân. Trời mưa đá lớn. Cũng lại như vậy, nếu Như Lai không xuất hiện ở đời, chúng sinh sẽ rơi vào địa ngục. Bấy giờ người nữ vào địa ngục nhiều hơn đối người nam. Vì sao? Tỳ-kheo nên biết, do ba sự nên các loài chúng sinh thân hoại mạng chung rơi vào ba đường dữ. Những gì là ba? Đó là tham dục, ngủ nghỉ, điệu hý[52]. Bị ba sự này quấn chặt tâm ý, thân hoại mạng chung rơi vào ba đường ác.

Người nữ cả ngày tập hành ba pháp mà tự vui thú*.[53] Ba pháp gì? Sáng sớm để cho tâm ganh tị quấn chặt mình. Buổi trưa lại để cho ngủ nghỉ quấn chặt mình. Buổi chiều để cho tâm tham dục quấn chặt mình. Do nhân duyên này khiến người nữ kia thân hoại mạng chung sinh vào ba đường dữ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng tránh xa ba pháp này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Ganh tị, ngủ, điệu hý
Tham dục là pháp ác
Lôi người vào địa ngục
Cuối cùng không giải thoát.
Vì vậy phải lìa bỏ
Ganh tị, ngủ, điệu hý

---

[52] *Điệu hý, hay trạo cử, vọng động.*

[53] *Cf. A III 127 (R.i. 281).*

Và cũng xả bỏ dục
Đừng tạo hành ác kia.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tránh xa sự ganh tị, không có tâm keo kiệt, thường hành huệ thí, không ham ngủ nghỉ, thường hành không nhiễm[54], không đắm tham dục.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba pháp này, tập hành chúng, thân cận chúng, không hề biết chán đủ, lại cũng không thể đến chỗ tĩnh chỉ. Những gì là ba? Đó là tham dục, nếu có người nào tập pháp này, ban đầu không chán đủ. Hoặc lại có người tập uống rượu, ban đầu không chán đủ. Hoặc lại có người tập ngủ nghỉ, ban đầu không chán đủ.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có người tập ba pháp này, ban đầu không chán đủ, lại cũng không thể đến nơi diệt tận.

Cho nên, Tỳ-kheo, thường phải lìa bỏ ba pháp này, không gần gũi nó.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Cúng dường, ba thiện căn
Ba thọ, ba khuất lộ
Tướng, pháp, ba bất giác
Mến yêu, xuân, không đủ.

---

54. *TNM: Thường hành bất tịnh quán.*

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 13

Phẩm 23: ĐỊA CHỦ

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bảo các quần thần:

–Các ngươi hãy mau chỉnh bị xe có gắn lông chim[1]. Ta muốn đến chỗ Đức Thế Tôn, lễ bái thăm hỏi.

Tả hữu vâng lệnh vua, chỉnh bị xe có gắn lông chim* xong, liền tâu vua:

–Đã chuẩn bị xong, nay đã đến lúc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc liền lên xe có gắn lông chim*, có vài ngàn người đi bộ và cỡi ngựa, vây quanh trước sau, ra khỏi nước Xá-vệ, đến tinh xá Kỳ hoàn, đến chỗ Đức Thế Tôn. Như phép của các vua, cởi bỏ năm món nghi trượng, đó là lọng, mũ, kiếm, giày và quạt vàng[2], để hết một bên, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết cho pháp thâm diệu cho vua, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Vua Ba-tư-nặc sau khi nghe thuyết pháp, bạch Thế Tôn:

–Cúi mong Đức Thế Tôn nhận thỉnh cầu ba tháng[3] của con, cùng Tỳ-kheo Tăng không ở nơi khác.

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu của vua Ba-tư-nặc. Khi vua Ba-tư-nặc thấy Đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, rồi lui đi.

Về đến thành Xá-vệ, vua ra lệnh các quần thần:

---

1. Vua bảo chi xa 羽寶之車, xem cht. kinh số 11, phẩm 19 trên.

2. Hán: Kim phất 金拂, quạt lông cán bằng vàng.

3. Tam nguyệt thỉnh 三月請, thỉnh cầu ba tháng an cư mùa mưa.

–Ta muốn cúng dường phạn thực cho Phật và Tỳ-kheo Tăng ba tháng, cung cấp những vật cần dùng, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, các khanh cũng nên phát tâm hoan hỷ.

Quần thần đáp:

–Xin vâng.

Vua Ba-tư-nặc cho xây dựng đại giảng đường ở ngoài cửa cung, cực kỳ đẹp đẽ, treo lụa là, tràng phan, dù lọng, trổi nhạc hát múa, không thể kể. Lập các hồ tắm, bày biện nhiều đèn dầu, dọn nhiều thức ăn, có đến trăm vị. Rồi vua Ba-tư-nặc liền đến bạch:

–Đã đến giờ, cúi xin Đức Thế Tôn quang lâm đến nơi này.

Bấy giờ Thế Tôn thấy đã đến giờ, đắp y cầm bát, dẫn các Tỳ-kheo Tăng, vây quanh trước sau, vào thành Xá-vệ, đến chỗ giảng đường kia. Đến rồi, vào chỗ ngồi mà ngồi và các Tỳ-kheo Tăng theo thứ tự cũng ngồi.

Khi đó, vua Ba-tư-nặc hướng dẫn các cung nhân, tự tay mang thức ăn và cung cấp những thứ cần dùng, cho đến ba tháng không mà không có gì thiếu hụt; cung cấp các thứ áo chăn, cơm nước, giường chiếu, thuốc trị bệnh.

Thấy Thế Tôn ăn xong, vua đem các thứ hoa rải lên Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng, rồi lấy ghế nhỏ ngồi ở trước Như Lai, bạch Thế Tôn:

–Con đã từng nghe từ Phật, do nhờ nhân duyên bố thí cho súc sinh ăn mà được phước gấp trăm; cho người phạm giới ăn được phước gấp ngàn; cho người trì giới ăn được phước gấp vạn; cho Tiên nhân đoạn dục ăn được phước gấp ức; cho vị Tu-đà-hoàn hướng ăn được phước không thể tính kể, huống lại là vị thành Tu-đà-hoàn ư? Huống chi là vị hướng Tư-đà-hàm đắc quả Tư-đà-hàm, huống chi vị hướng A-na-hàm đắc quả A-na-hàm, huống chi vị A-la-hán hướng, đắc A-la-hán quả, huống chi vị Bích-chi-phật hướng, đắc Bích-chi-phật quả, huống chi bậc hướng Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, huống chi bậc thành Phật và Tỳ-kheo Tăng, công đức phước báu đó không thể tính kể. Những việc làm công đức hiện tại của con, hôm nay đã xong.

Thế Tôn bảo:

–Đại vương, chớ nói như vậy! Làm phước không nhàm chán, sao hôm nay lại nói đã làm xong? Vì sao như vậy? Vì sinh tử lâu dài không thể kể.

Quá khứ lâu xa có vua tên là Địa Chủ, thống lãnh cõi Diêm-phù này. Vua đó có vị đại thần tên là Thiện Minh, ngay từ thiếu thời đã quanh quẩn bên vua không hề sợ khó. Sau đó, vua kia chia nửa cõi

Diêm-phù cho vị đại thần đó trị. Khi đó, tiểu vương Thiện Minh tự xây thành quách, dọc mười hai do-tuần, ngang bảy do-tuần, đất đai phì nhiêu, nhân dân đông đúc.

Bấy giờ, thành đó tên là Viễn chiếu. Đệ nhất phu nhân của vua Thiện Minh tên là Nhật Nguyệt Quang, không cao, không thấp, không mập, không gầy, không trắng, không đen, nhan sắc xinh đẹp, hiếm có trên đời, miệng tỏa mùi hương hoa ưu-bát, thân thơm hương chiên-đàn. Một thời gian sau, bà mang thai. Vị phu nhân đó liền đến tâu vua rằng: "Nay thần thiếp có thai."

Vua nghe lời này, vui mừng hớn hở, không thể kiềm được, liền sai kẻ hầu cận, bày biện giường chiếu cực kỳ khoái lạc. Phu nhân mang thai đủ ngày, sinh một nam nhi. Lúc đương sinh, đất cõi Diêm-phù hiện rực sáng màu vàng, tướng mạo đoan chánh, đủ ba mươi hai tướng tốt, thân thể sắc vàng. Đại vương Thiện Minh thấy thái tử này, hoan hỷ phấn khởi, mừng rỡ khôn lường, liền triệu các thầy đạo sĩ Bà-la-môn, tự bồng thái tử để họ xem tướng: "Nay ta đã sinh thái tử. Các khanh hãy xem tướng giúp ta, rồi đặt cho tên."

Khi đó, các thầy tướng vâng lệnh vua. Họ cùng bồng, xem xét tướng mạo, rồi cùng nhau tâu vua: "Thánh vương thái tử đoan chánh vô song. Các căn đầy đủ. Có ba mươi hai tướng tốt. Nay vương tử này, sẽ có hai đường hướng: Nếu ở nhà sẽ làm Chuyển luân thánh vương, đầy đủ bảy báu. Bảy báu gồm có: Bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Đó là bảy báu. Vua sẽ có một ngàn người con, dũng mãnh cang cường, có thể dẹp quân địch, ở trong bốn biển này, không cần đao trượng mà tự nhiên khuất phục. Hoặc vương tử này sẽ xuất gia học đạo, thành Vô thượng Chánh giác, danh đức vang xa, khắp cả thế giới. Ngay ngày sinh vương tử này, ánh sáng chiếu xa, nay đặt tên vương tử là Đăng Quang."

Các thầy tướng sau khi đặt tên xong, họ rời chỗ ngồi mà đi.

Nhà vua suốt ngày bồng thái tử, không hề rời mắt. Lúc này, vua xây cho vương tử này ba giảng đường thích hợp với ba mùa Thu, Đông và Hạ. Cung nhân thể nữ đầy cả trong cung. Rồi để cho thái tử của ông ở đó vui chơi.

Khi vương thái tử được hai mươi chín tuổi, bằng tín tâm kiên cố, xuất gia học đạo. Ngày xuất gia, ngay đêm đó thành Phật.

Bấy giờ, khắp cõi Diêm-phù-đề đều nghe biết, thái tử của vua kia xuất gia học đạo, ngay ngày ấy thành Phật. Sáng sớm phụ vương nghe vương thái tử xuất gia học đạo, ngay đêm đó thành Phật. Vua liền nghĩ

rằng: "Đêm qua ta nghe chư Thiên trên không thảy đều ca tụng tốt lành. Đây tất là điềm lành, chứ không phải là tiếng vang xấu. Nay ta hãy đi gặp gỡ."

Rồi vua dẫn bốn mươi ức nam nữ vây quanh, đi đến chỗ Như Lai Đăng Quang. Đến nơi, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bốn mươi ức người cũng làm lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi đó Như Lai lần lượt thuyết các đề tài vi diệu cho phụ vương và bốn mươi ức người. Các đề tài đó là luận về thí, luận về giới, luận về sinh Thiên, dục là ô uế, là hữu lậu, là hạnh bất tịnh, xuất gia là con đường xuất yếu, đạt được quả báo thanh tịnh.

Bấy giờ, Như Lai quán sát tâm ý của chúng sinh này, tâm tánh đã hòa dịu, bèn như pháp mà chư Phật Như Lai thường thuyết, nói về Khổ, Tập, Diệt, Đạo; Ngài cũng vì bốn mươi ức người mà nói rộng hết nghĩa này. Ngay trên chỗ ngồi, họ sạch hết các trần cấu, được Pháp nhãn tịnh. Khi đó, bốn mươi ức người bạch Đức Đăng Quang Như Lai: "Chúng con muốn cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo."

Đại vương nên biết, bấy giờ, hết thảy bốn mươi ức người được xuất gia học đạo, ngay trong ngày đó thảy đều thành A-la-hán.

Bấy giờ, Đức Như Lai Đăng Quang dẫn bốn mươi ức người đều là bậc Vô trước[4], du hành trong nước này. Nhân dân trong nước cúng dường tứ sự, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, không thiếu hụt một thứ gì.

Khi đó, Đại vương Địa Chủ nghe Đăng Quang thành Vô thượng Chánh chân, Đẳng chánh giác, đang dẫn bốn mươi ức người đều là bậc Vô trước, du hành trong nước kia. Vua nghĩ: "Nay ta sai tín sứ đến thỉnh Như Lai sang du hóa ở đây. Nếu ngài đến, bản nguyện của ta thỏa mãn. Nếu không đến, ta đích thân đến lễ lạy, thăm hỏi."

Vua liền sai một vị đại thần: "Ngươi đến đó, nhân danh ta đảnh lễ sát chân, thăm hỏi Như Lai, đời sống có nhẹ nhàng, đi đứng có mạnh khỏe không? Hãy thưa: Vua Địa Chủ thăm hỏi Như Lai, đời sống có nhẹ nhàng, đi đứng có mạnh khỏe không? Cúi xin Thế Tôn chiếu cố chốn này."

Bấy giờ, người đó vâng lệnh vua đi đến đất nước kia. Đến nơi, đảnh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, thưa như vầy: "Đại vương Địa Chủ lễ sát chân Như Lai. Lễ xong thăm hỏi đời sống có nhẹ nhàng, đi đứng có mạnh khỏe không? Cúi xin Thế Tôn chiếu cố nước này."

---

[4]. Vô trước 無著, dịch nghĩa từ A-la-hán.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu ấy. Rồi Như Lai Đăng Quang dẫn đại chúng, lần lượt du hành trong dân gian, cùng với bốn mươi ức đại Tỳ-kheo, ở bất kỳ nơi nào cũng đều được cung kính, cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, tọa cụ, thuốc men trị bệnh. Như Lai và đại chúng đi lần đến nước Địa Chủ. Đại vương Địa Chủ nghe Đăng Quang Như Lai đến nước mình, hiện đang ở trong vườn Bà-la phía Bắc, dẫn bốn mươi ức đại Tỳ-kheo. Vua nghĩ: "Nay ta nên đích thân đến nghênh đón."

Khi đó, Đại vương Địa Chủ cũng lại dẫn bốn mươi ức người đến chỗ Đức Như Lai Đăng Quang. Đến nơi, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bốn mươi ức người lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Như Lai Đăng Quang lần lượt trực tiếp nói các đề tài vi diệu cho vua cùng với bốn mươi ức người nghe. Ngài nói về thí, về giới, về sinh Thiên, về dục là ô uế, là hữu lậu, là hạnh bất tịnh, xuất gia là con đường xuất yếu, đạt được quả báo thanh tịnh.

Như Lai quán sát tâm ý của chúng sinh này, tâm tánh đã hòa dịu, bèn như pháp mà chư Phật Như Lai thường thuyết, nói về Khổ, Tập, Diệt, Đạo; Ngài cũng vì bốn mươi ức người mà nói rộng hết nghĩa này. Ngay trên chỗ ngồi, họ sạch hết các trần cấu, được Pháp nhãn tịnh. Khi đó bốn mươi ức người bạch Như Lai Đăng Quang rằng: "Chúng con có ý muốn cạo bảo râu tóc, xuất gia học đạo."

Đại vương nên biết, bấy giờ cả thảy bốn mươi ức người đều được xuất gia học đạo. Ngay ngày hôm ấy, họ thảy đều đắc đạo, thành A-la-hán. Khi đó quốc vương Địa Chủ từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt lễ sát chân Phật rồi lui ra.

Bấy giờ, Như Lai Đăng Quang dẫn tám mươi vạn ức người đều là A-la-hán, du hành trong nước. Nhân dân trong nước cúng dường tứ sự, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men chữa bệnh, cung cấp mọi thứ, không gì thiếu hụt.

Thời gian sau, quốc vương Địa Chủ lại dẫn các quần thần đến chỗ Đức Như Lai đó, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi đó, Đức Như Lai Đăng Quang vì quốc vương kia thuyết pháp vi diệu. Quốc vương Địa Chủ bạch Đức Như Lai rằng: "Cúi xin Đức Thế Tôn cho con được suốt đời cúng dường Ngài và Tỳ-kheo Tăng, cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, sẽ không có gì thiếu hụt."

Bấy giờ, Như Lai Đăng Quang im lặng nhận lời thỉnh cầu của vua kia. Khi vua thấy Đức Phật im lặng nhận thỉnh, lại tiếp bạch Thế Tôn:

"Nay con có điều cầu nguyện từ Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn chấp nhận."

Thế Tôn bảo: "Pháp của Như Lai siêu quá nguyện này[5]."

Vua bạch Thế Tôn: "Nguyện cầu của con hôm nay rất là tịnh diệu."

Thế Tôn bảo: "Những điều nguyện cầu tịnh diệu ấy là gì?"

Vua bạch Thế Tôn: "Như ý của con, hôm nay chúng Tăng ăn bằng bát này, ngày mai ăn dùng bát khác; hôm nay chúng Tăng mặc y phục này, ngày mai mặc y phục khác; hôm nay chúng Tăng ngồi tòa này, ngày mai ngồi tòa khác; hôm nay sai người này đến hầu chúng Tăng, ngày mai thay đổi người khác đến hầu chúng Tăng. Những điều mà con cầu mong chính là như vậy."

Như Lai Đăng Quang bảo: "Tùy ý nguyện của vua. Nay là lúc thích hợp."

Đại vương Địa Chủ vui mừng hớn hở không thể tự kiềm chế, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, rồi lui trở về cung.

Về đến nơi, vua bảo các quần thần: "Nay ta phát tâm trọn đời cúng dường Như Lai Đăng Quang, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác và chúng Tỳ-kheo, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Ta khuyên các khanh cũng nên giúp ta lo việc cúng dường."

Các đại thần đáp: "Như lời đại vương dạy."

Cách thành không bao xa, trong vòng một do-tuần, vua cho xây dựng giảng đường chạm trổ điêu khắc, năm màu rực rỡ, treo màn, tràng phan, dù lọng, trỗi nhạc hát múa, rưới hương trên đất, sửa sang hồ tắm, bày đủ thứ đèn đuốc, sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống ngon ngọt, bày biện chỗ ngồi. Rồi đến cho biết đã đến giờ, bạch: "Bấy giờ, đã đúng giờ, xin Thế Tôn chiếu cố."

Như Lai biết đã đến giờ, mặc y cầm bát, dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh, đi đến chỗ giảng đường. Mọi người ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Khi đại vương Địa Chủ thấy Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng ngồi xong, dẫn cung nhân thể nữ và các quan đại thần, tự tay rót nước, bưng sớt nhiều đồ ăn thức uống, có đến trăm vị.

Đại vương nên biết, khi ấy quốc vương Địa Chủ cúng dường Như

---

[5] *Thành ngữ, định cú, trước khi Phật hứa khả điều thỉnh nguyện. Xem Tứ Phần 10 (T22n1428, tr. 629b1); Thập Tụng 27, (tr. 195c17). Pāli, Vin. i. 292 atikkantavārā kho… thāgatā, các Đức Như Lai siêu quá các ước nguyện.*

Lai Đăng Quang và tám mươi ức vị A-la-hán trong vòng bảy vạn năm, chưa từng lười bỏ. Khi Đức Như Lai đó giáo hóa khắp tất cả xong, bèn nhập Niết-bàn ở trong Vô dư Niết-bàn giới.

Khi đó, đại vương Địa Chủ dùng hàng trăm thứ hoa thơm cúng dường. Rồi ở các ngã tư đường dựng bốn tháp lớn. Mỗi tháp được làm bằng bảy báu, vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh; treo lụa, phướn, dù lọng. Tám mươi ức A-la-hán cũng lần lượt nhập Niết-bàn ở trong Vô dư Niết-bàn giới. Bấy giờ đại vương thâu lấy xá-lợi của tám mươi ức vị đó, thảy đều xây tháp, treo lụa, phướn, dù lọng, cúng dường hoa thơm.

Đại vương nên biết, bấy giờ đại vương Địa Chủ lại cúng dường tháp Như Lai Đăng Quang và tám mươi ức A-la-hán. Rồi trải qua bảy vạn năm, tùy thời cúng dường, đốt đèn, rải hoa, treo lụa, phan, cái.

Đại vương nên biết, giáo pháp Như Lai Đăng Quang truyền lại bị diệt tận, sau đó vị vua này mới diệt độ.

Đại vương Địa Chủ lúc bấy giờ há là ai khác chăng? Đừng nghĩ vậy, Vì sao? Đại vương Địa Chủ lúc bấy giờ chính là thân ta. Ta lúc bấy giờ, trong bảy vạn năm, đem các thứ y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, cúng dường Phật đó, không để giảm thiếu. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, lại trong bảy vạn năm cúng dường hình tượng xá-lợi, thắp hương, đốt đèn, treo lụa, phướn, dù lọng, không thứ gì thiết hụt. Vào lúc bấy giờ, Ta đem công đức này cầu hưởng phước lành trong sinh tử, không cầu giải thoát.

Đại vương nên biết, phước lành có được lúc bấy giờ, nay có còn lại gì chăng? Đừng nghĩ vậy! Như hôm nay Ta xem thấy sự giàu có kia không còn mảy may nào như lông tóc. Vì sao? Sinh tử triền miên không thể kể được, ở trong đó tất đã hưởng hết phước, không còn mảy may nào như sợi tóc. Cho nên Đại vương đừng nói như vầy: "Phước lành mà ta làm hôm nay đã xong." Đại vương nên nói như vầy: "Những gì tôi đã làm bằng thân, miệng, ý hôm nay, hết thảy để cầu giải thoát, chứ không cầu hưởng phước nghiệp kia ở trong sinh tử. Như thế sẽ lâu dài được an ổn vô lượng."

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc trong lòng kinh sợ, áo lông dựng đứng, thương khóc lẫn lộn, lấy tay gạt nước mắt, đảnh lễ sát chân Thế Tôn, tự trình bày tội trạng:

–Con như ngu si, như khờ dại, không hiểu biết gì hết. Cúi xin Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con. Nay con năm vóc gieo sát đất, sửa đổi những lỗi lầm đã qua, không tái phạm những lời này nữa. Cúi mong Đức Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con.

Ba lần như vậy.

Đức Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay, Đại vương! Nay ở trước Như Lai sám hối sự phi pháp của mình, đổi lỗi qua, tu sửa về sau. Nay Ta nhận sự sám hối lỗi của vua. Chớ có tái phạm nữa.

Bấy giờ ở trong đại chúng, có Tỳ-kheo-ni tên là Ca-chiên-diên, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, bạch Đức Thế Tôn:

–Những gì Thế Tôn dạy hôm nay rất là vi diệu. Lại nữa, Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc rằng: "Đại vương nên biết, những hành vi gì đã làm bằng thân, khẩu, ý là để cầu giải thoát, chớ đừng cầu hưởng phước nghiệp ở trong vòng sinh tử, như vậy sẽ lâu dài được an ổn vô lượng." Sự thật là như vậy. Vì con[6] nhớ lại ba mươi mốt kiếp về trước đã từng dâng cơm cho Như Lai Thí-cật[7], Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, Minh Hạnh Túc[8], Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Chúng hựu, bấy giờ du hóa ở thế giới Dã mã[9].

Bấy giờ, Đức Phật đó, đến giờ, đắp y cầm bát vào thành Dã mã khất thực. Trong thành có một người làm thuê tên là Thuần Hắc. Khi người làm thuê kia thấy Đức Như Lai cầm bát vào thành khất thực, liền tự nghĩ: "Nay Đức Như Lai vào thành, ắt cần ăn uống." Liền chạy vào nhà lấy thức ăn ra cúng cho Như Lai và phát lời nguyện này: "Bằng công đức này, tôi sẽ khỏi đọa trong ba đường dữ. Mong cho tôi đời sau cũng gặp vị như Thánh tôn này, cũng sẽ mong Thánh tôn kia thuyết pháp cho tôi, để được giải thoát."

Thế Tôn và vua Ba-tư-nặc cũng biết điều này. Người làm thuê Thuần Hắc lúc bấy giờ há là ai khác chăng? Chớ có xem vậy! Vì sao? Người làm thuê Thuần Hắc lúc bấy giờ, chính là thân con. Con lúc đó cúng cơm cho Như Lai Thí-cật, phát thệ nguyện này: "Bằng công đức này, tôi sẽ khỏi đọa trong ba đường dữ. Mong cho tôi đời sau cũng gặp vị như Thánh tôn này, cũng sẽ mong Thánh tôn kia thuyết pháp cho tôi, để được giải thoát." Con trong ba mươi mốt kiếp không đọa vào ba đường dữ, sinh trong trời người, cuối cùng hôm nay nhận thân phần này, gặp gỡ Thánh tôn được xuất gia học đạo, tận trừ hữu lậu, thành A-

---

6. Tự xưng của Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên.

7. Để bản: Phạn thức cật 飯式詰。TNM: Hữu thức khí 有式詰。Thường nói là Phật Thi-khí. Pāli: Sikhi-buddha. Nhưng có thể không hoàn toàn đồng nhất.

8. Nguyên Hán: Minh hạnh thành.

9. Dã mã thế giới 野馬世界。Skt. Marīcika-lokadhātu; cf. Div. 52.5.

la-hán. Như những gì Thế Tôn thuyết rất là vi diệu.

Rồi cô nói với vua Ba-tư-nặc:

–Những gì được làm bởi thân, khẩu, ý đều để cầu giải thoát, chẳng cầu hưởng phước nghiệp ở trong vòng sinh tử. Nếu khi tôi gặp Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào tỏ tâm ý hoan hỷ hướng đến Như Lai, tôi liền nghĩ như vầy: "Các Hiền sĩ này dụng ý như không ái kính cung phụng Như Lai." Nếu tôi gặp bốn bộ chúng, liền đến bảo: "Này các bạn, cần vật gì? Y bát chăng? Ni-sư-đàn chăng? Ống kim chăng? Chậu rửa chăng? Và những thứ đồ dùng khác của Sa-môn, tôi sẽ cung cấp hết." Tôi đã hứa vậy rồi, khất cầu khắp nơi. Nếu tôi được, thì đó là đại hạnh. Nếu không được, tôi đến Uất-đơn-việt, Cù-da-ni, Phất-vu-đệ tìm kiếm cầu cho. Vì sao? Vì đều do bốn bộ chúng này mà được đạo Niết-bàn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn quán sát tâm Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên này, liền bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông có thấy ai có tín tâm giải thoát như Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên này không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Không thấy, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo:

–Trong số Thanh văn của Ta, người có tín giải thoát đệ nhất trong các Tỳ-kheo-ni chính là Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên.

Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên và vua Ba-tư-nặc sau khi nghe Phật thuyết pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Tôn giả Bà-câu-lư ở tại một eo núi chắp vá y cũ. Khi đó Thích Đề-hoàn Nhân từ xa thấy Tôn giả Bà-câu-lưu[10] ở tại một eo núi, đang vá y cũ. Thấy vậy, ông nghĩ thầm: "Tôn giả Bà-câu-lưu này đã

---

[10]. Bà-câu-lư 婆拘盧; xem kinh số 5 phẩm 4: Bà-câu-la 婆拘羅。Pāli: Bakkula (Bākula).

thành A-la-hán, các trói buộc đã mở, sống lâu vô lượng, hằng tự hàng phục, tư duy vô thường, khổ, không, vô ngã, không vướng việc đời, lại cũng không thuyết pháp cho người khác, tịch lặng tự tu giống như dị học ngoại đạo. Không rõ Tôn giả này có thể vì người khác thuyết pháp cho người khác hay là không kham nổi? Nay ta nên thử xem."

Bấy giờ, Thiên đế Thích biến mất khỏi trời Tam thập tam, hiện đến núi Kỳ-xà-quật, đứng ở trước Tôn giả Bà-câu-lư. Sau khi đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ này:

Thuyết được người trí khen
Vì sao không thuyết pháp
Phá kết, được hạnh Thánh
Sao lại trụ lặng im.

Tôn giả Bà-câu-lư đáp Thích Đề-hoàn Nhân bằng bài kệ này :

Có Phật, Xá-lợi-phất
A-nan, Quân-đầu[11], *Bàn*[12]
Và cùng các Tôn trưởng
Khéo hay nói pháp mầu.

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân bạch Tôn giả Bà-câu-lư:

–Căn của chúng sinh có nhiều loại khác nhau. Song ngài nên biết, Thế Tôn cũng nói chủng loại chúng sinh nhiều hơn bụi đất, vì sao Tôn giả Bà-câu-lư không vì người khác mà thuyết pháp?

Bà-câu-lư đáp:

–Chủng loại chúng sinh khó có thể hiểu biết. Thế giới có nhiều quốc độ không giống nhau, thảy đều chấp trước ngã sở, phi ngã sở. Nay tôi sau khi quán sát nghĩa này, không thuyết pháp cho mọi người.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Xin ngài nói cho tôi nghe nghĩa của ngã sở, phi ngã sở.

Tôn giả Bà-câu-lư nói:

–Ta, người, thọ mạng[13], hoặc nam, hoặc nữ, con người[14], các loại ấy thảy đều y nơi mạng này mà tồn tại. Nhưng, lại nữa, này Câu-dực, Thế Tôn cũng nói: "Tỳ-kheo nên biết, nên tự nỗ lực, không khởi tà

---

11. Quân-đầu 均頭, có lẽ Quân-đầu-bà-mạc; xem kinh số 3 phẩm 4. Pāli: Kuṇḍadhāna.

12. Bàn, có lẽ chỉ Bàn-đặc 槃特。Xem kinh số 6 phẩm 4. Pāli: Mahā-Panthaka.

13. Ngã, nhân, thọ mạng 我人壽命 : Các từ chỉ tự ngã, tương đương Pāli: Attā (tự ngã), puggala (nhân cách), jīva (sinh hồn).

14. Hán: Sĩ phu 士夫 。Pāli: Purusa, khái niệm phổ quát về con người.

pháp, cũng nên im lặng như Thánh hiền. Tôi sau khi quán sát nghĩa này, bèn im lặng."

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân từ xa hướng về Thế Tôn chắp tay, nói kệ này:

Quy mạng Đấng Mười Lực
Sáng tròn không mù che
Vì khắp cả mọi người
Người này thật kỳ lạ.

Tôn giả Bà-câu-lư đáp:

–Tại sao Đế Thích nói như vầy: "Người này thật kỳ lạ?"

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Tôi nhớ ngày xưa đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi lễ sát chân Thế Tôn rồi hỏi nghĩa này: "Loài trời, người, có tưởng niệm gì?" Bấy giờ Thế Tôn bảo tôi: "Thế giới này ngần ấy loại, tất cả đều sai khác nhau, nguồn gốc không đồng." Tôi nghe những lời này rồi, liền đáp: "Đúng vậy, Thế Tôn! Đúng như những lời Thế Tôn đã nói. Thế giới ngần ấy loại, mỗi mỗi đều không đồng. Có thể chăng, nếu thuyết pháp cho chúng sinh kia, thảy đều thọ trì và có người thành quả Thánh! Vì vậy nên tôi nói: "Người này thật lạ kỳ!" Song những gì Tôn giả Bà-câu-lư nói đã nói, cũng lại như vậy: "Thế giới ngần ấy loại, mỗi mỗi không đồng."

Rồi Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ thầm: "Tôn giả này có khả năng thuyết pháp cho người, chứ không phải không thể." Rồi Thích Đề-hoàn Nhân từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những gì Tôn giả Bà-câu-lư thuyết, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3[15]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở cạnh hồ Lôi thanh[16], nước Chiêm-bà[17].

---

15. Tham chiếu, Pāli, A IV 55 Soṇa (R. iii. 375). Hán, Trung 29 (T1n26, tr. 611c28); Tạp 9 (T2n99, tr. 62b22).

16. Lôi thanh trì. Pāli: Gaggarā-pokkharaṇī, một ao sen ở CamPā.

17. Chiêm-ba 占波。Pāli: CamPā. Cf. Pāli, ibid. Phật trú tại Rājagaha, trên Gijjhakūṭa. Trung 29, Phật tại Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ[18] sống một nơi vắng, tự tu gốc pháp, không bỏ mười hai pháp hạnh Đầu-đà, đêm ngày kinh hành, không lìa giáo lý ba mươi bảy Phẩm trợ đạo. Hoặc ngồi, hoặc đi, thường tu chánh pháp. Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, thường tự cố gắng không bỏ một giây. Song tâm vẫn không được giải thoát khỏi dục, các pháp hữu lậu.

Lúc bấy giờ, chỗ mà Tôn giả Thập Nhị Ức Nhĩ kinh hành, máu từ bàn chân bị nát chảy đầy tràn cả lề đường, giống như chỗ mổ trâu. Quạ, diều đến ăn máu. Song tâm vẫn không được giải thoát khỏi dục, các pháp hữu lậu. Rồi Tôn giả Nhị Thập Ức tự nghĩ: "Trong những người đệ tử khổ hành tinh tấn của Đức Phật Thích-ca, ta là người đứng đầu. Song nay tâm của ta vẫn không được giải thoát khỏi các lậu. Vả lại, gia nghiệp ta nhiều tiền của. Ta nên xả bỏ pháp phục, trở về làm bạch y, đem tiền của bố thí rộng rãi. Chứ làm Sa-môn như hiện nay thật khó, không dễ."

Bấy giờ, Thế Tôn từ xa biết được những gì Nhị Thập Ức Nhĩ suy nghĩ, liền lướt qua hư không mà đi, đến chỗ Tôn giả kinh hành, trải tọa cụ mà ngồi. Khi đó, Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ đến trước chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ:

–Vừa rồi ông vì cớ gì mà nghĩ rằng: "Trong những người đệ tử khổ hành tinh tấn của Đức Phật Thích-ca, ta là người đứng đầu. Song nay tâm của ta vẫn không được giải thoát khỏi các lậu. Vả lại, gia nghiệp ta nhiều tiền của. Ta nên xả bỏ pháp phục, trở về làm bạch y, đem tiền của bố thí rộng rãi. Chứ làm Sa-môn như hiện nay thật khó, không dễ"?

Nhị Thập Ức Nhĩ đáp:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Nay Ta hỏi lại ông, ông tùy đó trả lời Ta. Thế nào, Nhị Thập Ức Nhĩ, trước kia khi còn tại gia ông giỏi khảy đàn chăng?

Nhị Thập Ức Nhĩ đáp:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn. Trước kia khi còn tại gia con khảy đàn rất giỏi.

Thế Tôn bảo:

---

[18] Nhị Thập Ức Nhĩ 二十億耳。Truyện kể chi tiết, xem Tứ Phần 38 (T22n1428, 843b12 tt), Nhân Duyên Thủ-lung-na 守籠那。Pāli: Soṇa Koḷivīsa.

–Thế nào, Nhị Thập Ức Nhĩ, nếu dây đàn căng quá thì âm hưởng không đều. Khi đó tiếng đàn nghe có hay không?

Nhị Thập Ức Nhĩ đáp :

–Thưa không, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, Nhị Thập Ức Nhĩ, nếu dây đàn lại chùng, khi đó tiếng đàn nghe có hay không?

Nhị thập Ức Nhĩ đáp:

–Thưa không, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, Nhị Thập Ức Nhĩ, nếu dây đàn không căng không chùng, khi đó âm đàn nghe có hay không?

Nhị Thập Ức Nhĩ đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn. Nếu dây đàn không chùng, không căng, lúc ấy âm đàn nghe rất hay.

Thế Tôn bảo:

–Ở đây cũng như vậy. Quá tinh tấn, cũng bằng như trạo cử[19]. Nếu lười biếng, đây sẽ rơi vào tà kiến. Nếu có thể ở giữa, đó là hành bậc thượng. Như vậy không lâu sẽ thành người vô lậu.

Thế Tôn sau khi thuyết pháp vi diệu cho Tỳ-kheo Nhị Thập Ức Nhĩ xong, trở về bên bờ hồ Lôi âm[20].

Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ suy nghĩ những gì Thế Tôn đã dạy bảo, ở nơi nhàn tịnh, liên tục không ngừng tu hành pháp đó, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến như thật biết rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa." Tôn giả Nhị Thập Ức Nhĩ đã thành A-la-hán.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Đệ tử siêng năng, đệ nhất khổ hành trong hàng Thanh văn của Ta chính là Nhị Thập Ức Nhĩ[21].

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

---

19. Nguyên Hán: Điệu hý 調戲。

20. Lôi âm 雷音, đầu kinh nói Lôi thanh.

21. Xem trên, kinh số 2, phẩm 4. Pāli, A I 14.2 (R. i. 23): Āraddhavīriyānaṃ yadidaṃ soṇo Koḷivīso.

-oOo-

Kinh số 4[22]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, ở trong thành Xá-vệ, trưởng giả Sa-đề[23] mắc bệnh, mạng chung. Nhưng trưởng giả đó không có con cái, nên mọi tài bảo đều nhập hết vào cung.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc người dính đầy bụi bặm, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi vua:

–Đại vương, vì sao đi đến Ta với thân hình đầy bụi bặm?

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

–Trong thành Xá-vệ này có trưởng giả tên là Bà-đề, hôm nay mạng chung. Ông không có con cái. Con tự thân đến trừng thâu tài sản, xử lý nhập cung. Riêng vàng ròng tám vạn cân, huống chi những tạp vật khác. Nhưng trưởng giả kia ngày còn sống, ăn những đồ ăn rất là tệ dở, không ăn thứ ngon. Những y phục ông mặc thì cáu bẩn, không sạch. Con ngựa kéo xe cho ông thật gầy yếu.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, đại vương! Như vua vừa nói. Phàm người tham lam keo kiết được tiền của này không dám ăn, không cho cha mẹ, vợ con, tớ hầu, nô tỳ. Cũng lại không cho bằng hữu quen biết. Cũng không cho Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng. Nếu người có trí có được tàng bảo này, thì hay huệ thí, cứu giúp rộng rãi, tất cả không chút gì luyến tiếc, cung cấp Sa-môn Bà-la-môn và các vị cao đức.

Khi đó vua Ba-tư-nặc hỏi:

–Trưởng giả Bà-đề này, mạng chung bị sinh vào chốn nào?

Thế Tôn bảo:

–Trưởng giả Bà-đề này, mạng chung sẽ sinh vào trong đại địa ngục Thế khốc[24]. Vì sao? Vì người này đoạn mất thiện căn, nên thân hoại mạng chung sinh vào trong địa ngục Thế khốc.

Vua Ba-tư-nặc hỏi:

---

22. Tham chiếu Pāli, S. 3. 20 Aputtaka (R. i. 91). Hán, Tạp 46 (T2n99, tr. 337b24).

23. Để bản: Bà-đề trưởng giả 婆提長者, phiên âm, nên đọc là sa. Pāli: Seṭṭhi-gahapati. Tạp 44: Trưởng giả tên Ma-ha-nam 摩訶男。

24. Thế khốc địa ngục 涕哭地獄; cũng gọi là Đề khốc hay Khiếu hoán 叫喚。Xem Trường 19 (T1n1, tr. 121c6, 123c29). Pāli: Roruva, cf. S. i. 30.

–Trưởng giả Bà-đề đoạn thiện căn sao?

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, đại vương! Như vua đã nói, trưởng giả kia đã đoạn mất thiện căn. Song trưởng giả kia phước cũ đã hết không tạo lại cái mới.

Vua Ba-tư-nặc hỏi:

–Trưởng giả kia còn sót lại phước nào không?

Thế Tôn bảo:

–Không, đại vương! Không còn sót mảy may nào tồn tại. Như người nhà nông kia chỉ thu mà không trồng, nên sau lại bị khốn cùng, dần dà cho đến chết. Vì sao? Vì chỉ tiêu sài sản nghiệp cũ mà không tạo mới. Trưởng giả này cũng như thế, chỉ hưởng phước cũ lại không tạo của mới. Đêm nay, trưởng giả này sẽ vào trong địa ngục Thế khốc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, trong lòng lo sợ, lau nước mắt mà thưa:

–Trưởng giả này ngày trước đã tạo ra công đức phước nghiệp gì mà được sinh vào nhà giàu có, lại đã tạo ra gốc rễ bất thiện nào mà không hưởng được của cải cực giàu này, cũng không vui thú trong ngũ dục?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc:

–Vào quá khứ xa xưa, thời Phật Ca-diếp, trưởng giả này ở trong thành Xá-vệ, là con nhà nông. Sau khi Đức Phật nhập diệt, có Bích-chi-phật xuất hiện ở đời, đến nhà của trưởng giả này. Khi trưởng giả này thấy Bích-chi-phật đứng ở trước cửa, liền tự nghĩ: "Như Tôn giả này xuất hiện ở đời rất khó. Nay ta hãy đem đồ ăn thức uống đến bố thí người này."

Bấy giờ trưởng giả bố thí cho vị Bích-chi-phật kia. Vị Bích-chi-phật này ăn xong, liền bay lên hư không mà đi.

Khi trưởng giả đó thấy vị Bích-chi-phật hiện thần túc, liền phát thệ nguyện như vầy: "Nguyện đem gốc thiện này, khiến cho đời đời sinh ở chỗ nào cũng không đọa vào ba đường dữ, thường nhiều của báu." Sau đó lại có tâm hối tiếc: "Những thức ăn vừa rồi đáng lẽ cho nô bộc chứ không cho đạo nhân đầu trọc này ăn." Trưởng giả nhà nông lúc đó há là người nào khác chăng? Chớ có nghĩ vậy. Trưởng giả nhà nông lúc đó, nay chính là trưởng giả Bà-đề này.

Khi đó thí xong, phát thệ nguyện này, do công đức này, ông sinh ra nơi cũng không đọa đường dữ, thường nhiều của, lắm báu, sinh nhà phú quý, không thiếu thốn một thứ gì. Nhưng sau khi đã bố thí, lại sinh tâm hối: "Đáng lẽ ta cho nô bộc ăn, chứ không cho đạo nhân trọc đầu

này ăn.”

Vì do nguyên nhân này, nên ông không hưởng được của cực giàu này, cũng không thích sống trong năm dục. Tự mình không cúng dường, lại không cho cha mẹ, anh em, vợ con, tớ hầu, bạn bè quen biết; không bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, các vị tôn trưởng. Chỉ hưởng nghiệp cũ mà không tạo cái mới. Đại vương, cho nên kẻ có trí được của cải này nên ban thí khắp, đừng có tiếc nuối, rồi sẽ được của cải vô số. Đại vương, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

–Từ nay về sau, con sẽ bố thí khắp cho Sa-môn, Bà-la-môn, chúng bốn bộ. Nhưng các dị học ngoại đạo đến cầu thực, con không thể cho.

Thế Tôn bảo:

–Đại vương, chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều do thức ăn mà tồn tại. Nếu không ăn thì sẽ bị chết.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ như vầy:

Nên niệm bố thí khắp
Mãi chẳng dứt tâm thí
Ắt sẽ gặp Hiền thánh
Độ nguồn sinh tử này.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Nay con lại càng rất hoan hỷ hướng về Như Lai. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều do thức ăn mà tồn tại, không ăn thì không tồn tại.

Khi đó, vua Ba-tư-nặc nói:

–Từ nay về sau con sẽ bố thí khắp, không có gì hối tiếc.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho vua Ba-tư-nặc xong, vua từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, rồi lui về.

Vua Ba-tư-nặc sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5[25]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả A-nan ở nơi nhàn tịnh, tự nghĩ như vầy: “Thế

[25] *Tham chiếu Pāli, A iii 79 Gandha (R. i. 225).*

gian có hương này chăng, hương ngược gió, hương xuôi gió, hương vừa ngược vừa xuôi gió[26]?"

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi ấy Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn rằng:

–Con ở nơi nhàn tịnh tự nghĩ: "Thế gian có hương này chăng, hương ngược gió, hương xuôi gió, hương vừa ngược vừa xuôi gió?"

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Có diệu hương này, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió.

A-nan bạch Thế Tôn:

–Đấy là loại hương nào, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió?

Thế Tôn bảo:

–Có loại hương này, mà hơi của nó là hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió.

A-nan bạch Phật:

–Đó là những hương nào, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió?

Thế Tôn bảo:

–Có ba loại hương này, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió.

A-nan bạch:

–Ba loại đó là những gì?

Thế Tôn bảo:

–Hương giới, hương văn, hương thí. Này A-nan, đó là có ba loại hương này, là hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió. Trong các loại hương thơm có được trong thế gian, ba loại hương này là tối thắng, tối thượng, không thứ gì sánh bằng, không thứ gì bì kịp. Cũng như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có tô, từ tô có đề hồ, nhưng đề hồ này là tối thắng, tối thượng, không thứ gì sánh bằng, không thứ gì bì kịp. Ở đây cũng vậy, trong các loại hương thơm có được trong thế gian, ba loại hương này là tối thắng, tối thượng, không thứ gì sánh bằng, không thứ gì bì kịp.

---

[26]. Pāli, ibid., ba loại hương này: Hương của rễ (mūlagandho), hương của lõi (sāragandho), hương của hoa (pupphagandho), chỉ thơm theo chiều. Có hương nào ngược gió cũng thơm, vừa ngược vừa xuôi gió cũng thơm?

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Mộc mật và chiên-đàn
Ưu-bát và các hương
Trong hết thảy hương này
Hương giới là tối thắng.
Thành tựu được giới này
Không dục, không bị nhiễm
Chánh trí mà giải thoát
Chỗ đi, ma chẳng biết.
Hương này tuy tuyệt diệu
Là các hương đàn, mật
Nhưng hương giới tối diệu
Mười phương đều nghe biết.
Chiên-đàn tuy có hương
Ưu-bát và các hương
Ở trong các hương này
Hương văn là đệ nhất.
Chiên-đàn tuy có hương
Ưu-bát và các hương
Ở trong các hương này
Hương thí là đệ nhất.

Đó gọi là có ba loại hương này, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió. Cho nên, này A-nan, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu ba hương này.

Này A-nan, hãy học điều này như vậy.

A-nan sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt, cùng với năm trăm đại Tỳ-kheo.

Đến giờ, Thế Tôn khoác y, cầm bát, vào thành La-duyệt khất thực. Khi đó, Đề-bà-đạt-đâu cũng vào thành khất thực. Khi Đề-bà-đạt-đâu vào ngõ hẻm, Phật cũng đến đó. Nhưng Phật từ xa thấy Đề-bà-đạt-đâu tới, liền muốn đi lui lại. A-nan bạch Thế Tôn:

–Vì sao Thế Tôn muốn tránh đi hẻm này?

Thế Tôn bảo:

–Đề-bà-đạt-đâu đang ở hẻm này, cho nên phải tránh đi.

A-nan bạch Phật:

–Thế Tôn há sợ Đề-bà-đạt-đâu sao?

Thế Tôn bảo:

–Ta không sợ Đề-bà-đạt-đâu, nhưng người xấu này không nên gặp gỡ.

A-nan bạch rằng:

–Nhưng, Thế Tôn có thể khiến Đề-bà-đạt-đâu này đi phương khác.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Ta trọn không tâm này
Khiến kia đi phương khác
Nơi đó y gây nghiệp
Tự tại theo ý mình.

A-nan bạch Thế Tôn:

–Nhưng Đề-bà-đạt-đâu có lỗi đối với Như Lai.

Thế Tôn bảo:

–Không nên gặp người ngu hoặc.

Khi đó Đức Thế Tôn quay sang A-nan mà nói kệ này:

Không nên gặp người ngu
Đừng a tòng người ngu
Cũng đừng cùng thảo luận
Tranh luận chuyện thị phi.

Khi đó, A-nan lại dùng kệ hỏi Thế Tôn:

Người ngu khả năng gì?
Người ngu có lỗi gì?
Giả sử cùng ngôn luận,
Kết cuộc thất thố gì?

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ này đáp:

Người ngu tự gây nghiệp
Việc làm đều phi pháp
Chánh kiến phản luật thường
Tà kiến ngày càng thêm.

Cho nên, này A-nan, chớ tùng sự với ác tri thức. Vì sao? Vì tùng

sự với người ngu, sẽ không có tín, không giới, không văn, không trí. Tùng sự Thiện tri thức càng tăng thêm công đức, giới được thành tựu đầy đủ.

Này A-nan, hãy học điều này như vậy.

A-nan sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt, cùng với năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ vua A-xà-thế thường xuyên cung cấp cho Đề-bà-đạt-đâu năm trăm chõ cơm. Lúc đó, Đề-bà-đạt-đâu danh vang bốn phương, giới đức trọn vẹn, danh xưng đầy đủ, mới có thể khiến cho vua hằng ngày đến cúng dường.

Khi các Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đâu đã được lợi dưỡng này, họ đến bạch Thế Tôn:

–Nhân dân trong nước ca ngợi Đề-bà-đạt-đâu nổi tiếng khắp nơi, mới khiến cho vua A-xà-thế thường xuyên đến cúng dường.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo các ông chớ ôm lòng ham muốn lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đâu này. Vì sao? Vì Đề-bà-đạt-đâu là người ngu gây ra ba sự này, các hành vi của thân, miệng, ý, nhưng không hề kinh sợ, cũng không sợ hãi. Như Đề-bà-đạt-đa hiện nay là người ngu nên tiêu hết các công đức thiện. Như bắt chó dữ mà đánh vào mũi nó, càng làm nó hung dữ thêm. Người ngu Đề-bà-đạt-đâu cũng như vậy, nhận lợi dưỡng này liền nổi lên cống cao. Cho nên, này các Tỳ-kheo, cũng đừng khởi lên ý tưởng đắm trước lợi dưỡng. Tỳ-kheo nào đắm trước lợi dưỡng thì không được ba pháp. Ba pháp gì? Đó là không thành tựu giới Hiền thánh, Tam-muội Hiền thánh, trí tuệ Hiền thánh. Tỳ-kheo nào không đắm vào lợi dưỡng thì sẽ được ba pháp. Ba pháp gì? Đó là thành tựu giới Hiền thánh, Tam-muội Hiền thánh, trí tuệ Hiền thánh. Nếu thành tựu được ba pháp này sẽ phát thiện tâm, không đắm vào lợi dưỡng.

Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba bất thiện căn này. Những gì là ba? Tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn[27]. Tỳ-kheo nào có ba gốc rễ bất thiện này sẽ bị đọa vào ba đường dữ. Những gì là ba? Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Như vậy, Tỳ-kheo, nếu người nào có ba gốc rễ bất thiện này thì sẽ có ba đường dữ.

Tỳ-kheo nên biết, có thiện căn này. Những gì là ba? Vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn[28]. Tỳ-kheo, đó gọi là có thiện căn. Người nào có ba gốc thiện này, liền có hai nẻo lành và Niết-bàn là ba. Những gì là hai nẻo lành? Đó là người và trời. Tỳ-kheo, đó gọi là ai có ba thiện này, sẽ sinh vào chỗ lành này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy lìa ba gốc rễ bất thiện, tu ba gốc rễ thiện.

Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba tụ này. Những gì là ba? Đó là chánh tụ[29], tà tụ, bất định tụ.[30]

---

27. Cf. Tập Dị 3 (T26n1536, tr. 376b12). Pāli, A III 69 (R. i. 201): Tīṇimāni akusalamūlāni: Lobho akusalamūlaṃ, doso akusalamūlaṃ, moho aku-salamūlaṃ.

28. Cf. Tạp Dị 3 (T26n1536, tr. 376c21) Pāli, Ibid. (R.i. 203): Tìṇimāni, bhikkhave, kusalamūlāni: Alobho kusalamūlaṃ, adoso kusalamūlaṃ, a-moho kusalamūlaṃ.

29. Nguyên Hán: Đẳng tụ 等聚。

30. Cf. Trường 8 (T1n1, tr. 50b18): Ba tụ: Chánh định tụ 正定聚, tà định tụ 邪定聚, bất định tụ 不定聚; Tập Dị 4 (T26n1536, tr. 381a1). Cf. D 27 Saṅgīti (R.iii. 217): Tayo rāsī–micchattaniyato rāsi, sammattaniyato rāsi, aniyato rāsi.

Sao gọi là chánh tụ*? Có đẳng kiến[31], đẳng trị, đẳng ngữ, đẳng nghiệp, đẳng mạng, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định. Đó gọi là chánh tụ.

Sao gọi là tà tụ? Nghĩa là có tà kiến, tà trị, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đó gọi là tà tụ.

Sao gọi là bất định tụ? Nghĩa là có chẳng biết Khổ, chẳng biết Tập, chẳng biết Tận, chẳng biết Đạo, chẳng biết đẳng tụ, chẳng biết tà tụ. Đó gọi là bất định tụ.

Các Tỳ-kheo nên biết, lại có ba tụ. Những gì là ba? Nghĩa là có thiện tụ, đẳng tụ, định tụ.

Sao gọi là thiện tụ? Chính là ba thiện căn. Những thiện căn nào? Vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn. Đó gọi là thiện tụ.

Sao gọi là đẳng tụ? Chính là tám Đạo phẩm của Hiền thánh gồm: Đẳng kiến, đẳng trị, đẳng ngữ, đẳng nghiệp, đẳng mạng, đẳng phương tiện, đẳng Tam-muội. Đó gọi là đẳng tụ.

Sao gọi là định tụ? Nghĩa là có biết Khổ, biết Tập, biết Tận, biết Đạo, biết thiện tụ, biết ác tụ[32], biết định tụ. Đó gọi là định tụ.

Cho nên, các Tỳ-kheo, ở trong ba tụ này, hãy tránh tà tụ và bất định tụ. Hãy phụng hành chánh tụ này.

Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba quán tưởng này. Những gì là ba? Quán dục tưởng, sân nhuế tưởng, sát hại tưởng[33]. Tỳ-kheo đó gọi là ba tưởng.

---

31. Đẳng kiến 等見。Trên kia, có chỗ nói là chánh kiến.

32. Để bản: Ác thú 惡趣.

33. Cf. Tập Dị 3 (T26n1536, tr. 377a26): Ba bất thiện tầm 三不善尋: Dục tầm 欲尋, nhuế tầm 恚尋, hại tầm 害尋。Cf. D 27 Saṅgīti (R.iii. 215): Tayo akusalavitakkā–kāmavitakko, byāpādavitakko, vihiṃsā-vitakko.

Tỳ-kheo nên biết, nếu người quán dục tưởng, khi mạng chung sẽ đọa vào địa ngục. Nếu quán sân nhuế tưởng, khi mạng chung sẽ sinh trong loài súc sinh, thuộc vào các loài gà, chó; sinh trong các loài rắn, trùng. Nếu quán hại tưởng, khi mạng chung sẽ sinh trong loài ngạ quỷ, thân hình bị thiêu đốt, đau khổ không thể kể được. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba tưởng này, sẽ sinh vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Lại có ba tưởng. Những gì là ba? Đó là tưởng xuất ly, tưởng không sát hại, tưởng không sân nhuế[34]. Nếu người nào có tưởng xuất ly, khi mạng chung sẽ sinh trong loài người. Nếu người nào có tưởng không sát hại, khi mạng chung sẽ sinh lên trời một cách tự nhiên. Nếu người nào có tưởng không sân nhuế, khi mạng chung, đoạn trừ năm kết sử, ở nơi kia[35] nhập Bát-niết-bàn. Tỳ-kheo đó gọi là ba tưởng, hãy thường niệm tu hành. Hãy xa lìa ba ác tưởng này.

Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Địa chủ, Bà-câu, Nhĩ,
Bà-đề, hương thuận nghịch
Ngu, thế, ba bất thiện,
Ba tụ, quán sau cùng.

❑

34. Cf. Tập Dị 3 (T26n1536, tr. 377b8): Ba thiện tầm 三善尋: Xuất ly tầm 出離尋, vô nhuế tầm 無恚尋, vô hại tầm 無害尋。Pāli, ibid., Tayo kusalavitakkā–nekkhammavitakko, abyāpādavitakko, avihiṃsā-vitakko.

35. Trong năm Tịnh cư thiên.

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 14

Phẩm 24: CAO TRÀNG[1] (1)

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Xưa, Thiên đế Thích bảo với trời Tam thập tam rằng: "Các khanh khi vào trận chiến lớn, nếu ai có tâm kinh hãi lo sợ, thì các khanh hãy quay lại nhìn lá cờ rộng lớn của ta. Nếu ai thấy lá cờ của ta, liền hết sợ hãi. Nếu khanh nào không nhớ cờ của ta, hãy nhớ cờ của Y-sa Thiên vương[2], vì ai nhớ cờ kia thì những sự sợ hãi đang có liền tự tiêu diệt. Nếu các khanh không nhớ cờ của ta và cờ của Y-sa Thiên vương, lúc đó nên nhớ cờ của Bà-lưu-na[3] Thiên vương, vì nhớ cờ đó thì những sự sợ hãi đang có sẽ tự tiêu diệt."

Nay Ta cũng lại bảo các ông: "Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào mà sợ hãi, dựng đứng lông áo, bấy giờ nên niệm thân Ta, rằng: "Đây là Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hành Thành*, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Chúng Hựu xuất hiện ở đời." Giả sử có sự sợ hãi dựng đứng lông áo, sợ hãi ấy liền tự tiêu diệt. Nếu ai không niệm Ta, lúc đó nên niệm Pháp, rằng: "Pháp của Như Lai rất là vi diệu, được người trí học tập." Do niệm pháp mà mọi sợ hãi tự tiêu diệt. Nếu không niệm Ta, cũng không niệm Pháp, khi đó nên niệm

---

1. *Pāli, S. 11. 1. 3 Dhajaggasuttaṃ (R i. 218).*
2. *Y-sa Thiên vương 伊沙天王。Skt. Īzāna (Y-xá-na thiên), một trong Hộ thế Thiên vương của Mật giáo. Pāli: Īsāna, một trong các Thượng đẳng thần của các Bà-la-môn. Cf. D.i. 244.*
3. *Bà-lưu-na 婆留那。Skt. Varuṇa (Thủy thiên), một trong mười hai chư Thiên của Mật giáo, chủ quản các bộ quỷ thần. Pāli, ibid, đồng được kể chúng với Īsāna, Indra, Soma, Pajāpati, Brahmā.*

Thánh chúng, rằng: "Thánh chúng của Như Lai rất là hòa thuận, pháp pháp thành tựu[4], giới thành tựu, Tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến tuệ thành tựu, gồm có bốn đôi tám bậc. Đó là Thánh chúng Như Lai, đáng kính, đáng thờ, là ruộng phước của thế gian." Đó gọi là Thánh chúng Như Lai. Bấy giờ, nếu niệm Tăng rồi, mọi sợ hãi tự tiêu diệt.

Tỳ-kheo nên biết, Thích Đề-hoàn Nhân còn có dâm, nộ, si. Song trời Tam thập tam niệm tưởng chủ mình mà hết sợ hãi, huống chi Như Lai không còn có tâm dục, nộ, si, nên niệm tưởng đến mà có sợ hãi sao? Nếu Tỳ-kheo nào có sợ hãi, sợ hãi tự tiêu diệt. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm Tam tôn: Phật, Pháp và Thánh chúng.

Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong nước Bạt-kỳ có quỷ tên là Tỳ-sa[5], ở nước đó rất là hung bạo, giết dân vô số, thường mỗi ngày giết một người, hoặc ngày hai người, ba người, bốn người, năm người, mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người. Nước đó bấy giờ đầy dẫy các quỷ thần, La-sát. Lúc bấy giờ nhân dân nước Bạt-kỳ tụ hội lại, cùng bàn luận:

–Chúng ta có thể tránh nước này, sang nước khác, không cần ở đây.

Bấy giờ, ác quỷ Tỳ-sa biết được ý nghĩ trong lòng những người dân kia, liền bảo nhân dân kia:

–Các ngươi chớ rời nơi này đến nước khác. Vì sao? Vì cuối cùng không thoát tay ta. Mỗi ngày các ngươi mang một người tế ta, ta sẽ không quấy nhiễu các ngươi.

---

4. Pháp pháp thành tựu 法法成就。tức thành tựu pháp tùy pháp, sự hành trì pháp theo tuần tự của pháp. Pāli: Dhammānudhammapaṭipanna.

5. Tỳ-sa 毘沙; quỷ Tỳ-xá-xà, ăn tinh khí của người. Skt. Pizāca. Thường đồng nhất với yakkha (dạ-xoa) trong văn học Pāli.

Khi ấy, dân Bạt-kỳ hằng ngày bắt một người tế ác quỷ kia. Khi ác quỷ kia ăn thịt người rồi, lấy hài cốt ném vào nơi khác trong núi, nên hang suối trong núi kia đầy những xương.

Bấy giờ, có trưởng giả tên là Thiện Giác sống tại nơi đó, nhiều tiền lắm của, tiền chứa ngàn ức; la, lừa, lạc đà không thể tính hết; kim ngân, trân bảo, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách cũng không thể kể. Trưởng giả kia có con trai nhỏ tên là Na-ưu-la. Vì chỉ có một con trai, nên rất được yêu quý, thương nhớ chưa từng rời mắt. Theo kỳ hạn này, bấy giờ đến lượt đứa trẻ Na-ưu-la phải tế quỷ. Bấy giờ, cha mẹ Na-ưu-la tắm rửa đứa trẻ này và mặc y phục đẹp, dẫn đến nơi gò mả chỗ quỷ kia. Đến đó, rồi khóc lóc, kêu la không thể kể xiết và nói như vầy:

–Các thần và địa thần, thảy đều chứng minh cho. Chúng tôi chỉ có một đứa con này. Xin các thần sáng suốt hãy chứng minh cho. Hai mươi tám vị đại quỷ thần vương xin hãy gia hộ cho, khiến đừng bị tai ách. Xin đảnh lễ hết thảy Tứ Thiên vương, xin thủ hộ đứa trẻ này khiến được cứu thoát. Cũng xin đảnh lễ Thích Đề-hoàn Nhân, xin cứu mạng đứa trẻ này. Cũng lại đảnh lễ Phạm Thiên vương, xin cứu thoát mạng này. Cũng xin đảnh lễ chư Quỷ thần hộ thế, để thoát ách này. Nay con cũng xin đảnh lễ các vị A-la-hán lậu tận, đệ tử Như Lai để thoát ách này. Cũng lại đảnh lễ các vị Bích-chi-phật vô sư, tự giác, để thoát ách này. Nay cũng tự đảnh lễ Như Lai kia, hàng phục người chưa hàng phục, độ người chưa được độ, bảo hộ người chưa được bảo hộ, cứu thoát người chưa được cứu thoát, khiến Bát-niết-bàn người chưa được Bát-niết-bàn, cứu hộ cho người chưa được cứu hộ, làm mắt sáng cho người mù, làm đại y vương cho người bệnh. Đối với trời, rồng, quỷ thần, tất cả nhân dân, ma và ma thiên, Ngài là bậc tối tôn thượng, không ai có thể sánh bằng, đáng kính đáng quý, làm ruộng phước lành cho mọi người, không ai hơn Như Lai. Vậy, xin Như Lai hãy giám sát cho. Xin Như Lai hãy rọi đến lòng chí thành này.

Cha mẹ Na-ưu-la sau khi đưa đứa trẻ cho quỷ rồi, lui trở về.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bằng Thiên nhãn thanh tịnh, lại bằng Thiên nhĩ nghe thấu những lời này, cha mẹ của Na-ưu-la khóc lóc van xin không thể kể xiết. Khi đó, Đức Thế Tôn dùng thần túc lực đến chỗ ở của con quỷ dữ trong núi kia. Lúc ác quỷ kia đang tụ tập tại chỗ quỷ thần phía Bắc Tuyết sơn, Thế Tôn vào tại trú xứ của quỷ mà ngồi, ngồi kiết già chánh thân, chánh ý.

Lúc đó, đứa trẻ Na-ưu-la lần hồi đi đến chỗ trú xứ của quỷ kia. Từ xa, đứa trẻ Na-ưu-la nhìn thấy Như Lai trú xứ của ác quỷ, ánh sáng rực rỡ, chánh thân chánh ý, cột niệm ở trước, nhan sắc đoan chánh ít có

trên đời, các căn tịch tĩnh, có nhiều công đức hàng phục các ma. Những công đức như vậy không thể kể xiết. Có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân Ngài, như núi Tu-di vượt trên các đỉnh núi. Gương mặt Ngài như mặt trời, mặt trăng, cũng như ánh sáng của núi vàng chiếu xa. Thấy vậy rồi, nó sinh tâm hoan hỷ, hướng về Như Lai mà nghĩ như vầy: "Đây ắt không phải ác quỷ Tỳ-sa. Vì sao? Vì nay ta thấy người này mà tâm rất hoan hỷ. Nếu người chính là ác quỷ thì cứ tùy ý mà ăn[6]."

Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo:

–Na-ưu-la, đúng như những điều con nghĩ. Ta nay là Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đến cứu con và hàng phục ác quỷ này.

Na-ưu-la nghe những lời này, vui mừng hớn hở không thể tự kiềm chế, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi đó, Thế Tôn nói cho đứa bé nhiều đề tài vi diệu; luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sinh Thiên, dục là nhơ ác, là hữu lậu, là hạnh bất tịnh, xuất gia là con đường xuất yếu, trừ khử các loạn tưởng.

Khi Đức Thế Tôn đã thấy tâm ý đứa trẻ Na-ưu-la hoan hỷ, tánh ý nhu nhuyến. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo, bấy giờ Thế Tôn cũng vì bé mà thuyết đủ. Bé liền ở trên chỗ ngồi sạch hết các trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Bé đã thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, tiếp nhận các pháp không có nghi ngờ, hiểu được lời dạy Như Lai, quy y Phật, Pháp, Thánh chúng và thọ năm giới.

Khi ấy, ác quỷ Tỳ-sa trở về đến trú xứ mình[7]. Từ xa, ác quỷ trông thấy Thế Tôn đang ngồi đoan chánh tư duy, thân không lay động. Thấy vậy, nó nổi sân hận phẫn nộ, nổi mưa, sấm sét, hoặc mưa đao kiếm nhắm đến Như Lai; nhưng khi chưa rơi xuống đất liền biến thành hoa sen ưu-bát. Khi đó quỷ kia càng thêm thịnh nộ, làm mưa xuống các núi, sông, vách đá; nhưng khi mưa chưa rơi xuống đất liền biến thành vô số đồ ăn thức uống. Quỷ kia lại hóa làm con voi lớn, gầm thét nhắm đến chỗ Như Lai. Thế Tôn lại hóa làm sư tử chúa. Quỷ kia lại biến làm hình sư tử nhắm đến chỗ Như Lai. Thế Tôn biến làm một đám lửa lớn. Quỷ kia lại càng thịnh nộ, biến thành rồng lớn có bảy đầu. Thế Tôn biến làm Kim sí điểu lớn. Khi đó quỷ kia liền tự nghĩ như vầy: "Nay những thần mà ta có, hiện đã trổ hết rồi. Song không động đến lông áo của Sa-môn

---

6. Truyện kể gần giống với truyện Hatthaka Āḷavaka, Pāli, cf. AA. i. 212.

*7. Nội dung gần với truyện kể Phật đến trú xứ của quỷ A-lạp 阿[月*葛], cf. Tạp 50, kinh 1326 (T2n99, tr. 364b21).*

này. Nay ta nên đến hỏi ông ta nghĩa sâu này.”

Khi đó quỷ kia hỏi Thế Tôn:

–Nay ta muốn hỏi nghĩa sâu xa. Nếu không thể trả lời được, ta sẽ nắm hai chân ông quăng xuống biển Nam.

Đức Thế Tôn bảo:

–Ác quỷ nên biết, Ta tự quán sát thấy không có trời và người, Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc người, hoặc phi nhân nào có thể nắm hai chân Ta ném xuống biển Nam. Nhưng nay ngươi muốn hỏi nghĩa thì có thể hỏi.

Khi đó, ác quỷ hỏi:

–Sa-môn, những gì là hành cũ, những gì là hành mới, những gì là hành diệt?

Thế Tôn bảo:

–Ác quỷ nên biết, mắt là hành cũ, do duyên là những gì được làm từ trước mà sinh thọ[8] thành hành. Tai, mũi, lưỡi[9], thân, ý; đó là các hành cũ, do duyên là những gì được làm từ trước mà sinh thọ* thành hành. Ác quỷ, đó gọi đây là các hành cũ.

Quỷ Tỳ-sa hỏi:

–Sa-môn, những gì là hành mới?

Thế Tôn bảo:

–Những gì được làm trong hiện tại, ba bởi thân, bốn bởi miệng, ba bởi ý. Ác quỷ, đó gọi là hành mới.

Ác quỷ hỏi:

–Những gì là hành diệt?

Thế Tôn bảo:

–Ác quỷ nên biết, hành cũ đã diệt tận không còn tái sinh; hành mới không được tạo tác; cái chấp thủ này vĩnh viễn không sinh, vĩnh viễn diệt tận không còn tàn dư. Đó gọi là hành diệt.

Khi đó quỷ kia bạch Thế Tôn:

–Nay ta rất đói, tại sao cướp thức ăn của ta? Đứa trẻ này là thức ăn của ta. Sa-môn, trả đứa trẻ này lại cho ta!

Thế Tôn bảo:

–Xưa kia, khi Ta chưa thành đạo, từng làm Bồ-tát có, chim bồ câu bay núp nơi Ta, Ta còn không tiếc thân mạng cứu nguy bồ câu kia,

---

8. Nguyên bản: Thống.

9. Để bản: Khẩu □; chép nhầm.

huống chi nay Ta đã thành Như Lai, há lại có thể bỏ đứa trẻ này cho ngươi ăn thịt! Ác quỷ, nay ngươi có dùng hết thần lực của ngươi, Ta quyết không trao đứa trẻ này cho ngươi. Thế nào, ác quỷ, thời Phật Ca-diếp ngươi đã từng làm Sa-môn tu trì phạm hạnh, sau lại phạm giới sinh làm ác quỷ này.

Bấy giờ, ác quỷ nương vào oai thần của Phật, liền nhớ lại những việc đã làm đời trước. Ác quỷ bèn đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân và nói như vầy:

–Nay con là người ngu si không phân biệt chân ngụy, mới sinh tâm này đối với Như Lai. Cúi xin Thế Tôn nhận sự sám hối của con.

Như vậy ba, bốn lần.[10]

Thế Tôn bảo:

–Cho phép ngươi hối lỗi, đừng tái phạm nữa.

Bấy giờ, Thế Tôn vì quỷ Tỳ-sa thuyết pháp vi diệu khiến sinh hoan hỷ. Sau đó, ác quỷ kia tự tay dâng lên Thế Tôn hàng ngàn lạng vàng, bạch Thế Tôn:

–Nay con đem hang núi này cúng dường chiêu-đề Tăng, cúi xin Đức Thế Tôn vì con mà thọ nhận nó và hàng ngàn lạng vàng này.

Nó nói ba lần như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn liền tiếp nhận hang núi này, rồi nói kệ này:

Thí vườn trái mát mẻ
Làm cầu bắc ngang sông
Hoặc giả làm thuyền lớn
Cùng các đồ nuôi sống;
Ngày đêm không lười mỏi
Được phước không thể lường
Pháp nghĩa, giới thành tựu
Chết rồi được sinh Thiên.

Khi đó, quỷ kia bạch Thế Tôn:

–Không biết Thế Tôn còn có gì chỉ dạy?

Thế Tôn bảo:

–Nay ngươi bỏ hình cũ của ngươi, mặc ba y làm Sa-môn, vào thành Bạt-kỳ, đến bất kỳ nơi chốn nào, nói lời dạy này: "Các Hiền giả nên biết, Như Lai xuất hiện ở đời, hàng phục người chưa được hàng phục, độ người chưa được độ, giải thoát người chưa được giải thoát,

---

10. Nguyên Hán: Tam tứ. Lặp lại ba lần thôi, không có bốn. Hán chép dư.

cứu hộ người chưa được cứu hộ, người mù làm mắt sáng, ở giữa chư Thiên, Người đời, Thiên long, Quỷ thần, Ma hoặc Ma thiên, hoặc người, phi nhân, Ngài là bậc tối tôn thượng, không ai sánh bằng, đáng kính, đáng quý, làm ruộng phước lành cho loài người. Hôm nay, Ngài đã độ cậu bé Na-ưu-la và hàng phục ác quỷ Tỳ-sa, các Hiền giả có thể đến đó để được thọ giáo.

Đáp:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ, quỷ Tỳ-sa làm Sa-môn, mặc ba pháp y, vào các đường hẻm trong làng, làm theo sự chỉ dạy này: "... Hôm nay, Ngài đã độ cậu bé Na-ưu-la và hàng phục ác quỷ Tỳ-sa, các bạn có thể đến đó để được thọ giáo."

Vào bấy giờ, nhân dân trong nước Bạc-kỳ sôi động. Lúc đó, trưởng giả Thiện Giác nghe những lời này rồi, vui mừng hớn hở, không thể tự kiềm chế, dẫn tám ván bốn ngàn người dân đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Khi ấy nhân dân trong thành Bạt-kỳ có người làm lễ sát chân Phật, hoặc có người đưa cao tay lên chào.

Khi tám vạn bốn ngàn người đã đến ngồi qua một bên, Đức Thế Tôn lần lượt nói pháp vi diệu cho họ; luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sinh Thiên, dục là tưởng bất tịnh, là hữu lậu, là tai hoạn lớn.

Rồi Đức Thế Tôn quán sát tâm tám vạn bốn ngàn người dân kia, ý đã hoan hỷ. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, Khổ, Tập, Tận, Đạo, Ngài cũng thuyết pháp này cho tám vạn bốn ngàn người dân kia. Mọi người ngay trên chỗ ngồi sạch hết bụi trần, được mắt pháp trong sạch, như áo trắng tinh dễ nhuộm ra màu. Tám vạn bốn ngàn người dân này cũng vậy, rũ sạch bụi trần, được mắt pháp trong sạch, được pháp, thấy pháp, phân biệt các pháp, không có nghi ngờ, đạt không chỗ sợ, tự quy y tam tôn: Phật, Pháp, Thánh chúng và thọ năm giới.

Bấy giờ, trưởng giả cha của Na-ưu-la bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Đức Thế Tôn nhận lời thỉnh của con.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Sau khi trưởng giả đó thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, lui trở về nhà. Sắp đặt các thứ đồ ăn thức uống, ngần ấy hương vị. Sáng sớm tự báo đến giờ.

Khi ấy đến giờ, Thế Tôn khoác y, cầm bát, vào thành Bạt-kỳ, đi đến nhà trưởng giả, chỗ trên ngồi dọn sẵn.

Khi trưởng giả thấy Thế Tôn đã ngồi an vị, bèn tự tay rót nước,

châm sớt vô số đồ ăn thức uống. Sau khi thấy Thế Tôn ăn xong, dùng nước rửa, ông lấy một chiếc ghế ngồi trước Như Lai, bạch Thế Tôn:

–Lành thay, Thế Tôn! Nếu chúng bốn bộ cần y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, đều đến nhà con lấy.

Thế Tôn bảo:

–Được, trưởng giả. Như lời ông nói.

Thế Tôn liền nói pháp vi diệu cho trưởng giả. Thuyết pháp xong, Ngài rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Bấy giờ, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thế Tôn biến khỏi Bạt-kỳ trở về lại đến tinh xá Kỳ hoàn tại Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu chúng bốn bộ cần y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, đến nhà trưởng giả cha Na-ưu-la lấy.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

–Hiện nay, như Ta, đệ tử đứng đầu trong hàng Ưu-bà-tắc không gì lẫn tiếc đó chính là cha của Na-ưu-la.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-lưu, giữa những người họ Thích[11], cùng với năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có hàng ngàn người thuộc hào tộc của họ Thích đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ những người họ Thích bạch Phật:

–Nay Ngài nên làm vua cai trị đất nước này, để dòng họ chúng ta không bị mục nát, không để ngôi Chuyển luân thánh vương đến Ngài thì đoạn tuyệt. Nếu Thế Tôn không xuất gia, Ngài sẽ là Chuyển luân thánh vương ở trong thiên hạ, thống lãnh bốn thiên hạ, có đủ ngàn người con. Dòng họ của chúng ta nổi danh khắp nơi, rằng Chuyển luân thánh vương xuất hiện trong dòng họ Thích. Vì vậy, Thế Tôn, Ngài hãy làm vua cai trị, đừng để dòng vua dứt mất.

---

11. Thích-sí 釋翅, xem cht. kinh số 10, phẩm 17 trên.

Thế Tôn bảo:

–Nay Ta chính là thân vua, gọi là Pháp vương. Vì sao? Nay Ta hỏi các ngươi. Thế nào, các vị họ Thích, nói rằng Chuyển luân thánh vương là có đầy đủ bảy báu, ngàn người con trai dũng mãnh. Nay Ta, ở trong tam thiên đại thiên sát độ, là tối tôn thượng, không ai có thể sánh bằng, thành tựu báu bảy giác ý, có vô số hàng ngàn người con là các Thanh văn hầu quanh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ này:

Ngôi vị kia làm gì
Được rồi, sau lại mất
Ngôi này tối tôn thắng
Không tận cùng, khởi thủy.
Chiến thắng không thể đoạt
Chiến thắng này tối thắng
Phật có vô lượng hành
Không dấu; ai thấy dấu?

Cho nên, các vị Thích chủng hãy tìm phương tiện cai trị bằng chánh pháp. Các vị Thích chủng phải học những điều này như vậy.

Các vị Thích chủng sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4[12]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Khi đó có một Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ Tỳ-kheo kia bạch Phật:

–Có sắc nào mà thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian, cũng không di động? Có thọ*, tưởng, hành, thức mà thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian, cũng không di động?

Thế Tôn bảo:

–Này Tỳ-kheo, không có sắc nào mà thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian, cũng không di động. Cũng không có thọ*, tưởng, hành, thức nào mà thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế

[12] *Pāli, S. 22. 97 Nakhāsika (R. iii. 247).*

gian, cũng không di động.

Tỳ-kheo, nếu có sắc này, thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian; người phạm hạnh không được phân biệt[13]. Hoặc thọ, tưởng, hành, thức tồn tại mãi ở thế gian không biến dịch; người phạm hạnh không được phân biệt. Cho nên, Tỳ-kheo, vì sắc (không thể phân biệt)[14] không còn mãi ở thế gian, cho nên người phạm hạnh mới được phân biệt để diệt tận gốc khổ. Cũng không có thọ*, tưởng, hành, thức nào mà còn mãi ở thế gian, cho nên phạm hạnh mới được phân biệt để diệt tận gốc khổ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lấy một ít đất bỏ lên móng tay, rồi nói với Tỳ-kheo kia:

–Sao, Tỳ-kheo, có thấy đất trên móng tay này không?

Tỳ-kheo đáp:

–Dạ vâng, Thế Tôn, con đã thấy.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Nếu có sắc chỉ nhiều ngần ấy mà thường hằng tồn tại ở thế gian; người phạm hạnh không được phân biệt được diệt tận khổ. Cho nên, Tỳ-kheo, vì không có sắc ngần ấy mà thường tại nên có hành phạm hạnh để diệt tận gốc khổ.

Sở dĩ như vậy, Tỳ-kheo nên biết, xưa Ta từng làm đại vương, thống lãnh bốn thiên hạ, dùng pháp để trị hóa, thống lãnh nhân dân, bảy báu đầy đủ. Bảy báu là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu.

Tỳ-kheo nên biết, vào lúc bấy giờ, khi Ta làm Chuyển luân thánh vương này, thống lãnh bốn thiên hạ, có tám vạn bốn ngàn voi thần, voi tên bồ-hô. Lại có tám vạn bốn ngàn xe co gắn lông chim[15], có xe dùng da sư tử phủ, có xe dùng da chó sói phủ, thảy đều treo tràng phan, lọng cao. Lại có tám vạn bốn ngàn đài cao rộng, giống như chỗ ở của Thiên đế. Lại có tám vạn bốn ngàn giảng đường, giống như pháp giảng đường[16]. Lại có tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, giống như Thiên nữ. Lại có tám vạn bốn ngàn tòa rộng lớn, thảy đều được cẩn bằng vàng, bạc, bảy báu. Lại có tám vạn bốn ngàn y phục, trang sức, đều là màu

---

13. Tham chiếu Pāli, ibid., Nayidaṃ brahmacariyavāso paññàyetha sammā dukkhakkhayāya, đời sống phạm hạnh này không được thiết lập cho mục đích chân chánh diệt khổ.

14. Bản Hán có thể chép dư, nên cho vào ngoặc.

15. Xem cht. kinh số 11 phẩm 19 trên.

16. Pháp giảng đường 法講堂. Pāli: Dhammapāsāda, cung điện Pháp; cf. D. ii 187.

sắc đẹp mềm mại. Lại có tám vạn bốn ngàn đồ đựng thức ăn uống, bao nhiêu là hương vị khác nhau.

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ ta cỡi một con voi lớn, màu trắng tinh, miệng đẹp có sáu ngà, được trang sức bằng vàng, bạc, có thể bay đi, cũng có thể ẩn hình hoặc lớn hoặc nhỏ, voi tên Bồ-hô[17]. Ta bấy giờ cỡi một con ngựa thần, lông đuôi màu son đỏ, khi đi thân không lắc, thân trang sức vàng bạc, có thể bay đi, cũng có thể ẩm hình, hay có thể biến lớn biến nhỏ. Ngựa tên Mao vương[18]. Lúc bấy giờ, Ta sống tại một lâu đài trong số tám vạn bốn ngàn tòa lâu đài cao rộng. Lâu đài này tên là Tu-ni-ma[19], hoàn toàn làm bằng vàng. Bấy giờ Ta nghỉ đêm trong một giảng đường. Giảng đường tên là pháp thuyết, hoàn toàn làm bằng vàng. Bấy giờ Ta đi trên một chiếc xe có gắn lông chim*. Xe tên là Tối thắng[20], được làm toàn bằng vàng. Bấy giờ Ta dẫn một ngọc nữ theo bên mình sai khiến cũng giống như chị em. Bấy giờ Ta ngồi trên một tòa trong số tám vạn bốn ngàn tòa cao rộng, vàng bạc anh lạc không thể kể xiết. Bấy giờ Ta mặc một bộ y phục mềm dịu giống như Thiên y. Những thức Ta ăn có vị như cam lồ.

Vào lúc Ta đang làm Chuyển luân thánh vương, có tám vạn bốn ngàn voi thần, sáng nào cũng kéo tới ngoài cửa thành, gây hại rất nhiều, không thể kể xiết. Lúc đó Ta nghĩ thế này: "Tám vạn bốn ngàn voi thần này, sáng nào cũng đi tới ngoài cửa thành gây hại rất nhiều, không thể kể xiết. Nay trong ý ta muốn chia làm hai phần. Bốn vạn hai ngàn sáng nào cũng đến nghênh giá."

Các Tỳ-kheo, bấy giờ Ta nghĩ thế này: "Xưa, Ta đã tạo phước gì, mà nay được oai lực này?" Cho đến, Ta lại nghĩ: "Do ba nguyên nhân khiến ta được phước lành này. Những gì là ba? Đó là huệ thí, nhân từ và tự thủ hộ."

Tỳ-kheo, hãy quán sát, các hành bấy giờ hoàn toàn bị diệt tận không còn tàn dư. Sống vui thú trong với dục ý bấy giờ không nhàm chán. Nhưng lại nhàm chán giới luật Hiền thánh.

Sao, Tỳ-kheo, sắc này thường hay vô thường?

Tỳ-kheo đáp:

–Vô thường, bạch Thế Tôn!

Nếu vô thường, là pháp biến đổi, ông có nên sinh tâm này: "Cái

---

17. Bồ-hô 菩呼。Pāli, ibid., Uposatha.

18. Mao vương 毛王。Pāli, ibid., Valāhaka, Vân mã vương.

19. Tu-ni-ma 須尼摩。Pāli, ibid., Mahāviyūhakūṭāgāra, lâu đài Đại trang nghiêm.

20. Tối thắng 最勝。Pāli, ibid., Vejayantaratha.

này là của ta; ta là của cái này[21] không?"

Đáp:

–Không, bạch Thế Tôn!

Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

Tỳ-kheo đáp:

–Vô thường, bạch Thế Tôn!

Nếu là vô thường thì là pháp biến đổi, ông có nên sinh tâm này: "Cái này là của ta; ta là của cái này không?"

Đáp:

–Không, bạch Thế Tôn!

–Cho nên, này Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần; sắc này chẳng phải của ta, ta không phải của sắc này. Như vậy được giác tri[22] bởi người trí[23].

Những gì là thọ hoặc quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc xa hoặc gần; thọ này cũng chẳng phải của ta, ta không phải của thọ này. Như vậy được giác tri bởi người trí.

Tỳ-kheo, hãy quán như vầy: Hàng Thanh văn nhàm tởm mắt, nhàm tởm sắc, nhàm tởm thức con mắt, cũng nhàm tởm khổ lạc phát sinh do duyên thức con mắt; cũng nhàm tởm tai, nhàm tởm thanh, nhàm tởm thức của tai, cũng nhàm tởm khổ lạc phát sinh do duyên thức của tai; cũng nhàm tởm mũi, lưỡi, thân, ý và pháp, cũng nhàm tởm khổ lạc phát sinh do duyên bởi ý. Đã nhàm tởm, được giải thoát. Đã giải thoát, được trí giải thoát, biết như thực rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia được Thế Tôn chỉ dạy như vậy, ở nơi vắng vẻ, tự tu, tư duy, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, lìa bỏ gia đình, tu vô thượng phạm hạnh, cho đến, như thực biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, biết như thật. Tỳ-kheo kia đã thành A-la-hán.

Tỳ-kheo kia sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

---

21. Thử thị ngã hứa, ngã thị bĩ sở 此是我許。我是彼所。Pāli, định cú: Netaṃ mama, nesohamasmi, na meso attā'ti, "Cái này không phải là của tôi. Tôi không phải là cái này. Cái này không phải là tự ngã của tôi."

22. Để bản: Học 學。Theo ngữ cảnh dưới, nên sửa lại là giác 覺。

23. Pāli, định cú: Evametaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya passati, vị ấy bằng chánh trí mà thấy như thực như vậy.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở dưới bóng cây đạo tràng, nước Ma-kiệt, lúc mới thành Phật.

Bấy giờ Thế Tôn nghĩ như vầy: "Nay Ta đã được pháp thật sâu xa này, khó rõ, khó tường, khó hiểu, khó biết, rất là vi diệu, được giác tri bởi bậc trí. Nay Ta nên thuyết pháp cho ai trước nhất, để người đó rõ được pháp của ta?"

Rồi Thế Tôn lại nghĩ: "La-lặc-ca-lam[24], với các căn đã thuần thục, đáng được độ trước. Vả lại, ông ấy đang trông đợi Ta có pháp." Vừa nghĩ như vậy, tức thì giữa hư không có vị trời bạch Thế Tôn rằng:

–La-lặc-ca-lam đã chết bảy ngày rồi.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nghĩ: "Khổ thay, sao người ấy chưa nghe được pháp của Ta mà đã chết rồi! Giả sử người ấy nếu nghe được pháp của Ta, tức thì giải thoát."

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: "Nay Ta nên thuyết pháp cho ai trước để người này được giải thoát? Uất-đầu-lam-phất[25] đáng được độ trước. Hãy thuyết pháp cho ông ấy trước hết. Nghe Ta thuyết pháp xong sẽ được giải thoát trước nhất."

Khi Thế Tôn vừa nghĩ vậy, giữa hư không có vị trời nói rằng:

–Ông ấy đã chết rồi, vào nửa đêm hôm qua.

Khi đó Thế Tôn lại nghĩ rằng: "Uất-đầu-lam-phất này, khổ thay, sao chưa nghe được pháp của ta mà đã chết mất rồi! Giả sử người ấy nếu nghe được pháp của ta, tức thì giải thoát."

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: "Ai nghe pháp của ta trước hết, được giải thoát?" Thế Tôn lại nghĩ: "Năm Tỳ-kheo đã nhiều lợi ích cho Ta, vẫn theo sau Ta khi Ta mới sinh." Rồi Thế Tôn lại nghĩ: "Năm Tỳ-kheo này hiện ở đâu?" Bèn dùng Thiên nhãn quán sát, thấy năm Tỳ-kheo này đang ở trong vườn Nai, trú xứ Tiên nhân, Ba-la-nại. Nay Ta hãy đến đó thuyết pháp cho năm Tỳ-kheo trước nhất. Nghe pháp Ta rồi, họ sẽ được giải thoát.

---

[24] La-lặc-ca-lam 羅勒迦藍。Pāli, Āḷāra Kālāma; cf. Mahāvagga, Vin. i. 7. Hán, Tứ Phần 32 (T22n1428, tr. 787b06): A-lan Ca-lan 阿蘭迦蘭。

[25] Uất-đầu-lam-phất 鬱頭藍弗。Pāli, ibid., Uddaka-Rāmaputta.

Bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày nhìn chăm chú vào cây đạo thọ, mắt không hề nháy.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ này:

Chỗ Ta ngồi nay đây
Trải qua khổ sinh tử
Nắm chặt búa trí tuệ
Chặt đứt rễ gai nhọn.
Thiên vương đến nơi đây
Cùng các ma, quyến thuộc
Hàng phục bằng phương tiện
Khiến đội mũ giải thoát.
Nay ở dưới cây này
Ngồi trên tòa kim cang
Chứng đắc tuệ vô ngại
Thành tựu Nhất thiết trí.
Ta ngồi dưới cây này
Thấy rõ khổ sinh tử
Đã dứt nguồn gốc tử
Già bệnh hẳn không còn.

Thế Tôn sau khi nói kệ này, rời chỗ ngồi đứng dậy, đi về hướng nước Ba-la-nại.

Lúc đó Phạm chí Ưu-tỳ-gia[26] từ xa thấy Thế Tôn, sắc sáng rực rỡ che khuất ánh mặt trời, mặt trăng. Thấy vậy, bạch Thế Tôn:

–Sư chủ Cù-đàm hiện đang ở đâu? Nương vào ai xuất gia học đạo? Thường thích thuyết pháp nào để dạy? Từ đâu lại? Muốn đến đâu?

Thế Tôn nhìn Phạm chí kia mà nói kệ này:

Ta thành A-la-hán
Thế gian không ai bằng[27].
Trời cùng người thế gian
Nay Ta là tối thượng.
Ta cũng không thầy dạy
Cũng không ai bì kịp
Độc tôn, không ai hơn

---

[26] *Ưu-tỳ-già 優毘伽。Pāli, Upaka, đạo sĩ lõa hình (ājīvaka).*

[27] *Tham chiếu Pāli, ibid., Sabbābhibhū sabbavidūhamasmi, Ta, con người toàn thắng, hiểu biết tất cả.*

Lạnh mà không ấm lại[28].
Nay đang chuyển pháp luân
Đi đến nước Ca-thi
Nay dùng thuốc cam lồ
Mở mắt người mù kia.
Đất nước Ba-la-nại
Vương thổ nước Ca-thi[29]
Trú xứ năm Tỳ-kheo
Muốn thuyết pháp vi diệu,
Khiến họ sớm thành đạo
Và được Lậu tận thông
Để trừ nguồn pháp ác
Cho nên là tối thắng.

Khi đó Phạm chí kia ca ngợi, lắc đầu, khoanh tay, búng ngón tay, mỉm cười, nhắm theo đường mà đi.

Khi Thế Tôn đến Ba-la-nại, năm Tỳ-kheo từ xa thấy Thế Tôn đến. Thấy vậy, họ bảo nhau:

–Đó là Sa-môn Cù-đàm, đang từ xa đến. Tánh tình đã tán loạn, tâm không chuyên tinh. Chúng ta đừng nói chuyện, cũng đừng đón tiếp, cũng đừng mời ngồi.

Rồi năm người nói kệ này:

Người này không đáng kính
Đừng gần gũi ân cần
Cũng đừng có chào mừng
Và cũng đừng mời ngồi.

Năm Tỳ-kheo kia nói kệ rồi, cùng im lặng. Bấy giờ Đức Thế Tôn đến chỗ năm Tỳ-kheo, càng lúc càng gần, năm Tỳ-kheo kia cũng từ từ đứng dậy nghênh tiếp. Người thì trải chỗ ngồi. Người thì lấy nước. Thế Tôn liền ngồi trước mặt họ, tư duy như vầy: "Những con người ngu si, cuối cùng không thể giữ trọn giao ước của mình.

Bấy giờ năm Tỳ-kheo gọi Đức Thế Tôn bằng "bạn[30]".

Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

–Các ông chớ gọi Bậc Vô Thượng, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác là bạn. Vì sao? Nay Ta đã thành Vô Thượng, Chí Chân, Đẳng Chánh

---

28. Pāli, ibid., Sītibhūtosmi nibbuto, ta đã mát mẻ (thanh lương), nguội lạnh (tịch diệt).
29. Ca-thi 加尸. Pāli: Kāsi, một trong mười sáu đại quốc, mà Bārāṇasi là thủ đô.
30. Khanh 卿, trong Hán dịch; āvuso, trong Pāli.

Giác, đã được thiện cam lồ. Các ông hãy chú tâm nghe pháp ngữ của ta.

Bấy giờ năm Tỳ-kheo kia nói với Thế Tôn:

–Cù-đàm, xưa tu khổ hạnh còn không thể được pháp thượng nhân, huống chi hôm nay ý tình tán loạn mà nói đắc đạo ư?

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, năm người, các ông đã từng nghe Ta vọng ngữ chưa?

Năm Tỳ-kheo đáp:

–Chưa, Cù-đàm!

Thế Tôn bảo:

–Như Lai, Đẳng Chánh Giác, đã có được cam lồ. Các ông hãy chú tâm nghe Ta thuyết pháp.

Khi đó Đức Thế Tôn lại tự nghĩ: "Nay Ta có thể hàng phục năm người này." Rồi Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này năm Tỳ-kheo, các ông nên biết, có bốn chân lý này. Những gì là bốn? Đó là Khổ đế, Khổ tập đế, Khổ tận đế, Khổ xuất yếu đế.

Thế nào là Khổ đế? Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ưu bi não khổ, sầu ưu khổ, không thể kể hết. Oán ghét gặp nhau khổ, ân ái chia lìa khổ, không được những điều ham muốn cũng lại là khổ. Nói tóm, năm thạnh ấm là khổ. Đó gọi là Khổ đế.

Thế nào là Khổ tập đế? Ái đưa đến tái sinh, tập hành không mệt mỏi, ý thường tham đắm[31]. Đó gọi là Khổ tập đế.

Thế nào là Khổ tận đế? Ái kia diệt tận không dư tàn, cũng không tái sinh khởi. Đó gọi là Khổ tận đế.

Thế nào là Khổ xuất yếu đế? Đó là tám phẩm đạo của Hiền thánh[32], gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.

Đó gọi là pháp Tứ đế.

Lại nữa, này năm Tỳ-kheo, pháp bốn Thánh đế này, Khổ đế làm phát sinh mắt, sinh trí, sinh minh, sinh giác, sinh quang, sinh tuệ. Đó là pháp trước kia chưa từng được nghe. Lại nữa, Khổ đế là chân thật, nhất

---

31. Tham chiếu Pāli, ibid., taíhà ponobbhavikā, nandīrāgasahagatā, tatratatrābhinandinì, seyyathidaṃ–kāmataíhà, bhavataníhà, vibhavataṇhā, ái đưa đến hữu đương lai, câu hữu với hỷ tham, thích thú sẽ ở đây, ở kia, tức là, ái, hữu ái, phi hữu ái.

32. Nguyên bản: Đẳng kiến, đẳng trị, đẳng ngữ, đẳng nghiệp, đẳng mạng, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định.

định không hư dối, không vọng, không thể khác; là điều được Thế Tôn nói. Cho nên gọi là Khổ đế.

Khổ tập đế làm phát sinh mắt, sinh trí, sinh minh, sinh giác, sinh quang, sinh tuệ; là pháp trước đây chưa từng được nghe. Lại nữa, Khổ tập đế là chân thật, nhất định không hư dối, không vọng, không thể khác; là điều được Thế Tôn nói. Cho nên gọi là Khổ tập đế.

Khổ tận đế làm phát sinh mắt, sinh trí, sinh minh, sinh giác, sinh quang, sinh tuệ; là pháp trước đây chưa từng được nghe. Lại nữa, Khổ tận đế là chân thật, nhất định không hư dối, không vọng, không thể khác; là điều được Thế Tôn nói. Cho nên gọi là Khổ tận đế.

Khổ xuất yếu đế làm phát sinh mắt, sinh trí, sinh minh, sinh giác, sinh quang, sinh tuệ; là pháp trước đây chưa từng được nghe. Lại nữa, Khổ xuất yếu đế là chân thật, nhất định không hư dối, không vọng, không thể khác; là điều được Thế Tôn nói. Cho nên gọi là Khổ xuất yếu đế.

Năm Tỳ-kheo nên biết, bốn Đế này được ba lần chuyển với mười hai hành. Ai không biết như thật, không thành Vô thượng, Chánh chân, Đẳng chánh giác. Ta vì đã phân biệt bốn Đế này, ba lần chuyển với mười hai hành, biết nó như thật, cho nên thành Vô thượng, Chí chân, Đẳng chánh giác.

Sau khi nghe thuyết pháp này, A-nhã Câu-lân dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Lúc đó Đức Thế Tôn bảo A-nhã Câu-lân:

–Nay ông đã đến với pháp, đã đắc pháp[33].

Câu-lân đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn! Con đã đến với pháp, đã đắc pháp.

Địa thần sau khi nghe nghe những lời như vậy, liền xướng rằng:

–Nay Như Lai tại nước Ba-la-nại đã chuyển pháp luân mà chư Thiên, người đời, Ma và Ma thiên, người cùng phi nhân, đều không chuyển được. Hôm nay Như Lai chuyển pháp luân này, A-nhã Câu-lân đã được pháp cam lồ.

Khi đó, Tứ Thiên vương nghe địa thần xướng, lại chuyển lời tiếp xướng rằng:

–A-nhã Câu-lân đã đắc pháp vị cam lồ.

---

[33]. Hán dịch không hết ý nguyên lai có tên gọi "A-nhã." Pāli, ibid. Phật nói: "Người đã hiểu, này Kiều-trần-như (aññāsi vata, bho koṇḍañño)", do đó Trưởng lão Kiều-trần-như (Koṇḍañña) được gọi là "A-nhã Kiều-trần-như" (aññāsikoṇḍañño: Aññāta-Koṇḍañño).

Rồi trời Tam thập tam lại nghe từ Tứ Thiên vương. Diễm thiên nghe từ trời Tam thập tam, cho đến Đâu-thuật thiên, lần lượt nghe tiếng và cho đến Phạm thiên cũng nghe tiếng: "Như Lai tại nước Ba-la-nại đã chuyển pháp luân mà chư Thiên, người đời, Ma và Ma thiên, người cùng phi nhân, đều không chuyển được. Nay Như Lai chuyển pháp luân này." Bấy giờ liền có tên gọi là A-nhã Câu-lân.

Bấy giờ Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

–Các ông, hai người ở lại để được chỉ dạy; ba người đi khất thực. Ba người khất thực được rồi thì sáu người sẽ cùng ăn. Ba người ở lại để được chỉ dạy, hai người đi khất thực. Hai người khất thực được rồi thì sáu người cùng ăn.

Bấy giờ, sự giáo huấn này trở thành pháp vô sinh Niết-bàn, cũng thành không sinh, không bệnh, không già, không chết. Lúc đó cả thảy năm Tỳ-kheo đều thành A-la-hán. Bấy giờ, tam thiên đại thiên sát độ có năm vị A-la-hán, với Phật là sáu.

Rồi Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

–Tất cả các ông cùng nhau đi khất thực trong nhân gian. Cẩn thận đừng đi một mình[34]. Còn những chúng sinh mà các căn thuần thục, những người đáng được độ. Nay Ta sẽ đến thôn Ưu-lưu-tỳ[35], thuyết pháp tại đó.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đi đến thôn xóm Ưu-lưu-tỳ. Khi đó bên dòng sông Liên-nhã[36] có Ca-diếp[37] đang sinh sống tại đó. Ông biết thiên văn, địa lý; không gì không thông suốt. Toán số cây lá tất cả đều biết rõ. Ông dẫn năm trăm đệ tử thường ngày đi giáo hóa. Cách Ca-diếp không xa có thạch thất. Ở trong thạch thất, có rồng độc đang ở tại đó.

Bấy giờ, Thế Tôn đến chỗ Ca-diếp. Đến nơi, nói với Ca-diếp:

–Tôi muốn ngủ nhờ trong thạch thất một đêm. Nếu đồng ý, tôi sẽ đến ở.

Ca-diếp đáp rằng:

–Tôi không tiếc gì. Nhưng ở đó có một con rồng độc, sợ sẽ làm tổn hại đến ông.

Thế Tôn bảo :

---

34. Hán: Thận mạc độc hành 慎莫獨行。Pāli, ibid., Mā ekena dve agamittha, hai người chớ đi theo một hướng.

35. Ưu-lưu-tỳ 優留毘。Pāli: Uruvelā.

36. Liên-nhã 連若, cũng nói là Ni-liên-thuyền. Pāli: Nerañjarā.

37. Ưu-lưu-tỳ Ca-diếp 優羅毘迦葉, hay Uất-tỳ-la Ca-diếp. Pāli: Uruvelakassapa, đạo sĩ bện tóc (jaṭila).

–Ca-diếp, đừng lo, rồng không hại Ta! Chỉ cần đồng ý, Ta ở đó một đêm.

Ca-diếp đáp:

–Nếu muốn ở, tùy ý đến ở.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền vào thạch thất, trải chỗ nằm mà nghỉ, kiết già phu tọa, chánh thân, chánh ý, cột niệm tại tiền. Lúc đó, rồng độc thấy Thế Tôn ngồi; nó liền phun lửa độc. Thế Tôn nhập Từ Tam-muội, từ Từ Tam-muội khởi, nhập Diệm quang Tam-muội.

Bấy giờ lửa của rồng và ánh sáng Phật cùng lúc phát sáng. Đêm đó Ca-diếp dậy quan sát tinh tú, thấy trong thạch thất có ánh sáng và lửa lớn. Thấy vậy, ông bảo các đệ tử:

–Sa-môn Cù-đàm này dung mạo đoan chánh, nay bị con rồng này hại. Thật đáng thương tiếc. Trước đây, ta cũng đã có lời này, ở đó có rồng ác không thể nghỉ đêm!

Lúc đó Ca-diếp bảo năm trăm đệ tử:

–Các người cầm bình nước và mang thang cao đến chữa lửa, để Sa-môn kia được thoát khỏi nạn này.

Bấy giờ, Ca-diếp dẫn năm trăm đệ tử đến thạch thất để chữa lửa này. Người thì cầm nước rưới, người thì bắc thang. Nhưng không thể dập tắt được lửa, đều là do oai thần của Như Lai tạo nên.

Bấy giờ, Thế Tôn nhập Từ Tam-muội dần dần khiến cho con rồng kia không còn sân hận nữa. Lúc này tâm rồng ác kia tỏ ra sợ sệt, chạy qua chạy lại muốn thoát ra khỏi thạch thất, nhưng không ra khỏi thạch thất được. Khi đó con rồng ác kia, hướng đến Như Lai, chui vào bát Thế Tôn ở.

Khi đó, Thế Tôn dùng tay phải xoa mình rồng ác, rồi nói kệ này:

Rồng ra thật là khó
Rồng với rồng gặp nhau
Rồng chớ nổi tâm hại
Rồng ra thật là khó.
Quá khứ hằng sa số
Chư Phật Bát-niết-bàn
Ngươi chưa hề gặp lại
Đều do lửa sân hận.
Tâm thiện hướng Như Lai
Mau bỏ độc sân này
Đã trừ độc sân nhuế

Liền được sinh lên trời.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 15

Phẩm 24: CAO TRÀNG (2)

Kinh số 5 (tt)

Bấy giờ, con rồng dữ kia thè lưỡi liếm tay Như Lai và nhìn kỹ mặt Như Lai. Sáng hôm sau, Thế Tôn mang rồng dữ đó đến gặp Ca-diếp và nói với Ca-diếp:

–Đây là rồng dữ, thật hung bạo. Nay đã bị hàng phục.

Bấy giờ Ca-diếp thấy được rồng dữ rồi, thì trong lòng hoảng sợ, bạch Thế Tôn:

–Thôi! Thôi! Sa-môn! Đừng bước tới, rồng sẽ gây hại!

Thế Tôn bảo:

–Ca-diếp, đừng sợ! Nay Ta đã hàng phục nó rồi, sau này sẽ không gây hại nữa. Vì sao? Vì rồng này đã được giáo hóa rồi.

Bấy giờ, Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử khen ngợi:

–Việc chưa từng có! Thật là kỳ đặc! Sa-môn Cù-đàm này oai thần thật lớn, có thể hàng phục rồng dữ này, khiến không làm ác. Tuy vậy, vẫn không bằng ta đắc chân đạo.

Bấy giờ Ca-diếp bạch Phật:

–Đại Sa-môn, hãy nhận lời thỉnh cầu chín mươi ngày của tôi. Những thứ cần dùng như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, tôi sẽ cung cấp hết thảy.

Bấy giờ Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu của Ca-diếp. Thế Tôn đem rồng thần này thả vào trong biển lớn. Rồng dữ kia tùy theo mạng sống dài ngắn, sau khi mạng chúng sinh lên trời Tứ Thiên vương. Sau đó Như Lai trở về nghỉ tại thạch thất. Ca-diếp sắp đặt nhiều đồ ăn uống xong, đến bạch Thế Tôn:

–Đồ ăn thức uống đã chuẩn bị xong, xin mời đến thọ thực.

Thế Tôn bảo:

–Ca-diếp về trước. Tôi sẽ đi ngay vậy.

Sau khi Ca-diếp đi khỏi, Ngài liền đến trên cõi Diêm-phù-đề, bên dưới cây Diêm-phù, nhặt quả Diêm-phù rồi, trở về trước, ngồi trong thạch thất Ca-diếp.

Khi Ca-diếp về đã thấy Thế Tôn ở trong thạch thất, liền bạch Thế Tôn:

–Sa-môn từ đường nào đến thạch thất?

Phật bảo Ca-diếp:

–Sau khi ông đi, tôi đến trên cõi Diêm-phù-đề, bên dưới cây diêm-phù, nhặt quả diêm-phù rồi trở về ngồi đây. Ca-diếp nên biết, quả này rất thơm ngon, hãy cầm lấy mà ăn.

Ca-diếp đáp:

–Tôi không cần cái này. Sa-môn tự lấy ăn.

Bấy giờ Ca-diếp lại tự nghĩ như vầy: "Sa-môn này có thần túc siêu việt, có oai lực lớn, mới có thể đến trên cõi Diêm-phù nhặt trái ngon này. Tuy nhiên, vẫn không bằng ta đắc chân đạo."

Sau khi Thế Tôn ăn xong thì về chỗ kia nghỉ ngơi. Sáng sớm Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn, bạch Thế Tôn:

–Đã đến giờ ăn, mời đến thọ thực.

Phật bảo Ca-diếp:

–Ông hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.

Ca-diếp vừa đi khỏi, Ngài liền đến trên cõi Diêm-phù, nhặt trái a-ma-lặc rồi trở về trước, ngồi trong thạch thất Ca-diếp.

Ca-diếp hỏi Thế Tôn:

–Sa-môn từ đường nào đến chốn này?

Phật trả bảo:

–Sau khi ông đi, tôi đến trên cõi Diêm-phù, nhặt trái này lại, nó rất là thơm ngon, nếu cần thì lấy ăn!

Ca-diếp đáp:

–Tôi không cần thứ này. Sa-môn tự lấy ăn.

Khi đó Ca-diếp lại tự nghĩ: "Sa-môn này rất có thần lực, có oai thần lớn. sau khi ta đi, đi lấy quả này về. Tuy nhiên, vẫn không bằng ta đắc chân đạo."

Sau khi Thế Tôn ăn xong liền trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Ngày hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn mà nói rằng:

–Đã đến giờ cơm, xin mời đến thọ thực.

Phật bảo Ca-diếp:

–Ông hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.

Sau khi Ca-diếp đi, Thế Tôn đến Bắc Uất-đan-viết lấy lúa chín muộn tự nhiên lại, trở về trước thạch thất Ca-diếp.

Ca-diếp hỏi Phật:

–Sa-môn từ đường nào đến ngồi đây?

Thế Tôn bảo:

–Sau khi ông đi, tôi đến Uất-đan-viết gặt lấy lúa chín muộn tự nhiên rất là thơm ngon. Ca-diếp cần thì lấy mà ăn.

Ca-diếp đáp:

–Tôi không cần thứ này. Sa-môn tự lấy mà ăn.

Ca-diếp lại tự nghĩ: "Sa-môn này có thần lực lớn, có oai thần lớn. Tuy nhiên vẫn không bằng ta đắc chân đạo."

Sau khi, Thế Tôn ăn xong thì về chỗ kia nghỉ ngơi. Ngày hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn nói:

–Đã đến giờ cơm, xin mời đến thọ thực.

Phật bảo Ca-diếp:

–Ông hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.

Sau khi Ca-diếp đi, Thế Tôn đến Cù-da-ni nhặt quả A-lê-lặc, về trước vào thạch thất Ca-diếp.

Ca-diếp hỏi Phật:

–Sa-môn từ đường nào đến ngồi đây?

Phật bảo Ca-diếp:

–Sau khi ông đi, tôi đến Cù-da-ni nhặt quả này lại rất thơm ngon. Ca-diếp cần thì lấy mà ăn.

Ca-diếp đáp rằng:

–Tôi không cần thứ này. Sa-môn tự lấy mà ăn.

Ca-diếp lại tự nghĩ: "Sa-môn này có thần lực lớn, có oai thần lớn. Tuy nhiên vẫn không bằng ta đắc chân đạo."

Sau khi, Thế Tôn ăn xong thì về chỗ kia nghỉ ngơi. Ngày hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn bạch:

–Đã đến giờ cơm, xin mời đến thọ thực!

Phật bảo Ca-diếp:

–Ông hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.

Sau khi Ca-diếp đi, Thế Tôn đến Phất-vu-đãi nhặt trái Tỳ-ê-lặc rồi, về trước ngồi trong thạch thất Ca-diếp.

Ca-diếp hỏi Phật:

–Sa-môn từ đường nào đến ngồi đây?

Phật bảo Ca-diếp:

–Sau khi ông đi, tôi đến Phất-vu-đãi nhặt quả này rất thơm ngon. Ca-diếp cần thì lấy mà ăn.

Ca-diếp đáp:

–Tôi không cần thứ này. Sa-môn tự lấy mà ăn.

Ca-diếp lại tự nghĩ: "Sa-môn này có thần lực lớn, có oai thần lớn. Tuy nhiên vẫn không bằng ta đắc chân đạo."

Sau khi, Thế Tôn ăn xong thì về chỗ kia nghỉ ngơi.

Lúc này, Ca-diếp sắp có đại tế đàn. Năm trăm đệ tử cầm búa bửa củi. Tay nhấc búa lên nhưng búa không xuống. Lúc đó, Ca-diếp tự nghĩ như vầy: "Đây chắc Sa-môn làm." Khi đó Ca-diếp hỏi Thế Tôn:

–Nay muốn bửa củi, vì sao búa không hạ xuống được?

Thế Tôn bảo:

–Muốn cho búa hạ xuống được phải không?

Đáp:

–Muốn hạ xuống.

Búa liền hạ xuống. Lúc búa kia đã hạ xuống, lại không nhấc lên được. Ca-diếp lại bạch Phật:

–Búa sao không nhấc lên được?

Thế Tôn bảo:

–Muốn cho búa lên chăng?

Đáp:

–Muốn nhấc lên.

Búa liền nhấc lên.

Bấy giờ, đệ tử của Ca-diếp muốn nhen lửa, nhưng nhen không cháy. Lúc đó, Ca-diếp lại tự nghĩ như vầy: "Đây chắc Sa-môn Cù-đàm gây ra."

Ca-diếp bạch Phật:

–Vì sao nhen lửa không cháy?

Phật bảo Ca-diếp:

–Muốn lửa cháy phải không?

Đáp:

–Muốn cho cháy.

Lửa liền cháy. Sau đó muốn dập tắt, lửa lại không tắt. Ca-diếp bạch Phật:

–Sao lửa dập không tắt?

Phật bảo Ca-diếp:

–Muốn cho lửa tắt phải không?

Đáp:

–Muốn cho tắt.

Lửa liền tắt ngay. Ca-diếp liền tự nghĩ như vầy: "Sa-môn Cù-đàm này diện mạo đoan chánh, hiếm có trong đời. Ngày mai ta có tế lễ lớn. Quốc vương, nhân dân tất cả đều tụ tập. Nếu họ thấy Sa-môn này, ta sẽ không còn được cúng dường. Sa-môn này ngày mai không đến sẽ là đại phúc."

Bấy giờ, Thế Tôn biết những suy nghĩ trong lòng Ca-diếp. Sáng hôm sau, Ngài đến Uất-đan-viết, lấy lúa chín muộn tự nhiên; đến Cù-da-ni lấy sữa; rồi đến ao A-nậu-đạt mà dùng. Trọn ngày ở chỗ đó, chiều tối về thạch thất nghỉ ngơi.

Sáng hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn hỏi:

–Sa-môn, hôm qua sao không đến?

Phật bảo Ca-diếp:

–Hôm qua ông đã nghĩ như vầy: "Sa-môn Cù-đàm này diện mạo đoan chánh, hiếm có trong đời. Ngày mai ta có tế lễ lớn. Nếu quốc vương, nhân dân thấy được Sa-môn này, sẽ cắt đứt cúng dường cho ta. Nếu ông ta không đến sẽ là đại phúc." Tôi biết được những suy nghĩ trong lòng của ông, mới đến Uất-đan-viết gặt lấy lúa chín muộn tự nhiên, đến Cù-da-ni lấy sữa; rồi đến bên ao A-nậu-đạt mà ăn. Trọn ngày ở chỗ đó, chiều tối về thạch thất nghỉ ngơi.

Lúc đó, Ca-diếp lại tự nghĩ như vầy: "Đại Sa-môn này, có thần túc lớn, có thật oai thần. Tuy nhiên, vẫn không bằng ta đắc chân đạo."

Thế Tôn ăn xong, trở về thạch thất nghỉ ngơi. Ngay đêm đó, Tứ Thiên vương đến chỗ Thế Tôn nghe kinh pháp. Tứ Thiên vương cũng có ánh sáng, Phật cũng phóng ánh sáng lớn, chiếu cả sơn động hoang dã kia tỏa sáng một màu. Đêm hôm đó Ca-diếp thấy được ánh sáng. Sáng hôm sau đến chỗ Thế Tôn, bạch Thế Tôn:

–Đêm qua, ánh sáng gì chiếu sáng núi non hoang dã này?

Thế Tôn bảo:

–Đêm qua Tứ Thiên vương đến chỗ tôi nghe pháp. Đó là ánh sáng của Tứ Thiên vương kia.

Lúc đó Ca-diếp lại tự nghĩ: "Sa-môn này rất có thần lực, mới khiến cho Tứ Thiên vương đến nghe kinh pháp. Tuy nhiên, thần lực này vẫn không bằng ta đắc chân đạo."

Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Nửa đêm, Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Thế Tôn nghe pháp. Ánh sáng của Thiên đế lại chiếu sáng núi đó. Ca-diếp kia đêm dậy ngắm sao, thấy ánh sáng này.

Sáng hôm sau, Ca-diếp tới chỗ Thế Tôn, hỏi:

–Cù-đàm, đêm qua có ánh sáng thật là đặc biệt. Vì sao có ánh sáng như vậy?

Thế Tôn bảo:

–Đêm qua, Thiên đế Thích đến đây nghe kinh. Cho nên có ánh sáng như vậy.

Ca-diếp lại tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm này thật có thần lực, có oai thần lớn, mới có thể khiến cho Thiên đế Thích đến nghe kinh pháp. Tuy vậy vẫn không bằng ta đắc chân đạo."

Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Nửa đêm Phạm Thiên vương phóng ánh sáng lớn chiếu xuống núi này, đến chỗ Thế Tôn nghe kinh pháp. Đêm đó Ca-diếp thức dậy, thấy ánh sáng. Sáng hôm sau đến chỗ Thế Tôn, hỏi:

–Đêm qua, ánh sáng chiếu sáng hơn ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Có những nhân duyên gì mà có thứ ánh sáng này?

Thế Tôn bảo:

–Ca-diếp nên biết, đêm qua, Đại phạm Thiên vương đến chỗ Ta nghe kinh pháp.

Lúc đó Ca-diếp lại tự nghĩ như vầy: "Sa-môn Cù-đàm này rất có thần lực, mới khiến Tổ phụ của ta đến chỗ Sa-môn này mà nghe kinh pháp. Tuy nhiên, vẫn không bằng ta đắc chân đạo."

Bấy giờ, Thế Tôn được y năm mảnh cũ rách[1], muốn giặt giũ, tự nghĩ: "Ta sẽ giặt y này ở chỗ nào?"

Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân biết được trong lòng Thế Tôn nghĩ gì, liền biến ra một hồ tắm, rồi bạch Thế Tôn:

–Xin hãy đến đây giặt y!

Lúc đó Thế Tôn lại tự nghĩ: "Ta phải đứng chỗ nào để đạp giặt y này?"

Lúc đó, Tứ Thiên vương biết được trong lòng Thế Tôn nghĩ gì, liền nhấc một tảng đá vuông lớn đặt mé nước, rồi bạch Thế Tôn: "Xin hãy đứng chỗ này mà đạp y!"

---

[1] *Pāli, ibid. Thế Tôn lượm được y phấn tảo (samayena bhagavato paṃsukūlaṃ uppannaṃ hoti).*

Lúc đó, Thế Tôn lại nghĩ: "Ta phơi y này ở chỗ nào?"

Lúc đó, Thần cây biết được trong lòng Thế Tôn nghĩ gì, liền làm oằn nhánh cây xuống, rồi bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn phơi y chỗ này!

Sáng hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn, bạch Thế Tôn:

–Chỗ này trước đây không có ao, nay có ao này? Trước không có cây, nay có cây này? Trước không có đá, nay có tảng đá này. Nguyên nhân gì mà có sự thay đổi này?

Thế Tôn bảo:

–Đây là hôm qua Thiên đế Thích biết tôi muốn giặt y cho nên làm hồ tắm này. Tôi lại nghĩ: "Đứng chỗ nào để đạp giặt y này?" Tứ Thiên vương biết tôi đang nghĩ gì, liền mang đá này đến. Tôi lại nghĩ: "Phơi y này ở chỗ nào?" Thần cây biết tôi đang nghĩ gì, liền oằn nhánh cây này vậy.

Lúc đó, Ca-diếp nghĩ như vầy: "Sa-môn Cù-đàm này tuy có thần lực những vẫn không bằng ta đắc chân đạo."

Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Nửa đêm, có nhiều mây đen nổi lên, rồi đổ mưa lớn. Sông lớn Liên-nhã bị nước lũ ngập tràn.

Lúc đó, Ca-diếp tự nghĩ: "Nước lũ tràn sông này, Sa-môn nhất định sẽ bị nước cuốn trôi. Nay ta ra xem thử."

Lúc đó, Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử ra sông. Bấy giờ Thế Tôn đang đi trên nước, chân không bị dính nước. Khi đó Ca-diếp từ xa thấy Thế Tôn đi trên mặt nước. Ca-diếp thấy vậy, liền nghĩ: "Thật là kỳ đặc! Sa-môn Cù-đàm lại có thể đi trên mặt nước. Ta cũng có thể đi trên mặt nước, nhưng không thể khiến cho chân không dính nước mà thôi. Sa-môn này tuy thật có thần lực. Nhưng vẫn không bằng ta đắc chân đạo."

Khi đó Thế Tôn bảo Ca-diếp:

–Ông không phải là A-la-hán, cũng không biết đạo A-la-hán. Ông còn chưa biết tên A-la-hán, huống chi là đắc đạo sao? Ông là người mù. Mắt không trông thấy gì hết. Như Lai đã biến hóa ngần ấy sự, mà ông vẫn cứ nói: "Không bằng ta đắc chân đạo." Ông vừa nói rằng: "Ta có thể đi trên mặt nước." Bấy giờ là lúc thích hợp. Có thể cùng đi trên mặt nước chăng? Ông nay hãy bỏ tâm tà kiến, đừng để phải chịu khổ não lâu dài như vậy.

Lúc đó, Ca-diếp nghe Thế Tôn nói như vậy, liền đến trước, mặt đảnh lễ sát chân:

–Con xin hối lỗi, biết rõ sai trái xúc phạm Như Lai. Cúi xin nhận

sự sám hối này.

Như vậy ba lần.

Thế Tôn bảo:

–Chấp nhận sự hối lỗi của ông, đã biết tội quấy nhiễu Như Lai.

Lúc đó, Ca-diếp bảo năm trăm đệ tử:

–Các vị, mỗi người hãy làm theo những gì mình thích. Ta nay tự quy y Sa-môn Cù-đàm.

Lúc đó, năm trăm đệ tử bạch Ca-diếp:

–Chúng con trước đây, lúc hàng phục rồng cũng có ý muốn quy Sa-môn Cù-đàm. Nếu thầy tự quy y Cù-đàm thì năm trăm đệ tử chúng con thảy đều tự quy y với Cù-đàm.

Ca-diếp nói:

–Nay thật là thích hợp. Nhưng tâm ta lại chấp vào sự ngu si này, thấy ngần ấy sự biến hóa mà tâm ý vẫn còn không tỏ, vẫn tự xưng ta được đạo chân chánh.

Rồi Ca-diếp cùng với năm trăm đệ tử vây quanh trước sau đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con được làm Sa-môn, tu hạnh thanh tịnh.

Theo pháp thường của chư Phật, nếu Phật nói:

–Thiện lai, Tỳ-kheo!

Người ấy liền thành Sa-môn.

Lúc này, Thế Tôn bảo Ca-diếp:

–Thiện lai, Tỳ-kheo! Pháp này vi diệu. Hãy khéo tu phạm hạnh[2].

Bấy giờ, y phục đang mặc của Ca-diếp và năm trăm đệ tử thảy đều biến thành ca-sa, tóc trên đầu tự rụng, giống như cạo tóc được bảy ngày. Rồi những dụng cụ học thuật và liên hệ đến chú thuật của Ca-diếp đều được ném xuống sông. Khi đó, năm trăm đệ tử bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn cho chúng con được làm Sa-môn!

Thế Tôn bảo:

–Thiện lai, Tỳ-kheo!

Tức thì, năm trăm đệ tử liền thành Sa-môn, thân mặc ca-sa, tóc

---

2. Pāli, inid., Etha bhikkhavo, svākkhāto dhammo, caratha brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāyā, "Hãy đến đây, các Tỳ-kheo! Pháp đã được giảng thuyết hoàn hảo. Hãy tu hành Phạm hạnh để chân chánh diệt tận khổ."

trên đầu tự rụng.

Lúc bấy giờ, thuận dòng nước về hạ lưu có Phạm chí[3] tên là Giang Ca-diếp[4] sống ở bên sông. Khi Giang Ca-diếp thấy những dụng cụ chú thuật bị nước cuốn trôi, bèn nghĩ: "Ôi! Đại huynh của ta bị nước nhận chìm rồi!"

Giang Ca-diếp liền dẫn ba trăm đệ tử theo dòng sông lên thượng lưu, tìm thi hài của đại huynh. Từ xa, thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, thuyết pháp cho Đại Ca-diếp và năm trăm đệ tử, trước sau vây quanh. Thấy vậy, ông đến trước Ca-diếp mà nói: "Việc này há tốt đẹp sao? Trước kia làm thầy người. Nay làm đệ tử. Vì sao đại huynh làm đệ tử của Sa-môn?"

Ca-diếp đáp:

–Nơi này tuyệt diệu. Không nơi nào hơn.

Lúc đó Ưu-tỳ Ca-diếp[5] quay sang Giang Ca-diếp mà nói kệ này:

Thầy này trời người quý
Nay ta thờ làm thầy
Chư Phật hiện thế gian
Gặp được thật là khó.

Lúc đó Giang Ca-diếp nghe danh hiệu Phật, lòng rất vui mừng hớn hở khôn xiết, đến trước bạch Thế Tôn:

–Xin cho phép tu đạo!

Thế Tôn bảo:

–Thiện lai, Tỳ-kheo! Hãy khéo tu phạm hạnh để diệt tận khổ.

Khi đó Giang Ca-diếp cùng ba trăm đệ tử liền thành Sa-môn, thân mặc ca-sa, tóc trên đầu tự rụng. Rồi Giang Ca-diếp cùng ba trăm đệ tử ném hết dụng cụ chú thuật xuống nước.

Bấy giờ thuận theo dòng nước cuối sông, có Phạm chí* tên là Già-di Ca-diếp[6] sống ở bên sông. Từ xa, trông thấy dụng cụ chú thuật bị nước cuốn trôi, liền nghĩ: "Ta có hai người anh học đạo ở trên đó. Nay dụng cụ chú thuật bị nước cuốn hết. Hai đại Ca-diếp chắc bị nước hại." Nghĩ rồi, liền dẫn hai trăm đệ tử theo sông lên thượng lưu, đến chỗ học thuật. Từ xa thấy hai anh đang làm Sa-môn, liền nói:

–Nơi này tốt chăng? Xưa là bậc tôn kính của người, nay làm đệ

---

3. Cũng đạo sĩ bện tóc (jaṭila), không phải Bà-la-môn.

4. Giang Ca-diếp 江迦葉, hay Na-đề Ca-diếp. Pāli: Nadākassapa.

5. Ưu-tỳ Ca-diếp, tức Ưu-tỳ-la Ca-diếp.

6. Già-di Ca-diếp. Pāli: Gayākassapa.

tử Sa-môn!

Ca-diếp đáp:

–Nơi này rất tốt. Không nơi nào hơn.

Già-di Ca-diếp suy nghĩ: "Hai anh của ta biết nhiều, học rộng. Nơi này chắc là mảnh đất tốt, mới khiến cho hai anh của ta vào học đạo. Nay ta cũng nên xin vào học đạo."

Già-di Ca-diếp bèn đến trước, bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.

Thế Tôn bảo:

–Thiện lai, Tỳ-kheo! Hãy khéo tu phạm hạnh để diệt tận khổ.

Già-di Ca-diếp tức thì trở thành Sa-môn, thân mặc ca-sa, tóc trên đầu tự rụng giống như cạo đầu được bảy ngày.

Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ở dưới cây Ni-câu-loại bên sông kia, sau khi thành Phật chưa bao lâu, đã có một ngàn đệ tử, đều là các bậc bậc kỳ túc trưởng lão.

Lúc đó, Thế Tôn giáo hóa bằng ba sự. Thế nào là ba? Đó là thần túc giáo hóa, ngôn giáo giáo hóa, huấn hối giáo hóa[7].

Sao gọi là thần túc giáo hóa? Bấy giờ Thế Tôn hoặc biến ra nhiều hình rồi hợp lại một, hoặc hiện hoặc ẩn. Đi qua vách đá mà không gì chướng ngại. Hoặc ra khỏi mặt đất, hoặc nhập vào đất giống như xuống nước mà không bị trở ngại. Hoặc ngồi kiết già đầy khắp giữa hư không như chim bay trên không chẳng bị ngăn cản. Cũng như núi lửa lớn, phun khói vô lượng. Như mặt trời, mặt trăng kia có đại thần lực, có thần lực lớn không thể hạn lượng, mà có thể dùng tay với đến. Thân cao cho đến Phạm thiên. Thế Tôn hiện thần túc như vậy.

Sao gọi là ngôn giáo giáo hóa[8]? Bấy giờ Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo nên xả điều này, nên giữ điều này; nên gần điều này, nên xa điều này;

---

7. Tam sự giáo hóa 三事教化; cf. Tứ Phần 33 (T22n1428, tr. 797a13): Thần túc giáo hóa 神足教化, ức niệm giáo hóa 憶念教化, thuyết pháp giáo hóa 說法教化。Đây chỉ ba thị đạo; Cf. Tập Dị 6 (T26n1536, tr. 389b17), ba thị đạo 三示導: Thần biến thị đạo 神變示導, ký tâm thị đạo 記心示導, giáo giới thị đạo 教誡示導。Xem Trường A-hàm 16, kinh 24 Kiên cố (Đại 1, tr. 101c8), có ba thần túc: Thần túc thần túc, quán sát tha tâm thần túc, giáo giới thần túc. Pāli: Tìṇi Pāṭihāriyāni–iddhiPāṭihāriyaṃ, ādesanāPāṭihāriyaṃ, anusāsanìPāṭihāriyaṃ.

8. Ngôn giáo giáo hóa 言教教化。Huyền Trang, ibid., : Ký tâm thị đạo. Pāli, ibid., ādesanā-Pāṭihāriya. Có thể Hán dịch hiểu Pl. Ādesana (Skt. Ādezana) là "thuyết giáo" thay vì "ký thuyết" từ đó có nghĩa "ký tâm" tức nói lên ý nghĩ của người khác đang nghĩ.

nên nhớ điều này, nên trừ điều này; nên quán điều này, nên không quán điều này[9].

Sao gọi là nên tu điều này, không tu điều này? Hãy tu bảy Giác ý, diệt ba kết. Sao là nên quán, không nên quán? Hãy quán ba kết và ba thiện của Sa-môn, đó là lạc do xuất yếu, lạc do không nhuế, lạc do không nộ[10]. Sao gọi là không quán? Đó là ba khổ của Sa-môn. Những gì là ba? Dục quán, nhuế quán, nộ quán[11]. Sao gọi là niệm, sao gọi là không niệm? Bấy giờ, nên niệm Khổ đế, nên niệm Tập đế, nên niệm Tận đế, nên niệm Đạo đế; chớ niệm tà đế, thường kiến[12], vô thường kiến; biên kiến, vô biên kiến; mạng khác thân khác[13]; chẳng phải mạng chẳng phải thân[14]; Như Lai mạng chung, Như Lai không mạng chung, vừa hữu chung vừa vô chung; cũng chẳng hữu chung cũng chẳng vô chung[15]. Đừng niệm như vậy.

Sao gọi là huấn hối giáo hóa? Lại nữa, hãy đi như vầy, không nên đi như vầy; nên đến như vậy, không nên đến như vậy; nên im lặng như vậy, nên nói năng như vậy; phải thọ trì y như vậy, không được thọ trì y như vầy; nên vào thôn như vầy, không nên vào thôn như vầy. Đây gọi là huấn hối giáo giới.

Lúc Đức Thế Tôn bằng ba sự này giáo hóa một ngàn Tỳ-kheo, những Tỳ-kheo đó nhận được sự giáo hóa của Phật xong, trở thành một ngàn A-la-hán.

Khi ấy Thế Tôn thấy một ngàn Tỳ-kheo đã đắc A-la-hán. Bấy giờ cõi Diêm-phù-đề có một ngàn A-la-hán cùng năm Tỳ-kheo và Phật là sáu, Ngài quay ngồi hướng về Ca-tỳ-la-vệ.

Lúc đó, Ưu-tỳ Ca-diếp suy nghĩ như vầy: "Vì sao Thế Tôn ngồi

---

9. Đoạn Hán dịch này có thể sai. Đây là đọc được ý người khác đang nghĩ như vậy, chứ không phải bảo họ nên làm hay nên nghĩ như vậy.

10. Đây muốn nói ba thiện tầm (Pāli: Tayo kusalavitakkā): Xuất ly, vô nhuế, vô hại. Cf. Tập Dị 3 (T26n1536, tr. 377a26).

11. Đây muốn nói ba bất thiện tầm (Pāli: Tayo akusalavitakkā): Tham dục, sân nhuế, não hại; Cf. Tập Dị 3 (T26n1536, tr. 377a26).

12. Thường, vô thường, v.v...: từ đây xuống, là mười bốn vấn đề thuộc trí vấn, hay vô ký thuyết; nhưng câu hỏi Phật không trả lời. Hán dịch đưa vào đây, có gượng ép, không phù hợp.

13. Bĩ mạng bĩ thân 彼命彼身, nên hiểu mạng (ngã hay linh hồn) và thân là dị biệt.

14. Phi mạng phi thân 非命非身, nên hiểu: mạng và thân không phải là một.

15. Như Lai mạng chung 如來命終; Hán dịch không chính xác. Nên hiểu: Như Lai sau khi chết tồn tại hay không tồn tại. Xem Trung 60 kinh 221 Tiễn dụ (T1n26, tr. 804b4). Pāli, M 63 Cūḷa-Mālukyasuttaṃ (R. i. 1426): Hoti tathāgato paraṃ maraṇā'tipi, na hoti tathāgato paraṃ maraṇ'tipi,…

quay lại hướng về Ca-tỳ-la-vệ?" Rồi Ưu-tỳ Ca-diếp liền đến trước, quỳ thẳng bạch Thế Tôn:

–Chẳng hiểu tại sao Như Lai ngồi quay hướng về Ca-tỳ-la-vệ?

Thế Tôn bảo:

–Như Lai ở đời cần làm năm việc. Sao gọi là năm? Một là chuyển pháp luân; hai là thuyết pháp cho cha; ba là thuyết pháp cho mẹ; bốn là dẫn dắt phàm phu lập hạnh Bồ-tát; năm là thọ ký riêng cho Bồ-tát. Này Ca-diếp, đó gọi là Như Lai xuất hiện ở đời cần làm năm việc như vậy.

Ưu-tỳ Ca-diếp bèn nghĩ: "Như Lai vì nhớ thân tộc xứ sở nên quay hướng đó ngồi vậy."

Khi đó năm Tỳ-kheo lần hồi đi đến bờ sông Ni-liên[16]. Đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Lúc đó Tôn giả Ưu-đà-da[17] xa thấy Thế Tôn ngồi hướng về Ca-tỳ-la-vệ. Thấy vậy liền nghĩ rằng: "Nhất định Thế Tôn muốn trở về Ca-tỳ-la-vệ để thăm thân quyến." Ưu-đà-da liền tới trước quỳ thẳng bạch Thế Tôn:

–Nay con kham nhậm có điều muốn hỏi, xin được giải bày.

Thế Tôn bảo:

–Muốn hỏi gì thì cứ hỏi.

Ưu-đà-da bạch Thế Tôn:

–Xem ý Như Lai muốn trở về Ca-tỳ-la-vệ?

Đúng vậy, như lời ông nói. Ưu-đà-da, nên biết, ông hãy tới chỗ Bạch Tịnh vương[18] trước. Ta sẽ đến sau. Vì sao? Vì phải báo cho chủng tộc Sát-lợi biết tin trước, rồi sau Như Lai mới tới. Ngươi đến bẩm với vua rằng, bảy ngày sau Như Lai sẽ về thăm vua.

Ưu-đà-da đáp:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Bấy giờ Ưu-đà-da từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục lễ sát chân Thế Tôn, rồi biến mất khỏi Thế Tôn, hiện đến Ca-tỳ-la-vệ, tới chỗ của

---

16. Ni-liên 尼連, tức trên kia âm là Liên-nhã.

17. Ưu-đà-da 優陀耶. Hán dịch có nhảy sót nên truyện kể thiếu mạch lạc. Phật Bản Hạnh 51 (T3n190, tr. 889c18): Khi hay tin Thái tử thành Phật, vua Tịnh Phạn sai Ưu-đà-di 憂陀夷, con trai của Quốc sư đi thỉnh Phật về thăm quê. Pāli: Kāḷudāyī, AA. i. 302 ff.

18. Bạch Tịnh vương 白淨王; đoạn dưới dịch là Chân Tịnh vương 真淨王. Quen gọi là Tịnh Phạn vương. Pāli: Suddhodana.

Chân Tịnh vương[19], đến rồi đứng ở phía trước vua.

Khi Chân Tịnh vương đang ở trên đại điện, ngồi cùng với các thể nữ, lúc ấy Ưu-đà-da đang bay ở trên không. Rồi Chân Tịnh vương thấy Ưu-đà-da tay mang bình bát, cầm trượng, đang đứng trước mặt. Thấy vậy, trong lòng lo sợ mà nói rằng:

–Đây là người nào? Là Người, hay Phi nhân; Trời, hay Quỷ, Duyệt-xoa, La-sát, Thiên long, Quỷ thần?

Lúc đó Chân Tịnh vương hỏi Ưu-đà-da:

–Ngươi là người nào?

Lại nói với Ưu-đà-da bằng bài kệ này:

Là Trời, hay là Quỷ,
Hay Càn-đạp-hòa chăng?
Ông nay tên là gì?
Hiện tại ta muốn biết.

Lúc bấy giờ Ưu-đà-da lại dùng kệ này đáp vua:

Tôi cũng chẳng là Trời,
Chẳng phải Càn-đạp-hòa.
Ở nước Ca-tỳ này,
Người đất nước Đại vương.
Xưa phá mười tám ức
Quân Ba-tuần xấu ác:
Thích-ca Văn, Thầy tôi.
Tôi đệ tử của Ngài.

Chân Tịnh vương lại dùng kệ này hỏi Ưu-đà-da:

Ai phá mười tám ức
Quân Ba-tuần xấu ác?
Thích-ca Văn là ai
Nay ông lại ca ngợi?

Ưu-đà-da lại nói kệ này:

Lúc Như Lai mới sinh
Trời đất rung động khắp.
Thệ nguyện quyết làm xong,
Nên gọi hiệu Tất-đạt.
Người thắng mười tám ức
Quân Ba-tuần xấu ác,

---

19. Xem cht. trên.

Người tên Thích-ca Văn.
Ngày nay thành Phật đạo.
Người kia con họ Thích,
Đệ tử thứ Cù-đàm;
Hôm nay làm Sa-môn,
Vốn tên Ưu-đà-da.

Chân Tịnh vương nghe những lời này rồi, trong lòng vui mừng không thể tự kiềm được, hỏi Ưu-đà-da rằng:

–Thế nào Ưu-đà-da, Thái tử Tất-đạt nay vẫn còn sống sao?

Ưu-đà-da đáp:

–Thích-ca Văn Phật nay đang hiện tại.

Vua hỏi:

–Nay đã thành Phật rồi sao?

Ưu-đà-da đáp:

–Nay đã thành Phật.

Vua lại hỏi:

–Hôm nay Như Lai đang ở đâu?

Ưu-đà-da đáp rằng:

–Như Lai hiện đang ở dưới cây Ni-câu-loại tại nước Ma-kiệt.

Rồi vua lại hỏi:

–Những người đệ tử theo hầu là những ai?

Ưu-đà-da đáp:

–Hàng ức chư Thiên cùng một ngàn Tỳ-kheo và Tứ Thiên vương thường ở hai bên.

Lúc đó vua hỏi:

–Mặc những loại y phục như nào?

Ưu-đà-da đáp:

–Y Như Lai mặc được gọi là ca-sa.

Rồi vua hỏi:

–Ăn những loại thức ăn nào?

Ưu-đà-da đáp:

–Thân Như Lai dùng pháp làm thức ăn.

Vua lại hỏi:

–Thế nào Ưu-đà-da, có thể gặp Như Lai được không?

Ưu-đà-da đáp:

–Vua đừng sầu lo, sau bảy ngày Như Lai sẽ vào thành.

Bấy giờ vua rất vui mừng không kiềm chế được, tự tay rót nước cúng dường Ưu-đà-da. Rồi Chân Tịnh vương đánh trống lớn, lệnh cho nhân dân cả nước sửa bằng đường lộ, dọn dẹp sạch sẽ, rưới dầu thơm trên đất, treo lụa tràng phan, bảo cái, trỗi các kỹ nhạc không thể tính kể. Lại ra lệnh trong nước những người đui, điếc, ngọng, câm đều không được xuất hiện, bảy ngày sau Tất-đạt sẽ vào thành. Sau khi Chân Tịnh vương nghe Phật sẽ vào thành, trong bảy ngày cũng không ngủ nghỉ.

Bấy giờ đã đến ngày thứ bảy, Thế Tôn tự nghĩ: "Nay Ta nên dùng sức thần túc đi đến nước Ca-tỳ-la-vệ." Rồi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến nước Ca-tỳ-la-vệ. Đến nơi, Ngài vào vườn Tát-lư[20] ở phía Bắc thành.

Bấy giờ đó vua Chân Tịnh nghe Thế Tôn đã đến Ca-tỳ-la-vệ, ở trong vườn Tát-lư phía bắc thành. Vua bèn dẫn những người họ Thích đến chỗ Thế Tôn. Lúc đó Thế Tôn tự nghĩ: "Nếu vua Chân Tịnh tự thân hành đến đây, điều này không thích hợp cho Ta. Nay Ta phải đi gặp vua. Vì sao? Ân cha mẹ rất nặng, tình dưỡng dục sâu dày. Rồi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến cửa thành, bay lên hư không, cách đất bảy nhẫn. Vua Chân Tịnh thấy Thế Tôn đoan chánh không gì bằng, hiếm có trên đời, các căn tịch tĩnh, không có các vọng niệm, thân có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tự trang nghiêm, liền phát tâm hoan hỷ, tức liền đảnh lễ sát chân mà nói:

–Tôi vua dòng Sát-lợi, tên là Chân Tịnh vương.

Thế Tôn bảo:

–Chúc Đại vương hưởng thọ vô cùng. Đại vương hãy dùng Chánh pháp cai trị giáo hóa, đừng dùng tà pháp. Đại vương nên biết, những ai dùng Chánh pháp để cai trị giáo hóa, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh lên cõi thiện, ở trên trời.

Rồi Thế Tôn từ trên không trung đi vào trong cung vua Chân Tịnh. Đến nơi, ngồi lên chỗ dọn sẵn.

Khi vua thấy Thế Tôn ngồi yên ổn, tự tay châm nước, phục vụ vô số đồ ăn uống. Khi Thế Tôn ăn xong, đã dùng nước rửa rồi, vua lấy một cái ghế nhỏ, ngồi nghe pháp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuận tự thuyết nghĩa vi diệu cho vua Chân Tịnh; luận về thí, luận về giới, luận về sinh Thiên, dục là hạnh bất tịnh, xuất yếu là an lạc.

---

[20] *Tát-lư viên 薩盧園。*

Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy tâm ý vua đã giải khai. Như pháp mà chư Phật thường thuyết; Ngài nói giảng thuyết tường tận cho vua nghe, về Khổ, Tập, Tận, Đạo. Khi đó vua Chân Tịnh liền ngay trên chỗ ngồi, sạch hết các trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Thế Tôn sau khi thuyết pháp cho vua nghe xong, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Lúc đó vua Chân Tịnh tập họp toàn bộ dòng họ Thích lại và nói:

–Các Sa-môn đều có mặt mày xấu xí. Dòng Sát-lợi mà dẫn theo chúng Phạm chí, như vậy là không thích hợp. Dòng họ Thích Sát-lợi phải có chúng Sát-lợi, vậy thì mới tốt đẹp.

Các người họ Thích đáp:

–Đúng vậy, Đại vương! Như Đại vương dạy, dòng Sát-lợi phải có chúng Sát-lợi, như vậy mới tuyệt.

Bấy giờ vua bố cáo trong nước, những gia đình có anh em hai người thì bắt một người phải hành đạo. Ai không như vậy thì sẽ bị xử phạt nặng. Khi trong dòng họ Thích nghe vua ra lệnh: "Gia đình có hai người là anh em thì bắt một người phải hành đạo, ai không theo mệnh lệnh sẽ xử phạt nặng", bấy giờ Thích Đề-bà-đạt-đâu nói với Thích A-nan rằng:

–Nay vua Chân Tịnh ra lệnh, ai có hai người anh em, thì phải phân một người hành đạo. Nay ngươi nên xuất gia học đạo. Ta phải ở nhà giữ gìn gia nghiệp.

Lúc đó Thích A-nan vui mừng hớn hở nói:

–Như lời anh dạy.

Lúc đó Thích Nan-đà nói với Thích A-na-luật rằng:

–Vua Chân Tịnh ra lệnh rằng ai có hai người anh em, thì phải phân một người hành đạo, ai không như vậy thì sẽ bị xử phạt nặng. Nay ngươi xuất gia, ta sẽ ở nhà.

Thích A-na-luật nghe được những lời như vậy rồi, vui mừng hớn hở, không thể kiềm chế, đáp lại:

–Đúng vậy, như lời anh nói.

Lúc đó vua Chân Tịnh dẫn Thích Hộc Tịnh, Thích Thúc Tịnh, Thích-cam Lộ[21] đến chỗ Thế Tôn. Vua ngự giá bằng xe tứ mã, xe màu trắng, lọng màu trắng, ngựa kéo xe màu trắng. Vị họ Thích thứ hai đi bằng xe màu xanh, lọng màu xanh, ngựa kéo xe màu xanh. Vị họ Thích

---

[21]. Những người em của vua Tịnh Phạn (Pl. Suddhodana): Hộc Tịnh 斛淨 (Pl. Dhotodana), Thúc Tịnh 叔淨 (Sukkodana), Cam Lộ 甘露 (Pl. Amitodana).

thứ ba đi bằng xe màu vàng, lọng màu vàng, ngựa kéo xe màu vàng. Vị họ Thích thứ tư đi bằng xe màu đỏ, lọng màu đỏ, ngựa kéo xe màu đỏ. Cũng có những người họ Thích khác đi bằng voi, bằng ngựa, thảy đều tập họp đến.

Thế Tôn từ xa thấy vua Chân Tịnh dẫn dòng họ Thích đến, bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông xem chúng họ Thích này và xem những người theo vua Chân Tịnh. Tỳ-kheo nên biết, trời Tam thập tam khi ra dạo vườn cảnh cũng như vậy, không có gì khác.

Khi đó A-nan đi voi lớn màu trắng, áo màu trắng, lọng màu trắng. Thấy vậy, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông thấy Thích A-nan này, đi voi trắng, áo trắng chưa?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Dạ vâng, Thế Tôn, chúng con đã thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Người này sẽ xuất gia học đạo, trở thành Đa văn đệ nhất, chịu hầu hạ gần gũi Ta. Các ông thấy A-na-luật này không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Dạ vâng, chúng con thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Người này sẽ xuất gia học đạo, trở thành Thiên nhãn đệ nhất.

Khi ấy vua Chân Tịnh, bốn anh em cả thảy, cùng A-nan-đà, đều đi bộ tới trước, cởi bỏ năm loại nghi trượng, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ vua Chân Tịnh bạch Thế Tôn:

–Đêm hôm qua tôi sinh ý niệm như vầy: "Chúng Sát-lợi không nên dẫn chúng Phạm chí, mà dẫn chúng Sát-lợi, như vậy là thích hợp. Tôi liền ra lệnh trong nước, nhà nào có hai người anh em, một người phải xuất gia học đạo. Cúi xin Thế Tôn cho phép họ xuất gia học đạo."

Thế Tôn đáp:

–Lành thay, đại vương! Trời người được nhiều lợi ích, được an vui. Vì sao? Thiện tri thức này là ruộng phước tốt. Ta cũng nhờ Thiện tri thức mà thoát được sinh, lão, bệnh, tử này.

Khi đó chúng họ Thích được xuất gia. Rồi vua Chân Tịnh bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn dạy dỗ những vị tân Tỳ-kheo này cũng như dạy dỗ Ưu-đà-da. Vì sao? Tỳ-kheo Ưu-đà-da này rất có thần lực. Xin Tỳ-kheo Ưu-đà-da được ở lại trong cung giáo hóa, khiến cho các loài chúng

sinh được an ổn lâu dài. Vì sao? Vì Tỳ-kheo này rất có thần lực. Lần đầu tôi gặp Tỳ-kheo Ưu-đà-da liền phát tâm hoan hỷ, tôi liền khởi nghĩ như vầy: "Đệ tử còn có thần lực huống chi Như Lai kia lại không có thần lực này?"

Thế Tôn đáp:

–Đúng vậy, đại vương! Như lời đại vương dạy, Tỳ-kheo Ưu-đà-da này rất có thần lực, có oai đức lớn.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các Tỳ-kheo, đệ tử đứng đầu việc hiểu rộng biết nhiều mà quốc vương nghĩ đến chính là Tỳ-kheo A-nhã Câu-lân. Có thể khuyến hóa nhân dân chính là Tỳ-kheo Ưu-đà-da. Có trí mau lẹ chính là Tỳ-kheo Ma-ha-nam. thường thích phi hành chính là Tỳ-kheo Tu-bà-hưu. Đi lại trên không chính là Tỳ-kheo Bà-phá. Có nhiều đệ tử, là Tỳ-kheo Ưu-tỳ Ca-diếp. Ý đắc quán Không, là Tỳ-kheo Giang Ca-diếp. Ý đắc Chỉ quán chính, Tỳ-kheo Tượng Ca-diếp[22].

Bấy giờ Thế Tôn giảng rộng pháp vi diệu cho vua Chân Tịnh nghe. Vua nghe pháp rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, rồi lui ra về.

Các Tỳ-kheo cùng vua Chân Tịnh sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong mười lăm ngày, có ba pháp trai[23]. Những gì là ba? Ngày mồng tám, ngày mười bốn và ngày mười lăm[24]. Tỳ-kheo nên biết, hoặc có khi vào ngày trai ngày mồng tám, Tứ Thiên vương sai các vị phụ thần xem xét thế gian, có những ai làm lành, làm ác; những chúng sinh nào từ hiếu với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng tôn trưởng; những chúng sinh nào vui thích bố thí, tu giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, diễn rộng nghĩa kinh, trì bát quan trai; thảy đều phân biệt đầy đủ. Hay

---

22. Tượng Ca-diếp 象迦葉, tức trên kia dịch âm là Già-di Ca-diếp.

23. Trai pháp. Pāli: Uposatha. Tham chiếu, A iii 36, 70 (R. 142, 207).

24. Nếu tính tháng ba mươi ngày, phải kể thêm: ngày 23, 29 và 30.

nếu không có chúng sinh nào hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng sư trưởng, lúc đó phụ thần bạch Tứ Thiên vương: "Hiện tại thế gian này không có chúng sinh hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Đạo sĩ, hành Tứ đẳng tâm, thương xót chúng sinh." Tứ Thiên vương sau khi nghe rồi, trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui. Bấy giờ, Tứ Thiên vương đi đến giảng đường Tập thiện pháp[25] trên trời Đao-lợi[26], đem nhân duyên này trình bày hết cho Đế Thích: "Thiên đế nên biết, hiện nay thế gian này không có chúng sinh nào hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng tôn trưởng." Bấy giờ, Đế Thích, trời Tam thập tam, nghe những lời này rồi, trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui, vì chúng chư Thiên sẽ giảm, chúng A-tu-luân sẽ tăng.

Hoặc giả, lại có khi, chúng sinh thế gian có người hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng tôn trưởng; thọ trì bát quan trai, tu đức thanh tịnh, không phạm mảy may vào giới cấm lớn. Bấy giờ sứ giả sẽ vui mừng phấn khởi, không tự kiềm chế được, bạch Tứ Thiên vương: "Hiện nay, thế gian này, có nhiều chúng sinh hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng tôn trưởng." Thiên vương nghe rồi rất lấy làm vui mừng, liền đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, đen nhân duyên này bạch Đế Thích: "Thiên đế nên biết, hiện nay thế gian này có nhiều chúng sinh hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng tôn trưởng." Bấy giờ, Đế Thích, trời Tam thập tam, thảy đều vui mừng, không tự kiềm chế được, vì chúng chư Thiên sẽ tăng ích, chúng A-tu-luân sẽ tổn giảm. Mọi đánh khảo địa ngục tự nhiên đình chỉ, khổ độc không thi hành.

Nếu là ngày mười bốn, ngày trai. Thái tử được sai xuống quan sát thiên hạ, dò xét nhân dân thi hành thiện ác; có chúng sinh tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng, hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng tôn trưởng; có ưa thích bố thí thọ trì bát quan trai, đóng bít lục tình, phòng chế ngũ dục hay không? Nếu không có chúng sinh nào tu theo chánh pháp, hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, bấy giờ Thái tử bạch Tứ Thiên vương. Tứ Thiên vương nghe rồi, trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui; đi đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ Thiên đế: "Đại vương nên biết, hiện nay thế gian này không có chúng sinh nào hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng tôn trưởng." Bấy giờ, Thiên đế, Tam thập tam, thảy đều trong lòng sầu

---

25. Tập thiện pháp giảng đường 集善法講堂. Pāli, Sudhamma-sabhā, hội trường của chư Thiên Tam thập tam.

26. Đao-lợi, dịch âm mà tiếp theo dưới dịch nghĩa là Tam thập tam.

ưu, buồn bã, không vui, vì chúng chư Thiên sẽ giảm, chúng A-tu-luân sẽ tăng.

Hoặc giả, lại có khi, có chúng sinh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng tôn trưởng, thọ trì bát quan trai, bấy giờ, thái tử vui mừng phấn khởi, không thể tự kiềm được liền đến bạch Tứ Thiên vương: "Đại vương nên biết, hiện nay thế gian này có nhiều chúng sinh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng các tôn trưởng." Tứ Thiên vương sau khi nghe những lời này rất lấy làm vui mừng, liền đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ cho Thiên đế: "Thánh vương nên biết, hiện nay thế gian này có nhiều chúng sinh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng các tôn trưởng, thọ trì tam tự quy, từ tâm, can gián, thành tín, không dối trá." Lúc bấy giờ, Thiên đế, Tứ Thiên vương cùng trời Tam thập tam đều mừng vui, không thể tự kiềm được, vì chúng chư Thiên sẽ tăng ích, chúng A-tu-luân sẽ tổn giảm.

Tỳ-kheo nên biết, ngày mười lăm, thời thuyết giới[27], đích thân Tứ Thiên vương xuống xem xét khắp thiên hạ, dò xét người dân, những chúng sinh nào hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các tôn trưởng, ưa thích bố thí, trì bát quan trai, trai pháp của Như Lai. Nếu không có chúng sinh nào hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng tôn trưởng, bấy giờ Tứ Thiên vương, trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui, đến chỗ Đế Thích, đem nhân duyên này bạch đầy đủ với Thiên đế: "Đại vương nên biết, hiện nay trong thế gian này, không có chúng sinh nào hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng các tôn trưởng." Thích Đề-hoàn Nhân, trời Tam thập tam, thảy đều trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui, vì chúng chư Thiên sẽ giảm, chúng A-tu-luân sẽ tăng thêm.

Hoặc giả, vào lúc ấy nếu có chúng sinh hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng các tôn trưởng, thọ trì bát quan trai, bấy giờ Tứ Thiên vương lại vui mừng phấn khởi, không thể tự kiềm chế được, liền đến chỗ Đế Thích đem nhân duyên này bạch đầy đủ với Thiên đế: "Đại vương nên biết, hiện nay trong thế gian này có nhiều chúng sinh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng các tôn trưởng." Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân, trời Tam thập tam, cùng Tứ Thiên vương đều mừng vui, phấn khởi, không thể tự kiềm được, vì chúng chư Thiên sẽ tăng ích, chúng A-tu-luân sẽ tổn giảm.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

[27] *Ngày Bố tát, Tăng thuyết giới, tức tụng giới Ba-la-đề-mộc-xoa.*

–Ngày mười lăm, trì pháp bát quan trai như thế nào?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Như Lai là vua các pháp, là ấn của các pháp. Nguyện xin Thế Tôn nên vì các Tỳ-kheo mà giảng rộng nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ phụng hành.

Thế Tôn bảo rằng:

–Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ! Ta sẽ phân biệt nói đầy đủ cho các ngươi nghe.

Ở đây, này Tỳ-kheo, nếu có thiện nam, thiện nữ nào vào ngày mười bốn, mười lăm trong tháng, là ngày trì trai thuyết giới, đến giữa bốn bộ chúng mà nói như vầy: "Hôm nay là ngày trai, tôi muốn trì pháp bát quan trai[28]. Nguyện xin Tôn giả vì con mà thuyết giới." Bấy giờ chúng bốn bộ nên dạy cho người đó pháp bát quan trai. Trước hết nên bảo người đó nói như vầy, "Này thiện nam, hãy tự xưng tên họ." Người kia đã xưng tên họ rồi, nên trao cho pháp bát quan trai. Bấy giờ, vị giáo thọ nên dạy người trước đó nói như vầy: "Nay tôi con vâng giữ trai pháp của Như Lai cho đến sáng sớm ngày mai, tu giới thanh tịnh, trừ bỏ pháp ác. Nếu thân làm ác, miệng thốt ra lời ác, ý sinh niệm ác; thân ba, miệng bốn, ý ba; các điều ác đã làm, sẽ làm, hoặc vì tham dục mà tạo, hoặc vì sân nhuế mà tạo, hoặc vì ngu si mà tạo, hoặc vì hào tộc mà tạo, hoặc vì nhân ác tri thức mà tạo, hoặc thân này, thân sau vô số thân, hoặc không hiểu Phật, không hiểu pháp, hoặc gây đấu loạn giữa các Tỳ-kheo Tăng, hoặc sát hại cha mẹ, chư tôn sư trưởng; nay con sám hối, không tự che giấu. Nương giới, nương pháp mà thành tựu giới hạnh của mình, thọ trì pháp bát quan trai của Như Lai."

Những gì là pháp bát quan trai? Thọ trì tâm, như Chân nhân[29], trọn đời không sát[30], không có tâm hại, có tâm Từ đối với chúng sinh; nay con tên là ... trì trai cho đến sáng sớm ngày mai không sát, không có tâm hại, có tâm Từ đối với tất cả chúng sinh.

---

28. Bát quan trai pháp 八關齋法; hay bát chi trai, bát chi cận trụ. Cf. Trung 55, kinh 202 (T1n26, tr. 770b24): Thánh bát chi trai 聖八支齋。Pāli: Aṭṭhaṅga-samannāgata-uposatha.

29. Chân nhân 真人, đây chỉ A-la-hán. Văn thọ tám chi trai, xem Trung 55, dẫn trên.

30. Văn thọ trai giới tám chi, Pāli, cf. A III 70 (R.i. 211): Yāvajīvaṃ arahanto Pāṇātipātaṃ pahāya (…) ahampajja imañca rattiṃ imañca divasaṃ Pāṇātipātaṃ pahāya (…), như A-la-hán trọn đời đoạn trừ sát sinh (…) tôi nay cũng một ngày một đêm đoạn trừ sát sinh (…).

Như A-la-hán không có tà niệm[31], trọn đời không trộm cắp, ham thích bố thí. Nay con tên là... trì trai cho đến sáng sớm ngày mai[32] không trộm cắp, từ nay đến ngày mai.

Thọ trì tâm, như Chân nhân trọn đời[33] không dâm dật[34], không có tà niệm, thường tu phạm hạnh, thân thể thơm khiết; con[35] hôm nay trì giới không dâm, cũng không nghĩ đến vợ mình, lại cũng không nghĩ tưởng đến người nữ khác, cho đến sáng sớm ngày mai, không xúc phạm.

Như A-la-hán suốt đời không nói dối, luôn biết thành thật, không dối người; tôi* từ nay đến ngày mai không nói dối. Con từ nay trở về sau[36] không nói dối nữa.

Như A-la-hán trọn đời[37] không uống rượu, tâm ý không loạn, thọ trì cấm giới của Phật không điều nào xúc phạm; nay con cũng như vậy, từ nay cho đến sáng mai không uống rượu, thọ trì giới cấm của Phật không xúc phạm.

Như A-la-hán trọn đời không hoại trai pháp[38], hằng ăn đúng thời, ăn ít biết đủ, không đắm trước mùi vị, nay con cũng như vậy, nguyện (trọn đời)[39] không hoại trai pháp, hằng ăn đúng thời, ăn ít biết đủ, không đắm trước mùi vị. Từ ngày nay đến sáng mai không xúc phạm.

Như A-la-hán (trọn đời)* hằng không ngồi trên giường cao rộng. (Giường cao rộng là giường vàng, bạc, ngà voi, hoặc giường sừng tòa của Phật, tòa của Bích-chi-phật, tòa của A-la-hán, tòa của các tông sư. A-la-hán không ngồi trên tám loại tòa này)[40], con cũng không phạm

---

31. Hán: Vô hữu tà niệm 無有邪念, nghi chép dư.

32. Bản Hán: Tận hình thọ 盡形壽, trọn đời. Hán chép nhầm. Theo văn chuẩn, nên sửa lại.

33. Bản Hán: Ngã kim tận hình thọ 我今盡形壽; chép dư hai chữ ngã kim. Thơ văn chuẩn, nên lược bỏ.

34. Văn chuẩn Pāli: Yāvajīvaṃ arahanto abrahmacariyaṃ pahāya brahmacārī ārācārī (…), như A-la-hán trọn đời đoạn trừ phi phạm hạnh, hành phạm hạnh (…).

35. Hán không có; nên thêm vào cho đúng quy tắc văn thọ giới.

36. Ý tưởng này không chuẩn xác đối với văn thọ giới tám chi. Đề nghị lược bỏ.

37. Hán không có, theo văn chuẩn nên thêm vào.

38. Ý nói: Không ăn sau ngọ. Văn chuẩn Pāli: Yāvajīvaṃ arahanto ekabhattikā rattìparatā viratā vikālabhojanā (…), Như A-la-hán trọn đời chỉ ăn một bữa, không ăn đêm, không ăn phi thời (…)

39. Hán: Tận hình thọ 盡形壽; Hán dịch hoàn toàn sai, nên cho vào ngoặc). Trai giới tám chi chỉ thọ trì một ngày một đêm.

40. Đoạn này nghi là phụ chú giải thích giới điều của người dịch, hay người truyền tụng, chứ không phải chính văn thọ giới, nên cho vào ngoặc. Văn đoạn này cũng thiếu lời nguyện "một ngày một đêm." Đề nghị thêm vào. Tham chiếu văn thọ Hán, Trung 55,

ngồi vào chỗ ngồi này[41].

Như A-la-hán (trọn đời) không đeo hương hoa, trang điểm phấn sáp; nay con cũng như vậy, nguyện một ngày một đêm[42] không đeo hương hoa, phấn sáp tốt đẹp[43].

Nay con tên là ... lìa tám việc này, nguyện trì pháp bát quan trai không, đọa vào ba đường dữ; nhờ công đức này mà không vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và tám nạn; thường được Thiện tri thức, không tùng sự ác tri thức; thường được sinh vào nhà cha mẹ tốt lành, không sinh vào nơi biên địa không Phật pháp, không sinh lên trời Trường thọ, không làm nô tỳ cho người, không làm Phạm thiên, không làm thân Đế Thích, cũng không làm Chuyển luân thánh vương; thường sinh trước Phật, tự mình thấy Phật, tự mình nghe pháp khiến các căn không loạn. Nếu con thề nguyện hướng đến ba thừa tu hành, thì sẽ chóng thành đạo quả.

Tỳ-kheo nên biết, nếu có Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào trì pháp bát quan trai này, thiện nam, thiện nữ đó sẽ hướng đến ba đường, hoặc sinh vào cõi người, hoặc sinh lên trời, hoặc Bát-niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Không sát, cũng không trộm
Không dâm, không nói dối
Tránh rượu, xa hương hoa
Người đắm vị phạm trai,
Ca múa cùng xướng hát
Học La-hán, tránh xa
Nay trì bát quan trai
Ngày đêm không quên mất,
Không có khổ sinh tử
Không có hạn luân hồi
Chớ tập cùng ân ái
Cũng chớ hội oán tắng.

đã dẫn.

41. Dịch ý. Để bản: Ngã diệc thượng tọa bất phạm thử tọa 我亦上坐不犯此坐: "Tôi cũng thượng tọa không phạn chỗ ngồi này" (?). Có sai sót trong tả bản này, nên các bản khác có sửa lại. TNM: bỏ 2 chữ "ngã diệc 我亦". Bản Thánh: Thượng tọa ngã diệc 上坐我亦. Nhưng cũng không làm cho văn sáng rõ hơn.

42. Nguyên Hán: Tận hình thọ; không đúng văn chuẩn, đề sửa lại như trên.

43. Điều học này còn thiếu phần nữa: Không ca, múa, xướng hát, và cố ý đi xem nghe. Xem thêm Pāli, và Trung 55 đã dẫn trên.

Nguyện diệt khổ năm ấm
Các bệnh não sinh tử
Niết-bàn không các hoạn
Nay Ta tự quay về.

Cho nên, này Tỳ-kheo, nếu có thiện nam, thiện nữ nào, muốn trì bát quan trai, lìa các khổ, được chỗ lành; muốn diệt tận các lậu, vào thành Niết-bàn, phải tìm cầu phương tiện thành tựu pháp bát quan trai này. Vì sao? Vinh vị ở cõi người không đủ làm cao quý, mà khoái lạc trên trời thì không thể kể xiết. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn cầu phước vô thượng, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu pháp bát quan trai này. Nay Ta răn dạy lại các ông, nếu có thiện nam, thiện nữ nào thành tựu bát quan trai, mà muốn cầu sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương, cũng sẽ đạt được nguyện này. Những gì mà người trì giới kia ước nguyện đều được như nguyện. Vì vậy nên Ta nói nghĩa này. Vinh vị cõi người không đủ làm cao quý. Nếu thiện nam, thiện nữ nào, trì bát quan trai, thân hoại mạng chung sẽ sinh cõi lành, trên trời, hoặc sinh Diễm thiên, Đâu-thuật thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, trọn không hư dối. Vì sao? Những gì mà người trì giới kia ước nguyện đều được như nguyện.

Các Tỳ-kheo, nay Ta nhắc lại cho các ông, nếu có thiện nam, thiện nữ nào trì bát quan trai, cũng thành tựu sở nguyện của mình sẽ sinh về các cõi trời Dục giới, sinh về các cõi trời Sắc giới. Vì sao như vậy? Những gì mà người trì giới kia ước nguyện đều được như nguyện.

Lại nữa, nếu có thiện nam, thiện nữ nào trì bát quan trai mà muốn sinh về các cõi trời Vô sắc, cũng được kết quả như sở nguyện kia.

Tỳ-kheo nên biết, nếu thiện nam, thiện nữ nào trì bát quan trai, muốn sinh vào nhà bốn chủng tánh, lại cũng được sinh.

Lại, thiện nam, thiện nữ nào trì bát quan trai, muốn cầu làm Thiên tử một phương, Thiên tử hai phương, ba phương, bốn phương thì cũng được như sở nguyện kia. Muốn cầu làm Chuyển luân thánh vương cũng được như sở nguyện kia. Vì sao? Những gì mà người trì giới kia ước nguyện đều được như nguyện.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn cầu thành Thanh văn, Duyên giác, Phật thừa, ắt sẽ thành tựu sở nguyện. Nay Ta thành Phật là nhờ trì giới kia. Năm giới, mười thiện, không nguyện nào là không được.

Các Tỳ-kheo, nếu muốn thành đạo kia, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 16

Phẩm 24: CAO TRÀNG (3)

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba sự hiện tiền, khi ấy thiện nam, thiện nữ được phước vô lượng. Những gì là ba? Nếu tín, khi ấy thiện nam, thiện nữ được phước vô lượng. Nếu tài, khi ấy thiện nam, thiện nữ được phước vô lượng. Nếu trì phạm hạnh[1], khi ấy thiện nam, thiện nữ được phước vô lượng. Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có ba sự hiện tiền thì được phước vô lượng.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Tín, tài, phạm khó được
Người thọ, người trì giới
Biết ba sự này rồi
Người trí tùy thời thí.
Luôn luôn được an ổn
Chư Thiên thường nâng đỡ
Nơi đó tự vui thú
Ngũ dục không đủ chán.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào, hãy tìm cầu phương tiện để thành tựu ba pháp này.

Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

[1] *Để bản: Trì phạm hạnh 持梵行。TNM: Trì phạm hạnh nhân 持梵行人, người trì phạm hạnh.*

-oOo-

Kinh số 8[2]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cù-sư-la[3], thành Câu-thâm[4]. Bấy giờ, Tỳ-kheo Câu-thâm thường ưa tranh tụng, phạm các ác hành. Mỗi khi đối diện bàn cãi, hoặc có lúc dùng dao gậy gia hại nhau[5]. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn đến chỗ các Tỳ-kheo kia. Đến nơi đó, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo kia:

–Này các Tỳ-kheo, cẩn thận chớ tranh tụng, chớ nói chuyện thị phi, mà nên cùng hòa hợp nhau. Cùng học một người, đồng nhất như nước với sữa, tại sao lại tranh tụng?

Bấy giờ Tỳ-kheo Câu-diễm-di bạch Thế Tôn rằng:

–Cúi xin Thế Tôn, chớ lo việc này, chúng con sẽ tự tư duy về lý này. Theo như lỗi lầm này, chúng con tự biết tội của nó.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, các ông vì dòng họ vua mà hành đạo, vì sợ hãi mà hành đạo, hay vì đời sống thiếu thốn mà hành đạo?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Không phải vậy, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào Tỳ-kheo, các ông há chẳng phải vì muốn lìa sinh tử, cầu đạo vô vi, nên hành đạo đó sao? Song thân năm ấm, thật không thể bảo toàn.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn, như lời dạy của Thế Tôn. Chúng con là những thiện gia nam tử xuất gia học đạo là vì lý do cầu đạo vô vi, diệt thân năm ấm, nên học đạo.

Thế Tôn bảo:

–Các Tỳ-kheo, không nên hành đạo mà lại đi đấu tranh, đấm đá

---

2. Tham chiếu Pāli, M. 48 Kosambiyasuttaṃ (R.i. 320ff); Hán, Trường 17, kinh 72 (T1n26, tr. 532c9)

3. Cù-sư-la viên 瞿師羅園。Pāli: Ghositārāma.

4. Câu-thâm 拘深; bản khác: Câu-thiểm-di. Pāli: Kosambi.

5. Xem Tứ Phần 43: vấn đề Câu-thiểm-di 拘睒彌捷度 (T22n1428, tr. 879b23); Thập Tụng 30: trường hợp Câu-xá-di 俱舍彌法 (T23n1435, tr. 214a20). Pāli, Mahāvagga, Vin. i. 337.

lẫn nhau, gặp mặt nhau là buông lời thị phi, xấu ác với nhau. Các ông cần phải thành tựu hạnh này. Cùng đồng một pháp, cùng theo một người, cũng nên thực hành sáu pháp tôn trọng[6] này, cũng nên thực hành thân, khẩu, ý hành này, cũng nên thực hiện việc cúng dường[7] các vị phạm hạnh.

Các Tỳ-kheo đáp rằng:

–Đây là việc của chúng con, không đáng cho Thế Tôn lo lắng việc này.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo Câu-thâm:

–Thế nào, những người ngu, các ông không tin những lời của Như Lai sao mà nói Như Lai chớ lo việc này? Các ông sẽ tự nhận báo ứng về tà kiến này.

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo kia rằng:

–Về quá khứ xa xưa, trong thành Xá-vệ này, có vua tên là Trường Thọ[8], thông minh trí tuệ, không việc gì không biết. Tuy thiện nghệ về môn đao kiếm nhưng lại thiếu bảo vật, các kho không đầy, tài sản sa sút, binh bốn bộ lại cũng không nhiều, thuộc hạ quần thần phò tá lại cũng ít ỏi.

Vào lúc bấy giờ, nước Ba-la-nại, có vua tên là Phạm-ma-đạt[9], dũng mãnh kiên cường, không đâu không hàng phục. Tiền của bảy báu đều đầy kho. Binh bốn bộ lại chủng không thiếu. Quần thần phò tá đầy đủ. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt tự nghĩ: "Vua Trường Thọ này, không có quần thần phò tá, lại thiếu của cải, không có trân báu. Nay ta có thể đến chinh phạt nước này."

Rồi vua Phạm-ma-đạt liền hưng binh đến chinh phạt nước kia. Vua Trường Thọ nghe việc hưng binh chinh phạt nước mình liền thiết

---

6. Lục chủng chi pháp 六種之法. Để bản chép nhầm trọng 重 thành chủng 種. Nên sửa lại là lục trọng pháp 六重法。Cũng thường nói là pháp lục hòa. Pāli, M.i. 322: "Chayime, bhikkhave, dhammā sāraṇīyā piyakaraṇā garukaraṇā saṅgahāya avivādāya sāmaggiyā ekībhāvāya saṃvattanti, "Này các Tỳ-kheo, có sáu pháp này, cần ghi nhớ, khiến thành thân yêu, tác thành sự tôn kính, đưa đến đoàn kết, không tranh tụng, hòa hợp, nhất trí."

7. Cúng dường, đây hiểu là tôn kính.

8. Trường Thọ vương 長壽王。Trung 17, ibid. Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la 拘娑羅國王. Pāli, Mahāvagga, Vin, i. 342: Dìghīti, vua nước Kosala. Chuyện cũng được kể trong Jātaka 428.

9. Phạm-ma-đạt 梵摩達。Trường 17, ibid., Phạm-ma-đạt-đá 梵摩達哆, vua nước Da-xá 加赦國王。(Pāli: nước Kāsi). Pāli, ibid. Brahmadatta, vua nước Kāsi, trị vì tại Bārāṇasī.

lập phương kế: "Nay tuy ta không có của cải bảy báu, thuộc hạ quần thần phò tá, binh bốn bộ. Vua kia tuy có nhiều binh chúng. Hôm nay theo sức một mình ta cũng đủ để tiêu diệt trăm ngàn binh chúng kia. Nhưng sát hại chúng sinh vô số kể, không thể vì vinh quang một đời mà tạo tội muôn đời. Nay ta có thể ra khỏi thành này, lánh tại nước khác để không xảy ra đấu tranh."

Bấy giờ vua Trường Thọ không nói với quần thần, đem Đệ nhất phu nhân, cùng một người nữa, ra khỏi thành Xá-vệ, vào trong núi sâu. Lúc này quần thần phò tá, nhân dân trong thành Xá-vệ, vì không thấy vua Trường Thọ, liền sai tín sứ đến chỗ vua Phạm-ma-đạt nói như vầy: "Cúi xin đại vương, đến đất nước này. Hiện tại vua Trường Thọ không biết ở đâu."

Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt đến nước Ca-thi cai trị. Vua Trường Thọ có hai phu nhân, đều mang thai sắp đến ngày sinh. Khi ấy phu nhân nằm mộng thấy sinh giữa đô thị. Lại thấy, vào lúc mặt trời mới mọc, binh bốn bộ tay cầm đao năm thước đứng vây quanh. Chỉ sinh một mình, không người giúp đỡ. Thấy vậy, bà giật mình thức giấc, đem nhân duyên này tâu với vua Trường Thọ. Vua bảo phu nhân rằng: "Chúng ta nay đang ở trong rừng sâu này, vì đâu mà bảo là sinh tại giữa đô thị trong thành Xá-vệ? Nay phu nhân mà sắp sinh thì phải sinh như nai."

Lúc ấy phu nhân nói: "Nếu tôi không được sinh như vậy, thì chắc tôi phải chết."

Khi vua Trường Thọ nghe những lời này, ngay trong đêm đó đổi y phục, không đem theo người nào, đi vào thành Xá-vệ. Bấy giờ vua Trường Thọ có một đại thần tên là Thiện Hoa[10], vốn rất thương mến nhau. Ông này nhân có chút việc ra khỏi thành, gặp vua Trường Thọ đang vào thành. Đại thần nhìn sững vua, liền bỏ đi, than thở rơi lệ, rồi cứ theo đường mà đi. Vua Trường Thọ đuổi theo đại thần kia, đến chỗ vắng nói rằng: "Xin cẩn thận chớ nói ra."

Đại thần đáp: "Sẽ theo như lời dạy của Đại vương. Không hiểu Minh vương có điều chi dạy bảo không."

Vua Trường Thọ nói: "Nhớ ơn xưa của ta thì nên đền trả."

Đại thần đáp: "Đại vương có ra lệnh, thần sẽ lo liệu xong."

Vua Trường Thọ nói: "Đêm qua, phu nhân của ta nằm mộng thấy

---

[10]. Thiện Hoa 善華。Trường, ibid., Phạm chí Quốc sư của vua Phạm-ma-đạt-đa. Pāli, ibid. Bà-la-môn tư tế (Purohita-brāhmaṇa) của vua Brahmadatta, bạn cũ của Dìghīti.

sinh giữa đô thị, lại có binh bốn bộ vây quanh; sinh ra một nam nhi rất là xinh đẹp. Nếu như không sinh theo mộng thì trong vòng bảy ngày sẽ chết."

Đại thần đáp: "Nay thần có thể lo việc này, theo như lời dạy của vua."

Nói lời này xong, mỗi người đi mỗi đường.

Sau đó, đại thần liền đến chỗ vua Phạm-ma-đạt. Đến nơi rồi, tâu như vầy: "Trong vòng bảy ngày, ý tôi muốn xem qua quân lính tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh của đại vương, rốt cuộc là nhiều ít." Vua Phạm-ma-đạt liền ra lệnh cho tả hữu: "Hãy hối thúc binh chúng theo lời Thiện Hoa."

Lúc này, trong vòng bảy ngày, đại thần Thiện Hoa tụ tập binh chúng tại giữa đô thị Xá-vệ. Khi ấy, trong vòng bảy ngày phu nhân kia đến ở giữa đô thị. Khi đại thần Thiện Hoa từ xa nhìn thấy phu nhân lại liền nói: "Hãy đến đây, hiền nữ. Nay là lúc thích hợp."

Phu nhân sau khi thấy binh lính bốn bộ rồi, lòng sinh hoan hỷ, sai người hầu cho giăng bức màn lớn. Khi mặt trời vừa lên phu nhân sinh hạ một nam nhi, đẹp đẽ vô song hiếm có trên đời. Khi phu nhân ôm đứa bé trở lại trong núi, vua Trường Thọ từ xa nhìn thấy phu nhân ôm đứa bé đến, liền bảo: "Mong con sống lâu dài, thọ mạng vô cùng."

Phu nhân thưa vua: "Xin vua đặt tên cho."

Vua liền đặt tên Trường Sinh[11].

Khi Thái tử Trường Sinh lên tám tuổi, phụ vương Trường Thọ có chút việc vào thành Xá-vệ. Bấy giờ có quan Kiếp-tỷ[12] ngày xưa của vua Trường Thọ thấy vua vào thành, liền ngắm kỹ mãi từ đầu đến chân. Thấy rồi, vội đến chỗ vua Phạm-ma-đạt thưa rằng: "Đại vương, thật là buông lung. Vua Trường Thọ hiện nay đang ở tại thành này."

Bấy giờ, nhà vua nổi giận, sai kẻ tả hữu vội vã tìm bắt vua Trường Thọ. Lúc này các đại thần tả hữu dẫn Kiếp-tỷ này theo, tìm kiếm khắp Đông, Tây. Khi kiếp-tỷ từ xa trông thấy vua Trường Thọ, liền chỉ và bảo đại thần: "Đây là vua Trường Thọ."

Họ liền đến bắt, dẫn tới chỗ vua Phạm-ma-đạt. Đến nơi, tâu rằng: "Đại vương, người này chính là vua Trường Thọ."

Nhân dân trong nước, tất cả đều nghe biết vua Trường Thọ đã bị bắt. Bấy giờ phu nhân cũng lại nghe vua Trường Thọ đã bị Phạm-ma-

---

11. Trường Sinh 長生。Pāli: Dghāvu.

12. Kiếp-tỷ 劫比。Pāli: Kappaka, người hớt tóc.

đạt bắt được. Nghe rồi, bà nghĩ: "Nay ta còn sống để làm gì? Thà cùng chết với Đại vương một lúc." Phu nhân liền dẫn thái tử vào thành Xá-vệ.

Phu nhân bảo thái tử rằng: "Nay con hãy tìm chỗ sống."

Thái tử Trường Sinh nghe xong, im lặng không nói. Phu nhân đi thẳng đến chỗ vua Phạm-ma-đạt. Vua từ xa nhìn thấy bà đến vui mừng phấn khởi, không tự kiềm chế được, liền bảo đại thần đem phu nhân này cùng vua Trường Thọ đến ngã tư đường phân thành bốn đoạn. Các đại thần vâng theo lệnh vua, đem vua Trường Thọ và phu nhân trói ngược dẫn quanh thành Xá-vệ cho muôn dân thấy. Bấy giờ, nhân dân không ai là không đau lòng. Lúc đó thái tử Trường Sinh ở trong đám đông thấy cha mẹ bị đem đến chợ để giết, vẻ mặt không đổi.

Khi ấy vua Trường Thọ quay lại bảo Trường Sinh rằng: "Con đừng nhìn dài, cũng đừng chớ nhìn ngắn[13]."

Sau đó nói bài kệ này:

Oán oán không dừng nghỉ
Pháp này có từ xưa
Không oán mới thắng oán
Pháp này luôn bất hủ.[14]

Bấy giờ các đại thần bảo nhau rằng: "Vua Trường Thọ này mê loạn quá mức rồi. Thái tử Trường Sinh là người nào mà ở trước chúng ta nói kệ này?"

Lúc ấy, vua Trường Thọ bảo quần thần rằng: "Ta không mê loạn. Ở đây, chỉ có người trí mới hiểu lời ta. Chư hiền nên biết, chỉ dùng sức một người như ta đủ để có thể phá tan trăm vạn người này."

Nhưng ta lại nghĩ như vầy: "Những chúng sinh bị chết này khó mà tính số. Không thể vì một thân ta mà chịu tội nhiều đời.

Oán oán không dừng nghỉ
Pháp này có từ xưa
Không oán mới thắng oán
Pháp này luôn bất hủ."

Rồi quần thần kia đem vua Trường Thọ và phu nhân đến ngã tư đường phân làm bốn đoạn rồi, sau bỏ về nhà. Lúc đó thái tử Trường sinh chờ cho đến chiều, gom góp cây cỏ, hỏa táng cha mẹ xong rồi đi.

---

13. Được hiểu là không nhìn xa cũng không nhìn gần; nghĩa là chớ trông đợi báo thù. Pāli: Mā kho tvaṃ, tāta dīghāvu, dīghaṃ passa, mā rassaṃ.

14. Pāli, Dhp. 5.

Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt ở trên lầu cao, từ xa trông thấy một đứa bé hỏa táng vua Trường Thọ và phu nhân. Thấy vậy sai kẻ tả hữu rằng: "Đây ắt là thân quyến của vua Trường Thọ. Các ngươi hãy nhanh chóng bắt về đây."

Các thần dân liền đến chỗ đó. Chưa đến kịp thì cậu bé đã chạy mất rồi. Bấy giờ thái tử Trường Sinh tự nghĩ: "Vua Phạm-ma-đạt này giết cha mẹ ta, lại ở trong nước ta. Nay ta phải báo oán cho cha mẹ ta." Thái tử liền tìm đến chỗ người dạy đàn.

Đến nơi đó, nói như vầy: "Nay con muốn học đàn."

Người dạy đàn hỏi: "Con họ gì? Cha mẹ ở đâu?"

Cậu bé đáp: "Con không còn cha mẹ. Con vốn ở trong thành Xá-vệ này. Cha mẹ đã mất sớm."

Người dạy đàn bảo: "Con muốn học thì học."

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ thái tử Trường Sinh học đàn, học ca, học hát kịch. Thái tử Trường Sinh vốn có tố chất thông minh, nên chưa qua mấy ngày mà đã có thể đàn, ca, hát kịch. Không thứ gì không biết.

Sau đó, thái tử Trường Sinh ôm đàn đến chỗ vua Phạm-ma-đạt. Khi vắng người ở trong chuồng voi, cậu một mình đàn và cất tiếng ca trong veo. Lúc ấy vua Phạm-ma-đạt đang ngồi trên lầu cao nghe tiếng đàn ca, liền hỏi kẻ tả hữu rằng: "Người nào ở trong chuồng voi, đàn ca vui thú một mình vậy?"

Kẻ tả hữu tâu: "Ở trong thành Xá-vệ này, có một cậu bé thường đàn ca vui thú một mình."

Vua bèn bảo quân hầu rằng: "Ngươi hãy khiến cậu bé này đến chơi tại đây. Ta muốn gặp nó."

Người được sai kia vâng lời dạy của vua, đến gọi cậu bé này đến chỗ vua.

Vua Phạm-ma-đạt hỏi cậu bé: "Đêm hôm qua ngươi đàn ở trong chuồng voi phải không?"

Tâu: "Đúng vậy, Đại vương."

Phạm-ma-đạt hỏi: "Nay ngươi có thể ở bên cạnh ta, đánh đàn, ca, múa. Ta sẽ cung cấp quần áo, đồ ăn thức uống."

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ, thái tử Trường Sinh ở trước Phạm-ma-đạt đánh đàn, ca, múa, rất là tuyệt diệu. Khi vua Phạm-ma-đạt nghe tiếng đàn này, trong lòng vô cùng hoan hỷ, liền bảo thái tử Trường Sinh: "Hãy giữ kho bảo vật của ta."

Thái tử Trường Sinh chấp hành lệnh của vua, chưa từng bị thất thoát; hằng tùy thuận ý vua, cười trước nói sau, luôn nhường ý vua. Bấy

giờ vua Phạm-ma-đạt lại ra lệnh rằng: "Lành thay, lành thay! Hiện tại ngươi là người rất thông minh. Nay ta cho ngươi vào nội cung, coi sóc mọi thứ, được không?"

Khi thái tử Trường Sinh ở trong nội cung, đem tiếng đàn dạy cho các cung nữ, lại cũng dạy cỡi voi, cỡi ngựa, các kỹ thuật, không việc gì không biết.

Bấy giờ, ý vua Phạm-ma-đạt muốn xuất du, dạo xem vườn rừng, cùng vui thú, liền sai thái tử Trường Sinh nhanh chóng sửa soạn xe có gắn lông chim. Thái tử Trường Sinh vâng lệnh vua, lo chuẩn bị xe có gắn lông chim, trải thảm lên voi, thắng yên cương bằng vàng bạc xong, trở lại tâu vua: "Đã sửa soạn xe xong, xin vua nên biết đã đến giờ."

Vua Phạm-ma-đạt đi xe có gắn lông chim, sai Trường Sinh điều khiển, cùng đem theo binh chúng bốn bộ. Lúc này, thái tử Trường Sinh điều khiển xe dẫn đường, luôn luôn cách ly quân chúng.

Vua Phạm-ma-đạt hỏi thái tử Trường Sinh: "Hiện tại binh lính ở đâu?"

Trường Sinh tâu: "Thần cũng không biết quân lính ở đâu."

Vua bảo: "Hãy dừng lại một chút. Người ta mỏi mệt vô cùng; muốn dừng nghỉ một chút."

Thái tử Trường Sinh liền cho dừng lại để vua nghỉ ngơi trong chốc lát khi quân lính chưa đến.

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ vua Phạm-ma-đạt gối đầu trên đầu gối thái tử Trường Sinh ngủ say. Bấy giờ thái tử Trường sinh thấy vua đang ngủ, liền nghĩ: "Vua này là kẻ thù lớn nhất của ta, đã bắt giết cha mẹ ta, lại còn ở trên đất nước ta. Nay mà không báo oán thì lúc nào sẽ báo? Bấy giờ ta phải dứt mạng hắn." Thái tử Trường Sinh tay phải rút kiếm, tay trái tóm tóc vua; nhưng lại tự nghĩ: "Lúc cha ta sắp lâm chung đã bảo ta rằng: 'Trường Sinh nên biết, đừng nhìn dài, cũng đừng nhìn ngắn.' Còn nói bài kệ này:

Oán oán không dừng nghỉ
Pháp này có từ xưa
Không oán mới thắng oán
Pháp này luôn bất hủ.

Nay ta nên bỏ oán này." Rồi tra kiếm vào vỏ. Ba phen như vậy, lại tự nghĩ: "Vua này kẻ thù lớn nhất của ta, đã bắt giết cha mẹ ta, lại còn ở trên đất nước ta. Nay mà không báo oán thì lúc nào sẽ báo? Nay đúng là lúc ta phải dứt mạng hắn, mới gọi là báo oán." Rồi lại nhớ đến: "Trường Sinh, con đừng nhìn dài, cũng đừng nhìn ngắn. Phụ vương có

những lời dạy này:

Oán oán không dừng nghỉ
Pháp này có từ xưa
Không oán mới thắng oán
Pháp này luôn bất hủ.

Nay ta hãy bỏ oán này." Liền tra kiếm vào vỏ. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt lại mộng thấy con trai vua Trường Thọ là thái tử Trường Sinh muốn bắt mình giết, vì vậy nên kinh sợ thức giấc. Thái tử Trường Sinh thưa: "Đại vương! Vì sao nổi kinh sợ đến như vậy?"

Phạm-ma-đạt nói: "Lúc ngủ ta mộng thấy con trai vua Trường Thọ là thái tử Trường Sinh rút kiếm muốn bắt ta giết. Cho nên ta kinh sợ!"

Bấy giờ, thái tử Trường sinh tự nghĩ: "Hiện tại vua này đã biết ta là thái tử Trường sinh." Tay phải vội rút kiếm, tay trái tóm tóc mà nói vua rằng: "Hiện tại, tôi chính là thái tử Trường Sinh con trai của vua Trường Thọ. Song vua là kẻ thù lớn nhất của ta, đã bắt giết cha mẹ ta, lại còn ở trên đất nước ta. Nay không báo oán thì đợi lúc nào?"

Vua Phạm-ma-đạt liền quay qua Trường Sinh mà nói rằng: "Nay mạng của ta ở trong tay ngươi, xin được toàn mạng!"

Trường Sinh đáp: "Tôi có thể cho vua sống. Nhưng vua không để tôi toàn mạng!"

Vua trả lời Trường Sinh: "Xin tha mạng. Ta không bao giờ giết ngươi."

Bấy giờ thái tử Trường Sinh cùng vua thề rằng: "Cả hai cùng tha mạng cho nhau, không bao giờ hại nhau."

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ thái tử Trường Sinh liền tha mạng sống cho vua. Lúc đó vua Phạm-ma-đạt bảo Thái tử Trường Sinh rằng: "Xin Thái tử cùng tôi trở lại chuẩn bị xe lông chim để trở về nước."

Bấy giờ, thái tử liền chuẩn bị xe lông chim, cả hai cùng ngồi trên xe về đến thành Xá-vệ. Vua Phạm-ma-đạt liền tập họp quần thần nói rằng: "Nếu các khanh gặp con trai vua Trường Thọ, sẽ làm gì?"

Trong đó, hoặc có đại thần tâu rằng: "Sẽ chặt chân tay."

Hoặc có vị tâu: "Sẽ phân thân làm ba đoạn."

Hoặc có vị tâu: "Sẽ bắt giết đi."

Lúc đó thái tử Trường Sinh ngồi bên cạnh vua, chánh thân, chánh ý suy nghĩ về những lời nói này. Bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt đích thân tự tay nắm lấy tay thái tử nói với mọi người rằng: "Đây là thái tử Trường

Sinh. Con trai vua Trường Thọ, chính là người này. Các khanh không được nói lại những lời như vậy. Vì sao? Vì thái tử Trường Sinh đã tha mạng sống cho ta. Ta cũng tha mạng sống cho người này."

Quần thần sau khi nghe những lời này, khen là chưa từng có. Thái tử con vua này thật là kỳ đặc, đối với oán mà có thể không báo oán.

Lúc đó vua Phạm-ma-đạt hỏi Trường sinh: "Đáng ra ngươi bắt ta giết. Nhưng tại sao lại tha không giết? Có nhân duyên gì? Nay xin được nghe."

Trường Sinh đáp: "Đại vương khéo lắng nghe! Khi phụ vương tôi sắp lâm chung, dặn lại rằng: Nay con chớ nhìn dài, cũng chớ nhìn ngắn. Lại dặn những lời này:

Oán oán chẳng dừng nghỉ
Từ xưa có pháp này
Không oán hay thắng oán
Pháp này luôn bất tử."

Các đại thần khi nghe những lời này của phụ vương tôi, đều bảo với nhau rằng: "Vua này mê loạn nên nói lung tung. Vậy chớ Trường Sinh là người nào?"

Vua Trường Thọ đáp: "Các khanh nên biết, trong đây có người trí sẽ rõ những lời này. Khi nhớ lại những lời này của phụ vương, cho nên tôi tha cho vua toàn mạng."

Vua Phạm-ma-đạt sau khi nghe những lời này rồi, lấy làm lạ lùng và khen là chưa từng có ai có thể giữ lời dạy dỗ của người cha quá cố không để trái phạm.

Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt nói thái tử rằng: "Ý nghĩa của những lời ông nói hôm nay, ta vẫn chưa hiểu. Nay hãy nói cho ta nghĩa của chúng để ta được thông suốt."

Thái tử Trường Sinh đáp: "Đại vương khéo lắng nghe! Tôi sẽ nói. Vua Phạm-ma-đạt bắt vua Trường Thọ giết. Nếu có quần thần rất thân tín nào của vua Trường Thọ bắt vua giết, thì lại có quần thần phò tá của vua Phạm-đạt-ma cũng sẽ bắt quần thần phò tá của vua Trường Thọ mà giết. Đó gọi là oan oán không bao giờ dứt tuyệt. Muốn đoạn tuyệt oán này chỉ có người không báo oán. Vì tôi đã xét nghĩa này nên không giết vua."

Vua Phạm-đạt-ma nghe những lời này xong, nghĩ vị vương tử này rất là thông minh, mới có thể quảng diễn được nghĩa này, nên lòng rất vui mừng hớn hở không tự kiềm chế được.

Lúc ấy vua Phạm-đạt-ma liền hướng về vương tử sám hối tội lỗi

của mình là đã bắt giết vua Trường Thọ. Sau đó cõi lấy mũ mình đội cho Trường Sinh, rồi gả con gái và giao nước Xá-vệ cùng nhân dân lại cho Trường Sinh thống lãnh. Vua trở về cai trị Ba-la-nại.

Tỳ-kheo nên biết, các nhà vua thời thượng cổ đã có pháp thường này. Tuy có sự tranh giành đất nước như vậy, nhưng vẫn còn nhẫn nhịn nhau chứ không làm tổn hại nhau. Huống chi các ông là Tỳ-kheo, vì lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, xả bỏ lòng tham dục, sân nhuế, ngu si, nay lại tranh khắc nhau, không hòa thuận nhau, không ai nhịn nhau, không chịu hối cải. Này các Tỳ-kheo, căn cứ vào nhân duyên này mà biết rằng tranh cãi chẳng phải là điều nên làm. Cùng một thầy học, như nước với sữa, chớ tranh tụng nhau.

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói bài kệ này:

Không tranh, cũng không cãi
Tâm Từ thương tất cả
Tất cả không ưu hoạn
Điều chư Phật ngợi khen.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, cần phải tu hạnh nhẫn nhục. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ Tỳ-kheo Câu-thâm bạch Đức Thế Tôn:

–Nguyện xin Thế Tôn, chớ lo việc này. Chúng con sẽ tự phân giải sự việc này. Thế Tôn tuy có dạy những lời này. Nhưng sự việc không phải vậy.

Thế rồi, Thế Tôn liền bỏ đi đến nước Bạt-kỳ.

Bấy giờ[15] trong nước Bạt-kỳ có ba thiện gia nam tử là A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la[16]. Các vị thiện gia nam tử này cùng giao ước với nhau: "Nếu ai ra đi khất thực, vị còn lại sau phải rưới nước[17], quét đất sạch sẽ, không sót việc gì. Vị đi khất thực về sẽ chia phần cho ăn. Đủ chia thì tốt, không đủ tùy ý ăn phần mình. Cơm còn dư, đổ vào đồ đựng, rồi bỏ đó mà đi. Nếu vị nào khất thực về sau cùng đủ thì tốt, không đủ thì lấy cơm trong đồ đựng kia rồi bỏ vào bát mình mà ăn nhưng phải tự

---

15. Từ đây trở xuống, tương đương Pāli, M. 128 Upakkilesasuttaṃ (R.iii. 155ff).

16. A-na-luật 阿那律 (Anuruddha), Nan-đề 難提 (Nandiya), Kim-tỳ-la 金毘羅 (Kimbīla), ba vương tử họ Thích. Pāli, ibid., ba vị này ở trong vườn Nai Pācivaṃsa (Migadāya), vương quốc Cetiya. Trung 17, đã dẫn, nói ba vị này đang trú tại rừng Ban-ba-man-xà tự 般那蔓闍寺林。

17. Hán: Hậu trụ giả. Nhưng Hán dịch này không rõ, hoặc có nhầm lẫn. Các Tỳ-kheo sáng sớm phải đi khất thực. Trung 17, và M 128 đều nói việc phân công này chỉ sau khi khất thực về. Ai về trước, ai về sau, phải làm gì.

để vào bát mình. Sau đó xách bình nước đặt một nơi. Mỗi ngày phải quét sạch nhà cửa, rồi tìm nơi vắng vẻ chánh thân chánh ý cột niệm trước mặt tư duy diệu pháp. Họ tự tuyệt đối im lặng, không nói chuyện với nhau.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật tư duy dục bất tịnh tưởng[18], có niệm, khinh an và hỷ[19] mà vào Sơ thiền. Lúc đó, Nan-đề và Kim-tỳ-la biết trong tâm niệm của A-na-luật, nên cũng tư duy dục bất tịnh tưởng, có niệm, khinh an và hỷ* mà vào Sơ thiền. Nếu Tôn giả A-na-luật tư duy Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, bấy giờ Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng tư duy Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Nếu Tôn giả A-na-luật tư duy không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tưởng vô tưởng xứ, Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng lại tư duy không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tưởng vô tưởng xứ. Nếu Tôn giả A-na-luật tư duy diệt tận định, bấy giờ Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng lại tư duy diệt tận định. Như các pháp này, các Hiền giả cũng tư duy như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn đến nước Sư tử[20], lúc đó người giữ vườn[21] từ xa trông thấy Thế Tôn đến, liền thưa:

–Sa-môn chớ vào trong vườn! Vì sao? Vì trong vườn này có ba vị thiện gia nam tử tên là A-na-luật, Nan-đề và Kim-tỳ-la. Hãy cẩn thận chớ quấy nhiễu họ.

Lúc đó, Tôn giả A-na-luật bằng Thiên nhĩ thông nghe người giữ vườn nói với Thế Tôn như vậy, không để Ngài vào vườn*, Tôn giả A-na-luật liền ra bảo người giữ cửa[22] rằng:

–Chớ ngăn! Nay Thế Tôn đến đây, là muốn đến thăm chỗ này.

Sau đó Tôn giả A-na-luật liền vào báo Kim-tỳ-la:

–Đi nhanh, Thế Tôn hiện đang ở ngoài cửa vườn.

---

18. Dục bất tịnh tưởng 欲不淨想; quán tưởng dục là bất tịnh. Chính xác, đây hiểu là tu bất tịnh tưởng (Pāli: Asubhasaññā). Nhưng theo Trung 17, M 128, Tôn giả này tu quang minh tưởng (obhāsa). Có sự liên hệ gì giữa asubha (Skt. Azubha) và obhāsa (Skt. Avabhāsa)?

19. Niệm thị hỷ an 念恃喜安。

20. Sư tử quốc 師子國。Có lẽ là tên khu vườn chứ không phải tên nước. Theo ngữ cảnh dưới, nên hiểu đây là một khu vườn. Xem cht. dưới. Pāli: Sīha (Skt. Siṃha)? Không thấy trong danh sách các nước đương thời Phật. Hoặc có liên hệ phát âm nào giữa Migadāya (Skt. Mfgadāya), khu vườn họ đang ở, với Migarājā (Skt. Mfgarājā), từ khác chỉ Sư tử?

21. Để bản: Thủ quốc nhân 守國人。TNM: Thủ viên nhân 守國人。

22. Thủ môn nhân 守門人。Có lẽ là người giữ vườn như trên.

Bấy giờ, ba Tôn giả liền rời khỏi Tam-muội[23], đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Mỗi vị tự thưa:

–Lành thay, Thế Tôn đã đến!

Tôn giả A-na-luật đón lấy bình bát Thế Tôn. Tôn giả Nan-đề trải chỗ ngồi. Tôn giả Kim-tỳ-la lấy nước cho Thế Tôn rửa chân.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-na-luật:

–Ba ông ở đây hòa hợp không có trái ý nhau? Khất thực có như ý không?

A-na-luật thưa:

–Thật vậy, bạch Thế Tôn, khất thực không gì khó nhọc. Vì sao? Vì khi con tư duy Sơ thiền, bấy giờ Nan-đề, Kim-tỳ-la cũng tư duy Sơ thiền. Nếu con tư duy Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tưởng vô tưởng xứ, diệt tận định, lúc đó Nan-đề, Kim-tỳ-la cũng tư duy Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tưởng vô tưởng xứ, diệt tận định. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con tư duy về pháp này.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay, A-na-luật! Vào lúc ấy các ông có đạt được pháp thượng nhân không?

A-na-luật thưa:

–Thật vậy, thưa Thế Tôn, chúng con đạt được pháp thượng nhân.

Thế Tôn bảo:

–Pháp thượng nhân là gì?

A-na-luật thưa:

–Có pháp vi diệu này vượt lên trên pháp thượng nhân. Nếu chúng con lại rải tâm Từ trải đầy khắp một phương; hai phương, ba phương, bốn phương cũng lại như vậy; bốn phía, trên dưới cũng lại như vậy; trong tất cả, mỗi mỗi đều rải tâm Từ trải đầy khắp trong đó, vô số, vô hạn, không thể tính hết, mà tự vui thú*. Lại rải tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Hộ (xả) đầy khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương và bốn phía, trên dưới mà tự vui thú cũng lại như vậy. Đó gọi là, bạch Thế Tôn, chúng con đạt thêm được pháp thượng nhân nữa.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đề, Kim-tỳ-la nói với A-na-luật:

–Có bao giờ chúng tôi đến Tôn giả để hỏi nghĩa này đâu, mà hôm

---

[23] Hán: Tùng Tam-muội khởi 從三昧起。Có lẽ nguyên là nói "từ chỗ thiền tọa đứng dậy." Người chép kinh hiểu nhầm chỗ thiền tọa với thiền định (Tam-muội). Pāli thường gặp: Paṭisallānà vuṭṭhito. Hán cũng thường dịch: Tùng thiền định giác.

nay trước Thế Tôn lại tự nói như vậy?

Tôn giả A-na-luật đáp:

–Các Hiền giả cũng chưa bao giờ đến tôi để hỏi nghĩa này. Nhưng chư Thiên đã đến chỗ tôi mà nói nghĩa này, cho nên ở trước Thế Tôn tôi nói nghĩa này vậy. Lại nữa, lâu nay tôi biết tâm ý của các Hiền giả, là các Hiền giả đã đạt được Tam-muội này, nên ở trước Thế Tôn tôi nói những lời này.

Trong lúc thuyết pháp này, đại tướng Trường Thọ đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi đại tướng Trường Thọ[24] bạch Thế Tôn:

–Hôm nay có phải Thế Tôn vì các Tỳ-kheo này mà thuyết pháp?

Lúc ấy Thế Tôn đem nhân duyên này kể lại cho đại tướng Trường Thọ. Đại tướng bạch Thế Tôn:

–Đại quốc Bạt-kỳ sớm được lợi lớn, vì có ba thiện gia nam tử A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la này du hóa.

Thế Tôn bảo:

–Đại tướng, đúng vậy, như lời ông nói. Đại quốc Bạt-kỳ được thiện lợi. Hãy không nói đại quốc Bạt-kỳ, mà đại quốc Ma-kiệt cũng được thiện lợi mới có ba vị thiện gia nam tử này. Nếu mọi người dân trong đại quốc Ma-kiệt này mà nhớ đến ba thiện gia nam tử này, sẽ được an ổn lâu dài. Đại tướng nên biết, nếu huyện ấp, thành quách nào có ba vị thiện gia nam tử này ở trong những thành quách đó, mọi người dân sẽ được an ổn lâu dài. Nhà nào sinh ra ba vị thiện gia nam tử này cũng được lợi lớn, vì đã sinh ra người được tôn quý nhất này. Cha mẹ năm đời thân tộc của họ, nếu nhớ đến ba người này thì cũng được lợi lớn. Nếu trời, rồng, quỷ, thần nhớ đến ba thiện gia nam tử này, thì cũng được lợi lớn. Nếu có người nào khen ngợi bậc A-la-hán thì, cũng nên khen ngợi ba người này. Nếu có người nào khen ngợi người không tham dục, không ngu si, không sân nhuế thì, cũng nên khen ngợi ba người này. Nếu có người nào khen ngợi người có ruộng phước này thì, cũng nên khen ngợi ba người này. Như Ta ở trong ba a-tăng-kỳ kiếp thực hành cần khổ thành Vô thượng đạo, khiến ba người này thành tựu nghĩa pháp này. Cho nên Đại tướng đối với ba thiện gia nam tử này nên khởi lòng hoan hỷ. Đại tướng, hãy học điều này như vậy.

Đại tướng sau khi nghe những gì Thế Tôn dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

24. Trường Thọ Đại tướng 長壽大將 (?).

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba kết sử trói buộc chúng sinh khiến không thể từ bờ này đến bờ kia được. Những gì là ba? Là thân tà, giới đạo, nghi[25].

Thế nào gọi là kết bởi thân tà? Chấp thân có ngã, nảy sinh tưởng về tôi ta, có tưởng về chúng sinh, có mạng, có thọ, có nhân, có sĩ phu, có duyên, có trước. Đó gọi là kết bởi thân tà.

Thế nào là kết bởi nghi? Có ngã chăng? Vô ngã chăng? Có sinh chăng? Không sinh chăng? Có ngã, nhân, thọ, mạng, chăng? Không ngã, nhân, thọ, mạng chăng? Có phụ mẫu chăng? Không phụ mẫu chăng? Có đời này, đời sau chăng? Không đời này, đời sau chăng? Có Sa-môn, Bà-la-môn chăng? Không Sa-môn, Bà-la-môn chăng? Đời có A-la-hán chăng? Đời không A-la-hán chăng? Có người chứng đắc chăng? Không người chứng đắc chăng? Đó gọi là kết bởi nghi.

Thế nào là kết bởi giới đạo? Ta do giới này mà sinh vào gia đình dòng họ lớn, sinh nhà trưởng giả, sinh nhà Bà-la-môn, hoặc sinh lên trời, hay trong các thần. Đó gọi là kết của giới đạo.

Như vậy, này Tỳ-kheo, có ba kết này trói buộc chúng sinh, khiến không thể từ bờ này đến bờ kia. Giống như hai con bò cùng một ách tất không rời nhau[26]. Chúng sinh này cũng lại như vậy, bị ba kết trói chặt không thể từ bờ này đến bờ kia được.

Thế nào là bờ này, thế nào là bờ kia? Bờ này chính là thân tà; bờ kia chính là thân tà bị diệt. Này Tỳ-kheo, đó gọi là ba kết trói buộc chúng sinh, không thể từ bờ này đến bờ kia. Cho nên, này các Tỳ-kheo, cần phải tìm cách tiêu diệt ba kết này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

---

[25] Thân tà, giới đạo, nghi 身邪・戒盜・疑 ・Cf. Trung 1 (T1n26, tr. 424b28): "Thân kiến 身見, giới thủ 戒取, nghi 疑, ba kết đoạn tận, đắc Tu-đà-hoàn." Tỳ-bà-sa 46 (T27n1545, tr. 237c5), ba kết: Hữu thân kiến 有身見, giới cấm thủ 戒禁取, nghi 疑. Pāli, cf. D 33 Saṅgīti (R.iii. 216): Tiṇi saṃyojanāni–sakkāyadiṭṭhi, vicikicchā, sīlabbataparàmāso.

[26] Định nghĩa từ Pl. Saṃyojana (=Skt.), do yuga: Cách ách, và động từ yuñjati: Buộc vào ách.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10[27]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba Tam-muội này. Những gì là ba? Là Không Tam-muội, Vô tưởng Tam-muội, Vô nguyện Tam-muội[28].

Thế nào là Không Tam-muội? Không là quán tất cả các pháp đều là không hư. Đó gọi là Không Tam-muội.

Thế nào là Vô tưởng Tam-muội? Vô tưởng là đối với tất cả các pháp tất cả đều không tưởng niệm gì, cũng không có gì được thấy. Đó gọi là Vô tưởng Tam-muội.

Thế nào là Vô nguyện Tam-muội? Vô nguyện là đối với tất cả các pháp cũng không mong cầu. Đó gọi là Vô nguyện Tam-muội.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, ai không đạt được ba Tam-muội này thì ở lâu nơi sinh tử, không thể tự giác ngộ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện đạt được Tam-muội này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Tràng, Tỳ-sa, Pháp vương
Cù-mặc, thần túc hóa

---

27. Tham chiếu Pāli, A III 163 (R.i. 299).

28. Pāli, A. ibid.: Rāgassa, abhiññāya tayo dhammā bhāvetabbā. Suññato samādhi, animitto samādhi, appaṇihito samādhi–để biết rõ tham, hay tu ba pháp: Không Tam-muội, Vô tướng Tam-muội, Vô nguyện Tam-muội. Cf. Câu-xá 28 (T29n1558, tr. 149c13), có ba đẳng trì (=Tam-muội): Không 空 , Vô nguyện 無願 , Vô tướng 無相。

Trai giới, hiện tại tiền
Trường Thọ, kết, Tam-muội.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 17

Phẩm 25: TỨ ĐẾ

Kinh số 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nên tu tập pháp bốn Đế. Những gì là bốn?

1. Khổ đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận.

2. Khổ tập đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận.

3. Khổ tận đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận.

4. Khổ xuất yếu đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận.

Thế nào là Khổ đế? Khổ đế, là khổ bởi sinh, khổ bởi già, khổ bởi bệnh, khổ bởi chết, khổ bởi buồn lo phiền não, khổ bởi oán ghét gặp nhau, khổ bởi ân ái bị chia lìa, khổ bởi những gì cầu mà không được, nói tóm lại là khổ bởi năm thạnh ấm[2]. Đó gọi là sự thật về khổ.

Thế nào là Khổ tập đế? Tập đế, là ái tương ưng với dục, tâm thường nhiễm đắm. Đó gọi là Khổ tập đế.

Thế nào là Khổ tận đế? Tận đế, là dục ái bị diệt tận không còn tàn dư, không tái sinh khởi. Đó gọi là Khổ tận đế.

Thế nào là Khổ xuất yếu đế? Khổ xuất yếu, là tám phẩm đạo Hiền thánh. Nghĩa là chánh kiến, chánh trị, chánh ngữ, chánh hành, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh Tam-muội. Đó gọi là Khổ xuất yếu đế.

---

[1] Tham chiếu Pāli, S. 56. 21 Vijjā (R. v. 431).

[2] Ngũ thạnh ấm 五盛陰, tức năm thủ uẩn (Pāli: Pañca-upādānakkhandha).

Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có bốn đế này là thật hữu, không hư dối, là điều mà Thế Tôn nói, cho nên gọi là đế. Trong các loài chúng sinh hai chân, bốn chân ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, Như Lai là tối thượng, đã thành tựu bốn Đế này, nên gọi là bốn Đế.

Đó gọi là, này các Tỳ-kheo, có bốn Đế mà do không giác tri nên sống chết xoay vần mãi trong năm nẻo. Nay Ta do đạt được bốn Đế này, từ bờ này đến bờ kia, thành tựu nghĩa này, đoạn trừ cội gốc sinh tử, như thật biết rằng không còn tái sinh nữa.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Nay có pháp bốn Đế
Nếu không như thật biết
Luân hồi trong sinh tử
Quyết không được giải thoát.
Như nay có bốn Đế
Đã giác, đã hiểu rõ
Nên đoạn gốc sinh tử
Cũng không còn tái sinh.

Nếu có bốn bộ chúng nào không được Đế này, không giác, không tri, sẽ đọa vào năm nẻo. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn Đế này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn pháp này, lợi ích nhiều cho mọi người. Những gì là bốn? Pháp thứ nhất là nên gần gũi Thiện tri thức. Thứ hai là nên nghe pháp. Thứ ba là nên biết pháp. Thứ tư là nên phân minh pháp và pháp tướng. Đó gọi là, này Tỳ-kheo có bốn pháp này, lợi ích nhiều cho mọi người[3].

---

[3] *Cf. Tập Dị 6 (T26n1536, tr. 393a11), Pháp Uẩn 2 (T26n1537, tr. 458b26), bốn Dự lưu chi 預流支: Thân cận thiện sĩ 親近善士, thính văn chánh pháp 聽聞正法, như lý tác ý 如理作意, pháp tùy pháp hành 法隨法行。Pāli, D 33 Saṅgīti (R.iii. 227): Cattāri sotāpattiyaṅgāni–sappurisasaṃsevo, saddhammassa-vanaṃ,*

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn pháp này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3[4]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

–Nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, khi ấy có bốn pháp vị tằng hữu[5] xuất hiện ở đời. Những gì là bốn? Các loài chúng sinh này bị nhiều đắm nhiễm. Nếu khi nói pháp không đắm nhiễm, chúng cũng vâng lãnh, niệm tưởng tu hành, tâm không xa lìa. Đó là pháp vị tằng hữu thứ nhất xuất hiện ở đời, nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, có bốn pháp vị tằng hữu này xuất hiện ở đời.

Lại nữa, A-nan, chúng sinh này luôn luân chuyển không dừng trong năm nẻo. Giả sử Ta muốn nói pháp, chúng cũng vâng lãnh, tâm không xa lìa. Nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, có pháp vị tằng hữu thứ hai này xuất hiện ở đời.

Lại nữa, A-nan, chúng sinh này thường ôm lòng kiêu mạn, không rời đầu mối tâm. Giả sử Ta nói pháp, chúng cũng vâng lãnh, tâm không xa lìa. Này A-nan, chúng sinh này thường ôm lòng kiêu mạn, không bỏ chốc lát nào. Giả sử khi Ta nói pháp, chúng cũng vâng lãnh. Đó gọi là pháp chưa từng có thứ ba xuất hiện ở đời.

Lại nữa, A-nan, chúng sinh này bị vô minh che kín. Giả sử khi Ta nói pháp minh, chúng cũng vâng lãnh mà không quên mất. Lại nữa, này A-nan, nếu khi Ta nói pháp minh, vô minh này, mà tâm ý chúng nhu hòa luôn thích tu hành; đó gọi là, này A-nan, khi Như Lai xuất ở đời, có pháp vị tằng hữu thứ tư này xuất hiện ở đời.

Nếu lúc Như Lai[6] đang hiện tại, khi ấy có bốn pháp vị tằng hữu này xuất hiện ở đời. Cho nên, này A-nan, hãy phát tâm hoan hỷ hướng

---

yonisomanasikāro, dhammānudhammappaṭipatti.

4. Tham chiếu Pāli, A IV 127 Adbhūtadhammā (R.ii. 131).

5. Vị tằng hữu pháp 未曾有法。Pāli: Adbhūtadhamma.

6. Trong bản: Đa-tát-a-kiệt 多薩阿竭。

về Như Lai. A-nan, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4[7]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói về gánh nặng, cũng sẽ nói về người mang gánh nặng, cũng sẽ nói về nhân duyên của gánh nặng và cũng sẽ nói về sự buông gánh nặng[8]. Các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ. Nay Ta sẽ nói.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy như vậy.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào là gánh nặng? Đó là năm thạnh ấm. Thế nào là năm? Sắc, thọ*, tưởng, hành, thức ấm. Đó gọi là gánh nặng.

Thế nào là người mang gánh? Người mang gánh, đó là thân người, tự gì, tên gì, sinh như vậy, thức ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy, tuổi thọ ngắn dài như vậy. Đó gọi là người mang gánh.

Thế nào là nhân duyên của gánh nặng[9]? Nhân duyên của gánh nặng, đó là nhân duyên bởi ái trước câu hữu với dục, tâm không xa lìa[10]. Đó gọi là nhân duyên gánh.

Thế nào là buông gánh nặng? Ái kia đã khiến bị diệt tận không còn tàm dư, đã trừ, đã nhổ ra. Đó gọi là buông gánh nặng.

Như vậy, Tỳ-kheo, nay Ta đã nói về gánh nặng, đã nói về nhân duyên của gánh nặng, đã nói về người mang gánh nặng, đã nói về buông

---

7. Tham chiếu Pāli, S.22. 22 Bhāra (R. iii. 25).

8. Dẫn bởi Câu-xá 30 (T29n1558, tr. 155a27): Trọng đảm 重擔 (Pāli: Bhāra), hà trọng đảm 荷重擔 (Pāli: Bhārahāra), xả trọng đảm 捨重擔。(Pāli: Bhāranikkhepana).

9. Pāli: Bhāranidāna.

10. Pāli, định cú: Yāyaṃ taṇhā ponobhavikā nandìrāgasahagatā tatratatrābhinandinī seyyathidaṃ–kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā, ái đương lai hữu, câu hữu với hỉ tham, mong ước ta sẽ ở đây, ta sẽ ở kia, tức là, dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

gánh nặng. Những gì Như Lai cần làm, nay Ta đã làm xong. Hãy ở dưới cây, chỗ nhàn tịnh, ngồi ngoài trời, hằng niệm tọa thiền, chớ có buông lung.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ:

Hãy niệm bỏ gánh nặng
Chớ tạo gánh mới nữa
Gánh là bệnh thế gian
Buông gánh, lạc đệ nhất.
Ái kết cũng đã trừ
Phi pháp hành cũng xả
Vĩnh viễn xa lìa đây
Không còn tái sinh nữa.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện buông xả gánh nặng. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn loại sinh. Những là bốn? Sinh từ trứng, sinh từ thai, sinh từ ẩm, sinh từ hóa[11].

Thế nào là sinh từ trứng? Sinh ra từ trứng, các loại như gà, chim, quạ, bồ câu, khổng tước, rắn, cá, kiến; thảy đều là sinh trứng. Đó gọi là sinh trứng.

Thế nào là sinh từ thai? Người cùng súc sinh, đến loài vật hai chân. Đó gọi là sinh từ thai.

Thế nào là sinh từ nhân duyên[12]? Những con trùng được sinh từ trong thịt rữa, trùng trong nhà xí, trùng trong thây chết; thảy đều được gọi là sinh từ nhân duyên.

---

11. Cf. M 12 Mahā-Sīhanādasuttaṃ (R.i. 73): Catasso yoniyo: Aṇḍajā yoni, jalābujā yoni, saṃsedajā yoni, opapātikā yoni.

12. Nhân duyên sinh 因緣生。Tức thấp sinh kể trên.

Thế nào là sinh từ hóa? Đó là các loại trời, địa ngục, ngạ quỷ, hoặc người, hoặc súc sinh. Đó gọi là sinh từ hóa.

Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có bốn loại sinh này. Các Tỳ-kheo lìa bỏ bốn loại sinh này, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu pháp bốn Đế. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6[13]

Nghe như vầy:

Một thời Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên ở Ca-lan-đà, trong vườn Trúc, thành La-duyệt.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

–Thế gian có bốn hạng người này. Những gì là bốn?

1. Người có kết tiềm phục; bên trong có kết mà không biết như thật có.[14]

2. Hoặc người có kết tiềm phục; bên trong có kết mà biết như thật có.

3. Hay người không có kết sử tiềm phục; bên trong không có kết mà không biết như thật là không có.

4. Hoặc người không có kết sử tiềm phục; bên trong không kết mà biết như thật là không có.

Các Hiền giả nên biết, hạng người thứ nhất có kết tiềm phục; bên trong có kết mà không biết; trong hai người có kết này, người này rất thấp hèn. Người thứ hai có kết tiềm phục; bên trong có kết mà biết như thật có, người này thật là tối ưu. Người thứ ba không có kết tiềm phục; bên trong không có kết mà không biết như thật; trong hai người không có kết, người này rất là thấp hèn. Người thứ tư không có kết sử tiềm phục; bên trong không kết mà biết như thật; trong người không có kết, thì người này là thật là đệ nhất.

Các Hiền giả nên biết, thế gian có bốn hạng người này.

---

[13]. Tham chiếu Pāli, M. 5 Anaṅgaṇasuttaṃ (R. i. 24); Hán, Trung 22 kinh 87 (T1n26, tr. 566a13).

[14]. Pāli, ibid., sāṅgaṇova (…) ajjhattaṃ aṅgaṇan'ti yathābhūtaṃ nappajānāti, có ô uế, nhưng không như thực biết rằng ta bên trong có ô uế.

Bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên hỏi Xá-lợi-phất:

–Vì lý do gì người cùng có kết tiềm phục, mà một người thì thấp hèn, một người thì tối ưu? Lại vì lý do gì, hai người không kết tiềm phục này, một người thì thấp hèn, một người thì tối ưu?

Xá-lợi-phất đáp:

–Người có kết tiềm phục, không biết như thật bên trong có kết, người kia tự nghĩ: "Ta đang có tưởng tịnh." Người ấy tư duy có tưởng tịnh. Lúc đang có tưởng tịnh, tâm dục khởi. Khi tâm dục khởi, người ấy mạng chung với tâm tham dục, sân nhuế, ngu si. Người ấy đã không tìm cầu phương tiện diệt tâm dục này, mà mạng chung với tâm sân nhuế, ngu si.

Mục-liên nên biết, giống như có người đến chợ mua được đồ đồng, bụi bặm bám bẩn, rất là bất tịnh. Người kia không tùy thời chịu lau chùi, không tùy thời rửa sạch, đồ đồng kia càng ngày càng thêm ố bẩn, rất là bất tịnh. Người thứ nhất này cũng như vậy, cáu bẩn bám theo, bên trong có kết mà không biết như thật. Người kia tự nghĩ: "Ta sẽ tư duy tưởng tịnh[15]." Khi tư duy tưởng tịnh, tâm dục sinh. Khi tâm dục sinh, không tìm cầu phương tiện diệt tâm dục này, người ấy mạng chung với tâm tham dục, sân nhuế, ngu si.

Người thứ hai kia có kết tiềm phục, mà biết như thật bên trong có kết. Người ấy nghĩ: "Nay ta sẽ xả bỏ tưởng tịnh, tư duy tưởng bất tịnh." Người kia xả bỏ tưởng tịnh, tư duy tưởng bất tịnh. Khi tư duy tưởng bất tịnh, tâm dục không sinh, tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, thành tựu những gì chưa thành tựu, bèn không còn tham dục, sân nhuế, ngu si. Người ấy mạng chung mà không có kết.

Giống như có người từ trong chợ mua được đồ đồng dính bám bụi bẩn. Người kia tùy thời lau chùi, tẩy rửa sạch sẽ. Người này cũng như vậy, có kết tiềm phục, mà biết như thật bên trong có kết. Người này liền bỏ tưởng tịnh, tư duy tưởng bất tịnh. Khi tư duy tưởng bất tịnh, người ấy tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng. Người này mạng chung với tâm không dục, không sân nhuế, ngu si.

Này Mục-liên, đó gọi là có hai hạng người có kết tiềm phục này, một người hèn hạ, một người tối ưu.

Mục-liên nói:

---

15. Pāli: Subhanimittaṃ manasi karissati, nó sẽ tác ý đến dấu hiệu tinh sạch.

–Lại vì lý do gì khiến hai hạng người không có kết tiềm phục này, một người hèn hạ, một người lại tối ưu?

Xá-lợi-phất nói:

–Hạng người thứ ba không có kết tiềm phục kia, mà không biết như thật bên trong không có kết. Người ấy không tự tư duy rằng: "Ta tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng." Người kia mạng chung với tâm bị trói buộc bởi dục, sân nhuế, ngu si.

Giống như có người đến chợ mua đồ đồng không[16] bị dính bụi bẩn, nhưng không tùy thời lau chùi, cũng không tùy thời tẩy rửa. Người thứ ba này cũng như vậy, không có kết tiềm phục, mà không biết như thật bên trong không kết, cũng không học điều này: "Ta nên tìm cầu phương tiện diệt trừ các kết này." Người ấy mạng chung với tâm tham dục, sân nhuế, ngu si.

Hạng người thứ tư không câu hữu với kết, mà biết như thật bên trong không kết. Người kia tự tư duy tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng. Người kia mạng chung mà không có kết này.

Giống như có người đến chợ mua được đồ đồng tốt, rất là tinh sạch, lại thêm tùy thời chăm sóc lau rửa đồ này. Bấy giờ, đồ kia lại càng sạch đẹp. Người thứ tư này lại cũng như vậy, không có kết tiềm phục, biết như thật bên trong không kết. Người kia tự tư duy tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng. Người kia thân hoại mạng chung không có kết sử tham dục, sân nhuế, ngu si. Này Mục-liên, đó gọi là có hai hạng người này, không có kết tiềm phục, (mà biết nó như thật bên trong không kết)[17] nhưng một người thì cao quý, một người thì hèn hạ.

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên hỏi Xá-lợi-phất:

–Vì sao gọi là kết[18]?

Xá-lợi-phất nói:

–Mục-liên, nên biết, pháp ác bất thiện, khởi các tà kiến, đó gọi là kết[19].

---

16. Để bản nhảy sót. Tham chiếu Pāli, ibid.; Trung 22, dẫn trên.

17. Câu này nghi để bản chép dư, nên cho vào ngoặc.

18. Kết 結 đây hiểu là "bẩn". Trung 22 nói là uế 穢。Pāli nói là aṅgaṇa (vết bẩn).

19. Cf. Trung 22: "Vô lượng pháp ác bất thiện phát sinh từ dục, đó gọi là uế." Pāli: Pāpakānaṃ akusalānaṃ icchāvacarānaṃ adhivacanaṃ yadidaṃ aṅgaṇan'ti, ác,

Hoặc lại có người nghĩ như vầy: "Mong Như Lai hỏi nghĩa ta trước, sau đó mới nói pháp cho các Tỳ-kheo. Chứ Như Lai không hỏi nghĩa Tỳ-kheo khác, mà nói pháp cho các Tỳ-kheo." Nhưng lại có lúc Thế Tôn nói với Tỳ-kheo khác mà thuyết pháp, chứ không nói với Tỳ-kheo kia. (Người ấy bèn nghĩ)[20] "Như Lai thuyết pháp. Nhưng Như Lai không nói với ta mà lại thuyết pháp cho các Tỳ-kheo." Do vậy, hoặc có bất thiện, hoặc có tham dục. Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện[21].

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vầy: "Mong khi vào thôn khất thực ta thường đi phía trước các Tỳ-kheo. Chớ để Tỳ-kheo khác đi phía trước các Tỳ-kheo khi vào thôn khất thực." Nhưng có lúc Tỳ-kheo khác đi phía trước khi vào thôn khất thực, không để Tỳ-kheo kia đi phía trước các Tỳ-kheo khi vào thôn khất thực. (Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ:) "Ta không đi phía trước Tỳ-kheo khi vào thôn khất thực." Đã có bất thiện, lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Mục-liên nên biết, hoặc có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vầy: "Mong Ta ngồi phía trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước; chớ để Tỳ-kheo khác ngồi trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước." Nhưng lại có Tỳ-kheo khác ngồi phía trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước, không để Tỳ-kheo kia ngồi trước các Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước. (Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ:) "Ta không ngồi phía trước Tỳ-kheo; không nhận nước trước, không được thức ăn trước." Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vầy: "Mong khi ăn xong, ta nói pháp cho đàn-việt. Chớ để Tỳ-kheo khác nói pháp cho đàn-việt sau khi ăn xong." Nhưng có lúc Tỳ-kheo khác nói pháp cho đàn-việt sau khi ăn xong, chứ không để cho Tỳ-kheo kia nói pháp cho đàn-việt sau khi ăn xong. (Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ:) "Ta không được thuyết pháp cho đàn-việt sau khi ăn xong." Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc, Tỳ-kheo nghĩ như vầy: "Mong ta đến nói pháp cho Trưởng giả, Bà-la-môn ở trong vườn[22]." Chớ để cho Tỳ-kheo khác đến nói pháp cho Trưởng giả, Bà-la-môn ở trong vườn. Nhưng có lúc

---

bất thiện, cảnh giới của dục, là những từ đồng nghĩa của cáu bẩn.

20. Trong ngoặc, không có trong Hán dịch, nhưng được thêm vào cho rõ nghĩa.

21. Cf. Trung 22, ibid.: "Vị ấy liền sinh ác tâm. Khi tâm sinh ác và tâm sinh dục, thảy đều bất thiện." Cf Pāli, ibid., so kupito hoti appatīto. kopo yo ca appaccayo–ubhayametaṃ aṅgaṇaṃ, vị ấy phẫn nộ và bất mãn. Phẫn nộ và bất mãn, cả hai đều ô uế.

22. Trung 22: Chúng viên 眾園, tức trong Tăng-già-lam, hay Tăng viện. Pāli: Ārāma.

Tỳ-kheo khác đến trong vườn nói pháp cho Trưởng giả, Bà-la-môn, không để Tỳ-kheo ấy đến trong vườn nói pháp cho Trưởng giả, Bà-la-môn. (Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ:) "Ta không đến trong vườn nói pháp cho Trưởng giả, Bà-la-môn." Đã có bất thiện, lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Hoặc có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vầy: "Nay ta phạm giới. Cầu mong các Tỳ-kheo không biết ta phạm giới." Nhưng lại có lúc Tỳ-kheo kia phạm giới, mà các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo này phạm giới. Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Hoặc có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vầy: "Nay ta phạm giới. Chớ để Tỳ-kheo khác nói rằng ta phạm giới." Nhưng lại có lúc, Tỳ-kheo ấy phạm giới, Tỳ-kheo khác nói Tỳ-kheo ấy phạm giới. (Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng:) "Các Tỳ-kheo khác nói ta phạm giới." Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo kia nghĩ như vầy: "Nay ta phạm giới. Mong Tỳ-kheo thanh tịnh nói với ta; không để Tỳ-kheo không thanh tịnh nói với ta[23]." Nhưng lại có lúc Tỳ-kheo không thanh tịnh nói Tỳ-kheo kia rằng Tỳ-kheo kia phạm giới. Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Hoặc có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vầy: "Nay ta phạm giới, nếu có Tỳ-kheo nào nói với ta, nên ở nơi khuất kín, không ở giữa đại chúng." Nhưng lại có lúc, Tỳ-kheo kia phạm giới, bị nói tội ở giữa đại chúng, không ở nơi khuất kín. Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

Mục-liên nên biết, gốc của các pháp này khởi dậy các hành vi này, gọi là kết sử.

Mục-liên, lại nên biết, những ai trong bốn bộ chúng mà phạm các hành vi, mọi người đều nghe, đều biết phạm, tuy người đó có nói rằng tôi hành A-lan-nhã, sống ở nơi nhàn tịnh và ngay dù có khoác y năm mảnh, thường hành khất thực không lựa giàu nghèo, đi không thô tháo, qua lại, đi dừng, nằm ngồi, động tịnh, nói năng, im lặng. Nhưng Tỳ-kheo ấy lại nghĩ như vầy: "Mong Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-tư, các vị phạm hạnh luôn đến cung kính cúng dường ta." Tỳ-kheo ấy tuy có nghĩ vậy, song cũng không được chúng bốn bộ tùy thời cung

---

[23] Hán dịch có sự nhầm lẫn. Tỳ-kheo không thanh tịnh không được nói tội Tỳ-kheo khác. Cf. Vin.i. 170. Tham chiếu, Trung 22: "Ta phạm giới, mong người hơn ta chỉ tội, chứ không phải người không bằng ta chỉ tội." Pāli: Sappaṭipuggalo maṃ codeyya, no appaṭipuggalo'ti.

kính cúng dường. Vì sao? Vì Tỳ-kheo kia có ác, bất thiện hành chưa được trừ, mà mọi người đều thấy, đều nghe, đều niệm, đều biết. Giống như người có đồ đồng thật sạch sẽ; lại đựng đầy đồ bất tịnh trong bình đồng, rồi dùng đồ khác phủ lên rồi mang đi vào quốc giới. Mọi người thấy hỏi người kia rằng: "Anh mang vật gì vậy? chúng tôi muốn được thấy qua." Khi ấy mọi người vốn đã đói kém, kêu lên rằng: "Ồ! Đây là đồ ăn thức uống ngon." Rồi họ mở nắp đậy ra, mọi người đều trông thấy đồ bất tịnh. Ở đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Tuy có hành A-lan-nhã, tùy thời khất thực, mặc y năm mảnh, chánh thân chánh ý, buộc niệm ở trước. Người ấy tuy có ý nghĩ này: "Mong sao các vị phạm hạnh tùy thời đến cung kính cúng dường." Nhưng các vị phạm hạnh lại không tùy thời cung kính cúng dường. Vì sao? Vì Tỳ-kheo kia có pháp ác, bất thiện, kết sử, mà chưa diệt tận.

Mục-liên nên biết, những Tỳ-kheo nào không có pháp ác, bất thiện; kết sử đã diệt tận, mà mọi người đều thấy, đều nghe, đều niệm, đều biết; vị ấy dù sống bên thành ấp cũng vẫn là người trì pháp. Hoặc được người thỉnh mời, hoặc nhận được sự cúng dường của các trưởng giả. Nhưng Tỳ-kheo ấy không có tưởng tham dục này. Khi ấy bốn bộ chúng và các người phạm hạnh đều đến cúng dường. Vì sao? Vì hành vi của Tỳ-kheo kia thanh tịnh, mà mọi người đều thấy, đều nghe, đều niệm, đều biết.

Giống như người có bình đồng tốt, đựng đầy đồ ăn thức uống, mùi vị rất thơm, lại lấy nắp đậy lên, rồi mang đi vào quốc giới. Mọi người thấy, hỏi người kia rằng: "Đây là vật gì? Chúng tôi muốn được xem qua." Rồi sau đó mở ra xem, thấy đồ ăn thức uống, cùng lấy ăn. Ở đây cũng như vậy, Tỳ-kheo được thấy được nghe, được niệm, được biết, tuy đi ở bên thành ấp nhận sự cúng dường của trưởng giả, nhưng không nghĩ: "Mong sao các vị phạm hạnh đến cúng dường." Tuy vậy, các vị phạm hạnh đều đến cung kính cúng dường. Vì sao? Vì Tỳ-kheo kia có ác bất thiện hành đã được tận trừ. Cho nên, Mục-liên do các hành này, nên gọi là kết sử.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên khen:

–Lành thay, lành thay! Xá-lợi-phất, sự việc như vầy: Xưa kia tôi trú tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt này; đến giờ, đắp y ôm bát vào thành La-duyệt khất thực, đến nhà thợ làm xe kia, đứng im lặng ở ngoài cửa. Lúc ấy người thợ kia tay cầm búa đẽo gỗ. Bấy giờ lại có người thợ già, có chút việc đến nhà người thợ này. Khi người thợ kia đang sửa bản gỗ thì người thợ già này nảy sinh ý nghĩ: "Người thợ trẻ đẽo gỗ này như ý ta chăng?" Nay ta phải xem qua. Lúc ấy, những chỗ

không vừa ý người thợ kia đã được người thợ này đẽo hết. Người thợ già kia rất lấy làm hoan hỷ, nghĩ rằng: "Hay thay, hay thay! Bạn đẽo gỗ thật là vừa ý ta." Ở đây cũng như vậy, các Tỳ-kheo mà tâm không nhu hòa, bỏ hạnh Sa-môn, ôm lòng gian ngụy, không theo pháp Sa-môn, tánh hạnh thô tháo, không biết tàm quý, mặt trơ chịu nhục mà làm hành vi thấp hèn, không có dũng mãnh, hoặc hay quên lãng nhiều, không nhớ những gì đã làm, tâm ý không định, hành động nhầm lẫn, các căn không định; nhưng vị ấy nay được Tôn giả Xá-lợi-phất quán sát tánh hạnh mà sửa chữa.

Có nhiều vị thiện gia nam tử, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, rất cung kính giới, không bỏ pháp Sa-môn Hiền thánh, không có huyễn ngụy, không hành thô tháo, tâm ý nhu hòa, nói luôn nở nụ cười, không tổn thương ý người, tâm thường nhất định, không có thị phi, các căn không loạn; những vị ấy nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, liền tự vâng lãnh, cũng không để quên sót.

Giống như, hoặc có người nam hay người nữ nào xinh đẹp vô song, tự tắm gội, mặc y phục mới, dùng hương thoa người. Lại có người đem hoa ưu-bát đến tặng cho. Người kia được hoa, liền đội lên đầu, vui mừng hớn hở không tự kiềm chế được. Ở đây cũng lại như vậy, nếu có vị thiện gia nam tử nào, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, đối với giới cung kính, không để mất pháp Sa-môn, không có huyễn ngụy, không hành thô tháo, tâm ý nhu hòa, nói luôn nở nụ cười, không tổn thương ý người, tâm thường nhất định, không có thị phi, các căn không loạn. Người ấy nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói những lời này rồi, lòng thật vui mừng không tự kiềm chế được, mà vâng lãnh lời dạy này. Như vậy, Ngài nói giáo pháp này cho các vị thiện gia nam tử.

Các Hiền giả mỗi người sau nghe những gì đã được nói, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn loại trái này[24]. Những gì là bốn?

---

[24] Cf. A IV 105 Ambasuttaṃ (R.ii. 106): Có bốn loại xoài (amba: Am-ma-lặc).

1. Hoặc có trái sống mà tựa chín.

2. Hoặc có trái chín mà tựa sống.

3. Hoặc có trái chín mà tựa chín.

4. Hoặc có trái sống mà tựa sống.

Đó là, này Tỳ-kheo thế gian có bốn loại trái này.

Cũng lại như vậy, thế gian có bốn hạng người này. Thế nào là bốn?

1. Hoặc có người sống mà giống chín.

2. Hoặc có người chín mà giống sống.

3. Hoặc có người chín mà giống chín.

4. Hoặc có người sống mà giống sống.

Thế nào là người sống mà giống chín? Hoặc có người qua lại, đi bước không hành thô tháo. Mắt nhìn ngó phải thuận theo pháp giáo. Đắp y, mang bát cũng lại theo pháp. Bước đi, nhìn xuống đất, không liếc nhìn hai bên. Nhưng lại phạm giới, không theo chánh hạnh; thật chẳng phải Sa-môn mà giống Sa-môn; không hành phạm hạnh mà tự nói hành phạm hạnh; bại hoại chánh pháp; là loại mà rễ đã mục. Người này gọi là sống mà giống chín[25].

Thế nào là người chín mà giống sống? Hoặc có Tỳ-kheo tánh hạnh có vẻ quê mùa, nhìn ngó không ngay, cũng không đi đúng theo pháp, hay liếc ngó hai bên. Nhưng lại tinh tấn nghe nhiều, tu hành pháp thiện, thường giữ giới luật, không mất oai nghi, thấy điều phi pháp tí ti liền ôm lòng sợ hãi. Người này gọi là chín mà giống sống.

Thế nào là người sống mà giống sống? Hoặc có Tỳ-kheo không giữ giới cấm, không biết lễ tiết bước đi, cũng lại không biết ra vào đi lại, cũng lại không biết đắp y, mang bát, các căn thác loạn, tâm đắm trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Người ấy phạm giới cấm, không hành chánh pháp, không là Sa-môn mà giống Sa-môn, không hành phạm hạnh mà giống phạm hạnh; là người mà rễ đã mục không thể cứu chữa. Người này gọi là sống mà giống sống.

Thế nào là người chín mà giống chín? Hoặc có Tỳ-kheo giữ gìn giới cấm, ra vào, đi bước, không mất thời tiết, nhìn ngó không mất oai nghi, lại rất tinh tấn tu hành pháp thiện, mọi oai nghi lễ tiết đều thành tựu, thấy điều phi pháp tí ti liền ôm lòng sợ hãi huống chi là to lớn. Người này gọi là chín mà giống chín.

---

25. Pāli, ibid. "Hạng người tới lui, cúi ngước, co duỗi,…, thảy đều đoan chánh, nhưng không như thật biết đây là Khổ, đây là Tập,… : sống mà có màu sắc như trái chín."

Này Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có (bốn) hạng người như bốn loại trái này. Hãy học người quả chín. Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hôm nay không trung có gió lốc xoáy. Nếu như có chim nào lại bay đến đó, như ô thước, hồng hộc, gặp gió này thì đầu, não, lông cánh, mỗi thứ mỗi nơi. Ở đây, một Tỳ-kheo cũng lại như vậy, bỏ giới cấm rồi sống đời bạch y. Khi ấy, sáu vật tùy thân như ba y, bình bát, ống đựng kim,... thuộc mỗi thứ ở mỗi nơi, giống như gió lốc xoáy thổi chết chim kia.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành phạm hạnh. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo nên biết, có bốn loại chim này. Những gì là bốn?

1. Hoặc có chim tiếng hót hay mà hình thì xấu.
2. Hoặc có chim hình đẹp, mà tiếng hót thì dở.
3. Hoặc có chim tiếng hót dở mà hình cũng xấu.
4. Hoặc có chim hình đẹp, tiếng hót cũng hay.

Thế nào là chim có tiếng hót hay mà hình thì xấu? Đó là chim

Câu-sí-la[26]. Chim này tiếng hay mà hình thì xấu.

Thế nào là chim hình đẹp mà tiếng hót dở? Đó là chim chí[27]. Chim này có hình đẹp mà tiếng hót dở.

Thế nào là chim có tiếng hót dở mà hình thì xấu? Đó là chim cú. Chim này có tiếng hót dở hình cũng xấu.

Lại có chim gì tiếng hót hay hình cũng đẹp? Đó là chim công. Chim này có tiếng hót hay hình cũng đẹp.

Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn loại chim này, mà mọi người đều biết. Ở đây cũng vậy, thế gian cũng có bốn hạng người như chim, mà mọi người đều biết.

Những gì là bốn? Ở đây, hoặc có Tỳ-kheo nhan sắc đoan chánh, ra vào đi lại, đắp y mang bát, co duỗi, cúi ngước, oai nghi thành tựu, nhưng lại không thể đọc tụng được những pháp mà khoảng đầu thiện, giữa thiện, cuối thiện; không thể vâng lãnh pháp, cũng lại không thể khéo đọc tụng. Đó là người này có hình đẹp mà tiếng không hay.

Lại có những người nào mà tiếng hay nhưng hình xấu? Hoặc có Tỳ-kheo, ra vào, đi lại, co duỗi, cúi ngước, đắp y mang bát, mà không thành tựu oai nghi; nhưng hằng thích nói rộng. Người ấy lại siêng năng trì giới, nghe pháp, có khả năng biết những điều học, nghe nhiều những pháp mà khoảng đầu thiện, giữa thiện, cuối thiện, nghĩa lý sâu xa, tu phạm hạnh đầy đủ. Hơn nữa đối pháp kia, khéo thọ trì, khéo đọc tụng. Người này gọi là có tiếng hay mà hình xấu.

Lại có những người nào có tiếng dở mà hình cũng xấu? Hoặc có người phạm giới, không siêng năng, không nghe nhiều, những gì đã nghe liền quên. Cần phải đầy đủ phạm hạnh ở trong pháp này, nhưng người không vâng lãnh. Người này gọi là tiếng dở mà hình cũng xấu.

Lại có những người nào có tiếng hay, hình cũng đẹp? Hoặc có Tỳ-kheo tướng mạo đoan chánh, ra vào, đi lại, đắp y, mang bát, không nhìn ngó hai bên; rồi lại siêng năng tu hành thiện pháp, giới luật đầy đủ, thấy điều phi pháp nhỏ còn luôn ôm lòng sợ hãi huống nữa là lớn, cũng lại nghe nhiều, ghi nhận không quên; lại tu hành tốt đẹp những pháp mà khoảng đầu thiện, giữa thiện, cuối thiện. Người ấy khéo thọ trì, đọc tụng pháp như vậy. Pháp như vậy khéo đọc tụng. Người này gọi là tiếng hay thân cũng đẹp.

Đó gọi là thế gian có bốn hạng người này ở đời, mà mọi người

---

26. Câu-sí-la 拘翅羅。Chưa rõ chim gì.

27. Chí điểu 鷙鳥 ; một loại diều hâu, chim dữ.

đều biết. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học tiếng hay, hình cũng đẹp. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có bốn loại mây[28]. Những là bốn?

1. Hoặc có mây, sấm mà không mưa.

2. Hoặc có mây, mưa mà không sấm.

3. Hoặc có mây, vừa mưa vừa sấm.

4. Hoặc có mây cũng không mưa cũng không sấm.

Đó gọi là bốn loại mây.

Thế gian có bốn hạng người giống như mây. Những gì là bốn hạng người?

1. Hoặc có Tỳ-kheo sấm mà không mưa.

2. Hoặc có Tỳ-kheo mưa mà không sấm.

3. Hoặc có Tỳ-kheo cũng không mưa cũng không sấm.

4. Hoặc có Tỳ-kheo cũng mưa cũng sấm.

Thế nào là Tỳ-kheo sấm mà không mưa? Hoặc có Tỳ-kheo lớn tiếng tập tụng Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ quyết, Kệ, Bản mạt, Nhân duyên, Dĩ thuyết, Sinh kinh, Tụng, Phương đẳng, Vị tằng hữu pháp, Ví dụ; những pháp như vậy khéo đọc tụng, không mất nghĩa nó, nhưng không rộng nói pháp cho người khác. Người này gọi là sấm mà không mưa[29].

Thế nào là Tỳ-kheo mưa mà không sấm? Hoặc có Tỳ-kheo có tướng mạo đoan chánh, oai nghi ra vào, đi lại, tới dừng đều biết tất cả, tu tất cả pháp thiện không mảy may để mất; song không nghe nhiều, cũng không lớn tiếng đọc tụng, lại không tu hành Khế kinh, Bổn mạt, Thọ quyết, Kệ, Bản mạt, Nhân duyên, Ví dụ, Sinh kinh, Phương đẳng,

---

28. Cf. A IV 102 Dutiyavalāhakasuttaṃ (R.ii. 103).

29. Pāli, ibid. "Thông suốt Khế kinh (sutta), Ứng tụng (geyya),… nhưng không như thực biết đây là Khổ, đây là Tập,…: Sấm mà không mưa".

Vị tằng hữu pháp, song theo người khác vâng lãnh cũng không quên mất, thích cùng theo với Thiện tri thức. Nhưng cũng thích nói pháp cho người khác. Người này gọi là mưa mà không sấm[30].

Thế nào là Tỳ-kheo cũng không mưa cũng lại không sấm? Hoặc có người tướng mạo không đoan chánh, oai nghi ra vào, đi lại, tiến dừng tất cả đều thiếu sót, không tu các pháp thiện, mà lại không nghe nhiều, cũng không lớn tiếng đọc tụng, lại không tu hành Khế kinh cho đến Phương đẳng, cũng lại không vì người khác nói pháp. Người này gọi là cũng không mưa cũng không sấm.

Thế nào là Tỳ-kheo cũng mưa cũng sấm? Hoặc có người tướng mạo đoan chánh, oai nghi ra vào, đi lại, tiến dừng biết rõ tất cả, ưa thích học vấn, những gì đã nhận không quên, cũng thích nói pháp cho người khác. Khuyến khích người khác khiến họ vâng lãnh. Người này gọi là cũng sấm cũng mưa.

Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có bốn hạng người này. Cho nên, Tỳ-kheo hãy học điều này.

Sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Đế, nhiêu ích, A-nan
Gánh nặng, bốn sinh, kết
Bốn quả, gió lốc xoáy
Bốn chim, sấm sau cùng.

❑

[30] *Pāli, ibid., "Không thông suốt Khế kinh, Ứng tụng,… nhưng như thực biết đây là Khổ, đây là Tập: Mưa mà không sấm."*

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 18

Phẩm 26: BỐN Ý ĐOẠN (1)

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Giống như núi sông, vách đá, trăm cỏ, ngũ cốc, đều nương trên đất mà được tăng trưởng lớn mạnh. Vì vậy, đất này là tối tôn tối thượng. Ở đây cũng vậy, các pháp đạo phẩm thiện, trụ trên đất không phóng dật, khiến các pháp thiện được tăng trưởng lớn mạnh. Tỳ-kheo không phóng dật tu bốn Ý đoạn[1], tu tập nhiều bốn Ý đoạn. Những gì là bốn?

1. Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tệ ác chưa sinh, tìm cầu phương tiện khiến không cho sinh, tâm không rời xa, hằng muốn khiến nó không sinh[2].

2. Pháp tệ ác đã sinh, tìm cầu phương tiện khiến diệt[3], tâm không xa lìa, hằng muốn khiến diệt.

3. Pháp thiện chưa sinh, tìm cầu phương tiện khiến sinh.

4. Pháp thiện đã sinh, tìm cầu phương tiện khiến tăng nhiều, không để thoái thất, tu hành đầy đủ, tâm ý không quên.

Tỳ-kheo, tu bốn Ý đoạn như vậy. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bốn Ý đoạn. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng

---

1. *Tứ ý đoạn 四意斷。Cf. Tập Dị 6 (T26n1536, tr. 391c06): tứ chánh đoạn 四正斷者 。Pháp Uẩn 3 (T26n1537, tr. 467c24): Tứ chánh thắng 四正勝。Đại Trí Độ 19 (T25n1509, tr. 197b20): Tứ chánh cần 四正勤。Pāli, D 33 Sagti (R. iii. 221): Cattāro sammappadhānā.*
2. *Nguyên Hán: Linh diệt 令滅。Có sự nhầm lẫn. Nên sửa lại, vì đấy đối với pháp chưa sinh.*
3. *Nguyên Hán: Linh bất sinh 令不生。Có sự chép nhầm. Nên sửa lại.*

hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo nên biết, có nhiều Túc tán quốc vương[4] và các Đại vương cùng đến phụ cận Chuyển luân thánh vương. Đối với họ, Chuyển luân thánh vương là tối tôn tối thượng. Ở đây cũng vậy, trong các thiện của ba mươi bảy pháp đạo phẩm, pháp không phóng dật là tối đệ nhất. Không phóng dật, Tỳ-kheo tu bốn Ý đoạn, tu nhiều bốn Ý đoạn?

1. Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tệ ác chưa sinh, tìm cầu phương tiện khiến không cho sinh, tâm không rời xa, hằng muốn khiến nó không sinh*.

2. Pháp tệ ác đã sinh, tìm cầu phương tiện khiến diệt*, tâm không xa lìa, hằng muốn khiến diệt.

3. Pháp thiện chưa sinh, tìm cầu phương tiện khiến sinh.

4. Pháp thiện đã sinh, tìm cầu phương tiện khiến tăng nhiều, không để thoái thất, tu hành đầy đủ, tâm ý không quên.

Như vậy, các Tỳ-kheo tu bốn Ý đoạn như vậy. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

[4]. Túc tán Quốc vương 粟散國王 。Chỉ các Tiểu vương, chư hầu. Nhưng không rõ từ nguyên Skt. hay Pāli. Nhân Vương Bát-nhã 1 (T8n245, tr. 827b15): "Trung hạ phẩm thiện là Túc tán vương. Thượng phẩm thiện làm Thiết luân vương." Không có cơ sở để suy đoán nghĩa chính xác. Pāli, D 17 Mahāsudassana (R.ii. 173), các chư hầu của Cakkavattī là paṭirāja. Từ này có Skt. hỗn chủng là paḍhirāja (?).

–Trong những ánh sáng tinh tú, ánh sáng mặt trăng là tối thượng đệ nhất. Ở đây cũng như vậy, trong những công đức thiện của ba mươi bảy pháp đạo phẩm, hành không phóng dật là đệ nhất tối tôn tối quý. Không phóng dật, Tỳ-kheo tu bốn Ý đoạn, tu nhiều bốn Ý đoạn?

1. Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tệ ác chưa sinh, tìm cầu phương tiện khiến không cho sinh, tâm không rời xa, hằng muốn khiến nó không sinh*.

2. Pháp tệ ác đã sinh, tìm cầu phương tiện khiến diệt*, tâm không xa lìa, hằng muốn khiến diệt.

3. Pháp thiện chưa sinh, tìm cầu phương tiện khiến sinh.

4. Pháp thiện đã sinh, tìm cầu phương tiện khiến tăng nhiều, không để thoái thất, tu hành đầy đủ, tâm ý không quên.

Như vậy, các Tỳ-kheo tu bốn Ý đoạn như vậy. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong các loại hoa như hoa chiêm-bặc, hoa tu-ma-na trên chư Thiên giữa loài người, hoa bà-sư là tối đệ nhất. Ở đây cũng lại như vậy, trong những công đức thiện của ba mươi bảy Pháp đạo phẩm, hành không phóng dật là đệ nhất tối tôn tối quý. Không phóng dật, Tỳ-kheo tu bốn Ý đoạn, tu nhiều bốn Ý đoạn?

1. Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tệ ác chưa sinh, tìm cầu phương tiện khiến không cho sinh, tâm không rời xa, hằng muốn khiến nó không sinh*.

2. Pháp tệ ác đã sinh, tìm cầu phương tiện khiến diệt*, tâm không xa lìa, hằng muốn khiến diệt.

3. Pháp thiện chưa sinh, tìm cầu phương tiện khiến sinh.

4. Pháp thiện đã sinh, tìm cầu phương tiện khiến tăng nhiều, không để thoái thất, tu hành đầy đủ, tâm ý không quên.

Như vậy, các Tỳ-kheo tu bốn Ý đoạn như vậy. Các Tỳ-kheo, hãy

học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5[5]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc thắng xe lông chim ra khỏi thành Xá-vệ đến tinh xá Kỳ hoàn muốn hầu Thế Tôn. Theo pháp thường, các vua có năm thứ nghi trượng. Vua bỏ hết sang một bên, đến trước Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ Thế Tôn bảo vua:

–Đại vương nên biết, thế gian có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Những gì là bốn?

1. Hoặc có người trước tối sau sáng.

2. Hoặc có người trước sáng sau tối.

3. Hoặc có người trước tối sau tối.

4. Hoặc có người trước sáng sau sáng.[6]

Thế nào là người trước tối sau sáng? Ở đây, hoặc có người sinh vào nhà ti tiện, như dòng Chiên-đà-la, dòng đạm nhân[7], dòng thợ thuyền, hoặc sinh nhà dâm dật, hoặc không mắt, hoặc không chân tay, hoặc thường gót chân trần[8], hoặc các căn thác loạn. Nhưng thân, miệng hành pháp thiện, ý nghĩ pháp thiện. Người này gặp Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc trưởng giả, thường niệm lễ bái, không mất thời tiết, đứng dậy nghênh đón, đứng dậy tiễn đưa, trước cười sau nói, tùy thời cung cấp. Hoặc có lúc, gặp người ăn xin, hay Sa-môn, Bà-la-môn, người đi đường, người nghèo thiếu, nếu có tiền của thì đem giúp cho họ. Nếu không có của cải, người đó đến nhà trưởng giả cầu xin giúp đỡ cho. Hoặc gặp người khác giúp đỡ liền sinh lòng hoan hỷ hớn hở không tự

---

5. *Pāli, S 3. 21 Puggalasutta (R.i. 93). Hán, No 127 Tứ nhân kinh.*

6. *Pāli, ibid., Tamotamaparāyano, tamojotiparāyano, jotitamaparāyano, jotijotiparāyano, từ bóng tối đi đến bóng tối, từ bóng tối đi đến ánh sáng, từ ánh sáng đi đến bóng tối, từ sáng đi đến sáng.*

7. *Đạm nhân 噉人, nghĩa đen, "ăn thịt người (?)" Có lẽ chỉ người bán thịt. No 127: Khôi khoái gia 魁膾家。*

8. *Hán: Lõa tiển 裸跣。*

kiềm chế. Người thân hành pháp thiện, miệng tu pháp thiện, ý nghĩ pháp thiện, thân hoại mạng chung sẽ sinh cõi thiện, trên trời. Giống như có người từ đất lên giường, từ giường lên ngựa, từ ngựa cỡi voi, từ voi vào giảng đường. Do vậy, nay Ta nói, người này trước tối sau sáng. Đại vương, như vậy, người này gọi là trước tối sau sáng.

Thế nào là người trước sáng sau tối? Ở đây, hoặc có người sinh vào gia tộc lớn, hoặc dòng Sát-lợi, dòng trưởng giả, dòng Bà-la-môn, nhiều của, nhiều báu vật vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, thủy tinh, lưu ly, tôi tớ, nô tì không thể kể hết; voi, ngựa, heo, dê, tất cả đầy đủ. Tướng mạo người này xinh đẹp như màu hoa đào, nhưng người này lại thường ôm lòng tà kiến, tương ưng với biên kiến, có kiến chấp như vầy: "Không có bố thí, không có thọ nhận, không có chỗ nào nơi người đi trước bố thí vật gì, cũng không có báo thiện ác, cũng không có đời này đời sau, cũng không có người đắc đạo, đời không A-la-hán đáng thờ kính, đời này đời sau có thể tác chứng[9]." Nếu gặp Sa-môn, Bà-la-môn, họ liền nổi sân hận, không lòng cung kính. Nếu thấy người khác bố thí, lòng họ không vui vẻ; những tạo tác của thân, miệng, ý không quân bình[10]. Do tạo các hành vi phi pháp, người này thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Giống như có người từ giảng đường xuống voi, từ voi xuống ngựa, từ ngựa xuống giường, từ giường xuống đất. Vì thế nên Ta nói người này như vậy Đại vương, nghĩa là người này trước sáng sau tối.

Thế nào là người từ tối đến tối? Nếu có người sinh nhà ti tiện, hoặc nhà Chiên-đà-la, hoặc nhà đạm nhân, hoặc nhà cùng cực thấp hèn. Người này đã sinh vào đây, có khi các căn ắt không đủ, tướng mạo xấu xí, mà người này lại thường ôm tà kiến, có kiến chấp như vầy: "Không có đời này, đời sau, không Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không người đắc đạo, cũng không A-la-hán đáng thờ kính, cũng không đời này đời sau có tác chứng." Nếu gặp Sa-môn, Bà-la-môn, họ liền nổi sân hận, không lòng cung kính. Nếu thấy người đến bố thí, lòng không vui vẻ, những tác hành của thân, miệng, ý không bình đẳng, phỉ báng Thánh nhân, hủy nhục Tam tôn[11]. Người đó đã không giúp tự mình bố thí, thấy người khác bố thí, lòng rất sân hận. Vì đã tạo hạnh sân nhuế, nên thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Giống như người từ tối đến tối, từ lửa

---

9. Thuyết của Ajitakesakambala, D 2 Samaññaphala (R.i. 55).

10. Hán: Bất bình quân 不平均; đoạn dưới: Bất bình đẳng 不平等。Nên hiểu là "Không chân chánh."

11. Tam tôn 三尊, tức Tam bảo.

bừng đến lửa bừng, bỏ trí tới ngu. Do vậy mà nói, người này có thể gọi là trước tối sau tối. Đại vương nên biết, cho nên gọi người này là từ tối đến tối.

Thế nào là người từ sáng đến sáng? Hoặc có người sinh vào nhà vọng tộc, hoặc dòng Sát-lợi, hoặc nhà quốc vương, hoặc nhà đại thần, nhiều của, lắm vật báu không thế kể hết, mà người kia tướng mạo lại xinh đẹp như màu hoa đào, người này thường có chánh kiến, tâm không thác loạn. Người ấy có những chánh kiến này: "Có thí, có phước, có người nhận, có báo thiện ác, có đời này đời sau, có Sa-môn, Bà-la-môn." Vả lại người này, nếu gặp Sa-môn, Bà-la-môn khởi lòng cung kính, vui hiện nhan sắc. Tự thân thường thích bố thí, lại cũng khuyên người khiến thực hành bố thí. Nếu ngày nào bố thí thì lòng thường hớn hở không kiềm chế được. Họ thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, nên thân hoại mạng chung sinh về cõi thiện. Giống như có người từ giảng đường đến giảng đường, từ cung đến cung. Do vậy mà nói, nay Ta nói người này từ sáng đến sáng.

Đại vương, đó là thế gian có bốn hạng người này.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Vua nên biết, người nghèo
Có tín, thích bố thí
Gặp Sa-môn, Bà-la
Cùng những người đáng thí;
Thường đứng dậy đón, tiếp
Lại khuyên bảo chánh kiến
Lúc thí, thật vui mừng
Không trái người điều người xin.
Người kia là bạn tốt
Quyết không làm hạnh ác
Thường thích hành chánh kiến
Hay nghĩ cầu pháp thiện.
Đại vương như người kia
Lúc chết, nơi sinh về
Quyết sinh trời Đâu-thuật
Trước tối mà sau sáng.
Như người hết sức giàu
Không tín, hay sân hận
Lòng tham lam, khiếp nhược
Tà kiến mà không đổi;

Gặp Sa-môn, Phạm chí
Cùng những người ăn xin
Thường chửi mắng, nhiếc móc
Tà kiến, nói không có;
Thấy thí, nổi sân giận
Không muốn có người thí
Người kia hành rất tệ
Tạo mọi nguồn gốc ác.
Những người kia như vậy
Đến khi mạng sắp chết
Sẽ sinh vào địa ngục
Trước sáng mà sau tối.
Như có người bần tiện
Không tín, hay sân hận
Tạo mọi hành bất thiện
Tà kiến không chánh tín;
Nếu gặp vị Sa-môn
Cùng người đáng thừa sự
Mà luôn khinh hủy họ
Xan tham không tín tâm;
Lúc cho mà không vui
Thấy người cho cũng vậy
Hành vi người kia làm
Không dẫn đến an vui.
Những hạng người như vậy
Cho đến khi mạng chung
Sinh vào trong địa ngục
Trước tối sau cũng tối.
Như người rất có của
Có tín, thích bố thí
Chánh kiến, không niệm quấy
Thường thích cầu pháp thiện.
Nếu thấy các Đạo sĩ
Những người đáng bố thí
Đứng dậy cung kính đón
Học tập theo chánh kiến,
Khi cho thật hòa vui

Thường niệm tưởng bình đẳng
Bố thí không tiếc lẫn
Không trái với lòng người.
Người ấy sống[12] *lương thiện*
Không tạo mọi phi pháp
Nên biết người như vậy
Đến khi mạng sắp chết.
Quyết sinh chỗ tốt lành
Trước sáng mà sau sáng.

Cho nên Đại vương, hãy học trước sáng mà sau sáng, chớ nên học trước sáng mà sau tối. Đại vương, nên học điều này như vậy.

Sau khi vua Ba-tư-nặc đã nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Sau đó không lâu lại lấy hai tay sờ chân Như Lai, rồi dùng miệng hôn lên chân Như Lai, mà nói như vầy:

–Thân thể của Đấng Thiên Tôn vì sao thế này? Thân nhăn quá vậy! Thân Như Lai không như xưa.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, A-nan, như những gì ông nói. Nay thân Như Lai, da thịt đã nhăn, thân thể hiện tại không như xưa. Sở dĩ như vậy là vì, phàm có thân thể là bị bệnh thúc ép. Đáng bệnh, chúng sinh bị bệnh vây khốn; đáng chết, chúng sinh bị chết bức bách. Nay Như Lai tuổi đã suy vi, đã hơn tám mươi.

A-nan nghe những lời này, buồn khóc nghẹn ngào không tự nén được lời liền nói lời này:

–Than ôi! Sự già đã đến đây rồi!

Bấy giờ, đã đến giờ, Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Xá-vệ

---

12. Hán: Thọ mạng 受命; được hiểu là "chánh mạng", sống bằng nghề nghiệp lương thiện.

khất thực. Thế Tôn đi khất thực, lần hồi đến cung vua Ba-tư-nặc. Trong lúc đó trước cửa của vua Ba-tư-nặc có vài mươi chiếc xe hư cũ bị bỏ một bên. Tôn giả A-nan thấy những cỗ xe bị vất ở một bên như vậy, liền bạch Thế Tôn:

–Đây là những chiếc xe của vua Ba-tư-nặc. Ngày xưa, lúc mới làm thật là tinh xảo, nhưng ngày nay trông chúng cũng như màu gạch đá.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, A-nan, như những gì ông đã nói. Những chiếc xe như đang được thấy đây, xưa kia thật là tinh xảo, làm bằng vàng bạc. Ngày nay đã hư hỏng, không thể dùng được nữa. Vật bên ngoài còn hư hoại như vậy, huống chi là bên trong.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Ôi! Già, bệnh, chết này
Hoại người sắc cực thịnh
Lúc đầu ý rất vui
Nay bị chết sai bức.
Dù tuổi thọ trăm năm
Đều quy về cái chết
Không ai thoát khổ này
Hết thảy về đường này.
Những gì có trong thân
Bị chết rượt đuổi đi
Bốn đại ở bên ngoài
Đều quay về gốc không.
Cho nên cầu không chết
Chỉ có về Niết-bàn
Nơi không chết không sinh
Đều không các hành này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền tới chỗ vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc bày biện đồ ăn thức uống cúng dường Thế Tôn. Thấy Thế Tôn đã ăn xong, vua liền lấy một ghế nhỏ ngồi trước Như Lai, bạch Thế Tôn:

–Sao vậy, Thế Tôn, hình thể của chư Phật đều là kim cang, mà cũng phải chịu già, bệnh, chết sao?

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, đại vương! Như lời đại vương. Như Lai cũng phải có sinh, già, bệnh, chết. Nay Ta cũng là người, cha tên Chân Tịnh, mẹ tên

Ma-da, thuộc dòng Chuyển luân thánh vương.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Phật hiện giữa loài người
Cha tên là Chân Tịnh
Mẹ tên Cực Thanh Diệu
Dòng Sát-lợi quyền quý.
Đường chết thật là khốn
Đều không xét tôn ti
Chư Phật còn không khỏi
Huống chi lại phàm phu.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này cho vua Ba-tư-nặc:

Tế tự: Tế lửa nhất
Thi thơ: Tụng tối tôn
Nhân gian: Vua là quý
Các sông: Biển là đầu;
Các sao: Trăng trên hết
Ánh sáng: Mặt trời nhất
Tám phương, trên, dưới, giữa
Nơi thế giới vận hành,
Trời cùng người thế gian
Như Lai là tối tôn
Muốn cầu phước lộc kia
Hãy cúng dường Tam-phật[13].

Thế Tôn nói kệ này rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi, trở về tinh xá Kỳ hoàn, đến chỗ ngồi mà ngồi.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn pháp được người thế gian ái kính. Thế nào là bốn?

1. Tuổi trẻ tráng niên được người thế gian ái kính.

2. Không có bệnh đau được người ái kính.

3. Tuổi thọ được người ái kính.

4. Ân ái tụ hợp được người ái kính.

Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp được mọi người thế gian ái kính.

Lại nữa, Tỳ-kheo, lại có bốn pháp không được người thế gian ái kinh. Thế nào là bốn?

---

[13] *Tam-phật 三佛, phiên âm, Pāli = Skt. Sambuddha.*

1. Tỳ-kheo nên biết, tuổi trẻ tráng niên đến lúc già bệnh, người đời không thích.

2. Người không bệnh sau lại mắc bệnh, người đời không thích.

3. Được tuổi thọ mà sau lại mạng chung, người đời không thích.

4. Ân ái hội hợp sau lại chia lìa.

Đó là những điều người đời không thích. Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp cùng đời xoay chuyển. Chư Thiên, người đời cho đến Chuyển luân thánh vương, chư Phật, Thế Tôn cùng có pháp này. Tỳ-kheo, đó là thế gian có bốn pháp này cùng đời xoay chuyển. Nếu không biết bốn pháp này, phải chịu lưu chuyển trong sinh tử, xoay tròn trong năm đường. Thế nào là bốn? Giới Thánh hiền, Tam-muội Thánh hiền, trí tuệ Thánh hiền, giải thoát Thánh hiền. Tỳ-kheo, đó là có bốn pháp này mà ai không giác tri, thì phải thụ nhận bốn pháp trên. Nay Ta cùng các ông nhờ giác tri bốn pháp Thánh hiền này mà đoạn gốc sinh tử không còn tái sinh đời sau. Như nay thân thể Như Lai suy già, phải chịu báo suy hao này. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu Niết-bàn vĩnh tịch này, không sinh, không già, không bệnh, không chết; ân ái biệt ly, thường niệm tưởng biến dịch vô thường. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc ra lệnh quan phụ tá sửa soạn xe lông chim. Vua muốn ra xem đất, giảng đường, ngoài thành Xá-vệ. Trong lúc đó mẹ vua[14] Ba-tư-nặc vừa qua đời. Bà sống đến một trăm tuổi, rất là suy yếu, vua rất tôn kính nhớ thương chưa từ rời mắt. Lúc đó bên cạnh vua Ba-tư-nặc có đại thần tên Bất-xà-mật, tài cao cái thế, được mọi người tôn trọng. Đại thần suy nghĩ: "Mẹ của vua Ba-tư-nặc này vừa đúng tuổi trăm, hôm nay mạng chung. Nếu nghe được vua rất lo sầu, quên ăn bỏ uống mà bị bệnh nặng. Nay ta phải tìm cách nào khiến vua không lo sầu cũng không bị bệnh."

---

[14]. Cf. Tạp 46, kinh 1227: Tô mẫu (bà nội). Pāli, S. 3 22: Ayyakā.

Bấy giờ, đại thần chuẩn bị năm trăm voi trắng, năm trăm ngựa tốt; lại cách đặt năm trăm lính bộ, năm trăm kỹ nữ, năm trăm lão mẫu, năm trăm Bà-la-môn và có năm trăm Sa-môn; lại chuẩn bị năm trăm bộ y phục, năm trăm thứ trân bảo làm cỗ quan tài lớn đẹp cho người chết, vẽ vời thật là tinh xảo; treo phướn lọng, trỗi kỹ nhạc, không thể kể hết được, rồi đưa ra khỏi thành Xá-vệ. Lúc đó, vì có chút việc vua Ba-tư-nặc trở vào lại trong thành. Từ xa, vua nhìn thấy có người chết, hỏi tả hữu:

–Đây là ai mà cúng dường đến thế?

Bất-xà-mật tâu:

–Trong thành Xá-vệ này có mẹ trưởng giả vô thường. Đó là vật dụng của họ.

Vua lại hỏi:

–Những voi, ngựa, xe cộ này lại dùng để làm gì?

Đại thần tâu:

–Năm trăm lão mẫu này, dùng để dâng lên vua Diêm-la để chuộc mạng.

Vua liền cười và nói:

–Đây là cách của người ngu. Mạng cũng khó mà giữ, làm sao có thể đổi được? Như có người rơi vào miệng cá Ma-kiệt, muốn mong thoát ra lại thật khó được. Ở đây cũng vậy, đã rơi vào chỗ vua Diêm-la, muốn cầu ra khỏi thì thật khó có thể được.

Năm trăm kỹ nữ này cũng dùng để chuộc mạng.

Vua bảo:

–Điều này cũng khó được.

Đại thần tâu:

–Nếu những kỹ nữ này không thể được, thì sẽ dùng cách khác để chuộc.

Vua bảo:

–Điều này cũng khó được.

Đại thần tâu:

–Nếu điều này không thể được, thì phải dùng năm trăm trân bảo để chuộc.

Vua bảo:

–Điều này cũng khó được.

Đại thần tâu:

–Nếu điều này không thể được, thì dùng năm trăm y phục để

chuộc.

Vua bảo:

–Điều này cũng khó được.

Đại thần tâu:

–Nếu y phục này không thể được, thì phải dùng năm trăm Phạm chí này chú thuật, làm chú thuật để lấy lại.

Vua bảo:

–Điều này cũng khó được.

Đại thần tâu:

–Nếu năm trăm Phạm chí này không thể được, thì lại phải đem những vị Sa-môn tài cao thuyết pháp này để chuộc.

Vua bảo:

–Điều này cũng không thể được.

Đại thần tâu:

–Nếu thuyết pháp không thể được, thì sẽ tập họp binh chúng gây trận đánh lớn để chiếm lại.

Lúc này vua Ba-tư-nặc cười lớn mà nói:

–Đây là cách của người ngu, vì đã rơi vào miệng cá Ma-kiệt, thì quyết không thoát được.

Vua nói tiếp:

–Ngươi nên biết, có gì sinh mà không chết ư?

Đại thần tâu:

–Điều này thật không thể được.

Vua bảo:

–Thật không thể được, chư Phật cũng dạy: "Phàm có sinh thì có chết, mạng cũng khó được."

Lúc đó, Bất-xà-mật quỳ tâu vua:

–Cho nên, Đại vương chớ quá sầu lo. Tất cả chúng sinh đều quy về cái chết.

Vua bảo:

–Sao ta phải sầu lo?

Đại thần tâu vua:

–Vua nên biết, hôm nay mẹ Đại vương đã mất.

Cho nên, vua Ba-tư-nặc nghe những lời này xong, thở dài tám chín lần, rồi bảo đại thần:

–Lành thay, như những gì ông nói, là hay biết dùng phương tiện

khéo léo.

Sau đó vua Ba-tư-nặc trở vào thành, sắm sửa các thứ hương hoa cúng dường vong mẫu. Cúng dường vong mẫu xong, liền trở lại xe, đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi:

–Đại vương, vì sao người dính đầy bụi bặm?

Vua bạch Thế Tôn:

–Mẹ con qua đời[15], vừa đưa ra ngoài thành. Nay con đến chỗ Thế Tôn để hỏi lý do ấy. Lúc còn sống, mẹ con trì giới tinh tấn, thường tu pháp thiện, tuổi vừa một trăm, nay đã qua đời, nên đến chỗ Thế Tôn. Nếu con phải đem voi để mua mạng được, con cũng sẽ dùng voi để mua. Nếu phải dùng ngựa để chuộc mạng được, con cũng sẽ dùng ngựa để chuộc. Nếu phải dùng xe cộ để chuộc mạng được, con sẽ dùng xe cộ để chuộc. Nếu phải dùng vàng bạc trân bảo để chuộc được, con cũng sẽ dùng vàng bạc trân bảo để chuộc. Nếu phải dùng nô bộc, tôi tớ, thành quách, đất nước để chuộc mạng được, thì con cũng sẽ dùng nô bộc, tôi tớ, thành quách, đất nước để mua. Nếu phải dùng nhân dân đất nước Ca-thi[16] để chuộc mạng được, con cũng sẽ dùng nhân dân đất nước Ca-thi để chuộc, không để cho mạng mẹ con mất.

Thế Tôn bảo:

–Đại vương, chớ quá lo sầu, vì tất cả chúng sinh đều quy về cái chết. Tất cả mọi pháp đều biến dịch. Cho nên, nếu muốn không biến dịch, quyết không có việc này.

Đại vương nên biết, pháp của thân người giống như nắm tuyết, tất sẽ tan chảy. Cũng như nắm đất, rồi cũng vỡ vụn, không thể giữ lâu; cũng như quáng nắng[17], huyễn hóa, hư ngụy không thật; cũng như nắm tay không, dùng để gạt con nít. Cho nên, Đại vương, chớ mang sầu lo, trông cậy vào thân này. Đại vương nên biết, có bốn điều rất sợ hãi này, sẽ mang đến thân này không thể ngăn che được, cũng không thể dùng ngôn ngữ, chú thuật, thuốc men, phù thư để có thể trừ khử. Những gì là bốn?

1. Già làm bại hoại tráng niên khiến không nhan sắc.

2. Bệnh làm bại hoại hết người không bệnh.

3. Chết làm bại hoại hết mạng căn.

---

15. Cf. Pāli, A 3. 22 Ayyikāsuttaṃ (R.i. 197). Hán, Tạp 46 (T2n99, tr. 335b9).

16. Gia-thi 加尸。Pāli: Kāsi, thời Phật, thuộc quyền cai trị của vua Ba-tư-nặc.

17. Hán: Dã mã.

4. Vật hữu thường trở về vô thường.

Đại vương, có bốn pháp này không thể ngăn che được, không dùng sức để hàng phục. Đại vương nên biết, giống như bốn hướng có bốn núi lớn, từ bốn hướng dồn ép đến chúng sinh, chẳng phải sức để loại bỏ. Cho nên, này đại vương, chẳng phải vật kiên cố, không thể nương tựa. Do đó, đại vương nên dùng pháp để cai trị, chớ nên dùng phi pháp. Vua cũng không còn bao lâu sẽ đến biển sinh tử. Vua cũng nên biết những người dùng pháp để cai trị, thân hoại mạng chung sẽ sinh về nơi thiện, trên trời. Nếu người nào dùng phi pháp để cai trị, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục. Cho nên, này đại vương, nên dùng pháp để cai trị, chớ nên dùng phi pháp. Đại vương, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, bạch Thế Tôn:

–Pháp này có tên là gì? Nên phụng hành thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Pháp này tên là trừ sầu ưu.

Vua bạch Phật:

–Thật vậy, Thế Tôn, sở dĩ như vậy, vì con nghe pháp này rồi, mọi sầu lo có được hôm nay đã trừ. Thế Tôn, việc đất nước bề bộn, con muốn trở về cung.

Thế Tôn bảo:

–Nên biết đúng thời.

Vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, rồi lui đi.

Vua Ba-tư-nặc sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta không những chỉ tối tôn trong hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, mà còn tối tôn đến cả trong loài người. Nay có bốn pháp mà Ta, ở giữa bốn bộ chúng, chư Thiên và loài người, tự mình biết, tự thân tác chứng.

Những gì là bốn?

1. Tất cả các hành đều vô thường, mà Ta, ở giữa bốn bộ chúng, chư Thiên và loài người, tự mình biết, tự thân tác chứng.

2. Tất cả các hành khổ.

3. Tất cả các hành vô ngã.

4. Niết-bàn tịch tĩnh, mà Ta, ở giữa bốn bộ chúng, chư Thiên và loài người, tự mình biết, tự thân tác chứng.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là bốn pháp mà Ta, ở giữa chúng bốn bộ, chư Thiên và loài người, tự mình biết, tự thân tác chứng.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm theo.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng với năm trăm chúng đại Tỳ-kheo. Lúc ấy, Thế Tôn muốn đến thành La-duyệt hạ an cư. Xá-lợi-phất cũng muốn đến thành La-duyệt hạ an cư và một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử đều muốn thành La-duyệt hạ an cư. Nhưng Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên hạ an cư xong sẽ nhập Niết-bàn.

Sau khi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... đến vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt, hạ an cư xong. Bấy giờ Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

–Nay một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử vì các ông mà hạ an cư nơi này. Nhưng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên sắp diệt độ. Thế nào, Xá-lợi-phất, ông có thể vì các Tỳ-kheo nói diệu pháp không? Ta nay đau lưng, muốn nghỉ một chút.

Xá-lợi-phất thưa:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ, Thế Tôn tự mình gấp Tăng-ca-lợi[18], nằm nghiêng hông phải, hai bàn chân chồng lên nhau, để tâm nơi ánh sáng. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

–Lúc tôi mới thọ giới, trải qua nửa tháng, chứng đắc bốn biện tài,

---

18. Tăng-ca-lợi 僧迦利, tức y Tăng-già-lê.

tự thân tác chứng, đầy đủ nghĩa lý[19]. Nay tôi sẽ phân biệt nói rõ ý nghĩa cho các vị biết, phân biệt rõ ràng. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thưa vâng!

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng theo lời của Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất hỏi:

–Những gì là bốn biện tài tôi đã chứng được? Đó là nghĩa biện, tôi do đây mà chứng được[20]; là pháp biện[21], tôi do đây mà chứng được; là ứng biện[22], tôi do đây mà chứng được; là tự biện[23], (tôi do đây mà chứng được)[24].

Nay tôi sẽ phân biệt rộng nghĩa của chúng. Nếu chúng bốn bộ có ai hồ nghi, bấy giờ có thể hỏi tôi nghĩa của chúng. Nếu các Hiền giả đối với bốn Thiền mà có ai hồ nghi, hoặc các Hiền giả đối với bốn Đẳng tâm mà có ai hồ nghi có thể hỏi, nay tôi sẽ nói. Nếu các Hiền giả đối với bốn Ý đoạn mà có ai hồ nghi có thể hỏi tôi về nghĩa, nay tôi sẽ nói; hoặc đối với bốn Thần túc, bốn Ý chỉ, bốn Đế mà có ai hồ nghi, nên đến hỏi tôi về nghĩa, nay tôi sẽ nói. Nay nếu không ai hỏi, sau có hối cũng vô ích. Nay cũng nên hỏi tôi về những pháp sâu xa, cùng những sở hành của Thế Tôn Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tôi sẽ nói cho. Nếu không hỏi, sau chớ có hối.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đã đến giờ, đắp y, cầm bát vào thành La-duyệt khất thực. Các Phạm chí chấp trượng[25] từ xa trông thấy Mục-liên đến, bảo nhau rằng:

–Đây là một trong những đệ tử Sa-môn Cù-đàm, không ai hơn người này. Chúng ta cùng nhau bao vây đánh chết đi.

---

19. Tứ biện tài 四辯才, cũng nói là bốn Vô ngại biện hay bốn Vô ngại giải. Xem đoạn sau, kinh số 5 phẩm 29. Pāli: Cf. A IV 172 Vibhattisuttaṃ (R. ii. 160).

20. Nghĩa biện 義辯, hay nghĩa vô ngại giải. Pāli, ibid. Atthapaṭisambhidā sacchikatā odhiso byañjanaso, do từng trường hợp, y theo văn, tôi tác chứng nghĩa vô ngại giải.

21. Pháp biện 法辯。Pāli: Dhammapaṭisambhidā.

22. Ứng biện 應辯, tức từ vô ngại giải. Pāli: Iruttipaṭisambhidā, giải thích từ nguyên thông suốt.

23. Tự biện 自辯, hay biện (tài) vô ngại giải. Pāli: Paṭibhānapaṭisambhidā.

24. Trong ngoặc, nhảy sót trong để bản, nên thêm vào cho đủ văn.

25. Chấp trượng Phạm chí 執杖梵志, nhóm ngoại đạo cầm gậy. Tỳ-nại-da tạp sự 18 (T24n1451, tr. 287a26): Nhóm ngoại đạo tà mạng, cầm gậy và bện tóc, đón đường đánh chết Mục-kiền-liên. Tỳ-nại-da 2 (T24n1464, tr. 857c27): Nhóm Phạm chí chấp trượng, cầm gậy có hình như đầu người. Truyền thuyết Pāli, ngài bị giết bởi nhóm Nigaṇṭha.

Các Phạm chí kia liền bao vây, dùng gạch đá đánh chết rồi bỏ đi. Thịt xương thân thể không nơi nào không nát hết, đau đớn khổ não quá không thể kể được. Khi Đại Mục-kiền-liên tự nghĩ: "Các Phạm chí này vây ta, đánh xương thịt nát nhừ rồi bỏ ta mà đi. Nay thân thể ta không nơi nào không bị đánh, vô cùng đau nhức, lại không còn khí lực sao trở về Trúc viên được. Nay ta có thể dùng thần túc trở về tinh xá."

Rồi Mục-liên liền dùng thần túc trở về tinh xá, đến chỗ Xá-lợi-phất, ngồi xuống một bên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Xá-lợi-phất:

–Các Phạm chí chấp trượng này vây tôi đánh xương thịt nát hết, thân thể đau nhức thật không thể chịu được. Nay tôi muốn vào Niết-bàn nên đến từ giã thầy.

Xá-lợi-phất nói:

–Trong đệ tử Thế Tôn, thầy thần túc đệ nhất, có đại oai lực. Sao không dùng thần túc mà tránh?

Mục-liên đáp:

–Hành vi mà tôi đã làm trước kia thật là sâu nặng, khi đòi hỏi phải thọ báo thì quyết không thể tránh. Không phải ẩn trong hư không mà có thể tránh được báo ứng này. Hôm nay thân thể tôi thật là đau nhức, nên đến từ giã thầy để nhập Niết-bàn.

Xá-lợi-phất nói:

–Những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào mà tu bốn Thần túc, phần nhiều diễn rộng nghĩa của nó, theo ý người đó muốn, trụ lại một kiếp hay hơn một kiếp, cho đến không diệt độ. Vì sao thầy không trụ, mà diệt độ?

Mục-kiền-liên nói:

–Đúng vậy, Xá-lợi-phất, Như Lai dạy, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào tu bốn Thần túc, muốn sống thọ trải qua nhiều kiếp, cũng có thể được. Nếu Như Lai chỉ trụ một kiếp, tôi cũng trụ vậy. Nhưng hiện tại Thế Tôn không còn bao lâu sẽ nhập Bát-niết-bàn. Thọ mạng các loài chúng sinh rất ngắn. Hơn nữa, tôi không nỡ khi nhìn Thế Tôn vào Bát-niết-bàn. Bấy giờ thân thể tôi thật là đau đớn, nên tôi muốn nhập Bát-niết-bàn.

Bấy giờ Xá-lợi-phất nói Mục-liên:

–Nay thầy chờ một chút, tôi sẽ diệt độ trước.

Mục-liên im lặng không đáp. Lúc đó Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

–Nay con muốn diệt độ. Cúi xin cho phép.

Lúc đó, Thế Tôn im lặng không đáp. Xá-lợi-phất ba lần bạch Thế

Tôn:

–Nay là lúc thích hợp, con muốn nhập Bát-niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

–Tại sao, nay ông không trụ một kiếp hay hơn một kiếp?

Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

–Tự thân con nghe, tự thân vâng lãnh lời của Thế Tôn, rằng thọ mạng các loài chúng sinh rất ngắn, thọ nhất bất quá trăm năm. Vì thọ mạng chúng sinh ngắn nên tuổi thọ Như Lai cũng ngắn. Nếu tuổi thọ Như Lai sẽ một kiếp, tuổi thọ của con cũng sẽ một kiếp.

Thế Tôn bảo:

–Như lời Xá-lợi-phất, vì mạng chúng sinh ngắn, nên thọ mạng của Như Lai cũng ngắn. Nhưng điều này cũng lại không thể luận bàn. Sở dĩ như vậy là vì, a-tăng-kỳ kiếp lâu xa về trước, có Phật tên Thiện Niệm Thệ Nguyện Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Tuổi thọ con người vào lúc bấy giờ là tám vạn năm, không có ai chết yểu giữa chừng. Đức Như Lai Thiện Niệm Thệ Nguyện kia ngay lúc thành Phật, liền hôm đó hóa làm vô lượng Phật, an lập vô lượng chúng sinh hành theo ba thừa, có người trụ vào địa vị không thoái chuyển; lại an lập vô lượng chúng sinh nơi bốn chủng tánh; lại an lập vô lượng chúng sinh vào cung Tứ Thiên vương, Diễm thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, Phạm-ca-di thiên, Dục thiên, Sắc thiên, Vô sắc thiên và cũng ngày hôm đó ở trong Vô dư Niết-bàn giới mà nhập Bát-niết-bàn. Nhưng nay Xá-lợi-phất nói vì tuổi chúng sinh ngắn nên thọ mạng Như Lai cũng ngắn.

Thế nào, Xá-lợi-phất, ông nói rằng: "Như Lai trụ một kiếp hay hơn một kiếp, con cũng trụ một kiếp hay hơn một kiếp." Nhưng chúng sinh lại không thể biết thọ mạng Như Lai ngắn hay dài.

Xá-lợi-phất nên biết, Như Lai có bốn sự không thể nghĩ bàn, chẳng phải điều mà Tiểu thừa có thể biết. Thế nào là bốn? Thế giới không thể nghĩ bàn; chúng sinh không thể nghĩ bàn; long cung không thể nghĩ bàn; cảnh giới Phật độ không thể nghĩ bàn. Này Xá-lợi-phất, đó gọi là có bốn việc không thể nghĩ bàn.

Xá-lợi-phất thưa:

–Đúng vậy, Thế Tôn! Có bốn sự không thể nghĩ bàn: Thế giới, chúng sinh, long cung, Phật độ, thật không thể nghĩ bàn. Nhưng trong một thời gian dài con nghĩ rằng Phật Thích-ca Văn cuối cùng không trụ một kiếp. Lại nữa, chư Thiên đến chỗ con, bảo con rằng: "Phật Thích-ca Văn không ở đời lâu dài, khi tuổi vào tám mươi." Vậy nay

Thế Tôn không còn bao lâu sẽ nhập Niết-bàn. Nay con không cam nhìn Thế Tôn nhập Bát-niết-bàn. Vả lại, chính con nghe từ Như Lai dạy rằng: "Các đệ tử thượng túc của chư Phật quá khứ, tương lai, hiện tại đều nhập Bát-niết-bàn trước, sau đó Phật mới nhập Bát-niết-bàn và đệ tử cuối cùng cũng nhập Bát-niết-bàn trước, sau đó không lâu Thế Tôn sẽ diệt độ." Nguyện xin Thế Tôn cho phép con diệt độ.

Thế Tôn bảo:

–Nếu thời gian thích hợp.

Xá-lợi-phất liền ngồi trước Như Lai, chánh thân, chánh ý, cột niệm ở trước mà vào Sơ thiền. Từ Sơ thiền khởi, lại vào Nhị thiền. Từ Nhị thiền khởi, lại vào Tam thiền. Từ Tam thiền khởi, lại vào Tứ thiền. Từ Tứ thiền khởi, lại vào không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tưởng vô tưởng xứ. Từ hữu tưởng vô tưởng khởi, vào diệt tận định. Từ diệt tận định khởi, vào hữu tưởng vô tưởng xứ. Từ hữu tưởng vô tưởng xứ khởi, vào bất dụng xứ, thức xứ, không xứ. Từ không xứ khởi, vào đệ Tứ thiền. Từ đệ Tứ thiền khởi, vào đệ Tam thiền. Từ đệ Tam thiền khởi, vào đệ Nhị thiền. Từ đệ Nhị thiền khởi, vào Sơ thiền. Từ Sơ thiền khởi, vào đệ Nhị thiền. Từ đệ Nhị thiền khởi, vào đệ Tam thiền. Từ đệ Tam thiền khởi, vào đệ Tứ thiền. Khi Tôn giả Xá-lợi-phất từ Tứ thiền khởi, bảo các Tỳ-kheo:

–Đây gọi là định Sư tử phấn tấn.

Lúc này các Tỳ-kheo khen ngợi rằng:

–Chưa từng có, thật là kỳ đặc. Tôn giả Xá-lợi-phất nhập định nhanh chóng như vậy!

Bấy giờ, Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Thế Tôn, rồi lui đi. Khi ấy có số đông Tỳ-kheo đi theo sau Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất quay lại bảo:

–Chư hiền, các vị muốn đi đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Chúng tôi muốn được cúng dường xá-lợi Tôn giả.

Xá-lợi-phất bảo:

–Thôi, thôi, các Hiền giả! Vậy gọi là cúng dường rồi. Tôi đã có Sa-di đủ để cúng dường rồi. Các vị hãy về lại chỗ mình, tư duy hóa đạo, khéo tu phạm hạnh, hết sạch khổ nạn. Như Lai ra đời rất khó gặp được. Thật lâu mới hiện, giống như hoa Ưu-đàm-bát thật lâu mới nở. Như Lai cũng lại như vậy, ức kiếp mới hiện ra. Thân người cũng lại khó được. Có tín thành tựu lại cũng khó được. Muốn mong xuất gia học pháp Như Lai cũng lại khó được. Muốn cho tất cả các hành không diệt tận, điều

này cũng khó được. Hãy diệt tận ái dục, không còn dư tàn, Niết-bàn diệt tận.

Nay có bốn pháp mà Như Lai đã nói. Những gì là bốn? Tất cả các hành vô thường, đó gọi là pháp thứ nhất mà Như Lai đã nói. Tất cả các hành là khổ, đó gọi là pháp thứ hai mà Như Lai đã nói. Tất cả các hành vô ngã, đó gọi là pháp thứ ba mà Như Lai đã nói. Niết-bàn là vĩnh tịch, đó gọi là pháp thứ tư mà Như Lai đã nói.

Này các Hiền giả, đó gọi là bốn pháp mà Như Lai đã nói.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đều cùng rơi lệ:

–Xá-lợi-phất, nay sao diệt độ nhanh như vậy!

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

–Thôi, thôi, các Hiền giả chớ lo sầu. Pháp biến dịch mà muốn khiến không biến dịch, thì việc này không đúng. Núi Tu-di còn có biến đổi vô thường, huống là cái thân hạt cải. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất mà thoát khỏi tai hoạn này sao? Thân kim cang của Như Lai không bao lâu cũng sẽ nhập Bát-niết-bàn, huống chi là thân tôi. Vậy các vị hãy tu hành pháp này thì sẽ được hết khổ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất về đến tinh xá, đến rồi thu cất y bát, ra khỏi Trúc viên trở về nơi sinh quán. Tôn giả Xá-lợi-phất khất thực lần hồi đến nước Ma-sấu[26]. Lúc này Tôn giả Xá-lợi-phất về sống tại Ma-sấu nơi ngài đã sinh ra, thân mang bệnh tật thật là đau nhức. Khi ấy chỉ có Sa-di Quân-đầu[27] hầu hạ, trông nom dọn dẹp các thứ bất tịnh, đem lại sạch sẽ. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân biết tâm niệm Xá-lợi-phất, khoảnh khắc giống như co duỗi cánh tay của lực sĩ, biến mất khỏi trời Tam thập tam, xuất hiện trong tinh xá Xá-lợi-phất. Đến nơi, đảnh lễ sát chân, rồi dùng hai tay sờ chân Xá-lợi-phất, tự xưng tên họ mà nói rằng:

–Tôi là Đế Thích, vua của trời.

Xá-lợi-phất nói:

–Vui sướng thay, cầu mong Thiên đế thọ mạng vô cùng!

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Nay tôi muốn cúng dường Xá-lợi Tôn giả[28].

---

[26] Ma-sấu 摩瘦。Cf. Tây Vực Ký 4 (T51n2087, tr. 890a28): Mạt-thố-la 秣菟羅, tại đó có tháp thờ di thân của Xá-lợi-phất. Phiên âm của Mathurā hay Madhurā (Skt., Pāli đồng).

[27] Quân-đầu Sa-di. Pāli: Cunda Samaṇuddesa. Cf. S. 47. 13 Cundasuttaṃ (R.v. 161).

[28] Để bản: Cúng dường Tôn giả Xá-lợi 供養尊者舍利。Hoặc nói đủ là "Cúng dường

Xá-lợi-phất nói:

–Thôi, thôi, Thiên đế! Vậy là cúng dường rồi. Cầu mong chư Thiên thanh tịnh, A-tu-luân, Rồng, Quỷ cùng chúng chư Thiên cũng vậy[29]. Nay tôi đã có Sa-di, đủ để sai khiến.

Thích Đề-hoàn Nhân lần thứ ba bạch Xá-lợi-phất:

–Nay tôi muốn tạo phước nghiệp, chớ làm trái nguyện. Nay muốn cúng dường xá-lợi Tôn giả.

Xá-lợi-phất im lặng không trả lời. Thích Đề-hoàn Nhân đích thân đổ phẩn, không từ hiềm khổ. Ngay đêm hôm đó Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Bát-niết-bàn. Bấy giờ mặt đất này chấn động sáu cách, có âm vang lớn. Chư thiên mưa hoa, trỗi lên kỹ nhạc. Chư thiên đầy khắp hư không. Chư thiên thần diệu cũng rải hoa câu-mâu-đầu, hoặc dùng hương bột chiên-đàn rải lên trên. Lúc này Tôn giả Xá-lợi-phất đã diệt độ, chư Thiên ở giữa hư không đều bi thương, khóc lóc không kiềm chế được. Cũng lại như vậy, bấy giờ, Dục thiên, Sắc thiên, Vô sắc thiên ở giữa hư không, tất cả đều rơi lệ giống như mưa phùn, hòa xướng mùa Xuân: "Nay Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Bát-niết-bàn sao mà chóng thế!"

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân gom góp tất cả các loại hương mà thiêu thân Tôn giả Xá-lợi-phất; cúng dường các thứ xong, thâu nhặt xá-lợi, cùng y bát trao lại Sa-di Quân-đầu và bảo:

–Đây là xá-lợi cùng y bát của thầy ông. Hãy đem dâng Thế Tôn. Đến nơi, đem nhân duyên này bạch đầy đủ Thế Tôn. Nếu Ngài có dạy điều gì thì cứ theo đó mà làm theo.

Quân-đầu đáp:

–Đúng vậy, Câu-dực.

Lúc này Sa-di Quân-đầu mang y bát cùng xá-lợi đến chỗ A-nan, bạch A-nan:

Thầy con đã diệt độ. Nay mang y bát cùng xá-lợi đến dâng lên Thế Tôn. Sau khi thấy, A-nan liền rơi lệ và nói:

–Ông với ta cùng đến chỗ Thế Tôn, đem nhân duyên này cùng bạch lên Thế Tôn. Nếu Thế Tôn dạy điều gì thì chúng ta sẽ làm theo vậy.

Quân-đầu đáp:

–Thưa vâng, Tôn giả.

Rồi A-nan dẫn Sa-di Quân-đầu đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân,

---

Tôn giả Xá-lợi-phất." Ý Đế Thích muốn phục vụ nuôi bệnh ngài Xá-lợi-phất.

[29]. Không thể phục vụ người bệnh, vì dơ bẩn.

bạch Thế Tôn:

–Sa-di Quân-đầu này đến chỗ con, thưa con rằng: "Thầy con đã diệt độ. Nay đem y bát dâng lên Như Lai." Hôm nay tâm ý con phiền não, tánh chí hoang mang, không còn biết gì. Nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Bát-niết-bàn, thương tâm buồn bã.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, A-nan! Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nhập Bát-niết-bàn với thân giới ư?

A-nan thưa:

–Chẳng phải vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, A-nan, diệt độ với thân định, thân tuệ, thân giải thoát, thân giải thoát sở kiến sao[30]?

A-nan bạch Phật:

–Tỳ-kheo Xá-lợi-phất không diệt độ với giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát sở kiến thân. Nhưng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thường hay giáo hóa, thuyết pháp không biết chán và giáo giới cho các Tỳ-kheo cũng không biết chán. Nay con nhớ ân sâu quá nhiều này của Xá-lợi-phất, cho nên ưu sầu vậy.

Thế Tôn bảo:

–Thôi, thôi A-nan! Chớ ôm lòng sầu ưu. Vật không thường, muốn còn mãi, việc này không thể. Phàm có sinh thì có chết. Thế nào, A-nan, chư Phật quá khứ đều chẳng phải diệt độ sao? Giống như cây đèn, dầu hết thì tắt. Như từ Bảo Tạng Định Quang đến nay, bảy Phật cùng các đệ tử đều chẳng phải nhập Bát-niết-bàn sao? Cũng vậy, Bích-chi-phật như Thẩm Đế, Cao Xưng, Viễn Văn, Ni-sa, Ưu-ni-bát-sa, Già-la, Ưu-bát-già-la[31], các Bích-chi-phật nơi đây đều chẳng phải đã diệt độ sao? Thánh vương đầu tiên của đại quốc tên là Thiện Duyệt Ma-ha-đề-bà thuộc hiền kiếp, cũng như Chuyển luân thánh vương hiện tại, há chẳng phải đều nhập Bát-niết-bàn sao?

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

---

30. Cf. S 47 ibid. : Xá-lợi-phất y trên giới uẩn (sīlakkhandhaṃ và ādāya), hay y trên định uẩn (samādhikkhandhaṃ và ādāya), tuệ uẩn (paññākkhandhaṃ), giải thoát uẩn (vimuttikkhandhaṃ), giải thoát tri kiến uẩn (vimuttiñāṇ adassanakkhandhaṃ) mà nhập Niết-bàn (parinibbuto)?

31. Danh sách các Bích-chi-phật, xem phẩm 38 kinh 7 dưới. Pāli, cf. M 116 Isigili (R.iii. 68): Ariṭṭho; Upariṭṭho; Tagarasikhī; Yasassī; Sudassano; Piyadassī; Gandhāro; Pinḍolo; Upāsabho; Nīto; Tatho, Sutavà; Bhāvitatto.

Tất cả hành vô thường
Có sinh tất có chết
Không sinh thì không diệt
Diệt này tối đệ nhất.[32] *

❑

[32] *Tham chiếu Pāli, D 16 Mahāparinibbānasuttaṃ (R.ii. 157): Aniccà vata saịkhārā, uppādavaya-dhammino; uppajjitvà nirujjhanti, tesaṃ vūpasamo sukho.*

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 19

Phẩm 26: BỐN Ý ĐOẠN (2)

Kinh số 9 (tt)

Thế Tôn bảo A-nan:

–Nay ông mang xá-lợi của Xá-lợi-phất lại phải không?

A-nan thưa:

–Đúng vậy, Thế Tôn!

Bấy giờ A-nan trao xá-lợi đến tay Thế Tôn. Thế Tôn tay cầm xá-lợi rồi bảo các Tỳ-kheo:

–Đây là xá-lợi của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, bậc trí tuệ, thông minh, tài cao trí lớn, ngần này loại trí: Trí không thể cùng, trí không bờ đáy, có trí nhanh nhạy, có trí nhẹ nhàng, có trí sắc bén, có trí thật sâu, có trí thẩm sát[1]. Đó là người ít muốn, biết đủ, thích nơi nhàn tịnh, ý chí dũng mãnh, việc làm không loạn, tâm không khiếp nhược, thường nhẫn nhục, trừ bỏ pháp ác, thể tánh nhu hòa, không thích tranh tụng, thường tu tinh tấn, hành Tam-muội, tập trí tuệ, niệm giải thoát, tu hành thân tri kiến giải thoát.

Tỳ-kheo nên biết, giống như đại thọ mà không có cành. Nay trong Tăng Tỳ-kheo, Như Lai là đại thọ. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã diệt độ, Ta giống như cây không cành. Nếu Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đi đến địa phương nào, địa phương đó gặp được đại hạnh, nói rằng: "Xá-lợi-phất nghỉ lại ở địa phương này." Sở dĩ như vậy là vì, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thường hay luận đàm cùng với các dị học ngoại đạo, không ai mà không bị hàng phục.

Đại Mục-kiền-liên sau khi nghe Xá-lợi-phất diệt độ, liền dùng thần túc đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên, rồi Đại

---

[1] *Các loại trí của Xá-lợi-phất, cf. Pāli, S 8.7 Pavāraṇāsuttaṃ (R.i. 191): Paṇḍito (bác tuệ), mahāpañño (đại tuệ), puthupañño (quảng tuệ), hāsapañño (tật tuệ), javanapañño (tiệp tuệ), tikkhapañño (lợi tuệ), nibbedhikapañño (quyết trạch tuệ).*

Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:

–Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, nay đã diệt độ. Nay con cũng muốn từ giã Thế Tôn để diệt độ.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng không trả lời. Như vậy lại bạch Thế Tôn lần thứ ba:

–Con muốn diệt độ.

Bấy giờ, Thế Tôn cũng lại im lặng không trả lời. Mục-liên thấy Thế Tôn im lặng không trả lời, liền lễ sát chân Thế Tôn rồi lui đi, về đến tinh xá thâu cất y bát, ra khỏi thành La-duyệt, tự về nơi sinh quán. Khi ấy, có số đông Tỳ-kheo theo sau Tôn giả Mục-liên đến thôn Ma-sấu[2]. Khi trú tại đây, Mục-liên mang trọng bệnh.

Bấy giờ, Mục-liên tự thân trải tòa giữa đất trống mà ngồi, nhập Sơ thiền. Từ Sơ thiền khởi, nhập đệ Nhị thiền. Từ đệ Nhị thiền khởi, nhập đệ Tam thiền. Từ đệ Tam thiền khởi, nhập đệ Tứ thiền. Từ Tứ thiền khởi, nhập không xứ. Từ không xứ khởi, nhập thức xứ. Từ thức xứ khởi, nhập bất dụng xứ. Từ bất dụng xứ khởi, nhập hữu tưởng vô tưởng xứ. Từ hữu tưởng vô tưởng xứ khởi, nhập Tam-muội hỏa quang. Từ Tam-muội hỏa quang khởi, nhập Tam-muội thủy quang. Từ Tam-muội thủy quang khởi, nhập định diệt tận.

Từ định diệt tận khởi, nhập Tam-muội thủy quang. Từ Tam-muội thủy quang khởi, nhập Tam-muội hỏa quang. Từ Tam-muội hỏa quang khởi, nhập định hữu tưởng vô tưởng. Từ định hữu tưởng vô tưởng khởi, nhập bất dụng xứ. Từ bất dụng xứ khởi, nhập thức xứ, không xứ, Tứ thiền, Tam thiền, Nhị thiền, Sơ thiền.

Từ Sơ thiền khởi, bay lên giữa hư không, ngồi nằm, kinh hành. Thân trên ra lửa, thân dưới ra nước; hoặc thân trên ra nước, thân dưới ra lửa, tạo ra mười tám cách biến hóa thần túc. Sau đó Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuống lại chỗ cũ ngồi kiết già, chánh thân chánh ý, cột niệm ở trước. Lại nhập Sơ thiền. Từ Sơ thiền khởi, nhập đệ Nhị thiền. Từ đệ Nhị thiền khởi, nhập đệ Tam thiền. Từ đệ Tam thiền khởi, nhập đệ Tứ thiền. Từ Tứ thiền khởi, nhập không xứ. Từ không xứ khởi, nhập thức xứ. Từ thức xứ khởi, nhập bất dụng xứ. Từ bất dụng xứ khởi, nhập hữu tưởng vô tưởng xứ. Từ hữu tưởng vô tưởng xứ khởi, nhập Tam-muội hỏa quang. Từ Tam-muội hỏa quang khởi, nhập Tam-muội thủy quang. Từ Tam-muội thủy quang khởi, nhập định diệt tận.

Từ định diệt tận khởi, nhập thủy quang, hỏa quang, hữu tưởng vô

---

[2] *Ma-sấu thôn 摩瘦村。Xem cht. kinh số 9, phẩm 26 trên.*

tưởng xứ, bất dụng xứ, thức xứ, không xứ, Tứ thiền, Tam thiền, Nhị thiền, Sơ thiền.

Lại từ Sơ thiền khởi, nhập đệ Nhị thiền. Từ đệ Nhị thiền khởi, nhập đệ Tam thiền. Từ đệ Tam thiền khởi, nhập đệ Tứ thiền. Từ Tứ thiền khởi và diệt độ ngay lúc đó.

Khi Đại Mục-liên diệt độ, lúc này mặt đất chấn động rất mạnh. Chư Thiên cùng bảo nhau hiện xuống, hầu thăm Đại Mục-kiền-liên, mang các thứ đến cúng dường tôn đức, hoặc các loại hương hoa đến cúng dường. Chư Thiên giữa hư không trỗi kỹ nhạc, gảy đàn, ca múa để cúng dường lên Tôn giả Mục-kiền-liên.

Sau khi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã diệt độ rồi, lúc này khoảng một do-tuần trong thôn Na-la-đà[3] đầy kín chư Thiên trong đó. Khi ấy, lại có nhiều Tỳ-kheo mang các thứ hương hoa rải lên thi thể Tôn giả Mục-kiền-liên.

Bấy giờ, Thế Tôn từ thành La-duyệt tuần tự khất thực, dẫn năm trăm Tỳ-kheo du hóa nhân gian, đi đến thôn Na-la-đà cùng với năm trăm Tỳ-kheo. Khi Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên diệt độ chưa bao lâu, bấy giờ Thế Tôn ngồi im lặng nơi đất trống, quan sát các Tỳ-kheo. Sau khi im lặng quán sát các Tỳ-kheo xong, rồi bảo các Tỳ-kheo:

Nay Ta quán sát trong chúng này có sự mất mát quá lớn. Sở dĩ vậy là vì trong chúng này nay không có Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên. Nếu địa phương nào Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đến, địa phương đó không trở thành trống rỗng, mà nghe rằng: "Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên nay ở địa phương này." Sở dĩ như vậy là vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên có thể chịu hàng phục ngoại đạo ở đây.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Những gì chư Phật đã làm thì thật là kỳ đặc, có hai đệ tử trí tuệ, thần túc này nhập Bát-niết-bàn; nhưng Như Lai không có sầu ưu. Ngay dù hằng sa Như Lai quá khứ, cũng có đệ tử trí tuệ, thần túc này và ngay đến chư Phật xuất hiện ở tương lai, cũng sẽ có đệ tử trí tuệ, thần túc này.

Tỳ-kheo nên biết, thế gian có hai thí nghiệp. Thế nào là hai? Tài thí, pháp thí. Tỳ-kheo, nên biết, nếu luận về tài thí, hãy tìm cầu từ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên. Nếu muốn cầu pháp, hãy tìm cầu từ nơi Ta. Sở dĩ như vậy là vì, nay Như Lai, Ta không có tài thí. Hôm nay,

---

[3] *Na-la-đà thôn 那羅陀村。Pāli: Nālaka, một ngôi làng Bà-la-môn gần Vương xá, sinh quán của Xá-lợi-phất. Theo truyền thống Pāli, sinh quán Mục-kiền-liên tại Kolita, cũng ngôi làng gần Vương xá.*

các ông có thể cúng dường xá-lợi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

–Chúng con cúng dường xá-lợi Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Nên gom góp các loại hương hoa, ở ngã tư đường dựng lên bốn tháp. Sở dĩ như vậy là vì nếu có dựng chùa tháp[4], phải là bốn hạng người này mới đáng dựng tháp. Thế nào là bốn? là Chuyển luân thánh vương xứng đáng được dựng tháp, A-la-hán lậu tận xứng đáng được tháp, Bích-chi-phật xứng đáng được tháp và Như Lai xứng đáng được tháp.

Lúc này, A-nan bạch Thế Tôn:

–Vì nhân duyên gì Như Lai đáng dựng tháp? Lại vì nhân duyên gì Bích-chi-phật, A-la-hán lậu tận, Chuyển luân thánh vương xứng đáng được dựng tháp?

Thế Tôn bảo:

–Nay các ông nên biết, Chuyển luân thánh vương tự hành thập thiện, tu mười công đức; cũng lại khuyên dạy người hành thập thiện, công đức. Thế nào là mười? Tự mình không sát sinh, lại khuyên bảo người khác không sát sinh. Tự mình không trộm cắp, lại dạy người khác khiến không trộm cắp. Tự mình không dâm, lại dạy người khác khiến không dâm. Tự mình không nói dối, lại dạy người khác khiến không nói dối. Tự mình không ỷ ngữ, lại dạy người khác khiến không ỷ ngữ. Tự mình không ganh ghét, lại dạy người khác khiến không ganh ghét. Tự mình không tranh tụng, lại dạy người khác khiến không tranh tụng. Tự mình chánh ý, lại dạy người khác khiến ý không loạn. Tự mình chánh kiến, lại dạy người khác khiến hành chánh kiến.

Tỳ-kheo nên biết, Chuyển luân thánh vương có mười công đức này, cho nên đáng cho dựng tháp.

A-nan bạch Thế Tôn:

–Lại vì nhân duyên gì đệ tử Như Lai xứng đáng được dựng tháp?

Thế Tôn bảo:

–A-nan nên biết, A-la-hán lậu tận, không còn tái sinh nữa, sạch như vàng trời, ba độc, năm sử vĩnh viễn không còn hiện khởi nữa. Vì nhân duyên này đệ tử Như Lai đáng được dựng tháp.

A-nan bạch Phật:

---

4. Hán: Tự thâu-bà 寺偷婆。Skt. Stūpa (Pāli: Thūpa).

–Vì nhân duyên gì Bích-chi-phật đáng được dựng tháp?

Thế Tôn bảo:

–Các Bích-chi-phật không thầy mà tự ngộ, đoạn trừ các kết sử, không còn tái sinh nữa, cho nên đáng được dựng tháp.

A-nan bạch Thế Tôn:

–Lại vì nhân duyên gì Như Lai đáng cho dựng tháp?

Thế Tôn bảo:

–A-nan, ở đây Như Lai có mười Lực, bốn Vô sở úy, hàng phục những ai chưa được hàng phục, độ những ai chưa được độ, khiến chứng đắc những ai chưa đắc đạo, khiến Bát-niết-bàn những ai chưa được Bát-niết-bàn; mọi người khi gặp, trong lòng cực kỳ hoan hỷ.

Đó gọi là, này A-nan, Như Lai đáng được dựng tháp. Đó gọi là Như Lai đáng được dựng tháp.

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả Bà-ca-lê[5] thân mắc bệnh nặng, nằm trên đại tiểu tiện, ý muốn cầm dao tự sát, nhưng không có sức để có thể tự ngồi dậy. Tôn giả Bà-ca-lê bảo thị giả:

–Ông hãy mang đao đến. Ta muốn tự sát. Sở dĩ như vậy là vì như trong hàng đệ tử của Phật Thích-ca Văn hôm nay, người có tín giải thoát không ai vượt hơn ta. Nhưng hôm nay ta tâm không giải thoát khỏi hữu lậu. Sở dĩ như vậy là vì như đệ tử của Như Lai khi gặp phải khổ não, cũng lại tìm dao tự sát. Nay ta với mạng sống này mà không thể từ bờ này đến bờ kia.

Bấy giờ, đệ tử của Bà-ca-lê vì xuất gia chưa lâu, chưa biết đời này đời sau, không biết từ bờ này đến bờ bên kia, cũng lại không biết chết đây sinh kia, nên liền trao dao cho. Lúc Bà-ca-lê tay cầm đao rồi, với tín kiên cố, cầm dao tự đâm.

Bà-ca-lê cầm dao tự đâm, suy nghĩ: "Trong hàng đệ tử của Phật

---

[5]. Bà-ca-lê 婆迦梨。Pāli: Vakkali. Cf, S.22. 87 Vakkalisuttaṃ (R. iii. 119). Hán. Tạp 47 kinh 1265: Bạt-ca-lê 跋迦梨。

Thích-ca Văn, ai đã làm những việc phi pháp, sẽ mắc lợi ác, chẳng được lợi thiện. Ở trong pháp Như Lai, đã không được thủ chứng mà lại mạng chung!" Bấy giờ, Tôn giả Ba-ca-lê liền tư duy về năm thạnh ấm: Đây là sắc, đây là tập khởi của sắc; đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ*, tưởng, hành, thức; đây là tập khởi của, tưởng, hành, thức; đây là sự diệt tận của thọ*, tưởng, hành, thức. Ông tư duy thuần thục năm thạnh ấm này. Các pháp có sinh đều là pháp tử. Biết vậy rồi, tâm liền được giải thoát khỏi hữu lậu. Bấy giờ, Tôn giả Bà-ca-lê nhập Niết-bàn trong Vô dư Niết-bàn giới.

Bấy giờ, Thế Tôn bằng Thiên nhĩ, nghe Tôn giả Bà-ca-lê đòi cầm đao tự sát. Thế Tôn bảo A-nan:

–Hãy tập họp các Tỳ-kheo tại thành Xá-vệ lại một chỗ. Ta muốn dạy bảo.

Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn dạy, tập họp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ tập[6], rồi trở về bạch lại Thế Tôn:

–Hôm nay Tỳ-kheo đã vân tập về một chỗ.

Bấy giờ Thế Tôn dẫn Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau đến tinh xá Tỳ-kheo Bà-ca-lê kia. Trong lúc đó tệ ma Ba-tuần muốn biết được thần thức Tôn giả Bà-ca-lê đang ở tại chỗ nào: Tại loài Người hay Phi nhân, Trời, Rồng, Quỷ Thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Ma-hưu-lặc, Duyệt-xoa? Nay thần thức này cuối cùng đang ở đâu, sinh nơi nào mà không thấy. Nó tìm kiếm khắp mọi nơi, bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên, Dưới, đều không biết chỗ của thần thức. Lúc bấy giờ thân thể ma Ba-tuần rất là mỏi mệt, mà vẫn chẳng biết ở đâu.

Khi Thế Tôn dẫn Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau đến tinh xá kia, bấy giờ, Thế Tôn quan sát, thấy ma Ba-tuần muốn biết thần thức đang ở đâu.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông nghe trong tinh xá này có tiếng lớn không? Lại có ánh sáng quái dị nữa?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thật vậy, Thế Tôn, chúng con đã thấy.

Thế Tôn bảo:

–Đó là tệ ma Ba-tuần này, muốn được biết thần thức của Bà-ca-lê đang ở đâu.

---

6. Phổ tập giảng đường 普集講堂: Hội trường của các Tỳ-kheo trong mỗi tinh xá. Cũng gọi là cần hành đường, hay thị giả đường. Pāli: Upaṭṭhāna-sālà.

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn cho biết thần thức Tỳ-kheo Bà-ca-lê là đang ở đâu?

Thế Tôn bảo:

–Thần thức Tỳ-kheo Bà-ca-lê không còn trụ vào bất cứ đâu. Thiện gia nam tử kia đã Bát-niết-bàn. Hãy ghi nhận như vậy.[7]

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

–Tỳ-kheo Bà-ca-lê này đã đắc bốn Đế này khi nào?

Thế Tôn bảo:

–Đã đắc bốn Đế này trong ngày hôm nay.

A-nan bạch Phật:

–Tỳ-kheo này vốn là người phàm, đã mang bệnh từ lâu.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, A-nan, như những lời ông nói. Nhưng Tỳ-kheo này chịu khổ rất lâu. Trong các đệ tử của Phật Thích-ca Văn có tín giải thoát thì người này là tối thắng, nhưng vì tâm chưa được giải thoát khỏi hữu lậu, nên suy nghĩ: "Nay ta muốn cầm dao tự đâm mình." Trong lúc Tỳ-kheo này sắp tự đâm mình, liền tư duy đến công đức Như Lai. Ngày bỏ tuổi thọ, tư duy năm thạnh ấm: Đây là sắc tập; đây là sắc diệt tận. Khi Tỳ-kheo này tư duy như vậy, các pháp tập khởi đều được diệt tận, Tỳ-kheo này Bát-niết-bàn.

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Pháp thuộc bốn Ý đoạn
Bốn ám, pháp già suy
A-di, pháp bản mạt
Xá-lợi, Bà-ca-lê.

---

[7] *Pāli, ibid., Appatiṭṭhitena ca viññāṇena vakkali kulaputto parinibbuto, thức của Vakkali vô trụ mà nhập Niết-bàn.*

-oOo-

Phẩm 27: ĐẲNG THÚ BỐN ĐẾ

Kinh số 1[8]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các Tỳ-kheo, pháp mà Ta thường nói, đó là bốn Đế; bằng vô số phương tiện mà quán sát pháp này, phân biệt ý nghĩa, quảng diễn cho mọi người. Những gì là bốn? Đây là pháp Khổ đế. Ta bằng vô số phương tiện mà quán sát pháp này, phân biệt ý nghĩa, quảng diễn cho mọi người. Bằng vô số phương tiện diễn nói Tập, Tận, Đạo đế mà quán sát pháp này, phân biệt ý nghĩa, quảng diễn cho mọi người.

Tỳ-kheo các ông, hãy thân cận Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và thừa sự cúng dường. Sở dĩ như vậy là vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất kia dùng vô số phương tiện nói mà thuyết đế, quảng diễn cho mọi người. Khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất phân biệt ý nghĩa, quảng diễn cho mọi người, chỗ các chúng sinh và bốn bộ chúng, khi ấy có nhiều chúng sinh không thể kể đã sạch hết mọi trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

Tỳ-kheo các ông, hãy thân cận Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và thừa sự cúng dường. Sở dĩ như vậy là vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là cha mẹ sinh ra chúng sinh. Đã được sinh, rồi người dưỡng cho lớn khôn là Tỳ-kheo Mục-kiền-liên. Sở dĩ như vậy là vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã vì mọi người nói pháp yếu, thành tựu bốn Đế; Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đã vì mọi người nói pháp yếu, thành tựu Đệ nhất nghĩa và thành tựu hành vô lậu. Vì vậy các ông hãy thân cận Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên.

Thế Tôn sau khi nói những lời này, trở về tịnh thất. Sau khi Thế Tôn đi chưa lâu, Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

–Ở đây, có ai đắc pháp bốn Đế, người đó nhanh chóng được lợi thiện. Những gì là bốn? Đây là Khổ đế, mà ý nghĩa được quảng diễn bằng nhiều phương tiện.

Thế nào là Khổ đế? Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, buồn

---

8. Tham chiếu Pāli, M. 141 Saccavibhaṅgasuttaṃ (R. iii. 247). Hán, Trung 7 (T1n26, tr. 467a28).

lo thương xót khổ, oán gặp nhau khổ, ân ái chia lìa khổ, cầu mà không đạt được là khổ. Nói tóm, năm thạnh ấm là khổ. Đó gọi là Khổ đế.

Thế nào là Khổ tập đế? Đó là ái kết.

Thế nào là Tận đế? Tận đế là ái dục kết diệt tận không còn dư tàn. Đó gọi là Tận đế.

Thế nào là Đạo đế?

Đó là tám đạo phẩm Hiền thánh: Chánh kiến, chánh trị, chánh ngữ, chánh phương tiện, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là Đạo đế. Chúng sinh này vì có được lợi thiện nên mới được nghe pháp bốn Đế này.

Trong lúc Tôn giả Xá-lợi-phất đang nói pháp này, vô lượng chúng sinh không thể kể hết, khi nghe pháp này, sạch hết mọi trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

Chúng ta cũng vì được lợi thiện, nên Thế Tôn nói pháp cho chúng ta, đặt chúng ta vào chỗ phúc địa. Cho nên bốn bộ chúng hãy tìm cầu phương tiện hành bốn Đế này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2[9]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ số đông các Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ. Khi ấy số đông các Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Chúng ta đi khất thực, trời còn sớm quá. Chúng ta hãy đi đến thôn dị học ngoại đạo để cùng luận nghị." Lúc này các Tỳ-kheo liền đi đến trong thôn ngoại đạo; đến nơi cùng nhau hỏi thăm, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ các dị học hỏi đạo nhân rằng:

–Sa-môn Cù-đàm nói pháp này cho đệ tử: "Tỳ-kheo các ông tất cả phải học pháp này, tất cả phải hiểu rõ. Đã hiểu rõ rồi, nên cùng nhau

---

[9] *Tham chiếu Pāli, M 11 Cūḷa-Sīhanādasuttaṃ (R. i. 63). Hán, Trung 26 (T1n26, tr. 590b5).*

phụng hành.” Chúng tôi cũng vậy, nói pháp này cho đệ tử: “Các ông tất cả phải học pháp này, tất cả phải hiểu rõ. Đã hiểu rõ rồi, nên cùng nhau phụng hành.” Sa-môn Cù-đàm cùng chúng tôi có những gì sai khác, có gì hơn kém nào? Nghĩa là Sa-môn nói pháp, ta cũng nói pháp. Sa-môn dạy bảo ta cũng dạy bảo!

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những lời này, không nói đúng, cũng không nói sai, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Rồi các Tỳ-kheo tự bảo nhau rằng: “Chúng ta hãy đem nghĩa này đến bạch Thế Tôn.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ khất thực, ăn xong thu cất y bát, lấy Ni-sư-đàn đặt lên vai trái, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi ấy các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch hết lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu ngoại đạo kia hỏi vậy, các ông nên đem lời này đáp họ: “Có một cứu cánh, hay có nhiều cứu cánh?”[10] Hoặc Phạm chí kia mà nói một cách bình đẳng[11], họ phải nói: “Một cứu cánh, chứ không phải nhiều cứu cánh.”

Cứu cánh ấy[12] là cứu cánh liên hệ dục, hay là cứu cánh không dục?[13] Cứu cánh kia, phải nói[14] là cứu cánh vô dục.

Lại hỏi, cứu cánh ấy, là cứu cánh liên hệ sân hay là cứu cánh không sân? Phải nói cứu cánh là cứu cánh không sân; chứ không phải cứu cánh liên hệ sân.

Thế nào, cứu cánh ấy liên hệ si, hay cứu cánh không si? Phải nói, cứu cánh ấy là cứu cánh không si.

Thế nào, cứu cánh ấy là gì, là cứu cánh liên hệ ái, hay cứu cánh không ái?[15] Cứu cánh ấy, phải nói là cứu cánh không ái.

Thế nào, cứu cánh ấy là cứu cánh có thọ hay cứu cánh không có thọ?[16] Cứu cánh của họ là cứu cánh không thọ.

---

10. Pāli, ibid., ekā niṭṭhà, udāhu puthu niṭṭhà'ti?

11. Bình đẳng thuyết; được hiểu là "trả lời chân chánh, hay chính xác." Pāli: Sammā byākaramānà.

12. Hán: Bĩ cứu cánh 彼究竟, được hiểu là "cứu cánh là một ấy."

13. Pāli: Sā niṭṭhà sarāgassa udāhu vītarāgassā'ti? Đó là cứu cánh cho người có tham, hay cho người ly tham?

14. Pāli: Sammā byākaramānà, trả lời chân chánh.

15. Pāli: Sā niṭṭhā sataṇhassa udāhu vītataṇhassā'ti? Đó là cứu cánh cho người có khát ái, hay cho người không còn khát ái?

16. Thọ 受, đây nên hiểu là chấp thủ. Pāli: Sā niṭṭhà sa-upādānassa udāhu anupādānassā'ti? Đó là cứu cánh cho người có chấp thủ, hay cho người không còn chấp thủ?

Thế nào, cứu cánh ấy là cho người trí hay là người chẳng phải trí? Đó là cứu cánh của người trí.

Cứu cánh ấy là cứu cánh của người phẫn nộ, hay cứu cánh của người người không phẫn nộ?[17] Cứu cánh ấy, họ phải nói là cứu cánh của người không phẫn nộ.

Này Tỳ-kheo, có hai loại kiến này. Hai loại kiến ấy là gì? Kiến chấp hữu và kiến chấp vô.[18] Những Sa-môn, Bà-la-môn nào do không biết gốc ngọn của hai kiến này nên có tâm dục, có tâm sân nhuế, có tâm ngu si, có tâm ái, có tâm thọ[19]. Họ là những kẻ vô tri. Họ có tâm phẫn nộ,[20] không tương ưng với hành.[21] Người kia không thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, sầu ưu, khổ não, chua, cay, muôn mối khổ không thoát được.

Những Sa-môn, Bà-la-môn nào biết điều đó như thật, họ không có tâm sân nhuế, ngu si, hằng tương ưng với hành, nên thoát khỏi được sinh, già, bệnh, chết. Nay nói về nguồn gốc của khổ như vậy.

Tỳ-kheo, có diệu pháp này, đó gọi là pháp bình đẳng. Những ai không hành pháp bình đẳng thì đọa vào năm kiến.

Nay sẽ nói về bốn thọ[22]. Bốn thọ ấy? Dục thọ, kiến thọ, giới thọ, ngã thọ. Đó gọi là bốn thọ. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào biết hết tên của dục thọ; tuy họ biết tên của dục thọ, nhưng lại không phải người tương ưng.[23] Họ biết phân biệt hết tên của các thọ, nhưng chỉ phân biệt được tên của dục thọ trước, mà không phân biệt được tên của kiến thọ, giới thọ, ngã thọ. Sở dĩ như vậy là vì những Sa-môn, Bà-la-môn kia không có khả năng phân biệt được tên của ba thọ này[24].

---

17. Hán: Nộ giả sở cứu cánh 怒者所究竟; nên hiểu là không bất mãn với hoàn cảnh. Pāli: Sā niṭṭhà anuruddhappaṭiviruddhassa udāhu ananuruddha-appaṭiviruddhassā'ti? Đó là cứu cánh cho người thuận tùng (lạc quan) hay người vi nghịch (bi quan), hay không thuận tùng, không vi nghịch?

18. Hữu kiến, vô kiến 有見無見。Pāli: Bhavadiṭṭhi vibhavadiṭṭhi.

19. Thọ 受, đây hiểu là chấp thủ. Pāli: Upādāna.

20. Xem cht. trên; cuối cùng trong các trả lời về cứu cánh đoạn trên. Pāli: Te anuruddhappaṭiviruddhā, họ là những người có lạc quan, có bi quan.

21. Bất Dữ hành tương ưng 不與行相應。Pāli: Te papañcarāmā, họ là những người ưa hý luận.

22. Tứ thọ 四受。Pāli: Cattārimāni pādānāni: Kāmupādānaṃ, diṭṭhupādānaṃ, sīlabbatupādānaṃ, attavādu-pādāna, có bốn thủ này: Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ.

23. Pāli: "một số Sa-môn Bà-la-môn tự tuyên bố (paṭijānamānā) là chủ trương biến tri tất cả dục thủ (kāmupādānapariññāvādā) nhưng họ không chỉ thị ra được (paññapenti) sự biến tri tất cả thủ một cách chân chánh."

24. Cf. Trung 26, ibid. "Họ thi thiết (=chủ trương) đoạn dục thọ (=dục thủ), nhưng không

Cho nên, hoặc có Sa-môn, phân biệt được hết các thọ, nhưng họ chỉ phân biệt được dục thọ và kiến thọ, chứ không phân biệt được giới thọ và ngã thọ. Sở dĩ như vậy là vì những Sa-môn, Bà-la-môn kia không thể phân biệt được hai thọ này.

Hoặc khiến Sa-môn, Bà-la-môn có thể phân biệt hết các thọ, nhưng lại cũng không đầy đủ. Họ có thể phân biệt được dục thọ, kiến thọ và giới thọ còn không phân biệt được ngã thọ. Sở dĩ như vậy là vì những Sa-môn, Bà-la-môn kia không thể phân biệt được ngã thọ.

Cho nên, có những Sa-môn, Bà-la-môn tuy phân biệt hết các thọ, nhưng lại không đầy đủ. Đây gọi là bốn thọ. Chúng có những nghĩa gì? Làm sao phân biệt? Bốn thọ là do ái sinh. Như vậy, Tỳ-kheo có diệu pháp này cần được phân biệt. Nếu ai không hành các thọ này, ở đây không được gọi là bình đẳng. Sở dĩ như vậy là vì nghĩa của các pháp khó tỏ, khó bày. Nghĩa phi pháp như vậy không phải là những lời dạy của Tam-da-tam-phật[25].

Tỳ-kheo nên biết, Như Lai hay phân biệt hết tất cả các thọ. Vì hay phân biệt tất cả các thọ nên cùng tương ưng và hay phân biệt dục thọ, kiến thọ, ngã thọ, giới thọ. Cho nên khi Như Lai phân biệt tất cả các thọ, thì cùng tương ưng với pháp không chống trái nhau.

Bốn thọ này do gì sinh? Bốn thọ này do ái mà sinh, do ái mà lớn và thành tựu thọ này. Đối với ai mà các thọ không khởi, vì các không khởi, nên người ấy không có sự sợ hãi. Do không có sự sợ hãi nên Bát-niết-bàn, biết rõ như thật rằng: "Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau."

Như vậy, Tỳ-kheo, có diệu pháp này, như thật mà biết, thành tựu đầy đủ các pháp, căn bản của pháp hành. Sở dĩ như vậy là vì pháp kia thật là vi diệu, được chư Phật tuyên thuyết, cho nên đối với các hành không có sự thiếu sót.

Tỳ-kheo, ở trong đây[26] có đệ nhất Sa-môn, đệ nhị Sa-môn, đệ tam Sa-môn, đệ tứ Sa-môn, không có Sa-môn nào nữa vượt khỏi trên đây, thù thắng hơn đây.[27] Hãy rống tiếng rống sư tử như vậy.

---

thi thiết đoạn ba thọ kia. Vì họ không biết ba trường hợp này một cách như chân."

25. Tam-da-tam-phật 三耶三佛 ◦Pāli: Sammāsambuddha (Skt. samyak-sambuddha), Phật Chánh Đẳng Chánh Giác.

26. Ư thị 於是, ở đây, chỉ ở trong Phật pháp.

27. Cf. Trung 26: Thử hữu (…) thử ngoại cánh vô Sa-môn 此有…此外更無沙門, chỉ trong đây (trong Phật pháp), ngoài đây ra (ngoài Phật pháp) không có Sa-môn (…). Pāli: Idheva samaṇo, suññà parappa-vādā samaṇebhi aññehi'ti, chính nơi đây

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3[28]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Trưởng giả A-na-bân-để[29] đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi trưởng giả:

–Thế nào, Trưởng giả, nhà ông thường hay bố thí phải không?

Trưởng giả bạch Phật:

–Nhà con nghèo[30] mà thường hành bố thí. Nhưng đồ ăn thô dở, không đồng như thường.

Thế Tôn bảo:

–Nếu khi bố thí, dù ngon hay dở, dù nhiều hay ít, mà không dụng tâm ý, lại không phát nguyện và không có tín tâm; do hành báo này mà sinh nơi nào nơi ấy không có được thức ăn ngon, không có được ý ham cầu lạc, cũng không có được ý ham cầu mặc y phục đẹp, cũng không có được ham cầu nghiệp nông tốt đẹp, tâm cũng không có được ham cầu trong ngũ dục. Giả sử có được tôi tớ, kẻ chạy tin, chúng cũng không chịu vâng lời. Sở dĩ như vậy là vì do trong lúc bố thí không dụng tâm, nên thọ nhận báo này.

Này Trưởng giả, nếu khi bố thí, dù ngon hay dở, dù nhiều hay ít, hãy chí thành dụng tâm, chớ có thêm bớt, phá bỏ cầu đò đời sau, mà sinh nơi nào nơi, nơi ấy có đồ ăn thức uống tự nhiên, bảy loại tài sản đầy đủ, tâm hằng có được ham cầu trong ngũ dục. Giả sử có tội tớ, kẻ chạy tin, chúng hằng vâng lời. Sở dĩ như vậy là vì trong lúc bố thí mà phát tâm hoan hỷ.

Trưởng giả nên biết, thời quá khứ xa xưa có Phạm chí tên Tỳ-la-

---

mới có Sa-môn (đệ nhất… đệ tứ). Các giáo thuyết khác trống không, không có Sa-môn.

28. Tham chiếu Pāli, A. IX. 20 Velāma (R. iv. 392). Hán, Trung 39 (T1n26, tr. 677a8).

29. A-na-bân-để 阿那邠邸, phiên âm của từ Cấp Cô Độc. Pāli: Anāthapiṇḍika.

30. Bấy giờ, gia sản Cấp Cô Độc bị khánh kiệt. Cf. Sớ giải Pháp cú, DhA. iii. 11.

ma[31] nhiều của báu, trân châu, hổ phách, xa cừ, mã não, thủy tinh, lưu ly, lòng ham thích bố thí. Khi bố thí, ông đem tám vạn bốn ngàn bát bạc đựng đầy vàng vụn, lại đem tám vạn bốn ngàn bát vàng đựng đầy bạc vụn, để bố thí như vậy.

Lại đem tám vạn bốn ngàn cái bình rửa bằng vàng bạc ra bố thí. Lại đem tám vạn bốn ngàn con bò đều dùng vàng bạc bịt sừng, để bố thí như vậy. Lại đem tám vạn bốn ngàn ngọc nữ bố thí với y phục được mặc. Lại đem tám vạn bốn ngàn ngọa cụ đều được phủ lên bằng thảm đệm có thêu thùa văn vẻ mà bố thí. Lại đem tám vạn bốn ngàn áo xiêm mà bố thí. Lại đem tám vạn bốn ngàn voi lớn[32], thảy đều được trang sức bằng các thứ vàng bạc, mà bố thí. Lại đem tám vạn bốn ngàn con ngựa, thảy đều được đóng yên cương bằng vàng bạc, mà bố thí. Lại đem tám vạn bốn ngàn cỗ xe mà bố thí. Ông bố thí lớn như vậy.

Lại bố thí tám vạn bốn ngàn phòng xá. Ông lại bốn bố thí ở trong bốn cổng thành; những ai cần thức ăn thì cho thức ăn; cần áo thì cho áo; cần chăn, màn, ẩm thực, giường chõng, chiếu, thuốc trị bệnh các thứ. Thảy đều cung cấp hết.

Trưởng giả nên biết, tuy Tỳ-la-ma này làm việc bố thí như vậy, nhưng không bằng dựng một phòng xá đem bố thí Chiêu-đề tăng[33]. Phước này không thể kể hết. Giả sử người ấy bố thí như vậy, cùng lập phòng xá để bố thí Chiêu-đề tăng, cũng không bằng tự thân thọ ba quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Phước này không thể kể hết. Giả sử người ấy bố thí như vậy, cùng tạo phòng xá, lại thọ tam tự quy, dù có phước này, vẫn không bằng thọ trì năm giới. Giả sử người ấy bố thí, cùng tạo phòng xá, thọ tam tự quy và thọ trì năm giới, dù có phước này, nhưng vẫn không bằng chỉ trong khoảnh khắc khảy móng tay mà có Từ tâm đối với chúng sinh. Phước này, công đức không thể kể hết. Giả sử người ấy bố thí như vậy, tạo phòng xá, thọ tam tự quy, vâng giữ năm giới, cùng khoảnh khắc khảy móng tay mà có Từ tâm đối với chúng sinh, dù có phước này, vẫn không bằng trong chốc lát mà khởi tưởng thế gian không khả lạc. Phước này, công đức không thể lường được. Song, những công đức người kia đã làm, Ta chứng minh hết. Tạo dựng Tăng phòng, Ta cũng biết phước này. Thọ ba tự quy, Ta cũng biết phước này. Thọ trì năm giới, Ta cũng biết phước này. Trong

---

31. Tỳ-la-ma 毘羅摩。Pāli: Velāma.

32. Hán: Long tượng 龍象。

33. Chiêu-đề tăng 招提僧 ; Tăng du hành bốn phương, không trú xứ nhất định. Pāli: Catuddisā-saṅgha.

khoảnh khắc bằng khảy móng mà có Từ tâm đối với chúng sinh, Ta cũng biết phước này. Trong chốc lát mà khởi tưởng thế gian không khả lạc, Ta cũng biết phước này.

Bấy giờ, Bà-la-môn kia, đã tạo đại thí như vậy, há phải là ai khác ư? Chớ tưởng như vậy. Sở dĩ như vậy là vì, người chủ thí bấy giờ chính là thân Ta vậy.

Trưởng giả nên biết, quá khứ lâu xa Ta đã tạo ra công đức, tín tâm không dứt, không khởi tưởng đắm trước. Cho nên, này trưởng giả, nếu khi muốn bố thí dù nhiều hay ít, dù ngon hay dở, nên hoan hỷ bố thí, chớ có khởi tưởng đắm trước. Hãy tự tay bố thí, chớ sai người khác. Phát nguyện cầu báo, sau cầu thọ phước. Trưởng giả nên biết, được phước vô cùng.

Này Trưởng giả, hãy học điều này như vậy.

Trưởng giả sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Khi mặt trời vừa lên, mọi người cùng nhau làm ruộng, trăm chim hót vang, trẻ thơ la khóc. Tỳ-kheo nên biết, nay Ta lấy đây làm thí dụ, hãy hiểu nghĩa của nó. Nghĩa này phải hiểu làm sao? Khi mặt trời mới mọc, đây dụ Như Lai ra đời. Người dân khắp nơi cùng làm ruộng, đây dụ cho Đàn-việt thí chủ tùy thời cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Trăm chim hót vang, đây dụ cho Pháp sư cao đức, có thể vì bốn bộ chúng mà thuyết pháp vi diệu. Trẻ thơ khóc la, đây dụ cho tệ ma Ba-tuần.

Cho nên, các Tỳ-kheo, như mặt trời mới mọc, Như Lai ra đời trừ bỏ bóng tối, không nơi nào là không chiếu sáng.

Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc đến chỗ Như Lai, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc bạch Thế Tôn:

–Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu bao nhiêu pháp để hành Đàn ba-la-mật, đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, nhanh chóng thành Vô thượng đạo Chánh chân?

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nào hành bốn pháp bổn, đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, sẽ nhanh chóng thành Vô thượng Chánh chân Đẳng chánh giác. Sao gọi là bốn?

Ở đây Bồ-tát huệ thí từ Phật, Bích-chi-phật xuống cho đến người phàm thảy đều bình đẳng không lựa chọn người, thường nghĩ vầy: "Tất cả do ăn mà tồn tại, không ăn thì mất." Đó gọi là Bồ-tát thành tựu pháp thứ nhất này, đầy đủ sáu Độ.

Lại nữa, Bồ-tát khi bố thí đầu, mắt, tủy não, nước, của, vợ con, vui vẻ bố thí không sinh tưởng đắm trước. Như người đáng chết, đến khi chết thì sống lại, vui mừng hớn hở không tự kềm chế được. Bấy giờ Bồ-tát phát tâm vui thích cũng lại như vậy; bố thí thệ nguyện không sinh tưởng đắm trước.

Lại nữa, Di-lặc, Bồ-tát lúc bố thí khắp đến tất cả, không tự vì mình, mà vì để thành đạo Vô thượng Chánh chân. Đó gọi là thành tựu ba pháp này đầy đủ sáu Độ.

Lại nữa, Di-lặc, Bồ-tát Ma-ha-tát lúc bố thí tự tư duy: "Trong các loài chúng sinh, Bồ-tát là đứng đầu trên hết, đầy đủ sáu Độ liễu đạt gốc của các pháp. Vì sao? Vì các căn tịch tĩnh, tư duy cấm giới, không khởi sân nhuế, tu hành tâm từ, dũng mãnh tinh tấn, tăng trưởng pháp thiện, trừ pháp bất thiện, thường hằng nhất tâm, ý không tán loạn, đầy đủ pháp môn biện tài, hoàn toàn không vượt thứ lớp, khiến cho các thí này đầy đủ sáu Độ, thành tựu Đàn ba-la-mật.

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nào hành bốn pháp này, nhanh chóng thành tựu Vô thượng Chánh chân Đẳng chánh giác. Cho nên, này Di-lặc, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nào lúc muốn bố thí, nên phát thệ nguyện đầy đủ các hạnh này.

Này Di-lặc, hãy học điều này như vậy.

Di-lặc sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6[34]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Như Lai ra đời có bốn Vô sở úy[35]. Như Lai được bốn Vô sở úy này, nên không bị dính trước bất cứ điều gì trên thế gian, ở trong đại chúng rống tiếng rống sư tử, chuyển Phạm luân[36]. Sao gọi là bốn? Nay Ta đã thành biện pháp này, cho dù ở trong đại chúng hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, Ma hoặc Ma thiên cho đến loài bọ bay, cựa quậy, nói rằng Ta không thành tựu pháp này, điều này không đúng. Ở trong đó Ta đắc Vô sở úy. Đó là Vô sở úy thứ nhất[37].

Như hôm nay Ta các lậu đã diệt tận, không còn tái sinh nữa. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, chúng sinh nào, ở trong đại chúng nói rằng Ta các lậu chưa diệt tận, điều này không đúng. Đó gọi là Vô sở úy thứ hai[38].

Nay Ta đã lìa pháp si ám, mà muốn khiến trở lại pháp si ám[39], hoàn toàn không có việc này. Nếu lại có Sa-môn, Bà-la-môn, Ma hoặc Ma thiên, chúng sinh nào, ở trong đại chúng nói Ta đã trở lại pháp si ám, việc này không đúng. Đó gọi là Vô sở úy thứ ba của Như Lai[40].

Pháp xuất yếu của các bậc Hiền thánh để sạch hết bờ khổ mà muốn nói đó không là xuất yếu, hoàn toàn không có việc này. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, Ma hoặc Ma thiên, chúng sinh nào, ở trong đại

---

34. Tham chiếu Pāli, A IV 8 Vesārajjasutta (R. ii. 9).

35. Bốn Vô sở úy 四無所畏。Pāli: Cattārimāni tathāgatassa vesārajjāni, bốn điều tự tín của Như Lai. Cf. Câu-xá 27 (T29n1558, tr. 140c17).

36. Phạm luân 梵輪。Pāli: Brahmacakka.

37. Cf. Câu-xá, dẫn trên: Chánh đẳng giác vô úy 正等覺無畏。Skt. Sarvadharmābhisaṃbodhi-vaizāradya, tự tin, không do dự, khi tuyên bố tự thân chứng giác tất cả các pháp.

38. Cf, Câu-xá, ibid., lậu vĩnh tận vô úy 漏永盡無畏。Skt. Sarvāsrava-kwaya-jĩāna-vaizāradya, tự tin, khi tuyên bố tự thân biết rõ tất cả các đã diệt tận.

39. Pāli: Antarāyikā dhammā vuttā, những pháp được nói là chướng ngại. Bản Hán có thể đọc Skt. Andharakāra-dharmā (Pāli: Andhakāra-dhammā): Pháp u ám, thay vì Skt. Anataràyika-dharmā (Pāli: Antarāyika-dhammā): Pháp chướng ngại.

40. Câu-xá, ibid., thuyết chướng pháp vô úy 說障法無畏。Skt. Anatarāyikadharmānyathātva-nizcita-vyākaraṇa-vaizāradya, tự tin khi tuyên bố xác nhận quyết định không thay đổi những gì là pháp chướng ngại đạo.

chúng nói, Như Lai chưa tận cùng biên tế khổ, việc này không đúng. Đó gọi là Vô sở úy thứ tư của Như Lai[41].

Như vậy, này Tỳ-kheo, với bốn Vô sở úy, Như Lai ở trong đại chúng có thể rống tiếng rống sư tử, chuyển bánh Phạm luân. Cho nên, này Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn Vô sở úy.

Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7[42]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay có bốn hạng người thông minh, dũng mạnh, thông suốt xưa nay, thành tựu pháp pháp[43]. Sao gọi là bốn?

1. Tỳ-kheo đa văn thông suốt xưa nay, ở trong đại chúng thật là đệ nhất.

2. Tỳ-kheo-ni đa văn, thông suốt xưa nay, ở trong đại chúng thật là tối đệ nhất*.[44]

3. Ưu-bà-tắc đa văn, thông suốt xưa nay, ở trong đại chúng thật là đệ nhất*.

4. Ưu-bà-tư đa văn, thông suốt xưa nay, ở trong đại chúng thật là đệ nhất*.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn hạng người ở trong đại chúng thật là đệ nhất.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Dũng mạnh, không sợ hãi[45]

---

41. Câu-xá, ibid., thuyết xuất đạo vô úy 說出道無畏。Skt. Sarvasampad-adhigamāya nairyāṇikapratipat-tathāva-vaizāradya, tự tin khi tuyên bố không thể đổi khác con đường hành trì dẫn đến chứng đắc.

42. Tham chiếu Pāli, A IV 7 Sobhanasutta (R. ii. 8).

43. Pháp pháp thành tựu: Thành tựu pháp tùy pháp. Pāli: Dhammānudhammasampanna.

44. Pāli: Saṅghaṃ sobhenti, những người ấy làm sáng chói Tăng.

45. Vô sở úy 無所畏。Pāli: Visārada, tự tin, không do dự.

Đa văn, hay thuyết pháp[46]
Trong chúng là sư tử
Hay trừ pháp khiếp nhược.
Tỳ-kheo, thành tựu giới
Tỳ-kheo-ni đa văn
Ưu-bà-tắc có tín
Ưu-bà-tư cũng vậy;
*Trong chúng là đệ nhất**
Hoặc hay hòa thuận chúng
Muốn biết được nghĩa này
Như lúc trời mới mọc.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học thông suốt việc xưa nay, thành tựu pháp pháp.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn loại chim cánh vàng[47]. Những gì là bốn?

1. Có chim cánh vàng sinh bằng trứng.

2. Có chim cánh vàng sinh bằng thai.

3. Có chim cánh vàng sinh do ẩm thấp.

4. Có chim cánh vàng sinh do biến hóa. Đó là bốn loại chim cánh vàng.

Cũng vậy, Tỳ-kheo, có bốn loài rồng. Sao gọi là bốn? Có rồng sinh bằng trứng, có rồng sinh bằng thai, có rồng sinh do ẩm thấp, có rồng sinh do biến hóa. Này Tỳ-kheo! Đó gọi là bốn loài rồng.

Tỳ-kheo nên biết, khi chim cánh vàng sinh bằng trứng kia muốn

---

46. Thuyết pháp 說法。Pāli: Dhammadhara, trì pháp.

47. Kim sí điểu 金翅鳥. Pāli: Garuḷa (Skt. Garuđa). Xem Trường 19, kinh Thế Ký, phẩm Long điểu.

ăn rồng, nó phải lên trên cây thiết xoa[48] tự lao mình xuống biển. Nhưng nước biển kia ngang dọc hai mươi tám vạn dặm, dưới có bốn loại cung rồng. Có rồng loại trứng, có rồng loại thai, có rồng loại ẩm thấp, có rồng loại biến hóa. Khi ấy loài chim cánh vàng loại trứng dùng cánh lớn quạt nước rẽ hai bên, bắt loại rồng trứng ăn, nếu gặp phải loài rồng bằng thai, thân chim cánh vàng sẽ bị chết ngay. Bấy giờ, chim cánh vàng quạt nước bắt rồng, nước còn chưa hoàn lại, nó đã trở lên trên cây thiết xoa.

Tỳ-kheo nên biết, khi chim cánh vành sinh bằng thai muốn ăn rồng, nó phải lên trên cây thiết xoa, tự lao mình xuống biển. Nhưng nước biển kia ngang dọc hai mươi tám vạn dặm. Nó quạt nước, xuống đến gặp loài rồng thai, nếu gặp loài rồng trứng cũng có thể bắt chúng, ngậm đem ra khỏi nước biển. Nếu gặp loài rồng sinh ẩm thấp, thân chim chết ngay.

Tỳ-kheo nên biết, khi chim cánh vàng sinh do ẩm thấp muốn ăn rồng, nó lên trên cây thiết xoa, tự lao mình xuống biển. Nếu nó gặp loài rồng sinh bằng trứng, rồng sinh bằng thai, rồng sinh do ẩm thấp, đều có thể bắt chúng. Nếu gặp phải rồng hóa sinh, thân chim chết ngay.

Này Tỳ-kheo, khi chim cánh vàng do hóa sinh muốn ăn rồng, nó lên trên cây thiết xoa, tự lao mình xuống biển. Nhưng nước biển kia ngang dọc hai mươi tám vạn dặm. Nó quạt nước xuống, đến gặp phải rồng trứng, rồng thai, rồng ẩm thấp, rồng hóa sinh, đều có thể bắt chúng. Khi nước biển chưa hoàn lại, đã trở lên trên cây thiết xoa.

Tỳ-kheo nên biết, khi Long vương đang thừa sự Phật, chim cánh vàng không thể ăn thịt được. Vì sao? Như Lai thường hành bốn Đẳng tâm, vì vậy cho nên chim không thể ăn rồng. Sao gọi là bốn Đẳng tâm? Là Như Lai thường hành tâm Từ, thường hành tâm Bi, thường hành tâm Hỷ, thường hành tâm Xả[49]. Này Tỳ-kheo, đó gọi là Như Lai thường có bốn Đẳng tâm này; có gân sức mạnh, dũng mãnh lớn, không thể ngăn và hoại được. Vì vậy, nên chim cánh vàng không thể ăn rồng. Cho nên các Tỳ-kheo phải hành bốn Đẳng tâm.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

48. Thiết xoa thọ. Trường ibid., Cứ-la thiểm-ma-la. Pāli: Simbala (Skt. Zimbala).

49. Để bản: Hộ.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu lúc Thiện tri thức bố thí, có bốn sự công đức. Sao gọi là bốn? Biết thời mà bố thí chứ không phải không biết thời.

1. Tự tay huệ thí không sai người khác.

2. Bố thí thường trong sạch, chẳng phải không trong sạch.

3. Bố thí thật vi diệu, không có vẩn đục.

4. Thiện tri thức khi bố thí có bốn công đức này.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào lúc bố thí nên đủ bốn công đức này. Do đủ công đức này, được phước nghiệp lớn, được sự tịch diệt của cam lồ[50]. Nhưng phước đức này không thể đo lường, nên nói sẽ có ngần phước nghiệp như vậy mà hư không không thể dung chứa hết. Giống như nước biển không thể đong để nói là một hộc, nửa hộc, một lẻ[51], nửa lẻ. Nhưng phước nghiệp này không thể trần thuật đầy đủ. Như vậy, thiện nam, thiện nữ nào đã tạo ra những công đức không thể kể, được phước nghiệp lớn, được cam lồ tịch diệt, nên nói sẽ có ngần ấy phước đức như vậy. Cho nên, này Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nên đủ bốn công đức này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay có bốn hạng người đáng kính, đáng quý, là ruộng phước thế

---

50. Hán: Cam lộ diệt 甘露滅。Pāli, thường gặp: Amata-mahānibbāna, đại Niết-bàn bất tử.

51. Mười lẻ là một thưng.

gian. Sao gọi là bốn?

1. Trì tín[52].

2. Phụng pháp[53].

3. Thân chứng[54].

4. Kiến đáo[55].

Sao gọi là người trì tín? Hoặc có một người lãnh thọ sự giáo giới của người khác, có tín tâm chí thiết, ý không nghi nan; có tín tâm nơi Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc[56], Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự[57], Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật Thế Tôn, cũng có tín nơi lời dạy của Như Lai, cũng có tín nơi lời dạy của Phạm chí[58]; hằng có tín nơi lời người khác, không tùy theo trí của mình. Đó gọi là người trì tín.

Sao gọi là người phụng pháp? Ở đây, có người phân biệt ở nơi pháp, không tin người khác, quán sát pháp rằng: "Có chăng? Không chăng? Thật chăng? Hư chăng?" Rồi người ấy tự nghĩ: "Đây là lời Như Lai, đây là lời Phạm chí*." Vì biết đây là pháp ngữ của Như Lai, người ấy liền phụng trì. Nếu là những lời của ngoại đạo, người ấy xa lìa. Đó gọi là người phụng pháp.

Sao gọi là người thân chứng? Ở đây có người tự thân tác chứng, cũng không tin người khác, cũng không tin lời Như Lai và những ngôn giáo của các tôn túc đã dạy lại cũng chẳng tin, chỉ theo tính mình mà chứng nhập[59]. Đó gọi là người thân chứng.

---

52. Trì tín 持信。Tùy tín hành 隨信行, thấp nhất trong bảy bậc Thánh của Thanh văn. Cf. Tập Dị 16 (T26n1536, tr. 435b15): Thất bổ-đặc-già-la 七補特伽羅. Pāli: Saddhānusārī; cf. M. 70 Kīṭāgirisutta (M. i. 479)

53. Phụng pháp 奉法 tùy pháp hành 隨法行, hàng thứ hai từ thấp trong bảy bảy bậc Thánh Thanh văn; cf. Tập Dị, ibid. Pāli: Dhammānusārī, cf. Kīṭgiri, ibid.

54. Thân chứng 身證; hàng thứ năm từ dưới, nhảy hàng ba và tư. Trong liệt kê này, Hán dịch nhảy sót hàng thứ ba: Tín thắng giải (Pāli: Saddhāvimutto). cf. Tập Dị, ibid. Pāli, ibid. Kāyasakkhi.

55. Kiến đáo 見到; kiến chí 見至, hàng thứ tư, Hán dịch thứ tự nghịch đảo. Cf. Tập Dị, ibid. Pāli, ibid., diṭṭhippatto.

56. Nguyên Hán: Minh hạnh thành vi 明行成為。

57. Nguyên Hán: Đạo pháp ngự 道法御。

58. Phạm chí ngữ 梵志語, ở đây nên hiểu là lời của các đồng phạm hạnh (Pāli: Sabrahmacarī), tức những bạn đồng tu.

59. Cf. Tập Dị, ibid., "Đã tự thân tác chứng nơi tám giải thoát, nhưng chưa được tuệ giải thoát, đó gọi là Thân chứng." Tức vị A-na-hàm khi chứng đắc diệt tận định, được gọi là vị Thân chứng.

Sao gọi là người kiến đáo? Ở đây có người đoạn ba kết, thành pháp không thoái chuyển Tu-đà-hoàn. Người ấy có kiến giải này: "Có bố thí, có người nhận, có báo thiện ác, có đời này, có đời sau, có cha, có mẹ, có A-la-hán..." Người ấy vâng lời dạy, tin vào tự thân tác chứng mà tự chứng nhập[60].

Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có bốn hạng người này. Hãy niệm trừ ba hạng người đầu. Hãy niệm tu pháp thân chứng.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

[60]. *Cg. Tập Dị, ibid.: "Hạng tùy pháp hành, khi chứng đắc đạo loại trí, xả địa vị tùy pháp hành, trở thành Kiến chí."*

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 20

Phẩm 28: THANH VĂN

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt, cùng năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ bốn Đại Thanh văn, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả A-na-luật, Tôn giả Tân-đầu-lô, cùng họp một chỗ, nói như vầy:

–Chúng ta cùng xem trong thành La-duyệt này ai là người không tạo công đức cúng dường Phật, Pháp, Thánh chúng? Do bởi không có tín, chúng ta hãy khuyến khích họ tin pháp của Như Lai.

Bấy giờ có trưởng giả tên Bạt-đề, nhiều của báu không thể kể hết, vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, kẻ hầu người hạ đều đầy đủ; nhưng lại xan tham không chịu bố thí. Đối với Phật, Pháp, chúng Tăng không có mảy may điều thiện, không có chí tín; phước cũ đã hết, lại không tạo phước mới. Thường ôm lòng tà kiến, rằng không có thí, không có phước, cũng không người nhận, cũng không có báo của thiện ác đời này đời sau, cũng không có cha mẹ và người đắc A-la-hán, lại cũng không có người thủ chứng. Nhà trưởng giả kia có bảy lớp cửa. Cửa nào cũng có người giữ không cho ăn xin đến. Lại cũng dùng lưới sắt phủ giữa sân, vì sợ có chim bay vào trong sân.

Trưởng giả có người chị gái[1] tên là Nan-đà, cũng lại keo lẫn không chịu huệ thí, không trồng cội rễ công đức; phước cũ đã hưởng hết, mà phước mới không được tạo thêm. Cũng ôm lòng tà kiến, rằng không có thí, không có phước, cũng không người nhận, cũng không có báo của thiện ác đời này đời sau, cũng không có cha mẹ và người đắc A-la-hán,

---

[1] *Để bản: Tỷ 妣. TNM: Muội.*

lại cũng không có người thủ chứng.

Cửa nhà Nan-đà cũng có bảy lớp, cũng có người giữ cửa, không cho những người ăn xin đến; cũng lại dùng lưới sắt phủ lên không cho chim bay vào trong nhà.

Hôm nay chúng ta hãy làm cho mẹ Nan-đà[2] chí tín Phật, Pháp, chúng Tăng.

Sáng sớm hôm đó, Trưởng giả Bạt-đề ăn bánh. Tôn giả A-na-luật, bấy giờ đã đến giờ, đắp y, cầm bát, rồi từ dưới đất trong nhà trưởng giả vọt lên, đưa bát cho trưởng giả. Lúc đó trưởng giả lòng rất sầu ưu, trao cho A-na-luật một ít bánh. Khi A-na-luật được bánh rồi, trở về chỗ mình. Bấy giờ, trưởng giả liền nổi sân nhuế, nói với người giữ cửa rằng:

–Ta đã có lệnh, không được cho người vào trong cửa. Tại sao lại cho người vào?

Người giữa cửa thưa:

–Cửa nẻo kiên cố, không biết đạo sĩ này từ đâu vào?

Trưởng giả khi ấy im lặng không nói. Khi trưởng giả đã ăn bánh xong, tiếp ăn cá thịt. Tôn giả Đại Ca-diếp đắp y, cầm bát, đến nhà trưởng giả, từ dưới đất vọt lên, đưa bát cho trưởng giả. Trưởng giả lòng rất sầu ưu, trao cho ngài một tí cá thịt. Ca-diếp được thịt, liền biến mất, trở về chỗ mình. Lúc này trưởng giả lại càng sân nhuế, bảo người giữ cửa rằng:

–Trước ta đã ra lệnh, không cho người vào trong nhà. Tại sao lại cho hai Sa-môn vào nhà khất thực?

Người giữ cửa thưa:

–Chúng tôi chẳng thấy Sa-môn này, lại vào từ đâu?

Trưởng giả bảo:

–Sa-môn đầu trọc này giỏi làm trò huyễn thuật, mê hoặc người đời. Không có chánh hạnh gì!

Bấy giờ vợ trưởng giả ngồi cách đó không xa. Người vợ trưởng giả này là em gái trưởng giả Chất-đa[3], cưới từ Ma-sư-san[4] về. Lúc đó, người vợ bảo trưởng giả:

–Hãy giữ miệng mình, chớ nói những lời này, rằng: "Sa-môn học huyễn thuật." Sở dĩ như vậy là vì các Sa-môn này có oai thần lớn. Họ

---

2. Nan-đà mẫu 難陀母; xem cht. kinh số 2 phẩm 9 trên.

3. Chất-đa Trưởng giả 質多長者。Pāli: Citta-gahapati, người ở Macchikāsaḍa.

4. Ma-sư-san 摩師山; phiên âm. Để bản hiểu nhầm san là tên núi, thay vì từ phiên âm, nên chép "Ma-sư san trung." Pāli: Macchikāsaḍa, một thị trấn ở Kāsi.

mà đến nhà trưởng giả là có nhiều lợi ích. Trưởng giả có biết Tỳ-kheo trước là ai không?

Trưởng giả đáp:

–Tôi không biết.

Người vợ nói:

–Trưởng giả có nghe con vua Hộc Tịnh, nước Ca-tỳ-la-vệ, tên A-na-luật, lúc đang sinh mặt đất chấn động sáu cách. Cách chung quanh nhà trong vòng một do-tuần, mỏ quý tự nhiên xuất hiện không?

Trưởng giả đáp:

–Tôi có nghe A-na-luật, song chưa gặp ông ấy.

Người vợ bảo trưởng giả:

–Vị con nhà hào tộc này lìa bỏ gia cư, đã xuất gia học đạo, tu hành phạm hạnh, đắc đạo A-la-hán, là Thiên nhãn đệ nhất không có ai vượt qua. Chính Như Lai cũng nói: "Thiên nhãn đệ nhất trong hàng đệ tử của ta, chính là Tỳ-kheo A-na-luật." Tiếp đến, ông có biết vị Tỳ-kheo thứ hai vào đây khất thực không?

Trưởng giả đáp:

–Tôi không biết.

Người vợ trưởng giả bảo:

–Trưởng giả có nghe đại Phạm chí tên Ca-tỳ-la[5] trong thành La-duyệt này, nhiều của báu không thể kể hết, có chín trăm chín mươi chín con bò cày ruộng không?

Trưởng giả đáp:

–Chính tôi đã thấy Phạm chí này.

Người vợ trưởng giả bảo:

–Trưởng giả, ông có nghe con của Phạm chí kia tên là Tỷ-ba-la-da-đàn-na[6], thân màu vàng, vợ tên là Bà-đà[7], là người đặc biệt nhất trong phái nữ. Dù có đem vàng tử ma đến trước cô, thì cũng giống như đen so với trắng không?

Trưởng giả đáp:

–Tôi có nghe có con Phạm chí này, tên là Tỷ-ba-la-da-đàn-na, nhưng lại chưa gặp.

Người vợ trưởng giả nói:

---

5. Ca-tỳ-la 迦毘羅. Pāli: Kapila, tên người Bà-la-môn, thân phụ ngài Đại Ca-diếp.

6. Tỷ-ba-la-da-đàn-na 比波羅耶檀那。Pāli: Pippali, tên của Đại Ca-diếp.

7. Bà-đà 婆陀。Pāli: Bhaddhā Kāpilāni.

–Chính là vị Tỳ-kheo vừa đến sau đó. Bản thân ông đã bỏ báu ngọc nữ này, xuất gia học đạo, nay đắc A-la-hán, thường hành Đầu-đà. Người có đầy đủ các pháp hạnh Đầu-đà, không ai vượt hơn Tôn giả Ca-diếp. Thế Tôn cũng nói: "Tỳ-kheo hạnh Đầu-đà đệ nhất trong hàng đệ tử của ta chính là Đại Ca-diếp." Hôm nay Trưởng giả được rất nhiều thiện lợi, mới khiến các vị Hiền thánh đến nơi này khất thực. Tôi đã quán sát ý nghĩa này, nên bảo ông khéo giữ miệng mình, chớ hủy báng bậc Hiền thánh cho rằng: "Làm trò huyễn hóa." Các vị đệ tử Đức Thích-ca này đều có thần đức.

Trong lúc đang nói lời này, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đắp y, cầm bát, bay qua hư không đến nhà trưởng giả, làm vỡ lồng lưới sắt, rồi ngồi kiết già ở giữa hư không.

Trưởng giả Bạt-đề lúc này thấy Mục-kiền-liên ngồi ở giữa hư không, liền sợ hãi mà nói:

–Ngài là trời chăng?

Mục-liên đáp:

–Ta chẳng phải trời.

Trưởng giả hỏi:

–Ngài là Càn-thát-bà chăng?

Mục-liên đáp:

–Ta chẳng phải Càn-thát-bà.

Trưởng giả hỏi:

–Ngươi là quỷ chăng?

Mục-liên đáp:

–Ta chẳng phải quỷ.

Trưởng giả hỏi:

–Ngươi là quỷ La-sát ăn thịt người chăng?

Mục-liên đáp:

–Ta cũng chẳng phải là quỷ La-sát ăn thịt người.

Bấy giờ Trưởng giả Bạt-đề liền nói kệ này:

Là Trời, Càn-thát-bà
La-sát, Quỷ thần chăng?
Lại nói chẳng phải trời
La-sát, hay Quỷ thần;
Chẳng giống Càn-thát-bà
Chỗ đang sống là đâu?
Hiện ông tên là gì?

Nay tôi muốn được biết.

Bấy giờ, Mục-liên lại dùng kệ đáp:

Chẳng Trời, Càn-thát-bà
Chẳng loài quỷ La-sát
Ba đời được giải thoát
Nay ta là thân người.
Thầy ta Thích-ca Văn
Có thể hàng phục ma
Thành tựu đạo Vô thượng
Ta tên Đại Mục-liên.

Trưởng giả Bạt-đề nói với Mục-liên rằng:

–Tỳ-kheo có dạy bảo điều gì không?

Mục-liên đáp:

–Nay tôi muốn nói pháp cho ông nghe. Hãy khéo suy niệm kỹ.

Khi ấy, trưởng giả lại nghĩ: "Các đạo sĩ này lúc nào cũng dính đến sự ăn uống. Nay mà muốn luận bàn, chính là muốn luận bàn về ăn uống. Nếu đòi ăn nơi ta, ta sẽ nói: Không." Nhưng lại nghĩ thầm: "Ít nhiều gì nay ta cũng nghe thử người này nói cái gì."

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên biết những ý nghĩ trong tâm trưởng giả, liền nói kệ này:

Như Lai nói hai thí
Pháp thí và tài thí
Nay sẽ nói pháp thí
Chuyên tâm nhất ý nghe.

Khi trưởng giả nghe sẽ nói về pháp thí, tâm liền hoan hỷ, nói nới Mục-liên rằng:

–Mong ngài diễn nói. Tôi nghe sẽ hiểu.

Mục-liên đáp:

–Trưởng giả nên biết, Như Lai nói về năm sự đại thí, suốt đời hãy niệm mà tu hành.

Trưởng giả lại nghĩ: "Vừa rồi Mục-liên muốn nói về hành pháp thí, nay lại nói có năm sự đại thí."

Mục-liên biết những ý nghĩ trong tâm của trưởng giả, lại bảo trưởng giả rằng:

–Như Lai nói có hai đại thí, là pháp thí và tài thí. Nay tôi sẽ nói về pháp thí, không nói tài thí.

Trưởng giả nói:

–Cái gì là năm sự đại thí?

Mục-liên đáp:

–Một là không được sát sinh, đây gọi là đại thí, trưởng giả nên tu hành suốt đời; hai là không trộm cắp, gọi là đại thí, nên tu hành suốt đời. Không dâm, không nói dối, không uống rượu, nên tu hành suốt đời.

Này trưởng giả, đó gọi là có năm đại thí này nên niệm mà tu hành.

Trưởng giả Bạt-đề nghe những lời này xong, lòng rất hoan hỷ mà tự nghĩ: "Những điều Phật Thích-ca Văn nói rất là vi diệu. Nay những điều diễn nói, chẳng cần đến bảo vật. Như hôm nay, ta không kham sát sinh. Điều này có thể phụng hành được. Hơn nữa, trong nhà ta của báu thật nhiều, quyết không trộm cắp và đây cũng là việc làm của ta. Lại, trong nhà ta có đàn bà rất đẹp, quyết không dâm vợ người, đây cũng là việc làm của ta. Vả lại, ta không phải là người thích nói dối, huống chi tự mình nói dối, đây cũng là việc làm của ta. Như hôm nay, ý ta không nghĩ đến rượu, huống chi tự mình uống, đây cũng là việc làm của ta." Rồi thì, trưởng giả thưa Mục-liên rằng:

–Năm thí này, tôi có thể làm theo.

Khi ấy trong lòng trưởng giả suy nghĩ: "Nay ta có thể mời Mục-liên này dùng cơm." Trưởng giả ngước đầu lên thưa Mục-liên rằng:

–Mời ngài khuất thần hạ cố xuống đây ngồi!

Mục-liên theo lời, ngồi xuống.

Trưởng giả Bạt-đề tự thân dọn các thứ đồ ăn thức uống cho Mục-liên. Mục-liên ăn xong, uống nước rửa. Trưởng giả nghĩ: "Ta có thể đem một tấm gia dâng lên Mục-liên." Sau đó ông vào trong kho lựa lấy thảm trắng; muốn lấy loại xấu, nhưng lại gặp loại tốt. Tìm rồi lại bỏ, mà lựa lại thảm khác, lại vẫn tốt như vậy, bỏ đó rồi lại lấy đó.

Mục-liên biết những ý nghĩ trong tâm trưởng giả, liền nói kệ này:

Thí cùng tâm tranh đấu
Phước này Thánh hiền bỏ
Khi thí thời chẳng tranh
Đúng thời tùy tâm thí.

Bấy giờ trưởng giả liền nghĩ: "Nay Mục-liên biết những ý nghĩ trong tâm ta." Liền đem đệm trắng dâng lên Mục-liên. Mục-liên liền chú nguyện:

Quán sát thí đệ nhất
Biết có bậc Hiền thánh

Là tối thượng trong thí
Ruộng tốt sinh hạt chắc.

Khi Mục-liên chú nguyện xong, nhận đệm trắng ấy, khiến trưởng giả được phước vô cùng. Lúc này trưởng giả liền ngồi qua một bên. Mục-liên từ từ vì ông nói pháp với các đề tài vi diệu. Các đề tài ấy luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sinh Thiên, dục là tưởng bất tịnh, giải thoát là an vui. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn đã nói, là Khổ, Tập, Tận, Đạo; Mục-liên bấy giờ cũng vì ông nói hết. Từ trên chỗ ngồi ông được mắt pháp thanh tịnh. Như áo trắng tinh dễ nhuộm màu. Ở đây, Trưởng giả Bạt-đề cũng lại như vậy, từ trên chỗ ngồi được mắt pháp thanh tịnh. Ông đã đắc pháp, thấy pháp, không còn hồ nghi nữa. Ông thọ trì năm giới, tự quay về Phật, Pháp và Thánh chúng.

Mục-liên sau khi thấy trưởng giả được mắt pháp thanh tịnh, liền nói kệ này:

Kinh mà Như Lai thuyết
Nguồn gốc tất đầy đủ
Mắt tịnh, không tỳ vết
Không nghi, không do dự.

Khi ấy trưởng giả thưa Mục-liên:

–Từ nay về sau, ngài cùng chúng bốn bộ thường nhận lời thỉnh cầu cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men, trị bệnh không chút luyến tiếc của con.

Mục-liên sau khi nói pháp cho trưởng giả xong, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Còn các đại Thanh văn, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả A-na-luật nói với Tôn giả Tân-đầu-lô rằng:

–Chúng tôi đã độ Trưởng giả Bạt-đề. Nay thầy có thể đến hàng phục lão bà Nan-đà kia.

Tân-đầu-lô đáp:

–Việc này thật hay.

Bấy giờ, lão bà Nan-đà đang tự mình làm bánh sữa. Đã đến giờ, Tôn giả Tân-đầu-lô đắp y, cầm bát, vào thành La-duyệt, khất thực tuần tự đến nhà lão bà Nan-đà. Ngài từ trong lòng đất hiện ra, tay cầm bát đưa đến lão bà Nan-đà xin ăn. Khi lão mẫu thấy Tân-đầu-lô, trong lòng nổi giận, nói những lời hung dữ:

–Tỳ-kheo nên biết, dù mắt ông có lòi ra, tôi cũng không bao giờ cho ông ăn.

Tân-đầu-lô liền nhập định, khiến hai mắt lòi ra. Khi đó lão bà Nan-đà lại càng nổi giận hơn, lại nói dữ:

–Dù Sa-môn có treo ngược giữa hư không, ta quyết cũng không cho ông ăn!

Tôn giả Tân-đầu-lô lại dùng định lực, treo ngược giữa hư không. Khi đó lão bà Nan-đà lại càng nổi giận hơn lên, nói dữ:

–Dù toàn thân Sa-môn có bốc khói, ta quyết cũng không cho ông ăn!

Tôn giả Tân-đầu-lô, lại dùng định lực, khiến toàn thân bốc khói. Lão bà thấy vậy lại càng thêm phẫn nộ hơn nói:

–Dù toàn thân Sa-môn có bốc cháy, ta quyết cũng không cho ông ăn!

Tân-đầu-lô liền dùng Tam-muội, khiến toàn thân thể bốc cháy. Lão bà thấy vậy lại nói:

–Dù toàn thân Sa-môn có ra nước, ta quyết cũng không cho ông ăn!

Tân-đầu-lô lại dùng định lực, khiến toàn thân đều ra nước. Lão bà thấy vậy, lại nói:

Dù Sa-môn chết ở trước ta, ta quyết cũng không cho ông ăn!

Tôn giả Tân-đầu-lô liền nhập diệt tận định không còn hơi thở ra vào, chết trước mặt lão mẫu. Khi đó lão bà vì không thấy hơi thở ra vào nữa nên đâm ra sợ hãi, lông áo dựng đứng, rồi tự nghĩ: "Sa-môn con dòng họ Thích này, nhiều người biết đến, được Quốc vương kính trọng. Nếu nghe biết ông chết tại nhà ta, chắc sẽ gặp quan sự, sợ rằng không thoát khỏi." Bà liền nói:

–Sa-môn sống trở lại đi! Ta sẽ cho Sa-môn ăn.

Tân-đầu-lô tức thì ra khỏi Tam-muội. Lúc đó lão bà Nan-đà tự nghĩ: "Cái bánh này lớn quá. Hãy làm lại cái nhỏ để cho ông." Lão bà lấy một ít bột gạo làm bánh, bánh bèn lớn hơn. Lão bà thấy vậy, lại nghĩ: "Bánh này lớn quá! phải làm nhỏ lại." Nhưng bánh vẫn lớn. "Thôi, lấy cái làm trước tiên đem cho." Bà liền lấy cái làm trước tiên, nhưng những cái bánh đó đều lại dính vào nhau. Lão bà lúc này nói với Tân-đầu-lô rằng:

–Ông cần ăn thì tự lấy, cớ sao lại quấy nhiễu nhau vậy?

Tân-đầu-lô đáp:

–Đại tỷ nên biết, tôi không cần ăn. Chỉ cần muốn nói với lão bà thôi!

Lão bà Nan-đà nói:

–Tỳ-kheo, dạy bảo điều gì?

Tân-đầu-lô nói:

–Lão bà nên biết, nay đem bánh này đến chỗ Thế Tôn. Nếu Thế Tôn có dạy bảo điều chi, thì chúng ta sẽ cùng làm theo.

Lão bà đáp:

–Việc này thật là thú vị!

Lúc này, lão bà tự mình mang bánh này theo sau Tôn giả Tân-đầu-lô đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đảnh lễ sát chân và đứng sang một bên. Bấy giờ, Tân-đầu-lô bạch Thế Tôn:

–Lão bà Nan-đà này, là chị của trưởng giả Nan-đề, tham lam ăn một mình không chịu thí người. Cúi xin Thế Tôn vì bà mà nói pháp để phát khởi chí tín, tâm được khai mở.

Bấy giờ Thế Tôn bảo lão bà Nan-đà:

–Nay bà đem bánh cúng cho Như Lai và Tăng Tỳ-kheo.

Lúc này lão bà Nan-đà liền đem bánh dâng lên Như Lai cùng Tăng Tỳ-kheo khác. Song, bánh vẫn còn dư. Lão bà Nan-đà bạch Thế Tôn:

–Số bánh vẫn còn dư.

Thế Tôn bảo:

–Cúng lần nữa cho Phật và Tỳ-kheo Tăng.

Lão bà Nan-đà vâng theo lời dạy của Phật, đem bánh này cúng lần nữa cho Phật cùng Tỳ-kheo Tăng. Cuối cùng, bánh đó vẫn còn. Phật bảo lão bà Nan-đà:

–Nay, lão bà nên đem bánh này cúng cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Nhưng số bánh đó vẫn còn. Thế Tôn bảo:

–Hãy đem số bánh này bố thí cho những người nghèo khổ.

Song số bánh đó vẫn còn. Thế Tôn bảo:

–Hãy đem số bánh này bỏ nơi đất sạch, hay đặt vào trong nước cực sạch. Sở dĩ như vậy là vì Ta chưa bao giờ thấy Sa-môn, Bà-la-môn, trời cùng con người nào có thể tiêu được bánh này, trừ Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác.

Bà thưa:

–Thưa vâng, Thế Tôn.

Lúc này, lão bà Nan-đà đem bánh này thả vào trong nước sạch, tức thì lửa bùng lên. Lão bà Nan-đà thấy vậy, lòng đầy sợ hãi. Bà đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn thứ tự nói pháp cho bà nghe. Ngài nói về bố thí, về trì giới, về sinh Thiên,

dục là tưởng bất tịnh, là hữu lậu, là ô uế, xuất gia là giải thoát. Bấy giờ Thế Tôn biết lão bà Nan-đà tâm ý đã khai mở. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường nói, là Khổ, Tập, Tận, Đạo; bấy giờ Thế Tôn vì lão bà Nan-đà nói hết. Lão bà ngay trên chỗ ngồi được mắt pháp thanh tịnh. Giống như tấm thảm trắng dễ được nhuộm màu, ở đây lại cũng như vậy. Lão bà bấy giờ đã sạch hết trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Bà đã đắc pháp, thành tựu pháp, không còn hồ nghi, đã vượt qua do dự, được vô sở úy, mà thừa sự Tam bảo, thọ trì năm giới.

Bấy giờ, Thế Tôn vì bà nói pháp lại, khiến bà phát lòng hoan hỷ. Nan-đà bấy giờ bạch Thế Tôn:

–Từ nay về sau, bốn bộ chúng hãy đến nhà con nhận cúng dường. Từ nay về sau con sẽ luôn luôn bố thí, tu các công đức, phụng thờ Hiền thánh.

Sau đó liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân, rồi lui đi.

Trưởng giả Bạt-đề và lão mẫu Nan-đà có người em tên Ưu-bà-ca-ni, lúc còn thơ ấu chơi thân với vua A-xà-thế, cả hai rất thương mến nhau. Bấy giờ, trưởng giả Ưu-bà-ca-ni đang làm ruộng, nghe anh Bạt-đề và chị Nan-đà đã được Như Lai giáo hóa. Nghe vậy, vui mừng hớn hở không thể tự kiềm, trong cả bảy ngày không ngủ nghỉ và ăn uống được. Sau khi công việc ruộng đồng đã làm xong, trở về thành La-duyệt giữa đường, ông tự nghĩ: "Nay, trước tiên ta nên đến chỗ Thế Tôn, sau đó mới về nhà." Trưởng giả đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ trưởng giả bạch Thế Tôn:

–Anh Bạt-đề cùng chị Nan-đà con đã được Như Lai giáo hóa rồi sao?

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, trưởng giả! Nay Bạt-đề và Nan-đà đã thấy bốn Đế, tu các pháp thiện.

Trưởng giả Ưu-bà-ca-ni bạch Thế Tôn:

–Gia đình chúng con rất được đại lợi.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, trưởng giả, như những lời ông nói, cha mẹ ông nay rất được đại lợi, đã gieo phước đời sau.

Rồi Thế Tôn nói pháp vi diệu cho trưởng giả. Trưởng giả nghe xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, rồi lui ra. Ông đi về đến chỗ vua A-xà-thế, ngồi một bên.

Vua hỏi trưởng giả:

–Anh và chị ông đã được Như Lai giáo hóa rồi chăng?

Tâu:

–Đúng vậy, Đại vương.

Vua nghe lời này vui mừng hớn hở không tự kiềm chế được, liền gióng chuông trống ra lệnh trong thành:

–Từ nay trở về sau, những nhà thờ Phật khỏi phải bị nộp thuế. Những người phụng sự Phật đến thì được nghênh đón, đi thì được đưa tiễn. Sở dĩ như vậy là vì họ là anh em đạo pháp của ta.

Bấy giờ, vua A-xà-thế cho xuất các thứ đồ ăn thức uống đem cho trưởng giả. Trưởng giả liền nghĩ thầm: "Ta chưa bao giờ nghe Thế Tôn dạy phàm pháp Ưu-bà-tắc là nên ăn những thứ đồ ăn nào? Nên uống những thứ nước nào? Nay trước ta nên đến chỗ Thế Tôn, hỏi nghĩa này, sau đó mới ăn." Trưởng giả bèn bảo một người thân cận:

–Ngươi đi đến chỗ Thế Tôn. Đến rồi đảnh lễ sát chân, đem những lời của ta bạch lên Thế Tôn: "Trưởng giả Ưu-bà-ni-ca bạch Thế Tôn, phàm pháp của hiền giả trì bao nhiêu giới? Lại phạm bao nhiêu giới chẳng phải là Ưu-bà-tắc? Nên ăn thức ăn nào, uống nước uống nào?"

Người kia vâng lời trưởng giả, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên. Rồi người kia đem tên trưởng giả bạch Thế Tôn:

–Phàm pháp Ưu-bà-tắc, nên giữ bao nhiêu giới? Phạm bao nhiêu giới chẳng phải là Ưu-bà-tắc? Lại nên ăn thức ăn nào? Uống nước uống nào?

Thế Tôn bảo:

–Nay ông nên biết, ăn có hai loại, đáng thân cận và không đáng thân cận. Thế nào là hai? Nếu thân cận thức ăn mà pháp bất thiện khởi lên làm pháp thiện tổn giảm, thức ăn này không thể thân cận. Nếu lúc được thức ăn mà pháp thiện tăng ích, pháp bất thiện tổn giảm, thức ăn này đáng thân cận.

Nước cũng có hai loại. Nếu lúc được nước uống mà pháp bất thiện khởi làm pháp thiện tổn giảm, đây chẳng thể thân cận. Nếu lúc được nước uống mà pháp bất thiện bị tổn giảm, pháp thiện có tăng ích, đây có thể thân cận.

Phàm pháp Ưu-bà-tắc, giới cấm có năm. Trong đó có thể giữ một giới, hai giới, ba giới, bốn giới cho đến năm giới; thảy đều phải giữ. Nên hỏi lại ba lần, người có thể giữ thì khiến cho họ giữ. Nếu Ưu-bà-tắc nào phạm vào một giới rồi, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục. Nếu Ưu-bà-tắc nào vâng giữ chỉ một giới, sẽ được sinh về cõi lành, trên trời, huống chi là giữ hai, ba, bốn, năm giới.

Người kia sau khi nhận lãnh những lời dạy từ Phật rồi, đảnh lễ sát chân Phật và lui đi. Người kia đi chưa xa, bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Từ nay về sau, cho phép trao năm giới và ba tự quy cho Ưu-bà-tắc. Nếu Tỳ-kheo nào khi muốn trao giới cho Thanh tín nam nữ, dạy họ để trống cánh tay, chắp tay, bảo xưng tên họ, nguyện quy y Phật. Pháp, chúng Tăng ba lần. Sau khi bảo xưng tên họ quy y Phật, Pháp, chúng Tăng rồi, lại tự xưng: "Nay con đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng. Như Phật Thích-ca Văn lần đầu tiên đã cho năm trăm khách buôn thọ ba tự quy, con nguyện suốt đời không giết, không trộm, không dâm, không dối, không uống rượu." Nếu ai giữ một giới thì còn lại bốn giới; nếu giữ hai giới thì còn lại ba giới; nếu giữ ba giới thì còn lại hai giới; nếu giữ bốn giới thì còn lại một giới; nếu giữa năm giới, đó là người giữ đầy đủ.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2[8]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xa-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Mặt trời, mặt trăng, trời trăng bị bốn sự che khuất[9] khiến không phóng ra được ánh sáng. Thế nào là bốn?

1. Mây.

2. Bụi gió.

3. Khói.

4. A-tu-luân[10], khiến mặt trời, mặt trăng bị che khuất, không phóng ánh sáng được.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là mặt trời, mặt trăng bị bốn sự che khuất này, khiến không phóng ánh sáng lớn được.

---

8. Tham chiếu Pāli, A IV 50 Upakkilesasutta (R. ii. 53).

9. Pāli: Cattārome candimasùriyānaṃ upakkilesā, bốn sự che mờ (upakkilesa: Sự làm hoen ố, ô nhiễm, tù phiền não) của mặt trời, mặt trăng.

10. Pāli: Rāhu asurinda.

Ở đây cũng vậy, Tỳ-kheo có bốn kết sử[11] che kín tâm người không khai mở được. Thế nào là bốn?

1. Dục kết, che lấp tâm người không khai mở được.

2. Sân nhuế.

3. Ngu si.

4. Lợi dưỡng, che khuất tâm người không khai mở được.[12]

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn kết này che khuất tâm người không khai mở được, hãy tìm cầu phương tiện tiêu diệt liền bốn kết này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm theo.

-oOo-

Kinh số 3[13]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở cạnh miếu A-la-tỳ[14]. Bấy giờ trời rất là lạnh, cây cối xác xơ, trơ trụi. Bấy giờ con trai của Thủ trưởng giả, người A-la-bà[15], ra khỏi thị trấn ấy, đi bách bộ bên ngoài, dần dần đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, ông đảnh lễ sát chân Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên.

Lúc này con trưởng giả kia bạch Thế Tôn:

–Trong đêm hôm qua, không rõ Ngài ngủ có được ngon không?

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, đồng tử, Ta ngủ thật ngon.

Con trưởng giả bạch Phật:

–Hôm nay trời lạnh quá, muôn vật xác xơ, trơ trụi. Song Thế Tôn lại dùng đệm cỏ để ngồi, mặc y áo rất là mỏng manh. Sao Thế Tôn nói là: "Ta ngủ thật ngon được?"

Thế Tôn bảo:

–Đồng tử lắng nghe! Nay Ta hỏi lại, ngươi cứ theo đó mà trả lời.

---

11. Pāli: Cattāro upakkilesā, bốn tùy phiên não (=sự làm hoen ố. Xem cht. 10 trên.

12. Pāli, ibid., bốn ô nhiễm: Uống rượu (suraṃ pivanti), tập hành dâm dục (methunaṃ dhammaṃ paṭisevanti), thọ dụng vàng bạc (jātarūparajataṃ sādiyanti, sống bằng tà mạng (micchājīvena jīvanti).

13. Tham chiếu Pāli, A III 24 Hatthakasutta (R.i. 137).

14. A-la-tỳ từ 阿羅毘祠。Pāli: Āḷavī, thị trấn cách Xá-vệ ba mươi do-tuần, tại đó có miếu thờ Aggāḷva.

15. Thủ A-la-bà trưởng giả 手阿羅婆長者。Pāli: Hatthaka Āḷavaka.

Giống như nhà trưởng giả được che kín chắc chắn, phòng ốc không có gió bụi. Trong nhà đó có giường được trải thảm, nệm, đệm lông, mọi thứ đầy đủ. Có bốn ngọc nữ nhan sắc xinh đẹp, mặt như hoa đào hiếm có trên đời, nhìn không biết chán. Đèn đốt sáng trừng. Vậy trưởng giả kia lại[16] có ngủ ngon được không?

Con trưởng giả thưa:

–Đúng vậy, Thế Tôn! Có giường tốt thì sẽ ngủ ngon được.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào con trưởng giả? Nếu khi người kia đang ngủ ngon, mà có ý dục nổi lên, duyên bởi ý dục này, có không ngủ được phải không?

Con trưởng giả thưa:

–Đúng vậy, Thế Tôn! Nếu người kia ý dục nổi lên sẽ không ngủ được.

Thế Tôn bảo:

–Như ý dục người kia đang mạnh, trong khi Như Lai diệt tận không còn dư tàn, gốc rễ không sinh trở lại, không trồi lên lại nữa. Thế nào, con trai của trưởng giả, nếu người mà tâm sân nhuế, ngu si khởi lên, há ngủ ngon được sao?

Đồng tử thưa:

–Không ngủ ngon được. Sở dĩ như vậy là vì do tâm có ba độc.

Thế Tôn bảo:

–Như Lai nay không còn các tâm này, diệt tận không còn dư tàn, cũng không còn gốc rễ. Đồng tử nên biết, nay Ta sẽ nói về bốn loại chỗ ngồi. Những gì là bốn?

1. Có chỗ ngồi thấp.

2. Có chỗ ngồi chư Thiên.

3. Có chỗ ngồi Phạm thiên.

4. Có chỗ ngồi Phật.

Đồng tử nên biết, chỗ ngồi thấp là tòa của Chuyển luân thánh vương. Chỗ ngồi Thiên là tòa của Thích Đề-hoàn Nhân. Chỗ ngồi Phạm thiên là chỗ ngồi của Phạm thiên vương. Chỗ ngồi Phật là chỗ ngồi bốn Đế.

Chỗ ngồi thấp là chỗ ngồi hướng Tu-đà-hoàn. Chỗ ngồi chư Thiên là chỗ ngồi đắc Tu-đà-hoàn. Chỗ ngồi Phạm là chỗ ngồi hướng Tư-đà-hàm. Chỗ ngồi Phật là chỗ ngồi bốn Ý chỉ.

---

16. Để bản: Khiếp 怯。Có thể khoái 快。bị chép nhầm.

Chỗ ngồi thấp là chỗ ngồi đắc Tư-đà-hàm. Chỗ ngồi chư Thiên là chỗ ngồi hướng A-na-hàm. Chỗ ngồi Phạm là chỗ ngồi đắc A-na-hàm. Chỗ ngồi Phật là chỗ ngồi bốn Đẳng[17].

Chỗ ngồi thấp là chỗ ngồi Dục giới. Chỗ ngồi chư Thiên là chỗ ngồi Sắc giới. Chỗ ngồi Phạm là chỗ ngồi Vô sắc giới. Chỗ ngồi Phật là chỗ ngồi bốn Thần túc.

Cho nên, đồng tử nên biết, Như Lai do ngồi chỗ ngồi bốn Thần túc nên được ngủ ngon. Ở đó không khởi dâm, nộ, si. Đã không khởi tâm ba độc này, bèn ở trong Vô dư Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn, biết như thật rằng, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau. Cho nên, này con trưởng giả, khi Ta quán sát ý nghĩa này xong, nên nói Như Lai được ngủ ngon.

Bấy giờ con trưởng giả liền nói kệ này:

Gặp nhau đã lâu ngày
Phạm chí Bát-niết-bàn[18]
Nhờ nương sức Như Lai
Mắt sáng[19] *mà diệt độ*[20].
Tòa thấp và tòa Thiên
Tòa Phạm, cùng tòa Phật
Như Lai phân biệt rõ
Cho nên được ngủ ngon.
Tự quy Nhân Trung Tôn
Cũng quy Nhân Trung Thượng
Nay con chưa thể biết
Là nương những Thiền nào?

Con trai của trưởng giả đọc những lời này xong, Thế Tôn bằng lòng hứa khả. Bấy giờ con trưởng giả nghĩ thầm: "Thế Tôn đã bằng lòng hứa khả. Ta rất là vui mừng, không thể tự kiềm chế được." Bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi lui đi.

Đồng tử kia sau khi nghe những gì Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

---

17. Bốn đẳng: Bốn Vô lượng tâm.

18. Pāli: Sabbadā ve sukhaṃ seti, brāhmaṇo parinibbuto, đấng Bà-la-môn đã hoàn toàn tịch diệt, ngủ an lạc trong mọi thời.

19. Để bản: Minh miên 明眠。Có thể minh nhãn 明眼, chép nhầm.

20. Cf. Pāli: Upasanto sukhaṃ seti, tịch tĩnh, ngủ an lạc.

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, cùng năm trăm chúng đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn từ tịnh thất ra, đi xuống núi Linh thứu, cùng với Phạm chí Lộc Đầu[21], lần hồi du hành đến bãi tha ma đáng sợ[22].

Khi ấy Thế Tôn cầm đầu lâu một người chết trao cho Phạm chí và nói:

–Ông Phạm chí! Ông giỏi xem tinh tú, lại kiêm cả y dược, có thể trị mọi thứ bệnh, hiểu rõ tất cả các định hướng tái sinh và cũng còn có thể biết nhân duyên người chết. Nay Ta hỏi ông, đây là đầu lâu của người nào? Là nam hay là nữ? Do bệnh gì mà qua đời?

Phạm chí liền cầm lấy đầu lâu, xoay qua xoay lại quan sát, lại dùng tay gõ vào nó và bạch Thế Tôn:

–Đây là đầu lâu của người nam, chẳng phải người nữ.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, Phạm chí! Như lời ông đã nói. Đây là người nam, chẳng phải người nữ.

Thế Tôn hỏi:

–Do đâu qua đời?

Phạm chí lại dùng tay gõ vào nó. Bạch Thế Tôn:

–Đây, do nhiều bệnh tập hợp. Trăm đốt xương đau buốt quá mà chết.

Thế Tôn bảo:

–Phải trị bằng phương thuốc nào?

Phạm chí Lộc Đầu bạch Phật:

–Phải dùng quả Ha-lê-lặc[23] hòa chung với mật, sau đó cho uống, bệnh này sẽ lành.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, như những lời ông nói! Nếu người này được thuốc

---

21. Lộc Đầu Phạm chí; có thể đồng nhất Pāli Migasira, trưởng lão A-la-hán, nguyên người Bà-la-môn, sau xuất gia ngoại đạo (pabbājika), cuối cùng theo Phật. Ông có biệt tài gỗ vào đầu lâu mà biết người chết sinh về đâu.

22. Có lẽ Pāli, Sītavana (Hàn lâm), thường được mô tả là bhayabherava-sītavana, khu rừng lạnh đầy sợ hãi kinh khiếp.

23. Ha-lê-lặc 呵梨勒。Pāli: Harīṭaka, harītakī (Skt. đồng), kha tử 柯子。

này, đã không qua đời. Nay người này lúc mạng chung, sinh về nơi nào?

Phạm chí nghe rồi, lại cầm đầu lâu gõ và bạch Thế Tôn:

–Người này mạng chung sinh về ba đường dữ, chẳng sinh về nơi lành.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, Phạm chí, như những lời ông nói, sinh vào ba đường dữ, không sinh về nơi lành.

Bấy giờ Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa, trao cho Phạm chí. Hỏi Phạm chí:

–Đây là người nào? Là nam hay nữ?

Lúc này Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Đầu lâu này là thân người nữ.

Thế Tôn bảo:

–Do bệnh tật gì mà mạng chung?

Lúc này Phạm chí Lộc Đầu lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người nữ này mạng chung khi còn mang thai.

Thế Tôn bảo:

–Người nữ này do đâu mà mạng chung?

Phạm chí bạch Phật:

–Người nữ này do sinh con chưa đầy tháng nên qua đời.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Phạm chí, như những lời ông đã nói. Vả lại, người nữ mang thai kia nên trị bằng phương thuốc gì?

Phạm chí bạch Phật:

–Như người bệnh này, phải cần tô, đề hồ để uống thì khỏi.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy! Như những gì ông đã nói. Nay người nữ này, sau khi mạng chung, sinh về nơi nào?

Phạm chí bạch Phật:

–Người nữ này sau khi mạng chúng sinh vào trong súc sinh.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Phạm chí, như những gì ông đã nói.

Rồi Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa trao cho Phạm chí và hỏi Phạm chí:

–Là nam hay nữ?

Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Đầu lâu này là thân người nam.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những gì ông đã nói. Do tật bệnh gì mà mạng chung?

Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người này mạng chung do vì ăn uống ngộ độc, bị thổ tả mà mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Bệnh này dùng trị bằng phương thuốc?

Phạm chí bạch Phật:

–Nhịn ăn trong vòng ba ngày, trừ khỏi được liền.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những gì ông đã nói. Người này sau khi mạng chung sinh về nơi nào?

Lúc này Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người này mạng chung sinh vào trong ngạ quỷ. Sở dĩ như vậy là vì ý chỉ tưởng đến nước.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những gì ông đã nói.

Bấy giờ Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa, trao cho Phạm chí, hỏi Phạm chí:

–Là nam hay là nữ?

Phạm chí lúc này dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Đầu lâu này là thân của người nữ.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những gì ông đã nói. Người này mạng chung do bệnh tật gì?

Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Lúc đang sinh thì mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Tại sao lúc đang sinh thì mạng chung?

Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Thân người nữ này khí lực hư, cạn kiệt, lại đói quá nên mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Người này mạng chung sinh về nơi nào?

Lúc này Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người này mạng chung sinh vào loài người.

Thế Tôn bảo:

–Phàm người chết đói mà muốn sinh nơi lành, việc này không đúng. Phải sinh vào ba đường dữ mới hợp lý.

Lúc này Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người nữ này trì giới hoàn hảo mà mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những gì ông đã nói. Thân người nữ kia trì giới hoàn hảo đến khi mạng chung. Sở dĩ như vậy là vì phàm có người nam, người nữ nào mà cấm giới hoàn toàn thì lúc mạng chung sẽ về hai đường, hoặc lên trời hay là loài người.

Bấy giờ, Thế Tôn lại cầm đầu lâu nữa trao cho Phạm chí, hỏi:

–Nam hay là nữ?

Lúc này Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Đầu lâu này là thân nam.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những gì ông đã nói. Người này do bệnh tật gì khiến phải mạng chung?

Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người này không bệnh, bị người hại khiến mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những lời ông đã nói, bị người hại khiến mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Người này mạng chung sẽ sinh nơi nào?

Lúc này Phạm chí dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Người này mạng chúng sinh lên trời, xứ thiện.

Thế Tôn bảo:

–Như những lời ông đã nói, lời bàn trước, bàn sau mâu thuẫn nhau.

Phạm chí bạch Phật:

–Căn bản do duyên gì mà mâu thuẫn nhau?

Thế Tôn bảo:

–Những người nam, nữ mà bị người hại khiến mạng chung, đều

sinh hết về ba đường dữ. Sao ông nói là sinh về xứ thiện, lên trời?

Phạm chí lại dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Vì người này vâng giữ năm giới kiêm hành thập thiện, nên đến khi mạng chúng sinh lên trời, xứ thiện.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những lời ông đã nói. Người giữ giới, không xúc phạm, sẽ sinh lên trời, xứ thiện.

Thế Tôn lại bảo lại:

–Người này đã trì mấy giới mà mạng chung?

Bấy giờ, Phạm chí một lòng chuyên chú không nghĩ gì khác, dùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Trì một giới chăng? Chẳng phải. Hai, ba, bốn, năm giới chăng? Chẳng phải. Người này trì pháp bát quan trai mà mạng chung.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Như những lời ông đã nói. Trì bát quan trai mà mạng chung.

Bấy giờ, trong cảnh giới phương Đông, tại phía Nam núi Phổ hương, phương Đông, có Tỳ-kheo Ưu-đà-diên nhập Niết-bàn trong Vô dư Niết-bàn giới. Khi ấy, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, Thế Tôn đến lấy đầu lâu kia, đem về trao cho Phạm chí và hỏi Phạm chí:

–Là nam hay nữ?

Lúc này Phạm chí lại cùng tay gõ và bạch Thế Tôn:

–Tôi xem đầu lâu này, nguồn gốc của nó chẳng phải nam cũng chẳng phải nữ. Sở dĩ như vậy là vì tôi quán đầu lâu này cũng chẳng thấy sinh, cũng cũng chẳng thấy đoạn, cũng chẳng thấy xoay vần qua lại. Sở dĩ như vậy là vì quan sát tám phương, trên dưới đều không âm vọng. Nay tôi chưa rõ đầu lâu của người này là ai?

Thế Tôn bảo:

–Thôi, thôi, Phạm chí, rốt lại, ông không biết là đầu lâu của ai. Ông nên biết, đầu lâu này không đầu không cuối, cũng không sinh tử, cũng không đi về đâu trong tám phương, trên dưới. Đây chính là đầu lâu của A-la-hán, Tỳ-kheo Ưu-đà-diên đã nhập Niết-bàn trong Vô dư Niết-bàn giới, trong cảnh giới phương Đông, tại phía Nam núi Phổ hương.

Sau khi Phạm chí nghe những lời này xong, khen chưa từng có, liền bạch Thế Tôn:

–Nay tôi quan sát loài trùng kiến này từ nơi nào đến, đều biết tất

cả. Nghe tiếng vọng của chim thú màn có thể phân biết rõ ràng: Đây là con đực, đây là con cái. Nhưng tôi quan sát vị A-la-hán này, hoàn toàn không thấy gì, không thấy chỗ đến, cũng không thấy chỗ đi. Chánh pháp Như Lai thật là kỳ diệu. Sở dĩ như vậy là vì gốc của các pháp phát xuất từ cửa miệng của Như Lai, còn A-la-hán phát xuất từ gốc của kinh pháp.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, Phạm chí, như những gì ông đã nói. Gốc của các pháp phát xuất từ miệng Như Lai. Ngay đến chư Thiên, người đời, ma hoặc thiên ma, quyết không biết được chỗ đến của A-la-hán.

Bấy giờ, Phạm chí đảnh lễ sát chân và bạch Thế Tôn:

–Con có thể biết hết nơi thú hướng của chín mươi sáu loại đạo. Thảy đều biết tất cả. Nhưng chỗ thú hướng của pháp của Như Lai, không thể phân biệt được. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được vào đạo.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, Phạm chí, hãy tu phạm hạnh, cũng sẽ không có người nào biết được chỗ thú hướng của ông.

Khi ấy Phạm chí được xuất gia học đạo, ở chỗ vắng vẻ tư duy thuật đạo, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc mặc ba pháp y, cho đến như thật biết rằng: "Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau." Lúc đó, Phạm chí thành A-la-hán.

Bấy giờ, Tôn giả Lộc Đầu bạch Thế Tôn:

–Nay con đã biết pháp tu hành của A-la-hán.

Thế Tôn bảo:

–Ông biết thế nào về hành của A-la-hán?

Lộc Đầu bạch Phật:

–Nay có bốn giới. Những là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. Như Lai, đó gọi là có bốn giới này. Khi một người mạng chung, đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa, gió trở về gió.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, Tỳ-kheo, nay có bao nhiêu giới?

Lộc Đầu bạch Phật:

–Sự thực có bốn giới. Nhưng nghĩa có tám giới.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào là bốn giới, mà nghĩa có tám giới?

Lộc Đầu bạch Phật:

–Nay có bốn giới. Những gì là bốn giới? Đất, nước, lửa, gió. Đó gọi là bốn giới. Thế nào là nghĩa có tám giới? Đất có hai loại: Đất trong và đất ngoài. Sao gọi đại chủng đất bên trong ? Đó là tóc, lông, móng, răng, thân thể, da bọc ngoài, gân cốt, tủy não, ruột, bao tử, gan, mật, tỳ thận. Đó gọi là đại chủng đất trong. Thế nào là đại chủng đất bên ngoài? Đó là những gì cứng chắc. Đó gọi là đại chủng đất bên ngoài. Đây gọi là hai đại chủng đất.

Sao gọi đại chủng nước? Đại chủng nước có hai: Đại chủng nước bên trong, đại chủng nước bên ngoài. Đại chủng nước bên trong là đờm dãi, nước mắt, nước tiểu, máu, tủy. Đó gọi là đại chủng nước bên ngoài. Còn các vật mềm ướt bên ngoài. Đó gọi là đại chủng nước bên ngoài. Đây gọi là hai đại chủng nước.

Sao gọi đại chủng lửa? Đại chủng lửa có hai: Đại chủng lửa bên trong, đại chủng lửa bên ngoài. Sao gọi là lửa trong? Là sự tiêu hóa tất cả những vật được ăn, không còn dư sót. Đó gọi là lửa bên trong. Sao gọi là lửa bên ngoài? Những vật giữ hơi nóng, vật ở bên ngoài. Đó gọi là loại lửa ngoài.

Tại sao gọi là đại chủng gió? Đại chủng gió có hai: Gió trong và gió ngoài. Gió trong là gì? Đó là gió trong môi, gió mắt, gió đầu, gió thở ra, gió thở vào, gió trong tất cả các khớp tay, chân. Đó gọi là gió trong. Sao gọi là gió ngoài? Đó là vật khiến lay động nhẹ, nhanh chóng. Đó gọi là gió ngoài. Bạch Thế Tôn, đó gọi là có hai loại. Sự thật có bốn, mà số có tám.

Như vậy, Thế Tôn, con quán sát nghĩa này, rằng con người khi mạng chung, bốn đại chủng ấy trở về gốc của chúng.

Thế Tôn bảo:

–Pháp vô thường cũng không cùng chung với pháp thường. Sở dĩ như vậy là vì đại chủng đất có hai, hoặc trong hoặc ngoài. Bấy giờ đất trong là pháp vô thường, là pháp biến dịch, còn đại chủng đất ngoài thường trụ không biến đổi.[24] Đó gọi là đất có hai loại không tương ưng với thường và vô thường. Còn ba đại kia cũng lại như vậy, giữa thường và vô thường không tương ưng nhau.

Cho nên, này Lộc Đầu, tuy có tám loại, kỳ thật chỉ có bốn. Lộc Đầu, hãy học điều này như vậy.

Lộc Đầu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

24. Câu này nên tồn nghi trong Hán dịch.

-oOo-

Kinh số 5[25]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xa-vệ.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nay có bốn đại nghĩa được quảng diễn[26]. Những gì là bốn? Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Đó gọi là bốn[27].

Tỳ-kheo nên biết, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Đông[28] đến, tụng kinh trì pháp, phụng hành cấm giới. Vị ấy nói rằng: "Tôi có thể tụng kinh trì pháp, vâng giữ cấm giới, học rộng nghe nhiều." Giả sử Tỳ-kheo kia có nói những gì, cũng không nên thừa nhận khi chưa đủ để dốc lòng tin tưởng.[29] Hãy cùng Tỳ-kheo kia thảo luận, chiếu theo pháp mà cùng thảo bàn. Thế nào là y chiếu theo cùng thảo bàn? Y chiếu theo pháp mà luận, đó là bốn đại luận được quảng diễn này. Tức là Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Nên cùng với Tỳ-kheo kia phân biệt pháp được nói bởi Khế kinh, được hiển hiện trong Luật. Giả sử khi tìm trong Khế kinh được nói, trong Luật được hiển hiện, trong pháp được phân biệt; nếu những điều được hiển hiện ấy tương ưng với Khế kinh, tương ưng với Luật và Pháp, khi ấy bèn thọ trì. Nếu không tương ưng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, thì nên trả lời người kia như vầy: "Này bạn, nên biết đây chẳng phải là những lời dạy của Như Lai. Mà những lời bạn nói, chẳng phải gốc của chánh kinh. Sở dĩ như vậy là vì nay tôi thấy nó không tương ưng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm..." Vì không tương ưng nên phải hỏi về sự hành trì giới. Nếu không tương ưng với giới hạnh, nên nói với người kia: "Đây chẳng

---

25. Tham chiếu Pāli, A IV 180 Mahāpadesasutta (R.ii. 167).

26. Cf. Pāli: Cattārome mahāpadese, bốn đại xứ (địa phương, khu vực). Hán đọc là desanā (Skt. Dezanā): Giáo thuyết, pháp thuyết.

27. Bốn đại nghĩa: Kinh, Luật, A-tì-đàm, Giới. Hán dịch có sự nhầm lẫn. Theo nội dung đoạn sau, đây là bốn y cứ để thẩm sát trong bốn trường hợp khi nào điều được nói là do chính Phật nói.

28. Pāli: Desa (Skt. Deza), trong truyền bản Pāli được hiểu theo nghĩa bóng: 1. Pháp nghe từ chính Thế Tôn nói, 2. Nghe từ một Thượng tọa Trưởng lão trong Tăng nói, 3. Nghe từ nhiều Tỳ-kheo trưởng lão nói, 4. Nghe từ một Tỳ-kheo nào đó. Trong truyền bản Hán dịch này, được hiểu là phương hướng, tức bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc.

29. Pāli, ibid., "Không hoan hỷ cũng không mạ lỵ (Neva abhinanditabbaṃ nappaṭikkositabbaṃ).

phải là tạng của Như Lai!" Hãy lập tức đuổi đi. Đây gọi là gốc của nghĩa đại nghĩa được quảng diễn thứ nhất.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Nam đến nói rằng: "Tôi có thể tụng kinh, trì pháp, phụng hành giới cấm, học rộng, nghe nhiều." Giả sử Tỳ-kheo ấy có nói những gì, cũng không nên thừa nhận khi chưa đủ để dốc lòng tin tưởng. Nên cùng với Tỳ-kheo kia luận nghĩa. Giả sử những điều Tỳ-kheo kia nói mà không tương ưng với nghĩa, thì nên đuổi đi. Nếu tương ưng với nghĩa, thì nên bảo người kia rằng: "Đây là nghĩa được nói, nhưng không phải gốc chánh kinh." Khi ấy, nên chọn lấy nghĩa đó, chứ đừng nhận gốc chánh kinh. Sở dĩ như vậy là vì nghĩa là căn nguyên để hiểu kinh. Đây gọi là gốc của đại nghĩa được diễn thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Tây đến (nói rằng: "Tôi tụng kinh, trì pháp, phụng hành giới cấm, học rộng, nghe nhiều." Nên nói với Tỳ-kheo kia về Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm. Nhưng Tỳ-kheo kia chỉ hiểu vị[30], chứ không hiểu nghĩa, nên bảo Tỳ-kheo kia rằng: "Chúng tôi không rõ những lời này là những lời nói của Như Lai không." Giả sử khi thuyết Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm chỉ hiểu vị, chứ không hiểu nghĩa. Tuy nghe những gì Tỳ-kheo kia nói, nhưng cũng chưa đủ để khen tốt, cũng chưa đủ để nói là dở. Lại phải đem giới hạnh để hỏi. Nếu cùng tương ưng, thì niệm mà chấp nhận. Sở dĩ như vậy là vì giới hạnh cùng tương ưng với vị, nhưng nghĩa thì không thể rõ. Đây gọi là nghĩa diễn giải thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Bắc đến, tụng kinh, trì pháp, phụng hành cấm giới, nói rằng: "Các Hiền giả có nghi vấn, hãy đến hỏi nghĩa, tôi sẽ nói cho." Nếu Tỳ-kheo kia có nói gì cũng chưa đủ để chấp nhận ngay, chưa đủ để phúng tụng. Nhưng nên hướng về Tỳ-kheo kia hỏi về Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Nếu cùng tương ưng, thì nên hỏi nghĩa. Nếu lại tương ưng cùng nghĩa, thì nên khen ngợi Tỳ-kheo kia rằng: "Lành thay, lành thay! Hiền giả, đây chính là nghĩa Như Lai đã nói, không nhầm lẫn, tất cả đều cùng tương ưng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới."

Hãy theo pháp mà cúng dường, tiếp đãi Tỳ-kheo kia. Sở dĩ như vậy là vì Như Lai cung kính pháp, nên ai cung kính pháp, tức là cung kính Ta. Ai quán thấy pháp, người ấy quán thấy Ta. Ai có pháp, người ấy có Ta. Đã có pháp thì có Tỳ-kheo Tăng. Có pháp thì có bốn bộ chúng. Có pháp thì có bốn chủng tánh ở đời. Sở dĩ như vậy là vì do có pháp ở

---

30. Vị 味. Đây chỉ văn từ. Pāli: Vyañjana.

đời, nên trong Hiền kiếp có Đại Oai Vương ra đời, từ đó về sau có liền bốn chủng tánh ở đời.

Nếu pháp có ở đời thì, liền có bốn chủng tánh ở đời: Sát-lợi, Bà-la-môn, công nhân, dòng cư sĩ. Nếu pháp có ở đời thì, liền có ngôi vị Chuyển luân thánh vương không dứt. Nếu pháp có ở đời, liền có Tứ Thiên vương, Đâu-suất thiên, Diễm thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên xuất hiện ở đời. Nếu pháp có ở đời, liền có Dục giới thiên, Sắc giới thiên, Vô sắc giới thiên hiện ở đời. Nếu pháp có ở đời, liền có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật, Phật thừa hiện ở đời. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy khéo cung kính pháp. Hãy tùy thời cúng dường cung cấp mọi thứ cần dùng cho Tỳ-kheo kia. Nên nói với Tỳ-kheo kia rằng: "Lành thay! lành thay! Như những gì thầy đã nói. Những lời nói hôm nay thật là những lời nói của Như Lai."

Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn đại nghĩa diễn quảng diễn này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trì tâm nắm giữ ý thực hành bốn sự này, chớ để mất sót. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, vào buổi sáng sớm, tập họp bốn binh chủng, cỡi xe bảo vũ* đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ Thế Tôn hỏi đại vương:

–Đại vương từ đâu đến mà trên người dính đầy bụi bặm vậy? Có duyên sự gì mà tập họp bốn binh chủng?

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

–Nay, nước nhà này có giặc lớn nổi lên. Nửa đêm qua, con đem binh bắt được, nên thân thể mệt mỏi, muốn trở về cung. Nhưng giữa đường lại tự nghĩ: "Trước tiên ta nên đến chỗ Như Lai, rồi sau đó mới về cung." Vì sự việc này mà ngủ nghỉ không yên. Nay nhờ có công lao dẹp giặc, lòng vui mừng hớn hở không tự kiềm chế được, cho nên đến đảnh lễ thăm hầu Như Lai. Nếu ngay đêm qua con không hưng binh ngay thì không bắt được giặc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, đại vương, như những gì vua nói. Vua nên biết rằng, có bốn căn duyên sự việc, trước khổ sau vui. Những gì là bốn? Sáng thức dậy sớm; trước khổ sau vui. Hoặc dùng dầu, tô, trước khổ sau vui. Hoặc lúc dùng thuốc, trước khổ mà sau vui. Gia nghiệp, cưới gã, trước khổ sau vui. Đại vương, đó gọi là có bốn căn duyên sự việc này, trước khổ sau vui.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

–Những gì Thế Tôn nói thật là hợp lý, có bốn căn duyên sự việc trước khổ sau vui này. Sở dĩ như vậy là vì như ngày hôm nay con quán sát bốn sự này như nhìn hạt châu trên tay, đều có nghĩa trước khổ sau vui.

Bấy giờ, Thế Tôn vì vua Ba-tư-nặc nói pháp vi diệu, khiến phát lòng hoan hỷ. Sau khi nghe pháp rồi, vua bạch Thế Tôn:

–Việc nước đa đoan, con muốn trở về cung.

Thế Tôn bảo:

–Nên biết đúng lúc.

Vua Ba-tư-nặc từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui đi. Vua đi chưa lâu Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay có bốn căn duyên sự việc này, trước khổ sau vui. Thế nào là bốn? Tu tập phạm hạnh, trước khổ sau vui. Tập tụng văn kinh, trước khổ sau vui. Tọa thiền nghĩ niệm định, trước khổ sau vui. Đếm hơi thở ra vào, trước khổ sau vui. Tỳ-kheo, đó gọi là hành bốn sự này trước khổ sau vui.

Nếu có Tỳ-kheo nào hành pháp trước khổ sau vui này, quyết sẽ được ứng quả báo vui Sa-môn sau này. Thế nào là bốn?

Nếu có Tỳ-kheo nào siêng thực hành pháp này, không dục, không pháp ác, có niệm, có hỷ an, tâm nhập Sơ thiền. Đó gọi là được cái vui thứ nhất của Sa-môn.

Lại nữa, có giác, có quán, tĩnh lặng bên trong, tâm hỷ chuyên tinh nhất ý; không giác, không quán, có niệm, có hỷ an, nhập Nhị thiền. Đó gọi là cái vui thứ hai của Sa-môn.

Lại nữa, không niệm, tâm an trú hộ[31], thường tự giác tri, thân có lạc, điều mà các Hiền thánh mong cầu, có hộ (hỷ), niệm, lạc, tâm nhập Tam thiền. Đó gọi là được cái vui thứ ba của Sa-môn.

---

31. Hộ: Hỷ. Xem cht. kinh số 1 phẩm 12 trên.

Lại nữa, khổ lạc trước kia đã diệt, không còn ưu; không khổ không lạc, hộ (hỷ) và niệm thanh tịnh, tâm nhập Tứ thiền. Đó gọi là có bốn cái vui của Sa-môn này.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào thực hành trước khổ này, sau được bốn báo vui của Sa-môn, đoạn ba lưới kết, thành Tu-đà-hoàn, được pháp thoái chuyển, nhất định đến diệt độ.

Lại nữa, Tỳ-kheo, ba kết này đã đoạn; dâm, nộ, si mỏng đi, thành Tư-đà-hàm, trở lại đời này một lần, tất hết bờ khổ.

Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào dứt năm hạ phần kết, thành A-na-hàm, nhập Bát-niết-bàn ở nơi kia,[32] không trở lại thế gian này.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào hữu lậu đã diệt tận, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng, tự du hý, tự biết như thật rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau." Đó là Tỳ-kheo kia tu pháp trước khổ này, sau được vui bốn quả Sa-môn.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu sự trước khổ sau vui này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Những gì là bốn? Có hạng Sa-môn tợ hoa hoàng lam[33], có hạng Sa-môn tợ hoa Bân-đà-lợi[34], có hạng Sa-môn tợ nhu nhuyến[35], có hạng Sa-môn nhu nhuyến trong nhu nhuyến[36].

---

32. A-na-hàm nhập Niết-bàn trên một trong năm Tịnh cư thiên.

33. Hoàng lam hoa 黃藍花。Pāli: Macala (?). Từ diển PTS không thấy từ này. Cf. A IV 88, bản dịch Hoa văn đọc là Samaṇam-acalam, "bất động Sa-môn."

34. Bân-đà-lợi 邠陀利。Pāli: Puṇḍrāka, sen trắng.

35. Tợ nhu nhuyến Sa-môn 似柔軟沙門。Pāli: Samaṇapaduma, Sa-môn sen hồng.

36. Pāli: Samaṇesu samaṇasukhumālo, Sa-môn nhu hòa trong các Sa-môn.

Thế nào gọi Sa-môn kia như hoa hoàng lam? Ở đây có một hạng người diệt trừ ba kết sử, thành Tu-đà-hoàn, được pháp không thoái chuyển, quyết định đến Niết-bàn[37], nhưng chậm nhất là phải trải qua bảy lần chết, bảy lần tái sinh. Hoặc thành bậc Gia gia[38], nhất chủng[39], giống như hoa hoàng lam sáng ngắt, chiều lớn. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, ba kết diệt tận, thành Tu-đà-hoàn, được pháp không thoái chuyển, ắt đến Niết-bàn, chậm nhất cho đến qua bảy lần chết, bảy lần tái sinh. Nếu tìm cầu phương tiện, có ý dũng mãnh, hoặc thành Gia gia, hoặc thành Nhất chủng, rồi vào Đạo tích. Đó gọi là Sa-môn như hoa hoàng lam.

Thế nào gọi Sa-môn kia là như hoa Phân-đà-lợi? Ở đây có một hạng người ba kết đã diệt; dâm, nộ, si mỏng, thành Tư-đà-hàm, trở lại đời này, dứt hết bờ khổ. Nếu người hơi chậm, trở lại đời này lần nữa, rồi dứt hết bờ khổ. Nếu dũng mãnh, thì ngay trong đời này dứt hết bờ khổ. Giống như hoa Phân-đà-lợi sớm nở, chiều úa tàn. Đó gọi là Sa-môn như hoa Phân-đà-lợi.

Thế nào là Sa-môn kia nhu nhuyến? Hoặc có một hạng người đoạn năm hạ phần kết, thành A-na-hàm, rồi nơi trên kia mà nhập Bát-niết-bàn, không trở lại đời này. Đó gọi là Sa-môn nhu nhuyến.

Thế nào là Sa-môn kia nhu nhuyến trong nhu nhuyến? Hoặc có một hạng người diệt tận hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng, tự du hý, biết như thật rằng: "Sinh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau." Đó gọi là Sa-môn nhu nhuyến trong nhu nhuyến.

Đây gọi là Tỳ-kheo có bốn hạng người này xuất hiện ở đời. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện làm Sa-môn nhu nhuyến trong nhu nhuyến.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm theo.

-oOo-

---

37. Pāli: Niyato sambodhiparāyaṇo, quyết định hướng đến Chánh giác.

38. Gia gia 家家; (Skt. Kulaṃkula), hạng Tu-đà-hoàn quả hướng đến Tư-đà-hàm, tái sinh Dục giới tối đa ba lần, rồi nhập Niết-bàn.

39. Nhất chủng (Skt. Ekabījika), hoặc nhất gián (Skt. Ekavīcika), hạng Bất hoàn hướng, còn một lần tái sinh Dục giới.

Kệ tóm tắt:

Tu-đà, Tu-ma-quân
Tân-đầu-lô, uế, thủ
Lộc Đầu, nghĩa diễn rộng
Sau vui, kinh nhu nhuyến.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 21

Phẩm 29: KHỔ LẠC

Kinh số 1

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn?

1. Hoặc có người trước khổ, sau vui.

2. Hoặc có người trước vui sau khổ.

3. Hoặc có người trước khổ sau khổ.

4. Hoặc có người trước vui, sau vui.

Thế nào là người trước khổ sau vui? Hoặc có một người sinh nhà ti tiện, hoặc dòng sát nhân[1], hoặc giới thợ thuyền, hoặc sinh nhà tà đạo, cùng các giới bần khổ khác, áo cơm không đủ. Tuy họ sinh vào những nhà đó, nhưng người kia lại không có tà kiến, thấy rằng: "Có bố thí, có người nhận, có đời này, có đời sau, có Sa-môn, Bà-la-môn, có cha, có mẹ, đời có A-la-hán, người lãnh thọ giáo pháp, cũng có quả báo thiện ác." Nếu thấy có nhà nào rất giàu, thì họ biết đó nhờ báo đức bố thí, báo không phóng dật ngày xưa. Hoặc họ lại thấy nhà không áo cơm, biết những người này không tạo đức bố thí thường gặp bần tiện. "Nay ta lại gặp bần tiện, không có áo cơm, đều do ngày xưa không tạo phước, mê hoặc người đời, hành pháp phóng dật. Duyên báo ác hạnh này, nay gặp nghèo hèn áo cơm không đủ." Khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn tu pháp thiện, người ấy liền hướng về sám hối, sửa đổi những việc làm xưa. Nếu có của dư, đem chia cho người. Người này sau khi qua đời sinh về xứ thiện, lên trời. Nếu sinh cõi người thì lắm tiền nhiều của báu, không thiếu hụt. Hạng người này gọi là trước khổ sau vui.

---

[1] Sát nhân chủng 殺人種; đây chỉ lớp tiện dân Chiên-đà-la (Pāli, Skt. Caṇḍāla), phần lớn làm nghề giết chó, được xem là hung dữ.

Hạng người nào trước vui sau khổ? Ở đây, hoặc có một người sinh vào nhà hào tộc, hoặc dòng Sát-lợi, hoặc dòng trưởng giả, hoặc nhà dòng họ lớn; hoặc sinh vào các nhà giàu sang, áo cơm đầy đủ. Nhưng người đó thường ôm lòng tà kiến tương ưng cùng biên kiến. Họ thấy như vầy: "Không có bố thí, không có người nhận, cũng không có báo đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, đời không có A-la-hán, cũng không có người tác chứng, lại cũng không có báo thiện ác." Người đó có những tà kiến như vậy. Khi thấy nhà giàu sang, họ nghĩ: "Người này lâu nay vẫn có của báu này; người nam đã lâu vẫn là người nam, người nữ đã lâu vẫn là người nữ, súc sinh đã lâu vẫn là súc sinh." Người ấy không thích bố thí, không giữ giới luật. Khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn vâng giữ giới, người này nổi sân nhuế nghĩ: "Người ấy hư ngụy, nơi nào sẽ có phước báo ứng?" Người này sau khi qua đời sinh vào trong địa ngục. Nếu được làm người thì sinh vào nhà bần cùng, không có áo cơm, thân thể lõa lồ, cơm áo thiếu thốn. Hạng người này gọi là trước vui sau khổ.

Hạng người nào trước khổ sau khổ? Ở đây, có người sinh vào gia đình bần tiện, hoặc dòng sát nhân*, hoặc giới thọ thuyền; hoặc sinh vào những gia đình hạ liệt, không có áo cơm. Nhưng người này thân ôm tà kiến, cùng tương ưng với biên kiến, nên họ thấy như vầy, "Không bố thí, không có người nhận, cũng không có báo thiện ác đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, đời không A-la-hán." Người ấy không thích bố thí, không vâng giữ giới. Khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn, người ấy liền nổi sân nhuế đối với các bậc Hiền thánh. Người này thấy người nghèo thì cho rằng đã vậy từ lâu; thấy người giàu thì cho rằng đã vậy từ lâu; thấy cha, xưa đã là cha; thấy mẹ, xưa đã là mẹ. Người này sau khi qua đời sinh vào trong địa ngục. Nếu sinh cõi người thì rất là nghèo hèn, áo cơm không đủ. Hạng người này gọi là trước khổ sau khổ.

Thế nào là hạng người trước vui sau vui? Ở đây, hoặc có một người sinh vào nhà giàu sang, hoặc dòng Sát-lợi, hoặc dòng Phạm chí, hoặc sinh vào dòng quốc vương, hoặc sinh dòng trưởng giả, cùng sinh vào gia đình lắm tiền nhiều của. Nơi sinh ra không bị thiếu hụt. Người này sinh vào những nhà như vậy, nhưng người này lại có chánh kiến không có tà kiến. Họ có cái thấy này: "Có bố thí, có người nhận, có đời này đời sau, đời có Sa-môn, Bà-la-môn, cũng có báo thiện ác, có cha có mẹ, đời có A-la-hán." Người này khi thấy gia đình giàu sang lắm tiền nhiều của, liền tự nghĩ: "Người này có được là nhờ ngày xưa bố thí." Hoặc lại thấy nhà nghèo hèn thì nghĩ: "Người này trước kia

do không bố thí. Nay ta nên tùy thời bố thí, chớ để sau này sinh nhà nghèo hèn." Vì vậy nên người này thường thích bố thí cho người. Người này nếu thấy Sa-môn đạo sĩ thì tùy thời thăm hỏi sức khỏe, cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh; thảy đều bố thí hết. Nếu sau khi mạng chung tất sinh xứ thiện lên trời. Nếu cõi người tất sinh vào nhà giàu sang, lắm tiền nhiều của. Hạng người này gọi là trước vui sau vui.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Con thấy chúng sinh đời này trước khổ sau vui; hoặc ở đời này có chúng sinh trước vui sau khổ; hoặc ở đời này có chúng sinh trước khổ sau khổ; hoặc có chúng sinh trước vui sau vui.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

–Có nhân duyên này, khiến loài chúng sinh trước khổ sau vui; lại cũng có chúng sinh này trước vui sau khổ; lại cũng có chúng sinh này trước khổ sau khổ; lại cũng có chúng sinh này trước vui sau vui.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Lại vì nhân duyên gì trước vui sau khổ? Lại vì nhân duyên gì trước khổ sau vui? Lại vì nhân duyên gì trước khổ sau khổ? Lại vì nhân duyên gì trước vui sau vui?

Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo nên biết, nếu người sống trăm tuổi. Giả sử đúng mười lần mười như vậy, người ấy sống thọ hết Đông, Hạ, Xuân, Thu. Này Tỳ-kheo, người ấy trong một trăm năm tạo các công đức, rồi một trăm năm tạo các ác nghiệp, tạo các tà kiến. Một thời gian sau, người ấy mùa đông được vui, mùa hạ chịu khổ. Nếu trăm năm công đức đầy đủ chưa từng bị thiếu; rồi ở trong vòng trăm năm nữa, người ấy tạo các tà kiến, tạo hạnh bất thiện; nó trước chịu tội kia, sau thọ phước nọ.

Nếu lúc nhỏ làm phước, lúc lớn gây tội, thì đời sau lúc nhỏ hưởng phức, lúc lớn chịu tội.

Nếu lúc nhỏ tạo tội, lớn lên cũng tạo tội, thì người ấy khi đời sau trước khổ sau cũng khổ.

Nếu lại lúc nhỏ tạo các công đức, bố thí phân-đàn[2], (lớn lên cũng tạo các công đức cũng bố thí phân đàn)[3], thì đời sau người ấy trước vui sau cũng vui.

---

2. Phân-đàn bố thí 分檀布施; có lẽ phiên âm, Pāli: Piṇḍa-dāyaka, người bố thí vật thực. Đoạn tiếp, TNM: Bố thí phần đoạn, cùng ý nghĩa.

3. Trong ngoặc, câu này để bản nhảy sót. Đây y theo TNM thêm vào.

Này chư Tỳ-kheo, đó gọi là vì nhân duyên này trước khổ mà sau vui, cũng do nhân duyên này trước vui mà sau khổ, cũng do nhân duyên này trước khổ sau cũng khổ, cũng do nhân duyên này trước vui sau cũng vui.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Quả vậy,[4] bạch Thế Tôn, nếu có chúng sinh nào muốn trước vui mà sau cũng vui thì, nên hành bố thí để cầu trước vui sau cũng vui.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, Tỳ-kheo, như những lời ông nói. Nếu có chúng sinh nào muốn thành tựu Niết-bàn và đạo A-la-hán cho đến Phật quả thì ở trong đó phải hành bố thí, tạo công đức.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Sao gọi là bốn?

1. Hoặc có người thân vui tâm không vui.

2. Hoặc có người tâm vui thân không vui.

3. Hoặc có người tâm cũng không vui, thân cũng không vui.

4. Hoặc có người thân cũng vui tâm cũng vui.

Những người nào thân vui tâm không vui? Ở đây, người phàm phu tạo phước, đối với bốn sự cúng dường như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, không gì thiếu thốn; nhưng không thoát các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cũng lại không thoát khỏi trong ác thú. Đây gọi là người thân vui tâm không vui.

Những người nào tâm vui thân không vui? Chỉ những vị A-la-hán không tạo công đức. Ở đây, đối trong bốn sự cúng dường, tự mình không thể tự lo xong, không bao giờ có được. Chỉ thoát khỏi các đường

[4] *Để bản: Duy nguyện 唯願。TNM: Duy nhiên 唯然。*

địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Giống như Tỳ-kheo La-hán Duy Dụ[5]. Đó gọi là người này tâm vui thân không vui.

Những người nào thân cũng không vui, tâm cũng không vui? Là người phàm phu không tạo công đức, không thể có được bốn sự cúng dường như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, lại không thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đó gọi là người này thân cũng không vui, tâm cũng không vui.

Những người nào thân cũng vui, tâm cũng vui? Chỉ cho các A-la-hán tạo công đức, bốn sự cúng dường không gì thiếu thốn như y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, thuốc men trị bệnh. Lại thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đó chính là Tỳ-kheo Thi-ba-la[6].

Này Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có bốn hạng người này. Cho nên Tỳ-kheo nên cầu phương tiện, như Tỳ-kheo Hộ-bà-la.

Các Tỳ-kheo hãy học những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói về bốn phước của Phạm thiên[7]. Sao gọi là bốn?

1. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nơi chưa dựng tháp[8], ở nơi đó mà xây tháp. Đó gọi là phước thứ nhất của Phạm thiên.

2. Lại nữa, thiện nam, thiện nữ nào tu sửa chùa cũ. Đó gọi là phước thứ hai của Phạm thiên.

3. Lại nữa, thiện nam, thiện nữ nào tạo sự hòa hợp Thánh chúng. Đó gọi là phước thứ ba của Phạm thiên.

---

5. La-hán Duy Dụ 羅漢唯喻; chưa rõ.

6. Thi-ba-la 尸波羅。Đồng nhất với Pāli, Sīvalī, được Phật tuyên bố là đệ nhất lợi đắc cúng dường (aggaṃ lābhīnaṃ), cf. A.i. 24.

7. Tứ phạm chi phước 四梵之福; đoạn dưới có khi nói: Phạm thiên chi phước 梵天之福, có khi nói thọ phạm chi phước 受梵之福。Có thể tương đương Pāli, brahmadeyya, tặng vật của Phạm thiên, được hiểu là tặng vật cao thượng nhất.

8. Nguyên Hán dịch: Thâu-bà 偷婆。Skt. Stūpa (Pāli: Thūpa).

4. Lại nữa, khi Như Lai[9] sắp chuyển pháp luân, chư Thiên, người đời khuyến thỉnh chuyển pháp luân. Đó gọi là phước thứ tư của Phạm thiên.

Đó gọi là bốn phước của Phạm thiên.

Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Phước của Phạm thiên rốt ráo là nhiều hay ít?

Thế Tôn bảo:

–Lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, nay Ta sẽ nói.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng.

Thế Tôn bảo:

–Cõi Diêm-phù-đề[10] từ Đông Tây, bảy ngàn do-tuần, Nam Bắc hai vạn một ngàn do-tuần, địa hình giống như chiếc xe. Ở trong đó, công đức có được của chúng sinh cũng bằng công đức của một vị Chuyển luân thánh vương.

Lại có cõi tên Cù-da-ni dọc ngang ba mươi hai vạn dặm, địa hình như nửa mặt trăng. Các Tỳ-kheo nên biết, công đức của nhân dân trong cõi Diêm-phù-đề và một Chuyển luân thánh vương so với người ở đó thì chỉ bằng phước của một người thôi.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Phất-vu-đãi dọc ngang ba mươi sáu vạn dặm, địa hình vuông vức. Nếu tính phước của hai cõi Diêm-phù-đề và Cù-da-ni thì không bằng phước của một người cõi Phất-vu-đãi này.

Tỳ-kheo nên biết, Uất-đơn-viết, dọc ngang bốn mươi vạn dặm, địa hình giống như mặt trăng tròn. Nếu tính phước của nhân dân trong ba cõi trên thì cũng không bằng phước của một người ở cõi Uất-đơn-viết.

Tỳ-kheo nên biết, nếu tính phước của nhân dân bốn thiên hạ, không bằng đức của Tứ Thiên vương. Nếu tính phước nhân dân bốn thiên hạ cùng cõi Tứ Thiên vương thì cũng không bằng phước của cõi Tam thập tam thiên. Nếu tính phước của bốn thiên hạ, Tứ Thiên vương, cùng Tam thập tam thiên, cũng không bằng phước của một vị Thích Đề-hoàn Nhân. Nếu tính phước của bốn thiên hạ, Tứ Thiên vương, Tam thập tam cùng Thích Đề-hoàn Nhân, cũng không bằng phước một Diễm thiên. Nếu tính phước bốn thiên hạ, Tứ thiên Vương, Tam thập tam,

---

9. Để bản: Nhã-đa-tát-a-yết.

10. Nguyên Hán dịch: Diêm-phù-lý-địa 閻浮里地, phiên âm Skt. Jambudvīpa (Jambudīpa).

Thích Đề-hoàn Nhân cùng Diễm thiên thì cũng không bằng phước trời Đâu-thuật. Nếu tính phước bốn thiên hạ... cho đến phước trời Đâu-thuật thì cũng không bằng phước trời Hóa tự tại. Nếu tính phước bốn thiên hạ, cho đến trời Hóa tự tại cũng chẳng bằng phước trời Tha hóa tự tại. Nếu tính phước từ bốn thiên hạ cho đến cõi trời Tha hóa tự tại cũng chẳng bằng phước đức của Phạm thiên vương.

Tỳ-kheo nên biết, phước của Phạm thiên như vậy. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu phước đó, theo đây mà suy lường. Cho nên, này Tỳ-kheo, muốn cầu phước Phạm thiên, nên tìm cầu phương tiện để thành tựu công đức này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Chúng sinh có bốn loại thức ăn nuôi lớn chúng sinh[11]. Những gì là bốn? Đó là đoàn thực, hoặc lớn hay nhỏ; xúc thực[12], niệm thực và thức thực. Đây là bốn loại thức ăn.

Sao gọi là đoàn thực? Đoàn thực là như những thức ăn của người hiện nay, vật để đưa vào miệng có thể ăn. Đó gọi là đoàn thực.

Sao gọi là xúc thực*? Xúc thực là chỉ cho y phục, lọng dù, hương hoa, sưởi lửa, dầu thơm hay sự tụ hội với phụ nữ và những thứ khác được xúc chạm[13] bởi thân thể. Đó gọi là xúc thực.

Sao gọi là niệm thực? Tất cả những niệm tưởng, những gì được niệm tưởng, được tư duy trong ý, những gì được nói bởi miệng, hoặc được xúc bởi thân, cùng những pháp được ghi nhớ. Đó gọi là niệm thực.

---

11. Xem Trường 8, kinh Chúng tập (T1n1, tr. 50c2): Bốn loại thức ăn 四種食: đoàn thực 摶食, xúc thực 觸食, niệm thực 念食, thức thực 識食。Tập Dị 8 (tr. 400b2): Tứ thực 四食者: Đoạn thực hoặc thô hoặc tế 段食或麁或細; xúc thực 觸食; ý tư thực 意思食; thức thực 識食。Pāli, D 33 Saṅgīti (R. iii. 228): Cattāro āhārā–kabaḷākāro āhāro oḷāriko vā sukhumo vā, phasso dutiyo, manosañcetanā tatiyā, viññāṇaṃ catutthaṃ.

12. Nguyên Hán dịch: Cánh lạc thực 更樂食。Được hiểu là những thứ tạo ra sự thoải mái cho xúc giác.

13. Nguyên Hán dịch: Cánh lạc 更樂。

Sao gọi là thức thực? Những gì được niệm tưởng bởi thức, được nhận biết bởi ý, từ Phạm thiên làm đầu cho đến trời Hữu tưởng, Vô tưởng, dùng thức làm thức ăn. Đó gọi là thức thực.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn loại thức ăn này. Chúng sinh do bốn loại thức ăn này mà lưu chuyển trong sinh tử, từ đời này sang đời khác. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy xả ly bốn loại thức ăn này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn loại biện tài[14]. Sao gọi là bốn? Đó là nghĩa biện, pháp biện, từ biện và ứng biện.

Sao gọi là nghĩa biện? Nghĩa biện là những điều nói ra của người này hay người kia, hoặc những điều nói ra từ trời, rồng, quỷ thần, đều có thể phân biệt ý nghĩa của chúng. Đó gọi là nghĩa biện.

Sao gọi là pháp biện? Mười hai bộ kinh mà Như Lai nói ra bao gồm: Khế kinh, Kỳ-dạ, Phúng tụng, Nhân duyên, Thọ ký, Thí dụ, Bổn sinh, Bổn sự, Tự thuyết, Phương đẳng, Hiệp tập, Vị tằng hữu, cùng các pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, các pháp ấy thật không thể biến hoại, được tổng trì. Đó gọi là pháp biện.

Sao gọi là từ biện[15]? Như ở trước chúng sinh, lời nói dài hay

---

14. Tứ biện 四 辯。Xem trên, kinh số 9 phẩm 26: Bốn Biện tài. Cf. Câu-xá 27 (T29n1558, tr. 142a22): bốn Vô ngại giải (Skt. Catasra# pratisaṃvida#), 1. Pháp vô ngại giải 法 無 礙 解 (dharma-pratisaṃvid); 2. Nghĩa vô ngại giải 義 無 礙 解 (artha-p.); 3. Từ vô ngại giải 詞 無 礙 解 (nirukti-p.); 4. Biện vô ngại giải 辯 無 礙 解 (pratibhāna-p.).

15. Từ biện: Từ nguyên luận hay ngữ pháp luận. Cf. Pāli, Vin. ii. 139: có hai Tỳ-kheo, Yameḷu và Tekula, chê nhiều Tỳ-kheo thuộc giai cấp thấp, đọc sai lời Phật về mặt ngữ pháp (te sakāya niruttiyā buddha-vacanaṃ dūsenti), họ không phân biệt đọc âm dài, âm ngắn, giống đực, giống cái, nên muốn chuẩn hóa lời Phật theo đúng ngữ pháp cho các Tỳ-kheo. Nhưng Phật không cho phép.

ngắn[16], lời nói nam hay nữ[17], lời Phật, lời Phạm chí, Thiên long, Quỷ thần; những lời được nói bởi A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la nói cho họ[18]; tùy theo căn nguyên của họ mà vì họ thuyết pháp. Đó gọi là từ biện.

Sao gọi là ứng biện? Trong lúc thuyết pháp không có khiếp nhược, không có sợ hãi, hay khiến cho chúng bốn bộ hòa vui. Đó gọi là ứng biện.

Nay Ta sẽ bảo các ông, phải như ông Ma-ha Câu-hy-la[19]. Vì sao? Vì Câu-hy-la có đủ bốn biện tài này, hay vì bốn bộ chúng mà rộng phân biệt giảng nói. Như hôm nay, Ta thấy trong các chúng, được bốn biện tài không có ai hơn được Câu-hy-la, như Như Lai có được bốn biện tài này. Này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tự bốn biện tài này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn sự trọn không thể nghĩ bàn. Sao gọi là bốn?

1. Chúng sinh không thể nghĩ bàn.

2. Thế giới không thể nghĩ bàn.

3. Quốc độ của loài rồng không thể nghĩ bàn.

4. Cảnh giới Phật không thể nghĩ bàn.[20] Vì sao? Vì không do nơi

---

16. Hán: Trường đoản chi ngữ 長短之語; các từ ngữ có âm dài, âm ngắn.

17. Nam ngữ, nữ nữ 男語女語: Danh từ giống đực, giống cái.

18. Chỉ ngữ pháp khác nhau giữa các chủng loại, các địa phương, và giai cấp.

19. Ma-ha Câu-hy-la 摩訶拘絺羅。Pāli: Mahā-Koṭṭhika, được Phật khen là đệ nhất vô ngại giải (paṭisambhidāpattānaṃ, A.i. 24). Xem trên, kinh số 3 phẩm 4.

20. Cf. A IV 77 Acinteyyasutta (R. ii. 80), bốn điều không thể nghĩ bàn (acinteyyāni):

1. Cảnh giới Phật của chư Phật (Buddhānaṃ buddhavisayo).

2. Cảnh giới thiền của những người tu thiền (Jhāyissa jhānavisayo).

3. Dị thục của nghiệp (Kammavipāko).

4. Tư duy về thế giới (Lokacintā).

này đưa đến tận diệt Niết-bàn.

Vì sao chúng sinh không thể nghĩ bàn? Các chúng sinh này từ đâu đến? Đi về đâu? Lại từ đâu sinh khởi? Chết ở đây đây sẽ sinh về đâu? Chúng sinh không thể nghĩ bàn là như vậy.

Vì sao thế giới không thể nghĩ bàn? Những người có tà kiến hoặc cho rằng thế giới đoạn diệt, thế giới chẳng đoạn diệt; thế giới hữu biên, thế giới vô biên; mạng tức là thân, mạng chẳng phải là thân; thế giới này do Phạm thiên tạo ra, hay các đại quỷ thần tạo ra?

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Phạm thiên tạo nhân dân
Quỷ thần tạo thế gian
Hay thế gian tạo ra quỷ
Lời này ai sẽ định?
Bị dục sân trói buộc
Cả ba đều đồng đẳng
Tâm không được tự tại
Thế tục có tai biến.

Này Tỳ-kheo, thế gian không thể nghĩ bàn là như vậy.

Vì sao cảnh giới rồng không thể nghĩ bàn? Mưa này là từ miệng rồng phun ra hay sao? Vì sao? Vì những hạt nước mưa chẳng phải từ miệng rồng phun ra vậy. Vậy thì từ mắt, tai, mũi của rồng mà ra chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì hạt nước mưa không phải là từ mắt, tai, mũi của rồng phun ra mà chỉ là những gì được niệm tưởng trong ý rồng. Nếu niệm ác, cũng mưa; hay niệm thiện, cũng mưa. Do bản hành mà tạo mưa này. Sở dĩ như vậy, nay trong bụng núi Tu-di lại có trời tên là Đại Lực, biết được những ý nghĩ của tâm chúng sinh, cũng có thể tạo mưa. Nhưng mưa không ra từ miệng trời kia, hay ra từ mắt, tai, mũi mà đều do trời kia có thần lực nên có thể làm mưa. Cũng vậy, Tỳ-kheo, cảnh giới rồng không thể nghĩ bàn.

Vì sao cảnh giới Phật quốc không thể nghĩ bàn? Thân Như Lai là do cha mẹ tạo ra chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì thân Như Lai hấp thụ các khí trời, thanh tịnh không cấu uế. Là do người tạo ra chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì vượt qua hành động con người. Thân Như Lai là thân trời[21] chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì thân Như Lai không thể tạo tác, chẳng phải chỗ chư Thiên với tới. Thọ mạng Như Lai là ngắn chăng? Điều

---

21. Để bản: Đại thân 大身。

này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì Như Lai có bốn Thần túc. Như Lai là trường thọ chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì Như Lai xoay vần cùng khắp thế gian, cùng tương ưng với các phương tiện thiện xảo, nên thân của Như Lai không thể suy lường, không thể nói cao nói thấp, âm thanh cũng không thể định chuẩn Phạm âm Như Lai. Trí tuệ biện tài của Như Lai không thể nghĩ bàn, chẳng phải là chỗ nhân dân sánh bằng. Cảnh giới của Phật không thể nghĩ bàn như vậy.

Như vậy, Tỳ-kheo, có bốn trường hợp này không thể nghĩ bàn, chẳng phải là chỗ người thường nghĩ bàn. Nhưng bốn sự này không có gốc rễ thiện, cũng chẳng do đây mà được tu phạm hạnh, không đưa đến được chốn nghỉ ngơi[22], cho đến không đạt đến chỗ Niết-bàn. Chỉ khiến người tâm cuồng mê, ý thác loạn, khởi các nghi kết. Vì sao?

Các Tỳ-kheo nên biết, thuở quá khứ lâu xa, trong thành Xá-vệ này có một người bình thường suy nghĩ như vầy: "Nay ta phải tư duy về thế giới." Rồi người kia ra khỏi thành Xá-vệ, ở cạnh một hồ sen, ngồi kiết già tư duy về thế giới: "Thế giới này thành thế nào? Hoại thế nào? Ai tạo thế giới này? Chúng sinh này từ đâu đến? Từ đâu xuất hiện? Sinh lúc nào?' Khi người kia đang trầm tư, ngay lúc đó thấy trong ao nước có bốn binh chủng ra vào, nó tự nghĩ: "Nay ta tâm cuồng mê, ý thác loạn, thế gian là không mà nay ta thấy nó." Người kia bèn trở vào thành Xá-vệ, ở trong một ngõ tắt nói rằng: "Các Hiền giả nên biết, thế giới là không mà nay tôi thấy nó."

Bấy giờ số đông người hỏi người kia: "Thế giới là không, nay ông thấy nó, là thế nào?" Người kia trả lời mọi người: "Vừa qua, để tư duy rằng thế giới sinh từ đâu, tôi ra khỏi thành Xá-vệ, ở bên ao sen, trầm tư rằng thế giới từ đâu đến? Ai tạo ra thế giới này? Các loài chúng sinh này từ đâu đến? Do ai đã sinh ra? Khi mệnh chung, sẽ sinh về chỗ nào? Lúc tôi đang suy nghĩ, ngay lúc đó tôi thấy trong ao nước có bốn binh chủng ra vào. Thế giới là không mà nay ta thấy nó."

Khi ấy, mọi người bảo người kia: "Như ông thì thật cuồng ngu. Trong ao nước nào có được bốn binh chủng. Những người cuồng mê trong thế gian, ông là tối thượng."

Cho nên, này các Tỳ-kheo, Ta đã từng quán sát nghĩa này rồi cho nên bảo các ông vậy. Vì sao? Vì đây chẳng là công đức của gốc thiện, không khiến tu phạm hạnh được, cũng lại dẫn đến được Niết-

---

[22]. Hưu tức xứ 休息處, đoạn sau, Hán dịch là phục tức 休息 (xem kinh số 9 phẩm 31); cũng dịch là tô tức xứ tô tức 蘇息, sự phục hồi hơi thở bình thường; chỉ trạng thái an ổn của A-la-hán. Pāli: Assānīya-dhamma.

bàn xứ. Nhưng suy gẫm điều này, thời khiến con người tâm cuồng, ý thác loạn. Song, các Tỳ-kheo nên biết, người kia thật đã thấy bốn binh chủng. Vì sao? Vì xưa kia chư Thiên và A-tu-la đánh nhau. Lúc đang đánh nhau, chư Thiên đắc thắng, A-tu-la thua trận. Khi ấy A-tu-la cảm thấy lo sợ, nên hóa thân cực nhỏ chui vào lỗ ngó sen, mắt Phật mới thấy được, ngoài ra chẳng có ai khác thấy đến.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tư duy về bốn Đế. Vì sao? Vì bốn Đế này có nghĩa, có lý, khiến tu phạm hạnh được, hành pháp Sa-môn, đến được Niết-bàn. Vì vậy, các Tỳ-kheo, hãy xả ly các pháp của thế gian này, nên tìm cầu phương tiện tư duy bốn Đế.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy,

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn thứ thần túc[23]. Sao gọi là bốn? Đó là:

1. Tự tại Tam-muội hành tận thần túc.

2. Tâm Tam-muội hành tận thần túc.

3. Tinh tấn Tam-muội hành tận thần túc.

4. Giới Tam-muội hạnh tận thần túc.

Sao gọi là Tự tại Tam-muội hành tận thần túc[24]? Nghĩa là những ai có Tam-muội mà tự tại đối với những gì ý muốn, tâm ưa thích, khiến thân thể nhẹ nhàng, có thể ẩn thân cực nhỏ. Đó gọi là Thần túc thứ nhất.

Sao gọi là Tâm Tam-muội hành tận thần túc[25]? Nghĩa là tâm biết

---

23. Bốn thần túc 四神足。Cf. Trường 8 (T1n1, tr. 50c17): Tư duy dục định diệt hành thành tựu 思惟欲定滅行成就; tinh tấn định 精進定; ý định 意定; tư duy định 思惟定。Pháp uẩn 4 (T26n1537, tr. 471c13).

24. Tự tại Tam-muội hành tận thần túc 自在三昧行盡神足。Pháp Uẩn, ibid.: Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 欲三摩地勝行成就神足。Pāli, D 33 Saṅgīti (R. iii. 221): Chandasamādhipadhāna.

25. Tâm Tam-muội hành tận thần túc 心三昧行盡神足。Pháp Uẩn, ibid.: Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 心三摩地勝行成就神足。Pāli, ibid.,

pháp phổ biến khắp mười phương, vách đá đều vượt qua không gì trở ngại. Đó gọi là Tâm Tam-muội hành tận thần túc.

Sao gọi là Tinh tấn Tam-muội hành tận thần túc[26]? Nghĩa là Tam-muội này không có lười mỏi, cũng không sợ hãi, có ý dũng mãnh. Đó gọi là Tinh tấn Tam-muội hành tận thần túc.

Sao gọi là Giới Tam-muội hành tận thần túc[27]? Những ai có Tam-muội này biết những ý nghĩ trong tâm chúng sinh, lúc sinh lúc diệt, thảy đều biết cả; có tâm dục hay không có tâm dục, có tâm sân nhuế hay không có tâm sân nhuế, có tâm ngu si hay không có tâm ngu si, có tâm ganh ghét hay không có tâm ganh ghét, có tâm loạn hay không tâm loạn, có tâm hẹp hòi hay không có tâm hẹp hòi, có tâm rộng lớn hay không có tâm rộng lớn, có tâm hạn lượng hay không tâm hạn lượng, có tâm định hay không tâm định, có tâm giải thoát hay không tâm giải thoát, tất cả đều biết rõ. Đó gọi là Giới Tam-muội hạnh tận thần túc.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, có bốn loại thần túc, nếu muốn biết những ý nghĩ trong tâm của tất cả chúng sinh, hãy tu hành bốn Thần túc này.

Các Tỳ-kheo hãy học những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn pháp sinh khởi ái[28]. Khi Tỳ-kheo sinh khởi ái, nó liền khởi. Sao gọi là bốn?

1. Tỳ-kheo do duyên y phục nên có ái sinh khởi.

Cittasamādhipadhānasaṅkhārasamannā-gataṃ iddhi-pādaṃ bhāveti.

26. Tinh tấn Tam-muội hành tận thần túc 精進三昧行盡神足。Pháp Uẩn, ibid.: Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 勤三摩地勝行成就神足。Pāli, ibid., 3. Vīriyasamādhi-padhānasaṅkhārasamannāgataṃ iddhipādaṃ bhāveti.

27. Giới Tam-muội hành tận thần túc 誡三昧行盡神足。Pháp Uẩn, ibid.: Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 觀三摩地勝行成就神足。Pāli, ibid., Vīmaṃsāsamādhipadhāna-saṅkhārasamannāgataṃ iddhipādaṃ bhāveti.

28. Bốn pháp ái khởi 四起愛之法。Cf. Pāli, A IV Taṇhuppādasutta (R. ii. 10).

2. Do khất thực nên có ái sinh khởi.

3. Do chỗ nằm ngồi nên có ái sinh khởi.

4. Do thuốc men nên có ái sinh khởi.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp này sinh khởi ái, có chỗ nhiễm đắm.

Nếu trong đây có Tỳ-kheo nào đắm trước y phục, Ta không nói người này. Vì sao? Vì khi chưa được y, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

Ở đó có Tỳ-kheo nào đắm trước thức ăn, Ta cũng không nói người này. Vì sao? Vì khi chưa khất thực được, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

Ở đó có Tỳ-kheo nào đắm trước chỗ nằm ngồi, Ta cũng không nói người này. Vì sao? Vì khi chưa được giường chiếu, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

Ở đó có Tỳ-kheo nào đắm trước thuốc men, Ta cũng không người này. Vì sao? Vì khi chưa được thuốc men, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

Tỳ-kheo nên biết, nay Ta sẽ nói hai việc về y phục: Đáng thân cận và không nên thân cận.

Sao gọi là đáng thân cận? Sao gọi là không nên thân? Nếu khi được y phục, vì quá ái trước y phục nên khởi pháp bất thiện; đây không nên thân cận. Nếu khi được y phục mà khởi thiện pháp, tâm không ái trước; đây nên thân cận. Nếu khi khất thực mà khởi pháp bất thiện; đây không nên thân cận. Nếu lúc khất thực khởi pháp thiện; đây nên thân cận. Nếu được giường nằm, chỗ ngồi, mà khởi pháp bất thiện; đây không nên thân cận. Nếu được giường nằm, chỗ ngồi, mà khởi pháp thiện; đây cũng nên thân cận. Đối với thuốc men cũng như vậy. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên thân cận pháp thiện, trừ bỏ pháp ác.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy, để cho muốn khiến đàn-việt thí chủ kia được công đức, hưởng phước vô cùng, được cam lồ tịch diệt.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Y phục để bố thí
Thức ăn, chỗ nằm ngồi
Trong đó chớ khởi ái
Chẳng sinh các thế giới.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay có bốn con sông lớn nước từ suối A-nậu-đạt chảy ra[29]. Những gì là bốn? Đó là:

Hằng-già[30], Tân-đầu[31], Bà-xoa[32] và Tư-đà[33].

Nước Hằng-già kia phát nguyên từ cửa khẩu Ngưu đầu[34], chảy về hướng Đông.

Sông Tân-đầu phát nguyên từ cửa khẩu Sư tử[35], chảy về hướng Nam.

Sông Tư-đà phát nguyên từ cửa Tượng khẩu[36], chảy về hướng Tây.

Sông Bà-xoa phát nguyên từ cửa Mã khẩu[37], chảy về hướng Bắc.

Bấy giờ nước của bốn con sông lớn sau khi chảy quanh suối A-nậu-đạt, rồi sông Hằng-già chảy vào biển Đông, sông Tần-đầu chảy vào biển Nam, sông Bà-xoa chảy vào biển Tây, sông Tư-đà chảy vào biển Bắc. Sau khi bốn con sông lớn này chảy vào biển rồi, không còn tên gọi trước nữa mà chỉ gọi chung là biển.

Ở đây cũng vậy, có bốn chủng tánh. Bốn chủng tánh ấy là gì? Đó là Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả và Cư sĩ. Ở chỗ Như Lai, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thì không còn dòng họ cũ nữa mà chỉ gọi là Sa-môn đệ tử Thích-ca. Vì sao? Vì chúng Như Lai cũng như biển lớn, bốn Đế cũng như bốn sông lớn, diệt trừ kết sử khiến vào thành Niết-bàn vô úy. Cho nên, này các Tỳ-kheo, những ai trong bốn chủng tộc, cạo bỏ râu tóc, với lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, họ sẽ

---

29. Xem Trường 18, kinh Thế Ký, phẩm Diêm-phù-đề.

30. Hằng-già 恒伽。Skt. Gaṅgā.

31. Tân-đầu 新頭。Skt. Shintu (Pāli: Shindu).

32. Bà-xoa 婆叉。Skt. Vakwu.

33. Tư-đà 私陀。Skt. Sitā.

34. Ngưu đầu khẩu 牛頭口。Pāli: Usabhamukha.

35. Sư tử khẩu 師子口。Pāli: Sīhamukha.

36. Tượng khẩu 象口。Pāli: Hatthimukha.

37. Mã khẩu 馬口。Pāli: Asamukha.

diệt tên họ trước kia, tự gọi là đệ tử Thích-ca. Vì sao? Vì nay Ta chính là con của họ Thích-ca, từ dòng họ Thích xuất gia, học đạo.

Các Tỳ-kheo nên biết, muốn nói về ý nghĩa của con đẻ, phải gọi là Sa-môn con nhà họ Thích. Vì sao? Vì sinh đều từ Ta sinh ra, từ pháp mà khởi, từ pháp mà thành. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện để được làm con nhà họ Thích.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn loại tâm. Sao gọi là bốn? Đó là Từ, Bi, Hỷ, Xả[38]. Vì sao được gọi là Phạm đường[39]?

Các Tỳ-kheo nên biết, có Phạm, Đại phạm tên là Thiên[40], không ai ngang bằng, không có ai trên hơn, thống lãnh ngàn quốc giới, cung điện nơi đây gọi là Phạm đường.

Tỳ-kheo, thế lực mà bốn Phạm đường này có được, là có thể quan sát hàng ngàn quốc giới này, cho nên được gọi là Phạm đường. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào muốn vượt qua các trời Dục giới mà lên địa vị vô dục, bốn bộ chúng kia nên tìm cầu phương tiện thành tựu bốn Phạm đường này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

38. Để bản: Hộ.

39. Phạm đường 梵堂。Thường nói là Phạm trú. Pāli: Brahmavihāra.

40. Thiên 千。Pāli: Sahampati (Skt. Sahāmpati), Chúa của thế giới Saha (Skt. Sahā-loka: Thế giới Ta-bà hay Sa-bà); cũng thường gọi là thế giới chủ, ở đây, Hán dịch hiểu Sahā (Skt.) là sahazra (Pāli: Sahasa): Số một ngàn.

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 22

Phẩm 30: TU-ĐÀ

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong núi Ba-sa[1] nước Ma-kiệt cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn ra ngoài tịnh thất kinh hành. Lúc đó, Sa-di Tu-đà kinh hành theo sau Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn quay lại hỏi Sa-di:

–Nay Ta muốn hỏi nghĩa ông. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

Sa-di Tu-đà đáp:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

–Có sắc thường và sắc vô thường, chúng là một nghĩa hay là nhiều nghĩa?

Sa-di Tu-đà bạch Phật:

–Có sắc thường và sắc vô thường, nghĩa này nhiều, chẳng phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì sắc thường ở trong và sắc vô thường ở ngoài, vì vậy cho nên nghĩa chúng có nhiều, chẳng phải là một.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Tu-đà, như những lời ông đã khéo nói nghĩa này. Sắc thường, sắc vô thường, nghĩa này nhiều, không phải một nghĩa. Thế nào, Tu-đà, nghĩa hữu lậu, nghĩa vô lậu, là một nghĩa hay nhiều nghĩa?

Sa-di Tu-đà thưa:

–Nghĩa hữu lậu, nghĩa vô lậu, là nhiều, không phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì nghĩa hữu lậu là kết sử sinh tử, nghĩa vô lậu là pháp

---

[1] Ba-sa sơn 波沙山.

Niết-bàn. Vì vậy cho nên nghĩa có nhiều, không phải một nghĩa.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Tu-đà, như những gì ông đã nói. Hữu lậu là sinh tử, vô lậu là Niết-bàn.

Thế Tôn lại hỏi:

–Pháp tụ, pháp tán, là một nghĩa hay là nhiều nghĩa?

Sa-di Tu-đà bạch Phật rằng:

–Sắc của pháp tụ, sắc của pháp tán, nghĩa này là nhiều, không phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì sắc của pháp tụ là thân tứ đại; sắc của pháp tán là khổ tận đế. Vì vậy nên nói nghĩa có nhiều, không phải một nghĩa.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Tu-đà, như những gì ông đã nói. Sắc của pháp tụ, sắc của pháp tán có nhiều nghĩa, không phải một nghĩa.

Thế nào, Tu-đà, nghĩa thọ[2], nghĩa ấm là một nghĩa hay có nhiều nghĩa?

Sa-di Tu-đà bạch Phật rằng:

–Nghĩa của thọ cùng ấm có nhiều, không phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì thọ thì vô hình không thể thấy; ấm thì có sắc có thể thấy. Vì vậy cho nên có nhiều nghĩa, không phải một nghĩa.

Thế Tôn bảo rằng:

–Lành thay, lành thay! Tu-đà, như những gì ông đã nói. Nghĩa của thọ, của ấm; có nhiều nghĩa, chẳng phải một.

Thế Tôn lại hỏi:

–Có tự, không có tự[3], có nhiều nghĩa không phải một nghĩa.

Sa-di bạch Phật:

–Hữu tự, vô tự có nhiều nghĩa, chẳng phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì có tự là kết sinh tử, không có tự là Niết-bàn. Cho nên nói có nhiều nghĩa, chẳng phải một nghĩa.

Thế Tôn bảo rằng:

–Lành thay, lành thay! Tu-đà, như những gì ông đã nói. Có tự là sinh tử, không có tự là Niết-bàn.

Thế Tôn lại hỏi:

–Thế nào, Tu-đà, vì sao nói có tự là sinh tử, không có tự là Niết-

---

2. Thọ, tức thủ hay chấp thủ. Pāli: Upādāna.

3. Hữu tự, vô tự 有字無字; chưa rõ.

bàn?

Sa-di bạch Phật:

–Có tự thì có sinh có tử, có chung có thỉ. Không có tự thì không sinh không tử, không chung, không thỉ.

Thế Tôn bảo rằng:

–Lành thay, lành thay! Tu-đà, như những gì ông đã nói. Có tự là pháp sinh tử; không có tự là pháp Niết-bàn.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Sa-di tiếp:

–Ông khéo nói những lời này. Nay Ta cho phép ông làm đại Tỳ-kheo[4].

Bấy giờ, Thế Tôn trở về giảng đường Phổ tập* bảo các Tỳ-kheo:

–Đất nước Ma-kiệt rất được thiện lợi, nên khiến Sa-di Tu-đà đến đất nước này. Ai đem y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh cúng dường cũng sẽ được thiện lợi. Cha mẹ sinh ra ông cũng được thiện lợi, vì đã sinh ra Tỳ-kheo Tu-đà này. Nếu Tỳ-kheo Tu-đà sinh vào gia đình nào, gia đình đó được đại hạnh này. Nay Ta bảo các Tỳ-kheo, hãy học như Tỳ-kheo Tu-đà. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Tu-đà này rất là thông minh, thuyết pháp thông suốt, cũng không khiếp nhược. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học như Tỳ-kheo Tu-đà. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại vườn trúc Ca-la-đà, tại thành La-duyệt cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Thế Tôn nói pháp cho vô số chúng vây quanh trước sau. Khi ấy có một trưởng lão Tỳ-kheo ở trong chúng này duỗi chân về phía Thế Tôn mà ngủ. Sa-di Tu-ma-na bấy giờ mới lên tám, ngồi kết già,

---

4. Cf. Câu-xá 14 (T29n1558, tr. 74c1): Tô-đà-di 蘇陀夷, đắc giới Cụ túc do khéo trả lời. Câu-xá luận ký 14 (T41n1821, tr. 222b25), và Câu-xá luận sớ 14 (T41n1822, tr. 643c23) đều nói, Sa-di Tô-đà-di mới bảy tuổi đắc giới Cụ túc, do khéo trả lời. Phật hỏi Tô-đà-di: "Nhà ngươi ở đâu?" Tô-đà-di đáp: "Ba cõi không nhà." Skt. Sodāyin (Koza-bhāwya). Không tìm thấy đồng nhất trong văn hệ Pāli.

chú niệm trước mắt, cách Thế Tôn không xa. Bấy giờ Thế Tôn đưa mắt nhìn trưởng lão Tỳ-kheo đang duỗi chân mà ngủ; lại nhìn Sa-di ngồi thẳng tư duy. Thế Tôn sau khi thấy vậy, liền nói kệ này:

Được gọi là trưởng lão
Chưa hẳn do râu tóc
Tuổi tác dù đã lớn
Không khỏi làm việc ngu.
Ai có pháp kiến đế
Không gây hại sinh linh
Xả các hành ô uế
Đó gọi là trưởng lão.
Nay Ta gọi trưởng lão
Không vì xuất gia trước
Ai có nghiệp gốc thiện
Phân biệt nơi chánh hành;
Dù tuổi trẻ ấu niên
Các căn không thủng, sứt
Đó mới gọi trưởng lão
Phân biệt hành chánh pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông có thấy trưởng lão duỗi chân mà ngủ không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thật vậy, bạch Thế Tôn, chúng con đều thấy.

Thế Tôn bảo:

–Trưởng lão Tỳ-kheo này trong vòng năm trăm năm thường làm thân rồng. Nay mà mạng chung cũng sẽ sinh vào trong loài rồng. Sở dĩ như vậy là vì không có lòng cung kính đối với Phật, Pháp và Thánh chúng, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh vào loài rồng. Các ngươi có thấy Sa-di Tu-ma-na tuổi vừa lên tám, ngồi thẳng tư duy, cách Ta không xa không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thật vậy, bạch Thế Tôn.

Lúc này, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Sa-di này, ngay sau đây bảy ngày sẽ đạt được bốn Thần túc, cùng đắc pháp bốn Đế, được tự tại trong bốn Thiền, khéo tu bốn ý đoạn. Sở dĩ như vậy là vì Sa-di Tu-ma-na này có lòng cung kính đối với Phật, Pháp và Thánh chúng.

Vì vậy cho nên, các Tỳ-kheo hãy luôn luôn siêng năng cung kính Phật, Pháp và Thánh chúng. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn cùng với một ngàn chúng hai trăm năm mươi đại Tỳ-kheo cu hội. Bấy giờ, có trưởng giả tên A-na-bân-để* lắm tiền nhiều của, vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly, voi ngựa, trâu dê, nô tỳ, tôi tớ không thể kể hết. Lúc ấy trong thành Mãn phú[5] có trưởng giả tên Mãn Tài[6] cũng lắm tiền nhiều của, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly, voi ngựa, trâu dê, nô tỳ, tôi tớ không thể điếm hết. Thuở nhỏ ông là bạn cũ tốt của A-na-bân-để, cùng thương kính, chưa từng quên nhau. Trưởng giả A-na-bân-để thường xuyên có mấy ngàn vạn hàng hóa trân quý để mua bán trong thành Mãn phú kia, nhờ Trưởng giả Mãn Tài quản lý, kinh doanh. Trưởng giả Mãn Tài cũng có mấy ngàn vạn hàng hóa trân quý để mua bán tại trong thành Xá-vệ, nhờ Trưởng giả A-na-bân-để quản lý, kinh doanh.

Bấy giờ, A-na-bân-để có người con gái tên là Tu-ma-đề[7], nhan sắc xinh đẹp như màu hoa đào, hiếm có trên đời. Trưởng giả Mãn Tài có một ít việc đến thành Xá-vệ, đến nhà Trưởng giả A-na-bân-để. Đến nơi, ông ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Khi ấy cô gái Tu-ma-đề từ trong phòng riêng ra. Trước tiên, cô quỳ lạy cha mẹ, sau quỳ lạy Trưởng giả Mãn Tài, rồi về phòng riêng lại.

Trưởng giả Mãn Tài sau khi thấy con gái Tu-ma-đề nhan sắc xinh đẹp, như màu hoa đào hiếm có trên đời, bèn hỏi Trưởng giả A-na-bân-

---

5. Mãn phú 滿富, xem cht. dưới.

6. Mãn Tài 滿財. No 130: Trưởng giả Mô-thi-la 謨尸羅, thành Phước tăng 福增. No 129 nói ông này là quốc vương của Nan quốc 難國王, tên là Phân-pha-đàn 分陂檀。Cf. Dvy. 402, tên thành phố này là Puṇḍavardhana, mà No 130 đọc là Puṇyavardhana.

7. Tu-ma-đề 修摩提。 No 130: Thiện Vô Độc 善無毒。No 129: Tam-ma-kiệt 三摩竭。Dvy. 402, cô này tên là Sumāgadhā. Pāli: Cūḷa-Subhaddhā.

để:

–Đây là con gái nhà ai?

A-na-bân-để đáp:

–Cô gái vừa rồi là con đẻ của tôi.

Trưởng giả Mãn Tài nói:

–Tôi có đứa con trai nhỏ chưa có hôn ước. Có thể làm dâu nhà tôi được không?

Trưởng giả A-na-bân-để liền đáp:

–Việc này không nên.

Trưởng giả Mãn Tài nói:

–Vì những gì, mà việc này không nên? Vì dòng họ hay vì của cải?

Trưởng giả A-na-bân-để đáp:

–Dòng họ, của cải đều tương xứng. Nhưng việc ông thờ phụng thần linh không giống với tôi. Con gái tôi thờ Phật, đệ tử Thích-ca. Còn các ông thờ dị học ngoại đạo. Vì vậy cho nên không theo ý ông được.

Trưởng giả Mãn Tài nói:

–Việc thờ phụng của chúng tôi, chúng tôi sẽ tế tự riêng. Việc thờ ai của con gái ngài, cô ấy sẽ tự cúng dường riêng.

Trưởng giả A-na-bân-để đáp:

–Con gái tôi nếu phải gả cho nhà ông, tài bảo bỏ ra không thể kể xiết. Trưởng giả phải bỏ ra tài bảo không thể kể hết.

Trưởng giả Mãn Tài nói:

–Nay ông đòi bao nhiêu tài bảo?

Trưởng giả A-na-bân-để đáp:

–Nay tôi cần sáu vạn lượng vàng.

Trưởng giả Mãn Tài liền trao ngay cho sáu vạn lượng vàng. Trưởng giả A-na-bân-để lại tự nghĩ: "Ta đã tìm cách từ khước trước, nhưng vẫn không thể ngăn cản được." Ông nói với trưởng giả kia rằng:

–Nếu tôi gả con gái, tôi phải đi hỏi Phật. Nếu Thế Tôn có dạy bảo điều gì, tôi sẽ làm theo.

Bấy giờ, Trưởng giả A-na-bân-để lấy cớ có công việc cần đi một lát. Ông ra khỏi cửa, đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đảnh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ Trưởng giả A-na-bân-để bạch Thế Tôn:[8]

---

[8]. Truyền thuyết Pāli. Sớ giải Dhp. iii. 465, nói ông là phú hộ Ugga ở thị trấn Ugganagara. Sớ giải A. IV 24 Kāḷakārāmasutta, sớ giải nói, ông này là Kāḷaka ở

–Con gái Tu-ma-đề của con được Trưởng giả Mãn Tài trong thành Mãn phú cầu hôn. Con có nên gả hay không nên gả?

Thế Tôn bảo:

–Nếu con gái Tu-ma-đề về nước kia, sẽ mang lại nhiều lợi ích, độ thoát nhân dân không thể kể hết.

Bấy giờ, Trưởng giả A-na-bân-để tự nghĩ: "Thế Tôn đã dùng trí phương tiện bảo nên gả sang nước kia." Rồi ông đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng và cáo lui. Về đến nhà, ông sai bày biện các loại đồ ăn thức uống ngon ngọt thiết đãi Trưởng giả Mãn Tài.

Trưởng giả Mãn Tài nói:

–Tôi đâu cần sự ăn uống này. Nhưng ông có gả con gái cho con tôi?

Trưởng giả A-na-bân-để nói:

–Đã muốn vậy, tôi thuận theo ý ông. Mười lăm ngày sau bảo con trai ông đến đây.

Nói những lời như vậy xong, cáo lui từ giã.

Bấy giờ, Trưởng giả Mãn Tài sửa soạn đầy đủ những vật cần thiết, đi xe bảo vũ đến trong khoảng tám mươi do-diên. Trưởng giả A-na-bân-để lại trang điểm cho con gái mình, tắm gội xông hương, đi xe bảo vũ đưa con gái đi đón con trai Trưởng giả Mãn Tài. Giữa đường gặp nhau. Khi Trưởng giả Mãn Tài nhận được cô gái, liền đưa về trong thành Mãn phú.

Bấy giờ, nhân dân trong thành Mãn phú có ra hạn chế: "Trong thành này, nếu có người nữ nào đem gả cho người nước khác thì sẽ chịu hình phạt nặng. Nếu lại đến nước khác hỏi vợ đem vào nước thì cũng chịu hình phạt nặng." Trong nước ấy có sáu ngàn Phạm chí. Người trong nước đều tuân theo hạn chế này. Có điều lệ: "Nếu ai phạm luật thì phải đãi cơm cho sáu ngàn Phạm chí.

Bấy giờ, Trưởng giả Mãn Tài tự biết mình đã phạm luật, nên đãi cơm cho sáu ngàn Phạm chí. Song món ăn của các Phạm chí đều dùng thịt heo, canh thịt heo và rượu được chưng lại. Y phục của các Phạm chí thì hoặc bằng dạ trắng, hoặc bằng lông thú. Nhưng theo pháp của các Phạm chí, khi vào nước thì phải lấy y vắt lên vai phải, để lộ nửa thân.

Bấy giờ, trưởng giả bạch:

–Đã đến giờ, cơm nước đã đủ.

Sāketa.

Khi ấy, sáu ngàn Phạm chí đều vắt xiêm y một bên, để lộ nửa thân, vào nhà trưởng giả. Trưởng giả thấy các Phạm chí đến, ông bò trên đầu gối đến trước đón và làm lễ cung kính. Phạm chí lớn nhất đưa tay khen tốt, ôm cổ trưởng giả, rồi đến chỗ ngồi. Các Phạm chí khác tùy theo thứ lớp mà ngồi.

Sau khi sáu ngàn Phạm chí đã định chỗ ngồi xong, Trưởng giả bảo cô Tu-ma-đề rằng:

–Con hãy sửa soạn ra làm lễ thầy chúng ta.

Cô Tu-ma-đề thưa:

–Thôi, thôi, đại gia! Con không thể làm lễ những vị khỏa thân được.

Trưởng giả nói:

–Đây không phải là những vị khỏa thân, không biết xấu hổ. Nhưng những y phục mặc này là pháp phục của họ.

Cô Tu-ma-đề thưa:

–Đây là những người không biết hổ thẹn, tất cả đều để lộ thân hình ra bên ngoài. Có dùng pháp phục gì đâu. Xin trưởng giả nghe con. Thế Tôn cũng nói có hai nhân duyên của sự mà người đời quý là có tàm, có quý. Nếu không có hai sự này, năm thân: Cha, mẹ, anh, em, dòng họ, thảy đều không phân biệt người trên, kẻ dưới. Nếu như vậy cũng đồng như các loài gà, chó, heo, dê, lừa, la, đều không có tôn ti. Do có hai pháp này ở thế gian nên biết có tôn ti trật tự. Nhưng những người này bỏ hai pháp này, giống như cùng loại với gà, chó, heo, dê, lừa, ngựa. Thật tình không thể làm lễ họ được.

Chồng Tu-ma-đề bảo vợ:

–Nay cô hãy đứng lên làm lễ thầy chúng ta. Những vị này đều là trời mà tôi phụng sự.

Cô Tu-ma-đề đáp:

–Hãy thôi đi công tử. Tôi không thể làm lễ những người lõa hình không biết hổ thẹn này. Nay tôi là người làm lễ lừa, chó sao!

Người lại chồng nói:

–Thôi, thôi, quý nữ, chớ nói vậy. Hãy giữ miệng cô, chớ có xúc phạm. Họ cũng chẳng phải lừa, lại chẳng phải dối gạt, nhưng những thứ họ đang mặc chính là pháp y.

Bấy giờ, cô Tu-ma-đề rơi lệ khóc lóc, nhan sắc biến đổi và nói như vầy:

–Cha mẹ năm thân của tôi thà chịu hủy hoại thân hình, phân thây

năm đoạn[9] mà chết, nhất định không rơi vào tà kiến này.

Lúc đó, sáu ngàn Phạm chí, đồng lớn tiếng nói:

–Thôi, thôi, trưởng giả! Có gì khiến con tiện tỳ này mắng chửi như vậy? Nếu có thỉnh mời, đúng giờ hãy bày biện đồ ăn thức uống ra đi!

Trưởng giả cùng chồng Tu-ma-đề bấy giờ bày biện thịt heo, canh thịt heo, rượu chưng lại, khiến sáu ngàn Phạm chí đều ăn đầy đủ. Các Phạm chí ăn xong, bàn luận chút ít, rồi đứng lên ra về.

Khi ấy Trưởng giả Mãn Tài ở trên lầu cao, phiền oán sầu hận, ngồi tư duy một mình: "Nay ta đem cô gái này về liền bị phá nhà, không khác nào làm nhục nhà cửa ta." Trong lúc đó, có Phạm chí tên Tu-bạt, đã đạt ngũ thông và đắc bốn Thiền. Trưởng giả Mãn Tài tỏ ra quý trọng. Phạm chí Tu-bạt tự nghĩ: "Ta cùng trưởng giả xa nhau đã lâu ngày, nay hãy ghé thăm." Phạm chí vào thành Mãn phú đến nhà trưởng giả, hỏi người giữ cửa rằng:

–Trưởng giả nay đang làm gì?

Người giữ cửa đáp:

–Trưởng giả ở trên lầu, đang rất sầu ưu. Không thể nói chuyện.

Phạm chí bèn đi tắt lên trên lầu, gặp trưởng giả. Phạm chí hỏi trưởng giả:

–Cớ gì mà sầu ưu đến như vậy? Không phải bị huyện quan, trộm cướp, tai biến nước lửa gây ra chăng? Cũng không phải trong nhà không hòa thuận chăng?

Trưởng giả đáp:

–Không có tai biến huyện quan, trộm cướp. Nhưng trong gia đình có chút chuyện nhỏ không như ý.

Phạm chí hỏi:

–Mong được nghe câu chuyện ấy và do bởi duyên cớ gì.

Trưởng giả đáp:

–Hôm qua cưới vợ cho con trai, lại phạm luật nước, thân tộc bị nhục. Có mời các thầy đến nhà, bảo vợ con trai ra làm lễ mà nó không vâng lời.

Phạm chí Tu-bạt nói:

–Cưới hỏi gần xa, nhà cô này ở nước nào?

---

9. Để bản: Ngũ khắc 五刻。TNM: Ngũ ngoan. Hình phạt chặt hai tay, hai chân và chém đầu.

Trưởng giả đáp:

–Cô này là con gái của Trưởng giả A-na-bân-để trong thành Xá-vệ.

Khi Phạm chí Tu-bạt nghe những lời này rồi, ngạc nhiên kinh dị, hai tay bịt tai nói rằng:

–Ối chao! Trưởng giả! Quá kỳ lạ! Chuyện hiếm có! Cô này vẫn còn sống, không tự sát, không gieo mình xuống lầu, thì thật là may lớn. Vì sao? Vì thầy mà cô này phụng thờ đều là người phạm hạnh. Hôm nay mà còn sống thì thật là chuyện lạ!

Trưởng giả nói:

–Tôi nghe những lời của ngài lại muốn phì cười. Vì sao? Ngài là dị học ngoại đạo, tại sao khen ngợi hạnh của Sa-môn dòng họ Thích? thầy của cô này phụng thờ có oai đức gì? Có thần biến gì?

Phạm chí đáp:

–Trưởng giả! Muốn nghe thần đức của thầy cô này chăng? Nay tôi sẽ kể sơ nguồn gốc này.

Trưởng giả nói:

–Mong được nghe nói về điều đó.

Phạm chí nói:

–Trước kia, khi sống tại bắc Tuyết sơn, tôi đi khất thực trong nhân gian, được thức ăn rồi, bay đến suối A-nậu-đạt. Lúc trời, rồng, quỷ thần ở đó từ xa thấy tôi đến, đều cầm đao kiếm đến chỗ tôi cùng bảo tôi rằng: "Tiên sĩ Tu-bạt, chớ đến bên suối này, chớ làm bẩn suối này. Nếu không nghe lời ta, ta lấy ngay mạng sống của ông."

Tôi nghe những lời này, liền đi khỏi suối này không xa mà ăn. Trưởng giả nên biết, Thầy cô này phụng thờ có người đệ tử nhỏ nhất tên là Sa-di Quân-đầu[10]. Sa-di này cũng đến bắc Tuyết sơn này khất thực, bay đến suối A-nậu-đạt, tay cầm y người chết ở nghĩa trang dính đầy máu nhơ. Khi ấy đại thần A-nậu-đạt, trời, rồng, quỷ thần, đều đứng dậy tiến lên cung kính nghênh đón thăm hỏi: "Xin chào thầy của loài người. Ngài có thể ngồi đây. Sa-di Quân-đầu đến bên suối nước."

Lại nữa, Trưởng giả, chính giữa suối nước hiện có cái bàn vàng ròng. Sa-di Quân-đầu lấy y người chết này ngâm vào trong nước, sau đó ngồi ăn. Ăn xong, rửa bát, rồi ngồi kiết già ở trên bàn vàng, chánh thân chánh ý, cột niệm trước mặt, nhập vào Sơ thiền. Từ Sơ thiền xuất, nhập vào Nhị thiền. Từ Nhị thiền xuất, nhập vào Tam thiền. Từ Tam

---

[10]. Quân-đầu Sa-di. Xem cht. kinh số 9 phẩm 26 trên.

thiền xuất, nhập vào Tứ thiền. Từ Tứ thiền xuất, nhập vào không xứ. Từ không xứ xuất, nhập vào thức xứ. Từ thức xứ xuất, nhập vào bất dụng xứ. Từ bất dụng xứ xuất, nhập vào hữu tưởng vô tưởng xứ. Từ hữu tưởng vô tưởng xứ, nhập vào diệt tận định. Từ diệt tận định xuất, nhập vào diễm quang Tam-muội. Từ diễm quang Tam-muội xuất, nhập vào thủy khí Tam-muội. Từ thủy khí Tam-muội xuất, nhập vào diễm quang Tam-muội. Kế đó, lại nhập vào diệt tận định, lại nhập vào hữu tưởng vô tưởng xứ Tam-muội, lại nhập bất dụng xứ Tam-muội, lại nhập thức xứ Tam-muội, lại nhập không xứ Tam-muội, lại nhập Tứ thiền, lại nhập Tam thiền, lại nhập Nhị thiền, lại nhập Sơ thiền. Từ Sơ thiền xuất mà giặt y người chết. Lúc ấy, trời, rồng, quỷ thần hoặc giúp vò đạp y, hoặc lấy nước, hay lấy nước uống. Giặt y xong, đem phơi nơi chỗ trống. Sau khi thu xếp y xong, Sa-di kia liền bay lên không trung, trở về chỗ ở.

Trưởng giả nên biết, lúc đó tôi chỉ từ xa nhìn thấy chứ không được gần. Thầy của cô này phụng sự, mà đệ tử nhỏ nhất còn có thần lực này, huống chi là những vị đại đệ tử, làm sao ai có thể sánh bằng? Huống chi vị thầy kia là Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, ai có thể sánh kịp? Xét nghĩa này xong, nên tôi nói: "Thật là kỳ lạ, cô này có thể không tự sát, không dứt mạng căn!"

Lúc đó, trưởng giả nói với Phạm chí rằng:

–Chúng tôi có thể gặp được thầy của cô gái phụng thờ chăng?

Phạm chí đáp:

–Có thể hỏi lại cô ấy.

Lúc đó trưởng giả hỏi cô Tu-ma-đề:

–Nay tôi muốn được gặp thầy con phụng thờ. Con có thể thỉnh về đây được không?

Sau khi nghe xong, cô vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế được, liền nói:

–Xin chuẩn bị đồ ăn thức uống đầy đủ. Ngày mai Như Lai sẽ đến đây cùng với Tăng Tỳ-kheo.

Trưởng giả bảo:

–Nay con tự mời, ta không biết cách.

Bấy giờ, con gái trưởng giả tắm gội thân thể, tay bưng lò hương lên trên lầu cao, chắp tay hướng về Như Lai mà bạch:

–Nguyện xin Thế Tôn, Đấng Vô Năng kiến đảnh[11], mong quán sát

---

[11]. Vô năng kiến đảnh còn gọi là Vô kiến đảnh tướng, một trong tám mươi tùy hình hảo,

rõ nơi này. Nhưng Thế Tôn không việc gì không biết, không việc gì không xét. Nay con đang ở chỗ nguy khốn này, cúi xin Thế Tôn quán sát rõ cho.

Rồi cô tán thán bằng bài kệ này:

Con mắt Phật quán sát
Thấy khắp nơi thế gian
Hàng phục quỷ, thần vương
Hàng phục quỷ tử mẫu.
Như quỷ ăn người kia
Lấy ngón tay làm chuỗi
Sau lại muốn hại mẹ
Nhưng bị Phật hàng phục.
Lại nơi thành La-duyệt
Voi dữ muốn đến hại
Thấy Phật, tự quy phục
Chư Thiên khen lành thay!
Lại đến nước Mã đề
Gặp long vương hung ác
Thấy lực sĩ Mật tích
Long vương tự quy phục.
Biến hóa kể không hết
Đều đưa vào đạo chánh
Nay con lại gặp nguy
Cúi xin Phật đoái hoài.
Bấy giờ hương như mây
Lơ lửng giữa hư không
Xâm nhập khắp Kỳ hoàn
Hiện ở trước Như Lai.
Chư Thích giữa hư không
Vui mừng mà làm lễ
Lại thấy hương trước mặt
Tu-ma-đề thỉnh cầu.
Mưa xuống nhiều loại hoa
Không làm sao kể hết
Tràn khắp rừng Kỳ hoàn

---

vẻ đẹp của Phật.

Như Lai cười phóng quang.

Bấy giờ, A-nan thấy trong Kỳ hoàn có mùi hương vi diệu, bèn đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. A-nan bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn, đây là loại hương gì mà lan khắp trong tinh xá Kỳ hoàn?

Thế Tôn bảo:

–Hương này là do sứ giả của Phật mang điều thỉnh cầu của cô Tu-ma-đề trong thành Mãn phú. Nay ông hãy gọi các Tỳ-kheo họp hết một chỗ mà bốc xá-la[12] và ra lệnh này: "Các Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận, đắc thần túc hãy nhận thẻ. Sáng ngày mai hãy đến trong thành Mãn phú nhận lời thỉnh của Tu-ma-đề."

A-nan bạch Phật:

–Kính vâng Thế Tôn!

A-nan nhận vâng lời Thế Tôn, họp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ hội[13], nói:

–Các vị nào đắc đạo A-la-hán thì hãy lấy thẻ. Ngày mai đến nhận hỉnh cầu của Tu-ma-đề.

Ngay lúc đó, một Thượng tọa trong chúng Tăng, tên là Quân-đầu Ba-hán[14] đắc Tu-đà-hoàn, kết sử chưa diệt tận, không được thần túc. Thượng tọa này tự nghĩ: "Nay trong đại chúng ta là hàng thượng tọa lớn, mà kết sử lại chưa dứt, chưa được thần túc. Ngày mai ta không được đến trong thành Mãn phú thọ thực. Song trong chúng của Như Lai, vị Sa-di hạ tọa nhỏ nhất tên là Quân-đầu, người có thần túc, có đại oai lực, được đến đó thọ thỉnh. Nay ta cũng nên đến kia thọ thỉnh.

Bấy giờ thượng tọa dùng tâm thanh tịnh, nơi địa vị hữu học mà nhận thẻ. Lúc đó Thế Tôn, bằng Thiên nhãn thanh tịnh, thấy Quân-đầu Ba-hán đang tại địa vị hữu học mà nhận thẻ, liền được vô học, Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

–Trong đệ tử của ta, người nhận thẻ đệ nhất chính là Tỳ-kheo Quân-đầu Ba-hán vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo thần túc: Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ly-việt, Tu-bồ-đề, Ưu-tỳ Ca-diếp, Ma-ha Ca-

---

12. Phát thẻ nhận phần đi phó trai. Pāli: Salākā.

13. Phổ hội giảng đường 普會, tức trên kia nói là Phổ tập giảng đường.

14. Quân-đầu Ba-hán 君頭波漢, trên kia phiên âm là Quân-đầu-bà-mạc. Xem cht. kinh số 3 phẩm 4 trên.

thuật-na, Tôn giả La-vân, Châu-lợi Bàn-đặc, cùng Sa-di Quân-đầu, các vị dùng thần túc đến trong thành kia trước.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, Thế Tôn!

Lúc ấy người giúp việc của tăng tên là Càn-trà, sáng sớm hôm sau thân vác chõ lớn bay trên không trung đến thành kia. Lúc đó trưởng giả này cùng dân chúng lên trên lầu cao muốn xem Thế Tôn, từ xa nhìn thấy người giúp việc của tăng thân vác chõ đến. Trưởng giả bèn nói với cô gái bằng bài kệ này:

Người áo trắng, tóc
Thân hiện như gió cuốn
Mình trần, nhanh như gió
Thầy con đó, phải chăng?

Cô đáp lại bằng bài kệ:

Chẳng phải đệ tử Phật
Người giúp việc của Phật
Đủ ngũ thông, ba đường
Người này tên Càn-trà.

Bấy giờ người giúp việc là Càn-trà nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó Sa-di Quân-đầu hóa làm năm trăm cây hoa có đủ màu sắc, thảy đều nở rộ, màu sắc rất đẹp, như hoa sen Ưu-bát. Những loại hoa như vậy không thể kể hết, tất cả đều được mang đến thành kia. Khi trưởng giả từ xa nhìn thấy Sa-di đến, lại dùng kệ này để hỏi:

Ngần ấy loại bông hoa
Đều ở trong hư không
Lại có người thần túc
Có phải thầy con không?

Bấy giờ cô lại dùng kệ đáp:

Trước, Tu-bạt có nói
Vị Sa-di trên suối
Đó chính là người này
Thầy là Xá-lợi-phất.

Sa-di Quân-đầu khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng rồi đến nhà trưởng giả. Cũng lúc đó Tôn giả Bàn-đặc hóa làm năm trăm con bò; lông phủ toàn xanh, ngồi kiết già trên lưng bò, đến thành kia. Khi trưởng giả từ xa nhìn thấy Sa-di đến, lại dùng kệ này để hỏi cô:

Các đàn bò lớn này
Lông phủ toàn màu xanh
Ngồi một mình trên lưng
Đây là thầy con chăng?

Cô lại dùng kệ đáp:

Hay hóa ngàn Tỳ-kheo
Tại trong vườn Kỳ-vực
Tâm thần rất là sáng
Đây gọi là Bàn-đặc.

Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc khi ấy nhiễu quanh thành kia ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, La-vân lại hóa làm năm trăm khổng tước đủ các loại màu sắc, ngồi kiết già ở trên, đến thành kia. Trưởng giả trông thấy rồi, lại dùng kệ này để hỏi cô:

Năm trăm khổng tước này
Màu sắc nó thật đẹp
Như đại tướng quân kia
Đây là thầy con chăng?

Thời cô dùng kệ này đáp:

Cấm giới Như Lai lập
Tất cả đều không phạm
Vị ấy nghiêm trì giới
Là La-vân, con Phật.

La-vân khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả Ca-thất-na hóa làm năm trăm chim cánh vàng cực kỳ dũng mãnh, ngồi kiết già ở trên, đến thành kia. Sau khi trưởng giả từ xa trông thấy rồi, lại dùng kệ này để hỏi cô:

Năm trăm chim cánh vàng
Cực kỳ là dũng mãnh
Ngồi trên, không sợ hãi
Đây là thầy con chăng?

Thời cô dùng kệ đáp:

Hay hành thở ra vào
Tâm luân chuyển hành thiện
Sức tuệ thật dũng mãnh
Đó là Ca-thất-na.

Tôn giả Ca-thất-na khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà

trưởng giả.

Cũng lúc đó, Ưu-tỳ Ca-diếp hóa làm năm trăm con rồng, thảy đều có bảy đầu, ngồi kiết già ở trên, đến thành kia. Trưởng giả từ xa trông thấy rồi, lại dùng kệ này hỏi cô:

Nay rồng bảy đầu này
Tướng mạo thật đáng sợ
Người đến nhiều vô kể
Đây là thầy con chăng?

Thời cô đáp:

Thường có ngàn đệ tử
Thần túc hóa Tỳ-sa
Ngài Ưu-tỳ Ca-diếp
Chính thật là người này.

Ưu-tỳ Ca-diếp khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả Tu-bồ-đề hóa làm núi lưu ly, rồi vào trong ngồi kiết già, đến thành kia. Sau khi trưởng giả từ xa trông thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

Núi này thật là đẹp
Làm toàn màu lưu ly
Hiện ngồi ở trong hang
Đây là thầy con chăng?

Thời cô lại dùng kệ này đáp:

Vốn do báo bố thí
Nay được công đức này
Đã thành ruộng phước tốt
Tu-bồ-đề, tỏ Không.

Tu-bồ-đề khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên lại hóa làm năm trăm con thiên nga, màu trắng tinh, đến thành kia. Sau khi trưởng giả từ xa trông thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

Nay năm trăm thiên nga
Màu sắc đều trắng tinh
Đầy khắp trong hư không
Đây là thầy con chăng?

Thời cô lại dùng kệ này đáp:

Phân biệt nghĩa văn cú
Những điều được Kinh thuyết
Lại giảng tụ kết sử
Đó là Ca-chiên-diên.

Tôn giả đại Ca-chiên-diên khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Ly-việt hóa làm năm trăm con hổ, ngồi ở trên mà đến thành kia. Trưởng giả thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

Nay, năm trăm hổ này
Toàn lông thật mượt đẹp
Có người ngồi ở trên
Đây là thầy con chăng?

Thời cô lại dùng kệ này đáp:

Trước ở tại Kỳ hoàn
Sáu năm không di động
Tối đệ nhất tọa thiền
Đó gọi là Ly-việt.

Tôn giả Ly-việt khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả A-na-luật hóa làm năm trăm sư tử rất là dũng mãnh, ngồi ở trên, đến thành kia. Sau khi trưởng giả thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

Năm trăm sư tử này
Dũng mãnh thật đáng sợ
Người ngồi ở trên đó
Đây là thầy con chăng?

Thời cô lại dùng kệ đáp:

Lúc sinh, động trời đất
Từ đất hiện trân bảo
Mắt trong sạch không nhơ
A-na-luật, em Phật.

A-na-luật khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả Đại Ca-diếp hóa làm năm trăm tuấn mã, lông đuôi đều đỏ, được trang sức vàng bạc, ngồi ở trên và làm cơn mưa

hoa trời, đi đến thành kia. Trưởng giả từ xa trông thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

Ngựa vàng, lông đuôi đỏ
Số chúng có năm trăm
Đó là vua Chuyển luân
Đây là thầy con chăng?

Cô lại dùng kệ đáp:

Hành Đầu-đà đệ nhất
Hay thương kẻ bần cùng
Như Lai nhường nửa tòa
Đó là Đại Ca-diếp.

Đại Ca-diếp khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hóa làm năm trăm voi trắng, đều có sáu ngà, trang điểm vàng bạc, bảy chỗ bằng phẳng, ngồi ở trên mà đến, rồi phóng ánh sáng lớn đầy khắp thế giới, đến giữa hư không, tại thành kia, xướng kỹ nhạc vô số kể, mưa rơi các thứ tạp hoa, lại treo phướn lọng giữa hư không, thật là kỳ diệu. Sau khi trưởng giả từ xa thấy rồi, dùng kệ hỏi cô:

Voi trắng có sáu ngà
Ngồi trên như Thiên vương
Nay nghe tiếng kỹ nhạc
Chính Thích-ca Văn chăng.

Thời cô dùng kệ đáp:

Ở trên núi lớn kia
Hàng phục rồng Nan-đà
Vị Thần túc đệ nhất
Gọi là Đại Mục-liên.
Thầy con vẫn chưa lại
Đây là chúng đệ tử
Nay Thánh sư sẽ đến
Ánh sáng chiếu mọi nơi.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, đến nhà trưởng giả.

Cũng lúc ấy, Thế Tôn biết đã đến giờ, đắp Tăng-già-lê, bay trên hư không cách đất bảy nhẫn. Bên phải Như Lai là Tôn giả A-nhã-câu-lân, bên trái Như Lai là Tôn giả Xá-lợi-phất. Khi ấy Tôn giả A-nan

nương vào oai thần Phật, tay cầm phất tử ở phía sau Như Lai. Một ngàn hai trăm đệ tử vây quanh trước sau, Như Lai ở giữa các đệ tử có thần túc như: A-nhã-câu-lân hóa làm Nguyệt Thiên tử. Xá-lợi-phất hóa làm Nhật Thiên tử. Các Tỳ-kheo có thần túc khác, hoặc hóa làm Thích Đề-hoàn Nhân, hoặc hóa làm Phạm thiên, hoặc có vị hóa làm Đề-đầu-lợi-tra, Tỳ-lưu-lặc, Tỳ-lưu-bác-xoa, hoặc hóa làm hình Tỳ-sa-môn lãnh đạo các quỷ thần, hoặc hóa làm hình Chuyển luân thánh vương, hoặc có vị nhập hỏa quang Tam-muội, hoặc có vị nhập thủy tinh Tam-muội, hoặc có vị phóng quang, hoặc có vị phun khói, tạo ra các thứ thần túc. Lúc này, bên phải Như Lai Phạm Thiên vương, bên trái Như Lai Thích Đề-hoàn Nhân tay cầm phất tử, phía sau Như Lai lực sĩ Kim cang Mật Tích tay cầm chày Kim cang, phía trên Như Lai ở giữa hư không Tỳ-sa-môn Thiên vương tay cầm lọng bảy báu, vì sợ có bụi bặm bám thân Như Lai. Cùng lúc này, Bà-giá-tuần tay cầm đàn lưu ly tán thán công đức Như Lai. Các thiên thần tất cả đều ở giữa hư không xướng lên ngàn vạn thứ kỹ nhạc, mưa tuôn các thứ hoa trời rải lên Như Lai.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, Trưởng giả A-na-bân-để và nhân dân trong thành Xá-vệ đều thấy Như Lai ở giữa hư không cách mặt đất bảy nhẫn. Thấy vậy tất cả vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế được. Lúc ấy, Trưởng giả A-na-bân-để liền nói kệ này:

Như Lai thật thần diệu
Thương dân như con đỏ
Vui thay! Tu-ma-đề
Sẽ nhận pháp Như Lai.

Lúc này vua Ba-tư-nặc cùng Trưởng giả A-na-bân-để rải các thứ danh hương và các thư hoa.

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn theo các chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau, cùng các Thiên, Thần không thể kể, tựa như phượng hoàng, ở giữa hư không, đi đến thành kia.

Bấy giờ, Bàn-giá-tuần dùng kệ tán thán Phật:

Kết sinh đã diệt tận
Ý niệm không tán loạn
Không bụi nhơ ngăn ngại
Mà vào đất nước kia.
Tâm tánh thật trong sạch
Đoạn ác niệm tà ma
Công đức như biển lớn

Nay vào đất nước kia.
Tướng mạo thật đặc thù
Các sử không tái khởi
Vì kia không tự xứ
Nay vào đất nước kia.
Đã vượt bốn dòng sâu
Thoát khỏi sinh, già, chết
Để đoạn gốc các hữu
Nay vào đất nước kia.

Lúc ấy, Trưởng giả Mãn Tài nhìn thấy Thế Tôn từ xa đi lại, các căn Thế Tôn tịch tĩnh ít có, sạch như vàng ròng của trời; có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp biểu hiện ngoài thân; giống như núi Tu-di vượt trên các núi, cũng như khối vàng tỏa ánh sáng lớn.

Khi ấy trưởng giả dùng kệ hỏi Tu-ma-đề:

Đây là ánh mặt trời
Vẻ này chưa từng thấy
Ngàn vạn ức tia sáng
Chưa dám nhìn thẳng lâu.

Bấy giờ, cô Tu-ma-đề quỳ gối chắp tay hướng về Như Lai, dùng kệ này đáp trưởng giả:

Mặt trời, phi mặt trời
Mà phóng ngàn thứ sáng
Vì tất cả chúng sinh
Đó chính là thầy con.
Đều cùng khen Như Lai
Như trước đã có nói
Nay sẽ được quả lớn
Lại siêng cúng dường hơn.

Trưởng giả Mãn Tài khi ấy quỳ gối phải sát đất, lại dùng kệ khen Như Lai:

Tự quy Đấng Mười Lực
Thể sắc vàng viên quang
Được trời người kính khen
Nay con tự quy y.
Ngài, nay là Nhật vương
Như trăng sáng giữa sao

Để độ người chưa độ
Nay con tự quy y.
Ngài như tượng Thiên đế
Như tâm Từ phạm hạnh
Tự thoát, thoát chúng sinh
Nay con tự quy y.
Tối tôn giữa trời người
Trên vua các quỷ thần
Hàng phục các ngoại đạo
Nay con tự quy y.

Bấy giờ, cô Tu-ma-đề quỳ gối chắp tay, tán thán Thế Tôn:

Tự hàng, hàng phục người
Tự chánh, lại chánh người
Tự độ, độ người dân
Đã giải, lại giải người.
Tự tịnh, khiến người tịnh
Tự soi, soi quần sinh
Không ai không được độ
Dẹp đấu loạn, không tranh.
An trụ cực tịnh khiết
Tâm ý không lay động
Mười Lực thương xót đời
Con kính lễ lần nữa.

Ngài có tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả,* đầy đủ Không, Vô tướng, Vô nguyện[15]. Ở trong cõi dục là tối tôn đệ nhất. Trên tất cả trời. Bảy Thánh tài đầy đủ. Các hàng trời, người, đấng Tự nhiên[16], hàng Phạm sinh[17], cũng không ai bằng, cũng không thể giống tướng mạo. Nay con tự quy y.

Khi ấy, sáu ngàn Phạm chí thấy Thế Tôn tạo ra mọi thần biến như thế, mọi người tự bảo nhau: "Chúng ta nên rời nước này dời đến nước khác. Sa-môn Cù-đàm này đã hàng phục nhân dân trong nước này." Sáu ngàn Phạm chí lúc đó liền đi ra khỏi nước, không trở lại nước này nữa. Giống như sư tử vua loài thú ra khỏi sơn cốc, nhìn quanh bốn hướng,

---

15. Để bản: Không, Vô tướng, Nguyện; có nhảy sót.

16. Tự nhiên 自然。Skt. Svayaṃbhū, từ khác chỉ Phạm thiên (Brahman), tự sinh. Skt.

17. Phạm sinh 梵生。Skt. Brahmaja, được sinh bởi Brahman, chỉ hàng chư Thiên thượng đẳng.

rồi rống lên ba tiếng mới đi tìm mồi. Các loài thú đều tìm đường bỏ chạy mà không biết chạy đi đâu, bay tìm chỗ núp kín. Hoặc ngay đến voi có thần lực nghe tiếng sư tử chúng cũng tìm đường bỏ chạy không thể tự yên. Vì sao? Vì Sư tử vua loài thú thật có oai thần. Ở đây cũng vậy, sáu ngàn Phạm chí kia nghe tiếng Thế Tôn, thảy đều bỏ chạy, không tự yên được. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm có oai lực lớn.

Bấy giờ, Thế Tôn xả thần túc, đi bình thường, vào trong thành Mãn phú. Khi chân Thế Tôn vừa đạp lên ngưỡng cửa, ngay đó trời đất chấn động mạnh. Các chư Thiên tôn thần rải hoa cúng dường. Nhân dân khi thấy dung nhan Thế Tôn các căn tịch tĩnh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp hiển hiện, họ liền nói kệ này:

Lưỡng Túc Tôn vi diệu
Phạm chí không dám đương
Vô cớ thờ Phạm chí
Mất Đấng Nhân Trung Tôn.

Thế Tôn khi đến nhà trưởng giả, tới chỗ ngồi mà ngồi. Bấy giờ nhân dân nước kia thật là đông đảo. Nhà trưởng giả lúc này có tám vạn bốn ngàn người dân, tất cả đều vân tập, để nhìn Thế Tôn cùng chúng Tăng, khiến nhà cửa của nhà trưởng giả muốn sụp đổ. Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ: "Nhân dân ở đây ắt có gây thiệt hại. Ta nên dùng thần túc khiến cho nhân dân cả nước thấy thân Ta cùng Tăng Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn liền hóa nhà cửa trưởng giả, thành sắc lưu ly, trong ngoài thấy nhau, giống như xem châu trong bàn tay. Lúc này cô Tu-ma-đề đến trước Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, buồn vui lẫn lộn, liền nói kệ này:

Đấng Nhất Thiết Trí trọn đủ
Độ tận tất cả pháp
Đã đoạn kết dục ái
Nay con tự quy y.
Thà cho cha mẹ con
Hủy hoại đôi mắt con
Chớ để con đến đây
Trong ngũ nghịch, tà kiến.
Xưa tạo duyên ác nào
Nên bị đến nơi này
Như chim vào lưới bẫy
Nguyện dứt kết nghi này.

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ đáp cô rằng:

Nay con chớ lo sầu
Định tĩnh tự mở ý
Cũng đừng khởi tưởng chấp
Nay Như Lai sẽ giảng.
Con vốn không do tội
Mà khiến phải đến đây
Vì quả báo thệ nguyện
Muốn độ chúng sinh này.
Nay hãy nhổ gốc rễ
Không đọa ba đường ác
Hàng ngàn loài chúng sinh
Con sẽ được độ trước.
Ngày nay hãy trừ sạch
Khiến mắt trí tỏ sáng
Khiến cho loài trời người
Thấy con như xem châu.

Cô Tu-ma-đề nghe những lời này xong, vui mừng hớn hở không kiềm được.

Bấy giờ trưởng giả đem người hầu của mình theo cung cấp đồ ăn thức uống, những món ngon ngọt. Thấy Thế Tôn ăn xong, đã dùng nước rửa, bèn lấy một ghế nhỏ ngồi trước Như Lai, cùng các người tùy tùng và tám vạn bốn ngàn chúng đều lần lượt ngồi, hoặc có người tự xưng tên họ mà ngồi. Thế Tôn lần lượt nói các đề tài vi diệu cho trưởng giả và tám vạn bốn ngàn nhân dân kia. Các đề tài luận về giới, luận về thí, luận về sinh Thiên, dục là tưởng bất tịnh, là hữu lậu ô uế, xuất gia là con đường xuất yếu.

Thế Tôn khi thấy trưởng giả và cô Tu-ma-đề cùng tán vạn bốn ngàn nhân dân tâm ý khai mở, nên các pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết; Ngài đều thuyết cả cho chúng sinh ở đây. Mọi người ngay trên chỗ ngồi mà sạch hết các trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Giống như vải cực trắng sạch dễ nhuộm màu. Ở đây cũng như vậy, Trưởng giả Mãn Tài, cô Tu-ma-đề và tám vạn bốn ngàn nhân dân sạch hết các trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh, không còn hồ nghi, được không sợ hãi, thảy đều tự quy y Tam bảo thọ trì ngũ giới. Bấy giờ, cô Tu-ma-đề ở trước Phật nói kệ này:

Như Lai tai trong suốt
Nghe con gặp khổ này

Giáng thần đến đây rồi
Mọi người được Pháp nhãn.

Thế Tôn nói pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, trở về trú xứ. Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Cô Tu-ma-đề vốn đã tạo nhân duyên gì mà sinh trong nhà phú quý? Lại tạo nhân duyên gì mà rơi vào nhà tà kiến này? Lại tạo công đức lành nào, nay được pháp nhãn thanh tịnh? Lại tạo công đức nào khiến tám vạn bốn ngàn người đều được pháp nhãn thanh tịnh?

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này, có Phật Ca-diếp, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu. Ngài ở tại nước Ba-la-nại, đi du hóa nơi này, cùng chúng hai vạn đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có vua tên Ai Mẫn, có con gái tên Tu-ma-na. Cô này rất có tâm cung kính hướng về Như Lai Ca-diếp, vâng giữ giới cấm, thường thích bố thí và cúng dường bốn việc. Thế nào là bốn? Một là bố thí, hai là ái kính, ba là lợi người, bốn là đồng lợi[18].

Cô ở chỗ Như Lai Ca-diếp mà tụng pháp cú. Ở trên lầu cao, lớn tiếng tụng tập, phát nguyện rộng lớn này: "Con hằng có pháp bốn thọ[19] này; lại ở trước Như Lai mà tụng pháp cú. Trong đó nếu có chút phước nào, cầu cho con sinh vào chỗ nào, không rơi vào ba đường dữ, cũng không rơi vào nhà nghèo; đời vị lai cũng sẽ lại gặp bậc tối tôn như vầy. Khiến cho con chẳng chuyển đổi thân nữ mà được Pháp nhãn thanh tịnh." Nhân dân trong thành sau khi nghe vương nữ thệ nguyện như vậy đều cùng tụ tập đến chỗ vương nữ, nói:

–Hôm nay Vương nữ rất là chí tín, tạo các công đức, bốn sự[20] không thiếu: Bố thí, Kiêm ái, Lợi người, Đồng lợi. Lại phát thệ nguyện, mong đời sau gặp bậc như vậy, thuyết pháp cho nghe để được pháp nhãn thanh tịnh. Hôm nay Vương nữ đã phát thệ nguyện, cùng với nhân dân cả nước chúng tôi đồng thời được độ.

Bấy giờ, Vương nữ đáp:

–Tôi đem công đức này cùng thí đến các người. Nếu gặp Như Lai thuyết pháp, sẽ cùng lúc được độ.

---

18. Bốn Nhiếp sự; xem cht. dưới.

19. Tứ thọ chi pháp 四受之法, được hiểu là bốn pháp nhiếp thọ, tức bốn Nhiếp pháp hay nhiếp sự. Pāli: Cattāri saṃgahavatthūni.

20. Tứ sự 四事, cũng tức bốn Nhiếp sự. Xem cht. trên.

Tỳ-kheo, các ông há có nghi sao? Chớ quán sát vậy. Vua Ai Mẫn lúc ấy, nay chính là trưởng giả Tu-đạt. Vương nữ lúc ấy, nay chính là Tu-ma-đề. Nhân dân trong nước lúc ấy, nay chính là tám vạn bốn ngàn chúng. Do thệ nguyện kia, nay gặp thân Ta, nghe pháp đắc đạo; cùng nhân dân kia đều được Pháp nhãn thanh tịnh. Hãy ghi nhớ nhớ phụng hành ý nghĩa này. Vì sao? Vì bốn sự này là ruộng phước tốt nhất. Nếu có Tỳ-kheo nào thân cận bốn sự, liền được bốn Đế đế. Nên cầu phương tiện thành tựu pháp bốn sự. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 23

Phẩm 31: TĂNG THƯỢNG

Kinh số 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ Sinh Lậu[2] Bà-la-môn đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi thăm nhau rồi ngồi qua một bên. Khi ấy Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

–Sống trong rừng ở trong hang, thật là khổ thay! Sống riêng, đi đứng một mình dụng tâm thật khó!

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, Phạm chí, như những gì ông nói. Sống trong rừng ở trong hang, thật là khổ thay! Sống riêng, đi đứng một mình dụng tâm thật khó! Vì sao? Ngày xưa, lúc Ta chưa thành Phật đạo, hành hạnh Bồ-tát, Ta thường nghĩ: "Sống trong rừng ở trong hang, thật là khổ thay! Sống riêng, đi đứng một mình dụng tâm thật khó!"

Bà-la-môn bạch Phật:

–Có thiện gia nam tử, với tín tâm kiên cố, xuất gia học đạo, Sa-môn Cù-đàm là tối thượng thủ, đem lại nhiều lợi ích, làm người dẫn đường cho đám bằng hữu ấy.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, Bà-la-môn, như những gì ông nói. Có những thiện gia nam tử, với tín tâm kiên cố, Ta là tối thượng thủ, đem lại nhiều lợi ích, làm người dẫn đường cho đám bằng hữu ấy. Nếu thấy Ta, họ đều khởi lòng hổ thẹn, đến trong núi khe, sống trong động vắng vẻ.

Bấy giờ, Ta tự nghĩ, các Sa-môn, Bà-la-môn có thân hành bất tịnh, mà gần gũi, sống chỗ vắng vẻ không người, do thân hành bất tịnh,

---

1. *Tham chiếu Pāli, M 4 Bhayabherava (R.i. 16).*

2. *Sinh Lậu 生漏。Pāli: Jāṇussoṇī.*

thì ở đó chỉ luống nhọc công, chẳng phải hành chân thật, mà là pháp ác, bất thiện, sự kinh sợ. Nhưng nay, Ta với thân hành không phải bất tịnh, gần gũi, sống nơi vắng vẻ. Với những gì là thân hành bất tịnh, do gần gũi, sống nơi vắng vẻ, những điều ấy không có nơi Ta. Vì sao? Nay, Ta thân hành thanh tịnh. Trong những vị A-la-hán,[3] do thân hành thanh tịnh, ưa ở nơi hang vắng, Ta là tối thượng thủ. Cũng vậy, Bà-la-môn, Ta tự quán thân, thấy sở hành thanh tịnh nên ưa ở nơi vắng vẻ, lại càng vui thích.

Bấy giờ Ta tự nghĩ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào với ý hành không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh, mà gần gũi, sống nơi vắng vẻ không người; họ tuy có hạnh này nhưng vẫn không phải chân chánh; do đó họ đều đầy đủ pháp ác bất thiện,[4] điều này Ta không có. Vì sao? Vì nay những việc làm của thân, miệng, ý, mạng Ta đều thanh tịnh.

Có những Sa-môn, Bà-la-môn thân, miệng, ý mạng đều thanh tịnh, ưa ở nơi vắng vẻ thanh tịnh, điều này thì Ta có. Vì sao? Vì nay những sở hành bởi thân, miệng, ý, mạng, của ta thanh tịnh. Trong những A-la-hán do thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh, nên ưa ở nơi thanh vắng, Ta là tối thượng thủ. Như vậy, Bà-la-môn, khi Ta có thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh, khi ấy lại càng ưa thích sống nơi vắng vẻ.

Bấy giờ, Ta tự nghĩ, Sa-môn, Bà-la-môn có nhiều điều phải sợ hãi kinh khiếp khi sống ở nơi nhàn vắng; đó là pháp ác bất thiện, sự sợ hãi kinh khiếp. Nhưng nay, Ta không có bất cứ sự sợ hãi nào khi sống nơi vắng vẻ không người. Trong các Sa-môn, Bà-la-môn có tâm sợ hãi kinh khiếp khi sống ở chỗ vắng vẻ, trong số đó không có Ta. Vì sao? Vì nay Ta không có bất sứ sợ hãi nào ở nơi vắng vẻ mà tự du hý. Ta không ở trong số những người có tâm sợ hãi kinh khiếp khi sống ở nơi vắng vẻ. Vì sao? Vì nay Ta đã lìa khổ hoạn, không đồng với họ. Như vậy, Bà-la-môn, Ta quán sát ý nghĩa này rồi, không có sợ hãi, lại càng thêm vui thích.

Những Sa-môn, Bà-la-môn này mà khen mình, chê người, tuy sống ở chỗ vắng vẻ vẫn có tưởng bất tịnh.[5] Nhưng Ta, này Phạm chí, Ta không chê bai người khác, cũng không tự khen mình. Những ai tự

---

3. Pāli, ibid., Ye hi vo ariyā parisuddhakāyakammantā, những vị Thánh mà thân hành thanh tịnh.

4. Hán dịch đoạn này thiếu: "sự kinh sợ" được nói ở đoạn trên. Pāli, ibid., : Te bhonto samaṇabrāhmanā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy làm nổi lên sự kinh sợ khiếp đảm, bất thiện.

5. Hán lược bỏ, theo văn mạch trên: (…) cho đến, "sợ hãi kinh khiếp."

khen mình lại chê bai người khác, Ta không phải người đó. Vì sao vậy! Vì nay Ta không có mạn. Trong các Hiền thánh không có mạn, Ta là tối thượng thủ. Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn[6].

Những Sa-môn[7] nào ham cầu lợi dưỡng, không hề biết đủ. Nhưng hôm nay Ta không ham cầu lợi dưỡng. Vì sao? Vì nay Ta không cầu có nhiều hơn người và cũng tự biết đủ. Trong những người biết đủ, Ta là thượng thủ. Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại vui thích hơn.

Những Sa-môn, Bà-la-môn nào ôm lòng biếng nhác, không chuyên cần tinh tấn, mà gần gũi nơi vắng, Ta không phải người đó. Vì sao? Vì nay Ta có tâm dũng mãnh, nên trong đó không lười mệt. Trong các Hiền thánh có tâm dũng mãnh, Ta là tối thượng thủ. Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn.

Bấy giờ, Ta lại nghĩ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào hay nhiều quên lãng, mà sống ở nơi vắng vẻ; tuy có hạnh này vẫn có pháp ác bất thiện[8]. Nhưng nay Ta không có những điều quên lãng. Lại này Phạm chí, Ta không có trong số những người hay quên lãng. Trong các Hiền thánh không hay quên lãng, Ta là tối thượng thủ. Nay Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn.

Bấy giờ, Ta lại nghĩ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào mà ý loạn, không định; những người ấy liền có pháp ác bất thiện, cùng chung với hành ác. Nhưng nay Ta ý không hề loạn, thường như nhất tâm. Ta không có trong số những người có tâm ý loạn, bất định. Vì sao thế? Vì Ta thường nhất tâm. Trong các Hiền thánh có tâm chuyên nhất, định tĩnh, Ta là tối thượng thủ. Nay Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn khi sống ở nơi vắng vẻ.

Bấy giờ, Ta lại nghĩ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào mà ngu si, tăm tối cũng như bầy dê, người ấy liền có pháp ác bất thiện. Ta không phải người đó. Nhưng nay Ta thường có trí tuệ, không có chỗ ngu si, sống ở nơi vắng. Những hành như vậy, có ở nơi Ta. Nay Ta thành tựu trí tuệ. Trong các Hiền thánh thành tựu trí tuệ, Ta là tối thượng thủ. Nay Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn khi sống ở nơi vắng vẻ.

Khi Ta sống ở nơi vắng vẻ, lúc đó, giả sử cây cối gãy đổ, chim thú chạy bay, bấy giờ Ta tự nghĩ: "Đây là khu rừng đáng kinh sợ." Rồi lại tự nghĩ: "Nếu có điều kinh sợ xảy đến, Ta sẽ tìm cầu phương tiện

---

6. Hán lược bỏ ý: Không sợ hãi khiếp đảm.

7. Hán dịch lược bỏ: Sa-môn, Bà la-môn.

8. Hán lược bỏ: Sợ hãi khiếp đảm.

khiến nó không xảy đến nữa.” Khi Ta đi kinh hành, nếu có sự kinh sợ xảy đến, lúc này, Ta cũng không ngồi, nằm; chỉ khi nào trừ được sự kinh sợ, sau đó mới ngồi, nằm. Khi Ta đứng, nếu sự kinh sợ xảy đến, lúc ấy Ta không kinh hành, cũng không ngồi xuống, chỉ khi nào trừ được sự kinh sợ, sau đó mới ngồi. Khi Ta ngồi, nếu sự kinh sợ xảy đến, lúc ấy Ta không kinh hành, chỉ khi nào trừ được sự kinh sợ, rồi sau mới ngồi. Khi Ta nằm, nếu sự kinh sợ xảy đến, lúc ấy, Ta không kinh hành, cũng không ngồi, chỉ khi nào trừ được sự kinh sợ, sau đó mới ngồi.

Phạm chí nên biết, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không hiểu đạo lý ban ngày với ban đêm, nay Ta nói người ấy rất ngu si.[9] Nhưng Ta, này Phạm chí, hiểu đạo lý ở trong ban ngày và ban đêm, thêm có tâm dũng mãnh, cũng không hư vọng, ý không thác loạn, hằng chuyên nhất tâm, không tưởng tham dục, có giác, có quán, có hỷ lạc do niệm[10], nhập Sơ thiền. Đó là, này Phạm chí, tâm thứ nhất Ta sống an lạc trong hiện pháp[11].

Trừ hữu giác, hữu quán, bên trong hoan hỷ, thêm có nhất tâm, không giác, không quán, có hỷ lạc do định niệm, nhập Nhị thiền. Đó là, này Phạm chí! Tâm thứ hai Ta sống an lạc trong hiện pháp[12].

Ta tự quán biết, trong không niệm dục, thân có cảm giác lạc, điều mà các Hiền thánh mong cầu, hộ[13], niệm, hoan lạc, nhập Tam thiền. Đó là, này Phạm chí, tâm thứ ba sống an lạc trong hiện pháp[14].

Lại nữa, khổ, lạc đã trừ, không còn ưu, hỷ; không khổ, không lạc, hộ*, niệm thanh tịnh, nhập tứ thiền. Đó là, này Phạm chí, tâm tăng thượng thứ tư mà Ta tự giác tri, tâm ý an trú.

“Khi Ta đang sống ở nơi vắng vẻ, có bốn tâm tăng thượng này, Ta do tâm Tam-muội này, thanh tịnh không tỳ vết, cũng không kết sử, được không sợ hãi, tự biết túc mạng một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, kiếp thành hoại đều phân biệt hết. Ta từng sinh chỗ nọ, tên gì, họ gì, ăn thức ăn như thế, chịu khổ vui như thế,... Từ đó Ta chết mà sinh nơi này, chết đây sinh kia, nhân duyên gốc ngọn đều

---

9. Pāli, ibid., những Sa-môn, Bà-la-môn tưởng ban ngày như là ban đêm (Rattiṃyeva samānaṃ divāti sañjānanti), ta nói họ sống trong si ám (sammohavihārasmiṃ).

10. Niệm trì hỷ lạc 念持喜樂。Văn Hán chuẩn về Sơ thiền: Ly sinh hỷ lạc, có hỷ lạc phát sinh do viễn ly (ở đây dịch là niệm?)

11. Sơ thiền: Hiện pháp lạc trú thứ nhất.

12. Nhị thiền: Hiện pháp lạc trú thứ hai.

13. Hộ, nên hiểu là xả.

14. Tam thiền: Hiện pháp lạc trú thứ ba.

rõ ràng hết.

Phạm chí nên biết, vào đầu hôm Ta đắc được minh thứ nhất, trừ vô minh, không u tối nữa, tâm ưa sống nơi vắng vẻ mà tự giác tri.

Lại nữa, với tâm Tam-muội không tỳ vết, không kết sử, tâm ý tại định, được không sợ hãi mà biết chúng sinh người sinh, người chết. Ta lại dùng Thiên nhãn quán chúng sinh người sinh, người chết, sắc lành sắc dữ, cõi lành, đường dữ, hoặc tốt, hoặc xấu, tùy hạnh thiện ác đều phân biệt hết. Có các chúng sinh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng Hiền thánh, hằng ôm tà kiến, tương ưng với tà kiến, khi thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục. Có các chúng sinh thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, không phỉ báng Hiền thánh, hằng tu chánh kiến, tương ưng với chánh kiến, khi thân hoại mạng chung sinh đường lành lên trời. Ta lại dùng Thiên nhãn thanh tịnh không tỳ vết quán chúng sinh người sinh, người chết, sắc lành, sắc dữ, đường lành, đường ác, hoặc tốt hay xấu, các hạnh bổn Ta đều biết rõ.

Phạm chí nên biết, vào lúc giữa đêm, Ta được minh thứ hai, không còn tăm tối, tự giác tri, vui sống ở nới vắng vẻ.

Ta, lại với Tam-muội thanh tịnh không tỳ vết, cũng không kết sử, tâm ý được định, được không sợ hãi, được tâm diệt tận lậu, cũng biết như thật không hư dối, rằng: "Đây là khổ." Ngay khi ấy, Ta được tâm này, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu; sau khi giải thoát, liền được trí giải thoát, biết như thật rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh, như thật mà biết.

Đó là, này Phạm chí, Ta cuối đêm được minh thứ ba, không u tối nữa.

Thế nào, này Phạm chí, có tâm này chăng, Như Lai có tâm dục, tâm sân hận, tâm ngu si chưa dứt, khi sống ở nơi vắng vẻ? Này Phạm chí, chớ xem như thế. Vì sao? Vì ngày nay Như Lai vĩnh viễn diệt trừ các lậu, hằng ưa sống nơi thanh vắng, không sống giữa người đời. Hôm nay, Ta au khi quán sát hai ý nghĩa này, thích sống nơi vắng vẻ. Thế nào là hai? Tự mình sống ở nơi vắng vẻ và độ hết chúng sinh không thể tính kể[15].

Bấy giờ, Phạm chí Sinh Lậu bạch Phật:

–Ngài đã vì thương xót chúng sinh, độ cho tất cả.

---

15. Pāli, ibid.: Sống tại núi rừng thanh vắng (araññavanapathāni), vì hai mục đích (dve atthavase): Tự mình sống an lạc ngay trong hiện tại, hiện pháp lạc trú (attano diṭṭhadhammasukhavihāraṃ), và vì thương tưởng chúng sinh trong tương lai (pacchimañca janataṃ anukampamāno).

Rồi Phạm chí lại bạch Phật:

–Thôi, thôi, Thế Tôn! Những điều được nói đã quá nhiều. Ví như người gù được thẳng, người mê được đường, người mù được mắt, trong tối thấy sáng. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm dùng vô số phương tiện, vì con mà thuyết pháp. Nay con xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay về sau con thọ trì ngũ giới, không sát sinh nữa, làm Ưu-bà-tắc.

Bấy giờ Phạm chí Sinh Lậu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở vườn Cù-sư, ở Câu-thâm, nơi bốn Đức Phật đời quá khứ đã ở.

Bấy giờ vua Ưu-điền[16] cùng phu nhân Xá-di[17] và năm trăm cô gái muốn đến vườn dạo chơi ngắm cảnh. Ngay khi ấy, trong thành Xá-vệ có một Tỳ-kheo nghĩ: "Ta xa Thế Tôn đã lâu, muốn đến lễ bái thăm hỏi."

Đến giờ, Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong thu xếp y bát, tọa cụ. Ông lại dùng thần túc bay lên hư không, đến nước Câu-thâm[18]. Tỳ-kheo ấy xả thần túc, đi vào rừng, đến một chỗ vắng, ngồi kiết già tĩnh tọa, chánh thân, chánh ý, buộc niệm ở trước. Khi ấy, phu nhân Xá-di dẫn năm trăm cô gái đến rừng này. Phu nhân Xá-di từ xa trông thấy Tỳ-kheo dùng thần túc đến ngồi dưới bóng cây, liền đến trước Tỳ-kheo cúi lạy rồi chắp tay đứng trước, năm trăm cô gái đều cúi lạy và chắp tay đứng vây quanh.

Lúc ấy, vua Ưu-điền từ xa trông thấy năm trăm cô gái chắp tay đứng vây quanh Tỳ-kheo này, liền nghĩ: "Trong đây chắc có bầy nai, hoặc có các loài thú, chắc chắn không nghi." Vua liền cỡi ngựa chạy mau đến đám phụ nữ. Phu nhân Xá-di xa thấy vua đến liền nghĩ: "Vua Ưu-điền cực kỳ hung ác, có thể hại Tỳ-kheo này." Phu nhân bèn đưa tay mặt lên tâu vua:

–Đại vương nên biết, đây là Tỳ-kheo, chớ có kinh sợ.

---

16. Ưu-điền 優填; Pāli: Udena, quốc vương nước Kosambī (Hán dịch: Câu-thâm).

17. Xá-di phu nhân 舍彌夫人。Pāli: Sāmāvatī.

18. Để bản: Câu-thâm viên 拘深園, chép nhầm. Nên sửa lại là Câu-thâm quốc.

Vua liền xuống ngựa, bỏ cung, đến chỗ Tỳ-kheo, bảo Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo, thuyết pháp cho ta nghe!

Tỳ-kheo ấy đưa mắt trông vua, im lặng không nói.

Vua lại bảo Tỳ-kheo:

–Mau thuyết pháp cho ta!

Tỳ-kheo lại đưa mắt nhìn vua, im lặng không nói.

Vua lại nghĩ: "Nay ta hãy hỏi những sự việc ở trong thiền. Nếu thuyết cho ta, ta sẽ cúng dường, trọn đời thí cho y phục, thức ăn uống, giường chõng, thuốc thang trị bệnh. Nếu chẳng thuyết cho ta, ta sẽ giết." Vua lại bảo Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo, thuyết pháp cho ta!

Tỳ-kheo kia vẫn im lặng không đáp.

Bấy giờ Thần cây biết tâm vua, liền hóa ra một bầy nai ở đàng xa, muốn làm loạn tai mắt của vua khiến khởi nghĩ chuyện khác. Khi ấy vua thấy nai liền nghĩ: "Nay hãy bỏ Sa-môn này. Sa-môn rốt cuộc đi đâu cho khỏi."

Vua liền cỡi ngựa đi bắn bầy nai. Phu nhân bèn thưa:

–Nay Tỳ-kheo đến đâu?

Tỳ-kheo nói:

–Tôi muốn đến trú xứ của bốn Phật, đến gặp Thế Tôn.

Phu nhân bạch:

–Tỳ-kheo, nay đã đúng lúc. Ngài mau đi đến đó, đừng ở đây nữa, sẽ bị vua hại thì tội vua rất nặng.

Tỳ-kheo ấy liền đứng lên xếp y bát bay lên hư không đi về phương xa. Phu nhân thấy Tỳ-kheo bay cao trên hư không, bèn gọi vua nói:

–Kính mong Đại vương, xem Tỳ-kheo này có đại thần túc. Ngay ở hư không vọt lên, ẩn mất tự tại. Nay Tỳ-kheo ấy còn có sức này, huống Phật Thích-ca Văn mà có thể bì kịp sao?

Tỳ-kheo ấy đến vườn Cù-sư, xả thần túc, bằng pháp bình thường đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Thế Tôn hỏi Tỳ-kheo:

–Thế nào, Tỳ-kheo, nhập hạ ở thành Xá-vệ có nhọc nhằn chăng? Tùy thời khất thực có mệt mỏi không?

Tỳ-kheo đáp:

–Con ở thành Xá-vệ không có gì mệt mỏi.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Hôm nay cớ sao đến đây?

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Con cốt đến hầu thăm sức khỏe Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Nay ngươi thấy Ta và trụ xứ của bốn Đức Phật thời quá khứ đây chăng? Nay ngươi thoát khỏi tay vua, rất là đại kỳ! Sao ngươi không thuyết pháp cho vua? Lại nữa, vua Ưu-điền nói: "Nay Tỳ-kheo hãy thuyết pháp cho ta. Nay cớ sao ông không thuyết pháp cho ta?" Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho vua, vua Ưu-điền sẽ rất hoan hỷ. Đã hoan hỷ, vua sẽ suốt đời cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Vì vua muốn hỏi những sự việc ở trong thiền nên con không đáp nghĩa này.

Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo! Tỳ-kheo sao không nói cho vua nghe những sự việc ở trong thiền?

Tỳ-kheo đáp:

–Vua Ưu-điền dùng thiền này làm gốc; ôm lòng hung bạo, không có tâm Từ, sát hại chúng sinh vô kể, tương ưng với dục, ba độc lừng lẫy, chìm trong vực sâu, không thấy chánh pháp, tập hoặc vô tri, nhóm đủ các ác, hành động kiêu mạn, ỷ thế lực vua, tham đắm tài bảo, khinh mạn người đời, mù không có mắt. Người này dùng thiền làm gì? Phàm pháp thiền định là pháp vi diệu trong các pháp, khó thể giác tri, không có hình tướng, chẳng phải đem tâm lường được. Đây chẳng chỗ người thường đến được, chỉ người trí mới biết. Vì những cớ này nên con không thuyết pháp cho vua.

Bấy giờ Thế Tôn bảo:

–Nếu y cũ rách cần phải giặt mới sạch. Dục tâm cực thịnh cần nên quán tưởng bất tịnh, sau đó bèn trừ được. Nếu sân giận thịnh thì dùng tâm Từ trừ đi. U ám ngu si thì dùng pháp mười hai duyên sau đó trừ hết. Này Tỳ-kheo, cớ sao không thuyết pháp cho vua Ưu-điền? Nếu thuyết pháp, vua sẽ hết sức hoan hỷ. Ngay dù lửa cực mạnh vẫn có thể diệt được, huống nữa là người?

Tỳ-kheo kia im lặng chẳng nói. Bấy giờ, Phật bảo Tỳ-kheo:

–Như Lai xử thế rất đặc biệt. Dù Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, ai hỏi nghĩa Như Lai, Ta sẽ thuyết cho họ. Giả sử quốc vương đại thần, nhân dân hỏi nghĩa Như Lai, Ta cũng sẽ thuyết cho họ. Nếu dòng Sát-đế-lợi, bốn chủng tánh, đến hỏi nghĩa, Ta cũng sẽ thuyết pháp cho.

Vì sao thế? Vì hôm nay, Như Lai được bốn Vô sở úy, thuyết pháp không có khiếp nhược; cũng được bốn Thiền, trong đó tự tại, kiêm đắc bốn Thần túc chẳng thể tính kể, hành bốn Đẳng tâm. Thế nên Như Lai thuyết pháp không có khiếp nhược. La-hán, Bích-chi-phật không có thể kịp được. Thế nên, Như Lai thuyết pháp không khó. Nay, các Tỳ-kheo, các ông hãy tìm phương tiện hành bốn Đẳng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này. Vì sao? Nếu Tỳ-kheo vì chúng sinh, Thiện tri thức được gặp và tất cả cha mẹ, tri thức, thân thuộc đều nên lấy bốn sự dạy khiến họ biết pháp. Thế nào là bốn? Nên cung kính Phật là Bậc Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu, độ người vô lượng.

Hãy nên cầu pháp, tu hành pháp chánh chân, trừ bỏ hành uế ác. Đây là điều mà bậc trí giả tu hành.

Hãy tìm cầu phương tiện cúng dường chúng Tăng. Chúng của Như Lai thường hòa hợp nhau không có tranh tụng, pháp pháp thành tựu[19], giới thành tựu, Tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Đó là bốn đôi, tám bậc, mười hai Hiền sĩ. Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng tôn đáng quý, là ruộng phước vô thượng của thế gian.

Lại nên khuyến trợ khiến hành pháp luật Hiền thánh, không nhiễm ô, tịch tĩnh vô vi. Nếu có Tỳ-kheo nào muốn hành đạo, nên hành đủ pháp bốn sự[20] này. Vì sao thế? Vì pháp cúng dường Tam bảo, tối tôn, tối thượng không ai sánh kịp. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

19. Để bản nhảy sót một chữ pháp. Đây chỉ thành tựu pháp tùy pháp (Pāli: Dhammānudhamma-paṭipanna).

20. Bốn sự nói trên, tức bốn bất hoại tín, bất động tín, hay bốn chứng tịnh. Pāli: Avecca-pasāda.

–Có bốn hành tích của sự[21]. Thế nào là bốn? Có hành tích lạc mà sở hành ngu hoặc; đây là hành tích thứ nhất. Có hành tích lạc mà sở hành nhanh chóng; có hành tích khổ mà sở hành ngu hoặc; có hành tích khổ mà sở hành nhanh chóng.

Thế nào gọi là lạc hành tích, sở hành ngu hoặc? Hoặc có một người tham dục, sân giận, ngu si lừng lẫy, sở hành rất khổ không tương ưng với gốc của hạnh. Người ấy năm căn ngu tối không được lanh lợi. Thế nào là năm? Đó là Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Nếu đem ý ngu để cầu Tam-muội dứt hữu lậu, đấy gọi là lạc hành tích, độn căn đắc đạo.

Thế nào gọi là lạc hành tích, sở hành nhanh chóng? Hoặc có một người không dục, không dâm, hằng tự giảm bớt tham dục không ân cần; sân hận, ngu si rất giảm thiểu. Năm căn lanh lợi, không buông lung. Thế nào là năm? Nghĩa là Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn; đó là năm căn. Có được năm căn, thành tựu Tam-muội, diệt tận hữu lậu thành vô lậu. Đó gọi là bằng lợi căn mà hành nơi đạo tích.

Thế nào gọi là khổ hành tích, sở hành ngu hoặc? Hoặc có một người lòng dâm quá nhiều; sân giận, ngu si lừng lẫy. Người ấy sống với pháp này mà dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu. Đó gọi là khổ hành tích độn căn.

Thế nào gọi là lạc hành tích, sở hành nhanh chóng? Hoặc có một người ít dục, ít dâm, không sân hận, cũng không khởi tưởng hành ba việc này. Lúc ấy, năm căn này không thiếu sót. Thế nào là năm? Nghĩa là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn; đó là năm. Người ấy bằng pháp này mà được Tam-muội, dứt hữu lậu thành vô lậu. Đó gọi là khổ hành lợi căn.

Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn hành tích này. Hãy tìm cầu phương tiện bỏ ba hành tích trước, vâng hành một hành sau. Vì cớ sao? Vì với khổ hành tích, khó đắc Tam-muội. Khi đã đắc, liền thành đạo, tồn tại lâu ở đời. Vì sao thế? Chẳng thể đem lạc cầu lạc, do khổ mà sau mới thành đạo. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường dùng phương tiện

---

[21]. Bốn sự hành tích 四事行跡; bốn thông hành 四通行, xem Pháp Uẩn 3 (T26n1537, tr. 465a23): Khổ trì thông hành 苦遲通行, khổ tốc thông hành 苦速通行, lạc trì thông hành 樂遲通行, lạc tốc thông hành 樂速通行。Pāli, D 33 Saṅgīti (R.iii. 229): Catasso paṭipadā– dukkhā paṭipadā dandhābhiññā, dukkhā paṭipadā khipPābhiññā, sukhā paṭipadā dandhābhiññā, sukhā paṭipadā khipPābhiññā, bốn sự hành trì: Hành trì khổ, chứng trí chậm; hành trì khổ, chứng trí nhanh; hành trì lạc, chứng trí chậm; hành trì lạc, chứng trí nhanh.

thành tựu hành tích này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, trong khu Ca-lan-đà, Trúc viên, cùng với đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, bốn Phạm chí cùng đắc ngũ thông, tu hành pháp lành, ở chung một chỗ, bàn luận với nhau rằng: "Lúc thần chết đến, chẳng tránh người mạnh khỏe. Mỗi người hãy ẩn nấp khiến thần chết không biết chỗ đến.

Lúc ấy, một Phạm chí bay lên không trung, muốn được khỏi chết; nhưng tránh chẳng khỏi, mà chết ở không trung. Vị Phạm chí thứ hai lặn xuống đáy biển lớn, muốn được khỏi chết, nhưng chết ở đó. Phạm chí thứ ba muốn khỏi chết, chui vào lòng núi Tu-di và chết trong đó. Phạm chí thứ tư chui xuống đất, đến mé kim cương, muốn được thoát chết, lại chết ở đó.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhãn xem thấy bốn Phạm chí, mỗi người đều tránh chết mà đều cùng chết.

Thế Tôn liền nói kệ:

Không phải hư không, biển
Không phải vào hang đá
Không có địa phương nào
Thoát khỏi không bị chết.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ở đây, này Tỳ-kheo, có bốn vị Phạm chí, tụ tập một nơi, muốn được khỏi chết. Mỗi người quay tìm chỗ chạy mà không khỏi chết. Một người ở hư không, một người vào biển lớn, một người vào lòng núi, một người xuống đất, đồng chết hết. Thế nên, các Tỳ-kheo, muốn được khỏi chết, nên tư duy bốn pháp bổn. Thế nào là bốn?

Tất cả hành vô thường; đó là pháp bổn thứ nhất, hãy niệm tưởng tu hành. Tất cả hành là khổ, đó là pháp bổn thứ hai, hãy nên tư duy. Tất cả pháp vô ngã; đây là pháp bổn thứ ba, hãy nên tư duy. Niết-bàn là diệt tận; đây là pháp bổn thứ tư, hãy nên cùng tư duy. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy cùng tư duy bốn pháp này. Vì sao thế? Vì sẽ thoát sinh,

già, bệnh, chết, sầu lo não khổ. Đây là nguồn của khổ. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trời Tam thập tam có bốn vườn cảnh để ngắm. Chư Thiên ở đó vui chơi hưởng vui ngũ dục. Bốn vườn gì?

1. Vườn cảnh Nan-đàn-bàn-na[22].

2. Vườn cảnh Thô sáp[23].

3. Vườn cảnh Trú dạ[24].

4. Vườn cảnh Tạp chủng[25].

Trong bốn vườn có bốn ao tắm, ao tắm rất mát, ao tắm hương thơm, ao tắm nhẹ nhàng, ao tắm trong suốt. Thế nào là bốn? Ao tắm Nan-đà[26], ao tắm Nan-đà đảnh, ao tắm Tô-ma[27]; ao tắm Hoan duyệt[28]. Tỳ-kheo nên biết, trong bốn vườn có bốn ao tắm này khiến người thân thể thơm sạch, không có bụi bặm.

Vì sao gọi là vườn Nan-đà-bàn-na? Nếu trời Tam thập tam vào vườn Nan-đàn-bàn-na, tâm tánh sẽ vui vẻ không kiềm được; ở đó vui chơi, nên gọi là vườn Nan-đàn-bàn-na.

Vì sao gọi là vườn Thô sáp? Nếu trời Tam thập tam vào trong vườn này, thân thể sẽ hết sức thô. Ví như mùa đông lấy hương bôi lên thân, thân hết sức thô, chẳng như lúc thường. Vì thế nên gọi là vườn

---

22. Nan-đàn-bàn-na 難檀槃那。Skt. (Pāli đồng): Nandana-vana. Xem Trường 20, kinh 30, phẩm Đao-lợi.

23. Thô sáp 麤澀。Skt. Pāruwya. (Pāli: Phārusa, Phārusaka). Xem Trường 20, dẫn trên.

24. Trú dạ 晝夜。Theo giải thích đoạn sau, rõ ràng Hán dịch từ này sai. Skt. Caitrarati (Pāli: Cittalatā-vana; Cf. J.i. 204). Xem Trường 20, dẫn trên: Họa lạc viên 晝樂園。

25. Tạp chủng 雜種。Skt. Mizraka (Pāli: Missaka). Xem Trường 20, dẫn trên.

26. Nan-đà dục trì 難陀浴池。Pāli: Nandā-pokkharaṇī, cf. J. 204. 205.

27. Tô-ma 蘇摩。

28. Hoan duyệt 歡悅。

Thô sáp.

Sao gọi là vườn Trú dạ? Khi trời Tam thập tam vào trong vườn này, nhan sắc chư Thiên sẽ khác nhau, tạo bao nhiêu hình thể, ví như phụ nữ mặc các loại áo xiêm, chẳng giống lúc thường. Đây cũng như thế. Nếu trời Tam thập tam vào trong vườn sẽ trở thành các hình sắc không giống lúc thường. Vì thế nên gọi là vườn Trú dạ.

Vì sao gọi là vườn Tạp chủng? Bấy giờ các vị trời tôn quý nhất và trời bậc trung và trời bậc thấp, khi vào trong vườn này đều trở thành giống nhau. Nếu là trời thấp nhất thì không được vào ba vườn kia. Ví như vườn của Chuyển luân thánh vương vào, các vua khác không được vào vườn tắm rửa. Còn nhân dân chỉ có thể đứng xa nhìn. Đây cũng như thế, nếu chỗ trời thần cao nhất vào tắm rửa, các trời nhỏ khác không được vào. Thế nên, gọi là vườn Tạp chủng[29].

Vì sao gọi là ao tắm Nan-đà? Nếu trời Tam thập tam vào trong vườn này, lòng sẽ rất vui vẻ. Thế nên gọi là ao tắm Nan-đà.

Vì sao gọi là ao tắm Nan-đà đảnh? Nếu trời Tam thập tam vào trong vườn này, từng cặp hai người nắm tay chà trên đỉnh đầu mà tắm. Ngay trong Thiên nữ cũng làm như thế. Do đó gọi là ao tắm Nan-đà đảnh.

Vì sao gọi là ao tắm Tô-ma? Nếu trời Tam thập tam vào trong ao tắm này, bấy giờ, nhan mạo chư Thiên đều giống như người, không có đa dạng. Thế nên gọi ao tắm Tô-ma.

Vì sao gọi là ao tắm Hoan duyệt? Nếu trời Tam thập tam vào trong ao này sẽ đều không có lòng kiêu mạn cao thấp, tâm dâm giảm bớt, bấy giờ đồng nhất tâm mà tắm. Thế nên gọi là ao tắm Hoan duyệt.

Đó là, này Tỳ-kheo, có nhân duyên này, có tên này.

Nay trong chánh pháp của Như Lai cũng lại như thế. Có tên bốn vườn. Thế nào là bốn?

Vườn Từ, vườn Bi, vườn Hỷ, vườn Xả*. Đó là, Tỳ-kheo, trong chánh pháp Như Lai có bốn vườn này.

Tại sao gọi là vườn Từ? Tỳ-kheo nên biết, do vườn Từ này mà sinh lên trời Phạm thiên; từ cõi trời Phạm thiên đó chết đi, sinh trong nhà hào quý, nhiều tiền lắm của, hằng có vui ngũ dục, vui thú chưa từng rời mắt. Thế nên gọi là vườn Từ.

Vì sao gọi là vườn Bi? Tỳ-kheo nên biết, nếu hay thân cận tâm Bi

---

29. Văn Hán dịch đoạn này mâu thuẫn nhau. Nên hiểu, chỉ vườn Tạp chủng, chư Thiên bình đẳng vào được hết. Ba vườn kia, tùy theo bậc lớn nhỏ.

giải thoát thì sinh cõi trời Phạm quang âm. Nếu sinh trở lại trong loài người thì sinh nhà tôn quý, không có sân giận, cũng nhiều tiền lắm của. Vì thế nên gọi là vườn Bi.

Vì sao gọi là vườn Hỷ? Nếu người hay thân cận vườn Hỷ thì sinh trời Quang âm. Nếu sinh trở lại trong loài người thì sinh nhà quốc vương, lòng thường hoan hỷ. Vì thế nên gọi là vườn Hỷ.

Vì sao gọi là vườn Xả*? Nếu người thân cận xả thì sẽ sinh trời Vô tưởng, thọ bốn vạn tám ngàn kiếp. Nếu lại sinh trong loài người thì sinh nhà ở chốn trung ương, cũng không sân hận, hằng bỏ[30] tất cả hành phi pháp. Vì thế nên gọi là vườn Xả.

Tỳ-kheo nên biết, trong chánh pháp Như Lai có bốn vườn này khiến các Thanh văn được dạo chơi trong ấy. Trong bốn vườn này của Như Lai có bốn hồ tắm để hàng Thanh văn của ta tắm rửa, dạo chơi trong ấy, dứt hết hữu lậu thành tựu vô lậu, không còn trần cấu. Những gì là bốn? Hồ có hữu giác, có quán; hồ tắm không giác, không quán; hồ tắm xả* niệm; hồ tắm không khổ, không lạc.

Thế nào là hồ tắm có giác, có quán[31]? Nếu có Tỳ-kheo được Sơ thiền rồi, ở trong các pháp hằng có giác quán, tư duy pháp trừ bỏ kết sử triền cái, vĩnh viễn không còn dư tàn. Thế nên gọi có giác, có quán.

Thế nào là hồ tắm không giác, không quán[32]? Nếu có Tỳ-kheo đắc Nhị thiền rồi, diệt có giác, có quán, lấy thiền làm thức ăn. Vì thế gọi là không giác, không quán.

Thế nào gọi là hồ tắm Xả* niệm? Nếu Tỳ-kheo được Tam thiền rồi, diệt có giác, có quán; không giác, không quán, hằng xả* niệm Tam thiền[33]. Vì thế gọi là hồ tắm xả niệm.

Thế nào gọi là hồ tắm Không khổ không lạc[34]? Nếu Tỳ-kheo được Tứ thiền rồi, cũng không niệm lạc, cũng chẳng niệm khổ; cũng không niệm pháp quá khứ, vị lai, chỉ dụng tâm ở trong pháp hiện tại, thế nên gọi là hồ tắm Không khổ không lạc.

Do vậy, này các Tỳ-kheo, trong chánh pháp của Như Lai có bốn hồ tắm này, để hàng Thanh văn của ta ở trong ấy tắm rửa, diệt hai mươi

---

30. Hán: Hộ, nghĩa không rõ bằng xả.

31. Hữu giác hữu quán 有覺有觀, chỉ hữu tầm hữu tứ địa, bậc Sơ thiền.

32. Vô giác vô quán 無覺無觀: vô tầm vô tứ địa, bậc Nhị thiền.

33. Hán: Hộ niệm 護念, chính xác: Xả niệm; ly hỷ trụ xả, an trú lạc với niệm, gọi là ly hỷ diệu lạc địa, bậc Tam thiền.

34. Bất khổ bất lạc 不苦不樂; xả niệm thanh tịnh địa, xả và niệm thanh tịnh, bậc Tứ thiền trở lên.

mốt kết, qua biển sinh tử, vào thành Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, nếu muốn qua biển sinh tử này, hãy tìm cầu phương tiện diệt hai mươi mốt kết, vào thành Niết-bàn. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6[35]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ví như bốn con rắn độc lớn hết sức hung bạo được bỏ chung trong một cái hộp. Nếu có người từ bốn phương đến, muốn sống, không muốn chết, muốn tìm vui không tìm khổ, chẳng ngu chẳng tối, tâm ý không rối loạn, không bị lệ thuộc gì, khi ấy, nếu vua hay đại thần của vua gọi người này bảo: "Nay có bốn con rắn độc lớn, hết sức hung bạo. Ông nên tùy thời nuôi nấng, tắm rửa chúng cho sạch; tùy thời cho ăn uống, đừng để thiếu thốn. Nay là lúc thích hợp, hãy làm điều thích hợp phải làm!"

Người kia trong lòng sợ hãi không dám tới thẳng trước, bèn bỏ chạy không biết đường nào. Người kia lại được bảo rằng: "Nay ta sai năm người cầm đao kiếm theo sau ông. Nếu họ bắt được sẽ dứt mạng ông. Chớ nên chậm trễ."

"Người kia sợ bốn con rắn độc lớn, lại sợ năm người cầm đao kiếm, phóng chạy tứ tung, không biết phải làm gì. Người kia lại được bảo rằng: "Nay ta lại sai sáu oan gia theo sau ông. Ai bắt được sẽ dứt mạng ông. Muốn làm gì hãy làm đi!"

Người kia sợ bốn con rắn độc lớn, lại sợ năm người cầm đao kiếm, lại sợ sáu oan gia, liền phóng chạy khắp nơi. Người kia khi thấy trong cái xóm hoang, muốn vào đó núp; hoặc gặp nhà trống, hoặc gặp vách đổ, không có gì chắc chắn; hoặc thấy một cái ghe trống, hoàn toàn không có gì. Khi ấy có người thân hữu với người ấy, muốn giúp đỡ cho khỏi nạn, liền bảo: "Chỗ vắng vẻ này nhiều giặc cướp, muốn làm gì thì cứ tùy ý."

Người kia đã sợ bốn rắn độc lớn, lại sợ năm người cầm đao kiếm,

---

[35] *Tham chiếu Pāli, S 55 197 Āsīvisopama (R.iv. 172).*

lại sợ oan gia, lại sợ trong thôn trống vắng, liền phóng chạy khắp nơi. Người ấy khi thấy phía trước có dòng nước lớn, vừa sâu vừa rộng, cũng không có người và cầu đò để có thể qua được bờ kia, mà chỗ người ấy đứng lại nhiều giặc cướp hung ác. Lúc đó, người ấy nghĩ: "Nước này rất sâu rộng, nhiều giặc cướp, làm sao qua được bờ kia? Nay ta nên gom góp cây cối cỏ rác làm bè, nương vào bè này mà từ bờ bên đây qua đến bờ bên kia." Người ấy liền gom cây cỏ làm bè, rồi qua được bờ kia, chí không di động.

Các Tỳ-kheo nên biết, nay ta lấy ví dụ, nên khéo suy nghĩ. Nói nghĩa này là có nghĩa gì?

Bốn rắn độc là bốn đại. Thế nào là bốn đại? Đó là đất, nước, gió, lửa. Đó là bốn đại.

Năm người cầm kiếm tức năm thạnh ấm. Thế nào là năm? Đó là sắc ấm, thọ* ấm, tưởng, hành ấm, thức ấm.

Sáu oan gia là ái dục.

Thôn trống là sáu nhập bên trong[36]. Thế nào là sáu?

Đó là nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập. Nếu người có trí tuệ, khi quán mắt, thấy thảy đều trống không, không chỗ gì, hư dối, lặng lẽ, không bền chắc. Khi quán tai, mũi, miệng, thân, ý, thấy đều trống không, đều rỗng lặng, cũng không bền chắc.

Nước là bốn dòng. Thế nào là bốn? Tức là dục lưu, hữu lưu, vô minh lưu, kiến lưu[37].

Bè lớn là tám đạo phẩm của Hiền thánh. Thế nào là tám? Chánh kiến, chánh trị, chánh ngữ, chánh phương tiện, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh niệm, chánh định. Đó là tám đạo phẩm Hiền thánh.

Muốn vượt qua nước là sức tinh tấn với phương tiện khéo léo. Bờ này là thân tà[38]. Bờ kia là diệt thân tà. Bờ này là quốc giới của vua A-xà-thế. Bờ kia là quốc giới của vua Tỳ-sa. Bờ này là quốc giới của Ba-tuần. Bờ kia là quốc giới của Như Lai.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

36. Nội lục nhập 內六入, tức sáu nội xứ.

37. Bốn lưu 四流, hay bốn bộc lưu.

38. Thân tà 身邪, tức hữu thân kiến.

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Lúc ấy trong thành Xá-vệ có một Ưu-bà-tắc vừa mạng chung và lại sinh trong nhà đại trưởng giả tại thành Xá-vệ. Vị phu nhân lớn nhất mang thai. Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh không tỳ vết để xem; thấy Ưu-bà-tắc này sinh trong nhà trưởng giả giàu nhất thành Xá-vệ. Ngay ngày đó lại có Phạm chí thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục. Thế Tôn cũng dùng Thiên nhãn xem thấy. Cũng ngay ngày đó, Trưởng giả A-na-bân-để mạng chung, sinh cõi thiện, lên trời. Thế Tôn cũng dùng Thiên nhãn xem thấy. Ngay ngày hôm đó, cũng có một Tỳ-kheo chứng nhập Niết-bàn, Thế Tôn cũng bằng Thiên nhãn mà nhìn thấy.

Bấy giờ, Thế Tôn thấy bốn việc này rồi, liền nói kệ này:

Nếu người thọ bào thai
Hành ác vào địa ngục
Người lành sinh lên trời
Vô lậu nhập Niết-bàn.
Nay người hiền thọ thai
Phạm chí vào địa ngục
Tu-đạt sinh lên trời
Tỳ-kheo thì diệt độ.

Bấy giờ, Thế Tôn rời tĩnh thất, đến giảng đường Phổ tập mà ngồi, rồi Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay có bốn việc mà nếu người tu hành theo thì khi thân hoại mạng chung sẽ được sinh trong loài người. Thế nào là bốn? Người mà thân, miệng, ý và mạng thanh tịnh không tỳ vết, lúc mạng chung sẽ được sinh trong loài người.

Này Tỳ-kheo, lại có bốn pháp mà ai tập hành, người đó sẽ vào trong địa ngục. Thế nào là bốn? Thân, miệng, ý và mạng không thanh tịnh. Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn pháp này mà ai thân cận thì khi thân hoại mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục.

Lại nữa, này Tỳ-kheo, lại có bốn pháp mà nếu người tu tập hành theo thì sẽ sinh cõi lành, lên trời. Thế nào là bốn? Bố thí, nhân ái, lợi người, đồng lợi. Đó là, này Tỳ-kheo, ai hành pháp này, khi thân hoại mạng chung sẽ sinh cõi lành, lên trời.

Lại nữa, này Tỳ-kheo, lại có bốn pháp nếu ai tập hành theo, khi thân hoại mạng chung, diệt tận hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, như thật mà biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh nữa. Thế nào là bốn? Thiền có giác, có quán; thiền không giác, không quán; xả* niệm; thiền khổ lạc diệt. Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn pháp này, nếu ai tu tập thực hành theo đó thì sẽ diệt tận hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, như thật mà biết rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh nữa."

Thế nên, này các Tỳ-kheo, nếu thiện gia nam tử trong bốn bộ chúng, muốn sinh trong loài người, hãy tìm cầu phương tiện hành thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh. Nếu muốn được sinh lên cõi trời, cũng hãy tìm cầu phương tiện hành bốn ân huệ. Nếu muốn được hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, cũng hãy tìm cầu phương tiện hành bốn Thiền. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8[39]

Nghe như vầy:

Một thời Phật ngoài thành Tỳ-xá-ly, trong một khu rừng. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Xưa, lúc Ta chưa thành đạo, lúc ấy, Ta sống trong núi Đại úy[40]. Nếu ai có lòng dục hay không lòng dục mà vào trong núi này, lông tóc đều dựng ngược. Lại gặp lúc quá nóng nực, sóng nắng tung hoành, Ta cởi trần mà ngồi, ban đêm thì vào rừng sâu. Lúc trời quá lạnh, gió mưa dồn dập thì ban ngày Ta vào trong rừng, ban đêm ngủ ngoài trời. Bấy giờ, Ta hay tụng một bài kệ mà xưa chưa từng nghe, chưa từng thấy:

Lạnh lẽo, đêm nghỉ
Trong núi Đại úy
Thân thể cởi trần

---

39. Tham chiếu Pāli, M 12 Mahāsīhanādasutta (R. i. 68).

40. Đại úy sơn. Pāli, ibid. tr. 79: Aññataraṃ bhiṃsanakaṃ vanasaṇḍaṃ, vào một khu rừng rậm hãi hùng; không phải danh từ riêng.

Ta đã thệ nguyện[41].

Hoặc Ta đến gò mả để lấy áo người chết che mình. Bấy giờ, có người xóm Án-trá[42] đến lượm nhánh cây đâm vào tai Ta hay thọc vào mũi Ta. Có người khạc nhổ, có người đi tiểu hoặc lấy đất bôi lên mình Ta. Nhưng Ta trọn không nghĩ gì về họ. Lúc ấy, Ta có tâm xả này.

Bấy giờ, tại chỗ chuồng bò, nếu thấy phân bê, Ta liền lấy ăn. Nếu không có phân bê, Ta liền ăn phân bò. Khi ăn món này, Ta nghĩ: "Nay ăn để làm gì? Hãy nhịn trọn ngày." Lúc Ta nghĩ vậy, chư Thiên đến chỗ Ta bảo: "Nay Ngài chớ nhịn ăn nữa. Nếu Ngài nhịn, tôi sẽ đem cam lồ, tinh khí giúp Ngài sống." Ta lại nghĩ: "Đã nhịn ăn sao lại để chư Thiên đem cam lồ cho Ta? Đó là sự dối trá." Rồi Ta lại nghĩ: "Nay có thể ăn các thứ mè, gạo bỏ dư." Bấy giờ, mỗi ngày Ta ăn một hạt mè, một hạt gạo, thân hình liệt nhược, xương cốt dính nhau. Trên đỉnh đầu mọc mụt nhọt, da thịt rơi rớt. Ví như trái bầu khô vỡ, không lành lặn, đầu Ta lúc ấy cũng thế, trên đỉnh mọc nhọt, da thịt rơi rớt, do không ăn. Cũng như tinh tú hiện trong giếng sâu; lúc ấy mắt Ta cũng thế, đều vì không ăn. Ví như xe cũ hư nát, thân Ta cũng thế, tất cả đều hư hỏng không thể theo ý mình. Cũng như dấu chân lạc đà, hai xương cùng của ta cũng thế. Nếu khi Ta lấy tay đè bụng, liền đụng xương sống. Nếu lúc đè xương sống, liền đụng da bụng. Thân thể ốm yếu đều vì không ăn. Bấy giờ Ta đã dùng một hạt mè, một hạt gạo làm thức ăn mà trọn vô ích, chẳng được pháp thượng tôn. Nếu muốn đại, tiểu tiện, Ta liền té xuống đất, không tự đứng lên được.

Bấy giờ, chư Thiên trông thấy liền nói: "Sa-môn Cù-đàm đã diệt độ!" Lại có chư Thiên nói: "Sa-môn này chưa chết, nay ắt phải chết." Có chư Thiên lại nói: "Sa-môn này không phải chết! Sa-môn này thực là A-la-hán. Pháp La-hán thường có khổ hành này."

Bấy giờ, Ta còn thần thức, biết được chuyện bên ngoài. Ta lại nghĩ: "Nay lại nhập vào thiền không hơi thở." Và Ta liền nhập vào thiền không hơi thở, đếm hơi thở ra vào. Ta do đếm hơi thở ra vào, giác biết có hơi từ lỗ tai ra. Khi ấy tiếng gió như tiếng sấm. Ta lại nghĩ: "Nay Ta ngậm miệng, bịt tai cho hơi thở không ra." Hơi thở vì không ra được, khi đó hơi thở theo chân và tay mà ra. Giả sử khi hơi không ra từ tai, mũi, miệng, bấy giờ, bên trong như tiếng sấm rền. Ta cũng thế, khi ấy thần thức vẫn còn chuyển theo thân.

---

41. Pāli, ibid., esanāpasuto muni'ti: Ẩn sĩ (Mâu-ni) với ước nguyện nhiệt thành.

42. Án-tra thôn nhân. Pāli, ibid. Gāmaṇḍala, bọn mục đồng. Nhưng Hán đọc là Aṇḍalagāma, đảo âm vận.

Ta lại nghĩ: "Ta hãy nhập lại thiền nín thở." Khi ấy, Ta phong bế hết các lỗ thở. Ta vì phong bế các hơi thở ra vào, đầu trán liền đau nhức như có người lấy dùi mà dùi đầu. Ta cũng vậy, đầu đau rất khổ sở.

Bấy giờ, Ta vẫn còn thần thức. Ta lại nghĩ: "Nay Ta nên ngồi thiền, dứt hơi thở, không cho hơi thở ra vào." Khi ấy, Ta liền bít hơi thở ra vào. Các hơi thở dồn xuống bụng. Lúc hơi thở chuyển động hết sức nhỏ nhiệm. Như đồ tể cầm đao giết bò, Ta cũng vậy, hết sức đau đớn. Cũng như một người yếu đuối bị hai người mạnh khỏe nắm lấy đem nướng trên lửa, đau đớn chịu không nổi. Ta cũng vậy, khổ đau này không thể trình bày đầy đủ.

Bấy giờ, Ta vẫn có thần thức. Ngày ngày Ta ngồi thiền, thân thể không có màu sắc giống người. Có người trông thấy nói: "Sa-môn này có màu da quá đen." Có người thấy nói: "Sa-môn này có da như màu chàm."[43]

Tỳ-kheo, nên biết, trong sáu năm tu hành khổ hạnh này mà chẳng được phép thượng tôn, bấy giờ, Ta nghĩ: "Hôm nay nên ăn một trái cây." Ta liền ăn một trái. Khi Ta ăn ngày một trái, thân hình yếu đuối, không thể tự đi đứng, như một trăm hai mươi tuổi, đốt xương rời rạc, chẳng thể nâng đỡ. Tỳ-kheo nên biết, một quả khi ấy bằng một trái táo nhỏ bấy giờ. Bấy giờ, Ta lại nghĩ: "Đây chẳng phải căn bản Ta thành đạo. Hẳn phải có con đường khác."

Ta lại nghĩ: "Ta nhớ lại ngày xưa ở dưới gốc cây của Phụ vương, không dâm, không dục, trừ bỏ pháp ác bất thiện, nhập Sơ thiền. Không giác không quán, nhập Nhị thiền. Niệm thanh tịnh, không có các tưởng, nhập Tam thiền. Không khổ lạc, ý niệm thanh tịnh, nhập Tứ thiền. Có thể đây là đạo. Nay Ta nên tìm đạo này."

Trong sáu năm, Ta cầu đạo cần khổ mà không thành tựu, hoặc nằm trên gai góc, hoặc nằm trên ván đóng đinh sắc, hoặc treo thân thể cách xa mặt đất, hai chân ở trên, đầu chúc xuống, hoặc tréo chân ngồi xoạc cẳng, hoặc để râu tóc dài không hề cạo hớt, hoặc ngày phơi lửa thiêu đốt, hoặc thời tiết đông lạnh ngồi trên băng, thân thể chìm trong nước, hoặc lặng lẽ không nói, hoặc có lúc một ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày ăn một bữa, hoặc ba ngày một bữa, hoặc bốn ngày một bữa, cho đến bảy ngày một bữa, hoặc ăn rau trái, hoặc ăn lúa mè, hoặc ăn rễ cỏ, hoặc ăn trái cây, hoặc ăn hương hoa, hoặc ăn các thứ quả, củ. Có lúc ở trần, có lúc mặc y rách nát, hoặc đắp y bằng cỏ gấu, hay đắp y lông dạ, có lúc lấy tóc người che thân, có lúc để tóc, có lúc lấy tóc người

---

43. Để bản: Tợ chung 似終, như người chết. TNM: Tợ lục, như màu xanh lục.

khác đội thêm.

Như thế Tỳ-kheo, khi xưa Ta khổ hành đến như vậy mà chẳng thu hoạch được căn bản của bốn pháp. Thế nào là bốn? Nghĩa là giới luật Hiền thánh khó tỏ, khó biết; trí tuệ Hiền thánh khó tỏ, khó biết; giải thoát Hiền thánh, khó tỏ, khó biết; Tam-muội Hiền thánh khó tỏ, khó biết. Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn pháp này. Xưa Ta khổ hạnh chẳng được cốt yếu này.

Bấy giờ, Ta lại nghĩ: "Nay Ta cần phải tìm cầu được đạo Vô thượng. Thế nào là đạo Vô thượng? Đó là hướng về bốn pháp này: "Giới luật Hiền thánh, Tam-muội Hiền thánh, trí tuệ Hiền thánh, giải thoát Hiền thánh."

Rồi Ta lại nghĩ: "Chẳng thể đem thân ốm yếu này mà cầu đạo thượng tôn. Nên ăn chút ít để được khí tinh vi, nuôi nấng thân thể, khí lực mạnh mẽ. Sau đó mới tu hành đắc đạo."

Ngay khi Ta ăn chút ít, được khí tinh vi, năm Tỳ-kheo bỏ Ta mà đi: "Sa-môn Cù-đàm này tánh hạnh thác loạn, bỏ chân pháp theo nghiệp tà."

Lúc đó Ta từ chỗ ngồi đứng dậy, kinh hành theo hướng Đông. Ta lại nghĩ: "Chỗ thành đạo của hằng sa chư Phật đời quá khứ là ở đâu?" Ngay khi ấy, phía trên Ta, có Thiên thần đứng giữa hư không, nói với Ta rằng: "Hiền sĩ, nên biết, hằng sa chư Phật quá khứ ngồi dưới bóng mát cây đạo thọ mà thành Phật." Rồi Ta lại nghĩ: "Ngồi chỗ nào mà được thành Phật?" Chư Thiên lại bảo Ta: "Quá khứ hằng sa chư Phật ngồi trên đệm cỏ, rồi sau đó mới thành Phật."

Khi ấy, cách Ta không xa, có Phạm chí Cát Tường cắt cỏ một bên. Ta liền đến đó hỏi: "Ông là ai? Tên gì? Có họ gì?" Phạm chí đáp: "Tôi tên Cát Tường, họ Phất Tinh."

Ta bảo người ấy: "Lành thay, lành thay! Tên họ như thế rất hiếm có. Họ tên không dối mới thành hiệu này, khiến ông hiện đời tốt lành, không bất lợi, trọn vẹn khiến ông trừ sạch sinh, già, bệnh, chết. Ông họ Phất Tinh, cũng đồng với Ta lúc trước. Nay Ta muốn xin ít cỏ." Cát Tường hỏi: "Nay Cù-đàm dùng cỏ để làm gì?" Ta đáp Cát Tường: "Ta muốn trải dưới cây Thọ vương để cầu bốn pháp. Thế nào là bốn? Đóa là giới luật Hiền thánh, Tam-muội Hiền thánh, trí tuệ Hiền thánh, giải thoát Hiền thánh."

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ Cát Tường tự thân đem cỏ trải dưới cây thọ vương. Rồi Ta ngồi lên, chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, buộc niệm ở trước. Bấy giờ Ta cởi bỏ lòng tham dục, trừ các ác pháp, có

giác, có quán, nhập Sơ thiền. Trừ diệt có giác, có quán, tâm nhập Nhị thiền, Tam thiền; xả* niệm thanh tịnh, ưu hỷ trừ sạch, tâm nhập Tứ thiền[44].

Bấy giờ, Ta với tâm thanh tịnh, trừ các kết sử, đắc vô sở úy, tự biết túc mạng biến đổi vô số. Ta liền tự nhớ việc vô số đời, hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn, năm đời, mười đời, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, một trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn, vạn đời; kiếp thành kiếp hoại, vô số kiếp thành, vô số kiếp hoại, vô số kiếp thành hoại. Ta từng chết đây, sinh kia; từ kia mạng chung đến sinh nơi này; nguồn gốc nhân duyên gốc ngọn đưa đến, nhớ việc vô số đời như thế.

Ta lại bằng Thiên nhãn thanh tịnh, không tỳ vết, quán chúng sinh, kẻ sinh, người chết, cõi lành sắc lành, cõi ác sắc ác, hoặc đẹp hay xấu tùy hành bổn, Ta thảy đều biết rõ. Hoặc có chúng sinh thân, miệng, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, tạo gốc nghiệp tà, tương ưng với tà kiến, thân hoại mạng chung, sinh trong địa ngục. Hoặc có chúng sinh thân, miệng, ý hành thiện không phỉ báng Hiền thánh, tương ưng với chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh ở nhân gian. Đó là chúng sinh thân, miệng, ý không có tà nghiệp.

Ta do tâm Tam-muội thanh tịnh không tỳ vết, dứt hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, như thật biết rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh, liền thành Vô thượng Chánh chân."

Này các Tỳ-kheo, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn rõ biết các nẻo, nhưng những đường này, vốn ngày xưa Ta chưa có đường nào chẳng đi, chỉ trừ chưa hề một lần sinh lên trời Tịnh cư vì không còn trở lại cõi này. Hoặc lại với một số Sa-môn, Bà-la-môn, đó là chỗ đáng tái sinh nhưng Ta chẳng sinh, vì không thích hợp. Vì đã sinh lên trời Tịnh cư thì không còn trở lại thế gian này nữa.

Các ông đã được giới luật Hiền thánh, Ta cũng được. Các ông được Tam-muội Hiền thánh, Ta cũng được. Các ông được giải thoát Hiền thánh, Ta cũng được. Các ông được giải thoát tri kiến Hiền thánh, Ta cũng được. Ta đã cắt dứt gốc rễ bào thai, sinh tử đã hết hẳn, không còn tái sinh.

Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy cầu phương tiện thành tựu bốn pháp. Vì sao thế? Vì nếu Tỳ-kheo nào được bốn pháp này thì thành đạo không khó. Như ngày nay, Ta thành đạo Vô thượng Chánh chân đều do bốn pháp này mà được thành quả. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

---

44. Để bản, nhảy sót Tam thiền. Xem các kinh trên.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Quá khứ lâu xa, trời Tam thập tam là Thích Đề-hoàn Nhân cùng các ngọc nữ đến vườn Nan-đàn-bàn-na dạo chơi. Có một Thiên nhân làm kệ:

Không thấy vườn Nan-đàn
Thì chẳng biết có vui
Các chỗ chư Thiên ở
Không đâu hơn nơi này.

Bấy giờ, có vị trời bảo Thiên nhân ấy rằng:

–Ông nay không trí, không biết phân biệt chánh lý. Vật ưu khổ mà ngược lại cho là vui. Vật không bền chắc mà nói là bền. Vật vô thường nói ngược là thường. Vật không lõi chắc lại nói lõi chắc. Vì sao? Vì ông không nghe Như Lai nói kệ sao?

Tất cả hành vô thường
Có sinh tất có chết
Không sinh thì không chết
Diệt này là vui nhất.

Đã có nghĩa này, lại có kệ này. Sao ông nói cõi này vui nhất? Nay ông nên biết, Như Lai cũng nói pháp bốn lưu. Nếu chúng sinh chìm trong những dòng này, trọn chẳng đắc đạo. Những gì là bốn? Nghĩa là dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu.

Thế nào gọi là dục lưu? Dục lưu gồm năm dục. Thế nào là năm? Nghĩa là mắt thấy sắc khởi nhãn thức tưởng, tai nghe tiếng khởi thức tưởng, mũi ngửi mùi khởi thức tưởng, lưỡi nếm vị khởi thức tưởng, thân biết xúc chạm khởi thức tưởng. Đó gọi là dục lưu.

Thế nào là hữu lưu? Hữu lưu tức là ba hữu. Thế nào là ba? Nghĩa là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Đó là hữu lưu.

Thế nào gọi là kiến lưu? Kiến lưu nghĩa là chấp thế gian là thường, vô thường; thế gian là hữu biên, vô biên; có thân, có mạng;

chẳng phải thân, chẳng phải mạng; Như Lai có chết, Như Lai không chết, hoặc Như Lai vừa chết Như Lai không chết, không phải Như Lai vừa chết cũng không phải Như Lai không chết. Đó gọi là kiến lưu.

Thế nào là vô minh lưu? Vô minh là không biết, không tin, không thấy; tâm ý tham dục, hằng mong cầu và có năm triền cái: Tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, điệu hý cái, nghi cái. Lại chẳng biết Khổ, chẳng biết Tập, chẳng biết Diệt, chẳng biết Đạo. Đó gọi là vô minh lưu.

Thiên tử nên biết, Như Lai nói bốn dòng này. Nếu có ai chìm vào đây thì chẳng thể đắc đạo.

Bấy giờ, vị trời kia nghe lời này xong, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, từ trời Tam thập tam biến mất, đi đến chỗ Ta, cúi lạy rồi đứng một bên. Trời ấy bạch với Ta:

–Lành thay, Thế Tôn, khéo nói nghĩa này: Như Lai đã nói bốn dòng. Nếu phàm phu chẳng nghe bốn dòng này thì chẳng được bốn an lạc. Thế nào là bốn? Đó là lạc do phục tức[45], lạc chánh giác, lạc của Sa-môn, lạc Niết-bàn. Nếu phàm phu chẳng biết bốn dòng này thì chẳng được bốn an lạc này.

Nói vậy xong, Ta lại bảo:

–Đúng vậy, Thiên tử, như lời ông nói, nếu không biết được bốn dòng này thì không biết được bốn an lạc này.

Rồi Ta tuần tự nói các đề tài cho Thiên nhân kia, đề tài về thí, đề tài về giới, đề tài về sinh Thiên, dục là tưởng bất tịnh, là hữu lậu, là tai hoạn lớn, xuất yếu là an lạc.

Bấy giờ, Thiên nhân đã phát tâm hoan hỷ, Ta liền diễn nói rộng về pháp bốn dòng và nói về bốn an lạc. Khi ấy, vị trời kia chuyên tâm nhất ý tư duy pháp này, sạch các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Nay Ta cũng nói bốn pháp, bốn lạc này, để được pháp bốn Đế. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Nghe như vầy:

---

[45]. Phục tức 休息, hay tô tức 蘇息, sự phục hồi hơi thở bình thường; chỉ trạng thái an ổn của A-la-hán. Pāli: Assānīya-dhamma.

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nên tu tưởng vô thường, nên quảng bá tưởng vô thường. Đã tu tưởng vô thường, quảng bá tưởng vô thường thì đoạn ái Dục giới, ái Sắc giới, ái Vô sắc giới, đoạn tận vô minh, đoạn tận kiêu mạn. Ví như đốt cháy cây cỏ, tất cả đều dập tắt hết. Đây cũng vậy, nếu tu tưởng vô thường thì đoạn trừ hết tất cả kết sử. Vì sao?

Ngày xưa rất lâu, có một Thiên tử đem năm trăm ngọc nữ, theo nhau kẻ trước người sau, đến dạo chơi trong vườn Nan-đà-bàn-na, chơi đùa dần dần đến dưới cây Ca-ni, tự vui ngũ dục. Rồi Thiên tử kia leo lên cây chơi, hái hoa, tâm ý rối loạn, rơi xuống cây mà chết. Ông sinh trong nhà trưởng giả lớn trong thành Xá-vệ này. Bấy giờ, năm trăm ngọc nữ đấm ngực kêu gào không ngớt. Ta dùng Thiên nhãn trông thấy Thiên tử chết sinh trong nhà đại trưởng giả, trong thành Xá-vệ. Qua tám chín tháng sinh một bé trai xinh đẹp vô song, như màu hoa đào. Con trưởng giả dần dần khôn lớn. Cha mẹ liền tìm vợ cho anh ta. Cưới vợ chưa bao lâu, anh lại chết, sinh trong biển lớn làm thân rồng. Bấy giờ, trong nhà trưởng giả kia, cả nhà đều kêu khóc đau đớn rất thương tâm. Rồng ấy lại bị chim cánh vàng ăn thịt, chết sinh trong địa ngục, Bấy giờ, các long nữ lại thiết tha thương nhớ vô tả.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Trời kia lúc hái hoa
Tâm ý loạn không an
Như nước trôi thôn xóm
Tất chìm không cứu được.
Bấy giờ chúng ngọc nữ
Vây quanh mà khóc lóc
Mặt mày rất xinh đẹp
Yêu hoa mà mạng chung.
Loài người cũng than khóc
Mất khúc ruột của ta
Vừa bụng lại mạng chung
Bị vô thường tan hoại.
Long nữ theo sau tìm
Các rồng đều tụ tập
Bảy đầu thật dũng mãnh
Bị chim cánh vàng hại.

Chư Thiên cũng ưu sầu
Loài người cũng như thế
Long nữ cũng sầu ưu
Địa ngục chịu đau khổ.
Diệu pháp bốn Đế này
Mà chẳng biết như thật
Có sinh thì có chết
Chẳng thoát biển sông dài.
Thế nên hãy khởi tưởng
Tu các pháp thanh tịnh
Tất sẽ lìa khổ não
Lại chẳng bị tái sinh.

Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy nên tu hành tưởng vô thường, quảng bá tưởng vô thường, sẽ đoạn Dục ái, Sắc ái, Vô sắc ái, cũng đoạn kiêu mạn, đoạn tận vô minh không dư tàn. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 11

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đệ tử Tôn giả Mục-liên và đệ tử Tôn giả A-nan, hai người nói chuyện:

–Hai chúng ta đồng tụng kinh xem ai hay hơn!

Lúc ấy nhiều Tỳ-kheo nghe hai người thảo luận, bèn đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, rồi ngồi qua một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Nay có hai người bàn luận: "Hai chúng ta cùng tụng kinh xem ai hay!"

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

–Ông đi gọi hai Tỳ-kheo ấy đến đây.

Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn!

Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đến hai người kia bảo họ:

–Thế Tôn cho gọi hai thầy.

Hai người nghe Tỳ-kheo nói, liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo hai người:

–Các ông ngu si! Các ông thực có nói: "Chúng ta cùng tụng kinh xem ai hay hơn." không?

Hai người đáp:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

–Các ông có nghe Ta nói pháp này: "Hãy cùng cạnh tranh với nhau chăng?" Pháp như thế đâu khác Phạm chí?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Chúng con chẳng nghe Như Lai nói pháp này.

Thế Tôn bảo:

–Ta không thuyết pháp này cho Tỳ-kheo, vì vậy mà các ông tranh hơn thua chăng? Nhưng pháp mà Ta thuyết hôm nay là muốn có người được hàng phục, có người được giáo hóa. Tỳ-kheo nào lúc thọ lãnh pháp, hãy nhớ suy nghĩ bốn duyên, xem có tương ưng với Khế kinh, A-tỳ-đàm, Luật không? Nếu tương ưng, hãy nhớ vâng làm.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Tụng nhiều việc vô ích
Pháp này chẳng phải hay
Như đi đếm số bò
Chẳng thiết yếu Sa-môn.[46]
Nếu tụng tập chút ít
Nhưng thực hành theo pháp
Pháp này là trên hết
Đáng gọi pháp Sa-môn.[47]
Tuy tụng đến ngàn chương
Không nghĩa đâu ích gì
Chẳng bằng tụng một câu
Nghe xong đắc đạo được.[48]
Tuy tụng đến ngàn lời
Không nghĩa đâu ích gì

---

46. *Cf. Dhp. 19.*
47. *Cf. Dhp. 20.*
48. *Cf. Dhp. 101.*

Chẳng bằng tụng một nghĩa
Nghe xong đắc đạo được.[49]
Dẫu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch
Tự thắng mình tốt hơn
Chiến thắng thật tối thượng.[50]

Thế nên, này các Tỳ-kheo, từ nay về sau chớ nên tranh tụng, có tâm hơn thua. Vì sao thế? Hãy nghĩ hàng phục tất cả mọi người. Nếu Tỳ-kheo có tâm hơn thua, tâm tranh tụng nhau mà cùng cạnh tranh thì phải lấy pháp luật mà trị. Tỳ-kheo, vì thế hãy tự tu hành.

Hai Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy Thế Tôn sám hối:

–Từ nay về sau, chúng con không làm vậy nữa. Cúi xin Thế Tôn nhận lời con hối lỗi.

Thế Tôn bảo:

–Trong đại pháp, các ông đã chịu sửa lỗi, tự biết có tâm cạnh tranh. Ta nhận sự hối lỗi của các ông. Các Tỳ-kheo, chớ nên thế nữa. Như thế, các Tỳ-kheo hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Tăng thượng, tọa, hành tích
Vô tình, vườn quán, hồ
Vô lậu, vô tức, thiền
Bốn lạc, không tranh tụng.

❑

[49] *Cf. Dhp. 100.*
[50] *Cf. Dhp. 103.*

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 24

Phẩm 32: THIỆN TỤ

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay, Ta sẽ nói về tụ thiện, các ông hãy suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

–Sao gọi pháp ấy là tụ thiện? Đó là năm Căn. Thế nào là năm Căn? Đó là:

1. Tín căn.

2. Tinh tấn căn.

3. Niệm căn.

4. Định căn.

5. Tuệ căn.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm Căn này. Nếu có Tỳ-kheo nào tu hành năm căn, liền thành Tu-đà-hoàn được pháp không thoái chuyển, ắt thành đạo chí thượng. Tu hành thêm nữa sẽ thành tựu Tư-đà-hàm, tái sinh đời này một lần rồi dứt sạch mé khổ kia. Tiến tới đạo này nữa, sẽ thành tựu A-na-hàm, không còn tái sinh đời này, liền nhập Bát-niết-bàn. Chuyển tiến tu hành, diệt tận hữu lậu, thành tựu tâm vô lậu giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân tác chứng, mà tự du hý, như thật biết rằng: “Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa.”

Gọi là tụ thiện, chính là năm Căn. Vì sao? Vì đây là tụ lớn nhất,

là vi diệu trong các tụ. Nếu ai không hành pháp này thì không thành tựu Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Nếu ai đạt được năm Căn này liền có bốn quả, đạo ba thừa. Nói về tụ thiện, năm Căn này là trên hết.

Cho nên, nãy các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện học những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói về tu bất thiện, các ông hãy suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

–Sao gọi chúng là tụ bất thiện[2]? Đó là năm triền cái[3]. Sao gọi là năm?

1. Tham dục.

2. Sân hận.

3. Thụy miên.

4. Điệu.

5. Nghi.

Đó gọi là năm triền cái. Ai muốn biết tụ bất thiện, thì đây gọi là năm triền cái. Vì sao? Các Tỳ-kheo nên biết, vì nếu có năm triền cái, liền có phần súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục. Các pháp bất thiện đều do đây phát sinh. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện diệt trừ các triền cái là tham dục, sân hận, thụy miên, điệu hối, nghi.

---

1. *Tương đương Pāli, A V 52 Akusalarāsisutta (R. iii. 64).*

2. *Bất thiện tụ 不善聚。Pāli: Akusalarāsi.*

3. *Ngũ cái 五蓋: Tham dục cái 貪欲蓋, sân nhuế cái 瞋恚蓋, thụy miên cái 睡眠蓋, điệu hý cái 調戲蓋, nghi cái 疑蓋。Pāli, ibid., Pañca nīvaraṇā: Kāmacchandanīvaraṇaṃ, byāpādanīvaraṇaṃ, thinamiddhanīvaraṇaṃ, uddhaccakukkuccanīvaraṇaṃ, vicikicchānīvaraṇaṃ.*

Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.

Sau khi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Thừa sự, lạy Phật có năm công đức. Những gì là năm?

1. Xinh đẹp.

2. Tiếng hay.

3. Lắm tiền nhiều của.

4. Sinh nhà trưởng giả.

5. Chết sinh lên trời, các cõi lành.

Vì sao? Vì Như Lai không ai sánh bằng. Như Lai có tín, có giới, có văn, có tuệ, có sắc thiện thành tựu, cho nên thành tựu năm công đức.

Lại nữa, vì nhân duyên gì lạy Phật mà được xinh đẹp? Chính do vì thấy hình ảnh Phật mà phát tâm hoan hỷ, vì lý do này nên được xinh đẹp.

Lại nữa, vì nhân duyên gì được âm thanh hay? Nhờ thấy hình ảnh Như Lai, đã tự xưng hiệu niệm ba lần: "Nam-mô Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác." Vì lý do này nên được âm thanh hay.

Lại, vì nhân duyên gì mà được lắm tiền nhiều của? Do thấy Như Lai mà bố thí lớn, rải hoa, đốt đèn và thí những vật khác. Vì nhân duyên này được nhiều của báu.

Lại, vì nhân duyên gì sinh nhà trưởng giả? Khi thấy thân Như Lai, tâm không đắm nhiễm, gối phải quỳ sát đất, chắp tay chí tâm lạy Phật, do nhân duyên này sinh nhà trưởng giả.

Lại, vì nhân duyên gì thân hoại mạng chung sinh lên trời, cõi lành? Theo thường pháp của chư Phật Thế Tôn, những các chúng sinh nào đem năm duyên sự lạy Như Lai liền sinh lên trời, cõi lành.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm nhân duyên này, lạy Phật có năm công đức. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn lạy Phật, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu năm công đức này.

Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4[4]

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Giống như căn nhà có hai cửa đối nhau, có người đứng ở trong, lại có người đứng ở trên quan sát bên dưới, người ra vào, đi lại đều biết thấy tất cả. Cũng như vậy, Ta bằng Thiên nhãn nhìn các loại chúng sinh, sinh ra, chết đi, vào cõi lành, cõi ác, sắc lành, sắc ác, hoặc tốt, hoặc xấu, tùy theo hành vi được gieo trồng; thảy đều biết tất cả.

Lại, nếu có chúng sinh thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, không phỉ báng Hiền thánh, hành chánh kiến tương ưng với chánh kiến[5], khi chết sinh lên trời, cõi lành. Đó gọi là chúng sinh làm thiện.

Lại, nếu có chúng sinh hành pháp thiện này, không làm hành vi ác, khi chết sinh lại trong người.

Lại, nếu có chúng sinh mà thân, miệng, ý làm ác, tạo hành vi bất thiện, sau khi chết sinh trong ngạ quỷ.

Hoặc lại có chúng sinh mà thân, miệng, ý làm ác, phỉ báng Hiền thánh, tương ưng với tà kiến, sau khi chết sinh trong súc sinh.

Hoặc lại có chúng sinh mà thân, miệng, ý làm ác, phỉ báng Hiền thánh, sau khi chết sinh vào địa ngục. Khi ấy, ngục tốt dẫn tội nhân này đến trình Diêm-la vương và nói: "Đại vương nên biết, người này đời trước có thân, ý tạo ác, làm các ác hành, đã sinh vào địa ngục này. Đại vương nên xử nên trị người này về tội gì?"

Khi ấy Diêm vương liền lần lượt hỏi riêng tội kia của người ấy, bảo người ấy: "Thế nào, người nam, đời trước lúc ngươi mang thân người, há không thấy người khi sinh, được làm thân người, lúc ở thai rất là nguy khốn, đau đớn thật khó ở, rồi lớn lên phải nuôi dưỡng, bú mớm, tắm rửa thân thể hay sao?"

Tội nhân đáp: "Thật có thấy, Đại vương."

---

4. Tham chiếu Pāli, M 130 Devadūta (R. iii. 178). Hán, Trung 12, kinh 64 Thiên Sứ.

5. Nguyên Hán: Đẳng kiến.

Diêm vương nói: "Thế nào, người nam, ngươi không tự biết yếu hành của pháp sinh hay sao?[6] Vậy theo pháp thân, khẩu, ý mà tu các đường lành sao?"

Tội nhân đáp. 'Đúng vậy, Đại vương, như đại vương dạy. Tôi chỉ vì ngu si, không phân biệt được hạnh lành."

Diêm vương nói: "Như lời khanh nói, việc này không khác. Ta cũng biết những việc khanh không làm bởi thân, miệng, ý. Hôm nay sẽ xét khanh về tội được làm do phóng dật; chẳng phải cha mẹ làm, cũng chẳng phải là những việc làm của vua hay đại thần. Xưa tự tạo tội, nay tự nhận báo."

Sau khi hỏi tội kia xong, Diêm vương ra lệnh trị tội.

Đến lượt Thiên sứ thứ hai hỏi[7] người kia: "Trước đây, khi ngươi làm người, há không thấy người già, thân thể rất yếu, đi lại khó khổ, áo quần dơ bẩn, tiến dừng run rẩy, hơi thở hào hển, không còn tâm trẻ khỏe?

Lúc ấy, tội nhân đáp: "Thưa vâng , Đại vương, tôi đã từng thấy."

Diêm vương bảo: "Ngươi đáng lẽ phải tự biết, nay ta cũng có pháp già nua[8] này. Vì chán ghét tuổi già nên phải tu hạnh lành?"

Tội nhân đáp: "Đúng vậy, Đại vương! Nhưng lúc ấy tôi thật không tin."

Diêm vương bảo: "Ta thật biết rõ những việc mà ngươi không làm bởi thân, miệng, ý. Nay sẽ trị tội ngươi để sau này không tái phạm. Những việc ác ngươi đã làm, chẳng phải cha mẹ làm, cũng chẳng phải vua, đại thần, nhân dân tạo ra. Nay ngươi tự tạo tội ấy, hãy tự nhận báo."

Diêm vương sau khi chỉ ra cho thấy Thiên sứ thứ hai, lại đem Thiên sứ thứ ba ra hỏi người kia: "Trước đây, khi ngươi làm thân người, há không thấy có người bệnh nằm trên phân, nước tiểu, không thể tự đứng dậy hay sao?"

Tội nhân đáp: "Thưa vâng, đại vương, tôi thật có thấy."

Diêm vương hỏi: "Thế nào, người nam, ngươi há không tự biết, ta cũng sẽ có bệnh này, sẽ không thoát tai họa này sao?"

---

6. *Pāli, ibid., Ahampi khomhi jātidhammo, jātiṃ anatīto, ta chịu quy luật của sự sinh, không vượt qua được sự sinh. Ở đây, Hán dịch có thể nhảy sót. Diêm vương hỏi về Thiên sứ thứ nhất.*

7. *Hán dịch có thể nhảy sót. Cf. Pāli, ibid, và Trung 12: Diêm vương hỏi tội nhân, 'Ngươi có thấy Thiên sứ thứ hai không?'*

8. *Hán: Hình lão chi pháp 形老之法。Pāli: Jāradhamma, quy luật của tuổi già.*

Tội nhân đáp: "Thật vậy, thưa đại vương! tôi thật sự không thấy."

Diêm vương nói: "Ta cũng biết, ngươi ngu si không hiểu. Nay ta sẽ trị tội ngươi để sau không còn tái phạm. Tội đã làm này chẳng phải cha, chẳng phải mẹ làm, cũng chẳng phải là những việc tạo tác của quốc vương, đại thần."

Diêm-la vương sau khi chỉ ra cho thấy Thiên sứ này rồi, lại hỏi người kia về Thiên sứ thứ tư: "Thế nào, người nam, ngươi có thấy thân như cây khô, hơi thở dứt, lửa nóng không còn, tình tưởng không còn, năm thân vây quanh khóc lóc không?"

Tội nhân đáp: "Thưa vâng, Đại vương, tôi đã thấy."

Diêm vương nói: "Vì sao ngươi không nghĩ rằng, ta cũng sẽ không thoát cái chết này?"

Tội nhân đáp: "Thật vậy, Đại vương, tôi thật không tỏ ngộ."

Diêm vương nói: "Ta cũng tin là ông không tỏ ngộ pháp này. Nay sẽ trị ngươi, để sau này không tái phạm. Tội bất thiện này chẳng phải cha, chẳng phải mẹ tạo, cũng chẳng phải quốc vương, đại thần, nhân dân chỗ tạo ra. Xưa ngươi tự tạo, nay tự chịu tội."

Diêm-la vương nói với người kia về Thiên sứ thứ năm: "Trước đây, khi làm người, ngươi không thấy có kẻ trộm đào tường, phá nhà, lấy của báu người khác, hoặc dùng lửa đốt, hoặc ẩn phục đường cái. Nếu bị vua bắt được thì bị chặt, tay chân, hoặc bị giết, hoặc bị giam vào lao ngục, hoặc trói ngược mang đến chợ, hoặc sai vác cát đá, hoặc bị treo ngược, hoặc dùng tên bắn, hoặc rót nước đồng sôi lên người, hoặc dùng lửa nướng, hoặc lột da rồi bắt ăn, hoặc mổ bụng lấy cỏ nhét vào, hoặc bỏ vào nước sôi nấu, hoặc dùng đao chặt, bánh xe cán đầu, hoặc cho voi chà chết, hoặc treo cổ cho chết, hay không?"

Tội nhân đáp: "Tôi thật có thấy."

Diêm vương nói: "Vì sao ông ăn trộm đồ người? Trong lòng đã biết có hình phạt ấy, sao còn phạm?"

Tội nhân đáp: "Thưa vâng, Đại vương, tôi thật ngu muội."

Diêm vương nói: "Ta cũng tin lời ông, nay sẽ trị tội ông, để sau không tái phạm. Tội này chẳng phải do cha mẹ tạo, cũng chẳng phải vua quan, nhân dân chỗ tạo mà do tự tạo tội này rồi tự chịu báo."

Sau khi hỏi tội xong, Diêm vương liền sai ngục tốt: "Mau đem giam người này vào ngục."

Khi ấy, ngục tốt vâng lệnh của vua, đem tội nhân này giam vào ngục. Bên trái địa ngục, lửa cháy dữ dội. Thành quách bằng sắt, đất cũng bằng sắt. Có bốn cửa thành là nơi cực hôi thối, giống như phân

tiểu nhìn thật nhớp nhơ. Núi dao, rừng kiếm, vây quanh bốn phía. Lại có lồng sắt chụp bên trên.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bốn vách bốn cửa thành
Dài rộng thật là chắc
Lồng sắt che phủ kín
Không cơ hội thoát ra.
Khi này trên đất sắt
Lửa cháy thật dữ dội
Tường vuông trăm do-tuần
Rỗng suốt chỉ một màu.
Chính giữa có bốn trụ
Trông thật là đáng sợ
Trên là rừng cây kiếm
Nơi đậu quạ mỏ sắt.
Chỗ hôi thật khó ngửi
Trông đến dựng lông tóc
Đủ khí cụ ghê rợn
Cách thành mười sáu lớp[9].

Tỳ-kheo nên biết, lúc này ngục tốt dùng đủ mọi thứ khổ đau đánh đập người này. Tội nhân kia khi đặt chân vào ngục, máu thịt vắng hết, chỉ còn bộ xương. Khi ấy, ngục tốt đem tội nhân này, lại dùng búa bén chặt thân nó, đau khổ không kể, muốn chết không được, chỉ đến khi hết tội nó mới thoát được. Những tội mà nó đã tạo ra ở nhân gian, chỉ khi phải trừ sạch, sau đó mới ra được.

Lúc ấy, ngục tốt kia bắt tội nhân này leo lên, leo xuống rừng đao kiếm. Khi tội nhân ở trên cây, nó bị quạ mỏ sắt mổ ăn; hoặc mổ đầu lấy não ăn. Hoặc lấy tay chân, đập vào xương lấy tủy, mà tội vẫn chưa hết. Khi tội hết, nó mới được thoát ra.

Lúc ấy, ngục tốt đem tội nhân kia bắt ngồi ôm cột đồng nóng. Do đời trước ưa dâm dật nên đưa đến tội này. Nó bị tội theo đuổi, không thoát được.

Lúc này, ngục tốt rút gân từ gót chân cho đến cổ, kéo về phía trước, hoặc cho xe chở tới, hoặc lui, không được tự do. Ở đây, chịu khổ không thể nào tính kể. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

---

[9] *Mỗi ngục lớn có mười sáu ngục nhỏ chung quanh. Xem Trường 19, kinh Khởi Thế, phẩm Địa Ngục.*

Lúc này, ngục tốt bắt tội nhân kia đặt lên núi lửa, xua đuổi chạy lên, chạy xuống, cho đến khi chín nhừ hết, sau đó mới cho ra. Lúc bấy giờ, do bởi nhân duyên này, tội nhân muốn chết cũng không chết được. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

Khi ấy, ngục tốt lại bắt tội nhân, rút lưỡi ném ra sau lưng. Ở đây, chịu khổ không thể nào kể xiết, muốn chết không được.

Lúc này ngục tốt bắt tội nhân đặt lên núi đao; hoặc chặt chân, hoặc chặt đầu, hoặc chặt tay. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

Lúc này, ngục tốt lại dùng lá sắt nóng lớn phủ lên thân tội nhân như cho mặc áo lúc còn sống. Lúc ấy khổ đau độc hại khó chịu, đều do nhân tham dục nên đưa đến tội này.

Lúc này ngục tốt lại bắt tội nhân làm tội năm thứ[10], xua đuổi khiến nằm xuống, rồi lấy đinh sắt đóng vào tay nó, chân nó, lại dùng một cây đinh đóng vào tim. Ở đó, nó chịu khổ đau thật không thể nói. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

Lúc này ngục tốt lại bắt tội nhân đảo ngược thân, đưa vào trong vạc. Khi ấy phần dưới thân đều chín rục hết; hoặc trở lên phần trên cũng lại đều chín rục; cho đến bốn bên cũng chín rục hết, đau đớn khổ độc không thể tính hết, nổi cũng rục, không nổi cũng rục. Giống như nồi lớn mà nấu đậu nhỏ, có lớp ở trên hay ở dưới. Tội nhân này cũng lại như vậy, nổi cũng rục, không nổi cũng rục. Ở đó chịu khổ không thể kể hết. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

Tỳ-kheo nên biết, sau một thời gian dài trải qua nhiều năm trong địa ngục này, cửa đông mới mở. Khi ấy tội nhân lại chạy đến cửa, cửa tự nhiên đóng. Lúc đó, những người kia đều ngã xuống đất. Ở đó, khổ sở không thể nói hết, chúng oán trách lẫn nhau: "Do các ngươi mà ta không được ra cửa."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người ngu thường vui thích
Như ở trời Quang âm
Người trí thường lo nghĩ
Giống như tù trong ngục.

Sau khi trải qua trong đại địa ngục trăm ngàn vạn năm, cửa Bắc lại mở. Lúc ấy tội nhân lại chạy về cửa Bắc. Cửa liền đóng lại. Chỉ khi

---

10. Hán: Ngũ chủng tác dịch. Pāli, ibid. Pañcavidhabandhanaṃ, ngũ chủng phược, trói năm chỗ: Đóng đinh hai tay, hai chân và tim.

nào tội hết, sau đó mới được thoát ra. Tội nhân kia trải qua hàng trăm vạn năm mới lại được thoát. Những tội đã tạo ra trong khi làm người, cốt phải trừ cho hết.

Lúc này, ngục tốt lại bắt tội nhân, dùng búa sắt chém thân tội nhân, trải qua bao nhiêu tội như vậy, khiến cho sửa đổi. Chỉ khi nào tội khổ hết hẳn, sau đó mới được ra.

Tỳ-kheo nên biết, sau một thời gian, cửa phía Đông lại mở một lần nữa. Lúc ấy, những chúng sinh kia chạy đến cửa đông thì cửa tự đóng lại, không ra được. Nếu ra được, bên ngoài có núi lớn mà nó phải chạy đến. Khí nó vào trong núi, bị hai núi ép lại, giống như ép dầu mè. Ở đó, chịu khổ không thể kể hết. Chỉ khi nào hết khổ, sau đó mới được ra.

Bấy giờ, tội nhân chuyển dịch được tới trước, lại gặp địa ngục tro nóng,[11] ngang dọc hàng ngàn vạn do-tuần. Ở đó, chịu khổ không thể kể hết, cốt phải hoàn tất nguồn tội kia, sau đó mới được ra.

Kế đến lại chuyển tới trước nữa, có địa ngục dao đâm[12]. Khi tội nhân vào trong địa ngục đao kiếm này, chợt có gió mạnh nổi lên phá nát gân cốt thân thể tội nhân. Ở đó, chịu khổ không thể kể hết. Cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

Lại nữa, có địa ngục tro nóng lớn[13]. Khi tội nhân vào trong địa ngục tro nóng lớn này, thân thể tan rã, chịu khổ vô cùng. Cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

Khi tội nhân tuy thoát khỏi địa ngục tro rất nóng này, nhưng lại gặp địa ngục đao kiếm[14], ngang dọc hàng ngàn vạn dặm. Khi tội nhân vào trong địa ngục đao kiếm này, ở đó chịu khổ không thể kể hết. Cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

Lại nữa, có địa ngục Phân sôi[15] trong đó có trùng nhỏ, ăn vào tận xương tủy người này. Tuy ra được địa ngục này, nhưng lại gặp ngay ngục tốt. Lúc này, ngục tốt hỏi tội nhân: "Các ông muốn đến đâu? Từ đâu lại?" Tội nhân đáp: "Chúng tôi không biết từ chỗ nào lại. Cũng lại không biết phải đến chỗ nào. Nhưng hiện nay, chúng tôi đang đói khốn cùng, muốn được ăn." Ngục tốt đáp: "Chúng tôi sẽ cho ăn." Khi ấy, ngục tốt bắt tội nhân nằm ngửa, lấy viên sắt nóng lớn bắt tội nhân

---

11. *Nhiệt hôi địa ngục 熱灰地獄。*
12. *Đao thích địa ngục 刀刺地獄。*
13. *Đại nhiệt hôi địa ngục 大熱灰地獄。*
14. *Đao kiếm địa ngục 刀劍地獄。*
15. *Phất thỉ địa ngục 沸屎地獄。*

nuốt. Thiêu đốt, khiến tội nhân chịu khổ không thể kể hết. Lúc đó, viên sắt nóng từ miệng xuống qua ruột, dạ dày chín hết, chịu khổ khó lường. Cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

Song những tội nhân này không kham chịu những thống khổ này, nên trở lại các địa ngục phân nóng, địa ngục đao kiếm, địa ngục tro nóng lớn. Khi chúng trở lại những địa ngục như vậy, lúc bấy giờ những chúng sinh kia không kham chịu nổi khổ, bèn quay đầu lại, đến trong địa ngục phân nóng. Lúc ấy, ngục tốt bảo những chúng sinh kia: "Các ông muốn đi đâu? Từ đâu đến?" Tội nhân đáp: "Chúng tôi không thể biết từ đâu đến. Nay lại cũng không biết phải đi đâu." Ngục tốt hỏi: "Nay cần gì?" Tội nhân đáp: "Chúng tôi rất khát, muốn cần uống nước." Khi ấy, ngục tốt bắt tội nhân nằm ngửa, rót đồng sôi vào miệng khiến cho chảy xuống. Ở đó, chịu tội không thể kể hết, cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

Bấy giờ, tội nhân kia không chịu nổi khổ này, nên trở về địa ngục phân sôi, địa ngục rừng kiếm, địa ngục tro nóng rồi trở vào đại địa ngục.

Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy tội nhân thống khổ khó có thể kể hết. Nếu tội nhân kia mắt thấy sắc, tâm không ưa thích. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết mịn nhẵn, ý biết pháp, cũng đều phát sinh sân nhuế. Vì sao? Vì xưa không tạo báo hạnh lành mà thường tạo nghiệp ác, nên đưa đến tội này.

Lúc ấy, Diêm vương bảo tội nhân kia: "Các ông không được thiện lợi. Xưa kia ở nhân gian, hưởng phước nhân gian, mà thân, miệng, ý hành không tương ưng, cũng không bố thí, từ bi, nhân ái, lợi người, lợi vật, vì vậy nên nay chịu nỗi khổ này. Hạnh ác này chẳng phải do cha mẹ tạo, cũng không phải quốc vương, đại thần tạo ra. Có các chúng sinh thân, miệng, ý thanh tịnh không có nhiễm ô giống như trời Quang âm. Có các chúng sinh tạo các hạnh ác, giống như trong địa ngục; thân, miệng, ý các ông bất tịnh nên đưa đến tội này."

Các Tỳ-kheo nên biết, Diêm-la vương liền nói: "Ngày nào tôi sẽ thoát nạn khổ này, được sinh trong loài người, được làm thân người, liền được xuất gia cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo."

Diêm-la vương còn nghĩ vậy, huống chi các ông, nay được thân người, được làm Sa-môn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, thường hãy niệm thực hành thân, miệng, ý hạnh đừng cho thiếu sót. Hãy trừ năm kết sử, tu hành năm căn.

Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5[16]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật cùng chúng Tỳ-kheo năm trăm vị, ở trong vườn Lộc mẫu, khu vườn phía Đông[17], tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, tháng bảy, ngày mười lăm, Thế Tôn trải tòa ngồi giữa khoảng đất trống, các Tỳ-kheo trước sau vây quanh. Phật bảo A-nan:

–Nay, nơi đất trống, ông mau đánh kiền chùy. Vì sao? Vì ngày rằm tháng bảy là ngày thọ tuế.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan gối phải quỳ sát đất, chắp tay, liền nói kệ này:

Đấng Tịnh Nhãn vô thượng
Thông suốt tất cả việc
Trí tuệ không đắm nhiễm
Thọ tuế, nghĩa là gì?

Bấy giờ, Thế Tôn liền dùng kệ đáp A-nan:

Thọ tuế, ba nghiệp tịnh
Việc làm thân, miệng, ý
Hai Tỳ-kheo đối nhau
Tự trình chỗ sai trái.
Lại tự xưng tên chữ
Hôm nay Chúng thọ tuế
Tôi cũng ý tịnh, thọ.
Cúi xin chỉ lỗi tôi.

Bấy giờ, A-nan lại dùng kệ hỏi nghĩa này:

Hằng sa Phật quá khứ
Bích-chi và Thanh văn
Đây là pháp chư Phật
Hay chỉ Thích-ca Văn?

Bấy giờ, Phật lại dùng kệ đáp A-nan:

Hằng sa Phật quá khứ

---

16. Tham chiếu Pāli, S 8.7 Pavāraṇā (R. i. 190). Hán, Trung 29, kinh 121 Thỉnh Thỉnh.

17. Đông uyển Lộc Mẫu viên 東苑鹿母園。Pāli: Pubbārāma migāramātupāsāda, một tòa nhà do bà Visakhā dựng gọi là Migāramātupāsāda (Lộc Tử Mẫu giảng đường), ở Pubbārāma, khu vườn phía Đông thành Xá-vệ.

Đệ tử tâm thanh tịnh
Đều là pháp chư Phật
Chẳng riêng Thích-ca Văn.
Bích-chi không pháp này
Không tuổi, không đệ tử
Một mình không bạn bè
Không nói pháp cho người.
Phật Thế Tôn vị lai
Hằng sa không thể tính
Lại cũng thọ tuổi này
Như pháp Cù-đàm vậy.

Sau khi nghe những lời này rồi, Tôn giả A-nan vui mừng hớn hở, không tự kiềm được, liền lên giảng đường, tay cầm kiền chùy nói:

–Hôm nay, tôi đánh trống đưa tin của Như Lai, các chúng đệ tử Như Lai đều phải tập hợp hết.

Bấy giờ, lại nói kệ này:

Hàng phục sức ma oán
Trừ sạch kết không còn
Đất trống, đánh kiền chùy
Tỳ-kheo nghe hãy họp.
Những người muốn nghe pháp
Vượt qua biển sinh tử
Nghe âm vang diệu này
Hãy họp hết về đây.

Sau khi đánh kiền chùy xong, Tôn giả A-nan đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một phía, bạch Thế Tôn:

–Đã đến giờ, cúi xin Thế Tôn chỉ dạy những gì?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

–Ông hãy ngồi theo thứ lớp. Như Lai tự biết thời.

Thế Tôn ngồi xuống đệm cỏ, bảo các Tỳ-kheo:

–Tất cả các ông hãy ngồi hết xuống đệm cỏ.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo đều ngồi xuống đệm cỏ. Bấy giờ, Thế Tôn im lặng quán sát các Tỳ-kheo, rồi bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nay muốn thọ tuế. Đối với mọi người, Ta không có lỗi gì chăng? Thân, miệng, ý cũng không có phạm chăng?

Như Lai nói những lời này xong, các Tỳ-kheo im lặng không đáp. Bấy giờ, Ngài hỏi các Tỳ-kheo lại lần thứ ba:

–Hôm nay Ta muốn thọ tuế. Song đối với mọi người, Ta không có lỗi gì chăng?

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối, chắp tay bạch Thế Tôn:

–Các chúng Tỳ-kheo quán sát, Như Lai không có lỗi nơi thân, miệng, ý. Vì sao? Vì ngày nay, Thế Tôn đã độ cho người chưa được độ, đã giải thoát cho người chưa giải thoát, khiến Bát-niết-bàn cho người chưa Bát-niết-bàn, đã cứu giúp, cho người chưa được cứu giúp, làm con mắt cho người mù, vì người bệnh làm Đại y vương, là đấng Độc tôn trong ba cõi, không ai sánh bằng, là đấng Tối tôn thượng, khiến phát đạo tâm cho người chưa phát đạo tâm. Mọi người chưa tỉnh, Thế Tôn khiến lay tỉnh; người chưa nghe, khiến cho nghe; vì người mê mà tạo đường tắt, luôn dùng chánh pháp. Vì những duyên sự này, Như Lai không có lỗi đối với mọi người, cũng không có lỗi nơi thân, miệng, ý.

Rồi Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn tiếp:

–Nay con hướng về Như Lai, tự phát lồ. Không biết đối với Như Lai cùng Tăng Tỳ-kheo, con có lỗi gì không?

Thế Tôn bảo:

–Này Xá-lợi-phất, nay những việc làm thân, miệng, ý của ông hoàn toàn đúng hạnh. Vì sao? Vì hiện tại ngươi có trí tuệ không ai sánh kịp, trí tuệ các loại, trí tuệ vô lượng, trí vô biên, trí không gì bằng, trí bén nhạy, trí nhanh nhẹn, trí sâu xa, trí bình đẳng, ít muốn biết đủ, thích nơi vắng, có nhiều phương tiện, niệm không tán loạn, đạt Tam-muội tổng trì, đầy đủ căn nguyên, thành tựu giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến tuệ, dũng mãnh, hay nhẫn, lời nói không ác, không làm điều phi pháp, tâm tánh điều hòa thứ lớp, không làm sơ suất. Giống như thái tử lớn của Chuyển luân thánh vương, sẽ nối ngôi vua, chuyển vận bánh xe pháp. Xá-lợi-phất cũng vậy, chuyển vận bánh xe pháp vô thượng, mà chư Thiên, loài người, rồng, quỷ, ma và thiên ma đều không thể chuyển. Nay lời ngươi nói ra thường như nghĩa pháp, chưa từng trái lý.

Khi ấy, Xá-lợi-phất bạch với Phật:

–Năm trăm Tỳ-kheo này đều đáng thọ tuế. Năm trăm người này đối với Như Lai đều không có lỗi gì chăng?

Thế Tôn nói:

–Cũng không có gì phải trách, các hành vi bởi thân, miệng, ý của năm trăm Tỳ-kheo này. Vì sao? Này Xá-lợi-phất, đại chúng trong đây rất là thanh tịnh, không có tỳ vết. Nay người thấp nhất trong chúng này, cũng đắc đạo Tu-đà-hoàn, nhất định tiến đến pháp không thoái chuyển. Vì vậy Ta không thể chê trách họ.

Khi ấy, Đa-kỳ-xa[18] rời khỏi chỗ ngồi đến trước Thế Tôn đảnh lễ sát đất rồi bạch Thế Tôn:

–Con có điều muốn nói.

Thế Tôn bảo:

–Muốn nói gì thì hãy nói đi.

Đa-kỳ-xa liền ca ngợi Phật và chúng tăng ngay trước mặt Đức Phật bằng bài kệ sau:

Vào ngày rằm thanh tịnh
Hợp năm trăm Tỳ-kheo
Đã giải thoát các kết
Không ái, không tái sinh.
Vua Chuyển luân đại thánh
Được quần thần vây quanh
Đi khắp các thế giới
Trên trời và thế gian.
Đại tướng tôn quý nhất
Đạo sư dẫn dắt người
Đệ tử vui đi theo
Đủ ba đạt sáu thông,
Là Phật tử chân chánh
Không có chút bụi dơ
Cắt bỏ sạch ái dục
Nay con xin quy y.

Khi ấy, Đức Thế Tôn ấn khả những lời của Đa-kỳ-xa. Đa-kỳ-xa thấy Như Lai ấn khả lời mình nói, nên vui mừng phấn khởi, đứng dậy lễ Phật, rồi trở lại chỗ ngồi.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Đệ tử nói kệ đứng đầu trong hàng Thanh văn chính là Tỳ-kheo Đa-kỳ-xa. Nói lời không có gì đáng nghi ngờ chính là Tỳ-kheo Đa-kỳ-xa.

---

18. Đa-kỳ-xa 多耆奢. Pāli: Vaṇgīsa. Trên kia, kinh số 3 phẩm 4, âm là Bằng-kỳ-xá.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy hoan hỷ làm theo.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vậy.

Một thời, Phật ở trong khu Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt, cùng chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, trời Tam thập tam có một Thiên tử, từ thân hình xuất hiện năm điềm báo hiệu sắp chết. Những gì là năm?

1. Vòng hoa trên đầu bị héo.

2. Y phục bụi bẩn.

3. Nách đổ mồ hôi.

4. Không thích vị trí của mình.

5. Ngọc nữ phản bội.

Thiên tử ấy buồn rầu khổ não, đấm ngực than thở. Nghe vị Thiên ấy buồn rầu khổ não, đấm ngực than thở, Thích Đề-hoàn Nhân liền sai một Thiên tử đến chỗ ấy xem, âm thanh gì mà từ đó vang đến đây.

Thiên tử ấy trả lời:

–Thiên tử nên biết, hôm nay có một Thiên tử sắp mạng chung, có năm điềm báo hiệu sắp chết.

1. Vòng hoa trên đầu bị héo.

2. Y phục bụi bẩn.

3. Nách đổ mồ hôi.

4. Không thích vị trí của mình.

5 .Ngọc nữ phản bội.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ vị Thiên sắp lâm chung, nói với vị ấy rằng:

–Vì sao hôm nay ông buồn rầu khổ não đến như vậy?

Thiên tử đáp:

–Thưa Tôn giả Nhân-đề, làm sao không buồn rầu khổ não được khi tôi sắp chết rồi. Có năm điềm báo hiệu sắp chết.

1. Vòng hoa trên đầu bị héo.

2. Y phục bụi bẩn.

3. Nách đổ mồ hôi.

4. Không thích vị trí của mình.

5. Ngọc nữ phản bội.

Nay cung điện bảy báu này sẽ mất hết. Năm trăm ngọc nữ cũng sẽ tan tác như sao. Món cam lộ mà tôi ăn không còn mùi vị.

Đề-hoàn Nhân nói với Thiên tử ấy:

–Ông há không nghe Như Lai nói kệ sao?

Các hành là vô thường
Có sinh ắt có chết
Không sinh thì không chết
Diệt này là vui nhất.

Vì sao nay ông buồn lo đến như vậy? Tất cả hành là vật vô thường, muốn cho có thường thì điều này không thể.

Thiên tử đáp:

–Thế nào, Thiên đế, tôi không sầu ưu sao được? Nay tôi mang thân trời thanh tịnh không vết nhơ, ánh sáng như mặt trời, mặt trăng chiếu khắp mọi nơi, mà bỏ thân này rồi, sẽ sinh vào bụng heo trong thành La-duyệt, sống thường ăn phân, chết thì bị dao mổ xẻ.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bảo Thiên tử kia:

–Nay ông nên tự quy y Phật, Pháp, Chúng. Có thể khi ấy không đọa vào ba đường dữ.

Thiên tử đáp:

–Há quy y Tam bảo mà không đọa vào ba đường dữ sao?

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Đúng vậy, Thiên tử. Ai quy y Tam tôn, không bao giờ rơi vào ba đường dữ.

Như Lai cũng nói kệ này:

Những ai quy y Phật
Không đọa ba đường dữ
Lậu tận, nơi trời người
Rồi sẽ đến Niết-bàn.

Thiên tử kia hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Nay Như Lai đang ở đâu?

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Như Lai hiện đang ở tại vườn trúc Ca-lan-đà thành La-duyệt, nước Ma-kiệt-đà cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Thiên tử nói:

–Nay tôi không còn đủ sức đến đó hầu thăm Như Lai nữa.

Thích Đề-hoàn Nhân bảo:

–Thiên tử nên biết, hãy quỳ gối phải sát đất, chắp tay, hướng về phương dưới mà nói rằng: "Cúi xin Thế Tôn xem xét đến cho. Nay con sắp cùng đường. Xin thương xót cho. Nay con tự quy y Tam tôn, Như Lai Vô Sở Trước."

Bấy giờ, Thiên tử kia theo lời Thích Đề-hoàn Nhân, quỳ xuống, hướng xuống phương dưới, tự xưng tên họ, tự quy y Phật, Pháp, Tăng, nguyện suốt đời làm người Phật tử chân chánh, chẳng màng Thiên tử. Cho đến ba lần nói những lời này. Như vậy rồi, không còn đọa vào thai heo, mà sẽ sinh vào nhà trưởng giả.

Thiên tử kia sau khi thấy nhân duyên này rồi, quay về Thích Đề-hoàn Nhân mà nói kệ này:

Duyên lành chẳng phải dữ
Vì pháp chẳng vì của
Dẫn dắt theo đường chánh
Điều này Thế Tôn khen.
Nhờ ngài không đọa ác
Thai heo, nhân thật khó
Sẽ sinh nhà trưởng giả
Nhờ đó sẽ gặp Phật.

Khi ấy, Thiên tử tùy theo tuổi thọ ngắn dài, sau đó sinh vào nhà trưởng giả trong thành La-duyệt. Lúc đó, vợ trưởng giả tự biết mình có thai, gần đủ mười tháng, sinh ra một nam nhi, xinh đẹp vô song, hiếm có trên đời. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân khi đã biết cậu bé vừa lên mười tuổi, nhiều lần đến bảo:

–Ngươi hãy nhớ lại nhân duyên đã làm trước kia, tự nói rằng: "Tôi sẽ nhờ đó thấy Phật." Nay thật đã đúng lúc. Nên gặp Thế Tôn. Nếu không đến, sau tất sẽ hối hận.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến giờ đắp y mang bát vào thành La-duyệt khất thực, dần dần đến nhà trưởng giả kia, đứng yên lặng ngoài cửa.

Khi con trưởng giả thấy Xá-lợi-phất đắp y mang bát dung mạo khác thường, liền đến trước Xá-lợi-phất thưa rằng:

–Nay ngài là ai? Đệ tử của ai? Đang hành pháp gì?

Xá-lợi-phất nói:

–Thầy ta xuất thân dòng họ Thích, ở trong đó mà xuất gia học đạo. Thầy được gọi là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Ta thường theo vị ấy thọ pháp.

Khi ấy, cậu bé liền hướng về Xá-lợi-phất mà nói kệ này:

Tôn giả nay đứng im
Ôm bát, tướng mạo nghiêm
Nay muốn xin những gì
Cùng đứng với ai đó?

Xá-lợi-phất dùng kệ đáp lại:

Nay ta không xin của
Cũng chẳng xin cơm áo
Vì cậu nên đến đây
Xét kỹ, nghe ta nói!
Nhớ lời xưa cậu nói
Lúc phát thệ trên trời
"Cõi người sẽ gặp Phật"
Nên đến báo cùng cậu.
Chư Phật ra đời khó
Pháp thuyết cũng như vậy
Thân người khó thể được
Giống như hoa Ưu-đàm.
Cậu hãy đi theo tôi
Cùng đến hầu Như Lai
Phật sẽ nói cho cậu
Đường chính đến cõi lành.

Sau khi nghe Xá-lợi-phất nói, cậu liền đi đến chỗ cha mẹ, lạy sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ con trưởng giả bạch cha mẹ rằng:

–Cúi xin cha mẹ cho phép con đến chỗ Thế Tôn thừa sự, đảnh lễ, thăm hỏi sức khỏe.

Cha mẹ đáp:

–Nay là lúc thích hợp.

Khi ấy, con trưởng giả sắm sửa hương hoa cùng một tấm gia trắng tốt, rồi theo Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đảnh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

–Đây là con trưởng giả đang sống trong thành La-duyệt này, không biết đến Tam bảo. Cúi xin Thế Tôn khéo vì cậu mà thuyết Pháp khiến được độ thoát.

Khi ấy, con trưởng giả thấy Thế Tôn uy dung đoan chánh, các căn tịch tĩnh, có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp hiển hiện ngoài thân,

cũng như núi Tu-di vương; mặt như mặt trời, mặt trăng, nhìn mãi không chán, liền đến trước lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Rồi con trưởng giả rải hương hoa lên thân Như Lai, lại đem tấm gia trắng mới dâng cho Như Lai, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một phía.

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp cho cậu. Ngài nói các đề tài về bố thí, trì giới, sinh Thiên, dục là bất tịnh, là hữu lậu, là tai họa lớn, xuất gia là thiết yếu. Khi Thế Tôn biết cậu bé đã tâm mở ý thông, như pháp thường mà chư Phật Thế Tôn nói, là Khổ, Tập, Diệt, Đạo; bấy giờ Thế Tôn cũng vì con trưởng giả kia mà nói hết. Lúc đó, ngay trên chỗ ngồi, con trưởng giả dứt sạch trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh, không còn trần cấu.

Bấy giờ, con trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn cho phép con được xuất gia làm Sa-môn.

Thế Tôn bảo:

–Phàm người làm đạo, chưa từ biệt cha mẹ thì không được làm Sa-môn.

Lúc ấy, con trưởng giả bạch Thế Tôn:

–Con sẽ xin cha mẹ cho phép.

Thế Tôn bảo:

–Nay là lúc thích hợp.

Bấy giờ, con trưởng giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân lui đi. Trở về đến nhà, cậu thưa với cha mẹ rằng:

–Cúi xin cho phép con được làm Sa-môn!

Cha mẹ đáp:

–Hiện tại chúng ta chỉ có một mình con. Trong nhà sinh nghiệp lại nhiều tiền của. Hành pháp Sa-môn thật là không dễ!

Con trưởng giả thưa:

–Như Lai xuất thế ức kiếp mới có, thật không thể gặp. Thật lâu mới xuất hiện. Như hoa Ưu-đàm-bát, thật lâu mới có; cũng vậy, Như Lai ức kiếp mới xuất hiện.

Lúc này, cha mẹ của con trưởng giả cùng than thở nhau nói rằng:

–Nay đã đúng lúc, con cứ tùy nghi.

Lúc ấy, con trưởng giả lạy sát chân, rồi từ biệt ra đi. Đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, con trưởng giả kia bạch Thế Tôn:

–Cha mẹ con đã cho phép. Cúi xin Thế Tôn cho phép con hành đạo.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

–Nay ông độ con trưởng giả này cho làm Sa-môn.

Xá-lợi-phất đáp:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất vâng theo lời Phật dạy, độ cho làm Sa-di, hằng ngày dạy dỗ. Sa-di kia ở tại nơi vắng vẻ, tự khắc phục, tu tập, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, tu phạm hạnh vô thượng, là vì muốn được lìa khổ.

Lúc ấy, Sa-di thành A-la-hán. Rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

–Nay con đã thấy Phật, nghe pháp, không có nghi ngờ gì nữa.

Thế Tôn bảo:

–Nay ông như thế nào là thấy Phật, nghe Pháp, không có nghi ngờ gì nữa?

Sa-di bạch Phật:

–Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ là vô ngã. Vô ngã tức là không. Không là chẳng phải có, chẳng phải không có, cũng không có ngã. Như vậy là điều được người trí giác tri. Thọ*, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ là vô ngã. Vô ngã tức là không. Không là chẳng phải có, chẳng phải không có, cũng không có ngã. Như vậy là điều được người trí giác tri. Năm thạnh ấm này là vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng phải có, nhiều điều khổ não, không thể chữa trị, thường ở chỗ hôi hám, không thể giữ lâu, tất quán không có ngã. Hôm nay, quan sát pháp này, liền thấy Như Lai.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay, Sa-di! Ta tức thì cho phép ông làm Sa-môn đó.

Sa-di kia sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7[19]

Nghe như vầy:

---

[19] *Tham chiếu Pāli, A V 50 Nāradasutta (R.iii. 57).*

Một thời, Tôn giả Na-la-đà[20] ở trong vườn trúc của một trưởng giả[21], nước Ba-la-lê[22]. Bấy giờ, đệ nhất phu nhân[23] vua Văn-trà[24] qua đời. Bà rất được vua yêu kính, luôn luôn nhớ tưởng trong lòng. Lúc đó có một người đến chỗ vua tâu rằng:

–Đại vương nên biết, nay Đệ nhất phu nhân đã qua đời.

Lúc vua nghe phu nhân vô thường, trong lòng sầu ưu, bảo người vừa đến rằng:

–Ngươi mau chóng khiêng tử thi phu nhân tẩm trong dầu mè cho ta thấy.

Lúc đó, người kia vâng lệnh vua, liền đem xác phu nhân tẩm trong dầu mè.

Sau khi nghe phu nhân mất, vua trong lòng sầu não cực kỳ, không ăn uống, không trị theo vương pháp, không xử lý việc triều đình. Khi ấy, tả hữu có một người tên Thiện Niệm[25], thường cầm kiếm hầu đại vương, bạch đại vương:

–Đại vương nên biết, trong nước này có Sa-môn tên là Na-la-đà đã đắc A-la-hán, có thần túc lớn, hiểu rộng, biết nhiều, không việc gì không rành rẽ, biện tài dũng tuệ, nói chuyện thường hàm tiếu. Xin vua hãy đi đến đó nghe vị ấy thuyết pháp. Nếu vua nghe pháp, sẽ không còn ưu sầu khổ não nữa.

Vua đáp:

–Lành thay, lành thay, khéo nói những lời này! Thiện Niệm, nay khanh đến đó báo trước Sa-môn kia. Vì sao? Vì phàm Chuyển luân thánh vương muốn đến chỗ nào thì phải sai người đi trước. Nếu không sai người báo trước mà đến, điều này không thể.

Thiện Niệm đáp:

–Tuân lệnh đại vương.

Rồi ông tuân lệnh của vua, đi vào trong vườn Trúc trưởng giả, đến chỗ Na-la-đà. Đến nơi, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, Thiện Niệm bạch Tôn giả Na-la-đà:

–Ngài biết cho, phu nhân đại vương đã qua đời. Nhân khổ não

---

20. Na-la-đà 那羅陀。

21. Trưởng giả trúc lâm 長者竹林。Xem cht. dưới.

22. Ba-la-lê quốc 波羅梨國。Pāli, trú tại Pāṭaliputta, trong già-lam Kukkutārāma.

23. Pāli: Vương phi Bhaddā.

24. Văn-trà vương 文荼王 。Pāli, Muṇḍa.

25. Thiện Niệm 善念。Pāli: Piyaka, quan Thủ khố (Kosārakkha).

này, vua không ăn, không uống, cũng lại không trị vương pháp, không xử quốc sự. Nay vua muốn đến hầu thăm tôn nhan. Cúi xin Ngài khéo vì vua mà thuyết pháp, khiến vua không còn sầu khổ.

Na-la-đà nói:

–Muốn đến thì nay là lúc thích hợp.

Thiện Niệm nghe dạy rồi, liền đảnh lễ sát chân mà lui đi. Về đến chỗ vua, tâu rằng:

–Đã báo cho Sa-môn rồi, xin vua biết cho.

Khi ấy vua sai Thiện Niệm:

–Hãy nhanh chuẩn bị xe bảo vũ*. Nay ta muốn tương kiến cùng Sa-môn.

Thiện Niệm liền chuẩn bị xe bảo vũ*. Rồi đến trước tâu vua:

–Đã chuẩn bị xong, vua biết cho, đã đúng giờ.

Bấy giờ, vua lên xe bảo vũ* ra khỏi thành, đến chỗ Na-la-đà, đi bộ vào trong vườn trúc trưởng giả. Theo phép nhân vương thì phải cởi năm thứ nghi trượng bỏ sang một bên, rồi đến chỗ Na-la-đà, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên.

Lúc ấy, Na-la-đà nói với vua:

–Đại vương nên biết, đừng vì pháp mộng huyễn khởi sầu ưu, đừng vì pháp bọt nổi cùng vốc tuyết mà khởi sầu ưu, lại cũng không thể vì tưởng pháp như hoa mà khởi sầu ưu. Vì sao? Nay có năm việc thật không thể được, đó là những điều Như Lai đã nói. Sao gọi là năm?

1. Phàm vật phải tận, muốn cho không tận, điều này không thể được.

2. Phàm vật phải diệt, muốn cho không diệt, điều này không thể được.

3. Phàm pháp phải già, muốn cho không già, điều này không thể được.

4. Lại nữa, phàm pháp phải bệnh, muốn cho không bệnh, điều này không thể được.

5. Lại nữa, phàm pháp phải chết, muốn cho không chết, điều này không thể được.

Này đại vương, đó gọi là có năm việc thật không thể được này, đó là những điều Như Lai đã nói.

Bấy giờ, Na-la-đà liền nói kệ này:

Không phải do sầu lo
Mà được phước lành này

Nếu trong lòng sầu ưu
Bị ngoại cảnh chi phối.
Nếu như người có trí
Quyết không tư duy vậy
Nên ngoại địch phải sầu
Vì không chi phối được.
Đủ oai nghi lễ tiết
Ham thí không tâm tiếc
Nên cầu phương tiện này
Khiến được lợi lớn kia.
Giả sử không thể được
Ta và những người ấy
Không sầu cũng không hoạn
Hành báo biết thế nào?

Đại vương nên biết, vật phải bị mất, nó sẽ mất. Khi nó đã mất, khiến cho sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: "Người yêu của ta ngày nay đã mất." Đó gọi là phải bị mất, thì nó mất, ở đó mà khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả.

Này đại vương, đó gọi là gai sầu thứ nhất đâm dính tâm ý. Người phàm phu có pháp này, không biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh có học, đối với vật phải bị mất, khi nó mất, bị ấy không khởi sầu ưu khổ não, mà sẽ học điều này: "Nay chỗ ta bị mất, chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu ưu, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, đưa đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

Lại nữa đại vương, vật phải bị diệt, nó sẽ diệt. Khi nó đã diệt, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: "Vật ta yêu hôm nay đã diệt." Đó gọi là vật phải bị diệt, thì nó diệt, ở đó mà khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả.

Này đại vương, đó gọi là gai sầu thứ hai đâm dính tâm ý thứ hai. Người phàm phu có pháp này, không biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh có học, đối với vật phải bị diệt, khi nó diệt, vị ấy không khởi sầu ưu khổ não, mà sẽ học điều này: "Nay chỗ ta

bị diệt, chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

Lại nữa đại vương, vật phải bị già, nó sẽ già. Khi nó đã già, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: "Vật ta yêu hôm nay đã già." Đó gọi là phải bị già, thì nó già, ở đó, khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả.

Này đại vương, đó gọi là gai sầu thứ ba đâm dính tâm ý. Người phàm phu có pháp này, không biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh có học, đối với vật phải bị già, nó liền già, lúc đó, người kia không khởi sầu ưu khổ não thường học những điều này: "Nay chỗ ta bị già chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

Lại nữa đại vương, vật phải bị bệnh, nó sẽ bệnh. Khi nó đã bệnh, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả rằng: "Vật ta yêu hôm nay đã bệnh." Đó gọi là vật phải bị bệnh thì nó bệnh, ở đó, khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả.

Này đại vương, đó gọi là gai sầu thứ tư đâm dính tâm ý. Người phàm phu có pháp này, không biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh có học, đối với vật phải bị bệnh, nó liền bệnh, lúc đó, người kia không khởi sầu ưu khổ não thường học những điều này: "Nay chỗ ta bị bệnh chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

Lại nữa đại vương, vật phải bị chết, nó sẽ chết. Khi nó đã chết,

liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: "Vật ta yêu hôm nay đã chết." Đó gọi là vật phải bị chết, nó liền chết, ở đó, khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả.

Này đại vương, đó gọi là gai sầu thứ năm tâm ý. Người phàm phu có pháp này, không biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh có học, đối với vật phải bị chết, nó liền chết, lúc đó, người kia không khởi sầu ưu khổ não thường học những điều này: "Nay chỗ ta bị chết chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung." Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

Lúc ấy, đại vương bạch Tôn giả Na-la-đà:

–Đó gọi là pháp gì và nên phụng hành thế nào?

Na-la-đà nói:

–Kinh này gọi là trừ mối hoạn ưu sầu, nên nhớ phụng hành.

Thời đại vương nói:

–Đúng như lời ngài nói, trừ bỏ sầu ưu. Vì sao? Vì sau khi nghe pháp này rồi, những gì là sầu khổ nơi tôi, hôm nay đã được trừ hẳn. Nếu Tôn giả có điều gì chỉ dạy, mong hãy thường vào cung, tôi sẽ cung cấp cho, khiến cho đất nước nhân dân hưởng mãi phước không cùng. Cúi xin Tôn giả diễn rộng pháp này còn mãi mãi ở thế gian, cho chúng bốn bộ được an ổn lâu dài. Nay, con xin quy y Tôn giả Na-la-đà.

Na-la-đà nói:

–Đại vương, chớ quy y tôi, hãy quy y nơi Phật.

Khi ấy vua hỏi:

–Nay Phật ở nơi nào?

Na-la-đà nói:

–Đại vương nên biết, vua nước Ca-tỳ-la-vệ, xuất xứ từ học Thích, thuộc dòng Chuyển luân thánh vương, Tỳ-la-vệ. Vua này có con tên là Tất-đạt, xuất gia học đạo, nay tự thành Phật hiệu Thích-ca Văn. Hãy tự quy y với vị ấy.

Đại vương lại hỏi:

–Nay ở phương nào?

Na-la-đà nói:

–Như Lai đã nhập Niết-bàn.

Đại vương nói:

–Như Lai diệt độ sao nhanh chóng vậy! Nếu ngài còn tại thế, dù trải qua hàng ngàn vạn do-tuần, tôi cũng sẽ đến hầu thăm.

Rồi vua rời chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay thưa rằng:

–Con tự quy y Như Lai, Pháp, Tăng Tỳ-kheo, trọn đời cho phép làm Ưu-bà-tắc, không sát sinh. Vì việc nước đa đoan, giờ con muốn trở về cung.

Na-la-đà nói:

–Nay đã đúng lúc.

Vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh ba vòng, rồi ra đi.

Vua Văn-trà sau khi nghe những gì Na-la-đà dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8[26]

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Người bệnh tật mà thành tựu năm pháp thì không lúc nào lành bệnh được, thường nằm liệt giường chiếu. Sao gọi là năm?

1. Hoặc khi người bệnh không chọn đồ ăn thức uống.

2. Không tùy thời ăn.

3. Không thân cận y dược.

4. Nhiều ưu, ưa sân.

5. Không khởi lòng Từ đối với người nuôi bệnh.

Tỳ-kheo, đó gọi là người bệnh tật thành tựu năm pháp này, không lúc nào lành bệnh được.

Nếu lại có bệnh nhân nào thành tựu năm pháp thì sẽ được bệnh mau lành. Sao gọi là năm?

1. Hoặc khi bệnh nhân chọn lựa thức ăn.

2. Tùy thời ăn.

---

26. Tham chiếu Pāli, A V 123 Upaṭṭhākasutta (R iii. 143).

3. Thân cận y dược.

4. Trong lòng không sầu ưu.

5. Hằng khởi tâm Từ đối với người nuôi bệnh.

Tỳ-kheo, đó gọi là bệnh nhân thành tựu năm pháp này liền được lành bệnh.

Như vậy, Tỳ-kheo, năm pháp trước hãy niệm lìa bỏ. Năm pháp sau nên cùng phụng hành.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9[27]

Nghe như vầy:

Một thời phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu người nào nuôi bệnh thành tựu năm pháp thì không được mau lành, thường nằm liệt giường. Sao gọi là năm?

1. Lúc đó, người nuôi bệnh không phân biệt thuốc hay.

2. Biếng nhác không tâm dũng mãnh.

3. Thường ưa sân hận cũng ham ngủ nghỉ.

4. Chỉ tham ăn nên nuôi bệnh nhân không đúng pháp cung dưỡng.

5. Không cùng người bệnh nói chuyện qua lại.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là người nuôi bệnh nào thành tựu năm pháp này thì bệnh không được mau lành.

Lại nữa này Tỳ-kheo, nếu người nuôi bệnh nào thành tựu năm pháp thì bệnh liền mau lành, không nằm liệt giường.

Sao gọi là năm?

1. Lúc đó, người nuôi bệnh phân biệt thuốc hay.

2. Cũng không biếng nhác, thức trước ngủ sau.

3. Thường thích nói chuyện, ít ngủ nghỉ.

4. Dùng pháp cung dưỡng, không ham ăn uống.

5. Chịu khó vì bệnh nhân mà nói pháp.

---

[27]. Tham chiếu Pāli, A V 124 Dutiya-Upaṭṭhākasutta (R iii. 144).

Này Tỳ-kheo, đó gọi là người nuôi bệnh thành tựu năm pháp này thì bệnh liền được mau lành.

Cho nên, các Tỳ-kheo, lúc nuôi bệnh nhân phải bỏ năm pháp trước, thành tựu năm pháp sau.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Sau khi, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10[28]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Di-hầu tại Tỳ-xá-ly cùng năm trăm Tỳ-kheo. Bấy giờ, Đại tướng Sư Tử[29] đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, Phật bảo Sư Tử :

–Thế nào, trong nhà ông thường có bố thí không?

Sư Tử bạch Phật:

–Con thường ở ngoài bốn cửa thành và trong thành phố, tùy thời mà bố thí không cho thiếu sót. Ai cần ăn, cung cấp thức ăn. Y phục, hương hoa, xe ngựa, tọa cụ, tùy theo chỗ cần dùng của họ, con đều khiến cung cấp cho họ.

Phật bảo Sư Tử :

–Lành thay, lành thay, ông có thể bố thí mà không ôm lòng tưởng tiếc. Đàn-việt thí chủ tùy thời bố thí có năm công đức. Sao gọi là năm?

Lúc đó, đàn-việt thí chủ được tiếng đồn vang khắp, mọi người khen ngợi rằng: "Tại thôn làng kia có đàn-việt thí chủ thường ưa tiếp đón Sa-môn, Bà-la-môn, tùy theo nhu cầu mà cung cấp, không để thiếu sót.

Này Sư Tử, đó gọi là công đức thứ nhất mà đàn-việt thí chủ thu được.

Lại nữa, này Sư Tử, khi đàn-việt thí chủ đến trong chúng Sa-môn, Sát-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, trong ôm lòng hổ thẹn, cũng không có điều sợ hãi. Giống như sư tử, vua loài thú, ở giữa bầy nai, không hề sợ

---

28. Tham chiếu Pāli, A V 34 Sīhasenāpatisutta (R.iii. 38).

29. Sư Tử Đại tướng 師子大將。Pāli: Sīhasenapati.

nạn.

Này Sư Tử, đó gọi là công đức thứ hai mà đàn-việt thí chủ thu được.

Lại nữa, này Sư Tử, đàn-việt thí chủ được mọi người kính ngưỡng, người thấy vui mừng như con thấy cha, ngắm nhìn không chán.

Này Sư Tử, đó gọi là phước đức thứ ba mà đàn-việt thí chủ thu được.

Lại nữa, này Sư Tử, đàn-việt thí chủ sau khi mạng chung sẽ sinh hai nơi: Hoặc sinh lên trời, hoặc sinh trong loài người. Ở trời được trời kính trọng, ở người được người quý.

Này Sư Tử, đó gọi là phước đức thứ tư mà đàn-việt thí chủ thu được.

Lại nữa, này Sư Tử, đàn-việt thí chủ, trí tuệ xa vời vượt lên mọi người, hiện thân hết lậu, không kinh qua đời sau.

Này Sư Tử, đó gọi là phước đức thứ năm mà đàn-việt thí chủ thu được.

Phàm người bố thí có năm đức, thường đi theo bên mình.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Tâm ưa thích bố thí
Thành công đức đầy đủ
Trong chúng không nghi nan
Cũng không hề sợ hãi.
Người trí hãy bố thí
Tâm đầu không hối tiếc
Tại trời Tam thập tam
Ngọc nữ sẽ vây quanh.

Vì vậy, Sư Tử nên biết, đàn-việt thí chủ sinh hai chỗ lành, hiện thân hết lậu, đến chỗ vô vi.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Thí là lương đời sau
Đưa đến chỗ rốt ráo
Thiện thần thường theo hộ
Cũng khiến cho hoan hỷ.

Vì sao? Sư Tử nên biết, vì khi bố thí thường hiện lòng hoan hỷ, thân tâm kiên cố, nên các công đức lành đều đầy đủ, được Tam-muội, ý cũng không tán loạn, biết như thật. Thế nào là biết như thật? Đây là Khổ, Tập, Khổ diệt, Khổ xuất ly, thảy đều biết như thật. Cho nên, này

Sư Tử, hãy tìm cầu phương tiện tùy thời bố thí. Nếu muốn đắc đạo Thanh văn, Bích-chi-phật thì thảy đều như ý. Này Sư Tử, hãy học điều này như vậy.

Sư Tử sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 11[30]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Khi đàn-việt thí chủ huệ thí, được năm sự công đức[31]. Sao gọi là năm?

1. Thí mạng[32].

2. Thí sắc.

3. Thí an lạc; bốn là thí sức; năm là thí biện tài[33]. Đó gọi là năm.

Lại nữa, đàn-việt thí chủ lúc thí mạng là muốn được trường thọ, lúc thí sắc là muốn được xinh đẹp, lúc thí an lạc là muốn được không bệnh, lúc thí sức là muốn không ai hơn, lúc thí biện tài là muốn được biện tài vô thượng chân chánh.

Các Tỳ-kheo nên biết, đó gọi là khi đàn-việt thí chủ bố thí, có năm sự công đức này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Thí mạng, sắc và an
Sức, biện tài, năm thứ
Đủ năm công đức này
Sau hưởng phước vô cùng.
Người trí nên bố thí
Trừ bỏ lòng tham dục
Thân này có danh dự
Sinh trời cũng lại vậy.

---

30. *Tham chiếu Pāli, A V 37 Bhojanasutta (R.iii. 41).*

31. *Tham chiếu Pāli, ibid., khi thí (dāyaka) cho bữa ăn, là cho người nhận (paṭiggahaka) năm điều.*

32. *Thí mạng 施命。Pāli: Āyuṃ deti, ban cho tuổi thọ.*

33. *Thí biện tài. Pāli: Paṭibhānaṃ deti, ban cho sự sáng suốt.*

Nếu thiện nam, thiện nữ nào, muốn được năm công đức này, hãy làm năm việc này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 12[34]

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Thí đúng thời[35] có năm sự. Sao gọi là năm?

1. Thí cho người xa lại.

2. Thí cho người đi xa.

3. Thí cho người bệnh.

4. Thí cho lúc thiếu.

5. Thí lúc mới thu hoạch cây trái, ngũ cốc trước tiên, cúng dường cho người trì giới tinh tấn, sau đó tự dùng.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là thí đúng thời có năm sự này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người trí thí đúng thời
Tín tâm không dứt mất
Ở đây chóng hưởng vui
Sinh Thiên đủ các đức.
Tùy thời niệm bố thí
Thọ phước như tiếng vang
Vĩnh viễn không thiếu thốn
Nơi sinh thường giàu sang.
Thí là đủ các hành
Đạt đến vị vô thượng
Thí nhiều không khởi tưởng
Hoan hỷ càng tăng thêm.
Trong tâm sinh niệm này

---

34. *Tham chiếu Pāli, A V 36 Kāladānasutta (R. iii. 41).*

35. *Ứng thời thí 應時施。Pāli: Kāladāna.*

Ý loạn tuyệt không còn
Cảm nhận thân an lạc
Tâm liền được giải thoát.
Cho nên người có trí
Không kể nam hay nữ
Hãy hành năm thí này
Không mất phương tiện nghi.

Cho nên, các Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào, muốn hành năm sự này thì, nên thí tùy thời.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Thiện, bất thiện, lễ Phật
Thiên sứ, tuế, ngũ đoan
Văn-trà, thân, nuôi bệnh
Năm thí, tùy thời thí.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 25

Phẩm 33: NĂM VUA

Kinh số 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vua năm nước lớn, đứng đầu là Ba-tư-nặc, nhóm họp ở trong lạc viên, bàn luận với nhau những điều này. Năm vua gồm những ai?

1. Vua Ba-tư-nặc[2].

2. Vua Tỳ-sa[3].

3. Vua Ưu-điền[4].

4. Vua Ác Sinh[5].

5. Vua Ưu-đà-diên.

Khi ấy, năm vua nhóm họp lại một chỗ bàn luận những điều này:

–Chư hiền nên biết, Như Lai nói về năm dục[6] này. Những gì là năm? Sắc được thấy bởi, khả ái, khả niệm, được người đời mong muốn. Tiếng được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, mịn láng được xúc chạm bởi thân. Như Lai nói về năm dục này. Trong năm dục này, cái nào tối diệu?

1. Sắc được thấy bởi mắt chăng?

2. Tiếng được nghe bởi tai là tối diệu chăng?

---

1. *S 3. 2.2. Pañcarājasutta (R. i. 79).*
2. *Ba-tư-nặc, Pāli: Pasenadi 波斯匿, vua nước Kosala (Câu-tát-la).*
3. *Tỳ-sa 毘沙, chưa rõ.*
4. *Ưu-điền 優填。Pāli: Udena, vua nước Kosambī (Kiều-thưởng-di).*
5. *Ác Sinh 惡生; có lẽ Pāli Caṇḍa-ppajjota (nhưng Hán dịch đọc là Caṇḍappajāta), vua nước Ujjenī (Ưu-thiền).*
6. *Ngũ dục 五欲, nói đủ là ngũ dục công đức, năm tố chất của dục. Pāli: Pañca-kāmaguṇa.*

3. Hương được ngửi bởi mũi là tối diệu chăng?

4. Vị được nếm bởi lưỡi là tối diệu chăng?

5. Mịn láng được xúc chạm bởi thân là tối diệu chăng?

Năm sự này, cái nào là tối diệu? Trong đó, hoặc có quốc vương nói, sắc là tối diệu. Hoặc có vị bàn, thanh là tối diệu. Hoặc có vị bàn, hương là tối diệu. Hoặc có vị bàn, vị là tối diệu. Hoặc có vị bàn, mịn trơn là tối diệu.

Lúc ấy, nói sắc tối diệu là thuyết của vua Ưu-đà-diên. Nói thanh tối diệu là luận của vua Ưu-điền. Nói hương tối diệu là luận của vua Ác Sinh. Nói vị tối diệu là luận của vua Ba-tư-nặc. Nói mịn trơn tối diệu là luận của vua Tỳ-sa. Bấy giờ, năm vua nói nhau:

–Chúng ta cùng bàn luận về năm dục này, nhưng lại không biết cái nào là tối diệu.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc nói với bốn vị vua kia:

–Phật đang ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ. Chúng ta cùng đến hết chỗ Thế Tôn hỏi nghĩa này. Nếu Thế Tôn có điều chi dạy bảo, chúng ta sẽ cùng phụng hành.

Các vua sau khi nghe vua Ba-tư-nặc nói vậy, liền cùng dẫn nhau đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đem những điều cùng bàn về năm dục đầy đủ bạch lên Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo năm vị vua:

–Những gì các vua bàn, đúng tùy theo trường hợp. Vì sao? Vì tùy vào tánh hạnh mỗi người. Người đắm nhiễm sắc, nhìn sắc không biết chán. Với người này sắc là tối thượng, không gì vượt qua. Bấy giờ, người đó không đắm nhiễm thanh, hương, vị, mịn trơn. Trong năm dục, sắc là tối diệu.

Nếu người có tánh hạnh đắm nhiễm âm thanh, khi nghe thanh, lòng rất hoan hỷ, mà không chán. Với người này, thanh là tối diệu tối thượng. Trong năm dục, thanh là tối diệu.

Nếu người có tánh hạnh đắm nhiễm hương, khi ngửi hương, lòng rất hoan hỷ, mà không chán. Với người này, hương là tối diệu, tối thượng. Trong năm dục, hương là tối diệu.

Nếu người có tánh hạnh nhiễm đắm vị ngon, khi biết vị rồi, lòng rất hoan hỷ, mà không chán. Với người này, vị là tối diệu tối thượng. Trong năm dục, vị là tối diệu.

Nếu người có tánh hạnh nhiễm đắm mịn trơn, khi được mịn trơn rồi lòng rất là hoan hỷ, mà không chán. Với người này, mịn trơn là tối

diệu, tối thượng. Trong năm dục, mịn trơn là tối diệu.

Nếu tâm người kia đắm nhiễm sắc, khi ấy người đó sẽ không đắm nhiễm pháp thanh, hương, vị và mịn trơn.

Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm thanh, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, hương, vị và mịn trơn.

Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm hương, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, thanh, vị và mịn trơn.

Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm vị, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, thanh, hương và mịn trơn.

Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm mịn trơn, người đó không còn không đắm nhiễm pháp sắc, thanh, hương, vị.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Khi ý dục bừng cháy
Cái được muốn phải được
Được rồi càng hoan hỷ
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được dục này
Ý tham dục không mở
Do đây mà hoan hỷ
Duyên đó cho tối diệu.
Hoặc khi muốn nghe tiếng
Cái được muốn phải được
Nghe xong càng hoan hỷ
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được tiếng này
Tham đó ý không mở
Do đây mà hoan hỷ
Duyên đó cho tối diệu.
Hoặc khi lại ngửi hương
Cái được muốn phải được
Ngửi xong càng hoan hỷ
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được hương này
Tham đó ý không mở
Do đây mà hoan hỷ
Duyên đó cho tối diệu.
Hoặc khi lại được vị

Cái được muốn phải được
Được rồi thêm hoan hỷ
Sở dục không có nghi.
Kia đã được vị này
Tham đó ý không mở
Do đây mà hoan hỷ
Duyên đó cho tối diệu.
Nếu khi được mịn trơn
Cái được muốn phải được
Được rồi thêm hoan hỷ
Sở dục không nghi nan.
Kia đã được mịn trơn
Tham đó ý không mở
Do đây mà hoan hỷ
Duyên đó cho tối diệu.

Cho nên, này đại vương, nếu nói sắc là diệu, hãy bình đẳng mà luận. Vì sao? Vì nơi sắc có vị ngọt. Nếu sắc không có vị ngọt, chúng sinh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, sắc là tối diệu. Nhưng sắc cũng có tai hại. Nếu sắc không có tai hại, chúng sinh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sinh nhàm chán nó. Nhưng sắc có xuất yếu. Nếu sắc không có xuất yếu, ở đây chúng sinh không ra khỏi biển sinh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sinh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, sắc là tối diệu.

Lại nữa, này đại vương, nếu nói thanh là diệu, hãy bình đẳng mà luận. Vì sao? Vì nơi thanh có vị ngọt. Nếu thanh không có vị ngọt, chúng sinh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, thanh là tối diệu. Nhưng thanh cũng có tai hại. Nếu thanh không có tai hại, chúng sinh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sinh nhàm chán nó. Nhưng thanh có xuất yếu. Nếu thanh không có xuất yếu, ở đây chúng sinh không ra khỏi biển sinh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sinh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, thanh là tối diệu.

Đại vương nên biết, nếu nói hương là diệu, hãy bình đẳng mà bàn. Vì sao? Vì nơi hương có vị ngọt. Nếu hương không có vị ngọt, chúng sinh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, hương là tối diệu. Nhưng hương cũng có tai hại. Nếu hương không có tai hại, chúng sinh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sinh nhàm chán nó. Nhưng hương có xuất yếu. Nếu hương không có xuất yếu, ở

đây chúng sinh không ra khỏi biển sinh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sinh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, hương là tối diệu.

Lại nữa, này đại vương, nếu nói vị là diệu, hãy bình đẳng mà bàn. Vì sao? Vì nơi vị có vị ngọt. Nếu vị không có vị ngọt, chúng sinh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, vị là tối diệu. Nhưng vị cũng có tai hại. Nếu vị không có tai hại, chúng sinh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sinh nhàm chán nó. Nhưng vị có xuất yếu. Nếu vị không có xuất yếu, ở đây chúng sinh không ra khỏi biển sinh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sinh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, vị là tối diệu.

Lại nữa, này đại vương, nếu nói mịn trơn là diệu, hãy bình đẳng mà bàn. Vì sao? Vì nơi mịn trơn có vị ngọt. Nếu mịn trơn không có vị ngọt, chúng sinh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có mịn trơn nên trong năm dục, mịn trơn là tối diệu. Nhưng mịn trơn cũng có tai hại. Nếu mịn trơn không có tai hại, chúng sinh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sinh nhàm chán nó. Nhưng mịn trơn có xuất yếu. Nếu mịn trơn không có xuất yếu, ở đây chúng sinh không ra khỏi biển sinh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sinh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, mịn trơn là tối diệu.

Sau khi năm vị vua nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có Trưởng giả Nguyệt Quang lắm của nhiều tiền, đầy đủ voi ngựa, bảy báu, vàng bạc châu báu không thể tính kể; nhưng Trưởng giả Nguyệt Quang không có con cái. Vì không có con cái nên bấy giờ Trưởng giả Nguyệt Quang cầu đảo trời, thần, thỉnh cầu mặt trời, mặt trăng, Thiên thần, Địa thần, Quỷ tử mẫu, Tứ Thiên vương, hai mươi tám đại thần quỷ vương, Thích Đề-hoàn Nhân và Phạm thiên, thần núi, thần cây, thần ngũ đạo, cây cối, thảo dược; khắp cả mọi nơi, tất cả đều tham lễ, cầu mong ban cho một cậu con trai.

Bấy giờ, vợ Trưởng giả Nguyệt Quang trải qua trong vòng mấy ngày, liền mang thai, bèn nói với trưởng giả:

–Tôi tự biết đã có mang.

Nghe vậy, trưởng giả vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế được, liền sắm cho phu nhân giường ghế tốt, ăn uống ngon ngọt, mặc quần áo đẹp.

Trải qua tám chín tháng, phu nhân sinh một cậu bé tướng mạo xinh đẹp, hiếm có trên đời, như màu hoa đào. Bấy giờ, hai tay bé cầm hạt ngọc ma-ni vô giá, ngay đó liền nói kệ này:

Nhà này lắm tài sản
Báu vật cùng thức ăn
Nay tôi muốn bố thí
Để người nghèo không thiếu.
Nếu ở đây không vật
Của báu và thức ăn
Nay có ngọc vô giá
Thường dùng bố thí người.

Lúc đó, cha mẹ cùng người trong nhà nghe lời nói này rồi, mọi người đều bỏ chạy: "Sao lại sinh loài quỷ mỵ này?" Chỉ có cha mẹ vì thương xót con nên không bỏ chạy tán loạn. Người mẹ liền hướng về con nói bài kệ này:

Là Trời, Càn-đạp-hòa
Quỷ mị hay La-sát
Là ai? Tên họ gì
Nay ta muốn biết được!

Lúc ấy, cậu bé dùng kệ đáp lại mẹ:

Chẳng Trời, Càn-đạp-hòa
Chẳng Quỷ mị, La-sát
Nay con, cha mẹ sinh
Là người, không nên nghi.

Khi phu nhân nghe những lời, vui mừng hớn hở không tự kiềm chế được. Bà đem nhân duyên này nói lại hết cho Trưởng giả Nguyệt Quang. Nghe những lời này, Trưởng giả tự nghĩ: "Đây là do duyên gì? Nay ta phải đem việc này nói cho Ni-kiền Tử." Ông bồng cậu bé này đến chỗ Ni-kiền Tử, đảnh lễ rồi ngồi qua một bên. Rồi Trưởng giả Nguyệt Quang đem nhân duyên này nói đầy đủ cho Ni-kiền Tử. Ni-kiền Tử sau khi nghe những lời này, bảo trưởng giả:

–Cậu bé này là người bạc phước, đối với thân không có ích, hãy giết đi. Nếu không giết thì nhà cửa tiêu hao suy sụp, thảy đều chết hết.

Lúc này, Trưởng giả Nguyệt Quang tự suy nghĩ: "Trước đây ta không có con cái, Vì nhân duyên này thỉnh cầu trời đất, không nơi nào không đến; trải qua bao nhiêu năm tháng mới sinh được đứa con này. Nay ta không nỡ giết đứa bé này. Cần hỏi lại Sa-môn, Bà-la-môn khác để dứt nghi cho ta."

Bấy giờ, Như Lai thành Phật chưa lâu. Mọi người xưng hiệu là Đại Sa-môn. Lúc này, Trưởng giả Nguyệt Quang liền tự nghĩ: "Ta nên đem nhân duyên này thuật với Đại Sa-môn ấy."

Bấy giờ, trưởng giả rời chỗ ngồi đứng dậy, bồng đứa con này đến chỗ Thế Tôn. Giữa đường lại tự nghĩ: "Nay có Phạm chí trưởng lão, tuổi đã quá già, trí tuệ thông minh được mọi người kính trọng, ông còn không biết, không thấy; huống chi là Sa-môn Cù-đàm này, tuổi trẻ, học đạo chưa lâu, há có thể biết việc này sao? Sẽ sợ rằng cũng không giải tỏa được cái nghi của mình. Nay đang giữa đường, ta nên trở về nhà.

Khi ấy, có một Thiên thần xưa là bạn quen biết cũ của trưởng giả, biết được những ý nghĩ trong lòng trưởng giả, ở giữa hư không nói rằng:

–Trưởng giả nên biết, hãy tiến về trước một tí, ắt sẽ được lợi, được quả báo lớn, cũng sẽ đến chỗ cam lộ bất tử. Như Lai ra đời rất là khó gặp. Như Lai mưa cam lồ xuống, thật lâu mới có.

Lại nữa, này trưởng giả, có bốn sự tuy rất nhỏ, không thể xem thường. Sao gọi là bốn?

1. Quốc vương tuy nhỏ, không thể xem thường.

2. Đóm lửa tuy nhỏ, cũng không thể xem thường.

3. Rồng tuy nhỏ, cũng không thể xem thường.

4. Người học đạo tuy nhỏ, cũng không thể xem thường.

Này trưởng giả, đó gọi là bốn sự không thể xem thường.

Lúc ấy, Thiên thần liền nói kệ này:

Quốc vương tuy còn nhỏ
Sát hại do pháp này
Đóm lửa tuy chưa bừng
Sẽ đốt cỏ, cây, núi.
Rồng thần hiện tuy nhỏ
Làm mưa khi đến thời
Người học đạo tuy nhỏ
Độ người vô số lượng.

Bấy giờ, Trưởng giả Nguyệt Quang, tâm ý khai mở, vui mừng hớn hở, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên, đem

nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo trưởng giả:

–Hiện cậu bé này rất có phước lớn. Cậu bé này nếu lớn lên, cậu ta sẽ dẫn năm trăm đồ chúng đến chỗ Ta, xuất gia học đạo, đắc A-la-hán. Trong hàng Thanh văn của ta, là người có phước đức lớn nhất không ai có thể sánh kịp.

Lúc ấy, trưởng giả nghe xong, vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế được, bạch Thế Tôn:

–Đúng như lời Thế Tôn dạy, chẳng phải như Ni-kiền Tử.

Bấy giờ, Trưởng giả Nguyệt Quang lại bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Ngài hãy thương đứa bé này mà cùng chúng Tăng nhận lời thọ thỉnh.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh. Sau khi thấy Thế Tôn im lặng nhận lời mời, lông từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân rồi lui đi. Về đến nhà, ông bày biện cỗ bàn các thứ đồ thức uống ngon ngọt, trải tọa cụ tốt. Sáng sớm đích thân đến bạch:

–Đã đến giờ, cúi xin Thế Tôn quang lâm.

Bấy giờ, Thế Tôn biết đã đến giờ, dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh vào thành Xá-vệ, đến nhà trưởng giả, tới chỗ ngồi. Trưởng giả thấy Phật và các Tỳ-kheo đã ngồi ổn định rồi, bèn dọn đồ ăn thức uống, tự tay châm chước, hoan hỷ không loạn. Thấy đã ăn xong, dọn dẹp bình bát, dùng nước rửa, rồi lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước mặt Như Lai, muốn được nghe pháp vi diệu mà Phật thuyết.

Khi ấy, Trưởng giả Nguyệt Quang bạch Thế Tôn:

–Nay con xin đem tất cả nhà cửa, sản nghiệp, ruộng vườn cho đứa bé này, cúi xin Thế Tôn hãy đặt tên cho.

Thế Tôn bảo:

–Lúc đứa bé này sinh, mọi người đều bỏ chạy tán loạn, gọi là quỷ Thi-bà-la[7] nên nay đặt tên là Thi-bà-la[8].

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự nói các đề tài vi diệu cho trưởng giả và vợ trưởng giả; đề tài về bố thí, về trì giới, về sinh Thiên, dục là tưởng bất tịnh, là hữu lậu, là tai họa lớn, xuất yếu là vi diệu.

Bấy giờ, Thế Tôn thấy tâm ý của trưởng giả và vợ trưởng đã khai mở, không còn hồ nghi nữa. Như pháp thường mà chư Phật Thế Tôn

---

7. Thi-bà-la quỷ 尸婆羅鬼, chưa rõ quỷ gì.

8. Thi-bà-la 尸婆羅. Có lẽ đồng nhất với Sīvalī, Pāli. Nhưng truyện kể ở đây không giống các truyện kể Pāli.

thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo; bấy giờ Thế Tôn nói hết cho trưởng giả, khiến cho phát tâm hoan hỷ. Ngay trên chỗ ngồi, vợ chồng trưởng giả sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Giống như vải trắng mới dễ nhuộm màu, vợ chồng trưởng giả lúc này cũng như vậy, ở ngay trên chỗ ngồi, được mắt pháp trong sạch. Họ đã thấy pháp, được pháp và phân biệt các pháp, đã hết do dự, không còn hồ nghi, được không còn sợ hãi, hiểu được pháp sâu xa của Như Lai, liền thọ năm giới.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Tế tự, lửa trên hết
Các luận, kệ đứng đầu
Vua, tôn quý loài người
Biển là nguồn các sông;
Trăng sáng nhất các sao
Nguồn sáng mặt trời nhất
Tám phương và trên dưới
Muôn phẩm vật sản sinh;
Người muốn cầu phước kia
Tam-phật [9] là tối tôn.

Khi Thế Tôn nói bài kệ này xong, liền từ chỗ đứng dậy ra về.

Khi ấy, trưởng giả tìm năm trăm đồng tử sai hầu Thi-bà-la. Khi Thi-bà-la vừa tròn hai mươi tuổi, đến chỗ cha mẹ thưa cha mẹ:

–Cúi xin song thân cho phép con xuất gia học đạo.

Bấy giờ, song thân liền chấp thuận. Vì sao? Vì trước đây Thế Tôn đã thọ ký cho rồi: "Cậu sẽ dẫn năm trăm thiếu niên đến chỗ Thế Tôn xin làm Sa-môn."

Lúc này, Thi-bà-la và năm trăm người, lạy sát chân cha mẹ rồi liền lui đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Thi-bà-la bạch Thế Tôn:

–Cúi xin cho phép con được xếp vào đạo.

Bấy giờ, Thế Tôn, liền chấp thuận cho làm Sa-môn. Chưa qua mấy ngày, liền thành A-la-hán, lục thần thông trong suốt, tám giải thoát đầy đủ. Bấy giờ, năm trăm đồng tử đến trước bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con làm Sa-môn.

Thế Tôn im lặng hứa khả. Xuất gia chưa kinh qua bao nhiêu ngày liền thành A-la-hán.

---

[9] *Tam-phật 三佛, phiên âm từ Sambuddha, (Phật) Chánh giác.*

Bấy giờ, Tôn giả Thi-bà-la trở về bang cũ nước Xá-vệ, được mọi người kính ngưỡng và được cúng dường bốn thứ: Y áo, thức ăn, tọa cụ ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Lúc ấy, Thi-bà-la tự nghĩ: "Nay ta ở tại bang cũ này rất là ồn ào. Nay có thể du hóa ở trong nhân gian."

Bấy giờ, đến giờ khất thực, Tôn giả Thi-bà-la đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, trở về chỗ ở, thu xếp tọa cụ, đắp y mang bát, dẫn theo năm trăm Tỳ-kheo ra khỏi tinh xá Kỳ hoàn du hóa trong nhân gian. Đến đâu, họ cũng đều được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, tọa cụ, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Lại có chư Thiên báo các thôn làng:

–Nay có Tôn giả Thi-bà-la đắc A-la-hán, phước đức đệ nhất, dẫn năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian, chư Hiền hãy đến cúng dường. Ai nay không làm sau hối hận vô ích.

Lúc này, Tôn giả Thi-bà-la tự nghĩ: "Nay thật chán ngấy sự cúng dường này, nên lánh chỗ nào cho người không biết chỗ ta." Rồi Tôn giả bèn đi vào núi sâu. Chư Thiên lại báo với mọi người trong thôn làng:

–Hiện Tôn giả Thi-bà-la đang ở trong núi này. Hãy đến cúng dường. Nay ai không làm, sau hối hận vô ích.

Dân làng sau khi nghe chư Thiên nói vậy, liền gánh đồ ăn thức uống đến chỗ Tôn giả Thi-bà-la thưa:

–Cúi xin Tôn giả hãy vì chúng con mà ở đây.

Lúc ấy, Thi-bà-la du hóa trong nhân gian đi dần dần đến chỗ Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyệt cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo, cũng được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, tọa cụ ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Lúc này, Tôn giả Thi-bà-la tự nghĩ: "Nay ta nên tìm chỗ nào để hạ an cư, cho mọi người không biết chỗ ta." Rồi lại nghĩ: "Nên đến phía Tây núi Quảng phổ[10] ở phía Đông núi Kỳ-xà[11], ở đó hạ an cư." Liền dẫn năm trăm Tỳ-kheo ở trong núi kia mà thọ hạ an cư.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân biết được những ý nghĩ trong tâm Thi-bà-la, liền ở trong núi hóa hiện Phù-đồ[12], vườn cây ăn trái, đều đầy đủ; chung quanh có ao tắm, hóa ra năm trăm đài cao, lại hóa năm trăm giường nằm, lại hóa năm trăm giường ngồi, lại hóa năm trăm giường dây và dùng cam lồ trời mà ăn.

Lúc ấy, Tôn giả Thi-bà-la nghĩ thầm: "Nay ta đã hạ an cư xong.

---

10. Quảng phổ sơn 廣普山. Pāli: Vepulla, một trong năm ngọn núi bao quanh Vương xá.

11. Kỳ-xà 耆闍山, tức Kỳ-xà-quật. Pāli: Gijjhakūṭa.

12. Phù-đồ 浮圖, tức tháp; Skt. Stūpa.

Lâu quá không gặp Như Lai, nay nên đến hầu cận Thế Tôn.” Liền dẫn năm trăm Tỳ-kheo đến thành Xá-vệ. Lúc ấy, trời nóng bức, chúng Tỳ-kheo đều đổ mồ hôi, dơ bẩn thân thể. Tôn giả Thi-bà-la nghĩ thầm: “Hôm nay, chúng Tỳ-kheo thân thể nóng nực, nếu được chút mây trên trời cùng tạo cơn mưa nhỏ thì thật là việc tốt và gặp được ao tắm nhỏ cùng được ít nước uống.” Vừa khởi lên ý nghĩ này, tức thì trên không trung xuất hiện một đám mây lớn tạo thành cơn mưa bụi. Cũng có ao tắm, có bốn phi nhân gánh nước uống ngon ngọt do Tỳ-sa-môn thiên vương sai khiến, đến thưa:

–Cúi xin Tôn giả nhận nước uống ngọt này và cho Tăng Tỳ-kheo.

Tôn giả nhận nước uống này, rồi cho Tăng Tỳ-kheo uống.

Bấy giờ, Thi-bà-la lại nghĩ: “Nay ta nên nghỉ đêm ở nơi đây.” Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân biết những ý nghĩ trong tâm Thi-bà-la, liền hóa ra năm trăm phòng xá ở cạnh đường, đầy đủ giường nằm, tọa cụ. Lúc ấy, chư Thiên dâng lên đồ ăn thức uống. Thi-bà-la ăn xong, rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Bấy giờ, chú của Tôn giả Thi-bà-la đang ở trong thành Xá-vệ, lắm tiền nhiều của, không thiếu thứ gì, nhưng lại tham lam không chịu bố thí, không tin Phật, Pháp, Tăng, không tạo công đức. Lúc ấy, những thân tộc nói với người này:

–Trưởng giả dùng của cải này làm gì mà không tạo tư lương cho đời sau?

Sau khi, trưởng giả kia nghe những lời này rồi, trong một ngày, đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho Phạm chí ngoại đạo chớ không hướng về Tam bảo[13].

Lúc đó, Tôn giả Thi-bà-la nghe chú mình đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho ngoại đạo mà không cúng dường cho Tam bảo. Tôn giả Thi-bà-la đến tinh xá Kỳ hoàn, rồi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì Thi-bà-la nói pháp vi diệu. Tôn giả Thi-bà-la sau khi nghe pháp từ Như Lai rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi ra đi.

Ngay ngày hôm ấy, Tôn giả Thi-bà-la đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, dần dần đến nhà người chú. Đến nơi, đứng im lặng ở ngoài cửa. Khi đó, trưởng giả thấy Tôn giả Thi-bà-la ở ngoài cửa khất thực, liền nói:

–Hôm qua, sao ngươi không lại? Hôm qua ta đem trăm ngàn

---

13. Nguyên bản: Tam tôn.

lượng vàng bố thí. Giờ ta cho ngươi một tấm vải giạ.

Thi-bà-la đáp:

–Nay tôi không dùng vải làm gì. Hôm nay đến là để khất thực.

Trưởng giả đáp:

–Hôm qua ta đã dùng trăm ngàn lượng vàng bố thí, nên không thể bố thí trở lại được.

Lúc này, Tôn giả Thi-bà-la muốn độ trưởng giả, nên liền bay lên không trung, thân tuôn ra nước lửa, ngồi, nằm kinh hành tùy ý tạo. Khi trưởng giả thấy biến hóa này, bèn tự nói:

–Hãy xuống trở lại mà ngồi đi! Nay ta sẽ bố thí cho.

Tôn giả Thi-bà-la liền xả thần túc, về lại chỗ ngồi. Khi ấy, trưởng giả kia đem đồ ăn thức uống tệ dở, thật là thô xấu, cho Tôn giả Thi-bà-la dùng. Tôn giả Thi-bà-la vốn sinh trưởng trong gia đình hào phú, đồ ăn uống dư dã, nhưng vì trưởng giả kia nên nhận thức ăn này mà ăn. Tôn giả Thi-bà-la ăn xong, trở về chỗ ở. Ngay đêm ấy, giữa hư không Thiên thần đến nói trưởng giả này:

Thiện thí, thí thật lớn
Là cho Thi-bà-la
Vô dục, đã giải thoát
Đoạn ái, không còn nghi.

Giữa đêm và sáng sớm, hai lần nói kệ này:

Thiện thí, thí thật lớn
Là cho Thi-bà-la
Vô dục, đã giải thoát
Đoạn ái, không còn nghi.

Khi trưởng giả nghe chư Thiên nói, bèn suy nghĩ: "Hôm qua ta đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho ngoại đạo mà không có cảm ứng này. Hôm nay chỉ dùng thứ ăn tệ dở thí cho Tôn giả Thi-bà-la mà đưa đến cảm ứng này. Lúc nào trời sáng, ta sẽ đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho Tôn giả Thi-bà-la.

Rồi trưởng giả ngay ngày ấy, kiểm tính trong nhà có được giá trăm ngàn lạng vàng bố thí Thi-bà-la, bèn đem đến chỗ Tôn giả Thi-bà-la, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, ông đem trăm ngàn lạng vàng dâng lên Thi-bà-la và nói:

–Cúi xin ngài nhận trăm ngàn lượng vàng này.

Tôn giả Thi-bà-la nói:

–Chúc trưởng giả hưởng phước vô lượng, sống lâu tự nhiên.

Nhưng Như Lai lại không cho phép Tỳ-kheo nhận trăm ngàn lượng vàng.

Lúc ấy, trưởng giả liền đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, trưởng giả kia bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn cho Tỳ-kheo Thi-bà-la nhận trăm ngàn lượng vàng này, cho con được phước này.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

–Ngươi đi đến chỗ Tỳ-kheo Thi-bà-la nói Ta cho gọi ông ấy.

Tỳ-kheo đáp:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, tức thì đi đến chỗ Thi-bà-la đem những lời Như Lai mà báo.

Tôn giả Thi-bà-la nghe theo lời Tỳ-kheo kia, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thi-bà-la:

–Nay ngươi hãy nhận trăm ngàn lượng vàng của trưởng giả này, để ông ta được phước này. Đây là nghiệp duyên kiếp trước, nên hưởng báo này.

Tôn giả Thi-bà-la đáp:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Lúc ấy, Tôn giả Thi-bà-la liền nói bài kệ đạt-sấn[14]:

Cúng y áo các thứ
Muốn cầu phước đức kia
Sinh làm trời hay người
Vui hưởng năm lạc thú.
Từ trời đến cõi người
Vượt khỏi nghi có không
Chỗ Niết-bàn vô vi
Nơi chư Phật an lạc.
Người huệ thí dễ dàng
Mong đây được phước đức
Hãy phát tâm từ huệ
Làm phước không mệt mỏi.

Khi ấy, Tôn giả Thi-bà-la bảo trưởng giả:

–Hãy mang trăm ngàn lượng vàng này để trong phòng ta.

---

14. Đạt-sẩn 達嚩。Pāli: Dakkhinā (Skt. Dakwiṇā), thí tụng, bài kệ chú nguyện thí chủ sau khi nhận cúng dường.

Trưởng giả vâng theo lời dạy này, mang trăm ngàn lượng vàng để trong phòng Tôn giả Thi-bà-la rồi ra đi.

Lúc này, Thi-bà-la bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị, có ai thiếu gì thì đến đây mà lấy; hoặc nếu cần y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm ngọa cụ, thuốc men trị bệnh đều đến lấy; đừng cầu ở nơi khác, hãy lần lượt báo cho nhau biết điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Thi-bà-la xưa kia đã tạo phước gì mà sinh nhà trưởng giả, xinh đẹp vô song như màu hoa đào? Lại tạo phước gì mà hai tay cầm ngọc từ thai mẹ sinh ra? Lại tạo phước gì mà dẫn năm trăm người đến chỗ Như Lai xuất gia, học đạo, được gặp Như Lai ở đời? Lại tạo phước gì mà đến đâu cũng được đầy đủ y phục, đồ ăn thức uống tự nhiên không thiếu thốn, Tỳ-kheo khác không bì kịp?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Quá khứ lâu xa, chín mươi mốt kiếp, có Phật hiệu Tỳ-bà-thi[15] Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hành Túc*, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu*, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, du hóa tại nước Bàn-đầu cùng với đại chúng gồm sáu mươi vạn tám ngàn người, được cúng dường bốn thứ: Y phục, đồ ăn thức uống, tọa ngọa cụ, thuốc men trị bệnh.

Lúc ấy, có Phạm chí tên Da-nhã-đạt[16] sống ở nơi ấy, nhiều tiền lắm của, vàng bạc, trân báu, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, không thể đếm hết.

Bấy giờ, Da-nhã-đạt ra khỏi nước, đi đến chỗ Như Lai Tỳ-bà-thi. Đến nơi, thăm hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, Như Lai Tỳ-bà-thi lần lượt vì ông nói pháp, khiến ông ta sinh tâm hoan hỷ. Bấy giờ, Da-nhã-đạt bạch Như Lai Tỳ-bà-thi: "Cúi xin Ngài nhận lời thỉnh của con. Con muốn dâng cơm cúng Phật và Tăng Tỳ-kheo."

Khi ấy Như Lai im lặng nhận lời. Phạm chí Da-nhã-đạt thấy Thế Tôn im lặng nhận lời mời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi về nhà. Ông chuẩn bị sửa soạn các loại đồ ăn thức uống ngon ngọt.

Bấy giờ, vào lúc nửa đêm, Da-nhã-đạt suy nghĩ: "Nay ta đã chuẩn

---

15. Phật Tỳ-bà-thi, xem Trường 1, kinh Đại Bản. Pāli, Vipasī, D. 14 Mahāpadāna.

16. Da-nhã-đạt 耶若達; tên Pāli thường gặp: Yaññadatta (Skt. Yajñadatta), nhưng không tìm thấy đồng nhất ở đây.

bị đầy đủ các món đồ ăn thức uống, chỉ còn thiếu lạc[17]. Sáng sớm mai ta sẽ đến trong cửa thành, nơi đó có ai bán lạc sẽ mua hết." Bấy giờ vào lúc sáng sớm, Da-nhã-đạt bày tọa cụ tốt, rồi lại đến trong cửa thành để tìm mua lạc. Vào lúc ấy, có một người chăn bò, tên là Thi-bà-la muốn, mang lạc đi tế tự[18]. Phạm chí Da-nhã-đạt nói với người chăn bò: "Nếu ông bán lạc, tôi sẽ mua." Thi-bà-la nói: "Nay tôi muốn tế tự." Bà-la-môn nói: "Nay ông tế trời là để cầu điều gì? hãy bán cho tôi, sẽ trả giá tiền cao hơn." Người chăn bò đáp: "Ông Phạm chí, nay ông dùng lạc để làm gì?" Phạm chí đáp: "Nay tôi thỉnh Như Lai Tỳ-bà-thi và Tăng Tỳ-kheo. Nhưng đồ ăn thức uống đã chuẩn bị xong, chỉ còn thiếu lạc." Thi-bà-la hỏi Phạm chí nói: "Như Lai Tỳ-bà-thi tướng mạo thế nào?" Phạm chí đáp: "Như Lai không ai sánh bằng, giới thanh tịnh đầy đủ, định và tuệ không ai bì kịp. Trên trời dưới đất không ai sánh bằng."

Khi Phạm chí Da-nhã-đạt ca ngợi đức của Như Lai, Thi-bà-la nghe xong tâm trí khai mở. Khi ấy, Thi-bà-la bảo Phạm chí: "Nay tôi đích thân đem lạc này đến cúng dường Như Lai, không cần tế trời làm gì nữa."

Lúc ấy, Phạm chí Da-nhã-đạt dẫn người chăn bò này về đến nhà, đi đến chỗ Phật, bạch rằng: "Đã đúng giờ, nay là lúc thích hợp, xin Thế Tôn hạ cố."

Như Lai biết đã đến giờ, đắp y mang bát, dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đến nhà Phạm chí Da-nhã-đạt, mọi người ngồi theo thứ lớp.

Khi người chăn bò thấy dung mạo Như Lai hiếm có trên đời, các căn tịch tĩnh[19], đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân Ngài, mặt như mặt trời, mặt trăng, giống như núi Tu-di hơn hẳn đỉnh các núi khác, ánh sáng chiếu khắp không nơi tối nào không thấu. Thấy vậy, vui mừng, ông đến trước chỗ Thế Tôn, nói rằng: "Nếu công đức của Như Lai đúng như Phạm chí đã nói, hãy cho bình lạc này đủ cung cấp cho chúng Tăng."

Rồi Thi-bà-la bạch Thế Tôn: "Cúi xin nhận lạc này."

Như Lai liền đưa bát nhận lạc, cũng lại cho các Tăng Tỳ-kheo nhận lạc đầy đủ. Khi ấy, người chăn bò bạch Thế Tôn: "Nay lạc vẫn còn dư." Như Lai bảo: "Nay ông đem lạc này cúng thêm cho Phật và các Tỳ-kheo." Người chăn bò đáp: "Thưa vâng, Thế Tôn!" Người chăn

---

17. Lạc 酪; Pāli: Dadhi, sữa chua.

18. Truyện kể gần với sớ giải Thera A. i. 144, nhân duyên Sīvalī, thời Phật Vipassī.

19. Nguyên hán: Đạm bạc 惔怕。

bò đi chia lạc trở lại, cuối cùng lạc vẫn còn dư. Người chăn bò lại bạch Phật: "Số lạc vẫn còn dư!" Như Lai bảo người này: "Nay hãy đem lạc này cúng cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khiến được no đủ." Số lạc vẫn còn dư. Bấy giờ, Phật bảo người chăn bò: "Nay ngươi đem lạc này cho chủ nhân đàn-việt." Đáp: "Thưa vâng." Rồi lại tìm cho các thí chủ đàn-việt. Số lạc còn dư, lại đem cho những người ăn xin nghèo thiếu, nhưng lạc vẫn còn dư. Lại bạch Phật: "Hiện lạc vẫn còn dư." Phật bảo: "Nay đem số lạc này đổ nơi đất sạch, hoặc đổ vào trong nước. Vì sao? Ta không thấy có người hay trời nào có thể tiêu hóa lạc này, chỉ trừ Như Lai. Người chăn bò vâng lời dạy Phật, đem lạc này đổ vào trong nước, tức thì ngay trong nước xuất hiện ngọn lửa lớn cao vài mươi nhẫn. Người chăn bò sau khi thấy sự biến hóa quái lạ này, trở lại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, chắp tay mà đứng. Lại tự thệ nguyện: "Nay đem lạc này cúng dường cho bốn bộ chúng. Nếu có được phước đức, do phước lành này, con sẽ không đọa vào nơi tám nạn, không sinh vào nhà nghèo thiếu. Sinh ra bất cứ nơi nào, sáu căn hoàn toàn đầy đủ, mặt mày xinh đẹp, thường được xuất gia. Mong đời tương lai cũng gặp được Thánh tôn như vậy."

Tỳ-kheo nên biết, ba mươi mốt kiếp về trước, lại có Phật tên Thức-cật[20] Như Lai xuất hiện ở đời. Lúc ấy, Như Lai Thức-cật giáo hóa ở thế giới Dã-mã, cùng mười vạn đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, khi đến giờ, Như Lai Thức-cật đắp y mang bát vào thành khất thực. Lúc đó trong thành có một khách thương lớn tên Thiện Tài. Từ xa thấy Như Lai Thức-cật có các căn tịch tĩnh, dung mạo đoan chánh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân Ngài, mặt như mặt trời, mặt trăng; thấy rồi liền phát tâm hoan hỷ, đến trước chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Lúc này, người buôn đem ngọc báu quý rải lên Như Lai, tâm sâu kín của ông được thể hiện qua lời thề: "Nguyện đem công đức này, nơi nào con sinh ra cũng lắm của nhiều tiền, không có gì thiếu thốn, trong tay lúc nào cũng có tiền của, cho đến trong bào thai mẹ cũng có."

Ở trong kiếp này lại có Như Lai Tỳ-xá-la-bà[21] Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc[22], Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng

---

[20] Phật Thức-cật 式詰。Xem Trường 1, kinh Đại Bản, Phật Thi-khí 尸棄. Pāli, Sikhi, cf. D. 14 Mahāpadāna.

[21] Tỳ-xá-la-bà. Xem Trường 1, kinh Đại Bản, Tỳ-xá-bà 毘舍婆. Pāli, ibid., Vessabhū.

[22] Nguyên bản: Minh Hạnh Thành Vi.

Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu[23], Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Bấy giờ, có Trưởng giả tên Thiện Giác lắm của nhiều tiền, lại thỉnh Như Lai Tỳ-xá-la-bà Chí Chân Đẳng Chánh Giác và Tăng Tỳ-kheo. Trưởng giả ấy thiếu người giúp việc, nên lúc này đích thân sắp soạn đồ ăn thức uống ngon ngọt thiết trai cho Như Lai ấy, rồi tự thệ nguyện: "Tôi do công đức này, sinh ở nơi nào, thường được gặp Tam bảo, không thiếu thốn thứ gì, thường có nhiều người hầu và trong đời tương lai cũng gặp Phật như ngày nay vậy."

Nay trong Hiền kiếp này, lại có Phật tên Câu-lâu-tôn[24] Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc*, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu*, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Bấy giờ, có trưởng giả tên Đa Tài lại thỉnh Như Lai Câu-lâu-tôn, trong vòng bảy ngày cúng dường cơm Phật và Tăng Tỳ-kheo, cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh: "Nguyện sinh ra nơi nào thường lắm của nhiều tiền, không sinh vào nhà bần tiện; khiến chỗ sinh của con thường được bốn sự cúng dường; làm nơi bốn bộ chúng, quốc vương và nhân dân trông thấy tôn kính; nơi trời, rồng, quỷ thần, người hay chẳng phải người trong thấy tiếp đãi."

Các Tỳ-kheo nên biết, Phạm chí Da-nhã-đạt bấy giờ há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Vì sao? Vì nay tự thân chính là Trưởng giả Nguyệt Quang. Người chăn bò tên Thi-bà-la đem lạc cúng dường Phật lúc ấy, nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Người lái buôn Thiện Tài lúc ấy, há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Trưởng giả Thiện Giác lúc ấy, há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Trưởng giả Đa Tài lúc ấy, há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Ngày nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la.

Các Tỳ-kheo nên biết, Tỳ-kheo Thi-bà-la đã phát thề nguyện này: "Mong nơi nào con sinh ra, con thường xinh đẹp vô song, lúc nào cũng sinh vào nhà giàu sang. Mong đời sau được gặp Thế Tôn. Ngài sẽ thuyết pháp cho con nghe, con liền được giải thoát, được xuất gia làm Sa-môn." Do công đức này, ngày nay, Tỳ-kheo Thi-bà-la được sinh trong nhà giàu có, xinh đẹp vô song. Nay gặp Ta lập tức thành A-la-hán.

Song Tỳ-kheo nên biết, lại nhờ công đức rải châu báu lên mình

---

23. Nguyên bản: Đạo Pháp Ngự.

24. Câu-lũ tôn 拘屢孫。Xem Trường 1, kinh Đại Bản, Câu-lâu-tôn 拘樓孫. Pāli, ibid. Kakusandha.

Như Lai nên nay ở trong bào thai tay cầm hai hạt châu mà ra khỏi thai mẹ, giá trị bằng cả Diêm-phù-đề. Ngày vừa sinh ra, liền nói như vậy. Lại thỉnh Như Lai Câu-lâu-tôn để cầu có nhiều người sai khiến, nên nay dẫn năm trăm đồ chúng đến chỗ ta xuất gia học đạo, thành A-la-hán.

Lại trong vòng bảy ngày cúng dường Như Lai Câu-lâu-tôn để được tứ sự cúng dường, nên ngày nay không thiếu y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh. Nhờ công đức này, các Tỳ-kheo không bì kịp. Thích Đề-hoàn Nhân đích thân đến cúng dường, cung cấp các thứ cần dùng. Lại nữa, chư Thiên truyền nhau báo xóm làng cho bốn bộ chúng biết có Thi-bà-la. Ý nghĩa của sự việc là vậy. Người phước đức đệ nhất trong đệ tử của ta chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3[25]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có năm hạng trượng phu dũng kiện[26], có nhiệm vụ chiến đấu, xuất hiện ở đời. Những ai là năm?

Ở đây, có người mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu, từ xa thấy gió bụi liền sinh lòng sợ hãi. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ nhất.

Lại nữa, người chiến đấu thứ hai mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu; nếu thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy ngọn cờ cao liền sinh lòng sợ hãi, không thể tiến lên chiến đấu. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ hai.

Lại nữa, người chiến sĩ thứ ba mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu, khi thấy gió bụi, hay thấy ngọn cờ cao không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy cung tên liền sinh lòng sợ hãi, không có khả năng chiến đấu. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ ba.

Lại nữa, người chiến sĩ thứ tư mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu; nếu thấy gió bụi, thấy ngọn cờ cao, hay thấy cung tên không sinh lòng sợ hãi, nhưng vừa vào trận liền bị địch bắt, hoặc bị giết. Đó gọi là

---

25. Pāli, A V 75 Paṭhama-Yodhājīvasutta (R. iii. 39).

26. Pāli: Pañcime yodhājīvā, có năm hạng chiến sĩ này.

hạng chiến sĩ thứ tư.

Lại nữa, người chiến sĩ thứ năm mặc áo giáp, cầm gậy đi vào trận chiến đấu; nếu thấy gió bụi, thấy ngọn cờ cao, thấy cung tên hoặc bị bắt, cho đến gần chết, không sinh lòng sợ hãi, có thể phá tan quân địch trong ngoài bờ cõi, mà lãnh đạo nhân dân. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ năm.

Cũng vậy, Tỳ-kheo, thế gian có năm loại người này, thì nay trong chúng Tỳ-kheo cũng có năm hạng người này xuất hiện ở đời. Những ai là năm?

Có Tỳ-kheo sống tại thôn xóm khác, nghe trong thôn này có người nữ xinh đẹp vô song, mặt như màu hoa đào. Nghe rồi, đến giờ, đắp y, cầm bát, vào thôn khất thực; thấy người nữ này nhan sắc vô song, liền sinh dục tưởng, cởi bỏ ba y, hoàn xả cấm giới mà làm cư sĩ. Giống như người chiến đấu kia, thấy chút gió bụi đã sinh lòng sợ hãi; Tỳ-kheo này tựa như vậy.

Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe có người nữ sống ở trong thôn xóm xinh đẹp không ai bằng. Đến giờ, đắp y, cầm bát, vào thôn khất thực; khi thấy người nữ mà không khởi dục tưởng, nhưng cùng người nữ kia đùa giỡn, chuyện trò qua lại. Rồi nhân việc đùa giỡn này liền cởi pháp phục, trở lại làm bạch y. Như hạng người thứ hai kia, tuy thấy bụi gió không sợ, nhưng thấy ngọn cờ cao liền sinh lòng sợ hãi. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy.

Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn có người nữ, dung mạo xinh đẹp, ít có trên đời, như màu hoa đào. Đến giờ, đắp y mang bát vào thôn khất thực; khi thấy người nữ không khởi dục tưởng. Tuy dù cùng người đùa giỡn nhau, cũng không khởi tưởng dục ý; nhưng cùng người nữ kia nắm tay, hoặc vuốt ve nhau, trong đó liền khởi dục tưởng, cởi ba pháp y, trở lại làm bạch y, tập khởi nghiệp nhà. Như hạng người thứ ba kia khi vào trận, thấy gió bụi, thấy cờ cao không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy cung tên liền sinh lòng sợ hãi.

Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn làng có người nữ, mặt mày xinh đẹp ít có trên đời. Đến giờ, đắp y mang bát vào thôn khất thực; khi thấy người nữ không khởi dục tưởng, hay cùng nói chuyện cũng không khởi dục tưởng. Khi được người nữ kia vuốt ve liền khởi dục tưởng, nhưng không cởi pháp phục tập khởi nghiệp nhà. Như hạng thứ tư kia vào quân trận bị địch bắt, hoặc mất mạng không trở ra được.

Lại nữa, có Tỳ-kheo nương vào thôn làng mà sống, họ nghe trong thôn có người nữ. Đến giờ, đắp y mang bát vào thôn khất thực, khi thấy

người nữ không khởi dục tưởng, nếu cùng nói cười cũng không khởi dục tưởng, nếu lại được vuốt ve cũng không khởi dục tưởng. Lúc ấy Tỳ-kheo quán ba mươi sáu vật trong thân này ô uế bất tịnh: "Ai đắm vào đây? Do đâu khởi dục? Dục này dừng lại chỗ nào? Là từ đầu chăng? Ra từ thân thể chăng?" Quán các vật này rõ ràng không có gì cả. Từ đầu đến chân cũng lại như vậy. Những gì thuộc năm tạng không có tưởng tượng, cũng không có chỗ đến. Vị ấy quán nguồn duyên không biết từ nơi nào lại.

Vị ấy lại nghĩ: "Ta quán dục này từ nhân duyên sinh." Tỳ-kheo quan sát điều này rồi, tâm được giải thoát dục lậu, tâm được giải thoát hữu lậu, tâm được giải thoát vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa." Giống như người chiến đấu thứ năm kia sống tự tại không bị nạn địch quân. Do vậy, cho nên nay Ta nói người này đã dứt bỏ ái dục, vào nơi vô úy, đạt đến thành Niết-bàn.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm hạng người này xuất hiện ở đời.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Dục, Ta biết gốc ngươi
Ý do tư tưởng sinh
Ta chẳng sinh tư tưởng
Còn ngươi thì không có.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy quán sát dâm bất tịnh hạn là ô uế, để trừ bỏ sắc dục.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4[27]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

[27] *Pāli, A V 76 Dutiya-Yodhājīvasutta (R. iii. 93).*

–Có năm hạng chiến đấu xuất hiện ở đời. Sao gọi là năm? Có người mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, họ thấy gió bụi liền sinh lòng sợ hãi không dám vào trong trận lớn kia. Đó gọi là hạng người thứ nhất.

Lại nữa, hạng chiến đấu thứ hai mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, thấy gió bụi không sinh sợ hãi, nhưng nghe tiếng trống đánh liền sinh lòng sợ hãi. Đó gọi là hạng thứ hai.

Lại nữa, hạng thứ ba mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, hoặc nghe tiếng trống, tù và không sinh sợ hãi, nhưng khi thấy cờ cao liền sinh lòng sợ hãi không dám chiến đấu. Đó gọi là hạng thứ ba.

Lại nữa, hạng thứ tư mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, hoặc nghe tiếng trống, tù và cũng không sinh lòng sợ hãi, hay thấy cờ cao cũng không sinh lòng sợ hãi, nhưng lại bị địch bắt, hoặc bị giết. Đó gọi là hạng thứ tư.

Lại nữa, thứ năm có người mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, hoàn toàn có khả năng phá tan quân địch mở rộng bờ cõi. Đó gọi là hạng thứ năm xuất hiện ở đời.

Tỳ-kheo nên biết, nay Tỳ-kheo cũng có năm hạng người xuất hiện ở thế gian. Sao gọi là năm?

Hoặc có Tỳ-kheo sống trong thôn xóm nghe có người nữ xinh đẹp vô song, như màu hoa đào. Đến giờ, Tỳ-kheo kia đắp y mang bát vào thôn khất thực, không hộ trì các căn, không giữ gìn pháp thân, miệng, ý. Khi thấy người nữ, vị ấy khởi dục ý, hoàn xả cấm giới, tập pháp bạch y. Như người đầu kia, nghe tiếng bụi nổi lên, không kham chiến đấu, sinh lòng sợ hãi, Do vậy cho nên Ta nói người này.

Lại nữa, có Tỳ-kheo sống tại thôn làng, nghe trong thôn có người nữ xinh đẹp không ai bằng, mặt như màu hoa đào, liền xả giới tập pháp bạch y. Như hạng chiến đấu thứ hai kia, chỉ nghe tiếng trống, tù và không kham chiến đấu. Đây cũng như vậy.

Lại nữa, có Tỳ-kheo sống tại thôn làng, nghe có người nữ tại thôn làng kia. Sau khi nghe rồi, liền khởi dục ý, nếu họ thấy người nữ mà không khởi dục tưởng, chỉ cùng người nữ cùng nhau đùa giỡn; ở đó liền xả cấm giới, tập pháp bạch y. Như người thứ ba kia, từ xa thấy cờ rồi, liền sinh lòng sợ hãi không dám chiến đấu. Vì vậy cho nên nay Ta nói người này. Đó gọi là hạng chiến đấu thứ ba.

Lại nữa, có Tỳ-kheo sống tại thôn làng. Tỳ-kheo kia nghe trong thôn có người nữ. Nghe rồi, đắp y mang bát vào thôn khất thực, không

giữ gìn thân, miệng, ý. Khi thấy người nữ xinh đẹp vô song, ở đó liền khởi dục ý, hoặc cùng người nữ cùng nhau lôi kéo, hoặc nắm tay nhau, bèn xả cấm giới, trở lại làm bạch y. Như hạng chiến đấu thứ tư kia, ở trong đại quân, bị địch bắt, bị giết. Vì vậy nên nay Ta nói người này.

Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn làng có người nữ ít có trên đời. Tuy nghe vậy, mà không khởi dục tưởng. Tỳ-kheo kia đến giờ, đắp y mang bát vào thôn khất thực, giữ gìn thân, miệng, ý; tuy thấy người nữ, không khởi dục tưởng, không có tà niệm; nếu cùng người nữ nói chuyện qua lại cũng không khởi dục tưởng, cũng không tà niệm. Nếu bị người nữ lôi kéo, nắm tay, bấy giờ liền khởi dục tưởng, thân, miệng, ý liền trỗi dậy. Khi dục ý đã trỗi dậy rồi, trở về lại tăng viện, đến chỗ trưởng lão Tỳ-kheo. Đem nhân duyên này nói với trưởng lão Tỳ-kheo: "Chư Hiền, nên biết, nay dục ý của tôi nổi dậy, không thể tự kiềm chế được. Cúi xin thuyết pháp khiến thoát khỏi bất tịnh ghê tởm của dục."

Bấy giờ trưởng lão Tỳ-kheo bảo: "Nay thầy nên quán dục này do đâu sinh? Lại do đâu diệt? Như Lai dạy: Phàm người khử dục nên dùng quán bất tịnh để trừ và tu hành pháp quán bất tịnh."

Rồi Tỳ-kheo trưởng lão liền nói kệ này:

Nếu biết điên đảo ấy
Khiến tâm thêm trỗi dậy
Hãy trừ tâm hừng hực
Dục ý liền dừng nghỉ.

Chư hiền nên biết, dục từ tưởng sinh. Khi khởi niệm tưởng, liền sinh dục ý. Hoặc có thể tự hại, lại hại người khác, gây ra bao nhiêu tai họa biến đổi, ở trong hiện tại chịu khổ hoạn kia; lại ở đời sau chịu khổ vô lường. Dục ý đã trừ, cũng không tự hại, không hại người khác. Ở báo hiện tại, không chịu khổ này. Cho nên, nay phải trừ tưởng niệm. Vì không có tưởng niệm nên liền không có tâm dục, Vì không có tâm dục nên liền không có loạn tưởng.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia vâng theo những lời dạy bảo như vậy, liền tư duy về tướng bất tịnh. Do tư duy về tưởng bất tịnh nên bấy giờ tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, đến nơi vô vi. Như người thứ năm mặc giáp cầm gậy vào trận chiến đấu, thấy địch thủ không sinh lòng sợ hãi. Nếu có người đến hại, tâm cũng không dời đổi, có thể phá giặc ngoài, có thể qua địa giới của địch. Vì vậy, cho nên nay Ta nói người này có thể phá được bọn ma. Trừ các loạn tưởng, đến chỗ vô vi. Đó gọi là người thứ năm xuất hiện ở đời.

Tỳ-kheo nên biết, thế gian có năm hạng người này xuất hiện ở thế

gian. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tu hành, dục là tưởng bất tịnh.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Phàm người quét đất có năm trường hợp không được công đức. Sao gọi là năm?

Ở đây, người quét đất không biết gió ngược, không biết gió xuôi, lại không dồn đống, lại không trừ phân, chỗ đất quét lại chẳng sạch sẽ. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là người quét đất có năm việc không thành công đức lớn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, người quét đất có năm việc thành tựu công đức. Sao gọi là năm? Ở đây, người quét đất biết lý gió ngược, gió xuôi, cũng biết dồn đống, cũng có thể hốt bỏ không để cho dư sót lại, khiến cho đất thật sạch sẽ. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm trường hợp này thành tựu công đức lớn. Cho nên, các Tỳ-kheo phải trừ năm việc trước và tu năm pháp sau.

Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Phàm người quét tháp có năm trường hợp không được công đức. Sao gọi là năm?

1. Ở đây, có người quét tháp không dùng nước rưới lên đất.

2. Không lượm bỏ gạch đá.

3. Không san bằng mặt đất.

4. Không chú ý khi quét đất.

5. Không trừ bỏ rác rưới dơ bẩn.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là người quét tháp[28] không thành tựu năm công đức.

Các Tỳ-kheo nên biết, người quét tháp* thành tựu công đức. Sao gọi là năm?

1. Ở đây, người quét tháp dùng nước rưới lên đất.

2. Lượm bỏ gạch đá.

3. San bằng mặt đất.

4. Giữ chú ý khi quét đất.

5. Hốt bỏ rác rưới dơ bẩn.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm việc khiến người được công đức. Cho nên, này các Tỳ-kheo, muốn cầu công đức này hãy thực hành năm việc này.

Các Tỳ-kheo, cần phải học điều như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Người du hành trường kỳ có năm sự khó. Sao gọi là năm?

1. Ở đây, người thường du hành không tụng giáo pháp.

2. Giáo pháp đã tụng thì bị quên mất.

3. Không được định ý.

4. Tam-muội đã được lại thoái thất.

5. Nghe pháp nhưng không thể hành trì.

---

28. Để bản: Địa 地; có thể chép nhầm, nên sửa lại.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là người du hành nhiều có năm việc khó này.

Các Tỳ-kheo nên biết, người không du hành nhiều có năm công đức. Sao gọi là năm?

1. Pháp chưa từng đắc sẽ đắc pháp.

2. Đã đắc rồi lại không quên mất.

3. Nghe nhiều mà ghi nhớ được.

4. Có thể đắc định ý.

5. Đã đắc Tam-muội rồi không bị mất.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là người không du hành nhiều có năm công đức này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, không nên du hành nhiều.

Các Tỳ-kheo, cần phải học điều như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo thường ở một chỗ, có năm điều phi pháp. Sao gọi là năm?

1. Ở đây, Tỳ-kheo ở một chỗ, ý tham đắm phòng xá, e sợ người đoạt.

2. Hoặc ý tham đắm tài sản lại sợ người đoạt.

3. Hoặc tích tụ nhiều vật giống như bạch y.

4. Hoặc tham luyến người thân quen không muốn cho người khác đến nhà người thân quen.

5. Thường cùng bạch y qua lại với nhau.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là người ở một chỗ có năm việc phi pháp này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện đừng ở một chỗ.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng

hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Người không ở mãi một chỗ, có năm công đức. Những gì là năm?

1. Không tham đắm nhà cửa.

2. Không tham đắm đồ đạc.

3. Không tích chứa nhiều của cải.

4. Không dính mắc với người thân.

5. Không qua lại với bạch y.

Đó gọi là Tỳ-kheo không ở một chỗ có năm công đức này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thực hành năm việc này.

Các Tỳ-kheo, hãy học như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10[29]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Quang minh, nước Ma-kiệt.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng với năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian. Khi ấy, Thế Tôn thấy một cây lớn bị lửa đốt. Thấy rồi, Như Lai đến ngồi dưới một bóng cây.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào, Tỳ-kheo, thà đem thân nhảy vào lửa này, hay tốt hơn nên giao du với người nữ xinh đẹp?

Lúc đó, các Tỳ-kheo bạch Phật:

---

[29]. Tham chiếu Pāli, A VII 68 Aggikkhandhopamasutta (R.iv. 128). Hán, Trung 1, kinh 5 Mộc Tích Dụ.

–Tốt hơn nên giao du với người nữ, chớ không ném thân vào lửa này. Bởi vì đám lửa này nóng độc không thể tả, sẽ lấy mạng sống của mình, chịu khổ vô cùng.

Thế Tôn bảo:

–Nay Ta bảo các ông, không phải hạnh Sa-môn mà nói là Sa-môn; không phải người phạm hạnh mà nói là phạm hạnh; không nghe chánh pháp mà nói là tôi nghe chánh pháp; không có pháp thanh bạch. Người như vậy, thà nhảy vào lửa này, chứ không cùng người nữ giao du. Vì sao? Vì người ấy thà chịu thống khổ này, chớ không vì tội đó mà vào trong địa ngục chịu khổ vô cùng.

Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận người cung kính lễ bái, hay tốt hơn cho người lấy kiếm bén chặt tay chân mình?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Tốt hơn nhận cung kính lễ bái, chứ không cho người dùng kiếm chặt tay chân mình. Vì sao? Vì chặt tay chân mình, đau không thể tả.

Thế Tôn bảo:

–Nay Ta bảo các ông, không phải hạnh Sa-môn mà nói là Sa-môn; không phải người phạm hạnh mà nói là phạm hạnh; không nghe chánh pháp mà nói là tôi nghe chánh pháp; không có pháp thanh bạch. Người như vậy, thà đưa thân chịu kiếm bén này, chứ không vì không có giới mà nhận người cung kính. Vì sao? Vì nỗi đau này chỉ trong chốc lát, còn sự thống khổ địa ngục thì không thể tả xiết.

Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận y phục của người, hay tốt hơn lấy lá sắt nóng dùng quấn vào thân?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Tốt hơn nhận lấy y phục của người, chớ không nhận nỗi khổ đau này. Vì sao? Vì sự khổ độc này không thể tả xiết.

Thế Tôn bảo:

–Nay Ta nhắc lại các ông, với người phá giới, thà lấy lá sắt nóng quấn lên thân mình chớ không nhận y phục của người. Vì sao? Vì nỗi đau này chỉ trong chốc lát, còn nổi thống khổ địa ngục không thể tả xiết.

Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận thức ăn của thí chủ hay thà nuốt viên sắt nóng?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Tốt hơn nhận thức ăn của thí chủ, chớ không nuốt viên sắt nóng, Vì sao? Vì sự đau đớn này không nơi nào chịu nổi.

Thế Tôn bảo:

–Nay Ta bảo các ông, thà nuốt viên sắt nóng, chớ không nên không có giới mà nhận người cúng dường. Vì sao? Vì nuốt viên sắt nóng, đau khổ chỉ trong chốc lát, không nên không có giới mà nhận tín thí của người.

Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận giường nằm của người, hay thà nằm trên giường sắt nóng?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Bạch Thế Tôn, chúng con thà nhận giường nằm của người, chớ không nằm trên giường sắt nóng. Vì sao? Vì sự khổ độc này không thể tả xiết.

Thế Tôn bảo:

–Người ngu si kia không có giới hạnh, chẳng phải Sa-môn nói là Sa-môn, chẳng có phạm hạnh nói tu phạm hạnh, thà nằm trên giường sắt chớ không nên không giới mà nhận tín thí của người khác. Vì sao? Vì nằm trên giường sắt nóng chỉ đau đớn trong chốc lát, không nên không giới mà nhận tín thí của người khác.

Tỳ-kheo nên biết, hôm nay như Ta quan sát đích thú hướng đến của người không giới. Giả sử người kia trong chốc lát thân thể khô héo tiều tụy, hộc máu nóng ra khỏi miệng mà qua đời, chứ không cùng người nữ giao du, không thọ nhận đức của người lễ kính, không nhận y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh của người. Vì người không giới kia không quán sát tội đời trước, đời sau, không nhìn lại thân mạng đang chịu thống khổ này. Người không có giới, ý sinh vào ba đường ác. Đó là ác hành đã tạo ra đưa đến.

Hôm nay Như Lai quán sát đích thú hướng đến của người thiện hạnh, ngay dù người ấy bị trúng độc, hay bị đao đả thương mà tự dứt mạng sống. Nhưng đó là do muốn xả thân này để hưởng phước trời, sẽ sinh vào cõi lành. Đó là do quả báo nghiệp lành đời trước đưa đến.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy niệm tu hành giới thân, định thân, huệ thân, giải thoát thân và giải thoát tri kiến thân. Muốn cho đời nay được quả báo kia, đắc đạo cam lồ, ngay dù có nhận y phục, đồ ăn thức uống, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh cũng không lầm lỗi, lại làm cho đàn-việt hưởng phước vô cùng.

Các Tỳ-kheo, hãy học như vậy.

Khi nói pháp này, bấy giờ sáu mươi Tỳ-kheo dứt sạch lậu hoặc, ý tỏ ngộ. Sáu mươi Tỳ-kheo khác xả bỏ pháp phục mà làm bạch y.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng

hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Năm vua và Nguyệt Quang
Thi-bà, hai hạng lính
Hai quét, hai hành pháp
Đi đứng có hai loại
Sau cùng là cây khô.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 26

Phẩm 34: ĐẲNG KIẾN[1]

Kinh số 1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng năm trăm Tỳ-kheo ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Xá-lợi-phất, thăm hỏi ngài rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

–Tỳ-kheo giới thành tựu nên tu những pháp gì?

Xá-lợi-phất đáp:

–Tỳ-kheo giới thành tựu nên tư duy về năm thạnh ấm là vô thường, là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã. Sao gọi là năm? Đó là sắc ấm, thọ*ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm.

Khi Tỳ-kheo giới thành tựu tư duy năm ấm này liền đắc quả Tu-đà-hoàn.

Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

–Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn phải tư duy những pháp gì?

Xá-lợi-phất đáp:

–Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn cũng nên tư duy về năm thạnh ấm này: là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã.

Các Hiền giả nên biết, nếu Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn tư duy về năm thạnh ấm liền thành quả Tư-đà-hàm.

Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

–Tỳ-kheo Tư-đà-hàm phải tư duy những pháp gì?

Xá-lợi-phất đáp:

–Tỳ-kheo Tư-đà-hàm cũng nên tư duy về năm thạnh ấm này: Là

---

1. Đẳng kiến 等見, được hiểu là chánh kiến. Pāli: Sammādiṭṭhi.

khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Tư-đà-hoàn tư duy về năm thạnh ấm này liền chứng quả A-na-hàm.

Các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

–Tỳ-kheo A-na-hàm phải tư duy những pháp gì?

Xá-lợi-phất đáp:

–Tỳ-kheo A-na-hàm cũng nên tư duy về năm thạnh ấm này: Là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã.

Bấy giờ, Tỳ-kheo A-na-hàm tư duy về năm thạnh ấm này liền chứng quả A-la-hán.

Các Tỳ-kheo hỏi:

–Tỳ-kheo A-la-hán nên tư duy những pháp gì?

Xá-lợi-phất đáp:

–Điều các thầy hỏi đã vượt quá rồi. Tỳ-kheo A-la-hán, việc cần làm đã xong, không còn tạo nghiệp, tâm được giải thoát khởi hữu lậu, không còn hướng đến biển sinh tử năm đường, lại không còn tái sinh, không còn tạo tác gì nữa. Cho nên, các Hiền giả, Tỳ-kheo trì giới, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm hãy tư duy về năm thạnh ấm này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Xá-lợi-phất dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, trú xứ Tiên nhân, tại Ba-la-nại.

Bấy giờ, Như Lai thành đạo chưa lâu, người đời gọi Ngài là Đại Sa-môn. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc mới nối ngôi vua. Vua Ba-tư-nặc tự nghĩ: "Nay ta mới nối ngôi vua, trước phải cưới con gái dòng họ Thích. Nếu họ gả cho ta mới vừa lòng ta. Nếu không nhận cho, ta sẽ dùng sức đến cưỡng bức."

Rồi vua Ba-tư-nặc liền bảo một đại thần:

–Ông hãy đến vương cung họ Thích, thành Ca-tỳ-la-vệ, nhân danh ta báo với dòng họ Thích kia rằng: "Vua Ba-tư-nặc gởi lời thăm hỏi các ngài, sống nhẹ nhàng thuận lợi mãi mãi chăng." Và nói rằng:

"Ta muốn lấy con gái dòng họ Thích. Nếu thuận cho ta sẽ biết ơn mãi mãi. Còn nếu làm trái lại, ta sẽ dùng sức mạnh cưỡng bức.

Đại thần nhận lệnh của vua, đến nước Ca-tỳ-la. Lúc ấy, năm trăm người dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ đang tập họp tại một chỗ. Đại thần đến chỗ năm trăm người dòng họ Thích, xưng danh hiệu vua Ba-tư-nặc, gởi lời thăm hỏi mong cuộc sống nhẹ nhàng thuận lợi mãi mãi. Vua bảo rằng: "Ta muốn lấy con gái dòng họ Thích. Nếu thuận cho, ta sẽ biết ơn mãi mãi. Còn nếu làm trái lại, ta sẽ dùng sức mạnh cưỡng bức."

Sau khi nghe những lời này, những người dòng họ Thích hết sức tức giận: "Chúng ta là dòng họ cao quý vì sao phải kết thân gia với con của tỳ nữ?" Trong số ấy, có người nói nên gả, có người nói không nên gả. Bấy giờ, trong số người tập họp kia, có người tên Ma-ha-nam[2], nói với mọi người rằng:

–Các Hiền giả, chớ có tức giận. Vì sao? Vua Ba-tư-nặc là kẻ bạo ác. Nếu chống cự, vua Ba-tư-nặc đến tàn phá nước ta. Nay tôi đích thân đảm đương đến gặp vua Ba-tư-nặc nói về việc này.

Bấy giờ, trong nhà Ma-ha-nam có tỳ nữ sinh một con gái dung nhan xinh đẹp hiếm có trên đời. Ma-ha-nam bảo tắm gội cô này, cho mặc xiêm y đẹp đẽ, lên xe bảo vũ đưa đến cho vua Ba-tư-nặc và nói với vua:

–Đây là con gái tôi. Ngài có thể thành thân cùng nó.

Khi vua Ba-tư-nặc được cô này, hết sức vui mừng, liền lập cô này làm đệ nhất phu nhân[3]. Qua chưa được vài ngày, cô đã mang thai, lại trải qua tám, chín tháng sinh một nam nhi xinh đẹp vô song, đặc biệt trên đời. Vua Ba-tư-nặc tập họp các thầy tướng để đặt tên cho thái tử. Sau khi các thấy tướng nghe vua nói xong, liền bạch vua:

–Đại vương nên biết, khi cầu phu nhân, mọi người dòng họ Thích cùng nhau tranh, có người nói: "Nên cho", hoặc có người nói: "Không nên cho", khiến cho kia đây xa dòng (Lưu-ly), nay nên đặt tên là Tỳ-lưu-ly[4]. Đặt tên xong, các thầy tướng đều rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

---

[2] Ma-ha-nam 摩呵男。Pāli: Mahānāma, con vua Amitodana (Cam Lộ Phạn vương), anh của Anuruddha (A-na-luật).

[3] Phu nhân Tát-la-đà sát-lợi chủng 薩羅陀剎利種。T26: Vũ Nhật Cái 雨日蓋。Pāli: Vāsabhā-khattiā. Xem cht. kinh số 3 phẩm 13.

[4] Để bản: Tỳ-lưu-lặc 毘流勒。TNM: Tỳ-lưu-ly 離。Có thể đây là giải thích của người chép kinh, phong theo nghĩa Hán. Phiên Phạn Ngữ 4 (T54n2130_p1008c17): Tỳ-lâu-lưu vương 毘樓流王, nên nói là Tỳ-lưu-ly-tha 毘流離他, dịch là Tăng Trưởng 增長。Tức nguyên Skt.: Virūḍhaka (Pāli: Viḷūḍabha).

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc yêu thương thái tử Lưu-ly, chưa từng rời khỏi mắt. Khi thái tử Lưu-ly lên tám tuổi, vua bảo:

–Nay con đã lớn, hãy đến Ca-tỳ-la-vệ để học nghệ thuật bắn tên.

Rồi vua Ba-tư-nặc cung cấp những người hầu điều khiển voi lớn đến nhà dòng họ Thích, đến nhà Ma-ha-nam, nói với Ma-ha-nam:

–Vua Ba-tư-nặc bảo con đến đây học cách bắn tên. Cúi xin ông ngoại mọi sự hãy dạy bảo cho.

Ma-ha-nam bảo:

–Người muốn học nghệ thuật thì phải khéo luyện tập.

Lúc này, Ma-ha-nam liền tập họp năm trăm thiếu niên họ Thích lại cùng học thuật. Lúc ấy, thái tử Tỳ-lưu-ly cùng học xạ thuật với năm trăm đồng tử.

Bấy giờ, trong thành Ca-tỳ-la-vệ vừa xây một giảng đường. Trời, nhân dân, ma, hoặc thiên ma không được ở trong giảng đường này. Lúc ấy, những người họ Thích nói với nhau:

–Nay giảng đường này vừa được xây cất và trang trí xong, giống như Thiên cung không khác tí nào. Trước hết, chúng ta nên thỉnh Như Lai và chúng Tăng cúng dường ở trong đó, để chúng ta được hưởng phước vô cùng.

Bấy giờ, dòng họ Thích ở trên giảng đường trải các loại tọa cụ, treo lụa là, phướn, lọng, rưới nước thơm lên mặt đất, đốt các loại hương thơm, tích chứa nước sạch, đốt các đèn sáng.

Lúc ấy, thái tử Lưu-ly dẫn năm trăm đồng tử đến chỗ giảng đường, liền leo lên tòa Sư tử. Khi những người họ Thích thấy vậy, bèn nổi giận, đến nắm tay lôi ra ngoài cửa, mọi người đều mắng:

–Đây là con đứa tiện tỳ! Chư Thiên và người đời chưa ai dám ngồi trong đó. Con đẻ của tiện tỳ này lại dám vào trong đó ngồi.

Lại xô thái tử Lưu-ly ngã lăn ra đất. Thái tử Lưu-ly chống đất đứng dậy, thở dài, quay ra sau. Khi ấy, có con Phạm chí tên Hảo Khổ. Thái tử Lưu-ly nói với con Phạm chí Hảo Khổ:

–Dòng họ Thích này đã hủy nhục ta đến như vậy. Nếu sau này khi ta lên ngôi vua, ngươi hãy nhắc lại ta việc này.

Lúc ấy, con Phạm chí Hảo Khổ đáp:

–Như lời thái tử dạy.

Mỗi ngày ba lần, con Phạm chí kia bạch với thái tử:

–Hãy nhớ nỗi nhục họ Thích. Rồi nói kệ này:

Tất cả sẽ diệt tận

Quả chín cũng sẽ rơi
Tập hợp ắt sẽ tan
Có sinh ắt có tử.

Sau khi sống hết tuổi thọ, bấy giờ vua Ba-tư-nặc băng hà, liền lập thái tử Lưu-ly làm vua. Lúc ấy, Phạm chí Hảo Khổ[5] đến chỗ vua nói rằng:

–Vua nên nhớ, xưa bị họ Thích hủy nhục.

Lúc này, vua Lưu-ly nói:

–Lành thay, lành thay! Khéo nhớ việc xưa.

Lúc này, vua Lưu-ly nổi sân giận, bảo các quần thần:

–Nay, ai là vua của nhân dân?

Quần thần tâu:

–Hiện nay, đại vương thống lãnh.

Vua Lưu-ly nói:

–Các ngươi, hãy mau chuẩn bị tập hợp binh bốn bộ, ta muốn đi chinh phạt họ Thích.

Quần thần đáp:

–Thưa vâng, đại vương!

Quần thần tuân lệnh vua tập hợp binh bốn bộ. Vua Lưu-ly lúc này dẫn binh bốn bộ đi đến Ca-tỳ-la-vệ[6].

Khi các Tỳ-kheo nghe tin vua Lưu-ly đi chinh phạt họ Thích, họ đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên, rồi đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Sau khi nghe những lời này xong, Thế Tôn liền đến đón vua Lưu-ly ở dưới gốc một cây khô, không có cành lá, ở trong tư thế ngồi kiết già.

Lúc ấy, vua Lưu-ly từ xa thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, liền xuống xe, đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, vua Lưu-ly bạch Thế Tôn:

–Còn có cây tốt, cành lá sum suê như cây Ni-câu-lưu chẳng hạn, sao ngồi dưới cây khô này?

Thế Tôn bảo:

–Bóng mát của thân tộc hơn người ngoài.

Lúc ấy, vua Lưu-ly liền tự nghĩ:

–Hôm nay, Thế Tôn vẫn còn vì thân tộc. Vậy hôm nay ta nên quay

---

5. Hảo khổ 好苦。Đồng nhất với Pāli: Dīghakārāyaṇa.

6. Trong bản: Ca-tỳ-la-việt 迦毘羅越。Trên kia, Ca-tỳ-la-vệ.

về bổn quốc, không nên đến chinh phạt Ca-tỳ-la-vệ.

Lúc ấy, vua Lưu-ly liền cáo từ lui binh. Phạm chí Hảo Khổ lại tâu vua:

–Vua nên nhớ, xưa kia đã bị họ Thích làm nhục.

Sau khi nghe những lời này rồi, vua Lưu-ly lại nổi giận, bảo quần thần:

–Các khanh hãy mau chuẩn bị, tập họp binh bốn bộ, ta muốn đi chinh phạt Ca-tỳ-la-vệ.

Quần thần liền tập họp binh bốn bộ, kéo ra khỏi thành Xá-vệ, đến Ca-tỳ-la-vệ chinh phạt họ Thích.

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, đến bạch Thế Tôn:

–Nay vua Lưu-ly đang hưng binh đến chinh phạt họ Thích.

Nghe những lời này, Thế Tôn liền dùng thần túc đến ngồi dưới gốc cây cạnh đường. Tỳ-lưu-ly từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, liền xuống xe đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ vua Lưu-ly bạch Thế Tôn:

–Còn có cây tốt, sao lại không ngồi ở đó, hôm nay Thế Tôn cớ gì ngồi dưới cây khô này?

Lúc ấy, Thế Tôn nói:

–Bóng mát của thân tộc hơn người ngoài.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bóng mát của thân tộc
Họ Thích xuất hiện Phật
Đều là cành nhánh Ta
Nên ngồi dưới cây này.

Lúc ấy, vua Lưu-ly liền tự nghĩ: "Hiện tại, Thế Tôn xuất thân từ họ Thích. Ta không nên đến chinh phạt. Phải nên cùng quay về bổn quốc." Rồi, vua Lưu-ly liền trở về thành Xá-vệ.

Lúc này, Phạm chí Hảo Khổ lại tâu với vua:

–Vua nên nhớ, xưa kia đã bị họ Thích làm nhục!

Vua Lưu-ly nghe những lời này rồi, lại tập hợp binh bốn loại kéo ra khỏi thành Xá-vệ, đến Ca-tỳ-la-vệ. Đại Mục-kiền-liên khi nghe vua Lưu-ly đi chinh phạt dòng họ Thích, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:

–Hôm nay, vua Lưu-ly tập họp binh bốn bộ đến tấn công họ Thích. Nay con có khả năng khiến cho vua Lưu-ly cùng binh bốn bộ bị

ném sang thế giới phương khác.

Thế Tôn nói:

–Ông há có thể đem duyên đời trước của họ Thích đặt sang thế giới khác hay sao?

Mục-liên bạch Phật:

–Con thật sự không thể đem duyên đời trước đặt sang thế giới khác.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Mục-liên:

–Ông hãy trở về chỗ ngồi.

Mục-liên lại bạch Phật:

–Nay con có thể dời thành Ca-tỳ-la-vệ này đặt giữa hư không.

Thế Tôn bảo:

–Nay ông có thể dời duyên đời trước của họ Thích đặt giữa hư không hay không?

Mục-liên đáp:

–Không, bạch Thế Tôn.

Phật bảo Mục-liên:

–Vậy ông hãy trở về chỗ của mình.

Lúc ấy, Mục-liên lại bạch Phật:

–Cúi xin cho phép dùng lồng sắt che bên trên thành Ca-tỳ-la-vệ.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, Mục-liên, ông có thể dùng lồng sắt che đậy duyên đời trước không?

Mục-liên bạch Phật:

–Không, bạch Thế Tôn.

Phật bảo Mục-liên:

–Nay ông trở về chỗ của mình. Hôm nay duyên đời trước của họ Thích đã chín, nay phải chịu báo.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Muốn hư không thành đất
Đất lại thành hư không
Bị duyên trước trói buộc
Duyên này không mục hư.

Bấy giờ, vua Lưu-ly đến Ca-tỳ-la-vệ. Những người dòng họ Thích nghe vua Lưu-ly dẫn binh bốn bộ đến tấn công. Họ liền tập trung bốn bộ chúng trong vòng một do-tuần đến đón vua Lưu-ly.

Lúc ấy, các Thích tử trong vòng một do-tuần, từ xa bắn vua Lưu-ly, hoặc bắn lỗ tai nhưng không tổn thương tai ông, hoặc bắn búi tóc nhưng không tổn thương đầu ông, hoặc bắn gãy cung, hoặc bắn đứt dây cung nhưng không hại người ông, hoặc bắn áo giáp nhưng không hại người ông, hoặc bắn giường ghế nhưng không hại người ông, hoặc bắn phá bánh xe nhưng không hại người ông, hoặc phá cờ xí nhưng không hại người ông.

Sau khi thấy việc này xong, vua Lưu-ly liền sinh lòng sợ hãi bảo quần thần:

–Các ngươi xem những mũi tên này từ đâu đến?

Quần thần tâu:

–Các Thích tử cách đây trong vòng một do-tuần bắn tên đến!

Vua Lưu-ly nói:

–Nếu họ khởi tâm muốn hại ta thì mọi người đã nhận lấy cái chết hết rồi. Ngay tức khắc hãy quay về Xá-vệ!

Lúc ấy, Phạm chí Hảo Khổ đến trước tâu vua:

–Đại vương chớ lo! Các Thích tử này đều giữ giới, côn trùng họ còn không hại huống là hại người. Nay nên tiến lên trước ắt tiêu diệt được họ Thích.

Lúc ấy, vua Lưu-ly từ từ tiến lên về phía họ Thích kia. Những người họ Thích lui vào thành. Vua Lưu-ly, ở ngoài thành bảo họ rằng:

–Các ngươi hãy mau mở cửa thành! Nếu không, ta sẽ bắt các ngươi giết hết.

Bấy giờ, thành Ca-tỳ-la-vệ có đồng tử họ Thích mới mười lăm tuổi, tên Xa-ma, nghe vua Lưu-ly đang ở bên ngoài cửa, liền mặc giáp, cầm gậy lên trên thành một mình chiến đấu với vua Lưu-ly. Lúc ấy, Đồng tử Xa-ma giết hại nhiều binh lính làm họ chạy tán loạn và nói:

–Đây là người nào? Là trời hay là quỷ thần? Từ xa trông giống như một cậu bé!

Lúc ấy, vua Lưu-ly sinh lòng sợ hãi, liền vào trong hầm để tránh.

Khi các Thích tử nghe binh chúng của vua Lưu-ly bị giết hại, các Thích tử liền gọi đồng tử Xa-ma bảo rằng:

–Ngươi tuổi trẻ ấu thơ, sao cố ý làm nhục gia phong chúng ta? Há không biết các Thích tử tu hành pháp lành sao? Chúng ta, đến côn trùng còn không thể hại, huống lại là mạng người ư? Chúng ta có thể phá tan quân lính này, một người địch vạn người, song chúng ta lại tự nghĩ: "Sát hại chúng sinh vô số kể như vậy." Thế Tôn đã từng dạy: "Phàm người giết mạng người, chết sẽ vào địa ngục. Nếu sinh trong loài người,

tuổi thọ rất ngắn.” Ngươi hãy mau đi đi, không ở đây nữa. Đồng tử Xa-ma liền bỏ nước ra đi, không vào Ca-tỳ-la-vệ nữa.

Lúc ấy, vua Lưu-ly lại đến giữa cửa nói người kia:

–Hãy mau mở cửa thành, đừng để ta đợi lâu!

Lúc ấy, các Thích tử tự nói với nhau:

–Nên cho mở cửa thành hay không nên?

Bấy giờ, tệ ma Ba-tuần giả hình làm một Thích tử ở trong chúng họ Thích, nói các Thích tử:

–Các vị hãy mau mở cửa thành. Đừng để hôm nay chúng ta phải cùng chịu khốn.

Lúc ấy, các Thích tử liền cho mở cửa thành. Bấy giờ, vua Lưu-ly liền bảo quần thần:

–Hiện nhân dân dòng họ Thích này đông, đao kiếm không thể giết hết, hãy bắt hết chôn xuống đất, sau đó cho voi dữ dẫm chết.

Bấy giờ, quần thần vâng theo lệnh của vua, cho voi dẫm chết họ. Đồng thời vua Lưu-ly bảo quần thần:

–Các ngươi hãy mau tuyển chọn năm trăm người nữ họ Thích, tay chân mặt mày xinh đẹp.

Các đại thần vâng lệnh vua, tuyển chọn năm trăm người nữ xinh đẹp, dẫn đến chỗ vua.

Lúc này, Ma-ha-nam Thích tử đến chỗ vua Lưu-ly nói rằng:

–Hãy cho tôi một ước nguyện.

Vua Lưu-ly nói:

–Muốn có ước nguyện gì?

Ma-ha-nam nói:

–Tôi sẽ lặn xuống đáy nước, theo độ chậm nhanh của tôi, cho những người họ Thích đều được chạy trốn. Nếu tôi ra khỏi mặt nước, thì tùy ý giết họ.

Vua Lưu-ly nói:

–Việc ấy thật tốt!

Lúc ấy, Thích Ma-ha-nam liền xuống đáy nước, lấy tóc đầu buộc vào rễ cây mà qua đời. Bấy giờ, các Thích tử trong thành Ca-tỳ-la-vệ, ra từ cửa Đông, lại vào từ cửa Nam; ra từ cửa Tây, lại vào cửa Bắc.

Vua Lưu-ly bảo quần thần:

–Ông ngoại Ma-ha-nam, vì cớ gì ẩn ở dưới nước, đến giờ chưa ra khỏi?

Bấy giờ, quần thần nghe theo lệnh vua, liền xuống dưới nước kéo

Ma-ha-nam lên, nhưng ông đã chết. Khi vua Lưu-ly thấy Ma-ha-nam đã chết, lúc này vua mới sinh tâm hối hận:

–Nay ông ngoại ta đã chết đều do thương thân tộc, ta đã không biết trước, nên để ông mất. Nếu biết trước, dứt khoát không đến công phạt dòng họ Thích này.

Lúc ấy, vua Lưu-ly đã giết chín ngàn chín trăm chín mươi chín vạn người, máu chảy thành sông và thiêu rụi thành Ca-tỳ-la-vệ. Rồi ông đi đến vườn Ni-câu-lưu.

Lúc ấy, vua Lưu-ly bảo với năm trăm người nữ dòng họ Thích rằng:

–Các khanh yên tâm, chớ sầu lo. Ta là chồng các khanh, các khanh là vợ ta, cốt phải hợp nhau.

Lúc ấy, vua Lưu-ly tiện đưa tay nắm một người nữ họ Thích muốn đùa chơi. Thời người nữ hỏi:

–Đại vương định làm gì?

Thời vua đáp:

–Muốn giao tình cùng khanh.

Cô đáp vua:

–Vì sao nay ta lại giao tình với loại nô tỳ sinh?

Lúc ấy, vua Lưu-ly nổi cơn tức giận, ra lệnh cho quần thần:

–Mau bắt người nữ này, chặt tay chân nó, ném vào hầm sâu.

Các đại thần theo lệnh vua, chặt tay chân cô ném vào hầm sâu. Năm trăm người nữ đều mắng nhà vua rằng:

–Ai đem thân này cùng giao thông với loại con đẻ của nô tỳ!

Lúc này, vua tức giận, bắt hết năm trăm người nữ, chặt tay chân họ ném vào hầm sâu. Vua Lưu-ly sau khi hủy hoại Ca-tỳ-la-vệ xong, trở về thành Xá-vệ.

Bấy giờ, thái tử Kỳ-đà đang cùng các kỹ nữ vui đùa trong thâm cung. Nghe tiếng ca hát, vua Lưu-ly liền hỏi:

–Đây là âm thanh gì mà vang đến nơi đây?

Quần thần đáp:

–Đó là tiếng đàn hát để tự vui chơi của vương tử Kỳ-đà ở trong thâm cung.

Lúc ấy, vua Lưu-ly liền bảo người hầu:

–Khanh hãy quay voi này đến chỗ vương tử Kỳ-đà.

Lúc này, người giữ cửa từ xa thấy vua đến, tâu rằng:

–Xin vua thong thả một chút, vương tử Kỳ-đà hiện đang vui với

năm thứ lạc ở trong cung, đừng có gây phiền phức.

Vua Lưu-ly liền rút kiếm giết người giữ cửa. Lúc ấy vương tử Kỳ-đà nghe vua Lưu-ly đang đứng ở ngoài cửa, không từ giã các kỹ nữ, liền ra ngoài cùng vua gặp nhau:

–Vui thay, đại vương đến! Đại vương hãy vào nghỉ ngơi một lát.

Vua Lưu-ly nói:

–Há ngươi không biết ta với họ Thích đánh nhau sao?

Kỳ-đà đáp:

–Có nghe!

Vua Lưu-ly nói:

–Nay vì sao ngươi không giúp ta mà cùng với kỹ nữ đùa giỡn?

Vương tử Kỳ-đà đáp:

–Ta không thể giết hại mạng chúng sinh!

Lúc ấy, vua Lưu-ly hết sức tức giận liền rút kiếm chém hại vương tử Kỳ-đà. Sau khi mạng chung, vương tử Kỳ-đà sinh lên cõi trời Tam thập tam, vui đùa cùng năm trăm Thiên nữ.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhãn quan sát thấy vương tử Kỳ-đà mạng chung, đã sinh lên trời Tam thập tam, liền nói kệ này:

Thọ phước trong trời người
Đức vương tử Kỳ-đà
Làm lành, sau hưởng báo
Đều do hiện báo nên.
Đây lo, kia cũng lo
Lưu-ly lo hai nơi
Làm ác sau nhận ác
Đều do hiện báo nên.
Phải nương vào phước đức
Trước làm sau cũng vậy
Hoặc là làm một mình
Hoặc làm người không biết.
Làm ác, có biết ác
Trước làm, sau cũng vậy
Hoặc là làm một mình
Hoặc làm người không biết.
Hưởng phước trong trời người
Hai nơi đều hưởng phước
Làm lành sau hưởng báo

Đều do hiện báo nên.
Đây lo, kia cũng lo
Làm ác buồn hai nơi
Làm ác sau nhận báo
Đều do hiện báo nên.

Lúc ấy, năm trăm thiếu nữ dòng họ Thích quay về kêu gào danh hiệu Như Lai và nói rằng:

–Như Lai sinh ra ở đây và cũng từ chốn này xuất gia học đạo, sau đó thành Phật, vậy mà hôm nay Phật hoàn toàn không thấy, không nghĩ biết chúng ta đang gặp khổ não này, chịu sự đau đớn này. Vì sao Thế Tôn lại không thấy, không nghĩ?

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ thông suốt, nghe những người nữ họ Thích oán trách hướng về Phật. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy đến hết đây, cùng đi quán sát Ca-tỳ-la-vệ và để thăm những người thân đang qua đời.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến Ca-tỳ-la-vệ. Khi năm trăm người nữ họ Thích từ xa thấy Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến, đều sinh lòng hổ thẹn.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân và Tỳ-sa-môn Thiên vương ở sau Thế Tôn quạt hầu. Thế Tôn quay lại bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Các người nữ họ Thích đều sinh lòng hổ thẹn.

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân liền dùng Thiên y che lên thân thể năm trăm người nữ này.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-sa-môn Thiên vương:

–Những người nữ này đói khát đã lâu ngày, nên làm điều gì cho thích hợp.

Tỳ-sa-môn Thiên vương bạch Phật:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Đồng thời, Tỳ-sa-môn Thiên vương bày thức ăn trời tự nhiên cho các thiếu nữ họ Thích đều được đầy đủ. Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự nói pháp vi diệu cho các cô. Thế Tôn dạy:

–Các pháp đều phải ly tan. Có hội ngộ thì có biệt ly. Các cô nên biết, năm thạnh ấm này đều phải chịu các não khổ đau này, rơi trong

năm đường. Phàm nhận thân năm ấm tất phải chịu hành báo này. Đã có hành báo, tất phải thọ thai. Đã thọ thai phần, lại phải chịu báo khổ vui. Nếu ai không có năm thạnh ấm, tất không thọ nhận hình hài nữa. Nếu không thọ nhận hình hài thì không có sinh. Vì không có sinh nên không có già. Vì không có già nên không có bệnh. Vì không có bệnh nên không có chết. Vì không có chết nên không có khổ não của hội ngộ, biệt ly. Cho nên, các cô phải nghĩ đến sự biến đổi thành bại của năm ấm này. Vì sao? Vì biết năm ấm là biết năm dục. Biết năm dục là biết pháp ái. Biết pháp ái là biết pháp đắm nhiễm. Biết các việc này rồi, không còn thọ thai. Vì không thọ thai, không còn sinh, già, bệnh, chết.

Bấy giờ, Thế Tôn lại tuần tự nói pháp này cho các nữ họ Thích: Ngài luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sinh Thiên; dục là tưởng bất tịnh, xuất yếu là an lạc. Khi Thế Tôn thấy tâm ý các cô này đã được khai mở. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo, bấy giờ Thế Tôn cũng vì họ mà thuyết. Bấy giờ, những người nữ, các trần cấu hết sạch, được mắt pháp trong sạch, mọi người từ chỗ họ mà qua đời, đều sinh lên trời.

Bấy giờ, Thế Tôn đến cửa thành Đông, thấy trong thành lửa cháy dữ dội, liền nói kệ này:

Tất cả hành vô thường
Có sinh ắt có tử
Không sinh thì không tử
Đã diệt, tối an lạc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy đến hết trong vườn Ni-câu-lưu, theo thứ lớp mà ngồi.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Đây là vườn Ni-câu-lưu. Xưa kia ở nơi này Ta vì các Tỳ-kheo rộng nói pháp mầu, nhưng nay trống rỗng không còn một ai. Ngày xưa, hàng ngàn vạn người đắc đạo, được mắt pháp trong sạch ở đây. Từ nay về sau Như Lai không còn trở lại chốn này.

Thế Tôn vì các Tỳ-kheo thuyết pháp xong, mọi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi, về đến vườn Kỳ-đà Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay vua Lưu-ly và các binh chúng ở đời sẽ không còn bao lâu. Sau bảy ngày nữa họ sẽ bị tiêu diệt hết.

Lúc ấy, vua Lưu-ly nghe Thế Tôn báo hiệu, vua Lưu-ly và binh chúng sau bảy ngày nữa sẽ bị tiêu diệt hết, nghe xong lo sợ bảo quần

thần:

–Nay Như Lai đã báo hiệu, sau bảy ngày nữa vua Lưu-ly và binh chúng sẽ bị tiêu diệt hết. Các ngươi xem, ngoài biên giới có giặc cướp, tai biến nước lửa, đến xâm phạm nước chăng? Vì sao? Vì chư Phật Như Lai không có hai lời. Lời nói quyết không đổi khác.

Phạm chí Hảo Khổ tâu với vua:

–Vua chớ có lo sợ. Nay bên ngoài không có nạn giặc cướp đáng sợ, cũng không tai biến nước lửa. Hôm nay đại vương hãy cứ vui chơi thỏa thích.

Vua Lưu-ly nói:

–Phạm chí nên biết, chư Phật Thế Tôn không bao giờ sai lời.

Lúc này, vua Lưu-ly cho người đếm ngày, đến ngày đầu thứ bảy, Đại vương vui mừng hớn hở không tự kiềm chế được, liền dẫn binh chúng và các thể nữ đến bờ sông A-chi-la[7] mà tự vui chơi và nghỉ đêm ở đó. Vào lúc nửa đêm, bất ngờ mây nổi dậy mưa gió dữ dội. Lúc ấy, vua Lưu-ly và binh chúng cùng bị nước cuốn trôi, đều bị tiêu diệt, thân hoại mạng chung bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Cung điện thành nội lại bị lửa trời thiêu đốt. Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhãn quan sát thấy vua Lưu-ly và binh bốn bộ bị nước cuốn trôi, mạng chung tất cả đều vào địa ngục.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Làm việc tối cực ác
Đều do thân, miệng làm
Nay thân cũng chịu khổ
Thọ mạng cũng ngắn ngủi.
Nếu khi ở trong nhà
Thì bị lửa thiêu đốt
Đến lúc mạng qua đời
Tất sinh vào địa ngục.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Sau khi chết, vua Lưu-ly và binh lính sinh nơi nào?

Thế Tôn bảo:

–Vua Lưu-ly sinh vào địa ngục A-tỳ.

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

---

7. A-chi-la hà. Pāli, Aciravatì, sông chảy ngang qua Xá-vệ. Từ cung điện vua có thể nhìn thấy.

–Xưa kia các Thích tử đã tạo ra nhân duyên gì mà nay bị vua Lưu-ly làm hại?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, trong thành La-duyệt này có một thôn đánh cá. Thời ấy gặp lúc đói kém, người ăn rễ cây, một thăng vàng đổi một thăng gạo. Trong thôn lúc đó có một hồ nước lớn, lại nhiều cá. Mọi người dân trong thành La-duyệt đến nơi hồ bắt cá ăn. Vào lúc đó, trong hồ có hai giống cá, một gọi là là Câu tỏa[8], hai gọi là Lưỡng thiệt[9]. Lúc ấy, hai giống cá nói với nhau: "Đối với những người này, trước đây chúng ta không có lỗi lầm. Ta là loài thủy tánh, không ở đất khô. Những người dân này đều đến ăn thịt chúng ta. Bao nhiêu phước đức chúng ta có đời trước, nay sẽ dùng để báo oán này."

Lúc ấy, trong thôn có một cậu bé mới tám tuổi, không bắt cá, lại cũng không hại chúng, nhưng cá kia ở trên bờ, tất cả đều bị chết, thấy vậy cậu bé rất là vui mừng.

Tỳ-kheo nên biết, các ông chớ nghĩ nhân dân trong thành La-duyệt lúc bấy giờ há là người nào khác, mà nay chính là họ Thích. Cá Câu tỏa bấy giờ, nay là vua Lưu-ly. Cá Lưỡng thiệt bấy giờ, thì nay là Phạm chí Hảo Khổ. Còn cậu bé thấy cá nằm trên bờ mà cười lúc ấy, nay chính là Ta. Bấy giờ, họ Thích ngồi bắt cá ăn. Vì nhân duyên này, nên trong vô số kiếp vào trong địa ngục, nay phải chịu báo này. Lúc ấy Ta ngồi nhìn mà cười nên nay bị đau đầu giống như bị đá đè, hoặc như đầu đội núi Tu-di. Vì sao? Vì Như Lai vốn không nhận hình hài nữa, đã xả bỏ các hành, vượt qua các ách nạn. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là vì nhân duyên này, nay chịu báo này. Các Tỳ-kheo, hãy giữ thân, miệng, ý hành, hãy niệm cung kính thừa sự người phạm hạnh.

Các Tỳ-kheo cần phải học những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc nước Xá-vệ.

---

[8] *Câu tỏa 拘璅, cá móc câu?*

[9] *Lưỡng thiệt 兩舌, cá hai lưỡi?*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nên biết, khi Thiên tử sắp mạng chung, có năm điềm báo ứng hiện ra trước. Năm điềm gì? Một là hoa trên mũ héo; hai là y phục dơ bẩn; ba là thân thể hôi hám; bốn là không thích chỗ ngồi của mình; năm là các Thiên nữ tan tác. Đó gọi là năm điềm báo ứng Thiên tử sắp mạng chung.

Lúc ấy, Thiên tử hết sức sầu lo, đấm ngực kêu gào. Bấy giờ, các Thiên tử khác lại đến chỗ Thiên tử này, nói với vị ấy rằng:

–Nay ngài tương lai có thể sinh vào cõi lành. Đã sinh cõi lành, tất được thiện lợi. Đã được thiện lợi hãy niệm an xử thiện nghiệp.

Chư Thiên đã giáo thọ vị ấy như vậy.

Lúc ấy, có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Trời Tam thập tam được sinh cõi lành là thế nào? Tất được thiện lợi là thế nào? An xử thiện nghiệp là thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Đối với chư Thiên, cõi người là cõi lành, là được thiện lợi, là sinh trong nhà chánh kiến, thân cận Thiện tri thức, có tín căn trong pháp Như Lai. Đó gọi là tất được thiện lợi. Sao gọi là an xử thiện nghiệp? Có tín căn trong pháp Như Lai, cạo bỏ râu tóc, vì lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo. Khi học đạo, tánh giới đầy đủ, các căn không thiếu, đồ ăn thức uống biết đủ, thường niệm kinh hành, đạt được tam minh. Đó gọi là an xử thiện nghiệp.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người, nơi lành của trời
Bạn lành là thiện lợi
Xuất gia là thiện nghiệp
Diệt lậu, thành vô lậu.

Tỳ-kheo nên biết, trời Tam thập tam say đắm ngũ dục. Họ coi nhân gian là cõi lành. Ở trong pháp Như Lai được xuất gia là được thiện lợi mà được tam minh. Vì sao? Phật Thế Tôn đều xuất hiện từ cõi người, chẳng phải từ cõi trời mà được. Cho nên, Tỳ-kheo ở đây mạng chung sẽ sinh lên trời.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

–Thế nào là Tỳ-kheo sẽ sinh đường lành?

Thế Tôn bảo:

–Niết-bàn chính là đường lành của Tỳ-kheo. Nay Tỳ-kheo, ông hãy tìm cầu phương tiện đạt đến Niết-bàn.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Sa-môn xuất gia có năm pháp hủy nhục. Sao gọi là năm? Một là tóc trên đầu dài; hai là móng tay dài; ba là y áo dơ bẩn; bốn là không biết thời nghi; năm là bàn nói nhiều. Vì sao? Bàn nói nhiều, Tỳ-kheo lại có năm việc. Sao gọi là năm? Một là người không tin lời; hai không chịu nhận lời dạy; ba là người không thích gặp; bốn là nói dối; năm là gây đấu loạn kia đây. Đó là năm việc xảy ra cho người nói chuyện nhiều. Đó gọi là người bàn nói nhiều có năm việc này. Tỳ-kheo, hãy trừ năm việc này, chớ có tà tưởng.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vua Tần-tỳ-sa-la[10] bảo các quần thần:

–Hãy chỉnh bị xe bảo vũ*, ta đến thành Xá-vệ thăm viếng Thế Tôn.

Quần thần tuân lệnh vua, chỉnh bị xe bảo vũ, rồi đến trước tâu vua:

–Đã chuẩn bị xe xong, xin vua biết thời cho.

Lúc ấy, vua Tần-tỳ-sa-la lên xe bảo vũ ra khỏi thành La-duyệt, đi

---

10. Tần-tỳ-sa-la 頻毘娑羅。Pāli: Bimbisāra.

đến thành Xá-vệ, lần hồi đến tinh xá Kỳ hoàn, rồi đi bộ vào tinh xá Kỳ hoàn. Phàm theo phép, vua thủy quán đảnh[11] có năm nghi trượng; vua đều cởi bỏ, để sang một bên, rồi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt vì vua mà nói pháp vi diệu. Khi vua nghe pháp xong, bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Như Lai hãy hạ an cư tại thành La-duyệt. Con sẽ cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của vua Tần-bà-sa-la. Khi vua thấy Thế Tôn im lặng nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh ba vòng, lui đi, trở về thành La-duyệt, vào trong cung.

Bấy giờ, vua Tần-tỳ-sa-la ở nơi vắng vẻ, tự nghĩ: "Ta có thể cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo tăng suốt đời ta, y áo, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Nhưng cũng phải thương xót những người nghèo hèn kia."

Rồi vua Tần-tỳ-sa-la bảo quần thần:

–Hôm qua, ta tự nghĩ như vầy: "Ta có thể suốt đời thể cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo tăng về y áo, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Nhưng cũng phải thương xót những người nghèo hèn. Các khanh hãy đốc suất nhau, theo thứ tự cúng dường Như Lai và chư Hiền thì sẽ mãi mãi hưởng phước vô cùng."

Bấy giờ, vua nước Ma-kiệt cho xây một giảng đường lớn trước cung điện, rồi bày ra những đồ đựng thức ăn.

Bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi nước Xá-vệ, dẫn năm trăm Tỳ-kheo, lần hồi du hóa nhân gian, đến chỗ Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyệt. Khi vua Tần-tỳ-sa-la nghe Thế Tôn đi đến trong vườn trúc Ca-lan-đà liền lên xe bảo vũ đến chỗ đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

–Con ở nơi yên tĩnh, liền tự nghĩ như vầy: "Như hôm nay, ta có thể bày biện y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh." Nhưng còn nghĩ đến những gia đình thấp kém, liền bảo quần thần: "Các vị mỗi người hãy bày biện đồ ăn uống để lần lượt cúng dường Phật." Thế nào, Thế Tôn, điều này là nên hay không nên?

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Đại vương làm lợi ích cho nhiều người, đã vì trời người mà tạo ruộng phước.

---

[11] *Nguyên Hán: Thủy quán đầu vương* 水灌頭王。

Lúc ấy, vua Tần-tỳ-sa-la bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn ngày mai vào cung thọ thực.

Khi vua Tần-tỳ-sa-la thấy Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh rồi, liền đứng dậy, đảnh lễ sát chân rồi lui đi.

Sáng hôm sau, Thế Tôn đắp y, mang bát vào thành, đến trong cung vua, ngồi theo thứ lớp. Lúc ấy, vua cung cấp thức ăn trăm vị, tự tay san sớt, vui vẻ không tán loạn. Khi thấy Thế Tôn thọ thực đã xong, đã rửa bát, vua Tần-tỳ-sa-la lấy một chiếc ghế thấp đến ngồi phía trước Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự vì vua nói pháp vi diệu, khiến vua sinh tâm hoan hỷ. Thế Tôn nói pháp vi diệu cho vua và quần thần, nói các đề tài về bố thí, về trì giới, về sinh Thiên, dục là tưởng bất tịnh, dâm là uế ác, xuất yếu là an lạc.

Khi Thế Tôn đã biết tâm ý các chúng sinh này đã khai mở, không còn hồ nghi nữa, như pháp mà chư Phật thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo, bấy giờ Thế Tôn cũng vì họ mà nói hết. Hơn sáu mươi người từ trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn vì vua Tần-bà-sa-la cùng các nhân dân mà nói kệ tụng này:

Tế tự, lửa trên hết
Trong sách, kệ là nhất
Vua, tôn quý loài người
Các sông, biển là nguồn.
Trong sao, trăng sáng nhất
Ánh sáng, mặt trời nhất
Trên dưới và bốn phương
Trong hết thảy vạn vật,
Trời và người thế gian
Phật là trên tất cả
Ai muốn cầu phước kia
Hãy nên cúng dường Phật.

Sau khi Phật nói bài kệ này xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Lúc ấy, nhân dân trong thành La-duyệt tùy dòng quý tiện, theo nhà ít nhiều mà cúng dường cơm cho Phật và Tăng Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn ở khu Ca-lan-đà, trong vườn Trúc; nhân dân trong nước không có ai là không cúng dường. Khi ấy, trong thành La-duyệt, đến lượt các Phạm chí cúng dường thức ăn. Các Phạm chí bèn nhóm họp lại một chỗ, bàn luận rằng:

–Chúng ta mỗi người chi ra ba lượng tiền vàng để mua thức ăn cúng dường.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một Phạm chí tên Kê-đầu, rất là nghèo thiếu, chỉ tự đủ sống còn, không có tiền vàng để góp, liền bị các Phạm chí đuổi ra khỏi chúng.

Lúc ấy, Phạm chí Kê-đầu trở về nhà nói với vợ ông:

–Nàng nên biết, hôm nay ta bị các Phạm chí trục xuất, không cho ở trong chúng. Vì sao? Vì ta không có tiền vàng.

Người vợ nói:

–Hãy trở vào trong thành năn nỉ người vay nợ, ắt sẽ được. Hẹn với chủ nợ, sau bảy ngày sẽ trả lại, nếu không trả nợ thì chính tôi và vợ sẽ chịu làm tôi tớ.

Bấy giờ, Phạm chí theo lời vợ ông nói, liền vào trong thành tìm cầu khắp mọi nơi, vẫn không thể được. Ông trở về nhà nói với vợ:

–Tôi tìm cầu mọi nơi rồi mà không thể được. Nên như thế nào?

Người vợ nói:

–Phía Đông thành La-duyệt có đại Trưởng giả tên là Bất-xa-mật-đa-la, nhiều tiền lắm của, có thể đi đến đó mà cầu vay nợ. Xin cho vay ba lượng tiền vàng, sau bảy ngày sẽ trả lại, nếu không trả thì chính tôi và vợ sẽ chịu làm tôi tớ.

Lúc này, Phạm chí theo lời vợ, đến nói với Bất-xa-mật-đa-la vay tiền vàng, không quá bảy ngày tự sẽ trả lại, nếu không trả thì chính tôi và vợ sẽ chịu làm tôi tớ. Bất-xa-mật-đa-la liền trao cho tiền vàng.

Phạm chí Kê-đầu đem tiền vàng này về đến chỗ vợ và bảo:

–Đã được tiền vàng. Phải làm gì cho thích hợp?

Người vợ nói:

–Hãy đem số tiền này nộp cho chúng.

Phạm chí kia liền đem tiền vàng đến nộp cho chúng. Các Phạm chí nói với Phạm chí này:

–Chúng tôi đã chuẩn bị xong, hãy đem tiền vàng này về chỗ cũ, không cần ông ở trong chúng này.

Phạm chí kia liền trở về nhà, đem nhân duyên này nói lại cho vợ. Người vợ nói:

–Hai chúng ta cùng đến chỗ Thế Tôn, tự trình bày hết lòng thành.

Bấy giờ, Phạm chí dẫn vợ mình đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi rồi ngồi qua một bên. Người vợ ông cũng đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Rồi Phạm chí đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy

giờ, Thế Tôn bảo Phạm chí:

–Nay, ông hãy vì Như Lai và Tăng Tỳ-kheo mà bày đồ ăn thức uống đầy đủ.

Lúc ấy, Phạm chí quay lại bàn kỹ càng với vợ ông. Thời người vợ nói:

–Chỉ làm theo lời Phật dạy, chớ có phân vân.

Bấy giờ, Phạm chí liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn và Tăng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của con.

Lúc ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của Phạm chí.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân đang chắp tay hầu sau Thế Tôn. Thế Tôn quay lại bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Ông hãy giúp Phạm chí này bày biện thức ăn.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương đứng cách Như Lai không xa, dẫn theo các chúng quỷ thần không kể xiết, từ xa quạt Thế Tôn.

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tỳ-sa-môn Thiên vương:

–Ông cũng phải theo giúp Phạm chí kia bày biện thức ăn này.

Tỳ-sa-môn Thiên vương đáp:

–Rất tốt, thưa Thiên vương!

Tỳ-sa-môn Thiên vương đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi tự biến mất. Ông hóa làm một người, lãnh năm trăm quỷ thần, cùng lo bày biện thức ăn. Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương ra lệnh cho các quỷ thần: "Các ngươi hãy mau đến trong rừng chiên-đàn để lấy chiên-đàn. Ở trong nhà bếp có năm trăm quỷ thần làm thức ăn.

Lúc này, Thích Đề-hoàn Nhân bảo Thiên tử Tự Tại:

–Hôm nay, Tỳ-sa-môn Thiên vương đã dựng nhà bếp làm thức ăn cho Phật và Tăng Tỳ-kheo. Nay ông hãy hóa ra giảng đường cho Phật và Tăng Tỳ-kheo ở trong đó thọ thực.

Thiên tử Tự Tại đáp:

–Việc này rất tốt!

Rồi Thiên tử Tự Tại theo lời Thích Đề-hoàn Nhân, cách thành La-duyệt không xa, hóa làm giảng đường bằng bảy báu. Bảy báu đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, mã não, trân châu, xa cừ. Lại hóa làm bốn cầu thang bằng vàng, bạc thủy tinh, lưu ly. Trên cầu thang vàng thì hóa ra cây bạc, trên cầu thang bạc thì hóa ra cây vàng, rễ vàng, thân bạc, cành bạc, lá bạc. Trên cây vàng thì hóa ra lá bạc, cành bạc. Trên cầu

thang thủy tinh thì hóa ra cây lưu ly cũng được trang sức bằng đủ thứ không thể nói hết. Lại dùng đủ loại châu báu mà lót bên trong, dùng bảy báu che lên trên, bốn phía đều treo linh vàng, song các linh này đều phát ra tám loại âm thanh. Lại hóa ra giường, ghế tốt, trải nệm tốt, treo phướn, lọng thêu thùa, hiếm có trên đời. Lúc ấy, họ dùng chiên-đàn ngưu đầu đốt lửa làm thức ăn, khiến mười hai do-tuần cạnh thành La-duyệt đều tràn ngập hương thơm ở trong đó. Lúc này, vua nước Ma-kiệt-đà bảo các quần thần:

–Ta lớn lên trong thâm cung từ nhỏ, chưa nghe mùi hương này. Vì cớ gì lại nghe mùi hương thơm này bên cạnh thành La-duyệt?

Quần thần tâu:

–Đó là ở trong nhà nấu ăn Phạm chí Kê-đầu. Mà hương chiên-đàn trời là điềm lành ứng hiện.

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la bảo các quần thần:

–Hãy mau chuẩn bị xe bảo vũ. Ta muốn đi đến chỗ Thế Tôn để hỏi thăm về việc này.

Các quần thần tâu:

–Thưa vâng, đại vương!

Vua Tần-bà-sa-la liền đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, vua thấy trong bếp này có năm trăm người đang nấu thức ăn, bèn hỏi:

–Đây là những người nào đang nấu thức ăn vậy?

Các quỷ thần mang hình người đáp:

–Phạm chí Kê-đầu thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường.

Lúc ấy, nhà vua lại từ xa trông thấy giảng đường cao rộng liền hỏi người hầu:

–Đây là giảng đường do người nào tạo ra? Vì ai tạo ra? Xưa nay chưa từng có!

Quần thần đáp:

–Việc này chúng thần không rõ!

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la tự nghĩ: "Nay ta sẽ đi đến chỗ Thế Tôn để hỏi nghĩa này, vì Phật Thế Tôn không việc gì không biết, không việc gì không thấy." Lúc này, vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la bạch Thế Tôn:

–Trước đây không thấy giảng đường cao rộng này, hôm nay lại thấy. Xưa nay không thấy nhà bếp sắt này, hôm nay lại thấy. Làm bằng

vật gì và do ai biến ra?

Thế Tôn bảo:

–Đại vương nên biết! Đó là Tỳ-sa-môn Thiên vương dựng lên nhà bếp và Thiên tử Tự Tại dựng lên giảng đường này.

Lúc ấy, vua nước Ma-kiệt ở trên chỗ ngồi, khóc thương lẫn lộn, không tự chế được. Thế Tôn bảo:

–Sao đại vương lại thương khóc cho đến như vậy?

Vua Tần-bà-sa-la bạch Phật:

–Con không dám thương khóc, chỉ nghĩ đến nhân dân đời sau không thấy bậc Thánh xuất hiện, người trong tương lai tham đắm của cải vật chất, không có oai đức, ngay đến tên của báu lạ này còn không nghe huống gì là thấy! Nay nhờ ơn Như Lai mà có sự biến hóa kỳ lạ xuất hiện ở đời cho nên con thương khóc.

Thế Tôn bảo:

–Đời tương lai, quốc vương và nhân dân, thật sự sẽ không thấy sự biến hóa này!

Bấy giờ, Thế Tôn liền vì quốc vương mà nói pháp, khiến phát tâm hoan hỷ. Sau khi nghe pháp xong, vua rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương bảo Phạm chí Kê-đầu:

–Ông hãy xòe bàn tay phải.

Phạm chí Kê-đầu liền xòe bàn tay phải ra. Tỳ-sa-môn Thiên vương trao cho một thỏi vàng và bảo:

–Cầm thỏi vàng này đặt lên đất.

Phạm chí liền để nó lên đất. Tức thì nó biến thành trăm ngàn lượng vàng. Tỳ-sa-môn Thiên vương bảo rằng:

–Ông hãy cầm thỏi vàng này vào trong thành mua các loại đồ ăn thức uống mang lại chốn này.

Theo lời dạy Thiên vương, Phạm chí liền mang vàng này vào thành mua đủ loại đồ ăn thức uống mang về nhà bếp. Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương tắm gội Phạm chí, cho mặc các loại y phục đẹp, tay cầm lư hương và dạy rằng: "Đã đến giờ, nay đã đúng giờ, xin Thế Tôn chiếu cố."

Bấy giờ, Phạm chí liền vâng theo lời dạy kia, tay bưng lư hương mà bạch:

–Đã đến giờ, cúi xin chiếu cố.

Bấy giờ, Thế Tôn đã biết đến giờ, liền đắp y, mang bát, dẫn các Tỳ-kheo đến giảng đường, rồi ngồi theo thứ lớp. Chúng Tỳ-kheo-ni

cũng theo thứ tự ngồi.

Lúc ấy, Phạm chí Kê-đầu thấy đồ ăn thức uống rất nhiều nhưng chúng tăng lại ít, đến trước bạch Thế Tôn:

–Hôm nay đồ ăn thức uống rất nhiều mà chúng Tăng lại ít, không biết phải làm sao?

Thế Tôn bảo:

–Này Phạm chí, ông hãy bưng lư hương này để lên trên đài cao, hướng về các phía Đông, Tây, Nam, Bắc mà khấn rằng: "Những vị đệ tử của Phật Thích-ca Văn đã được sáu thần thông, A-la-hán lậu tận, xin vân tập hết đến giảng đường này."

Phạm chí bạch:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bấy giờ, Phạm chí vâng theo lời Phật dạy, liền lên lầu thỉnh các vị A-la-hán lậu tận. Lúc đó, phương Đông có hai mươi mốt ngàn A-la-hán, từ phương Đông đến giảng đường này. Các phương Nam, Tây, Bắc mỗi phương cũng đều có hai mươi mốt ngàn vị A-la-hán đến giảng đường này. Lúc này, trên giảng đường có tám vạn bốn ngàn A-la-hán tập họp ở một chỗ.

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la dẫn các quần thần đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân và lễ Tăng Tỳ-kheo. Sau khi Phạm chí Kê-đầu thấy chúng Tăng rồi, vui mừng hớn hở không tự kiềm chế được, dọn đồ ăn thức uống cúng dường Phật và tăng Tỳ-kheo, tự tay san sớt, hoan hỷ không tán loạn. Nhưng thức ăn vẫn còn dư.

Lúc ấy, Phạm chí Kê-đầu lên trước bạch Phật:

–Hôm nay con đã cúng dường Phật và Tăng Tỳ-kheo, nhưng thức ăn hiện vẫn còn dư!

Thế Tôn bảo:

–Nay ông có thể thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo cúng dường bảy ngày.

Phạm chí đáp:

–Thưa vâng, bạch Cù-đàm.

Lúc ấy, Phạm chí Kê-đầu liền quỳ trước Thế Tôn bạch:

–Nay con thỉnh Phật và tăng Tỳ-kheo cúng dường trong bảy ngày. Con sẽ cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Lúc ấy, trong đại chúng có

Tỳ-kheo-ni tên là Xá-cưu-lợi[12]. Tỳ-kheo-ni bạch Thế Tôn:

–Nay trong tâm con tự nghĩ: "Có vị đệ tử Phật Thích-ca Văn, A-la-hán lậu tận nào chưa vân tập đến đây không?" Con đã dùng Thiên nhãn quan sát bốn phương nhưng không thấy ai không đến. Nay trong đại hội này toàn là A-la-hán tập họp.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, Xá-cưu-lợi, như lời cô nói, đại hội này toàn là các vị Chân nhân Đông, Tây, Nam, Bắc không ai không vân tập.

Vì nhân duyên này, bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông có thấy Tỳ-kheo-ni nào Thiên nhãn thấy suốt trong hàng Tỳ-kheo-ni như Tỳ-kheo-ni này hay không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Không thấy, bạch Thế Tôn!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Đệ tử có Thiên nhãn bậc nhất trong hàng Thanh văn, chính là Tỳ-kheo-ni Xá-cưu-lợi.

Lúc này, Phạm chí Kê-đầu trong bảy ngày cúng dường Thánh chúng y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Lại dùng hương hoa rải lên Như Lai. Khi ấy hoa ấy ở giữa hư không kết thành một cái đài lưới châu[13] bảy báu. Phạm chí khi thấy đài lưới châu, hết sức vui mừng không tự kiềm chế được, đến trước bạch Phật:

–Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép con được theo đạo làm Sa-môn.

Bấy giờ, Phạm chí Kê-đầu liền được hành đạo. Khi đã được hành đạo, các căn tịch tĩnh, tự tu luyện chí mình, trừ bỏ ngủ nghỉ. Nếu mắt thấy sắc cũng không khởi niệm tưởng, nhãn căn ông cũng không tưởng ác hay theo đuổi các niệm, mà hộ trì nhãn căn. Hoặc tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết trơn láng, không khởi tưởng trơn láng, ý biết pháp cũng vậy.

Rồi ông diệt trừ năm cái che lấp tâm người, khiến người không trí tuệ. Cũng không ý sát hại, mà tịnh tâm mình, không giết, không niệm giết, không dạy người giết, tay không cầm dao gậy, khởi tâm nhân từ hướng về hết thảy chúng sinh. Trừ bỏ việc không cho mà lấy, không khởi tâm trộm cắp, giữ ý mình sạch, thường có tâm bố thí đối tất cả

---

12. Xá-cưu-lợi 舍鳩利. Trên kia, kinh số 1 phẩm 5, phiên âm: Xa-câu-lê. Pāli: Sakulā.

13. Giao lộ đài 交露臺.

chúng sinh, khiến cho họ không trộm cắp. Tự mình không dâm dật, cũng lại dạy người khiến không dâm dật, thường tu phạm hạnh, trong sạch không có vết dơ, ở trong phạm hạnh mà thanh tịnh tâm mình. Tự mình không vọng ngữ, cũng không dạy người vọng ngữ, thường nghĩ chí thành, không có dối trá lừa gạt người đời, ở trong đó mà tịnh tâm mình. Lại không có nói hai lưỡi, không dạy người khiến nói hai lưỡi, nếu nghe lời hỏi nơi này không truyền đến nơi kia, hoặc nghe lời nơi kia không truyền đến nơi này, ở trong đó mà tịnh ý mình.

Ăn uống biết đủ, không tham đắm mùi vị, không đắm sắc màu tươi tốt, không ham mập trắng, chỉ muốn giữ thân hình khiến toàn tánh mạng, muốn trừ cảm thọ[14] cũ, khiến cảm thọ mới không sinh, tu hành đắc đạo, mãi an trú trong đất vô vi. Giống như có người nam, hay nữ dùng cao mỡ bôi lên mụt ghẻ, chỉ vì muốn trừ khỏi bệnh. Ở đây cũng như vậy, sở dĩ ăn uống biết đủ là muốn cho cảm thọ cũ được trừ, cảm thọ mới không sinh.

Vị ấy sau đó lại hành đạo[15] từ sáng sớm, không mất thời tiết, không mất hành ba mươi bảy đạo phẩm. Khi ngồi, hoặc đi, trừ bỏ thùy miên cái. Đầu đêm, hoặc ngồi hoặc nằm, trừ bỏ thùy miên cái. Nửa đêm, nằm nghiêng hông phải chấm đất, hai chân chồng lên nhau, buộc niệm nơi ánh sáng. Cuối đêm vị ấy hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành mà tịnh ý mình.

Sau khi ăn uống biết đủ, kinh hành không mất thời gian, trừ bỏ dục, tưởng bất tịnh, không các ác hành, vào Sơ thiền[16] có giác, có quán, đình chỉ niệm[17], có hỷ và hoan lạc. Vào Nhị thiền[18]. Không có lạc[19]. Hộ và niệm thanh tịnh[20], tự biết thân có lạc, điều mà chư Hiền mong cầu là hộ[21], niệm thanh tịnh mà vào Tam thiền[22]. Khổ lạc kia đã diệt, không

---

14. Xem cht. kinh số 6 phẩm 21 trên.

15. Hành đạo 行道; đây nên hiểu là kinh hành. Xem kinh số 6 phẩm 21 trên, và đoạn tiếp theo dưới.

16. Lưu ý để bản chép nhiều đảo cú so với bình thường, dẫn đến ngắt từ nhầm lẫn, do đó lẫn lộn giữa các thiền. Xem trên, kinh số 1 phẩm 17.

17. Nên đọc là: Tức niệm ỷ hoan lạc 息念猗歡樂; được hiểu là có hỷ và do viễn ly (ly sinh hỷ lạc). Lưu ý ngắt từ trong một số tả bản. Pāli: Vivekaṃ ptisukha.

18. Đoạn này để bản chép sót chi tiết Nhị thiền. Để bổ túc, xem kinh số 1 phẩm 17.

19. Cụm từ này không liên hệ thiền nào cả. Để bản chép nhầm.

20. Hộ niệm thanh tịnh, tức xả và niệm thanh tịnh. Nhưng để bản chép nhầm, vì đây là trạng thái thiền thứ tư.

21. Nên hiểu: Điều mà các Thánh nói (hay mong cầu) là xả. Lưu ý ngắt từ.

22. Nên hiểu: Vị ấy an trúc lạc, có chánh niệm, nhập Tam thiền.

còn ưu[23], không khổ không lạc, hộ và niệm thanh tịnh[24], vào Tứ thiền.

Với tâm Tam-muội[25], thanh tịnh không tỳ vết, cũng đạt được Vô sở úy; lại đạt được Tam-muội, vị ấy tự nhớ lại việc vô số đời. Vị ấy nhớ lại việc quá khứ hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, hàng ngàn vạn đời, thành kiếp bại kiếp, kiếp của thành bại: Ta từng sinh chỗ kia, họ ấy, tên ấy, ăn thức ăn như vậy, hưởng khổ vui như vậy, tuổi thọ dài ngắn, chết ở kia, sinh ở đây; chết ở đây, sinh ở kia, nhân duyên gốc ngọn tất cả đều biết.

Lại với tâm Tam-muội thanh tịnh không tỳ vết, đạt được Vô sở úy, vị ấy quán sự sống chết của các loại chúng sinh. Vị ấy lại dùng Thiên nhãn quán sát các loại chúng sinh, người sinh, người chết, đường lành, đường dữ, sắc lành, sắc dữ, hoặc tốt, hoặc xấu tùy hành nghiệp đã gieo; tất cả đều biết. Hoặc có chúng sinh với thân miệng ý tạo ác, phỉ báng Hiền thánh, tạo gốc nghiệp tà, thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Hoặc lại có chúng sinh với thân miệng ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh, thân hoại mạng chung sinh vào cõi trời, đường lành.

Vị ấy lại dùng Thiên nhãn thanh tịnh quán sát các loài chúng sinh hoặc đẹp, hoặc xấu, đường lành, đường dữ, sắc lành, sắc dữ; tất cả đều biết, được Vô sở úy.

Lại vận dụng tâm lậu tận, sau đó quán sát khổ này, như thật biết rằng đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt và đây là Khổ xuất yếu. Sau khi vị ấy quán sát như vậy rồi, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đã được giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa, phải biết như thật." Lúc ấy, Phạm chí Kê-đầu thành A-la-hán.

Tôn giả Kê-đầu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

---

23. Để bản chép thiếu: Không còn ưu hỷ.

24. Hộ niệm thanh tịnh 護念清淨, tức xả niệm thanh tịnh, trạng thái từ Tứ thiền trở lên.

25. Tức với tâm đã định tĩnh như trên.

Kinh số 6

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế gian có năm sự tối ư không thể được[26]. Sao gọi là năm?

1. Vật phải mất mà muốn cho không mất, đó là không thể được.

2. Pháp diệt tận mà muốn cho không diệt tận, đó là không thể được.

3. Pháp già mà muốn cho không già, đó là không thể được.

4. Pháp bệnh mà muốn cho không bệnh, đó là không thể được.

5. Pháp chết mà muốn cho không chết, đó là không thể được.

Này các Tỳ-kheo, đó là năm việc tối ư không thể được. Dù Như Lai xuất thế hay Như Lai không xuất thế, pháp giới vẫn hằng trụ như vậy, mà những tiếng sinh, già, bệnh, chết, vẫn không có mục nát, không bị diệt mất. Cái gì sinh ra, cái gì chết đi, đều quay về gốc. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự này khó được. Hãy tìm cầu phương tiện tu hành năm căn. Sao gọi là năm? Đó là Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Đó gọi là, Tỳ-kheo, hành năm căn này rồi liền thành Tu-đà-hoàn, Gia gia, Nhất chủng[27], lên nữa thành Tư-đà-hàm, chuyển lên nữa diệt năm kết sử thành A-na-hàm ở trên kia mà nhập Niết-bàn chứ không trở lại đời này nữa, chuyển lên nữa hữu lậu diệt tận thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân tác chứng, tự du hý, biết như thật rằng không còn thọ thai nữa. Hãy tìm cầu phương tiện trừ bỏ năm sự trước, sau đó tu năm căn.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

---

26. Tham chiếu Pāli. A V 48 Alabbhanīyaṭhānasutta (R. iii. 54): Pañcimāni alabbhanīyāni ṭhānāni, năm sự kiện không thể đạt được. Xem kinh số 7 phẩm 32.

27. Các quả vị Thánh thuộc Tu-đà-hoàn, xem kinh số 7 phẩm 28 trên.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có năm hạng người không thể chữa trị. Sao gọi là năm?

1. Người dua nịnh không thể chữa trị.

2. Người gian tà không thể chữa trị.

3. Người ác khẩu không thể chữa trị.

4. Người ganh ghét không thể chữa trị.

5. Người không báo đáp không thể chữa trị.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm hạng người này không thể chữa trị.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người gian tà, ác khẩu
Ganh ghét, không báo đáp
Người này không thể chữa
Bị người trí bỏ rơi.

Cho nên, các Tỳ-kheo, thường xuyên hãy học ý chánh, trừ bỏ ganh ghét, tu tập oai nghi, nói năng như pháp, phải biết báo đáp, biết ân nuôi dưỡng kia, ân nhỏ còn không quên huống gì ân lớn. Chớ ôm lòng tham lam bỏn sẻn, cũng không tự khen mình, cũng không khinh chê người.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Xưa kia, Thích Đề-hoàn Nhân bảo trời Tam thập tam rằng: "Khi các vị đánh nhau với A-tu-luân, nếu A-tu-luân thua, chư Thiên thắng, các vị hãy bắt A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la[28] trói năm chỗ rồi dẫn đến đây." Lúc ấy, A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la lại bảo với các A-tu-luân rằng: "Hôm nay các khanh đánh nhau với chư Thiên, nếu thắng, hãy

[28] *Tỳ-ma-chất-đa-la 毘摩質多羅。Pāli: Vepacitti (Skt. Vemacitra, Mahāvyutpatti 172, 3393)*

bắt Thích Đề-hoàn Nhân trói lại đưa đến đây."

Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy, hai bên đánh nhau, chư Thiên thắng, A-tu-luân thua. Bấy giờ, trời Tam thập tam bắt trói vua A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la đem đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, đặt ở ngoài trung môn. Khi xem xét mình bị trói năm chỗ, vua A-tu-luân tự nghĩ: "Pháp chư Thiên là chánh[29]. Hành vi của A-tu-luân là phi pháp. Nay ta không thích A-tu-luân, mà sẽ ở tại cung chư Thiên này." Khi ấy, do suy nghĩ rằng: "Pháp chư Thiên là chánh. Hành vi của A-tu-luân là phi pháp. Ta muốn ở chốn này." Vừa nghĩ như vậy, tức thì vua A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la liền cảm thấy thân không còn bị trói, ngũ dục tự vui thích. Nếu vua A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ như vầy, rằng: "Chư Thiên là phi pháp, pháp A-tu-luân là chánh. Ta không cần trời Tam thập tam này. Ta muốn trở về cung A-tu-luân." Tức thì, thân vua A-tu-luân bị trói năm chỗ, ngũ dục vui thích tự nhiên biến mất.

Tỳ-kheo nên biết, không có sự trói buộc nào chặt hơn đây. Nhưng đối với đây, sự trói buộc của ma còn chặt hơn. Nếu khởi kết sử, là bị ma trói buộc. Dao động, bị ma trói buộc. Bất động, không bị ma trói buộc. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện khiến tâm không bị trói buộc, nên thích nơi nhàn tĩnh. Vì sao? Vì các kết sử này là cảnh giới của ma. Nếu có Tỳ-kheo nào ở cảnh giới ma thì quyết không thể thoát sinh, già, bệnh, chết, không thoát sầu ưu khổ não. Nay Ta nói về sự dứt khổ này. Nếu Tỳ-kheo tâm không dao động, không dính kết sử, liền thoát sinh, già, bệnh, chết, sầu lo, khổ não. Nay Ta nói về sự dứt khổ này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này: "Không có kết sử, vượt ra khỏi cõi ma."

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên, rồi bạch Thế Tôn:

---

[29] *Để bản: Chỉnh 整 ◦ TNM: Chánh.*

–Phàm nói là tận thì những pháp gì gọi là tận?

Thế Tôn bảo:

–A-nan, sắc do nhân duyên vô vi mà có tên này. Vô dục, vô vi, gọi là pháp diệt tận. Pháp ấy bị diệt tận, được gọi là diệt tận. Thọ, tưởng, hành, thức, vô vi, vô tác, đều là pháp diệt tận, vô dục, vô nhiễm ô. Pháp ấy bị diệt tận nên gọi là diệt tận.

A-nan nên biết, năm thạnh ấm vô dục, vô tác, là pháp diệt tận. Pháp ấy bị diệt tận nên gọi là diệt tận. Năm thạnh ấm này vĩnh viễn đã diệt tận, không sinh trở lại nữa nên gọi là diệt tận.

Các Tỳ-kheo sau khi A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Phạm chí Sinh Lậu đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Phạm chí Sinh Lậu bạch Đức Thế Tôn:

–Thế nào, Cù-đàm, có nhân duyên gì, có hành vi nào đời trước khiến cho loài người này có tận, có diệt, có giảm thiểu? Xưa là thành quách, hôm nay đã hoại vong. Xưa có người dân, hôm nay bãi hoang?

Thế Tôn bảo:

–Phạm chí nên biết, do những hành động của nhân dân này phi pháp nên khiến xưa có thành quách hôm nay bị ma diệt, xưa có người dân hôm nay bãi hoang, đều do dân sống xan tham trói buộc, quen hành ái dục đưa đến, khiến cho mưa gió không đúng thời, gieo trồng hạt mầm không phát triển. Lúc đó nhân dân chết đầy đường. Phạm chí nên biết, do nhân duyên này nên đất nước bị hủy hoại, nhân dân không đông đúc.

Lại nữa, Phạm chí, việc làm của nhân dân là phi pháp gây nên sấm, sét, chớp giật tự nhiên; trời giáng mưa đá phá hoại mùa màng. Bấy giờ, người dân chết khó kể xiết.

Lại nữa, Phạm chí, những việc làm của người dân phi pháp, đấu tranh lẫn nhau, hoặc dùng nắm tay đấm nhau, hoặc gạch đá ném nhau, mọi người tự tán mạng mình.

Lại nữa, Phạm chí, người dân ấy đã đánh nhau nên chỗ ở mình không yên, quốc chủ không an ninh. Họ khởi binh chúng công phạt lẫn

nhau, dẫn đến nhiều người chết khó tả. hoặc có người bị đao, hoặc có người bị tên bắn chết. Như vậy, này Phạm chí, do những nhân duyên này, khiến dân giảm bớt, không đông đúc lại được.

Lại nữa, Phạm chí, vì những việc làm của người dân là phi pháp, nên khiến thần kì không giúp cho được thuận tiện, hoặc gặp khốn ách tật bệnh nằm liệt giường, người trừ khỏi thì ít, người dịch chết thì nhiều. Này Phạm chí, đó gọi là vì nhân duyên này khiến dân giảm thiểu, không còn đông đảo nữa.

Bấy giờ, Phạm chí Sinh Lậu bạch Thế Tôn:

–Những gì Cù-đàm nói thật là hay thay, khi nói về ý nghĩa giảm thiểu của người xưa này. Đúng như lời Như Lai dạy, xưa có thành quách, hôm nay đã ma diệt, xưa có nhân dân, nay là bãi hoang. Vì sao? Vì có phi pháp, liền sinh tham lam, ganh ghét. Vì sinh tham lam, ganh ghét nên sinh nghiệp tà. Vì nghiệp tà nên trời mưa không đúng thời, ngũ cốc không chín, nhân dân không mạnh, cho nên khiến phi pháp lưu hành, trời giáng tai biến bại hoại mầm sinh. Vì họ hành phi pháp, ham đắm tham lam, ganh ghét. Bấy giờ, quốc chủ không an ninh, họ dấy binh chúng công phạt lẫn nhau, người chết không thể kể, nên khiến đất nước hoang tàn, nhân dân ly tán.

Những gì Thế Tôn nói hôm nay thật là hay thay! Do phi pháp nên đưa đến tai họa này. Giả sử bị người khác bắt và bị giết chết. Đó là do phi pháp nên sinh tâm trộm cắp. Đã sinh trộm cắp, sau đó bị vua giết. Vì sinh tà nghiệp nên bị phi nhân chi phối. Vì nhân duyên này nên mạng chung, nhân dân giảm thiểu, nên khiến không có thành quách để cư trú.

Thưa Cù-đàm, những gì Ngài nói hôm nay là quá nhiều. Giống như người gù được thẳng, người mù được đôi mắt, trong tối được sáng, người không có mắt làm cho có đôi mắt. Nay, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện để thuyết pháp. Nay tôi lại xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng, xin cho phép làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không dám sát sinh nữa. Nếu Sa-môn Cù-đàm thấy con cỡi voi, cỡi ngựa thì đó con do sự cung kính. Vì sao? Vì con được các vị vua như Ba-tư-nặc, vua Tần-tỳ-sa-la, vua Ưu-điền, vua Ác Sinh, vua Ưu-đà-diên ban cho phước thọ phạm[30]. Con sợ mất cái đức này. Nếu lúc con bày vai phải, cúi xin Thế Tôn nhận con lễ bái. Nếu lúc con đi bộ mà thấy Cù-đàm đến, con sẽ cởi bỏ giày, cúi xin Thế Tôn nhận con lễ bái.

Bấy giờ, Thế Tôn gật đầu chấp nhận. Lúc này, Phạm chí Sinh Lậu

---

[30]. Thọ phạm chi phước 受梵之福; dịch nghĩa đen, từ gần Pāli: Brahmadeyya: tặng phẩm của Phạm thiên, chỉ ân tứ hay phong ấp mà vua chúa ban cho.

vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế được, đến trước bạch với Phật:

–Nay con lại xin tự quy y Sa-môn Cù-đàm, cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Ưu-bà-tắc.

Bấy giờ, Thế Tôn liền vì ông nói pháp, khiến phát tâm hoan hỷ. Phạm chí sau khi nghe pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Phạm chí Sinh Lậu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 27

Phẩm 35: TÀ TỤ

Kinh số 1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có người ở trong tụ tà kiến, người ấy có hình dáng như thế nào? Mặt mũi như thế nào?

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Như Lai là vua các pháp, là chí tôn các pháp. Lành thay, Thế Tôn, hãy vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa này. Chúng con sau khi nghe xong sẽ phụng hành.

Thế Tôn bảo:

–Các ông hãy suy nghĩ kỹ. Ta sẽ vì các ông phân biệt nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

–Người ở trong nhóm tà cần được nhận biết bằng năm sự. Do thấy năm sự mà biết người này sống trong nhóm tà. Sao gọi là năm? Nên cười mà không cười, lúc nên hoan hỷ mà không hoan hỷ, nên khởi lòng từ mà không khởi lòng từ, làm ác mà không hổ, nghe lời thiện của người mà không để ý. Nên biết người này ắt ở trong nhóm tà. Nếu chúng sinh nào ở trong nhóm tà, người ấy cần được nhận biết bằng năm sự này.

Lại nữa, nếu chúng sinh nào ở trong nhóm chánh, người ấy có tướng mạo như thế nào? Có nhân duyên gì?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Như Lai là vua các pháp, là chí tôn các pháp. Cúi xin Thế Tôn hãy vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa này. Chúng con sau khi nghe xong sẽ

phụng hành.

Thế Tôn bảo:

–Các ông hãy suy nghĩ cho kỹ. Ta sẽ vì các ông phân biệt nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

–Người ở trong nhóm chánh cần được nhận biết bằng năm sự. Do thấy năm sự mà biết người này đang ở trong nhóm chánh. Sao gọi là năm? Nên cười thì cười, nên hoan hỷ thì hoan hỷ, nên khởi lòng từ thì khởi lòng Từ, đáng hổ thì hổ, nghe lời thiện liền chú ý. Nên biết người này đã ở trong nhóm chánh. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy nên bỏ nhóm tà, ở trong nhóm chánh.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Như Lai xuất hiện ở đời tất sẽ vì năm việc. Sao gọi là năm? Một sẽ chuyển pháp luân, hai sẽ độ cha mẹ, ba người không tin kiến lập lòng tin, bốn chưa phát ý Bồ-tát khiến phát tâm Bồ-tát, năm sẽ thọ ký cho Phật tương lai. Nếu Như Lai xuất hiện ở đời thì sẽ làm năm việc này. Cho nên, các Tỳ-kheo phải khởi tâm Từ đối với Như Lai.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có năm sự vật mà huệ thí không được phước kia. Sao gọi là năm? Một lấy đao thí cho người, hai lấy độc thí cho người, ba đem bò hoang thí cho người, bốn dâm nữ thí cho người, năm tạo miếu thờ thần. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự bố thí này không có phước.

Các Tỳ-kheo nên biết! lại có năm sự vật mà huệ thí được phước lớn. Sao gọi là năm? Một tạo lập công viên, hai trồng rừng cây, ba bắc cầu đò, bốn tạo làm thuyền lớn, tạo lập dựng nhà cửa, nơi ở cho quá khứ và tương lai. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự vật khiến được phước đức kia.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Vườn cảnh cho mát mẻ
Và xây dựng cầu đò
Giúp người vượt qua sông
Còn xây phòng ốc tốt:
Người kia trong đêm ngày
Sẽ thường hưởng phước ấy
Giới, định đã thành tựu
Người này ắt sinh Thiên.

Cho nên, các Tỳ-kheo hãy niệm tu hành năm sự huệ thí này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Người nữ có năm sức mạnh xem thường chồng. Sao gọi là năm?

1. Sắc mạnh của sắc đẹp.
2. Sức mạnh của dòng họ.
3. Sức mạnh của ruộng vườn.
4. Sức mạnh của con cái.
5. Sức mạnh của tiết hạnh.

Đó là năm sức mạnh của người nữ.

Tỳ-kheo nên biết, người nữ dựa vào năm sức mạnh này mà xem thường chồng. Nếu chồng lại có một sức mạnh thì sẽ phủ lấp hết người nữ kia. Một sức mạnh ấy là gì? Đó là sức mạnh của giàu sang. Phàm là người giàu sang thì sức mạnh của sắc không sánh bằng; dòng họ, ruộng vườn, con cái, tiết hạnh cũng không bằng. Do một sức lực mà thắng ngần ấy sức mạnh.

Nay tệ ma Ba-tuần cũng có năm sức mạnh. Sao gọi là năm? Đó là:

1. Sức mạnh sắc.
2. Sức mạnh thanh.
3. Sức mạnh hương.
4. Sức mạnh vị.
5. Sức mạnh xúc[1].

Phàm người ngu si đắm các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc nên không thể vượt qua cảnh giới ma Ba-tuần. Nếu Thánh đệ tử nào thành tựu một sức mạnh thì có thể thắng ngần ấy sức mạnh. Một sức mạnh ấy là gì? Đó là sức mạnh không phóng dật. Nếu Hiền thánh đệ tử thành tựu không phóng dật, không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc câu thúc. Do không bị năm dục trói buộc nên có khả năng phân biệt pháp sinh, già, bệnh, chết, thắng được năm sức mạnh của ma, không rơi vào cảnh giới ma, vượt khỏi các nạn sợ hãi, đến chỗ vô vi.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Giới, đường đến cam lồ
Phóng dật, dẫn lối chết
Không tham thì không chết
Mất đường là tự mất.[2]

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nên nhớ tu hành không phóng dật.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

[1] *Nguyên Hán: Tế hoạt.*

[2] *So sánh Pāli, Dhp. 21. Appamādo amatapadaṃ pamādo maccuno padaṃ; appamattā na mīyanti, ye pamattā yathā matā., "Không buông lung, con đường dẫn đến bất tử. Buông lung, con đường dẫn đến chỗ chết. Không buông lung, không bị chết. Người buông lung như người đã chết.*

-oOo-

Kinh số 5

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Người nữ có năm tưởng dục. Sao gọi là năm?

1. Sinh trong nhà hào quý.

2. Được gả vào nhà giàu sang.

3. Chồng của ta làm theo lời.

4. Có nhiều con cái.

5. Độc quyền trong nhà do mình.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là người nữ có năm sự đáng tưởng muốn này.

Cũng vậy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo của ta cũng có năm sự đáng tưởng muốn. Sao gọi là năm? Đó là cấm giới, đa văn, thành tựu Tam-muội, trí tuệ, trí tuệ giải thoát. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự này là pháp đáng muốn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nó kệ này:

Nguyện sinh dòng hào tộc
Cũng gặp nhà giàu sang
Có thể sai khiến chồng
Chẳng phước không khắc được.
Khiến ta nhiều con cái
Hương hoa tự trang sức
Tuy có tưởng niệm này
Chẳng phước không khắc được.
Tín giới mà thành tựu
Tam-muội không lay động
Trí tuệ cũng thành tựu
Biếng nhác, không đạt được.
Muốn chứng đắc đạo quả
Không dạo vực sinh tử
Mong muốn đến Niết-bàn
Biếng nhác, không đạt được.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành nơi

pháp thiện, trừ bỏ pháp bất thiện, dần dần tiến về trước, không có thoái ý nữa chứng.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 6

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có năm trường hợp không nên lễ người. Sao gọi là năm?

1. Người ở trong tháp, không nên lễ.

2. Người ở trong đại chúng, không nên lễ.

3. Người ở giữa đường, không nên lễ.

4. Người đang ốm đau nằm trên giường, không nên lễ.

5. Người đang ăn, không nên lễ.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm trường hợp này không lễ người.

Lại có năm trường hợp biết đúng thời nên lễ. Sao gọi là năm? Đó là không ở trong tháp, không ở trong đại chúng, không ở giữa đường, không đau bệnh, lại chẳng phải đang ăn uống, đây nên hướng về lễ.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện đúng thời mà hành.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 7

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở tại Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyệt.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ưu-đầu-bàn[3]:

---

[3] *Ưu-đầu-bàn 優頭槃。Có thể đồng nhất với Pāli: Upavāṇa, có thời làm thị giả Phật.*

–Nay ông hãy vào thành La-duyệt xin cho Ta một ít nước nóng. Vì sao? Vì như Ta hôm nay đang trúng gió[4] đau cột sống.

Ưu-đầu-bàn bạch Phật:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Lúc ấy, Ưu-đầu-bàn vâng lời Phật dạy, đến giờ khất thực, đắp y, mang bát, vào thành La-duyệt xin nước nóng. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đầu-bàn nghĩ như vầy: "Thế Tôn có nhân duyên gì sai ta xin nước nóng? Như Lai đã dứt sạch các kết sử, tập hợp các điều lành, vậy mà Như Lai lại nói rằng: Nay Ta bị trúng gió. Hơn nữa, Thế Tôn lại không cho biết danh tánh nên đến nhà ai."

Rồi Tôn giả Ưu-đầu-bàn dùng Thiên nhãn quán sát các người nam ở thành La-duyệt, thấy tất cả đều đáng được độ. Lúc ấy, thấy trong thành La-duyệt có trưởng giả Tỳ-xá-la[5] trước đây không trồng căn lành, không có giới, không có tín, tà kiến đối với Phật, Pháp, Tăng và biên kiến cùng tương ưng. Ông thấy như vầy: "Không có bố thí, không có cho, không có người nhận, lại cũng không có quả báo thiện ác; không có đời này, không đời sau, không có cha, không có mẹ; đời không có Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu, ở đời này, đời sau, tự thân tác chứng, mà tự du hóa." Tuổi thọ rất ngắn; sau năm ngày nữa ông sẽ chết. Ông lại đang thờ Ngũ đạo đại thần.

Lúc ấy, Ưu-đầu-bàn liền tự nghĩ: "Chắc là Như Lai muốn độ trưởng giả này. Vì sao? Vì trưởng giả này sau khi qua đời sẽ sinh vào trong địa ngục Đề khốc[6]." Lúc ấy, Ưu-đầu-bàn liền mỉm cười. Ngũ đạo đại thần từ xa nhìn thấy Tôn giả mỉm cười, liền ẩn hình mình, hóa ra hình người, đi đến chỗ Ưu-đầu-bàn để Ngài sai khiến. Lúc ấy, Tôn giả Ưu-đầu-bàn liền dẫn sứ giả này đến đứng ngoài cửa nhà trưởng giả, đứng im lặng không nói gì cả.

Lúc ấy, trưởng giả từ xa nhìn thấy có đạo nhân đứng ở ngoài cửa, lập tức nói kệ này:

Nay người đứng im lặng

Truyện xin nước nóng được kể trong Thag A. (R.ii. 56).

4. Tích hoạn phong thống 脊患風痛。Pāli: Vātabādhiko, bệnh bởi gió, được giải thích là: Vātakkhobhanimittaṃ ābādhiko jāto, bệnh phát sinh do triệu chứng rối loạn của gió. Không rõ bệnh gì. (Thag A. R. ii. 57).

5. Tỳ-xá-la 毘舍羅。Pāli, Vedeha. Thag A. R.ii., Upavāṇa đến xin nước nóng nơi nhà Devahita, trong thành Xá-vệ.

6. Đề khốc địa ngục 啼哭地獄。Trường 19, kinh Thế Ký: Địa ngục Khiếu hoán 叫喚. Pāli: Jālaroruva (Skt. Raurava).

Cạo đầu đắp ca-sa
Vì muốn xin những gì
Do nhân gì đến đây?

Ưu-đầu-bàn liền nói kệ này đáp:

Như Lai, Bậc Vô Trước
Hôm nay sinh bệnh phong
Nếu ngài có nước nóng
Như Lai muốn tắm rửa.[7]

Khi ấy, trưởng giả im lặng không đáp. Lúc này, Ngũ đạo đại thần bảo với Tỳ-xá-la:

–Trưởng giả nên đem nước sôi cúng dường, tất sẽ được phước vô lượng, sẽ được báo cam lộ.

Trưởng giả đáp:

–Ta tự có Ngũ đạo đại thần, cần gì đến Sa-môn này? Ông thêm được việc gì?

Lúc ấy, Ngũ đạo đại thần liền nói kệ này:

Như Lai đang ở đời
Thiên đế cũng xuống hầu
Còn ai vượt lên trên
Ai có thể ngang hàng?
Thần Ngũ đạo làm gì
Không giúp được gì cả
Nên cúng dường Thế Tôn
Để được quả báo lớn.

Lúc ấy, Ngũ đạo đại thần lại nói lần nữa trưởng giả:

–Ông hãy khéo tự thủ hộ các hành vi của thân, miệng, ý hành. Ông không biết oai lực của Ngũ đạo đại thần sao?

Lúc ấy, Ngũ đạo đại thần liền hóa ra hình quỷ thần lớn, tay phải cầm kiếm, nói với trưởng giả:

–Nay ta chính là Ngũ đạo đại thần. Hãy chóng cho Sa-môn này nước nóng. Chớ có chần chờ.

Lúc ấy, trưởng giả nghĩ thầm: "Thật là kỳ lạ! Ngũ đạo đại thần còn cúng dường Sa-môn này." Lập tức ông đem nước nóng thơm trao cho đạo nhân. Lại lấy mật mía trao cho Sa-môn.

Lúc ấy, Ngũ đạo đại thần tự tay cầm nước nóng thơm này, cùng

---

[7] *Bài kệ Pāli tương đương, Thag A. R.ii. 57.*

Ưu-đầu-bàn đến chỗ Thế Tôn rồi dâng nước nóng thơm này lên Như Lai. Bấy giờ, Như Lai dùng nước nóng thơm này tắm gội thân thể, bệnh phong lập tức thuyên giảm không còn tăng thêm nữa.

Lúc đó, trưởng giả, sau năm ngày qua đời, sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương. Khi Tôn giả Ưu-đầu-bàn nghe trưởng giả qua đời, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Ưu-đầu-bàn bạch Như Lai:

–Trưởng giả này chết sinh về chốn nào?

Thế Tôn bảo:

–Trưởng giả này chết sinh lên trời Tứ Thiên vương.

Ưu-đầu-bàn bạch Phật:

–Trưởng giả này, mạng chung ở đó, sẽ sinh về đâu?

Thế Tôn đáp:

–Ở đó mạng chung, sẽ sinh cõi trời Tứ Thiên vương, trời Tam thập tam, cho đến trời Tha hóa tự tại. Ở đó mạng chung, lại sinh vào cõi trời Tứ Thiên vương. Trưởng giả này thân trong sáu mươi kiếp, không đọa vào đường ác, cuối cùng được làm người, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia học đạo, thành Bích-chi-phật. Vì sao? Vì nhờ đức cúng dường nước nóng thơm mà phước kia mới như vậy. Cho nên, Ưu-đầu-bàn, hãy thường niệm việc tắm chúng Tăng, nghe thuyết đạo giáo.

Ưu-đầu-bàn, hãy học điều như vậy.

Tôn giả Ưu-đầu-bàn sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo không thích tu phạm hạnh, muốn xả giới cấm, trở về làm bạch y. Khi ấy, Tỳ-kheo kia đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

–Nay con không thích tu hành trong phạm hạnh này. Con muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y.

Thế Tôn bảo:

–Nay vì sao ông không thích tu phạm hạnh, muốn xả giới cấm,

trở lại làm bạch y?

Tỳ-kheo đáp:

–Nay tâm ý con hừng hực, trong thân bừng lửa. Nếu khi con thấy người nữ xinh đẹp vô song, bấy giờ con nghĩ thầm: "Mong sao người nữ này cùng ta giao hội nhau." Rồi con lại nghĩ: "Đây chẳng phải chánh pháp. Nếu ta theo tâm này thì chẳng phải chánh lý." Bấy giờ, con lại tự nghĩ: "Đây là lợi ác, chẳng phải là lợi thiện. Đây là pháp ác chẳng phải là pháp thiện." Nay con muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y, giới cấm của Sa-môn thật sự không thể phạm. Ở trong thế tục, con có thể bố thí vật thực[8].

Thế Tôn bảo:

–Phàm người nữ có năm điều bất thiện. Sao gọi là năm? Một là bất thiện bởi ô uế, hai là nói hai lưỡi, ba là ganh ghét, bốn là sân nhuế, năm là không biết báo đáp.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Buồn vui vì của cải
Ngoài thiện trong lòng ác
Phá nẻo thiện của người
Chim ưng bỏ đầm nhơ.

Cho nên, Tỳ-kheo hãy từ bỏ tưởng tịnh, tư duy quán bất tịnh[9]. Sau khi tư duy quán bất tịnh rồi, Tỳ-kheo sẽ đoạn tận dục ái, sắc ái và vô sắc ái; đoạn tận vô minh, kiêu mạn. Nay, Tỳ-kheo, dục của ông từ đâu sinh? Từ tóc sinh? Nhưng tóc hiện nhơ không sạch, đều do huyễn hóa, lừa gạt người đời, móng tay, răng... thuộc về thân thể đều là không sạch. Cái gì là chân, cái nào là thật? Từ đầu đến chân, thảy đều như vậy. Những vật hữu hình như gan, mật, năm tạng, không một vật đáng ham. Cái gì là chân? Nay, Tỳ-kheo, dục của ngươi từ đâu sinh? Nay ngươi khéo tu phạm hạnh, chánh pháp của Như Lai, tất sẽ hết khổ. Mạng người rất ngắn, không lâu ở đời. Tuy có rất thọ, không qua trăm tuổi.

Tỳ-kheo nên biết, Như Lai xuất thế, rất là khó. Được gặp, nghe pháp cũng khó. Thọ nhận thân hình tứ đại cũng lại việc khó được. Các căn đầy đủ cũng lại khó được. Được sinh vào chốn trung ương, cũng lại khó gặp. Gặp gỡ Thiện tri thức, cũng lại khó được. Nghe pháp cũng khó, phân biệt nghĩa lý cũng lại khó được. Thành tựu các pháp, việc

---

8. Nguyên Hán: Phân-đàn bố thí 分檀布施。(Pāli: Piṇḍa-dāyaka). Xem cht. kinh số 2 phẩm 29 trên.

9. Bản Hán: Trừ tưởng bất tịnh, quán tịnh.

này cũng khó. Nay, Tỳ-kheo, ông nếu thân cận Thiện tri thức, thì có thể phân biệt các pháp, cũng có thể giảng rộng nghĩa này cho người khác. Nếu đã nghe pháp thì có thể phân biệt. Đã phân biệt pháp rồi thì có thể giảng nói nghĩa của nó. Không có tưởng dục, tưởng sân nhuế, tưởng ngu si; đã lìa ba độc nên thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết. Nay ta đã nói sơ nghĩa ấy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nhận lãnh lời dạy từ Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi lui ra.

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia ở nơi vắng vẻ, tư duy về pháp này, sở dĩ mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, là muốn tu Phạm hạnh vô thượng, cho nên, như thật biết rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa." Biết như thật. Lúc ấy, Tỳ-kheo kia thành A-la-hán.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt, cùng với đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, A-nan và Đa-kỳ-xa[10], đúng giờ, đắp y, cầm bát, vào thành khất thực. Lúc ấy, Đa-kỳ-xa ở trong một ngõ hẻm, thấy một người nữ hết sức xinh đẹp hiếm có kỳ đặc ở đời. Thấy rồi, tâm ý tán loạn, không còn bình thường[11].

Lúc ấy, Đa-kỳ-xa liền dùng kệ này nói cho A-nan:

Bị lửa dục thiêu đốt
Tâm ý thật cháy bừng
Xin nói nghĩa diệt nó
Để được nhiều lợi ích.

Lúc ấy, A-nan liền nói kệ này đáp:

Biết dục, pháp điên đảo
Tâm ý thật cháy bừng
Hãy trừ niệm hình tướng

---

10. Xem kinh số 5 phẩm 32.

11. Cf. S. 8. 1 (R.i. 185). Tạp 45, kinh 1215.

Ý dục liền tự dừng.

Lúc ấy, Đa-kỳ-xa lại nói kệ đáp:

Tâm là gốc của thân
Mắt là nguồn thấy đẹp
Nằm ngủ thấy đỡ nâng
Thân như cỏ rối úa.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền tiến đến, dùng tay phải xoa đầu Đa-kỳ-xa mà nói kệ này:

Niệm Phật, không tham dục
Nan-đà vượt dục kia
Thấy trời, hiện địa ngục.[12]
Ngăn ý, lìa năm đường.

Đa-kỳ-xa sau khi nghe Tôn giả A-nan nói, liền tự nói:

–Thôi, thôi, A-nan! Hãy cùng khất thực xong trở về chỗ Thế Tôn.

Khi ấy, người nữ kia từ xa trông thấy Đa-kỳ-xa, cô liền cười. Đa-kỳ-xa khi từ xa thấy người nữ cười, liền phát sinh niệm tưởng này: "Cô nay, với hình thể được dựng đứng bởi xương, được quấn chặt bởi da, cũng như cái bình vẽ, bên trong đựng đồ bất tịnh, lừa dối người đời, khiến sinh loạn tưởng."

Bấy giờ, Tôn giả Đa-kỳ-xa quán sát người nữ kia từ đầu đến chân, trong thân thể này không cái gì đáng ham, ba mươi sáu vật thảy đều bất tịnh. Nay những vật này là từ đâu sinh? Rồi Tôn giả Đa-kỳ-xa lại nghĩ: "Nay ta quán sát thân khác, không bằng tự quán sát trong thân mình. Dục này từ đâu sinh? Từ đất sinh chăng? Từ nước, lửa, gió sinh chăng? Nếu từ đất sinh; đất cứng chắc, không thể bị hư hoại. Nếu từ nước sinh, nước rất mềm, không thể bắt giữ. Nếu từ lửa sinh; lửa[13] cũng không thể bị nắm bắt. Nếu từ gió sinh; gió không có hình, không thể nắm bắt." Tôn giả lại nghĩ: "Tham dục này chỉ có từ tư tưởng sinh."

Rồi Tôn giả nói kệ này:

Dục, ta biết gốc ngươi
Ngươi từ tư tưởng sinh
Nếu ta không tưởng ngươi
Ngươi sẽ không hiện hữu.

Khi Tôn giả Đa-kỳ-xa nói bài kệ này, như tư duy về tưởng bất tịnh, ngay tại chỗ, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu.

---

12. Xem kinh số 7 phẩm 18.

13. Chú thích trong để bản: Đây có thể còn thiếu hai chữ, nhưng chưa rõ.

Lúc ấy, A-nan và Đa-kỳ-xa ra khỏi thành La-duyệt, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, Đa-kỳ-xa bạch Thế Tôn:

–Nay con đã được lợi thiện, vì có chỗ giác ngộ.

Thế Tôn hỏi:

–Nay ông tự giác thế nào?

Đa-kỳ-xa bạch Phật:

–Sắc không bền vững, cũng không chắc chắn, không thể trông thấy, huyễn ngụy, không thật; thọ[14] không bền vững, cũng không lõi chắc, cũng như đám bọt trên mặt nước, huyễn ngụy, không thật. Tưởng không bền vững, cũng không lõi chắc, huyễn ngụy, không thật, cũng như quáng nắng. Hành không bền vững, cũng không lõi chắc, giống như thân cây chuối, không có thật. Thức không bền vững, cũng không lõi chắc, huyễn ngụy, không thật.

Tôn giả lại bạch Phật thêm:

–Năm thạnh ấm này không bền vững, cũng không lõi chắc, huyễn ngụy không thật.

Bấy giờ Tôn giả Đa-kỳ-xa liền nói kệ này:

Sắc như chùm bọt nổi
Thọ như bong bóng nước
Tưởng giống như quáng nắng
Hành như thân cây chuối;
Thức là pháp huyễn hóa
Đấng Tối Thắng đã nói
Tư duy điều này xong
Quán sát hết các hành,
Thảy trống không, vắng lặng
Không có gì chân chánh
Đều là do thân này
Đức Thiện Thệ đã dạy,
Cần phải diệt ba pháp
Thấy sắc là bất tịnh
Thân này là như vậy
Huyễn ngụy không chân thật,
Đó là pháp hư hại

---

14. Nguyên bản: Thống.

Năm ấm không bền chắc
Đã biết là không thật
Trở về đạo tối thượng.

Như vậy, Thế Tôn, đó là những gì mà con đã tỏ ngộ.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, Đa-kỳ-xa! Khéo hay quán sát gốc năm thạnh ấm này. Nay ông nên biết, phàm là hành giả thì phải quán sát gốc năm ấm này đều không chắc thật. Vì sao? Khi Ta đang quán sát năm thạnh ấm này ở dưới bóng cây Bồ-đề mà thành Vô thượng Đẳng chánh giác, cũng như những gì hôm nay ông quán.

Khi Thế Tôn nói bài pháp này, sáu mươi Tỳ-kheo ngay trên chỗ ngồi mà được lậu tận, tam giải thoát.

Tôn giả Đa-kỳ-xa sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tăng-ca-ma[15], con một trưởng giả, đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi con trưởng giả bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn cho phép con được hành đạo.

Bấy giờ, con trưởng giả liền được hành đạo, ở nơi vắng vẻ, nỗ lực tu hành thành tựu quả pháp. Sở dĩ thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, là như thật biết rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau." Bấy giờ, Tăng-ca-ma thành A-la-hán.

Khi Tôn giả ở nơi nhàn tịnh, suy nghĩ như vầy: "Như Lai xuất hiện ở đời, rất là khó gặp. Đa-tát-a-kiệt thật lâu mới xuất hiện, cũng như hoa ưu đàm thật lâu mới xuất hiện. Ở đây cũng vậy, Như Lai xuất hiện ở đời, thật lâu mới có. Tất cả hành diệt, cũng khó gặp. Xuất yếu cũng khó. Ái tận, vô dục, Niết-bàn, điều này mới là vi diệu[16]."

Bấy giờ, mẹ vợ Tăng-ca-ma nghe con rể mình làm đạo nhân,

---

15. Tăng-ca-ma 僧迦摩。Có thể đồng nhất với Saṅgāmaji, Udāna 8.

16. Để bản: Vi yếu 為要。TNM: Vi diệu.

không còn đắm dục, bỏ phiền lụy gia đình, lại bỏ con gái bà như vất bỏ đám nước dãi. Lúc ấy, người mẹ này đến chỗ con gái, nói với cô:

–Có thật chồng con hành đạo sao?

Con gái bà đáp:

–Con cũng không rõ là có hành đạo hay không.

Người mẹ bảo:

–Nay con hãy tự trang điểm, mặc quần áo đẹp, ẵm con trai, con gái này, con đến chỗ Tăng-ca-ma.

Khi Tôn giả Tăng-ca-ma đang ngồi kiết già dưới bóng một gốc cây, vợ và mẹ vợ, hai người đến đứng im trước mặt.

Trong lúc đó, người mẹ và cô con gái quan sát Tăng-ca-ma từ đầu đến chân, rồi nói với Tăng-ca-ma:

–Vì sao hôm nay anh không nói chuyện với con gái tôi? Đây con cái này do anh sinh. Nay anh làm một việc thật là phi lý, mà là người không ai chấp nhận.

Lúc ấy, Tôn giả Tăng-ca-ma liền nói kệ này:

Đây không gì tốt hơn
Đây không gì đẹp hơn
Đây không gì đúng hơn
Thiện niệm không hơn đây.

Khi ấy, mẹ vợ bảo Tăng-ca-ma:

–Nay con gái tôi có tội gì? Có điều gì phi pháp? Tại sao nay bỏ nó xuất gia học đạo?

Lúc ấy, Tăng-ca-ma nói kệ này:

Ô uế, bất tịnh hạnh
Sân hận, thích vọng ngữ
Tâm ganh ghét, bất chánh
Như Lai đã nói vậy.

Lúc ấy, người mẹ nói với Tăng-ca-ma:

–Chẳng phải một mình con gái ta có chuyện này, mà hết thảy người nữ đều như vậy. Nhân dân trong thành Xá-vệ, ai thấy con gái ta thảy đều trở nên loạn tâm ý, muốn cùng giao hội, như khát muốn uống, nhìn không biết chán, thảy đều khởi tưởng đắm đuối. Vì sao nay anh lại bỏ nó học đạo, rồi lại còn chê bai? Nếu ngày hôm nay anh không cần con gái tôi thì thôi, nhưng những đứa con này do anh đã sinh ra nay trả lại anh. Hãy tự mà lo lấy.

Lúc ấy, Tăng-ca-ma lại nói kệ này:

Tôi không con trai, gái
Ruộng vườn và của báu
Cũng không có nô tỳ
Quyến thuộc và tùy tùng.
Một mình, không bè bạn
Thích ở nơi vắng vẻ
Thực hành pháp Sa-môn
Cầu Phật đạo chân chánh.
Ai có con trai, gái
Là sở hành người ngu
Ta, thân thường vô ngã
Há có con cái sao?

Lúc ấy, người vợ, mẹ vợ, con cái nghe bài kệ ấy xong, mọi người đều nghĩ: "Như ta quán sát hôm nay, theo ý này thì chắc chắn không trở về nhà." Họ lại quan sát từ đầu đến chân, ta thán thở dài, rồi quỳ xuống trước Tôn giả mà nói: "Nếu thân miệng ý chúng tôi có gây điều gì phi pháp, xin tha thứ tất cả cho." Rồi họ nhiễu quanh ba vòng và ra khỏi chỗ đó.

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan, đến giờ, đắp y, cầm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Từ xa trông thấy người mẹ và cô con gái, bèn hỏi:

–Lúc nãy đã gặp Tăng-ca-ma chưa?

Lão mẫu kia đáp:

–Tuy gặp, nhưng cũng như không gặp.

A-nan hỏi:

–Có cùng nói chuyện không?

Lão mẫu đáp:

–Tuy cùng nói chuyện, nhưng không vừa ý tôi.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền nói kệ này:

Muốn cho lửa sinh nước
Lại khiến nước sinh lửa
Pháp không, muốn thành có
Vô dục, muốn cho dục.

Sau khi khất thực xong, Tôn giả A-nan trở về vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, đến chỗ Tăng-ca-ma, ngồi qua một bên, nói với Tăng-ca-ma:

–Ngài đã biết pháp như thật rồi phải không?

Tăng-ca-ma đáp:

–Tôi đã hiểu biết pháp chân thật.

A-nan hỏi:

–Hiểu biết pháp chân thật như thế nào?

Tăng-ca-ma đáp:

–Sắc là vô thường, nghĩa vô thường này tức là khổ. Khổ tức là vô ngã, vô ngã tức là không. Thọ, tưởng, hành, thức thảy đều vô thường. Nghĩa vô thường này tức khổ. Khổ tức vô ngã, vô ngã tức không. Năm thạnh ấm này là nghĩa vô thường. Nghĩa vô thường tức là khổ. Ta không phải của cái đó. Cái đó không phải của ta.

Rồi Tăng-ca-ma nói kệ này:

Khổ khổ lại sinh nhau
Vượt khổ cũng như vậy
Đạo Hiền thánh tám phẩm
Dẫn đến nơi diệt khổ,
Không tái sinh sinh nơi này[17]
Qua lại các cõi trời
Dứt sạch nguồn gốc khổ[18]
Tịch tĩnh, không di động;
Tôi thấy Đạo tích không[19]
Như điều Phật đã dạy
Nay đắc A-la-hán
Không còn thọ bào thai.

Khi ấy Tôn giả A-nan khen ngợi:

–Lành thay, pháp như thật đã được khéo léo quyết trạch.

Rồi A-nan liền nói kệ này:

Khéo giữ lối phạm hạnh
Cũng hay khéo tu đạo
Đoạn trừ các kết sử
Là chân đệ tử Phật.

A-nan nói kệ này xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên. Lúc ấy, A-nan đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nói về dục bình đẳng trong các A-la-hán, phải nói chính Tỳ-

---

17. *Không tái sinh Dục giới.*

18. *A-na-hàm nhập Niết-bàn trên Tịnh cư thiên.*

19. *Không tích 空跡; con đường dẫn đến Không (Pāli: suññatā) tức Niết-bàn. Cf. M. 121 Mahāsuññatasutta (R. iii. 111).*

kheo Tăng-ca-ma. Hay hàng phục ma, quyến thuộc ma, cũng là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Tăng-ca-ma đã bảy lần hàng phục ma[20], nay mới thành đạo. Từ nay về sau cho phép được ra vào đạo bảy lần, quá hạn này thì là phi pháp.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong hàng đệ tử Thanh văn của ta, Tỳ-kheo đứng đầu trong việc hàng phục ma, nay mới thành đạo chính là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

20. Chỉ bảy lần thọ giới Cụ túc.

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 28

Phẩm 36: THÍNH PHÁP

Kinh số 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Tùy thời nghe pháp có năm công đức, tùy thời vâng lãnh không mất thứ lớp. Sao gọi là năm?

1. Điều chưa từng nghe, nay được nghe.

2. Điều đã được nghe, tụng đọc lại.

3. Kiến giải không tà lệch.

4. Không có hồ nghi.

5. Hiểu nghĩa sâu xa[2].

Tùy thời nghe Pháp có năm công đức, cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tùy thời nghe pháp.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Làm nhà tắm có năm công đức. Năm công đức gì?

---

1. *Pāli, A V 202 Dhammassavanasutta (R.iii. 247).*

2. *Pāli: Cittaṃ pasīdati, tâm minh tịnh.*

1. Trừ gió.

2. Khỏi bệnh.

3. Trừ bụi nhơ.

4. Thân thể nhẹ nhàng.

5. Được mập trắng.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là làm nhà tắm có năm công đức. Cho nên, các Tỳ-kheo, nếu có chúng bốn bộ muốn có năm công đức này, muốn cầu năm công đức này, hãy tìm cầu phương tiện tạo lập nhà tắm.

Các Tỳ-kheo hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 3[3]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Thí người tăm xỉa răng[4] có năm công đức. Sao gọi là năm?

1. Trừ gió.

2. Trừ nước dãi.

3. Sinh tạng được tiêu.

4. Trong miệng không hôi.

5. Mắt được trong sạch.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là thí người tăm xỉa răng có năm công đức. Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu năm công thì hãy nghĩ đến việc dùng tăm xỉa răng bố thí.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

3. Pāli, A V 208 Dantakaṭṭhasutta (R. iii. 250).

4. Dương chi 楊枝, nhánh thông, dùng để xỉa răng. Pāli: Dantakaṭṭha.

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị có thấy người mổ bò, do nghiệp tài lợi này, sau đó được cưỡi xe, ngựa, voi lớn không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, Tỳ-kheo, Ta cũng không thấy, không nghe người mổ bò, sát hại bò, rồi được cỡi xe, ngựa, voi lớn. Vì sao? Ta không thấy người mổ bò được cỡi xe, ngựa, voi lớn, vì hẳn không có lý này.

Thế nào, Tỳ-kheo, các ông có thấy người mổ dê, giết heo, săn bắt nai, sau đó được cỡi xe, ngựa, voi lớn không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, các Tỳ-kheo, Ta cũng không thấy, không nghe người nào mổ bò, hại chúng sinh rồi mà được cỡi xe, ngựa, voi lớn. Hoàn toàn không lý này. Tỳ-kheo, các ông nếu thấy người giết bò nào cỡi xe, ngựa, voi lớn thì đó là đức đời trước chớ không phải phước đời này, đều là do hành vi được làm đời trước mang lại. Nếu các ông thấy người giết dê được cỡi xe, ngựa, voi lớn thì nên biết người này, đã gieo phước trong đời trước. Sở dĩ như vậy là vì do tâm giết hại chưa trừ được. Tại sao vậy? Người gần gũi kẻ ác, ưa thích sát sinh, gieo trồng tội địa ngục, nếu trở lại nhân gian thì tuổi thọ rất ngắn. Người ưa thích trộm cắp, gieo trồng tội địa ngục cũng như người mổ trâu kia. Mua rẻ bán đắt, lừa dối người đời, không cầu Chánh pháp, cũng giống như người mổ bò kia do tâm sát sinh nên đưa đến tội lỗi này, không được cỡi xe, ngựa, voi lớn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy khởi lòng từ đối với hết thảy chúng sinh.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở trong vườn cây Cấp cô độc, rừng Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân, trong khoảng thời gian co duỗi cánh tay, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Lúc này, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Thế Tôn:

–Như Lai cũng nói, phàm Như Lai xuất thế tất sẽ vì năm việc. Sao gọi là năm?

1. Chuyển pháp luân.

2. Độ cha mẹ.

3. Người không tin dựng lòng tin.

4. Chưa phát tâm Bồ-tát khiến phát ý Bồ-tát.

5. Thọ ký thành Phật trong khoảng thời gian đó.

Như Lai xuất hiện tất sẽ vì năm nhân duyên này. Nay mẹ của Như Lai tại trời Tam thập tam muốn được nghe pháp. Nay Như Lai đang ở giữa chúng bốn bộ trong cõi Diêm-phù-lý[5], vua và nhân dân đều tập hợp lại. Lành thay, Thế Tôn, mong Ngài đến trời Tam thập tam mà thuyết pháp cho mẹ.

Lúc ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời.

Bấy giờ, Long vương Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà[6] có ý nghĩ như vầy: "Các Sa-môn trọc đầu này bay ở trên ta. Ta phải tìm cách không cho bay qua."

Rồi Long vương nổi giận phun lửa gió lớn khiến suốt cả Diêm-phù-lý lửa đốt cháy.

A-nan bạch Phật:

–Trong Diêm-phù-đề này, vì sao có khói lửa này?

Thế Tôn bảo:

–Đây là hai rồng chúa có ý nghĩ nghĩ rằng: "Các Sa-môn trọc đầu thường bay trên ta, chúng ta phải chế ngự, không để cho vượt qua hư không." Rồi nổi giận phun khói lửa này. Do nhân duyên này, nên đưa đến biến cố đây.

---

5. Diêm-phủ-lý 閻浮里: Diêm-phù-đề.

6. Nan-đà Ưu-bà-nan-đà 難陀優槃難陀, long vương, truyền thuyết phương Bắc (Divyādāna, Saddharmapuṇḍrāka) xem là hai anh em: Nanda và Upananda. Truyền thuyết Pāli là chỉ một: Nandopananda. Chuyện kể ở đây tương đương với chuyện kể trong Pāli, Thag A. R.iii. 177.

Lúc ấy, Tôn giả Ca-diếp từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Thế Tôn:

–Nay con muốn đi chiến đấu với chúng.

Thế Tôn bảo:

–Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể giáo hóa. Ông hãy về chỗ ngồi đi.

Tôn giả A-na-luật từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Thế Tôn:

–Nay muốn đến phục rồng dữ kia.

Thế Tôn bảo:

–Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể giáo hóa. Ông hãy về chỗ ngồi đi.

Các Tôn giả Ly-việt, Ca-chiên-diên, Tu-bồ-đề, Ưu-đà-di, Bà-kiệt đều từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Thế Tôn:

–Nay con muốn đến hàng phục rồng ác.

Thế Tôn bảo:

–Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể giáo hóa, ông hãy về chỗ ngồi đi.

Lúc ấy, Tôn giả Đại-mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai phải, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Con muốn đến đó để hàng phục rồng dữ.

Thế Tôn đáp:

–Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể hàng phục giáo hóa. Nay thầy làm thế nào để giáo hóa rồng chúa kia?

Mục-liên bạch Phật:

–Đến đó, trước tiên con hóa hình rất lớn làm rồng kia sợ khiếp, sau đó lại hóa hình rất là nhỏ và cuối cùng thì dùng phép thường mà hàng phục nó.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, Mục-liên! Thầy có khả năng để hàng phục rồng dữ. Nhưng nay Mục-liên phải giữ vững tâm ý chớ nổi loạn tưởng. Vì sao? Vì rồng hung ác kia sẵn sàng quấy nhiễu thầy.

Mục-liên liền đảnh lễ sát chân Phật, rồi trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, biến khỏi nơi ấy, đến trên núi Tu-di. Lúc ấy, rồng chúa Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà đang quấn quanh núi Tu-di bảy vòng, nổi sân giận tột độ phun ra khói lửa lớn.

Khi ấy, Mục-liên tự ẩn thân mình, hóa làm rồng chúa lớn có mười bốn đầu, quấn quanh núi Tu-di mười bốn vòng, phun ra lửa khói lớn dữ dội, ở ngay trên hai rồng chúa.

Rồng chúa Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà thấy rồng chúa có mười bốn đầu, liền sinh lòng sợ hãi tự nói với nhau rằng:

–Hôm nay, chúng ta phải thử xem oai lực rồng chúa kia xem có thắng được ta không?

Rồi rồng chúa Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà quật đuôi vào biển cả, lấy nước rưới lên đến trời Tam thập tam, nhưng vẫn không chạm thân Mục-liên. Lúc này, Tôn giả Mục-liên lại thò đuôi vào trong nước biển, nước trào lên đến trời Phạm-ca-di và lại rưới lên thân hai rồng chúa.

Khi ấy, hai rồng chúa tự bảo với nhau:

–Chúng ta dùng hết sức lực lấy nước rưới đến trời Tam thập tam, nhưng rồng chúa lớn này lại vượt lên ta quá nhiều. Chúng ta chính có bảy đầu, nay rồng chúa này mười bốn đầu. Chúng ta quấn quanh núi Tu-di bảy vòng, nay rồng chúa này quấn quanh núi Tu-di mười bốn vòng. Nay, hai chúa rồng ta phải hợp sức cùng chiến đấu nhau.

Rồi hai chúa rồng nổi cơn thịnh nộ, làm sấm chớp, sét đánh, phun lửa ngọn lớn. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-liên suy nghĩ: "Phàm rồng mà chiến đấu thì nổi lửa, sấm sét. Nếu ta cũng đấu bằng lửa và sấm sét, nhân dân trong Diêm-phù-lý và trời Tam thập tam đều sẽ bị hại. Nay ta hóa hình rất nhỏ để đấu."

Mục-liên liền hóa ra hình rất nhỏ, chun vào miệng rồng, rồi từ trong lỗ mũi ra; hoặc vào từ mũi ra từ tai; hoặc vào trong tai, ra từ mắt; ra từ trong mắt rồi đi lại trên lông mi.

Bấy giờ, hai rồng chúa lòng rất lo sợ, nghĩ thầm: "Rồng chúa lớn này rất có oai lực rất lớn mới có thể vào trong miệng rồi ra từ mũi; vào trong mũi, ra từ mắt. Hôm nay chúng ta thật sự thua. Loài rồng chúng ta hiện có bốn chủng loại: Sinh trứng, sinh thai, sinh nơi ẩm thấp, hóa sinh; nhưng không ai vượt khỏi chúng ta. Nay rồng chúa này, có oai lực như vậy thì chúng ta không thể đánh lại. Tánh mạng chúng ta chết ngay trong chốc lát. Cả hai lòng sợ hãi, toàn thể lông đều dựng đứng.

Mục-liên khi thấy rồng chúa sợ hãi, liền hiện trở lại nguyên hình và đi trên mi mắt rồng chúa.

Lúc ấy hai rồng chúa trông thấy Đại Mục-liên, bèn nói với nhau:

–Đây là Sa-môn Mục-liên chứ chẳng phải rồng chúa. Ông này có oai lực thật là kỳ lạ mới có thể đấu với chúng ta.

Rồi hai rồng chúa bạch Mục-liên:

–Vì sao Tôn giả lại quấy nhiễu chúng tôi đến như vậy? Muốn dạy bảo điều gì phải không?

Mục-liên đáp:

–Hôm qua các ngươi nghĩ như vầy: "Vì sao các Sa-môn trọc đầu lại thường bay ở trên chúng ta, nay phải chế ngự họ."

Rồng chúa đáp:

–Đúng vậy, Mục-liên!

Mục-liên nói:

–Rồng chúa nên biết, núi Tu-di này là đường đi của chư Thiên, chẳng phải nơi ở của ngươi.

Rồng chúa đáp:

–Cúi xin tha thứ, không trách phạt chúng tôi. Từ đây về sau chúng tôi sẽ không dám xúc nhiễu, khởi loạn tưởng ác. Cúi xin ngài cho phép làm đệ tử.

Mục-liên đáp:

–Các ngươi chớ tự quy y thân ta. Các ngươi hãy tự quy y nơi mà ta quy y.

Rồng chúa bạch Mục-liên:

–Hôm nay chúng con xin tự quy y Như Lai.

Mục-liên bảo:

–Các ngươi không thể ở tại núi Tu-di này mà tự quy y Thế Tôn. Nay hãy cùng ta đến thành Xá-vệ mới được tự quy y.

Bấy giờ, Mục-liên dẫn hai rồng chúa, trong khoảnh như co duỗi cánh tay, từ trên núi Tu-di đến thành Xá-vệ. Lúc ấy, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số chúng. Mục-liên bảo hai rồng chúa:

–Các ngươi nên biết, nay Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số chúng. Các ngươi không thể để nguyên hình mà đến chỗ Thế Tôn.

Rồng chúa đáp:

–Đúng vậy, Mục-liên!

Rồng chúa bèn hoàn ẩn hình rồng, hóa làm hình người không cao, không thấp, tướng mạo xinh đẹp như màu hoa đào.

Lúc ấy, Mục-liên đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồng chúa đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Mục-liên bảo rồng chúa:

–Đã đúng lúc, hãy tiến tới trước!

Rồng chúa nghe Mục-liên nói, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ xuống chắp tay, bạch Thế Tôn:

–Hai dòng họ chúng con một tên là Nan-đà, hai tên là Ưu-bàn-nan-đà xin quy y Như Lai, thọ trì năm giới. Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Ưu-bà-tắc. Nguyện suốt đời không còn sát sinh nữa.

Thế Tôn liền búng ngón tay chấp nhận. Hai rồng chúa liền trở về chỗ cũ ngồi, muốn được nghe pháp.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc liền nghĩ như vầy: "Vì nhân duyên gì khiến trong cõi Diêm-phù-đề này có khói lửa như vậy?"

Rồi vua Ba-tư-nặc đi xe bảo vũ ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, nhân dân từ xa thấy vua đến, mọi người đều đứng dậy nghênh đón:

–Khéo đến, đại vương! Mời đến ngồi đây!

Lúc ấy, hai rồng chúa im lặng không đứng dậy. Vua Ba-tư-nặc đảnh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên. Đại vương bạch Thế Tôn:

–Nay, con có việc muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn diễn giải từng việc cho.

Thế Tôn bảo:

–Có điều gì, cứ hỏi. Nay là lúc thích hợp.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Nay, vì nhân duyên gì trong Diêm-phù-đề này, có khói lửa như vậy?

Thế Tôn bảo:

–Do rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà gây ra. Nhưng nay đại vương chớ có kinh sợ. Từ nay không còn biến họa khói lửa nữa.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc liền nghĩ thầm: "Nay, ta là đại vương của một nước, nhân dân tôn kính, danh tiếng vang khắp bốn phương. Còn hai người này từ đâu đến, thấy ta đến đây, cũng không đứng dậy nghênh đón? Nếu ở trong nước ta, ta sẽ bắt nhốt. Nếu ở nơi khác đến, sẽ bắt giết chúng nó."

Rồng chúa biết được những ý nghĩ trong tâm vua, liền nổi giận. Rồng chúa nghĩ như vầy: "Chúng ta không có lỗi gì đối với vua này, mà ông trở lại muốn sát hại ta. Ta phải bắt quốc vương này và dân chúng nước Ca-di giết hết."

Rồng chúa liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi ra đi. Rời khỏi Kỳ hoàn không xa, chúng liền biến mất.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc thấy hai người này đi chưa lâu, liền bạch Thế Tôn:

–Việc nước rất bận rộn, con xin trở về cung.

Thế Tôn bảo:

–Nên biết đúng thời!

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy lui đi; bảo quần

thần:

–Hai người vừa rồi đi đường nào? Mau bắt chúng!

Theo lệnh vua, các quần thần liền đuổi theo tìm kiếm, mà không biết ở đâu, liền trở về trong cung.

Lúc ấy, rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà đều tự nghĩ như vầy: "Chúng ta không lỗi đối với vua kia mà vừa rồi muốn bắt giết chúng ta. Chúng ta sẽ hại nhân dân của ông ấy, khiến không còn ai sống sót." Nhưng rồng chúa lại tự nghĩ: "Nhân dân trong nước có lỗi lầm gì? Chỉ cần bắt nhân dân trong thành Xá-vệ hại hết." Lại nghĩ lại: "Người nước Xá-vệ có lỗi lầm gì đối chúng ta? Cần bắt quan lại và quyến thuộc trong cung vua giết hết."

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những ý nghĩ trong tâm rồng chúa, liền bảo Mục-liên:

–Nay ông hãy cứu vua Ba-tư-nặc, đừng để vua bị rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà làm hại.

Mục-liên đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Mục-liên vâng lời Phật dạy, đảnh lễ sát chân Thế Tôn lui đi. Ở trên cung vua, ngài ẩn thân ngồi kiết già. Lúc ấy, hai rồng chúa tạo ra sấm vang, sét đánh, mưa to, gió lớn bên trên cung vua, hoặc mưa gạch đá, hoặc mưa đao kiếm. Chúng chưa kịp rơi xuống đất liền biến thành hoa sen xanh ở giữa hư không. Rồng chúa lúc này lại càng nổi giận, mưa núi cao ở trên cung điện. Mục-liên lúc này lại biến chúng thành các loại đồ ăn thức uống. Rồng chúa lúc này lại càng thêm tức giận bừng bừng, mưa các loại đao kiếm. Mục-liên lúc đó lại biến thành áo quần rất đẹp. Rồng chúa lúc ấy, lại càng thêm tức giận, lại mưa cát, sỏi, đá, trên cung vua Ba-tư-nặc, chưa rơi xuống đất đã hóa thành bảy báu. Lúc này, vua Ba-tư-nặc thấy trong cung điện mưa các thứ bảy báu, vui mừng hớn hở không tự kiềm chế được, liền nghĩ: "Người có đức trong Diêm-phù-đề này không ai lại hơn ta, chỉ trừ Như Lai. Vì sao? Vì trong nhà ta trồng cứ trên một gốc lúa thu hoạch được một đấu gạo, cơm dùng nước mía nấu, rất là thơm ngon. Nay ở trên cung điện lại có mưa bảy báu. Ta có thể được làm Chuyển luân thánh vương ư?" Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc dẫn các cung nữ đi nhặt bảy báu.

Hai rồng chúa lúc này, nói với nhau:

–Điều này có ý nghĩa gì? Chúng ta đến đây để hại vua Ba-tư-nặc, nhưng sao lại biến hóa đến như thế này? Có bao nhiêu thế lực, hôm nay đã đem ra tận dụng hết, mà vẫn không thể động đến phần mảy may nào

vua Ba-tư-nặc!

Ngay khi ấy, rồng chúa trông thấy Mục-liên ngồi kiết già trên cung điện, chánh thân chánh ý, thân không nghiêng ngả. Thấy vậy, nghĩ thầm: "Đây chắc là do Mục-liên làm ra!" Lúc ấy, hai rồng chúa vì thấy Mục-liên nên liền lui đi.

Khi Mục-liên thấy rồng chúa đã đi, liền xả thần túc, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc suy nghĩ: "Những loại đồ ăn thức uống này không nên dùng trước. Phải đem dâng Như Lai trước, sau đó tự mình dùng." Vua Ba-tư-nặc liền cho xe chở châu báu và các loại đồ ăn uống đến chỗ Thế Tôn, bạch:

–Hôm qua, trời mưa bảy báu và thức ăn uống này. Cúi xin thọ nhận.

Lúc ấy, Đại Mục-liên cách Như Lai không xa. Phật bảo vua:

–Nay vua hãy đem bảy báu và đồ ăn uống cho Đại Mục-liên. Vì sao? Vì nhờ ân của Mục-liên mà vua được sinh trở lại trên đất Thánh hiền.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Vì lý do gì mà nói con sinh trở lại?

Thế Tôn bảo:

–Sáng hôm qua vua có đến gặp Ta để nghe pháp phải không? Lúc ấy, có hai người cũng đến nghe pháp. Vua đã nghĩ như vầy: "Ta ở đất nước này là hào quý tối tôn, được mọi người kính trọng, nhưng hai người này từ đâu đến, thấy ta không đứng dậy nghênh đón?"

Lúc ấy, vua bạch Phật:

–Đúng vậy, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

–Đó chẳng phải là người, mà chính là rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà. Biết được ý vua, chúng bảo nhau: "Chúng ta không có lỗi đối với ông vua người này, sao ông lại muốn hại chúng ta? Ta phải tiêu diệt đất nước này." Ta biết được những ý nghĩ trong tâm của rồng chúa, liền sai Mục-liên: "Nay phải cứu vua Ba-tư-nặc, không để cho rồng chúa làm hại." Mục-liên vâng lệnh ta, ẩn hình bên trên cung điện và tạo ra sự biến hóa này. Rồng chúa lúc ấy, đã nổi giận mưa cát, sỏi, đá, ở trên cung điện; khi chưa rơi xuống đất, lập tức biến thành bảy báu, y phục, đồ ăn uống. Vì nhân duyên này, ngày hôm nay Đại vương được sinh trở lại.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc lo sợ đến y lông đều dựng đứng, liền quỳ

gối đi đến trước Như Lai bạch:

–Nhờ ơn sâu dày của Thế Tôn mà con được cứu mạng sống!

Lại lạy sát chân Mục-liên và nói:

–Nhờ ơn Tôn giả mà con được cứu sống.

Lúc ấy, quốc vương liền nói kệ này:

Nguyện Thế Tôn sống mãi
Mãi mãi hộ mạng con
Độ thoát khổ, khốn cùng
Nhờ Thế Tôn thoát nạn.

Vua Ba-tư-nặc dùng hương hoa cõi trời rải lên mình Như Lai và nói:

–Nay con đem bảy báu này dâng lên ba ngôi báu. Cúi xin nạp thọ.

Nói xong, vua đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui đi.

Lúc ấy, Thế Tôn nghĩ: "Bốn bộ chúng này, phần lớn lười biếng, không chịu nghe pháp, cũng không tìm cầu phương tiện để tự thân tác chứng, cũng không mong đạt những gì chưa đạt, đắc những gì chưa đắc. Nay Ta làm cho bốn bộ chúng này phải khát ngưỡng giáo pháp."

Bấy giờ, Thế Tôn không bảo cho bốn bộ chúng, cũng không dẫn theo thị giả; trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay biến khỏi Kỳ hoàn, lên đến trời Tam thập tam.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân trông thấy Thế Tôn đến, liền dẫn thiên chúng ra trước nghênh đón Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, thỉnh Phật ngồi, rồi thưa:

–Thế Tôn khéo đến! xa cách lâu mới được thăm hầu.

Lúc ấy, Thế Tôn nghĩ: "Nay ta phải dùng thần túc thông ẩn thân để mọi người không biết ta ở đâu."

Thế Tôn lại nghĩ: "Nay Ta ở trời Tam thập tam, nên hóa thân to lớn."

Lúc ấy, tại giảng đường Thiện pháp ở trên trời có phiến đá vàng vuông vức một do-tuần. Thế Tôn ngồi kiết già trên phiến đá, vừa trọn cả mặt đá[7].

Bấy giờ, thân mẫu của Như Lai Ma-da, dẫn các Thiên nữ đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân ngồi qua một bên rồi bạch:

---

[7] *Kim thạch 金石。Truyền thuyết Pāli, Phật ngồi trên ngai Paṇḍukambalasilāsana của Đế Thích.*

–Cách biệt lâu lắm mới được phụng hầu! Nay Thế Tôn đến đây thật là đại hạnh. Tôi hằng mong mỏi, nhớ tưởng gặp Phật, hôm nay Thế Tôn mới đến.” Sau khi Thánh mẫu Ma-da đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân cũng đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Chư Thiên trời Tam thập tam cũng đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Khi chúng chư Thiên thấy Như Lai, thì ở đó Thiên chúng tăng ích, A-tu-luân tổn giảm.

Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt thuyết cho chúng chư Thiên kia các đề tài vi diệu, là luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sinh Thiên; dục là tưởng bất tịnh, dâm là sự nhơ xấu, giải thoát là an lạc. Bấy giờ, Thế Tôn khi thấy tâm ý chúng chư Thiên khai mở; như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo, Ngài cũng khắp vì chư Thiên mà nói hết. Mọi người ngay trên chỗ ngồi dứt sạch bụi nhơ, được mắt pháp trong sạch. Lại có mười tám ức Thiên nữ thấy được dấu đạo; ba vạn sáu ngàn Thiên chúng được mắt pháp trong sạch. Khi ấy, Mẹ Như Lai từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân rồi trở vào trong cung.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Nay, con phải dùng loại thức ăn gì cúng bữa ăn Như Lai? Là dùng thức ăn cõi người hay thức ăn tự nhiên của cõi trời?

Thế Tôn bảo:

–Hãy dùng thức ăn cõi người mà dọn bữa cho Như Lai. Vì sao? Vì thân Ta sinh ở nhân gian, lớn lên ở nhân gian, thành Phật ở nhân gian.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thích Đề-hoàn Nhân lại bạch Phật:

–Theo thời tiết trên trời hay thời tiết nhân gian?

Thế Tôn bảo:

–Theo thời tiết nhân gian.

Đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân dùng thức ăn cõi người và lại y theo thời tiết cõi người, dọn bữa ăn cho Như Lai.

Bấy giờ, các trời Tam thập tam nói với nhau:

–Nay chúng ta mới thấy Như Lai ăn cơm suốt cả ngày.

Lúc ấy, Thế Tôn bèn nghĩ: “Nay Ta phải nhập Tam-muội như vậy, muốn cho chư Thiên tiến thì tiến, muốn cho chư Thiên lui thì lui.

Rồi Thế Tôn liền nhập Tam-muội này khiến chư Thiên tiến lui tùy theo thời thích hợp.

Bấy giờ, bốn bộ chúng ở nhân gian, lâu lắm không thấy Như Lai, liền đến chỗ A-nan, bạch A-nan:

–Nay Như Lai đang ở đâu? Chúng con mong mỏi muốn được gặp.

A-nan đáp:

–Chúng tôi lại cũng không biết Như Lai đang ở đâu!

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc, vua Ưu-điền, cùng đến chỗ A-nan, hỏi A-nan:

–Hôm nay Như Lai đang ở đâu?

A-nan đáp:

–Đại vương, tôi cũng không biết Như Lai đang ở đâu.

Lúc ấy, vì hai vua nhớ, muốn gặp Như Lai, nên sinh ra bệnh khổ. Bấy giờ quần thần chỗ vua Ưu-điền, tâu vua:

–Đại vương nay mắc bệnh gì?

Vua bảo:

–Ta vì ưu sầu thành bệnh.

Quần thần tâu vua:

–Đại vương ưu sầu chuyện gì mà thành bệnh vậy?

Vua này đáp:

–Vì không thấy Như Lai. Nếu không gặp lại Như Lai, chắc ta chết mất.

Lúc này, quần thần suy nghĩ: "Phải tìm phương tiện gì để vua Ưu-điền không chết. Chúng ta nên làm hình tượng Như Lai."

Bấy giờ, quần thần tâu vua:

–Chúng tôi muốn làm hình tượng Phật, để có thể cung kính, thừa sự, đảnh lễ.

Khi nghe những lời này xong, vua vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế được, liền bảo quần thần:

–Lành thay, những lời của các khanh thật tuyệt diệu!

Quần thần tâu vua:

–Nên dùng báu vật gì để làm hình tượng Như Lai?

Lúc ấy, vua liền ra lệnh cho các tượng sư kỹ xảo trong đất nước, bảo họ rằng:

–Nay ta muốn làm hình tượng.

Các tượng sư kỹ xảo khéo đáp:

–Thưa vâng, đại vương!

Vua Ưu-điền liền dùng gỗ chiên-đàn ngưu đầu làm hình tượng Như Lai, cao năm thước.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe vua Ưu-điền làm tượng Như Lai cao năm thước để cúng dường. Vua Ba-tư-nặc lại triệu mời các tượng sư khéo trong nước tới và bảo:

–Nay ta muốn tạo hình tượng Như Lai. Các khanh hãy làm cho xong ngay!

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc nghĩ như vầy: "Nên dùng báu vật gì để làm hình tượng Như Lai?" Lát sau lại nghĩ: "Thân hình Như Lai có màu vàng như Thiên kim. Nay nên dùng vàng để tạo hình tượng Như Lai." Vua Ba-tư-nặc liền dùng vàng ròng tử ma làm hình tượng Như Lai, cao năm thước. Bấy giờ, trong Diêm-phù-đề mới có hai hình tượng Như Lai.

Lúc ấy, bốn bộ chúng đến chỗ A-nan, bạch với A-nan:

–Chúng con mong mỏi, nhớ nghĩ đến Như Lai, muốn được trông thấy Ngài. Ngày hôm nay Như Lai đang ở đâu vậy?

A-nan đáp:

–Chúng tôi cũng lại không biết Như Lai đang ở đâu. Nhưng nay chúng ta hãy đến chỗ A-na-luật để hỏi ý nghĩa này. Vì sao? Vì Tôn giả A-na-luật có Thiên nhãn bậc nhất, trong sạch không tỳ vết. Ngài dùng Thiên nhãn thấy một ngàn cho đến tam thiên đại thiên thế giới. Ngài có thể thấy biết hết.

Bốn bộ chúng cùng A-nan đến chỗ A-na-luật, bạch A-na-luật:

–Hôm nay bốn bộ chúng đến gặp tôi hỏi tôi về việc ngày nay Như Lai đang ở đâu. Cúi xin Tôn giả, dùng Thiên nhãn xem Như Lai đang ở đâu?

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật đáp:

–Các vị hãy chờ một lát, nay tôi cũng muốn xem Như Lai đang ở đâu?

Lúc ấy, A-na-luật ngồi ngay ngắn, giữ niệm trước mặt, dùng Thiên nhãn tìm khắp Diêm-phù-đề mà không thấy Như Lai. Lại dùng Thiên nhãn quan sát khắp Cù-da-ni, Phất-vu-đãi, Uất-đơn-viết, mà vẫn không thấy. Lại quan sát Tứ Thiên vương, Tam thập tam thiên, Diễm thiên, Đâu-suất thiên, Tha hóa tự tại thiên, cho đến Phạm thiên mà vẫn không thấy. Lại quán sát một ngàn Diêm-phù-đề, một ngàn Cù-da-ni, một ngàn Uất-đơn-việt, một ngàn Phất-vu-đãi, một ngàn Tứ Thiên vương, một ngàn Diễm thiên, một ngàn Đâu-suất thiên, một

ngàn Tha hóa tự tại thiên, một ngàn Phạm thiên cũng không thấy Như Lai. Lại quán sát tam thiên đại thiên quốc độ cũng không thấy. Liền từ chỗ ngồi đứng dậy nói với A-nan:

–Tôi đã quán sát khắp tam thiên đại thiên quốc độ mà vẫn không thấy Thế Tôn.

Lúc ấy, A-nan và bốn chúng đều ngồi lặng im. A-nan nghĩ: "Như Lai sẽ không nhập Niết-bàn chứ?"

Bấy giờ, trên trời Tam thập tam, chư Thiên bảo nhau:

–Chúng ta đã được lợi thiện. Cúi nguyện bảy Phật thường hiện ở đời để trời và người được nhiều lợi ích.

Có vị Thiên nói:

–Nói chi đến bảy Phật, chỉ cần sáu Phật, điều này cũng đã quá tốt.

Hoặc có Thiên tử nói chỉ cần có năm, hoặc bốn Phật, hoặc nói ba, hoặc nói hai Phật xuất hiện ở đời thì cũng nhiều lợi ích.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bảo chư Thiên:

–Nói chi bảy Phật, cho đến hai Phật, chỉ duy Phật Thích-ca ở đời lâu dài thì đã được nhiều lợi ích.

Bấy giờ, ý Như Lai muốn chư Thiên đến thì chư Thiên liền đến, ý muốn chư Thiên đi, thì chư Thiên liền đi. Lúc ấy, chư Thiên trời Tam thập tam nói với nhau:

–Vì sao Như Lai ăn suốt cả ngày vậy?

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân nói với chư Thiên trời Tam thập tam:

–Hiện tại, Như Lai thọ thực theo thời tiết ở nhân gian, không theo thời tiết trên trời.

Bấy giờ, Thế Tôn đã trải qua ba tháng ở trên trời. Thế Tôn nghĩ: "Bốn bộ chúng người Diêm-phù-đề không gặp Ta đã lâu, rất có lòng tưởng nhớ khát trông. Nay Ta nên xả thần túc cho các Thanh văn biết Như Lai đang ở trời Tam thập tam."

Rồi Thế Tôn liền xả thần túc.

Lúc ấy, A-nan đến chỗ A-na-luật, bạch với A-na-luật:

–Hôm nay bốn bộ chúng khát trông muốn gặp Như Lai. Nhưng Như Lai nay không diệt độ chăng?

Lúc ấy, A-na-luật bảo A-nan:

–Hôm qua có vị Thiên đến chỗ tôi báo, Như Lai đang ở trong giảng đường Thiện pháp trên trời Tam thập tam. Nay thầy hãy đợi một chút. Tôi muốn quán sát hiện Như Lai đang ở đâu?

Rồi Tôn giả A-na-luật liền ngồi kiết già, chánh thân chánh ý, tâm không lay động, dùng Thiên nhãn quan sát trời Tam thập tam, thấy Thế Tôn đang ngồi trên phiến đá rộng một do-tuần. A-na-luật liền xuất định, nói với A-nan:

–Như Lai hiện ở trời Tam thập tam, đang thuyết pháp cho mẹ.

Lúc ấy, A-nan và bốn bộ chúng vui mừng hớn hở không tự kiềm chế được. A-nan hỏi bốn bộ chúng:

–Ai có thể đến trời Tam thập tam thăm hỏi Như Lai?

A-na-luật đáp:

–Nay, Tôn giả Mục-liên có thần thông đệ nhất. Mong Tôn giả dùng thần lực đi thăm hỏi Phật.

Lúc ấy, bốn bộ chúng bạch Mục-liên:

–Hôm nay Như Lai ở trời Tam thập tam. Cúi xin Tôn giả đem danh tánh bốn bộ chúng thăm hỏi Như Lai và trình ý nghĩa này lên bạch Như Lai: "Thế Tôn đắc đạo trong Diêm-phù-đề, tại thế gian, xin oai thần khuất tất trở về lại thế gian."

Mục-liên đáp:

–Tốt lắm, các Hiền giả.

Lúc ấy, Mục-liên nhận lời dạy bốn bộ chúng, trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, đã bay lên trời Tam thập tam, đến chỗ Thế Tôn.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân và chư Thiên trời Tam thập tam từ xa thấy Mục-liên đến, mọi người nghĩ như vầy: "Đúng là sứ giả Tăng hay sẽ là sứ giả các vua." Chư Thiên đều đứng dậy nghênh đón và nói:

–Lành thay, Tôn giả!

Lúc ấy, từ xa Mục-liên thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số người, bèn nghĩ thầm: "Thế Tôn ở tại cõi trời, cũng vẫn bị quấy rầy." Mục-liên đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, Mục-liên bạch Phật:

–Thế Tôn, bốn bộ chúng hỏi thăm Như Lai sống có được nhẹ nhàng, đi đứng mạnh khỏe không và bạch việc này: "Như Lai sinh trưởng trong cõi Diêm-phù-đề, đắc đạo tại thế gian, cúi xin Thế Tôn trở về lại thế gian. Bốn chúng khát trông, muốn được gặp Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Mong cho bốn bộ chúng tiến tu đạo nghiệp không mệt mỏi. Thế nào, Mục-liên, bốn bộ chúng du hóa có cực nhọc không? Không có kiện tụng phải không? Ngoại đạo dị học không xúc nhiễu chăng?

Mục-liên đáp:

–Bốn bộ chúng hành đạo không có mệt mỏi.

–Nhưng này Mục-liên, lúc nãy, ông nghĩ rằng: "Như Lai ở đây vẫn bị quấy rầy." Việc này không phải vậy. Vì sao? Vì thời gian ta thuyết pháp không kéo dài lâu. Nếu ta nghĩ, muốn chư Thiên đến, thì chư Thiên liền đến. Ta muốn chư Thiên không đến, chư Thiên không đến. Mục-liên, ông hãy trở về thế gian. Bảy ngày nữa Như Lai sẽ đến cạnh hồ nước lớn, nước Tăng-ca-thi[8].

Lúc ấy, trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, Mục-liên đã trở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, đến gặp bốn chúng nói với họ:

–Các Hiền giả nên biết! Bảy ngày nữa Như Lai sẽ đến cạnh hồ nước lớn, nước Tăng-ca-thi Diêm-phù-đề.

Sau khi bốn bộ chúng nghe những lời này xong, vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế được. Lúc này, vua Ba-tư-nặc, Ưu-điền, Ác Sinh, Ưu-đà-diên, Tần-bà-sa-la[9] nghe tin bảy ngày nữa Như Lai sẽ đến cạnh hồ nước lớn nước Tăng-ca-thi vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế được. Lúc này, dân chúng Tỳ-xá-ly, dòng họ Thích-ca-tỳ-la-vệ[10], nhân dân Câu-di-la-việt, nghe Như Lai sẽ đến cõi Diêm-phù-đề. Nghe xong vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế được.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tập hợp bốn bộ binh đến cạnh hồ nước này để gặp Thế Tôn. Lúc ấy, năm vị vua đều tập họp binh chúng đến chỗ Thế Tôn, muốn được hầu thăm Như Lai. Dân chúng dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ đều đến chỗ Thế Tôn cùng chúng bốn bộ cũng đều đến chỗ Thế Tôn muốn được gặp Thế Tôn.

Bấy giờ là ngày đầu bảy ngày, Thích Đề-hoàn Nhân bảo Thiên tử Tự tại:

–Hôm nay, từ đỉnh núi Tu-di đến hồ nước Tăng-ca-thi, ông hãy làm ba con đường. Ta quan sát Như Lai sẽ không dùng thần túc trở về Diêm-phù-đề.

Thiên tử Tự tại đáp:

–Việc này rất hay. Đúng lúc ấy, tôi sẽ làm xong ngay.

Thiên tử Tự tại làm ba con đường bằng vàng, bạc và thủy tinh. Con đường vàng ở giữa, đường thủy tinh một bên và đường bạc một bên. Hai bên, hóa ra cây vàng.

---

8. Tăng-ca-thi quốc 僧迦尸國。Pāli: Saṅkassa, một thị trấn cách Xá-vệ chừng ba mươi dặm. Thế Tôn thị hiện thần biến tại đây, dưới cây Gaṇḍamba.

9. Để bản: Tần-tỳ-sa-la.

10. Để bản: Ca-tỳ-la-việt.

Trong thời gian bảy ngày ấy, các vị chư Thiên thần diệu đều đến nghe pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho hàng ngàn vạn chúng trước sau vây quanh; thuyết về khổ của năm thạnh ấm[11]. Sao gọi là năm? đó là sắc, thọ*, tưởng, hành, thức.

Sao gọi là sắc ấm? Đó là thân do bốn đại, là sắc được tạo bởi bốn đại. Đó gọi là sắc ấm.

Sao gọi là thọ* ấm? Đó là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ không khổ không lạc. Đó gọi là thọ ấm.

Sao gọi là tưởng ấm? Đó là sự tụ hội của ba thời. Đó gọi là tưởng ấm.

Sao gọi là hành ấm? Đó là thân hành, khẩu hành, ý hành. Đó gọi là hành ấm.

Sao gọi là thức ấm? Đó là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Đó gọi là thức ấm.

Sao gọi là sắc? Sắc bao gồm lạnh cũng là sắc, nóng cũng là sắc, đói cũng là sắc, khát cũng là sắc.

Sao gọi là thọ? Thọ là giác biết. Giác biết vật gì? Giác biết khổ, giác biết lạc, giác biết không khổ, không lạc. Đó gọi là giác biết.

Sao gọi là tưởng? Tưởng cũng là biết. Đó là biết xanh, vàng, đỏ, trắng, biết khổ, biết lạc. Đó gọi là biết.

Sao gọi là hành? Nó tác thành nên gọi nó là hành. Tác thành những gì? Hoặc thành hành vi ác, hoặc thành hành thiện. Cho nên gọi là hành.

Sao gọi là thức? Thức là phân biệt nhận biết phải hay không phải, cũng nhận biết các vị. Đó gọi là thức.

Các Thiên tử nên biết, có năm thạnh ấm này, là biết có ba đường: Ác đạo, Thiên đạo và Nhân đạo. Năm thạnh ấm này diệt, biết là có đạo Niết-bàn.

Khi Phật nói pháp này cho các vị trời, có sáu vạn người trên trời được mắt pháp trong sạch.

Sau khi thuyết pháp xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến đỉnh núi Tu-di nói kệ này:

Các ngươi hãy siêng học
Nơi Phật, Pháp, Thánh chúng

---

11. Truyền thuyết Pāli, Phật giảng Abhidhamma trên Tam thập tam thiên. Đoạn này Phật đang giảng nội dung của Abhidhamma.

Diệt đường đến tử vong
Như dùng móc dạy voi.
Những ai không biếng nhác
Ở trong chánh pháp này
Người ấy dứt sinh tử
Không có nguồn gốc khổ.

Thế Tôn nói kệ này xong, bèn đi đến con đường giữa đường. Khi ấy Phạm thiên trên con đường bạc phía bên phải Như Lai. Thích Đề-hoàn Nhân trên con đường thủy tinh bên trái. Thiên chúng ở giữa hư không rải hoa, đốt hương, xướng kỹ nhạc, giúp vui cho Như Lai.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc[12] nghe Như Lai hôm nay sẽ đến cạnh hồ trong nước Tăng-ca-thi ở Diêm-phù-đề. Cô suy nghĩ như vầy: "Bốn bộ chúng, quốc vương, đại thần, nhân dân trong nước không ai là không đến. Nếu ta bằng thường pháp đến thì điều này chẳng thích hợp. Nay ta phải hiện thành hình dung Chuyển luân thánh vương đến gặp Thế Tôn.

Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc liền ẩn hình, hiện thành Chuyển luân thánh vương đầy đủ bảy báu, như là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, điển binh báu, kho tàng báu.

Trong lúc đó, Tôn giả Tu-bồ-đề đang vá y tại một mé núi, trong núi Kỳ-xà-quật nơi thành La-duyệt. Tu-bồ-đề nghe Thế Tôn hôm nay về đến châu Diêm-phù-đề, thầm nghĩ: "Bốn bộ chúng không ai là không đến gặp. Nay ta cũng nên đến thăm hỏi, lễ bái Như Lai." Tôn giả Tu-bồ-đề liền ngưng việc vá y. Rời chỗ ngồi đứng dậy, chân phải vừa chạm đất, tức thì ngài lại nghĩ: "Thân hình Như Lai đó, cái gì là làm Thế Tôn, là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chăng? Người mà ta đến gặp lại là đất, nước, lửa, gió chăng? Hết thảy các pháp đều không tịch, không tạo, không tác, như những gì Thế Tôn đã nói kệ:

Nếu ai muốn lễ Phật
Và các bậc Tối thắng
Ấm, trì, nhập[13] *các loại*
Đều phải quán vô thường.
Phật quá khứ xa xưa
Cho đến Phật tương lai

---

[12] *Ưu-bát-hoa-sắc 優鉢華色: Liên Hoa Sắc. Pāli: Pāli: Uppalavaṇṇā, Tỳ-kheo-ni thần thông đệ nhất. Xem kinh số 2 phẩm 5.*

[13] *Ấm, trì, nhập 陰持入: Uẩn, giới, xứ. Pāli: Khandha, dhātu, āyatana.*

Cùng chư Phật hiện tại
Tất cả đều vô thường.
Nếu ai muốn lễ Phật
Quá khứ và tương lai
Hoặc ở trong hiện tại
Phải quán nơi pháp Không.
Nếu ai muốn lễ Phật
Quá khứ và tương lai
Hoặc ở trong hiện tại
Nên xét nơi vô ngã.

Trong đây không có ngã, không có mạng, không có con người, không có tạo tác, cũng không hình dung, có dạy, có truyền. Các pháp thảy đều không tịch. Cái gì là ngã? Cái ta là không chủ. Nay ta quy mạng tụ chân pháp.” Rồi Tôn giả Tu-bồ-đề liền ngồi vá y trở lại.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc hóa thành Chuyển luân thánh vương, bảy báu dẫn đường, đi đến chỗ Thế Tôn. Năm vua từ xa trông thấy Chuyển luân thánh vương đến, vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế được, tự nói với nhau:

–Thật là kỳ diệu hiếm có! Thế gian xuất hiện có hai trân bảo, là Như Lai và Chuyển luân thánh vương.

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn hàng vạn Thiên chúng từ trên đỉnh núi Tu-di xuống đến cạnh hồ nước. Thế Tôn đưa chân dẫm lên đất, lúc này làm tam thiên đại thiên thế giới này chấn động sáu cách. Chuyển luân thánh vương hóa hiện, từ từ đi đến chỗ Thế Tôn. Vua các nước nhỏ và nhân dân tất cả đều tránh ra. Khi đã đến gần Thế Tôn, Chuyển luân thánh vương hóa giả liền hiện nguyên hình là Tỳ-kheo-ni và đảnh lễ sát chân. Năm vị vua thấy vậy, đều than thở, bảo nhau:

–Hôm nay chúng ta thật có sự mất mát. Chúng ta đáng ra trước được gặp Như Lai, nhưng nay thì Tỳ-kheo-ni này đã gặp trước.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni đến gặp Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi bạch Phật rằng:

–Nay con đảnh lễ Đấng Tối Thắng! Hôm nay, con được hầu thăm trước tiên. Con là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc, đệ tử của Như Lai.

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ này:

Nghiệp lành nhờ lễ trước
Hơn hết, không ai bằng

Cửa giải thoát, Không, Vô[14]
Đó là nghĩa lễ Phật.
Nếu ai muốn lễ Phật
Tương lai và quá khứ
Hãy quán pháp Không, Vô[15]
Đó là nghĩa lễ Phật.

Khi ấy, năm vua và nhân dân nhiều không thể đếm xuể, đến chỗ Thế Tôn. Mỗi vị đều tự xưng danh hiệu. Con là Ba-tư-nặc vua nước Ca-thi. Con là Ưu-điền vua nước Bạt-sai. Con là Ác Sinh vua của nhân dân Ngũ đô. Con là Ưu-đà-diên vua nước Nam hải. Con là Tần-bà-sa-la vua nước Ma-kiệt-đà. Lúc ấy, nhân dân trong khoảng mười một na-thuật[16], cùng chúng bốn bộ và những trưởng giả tối tôn cả thảy là một ngàn hai trăm năm mươi người đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, vua Ưu-điền ôm tượng bằng ngưu đầu chiên-đàn trong tay và nói kệ với Như Lai:

Con có việc muốn hỏi
Từ bi hộ hết thảy
Người tạo hình tượng Phật
Được những phước đức gì?

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ đáp:

Đại vương, hãy lắng nghe
Ta giảng nghĩa ít nhiều
Người tạo hình tượng Phật
Nay chỉ nói sơ lược.
Trước nhất, mắt không hư
Sau có được Thiên nhãn
Phân biệt rõ trắng đen
Đức tạo hình tượng Phật.
Hình vóc sẽ hoàn hảo
Ý chính, không mê lầm
Thế lực hơn người thường
Người tạo hình tượng Phật,

---

14. *Kệ lược bớt chữ trong bản Hán: Không, Vô tướng, Vô nguyện, ba giải thoát môn.*
15. *Không vô, hay không tịch. Pāli: Suññatā.*
16. *Na-thuật 那術。Số đếm. Các phiên âm khác: Na-do-tha, na-do-đà, tương đương một vạn, ngàn vạn, hay ngàn ức. Skt. Nayuta.*

Hẳn không đọa đường ác
Khi chết sinh lên trời
Ở đó làm Thiên vương
Phước làm hình tượng Phật.
Phước khác không thể kể
Phước kia khó nghĩ bàn
Tiếng tốt vang bốn phương
Phước tạo hình tượng Phật.

Lành thay, lành thay! Đại vương làm được nhiều lợi ích cho trời người mông nhờ.

Lúc ấy, vua Ưu-điền vô cùng sung sướng.

Bấy giờ, Thế Tôn Thế Tôn vì bốn bộ chúng và năm vua nói về diệu luận. Luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sinh Thiên; dục là tưởng bất tịnh, là hữu lậu, là tai họa lớn, giải thoát là vi diệu. Khi Thế Tôn đã thấy tâm ý bốn bộ chúng đã được khai mở; như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo, Ngài cũng vì họ mà nói. Bấy giờ ngay trên chỗ ngồi hơn sáu vạn trời người dân, dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ, năm vua bạch Thế Tôn:

–Nơi này là phước tối diệu, là đất thiêng, nên Như Lai mới từ trời Đâu-suất xuống, thuyết pháp tại đây. Nay chúng con muốn kiến lập nơi này khiến vĩnh viễn không còn bị mục nát.

Thế Tôn bảo:

–Này năm vua! Các ông hãy xây dựng thần tự ở nơi này, đời đời hưởng phước không bao giờ hư hoại.

Các vua thưa:

–Phải xây dựng thần tự như thế nào?

Bấy giờ, Thế Tôn duỗi bàn tay phải, từ trong đất xuất hiện chùa Ca-diếp Như Lai. Nhìn năm vua mà bảo:

–Muốn tạo thần tự, hãy theo pháp này.

Lúc ấy, năm vua liền khởi xây đại thần tự ở nơi này.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Tùy tùng của các Như Lai hằng sa trong quá khứ nhiều ít cũng như hôm nay không khác. Ngay cả tùy tùng của hằng sa chư Phật trong tương lai nhiều ít cũng như hôm nay không khác. Nay kinh này đặt tên là Pháp Bổn Du Thiên".

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bốn bộ chúng và năm vua sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 29

Phẩm 37: SÁU TRỌNG PHÁP (1)

Kinh số 1

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy suy niệm sáu trọng pháp[1], kính trọng, tôn trọng và ghi nhớ mãi ở trong tâm không cho quên mất[2]. Sao gọi là sáu?

Ở đây, Tỳ-kheo thân hành niệm từ[3], như soi gương thấy hình mình, đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

Lại nữa, khẩu hành niệm từ, ý hành niệm từ, đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

Lại nữa, được các thứ lợi lộc đúng pháp thì nên chia cho các phạm hạnh cùng hưởng, không tưởng tiếc rẻ; pháp này đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

Lại nữa, có các giới cấm không hủ, không bại, cực kỳ hoàn hảo, không sứt, không thủng, được bậc trí quý trọng, lại muốn đem giới này được phân bố cho người khác cũng đồng một vị; pháp này đáng kính, đáng quý không để quên mất.

Lại nữa, chánh kiến của Hiền thánh dẫn đến xuất yếu; có kiến giải như vậy và muốn các vị phạm hạnh đồng tu cùng đồng pháp này, cũng

---

1. *Lục trọng pháp 六重法, thường nói là sáu pháp hòa kỉnh, hay sáu pháp khả hỷ. Xem Trung 52, kinh 196 Châu-na (T1n26, tr. 755b21): Sáu pháp ủy lạo 六慰勞法. Pāli, M 104 Sāmagāmasutta (R. iii. 250): Cha sārāṇīya-dhammā.*
2. *Pāli, ibid., Chayime dhammā sāraṇīyā piyakaraṇā garukaraṇā saṅgahāya avivādāya sāmaggiyā ekībhāvāya saṃvattanti, có sáu pháp khả niệm này, tác thành thân ái, tôn trọng, đưa đến nhiếp thủ, không tranh cãi, hòa hợp, nhất trí.*
3. *Pāli, ibid., Mettaṃ kāyakammaṃ paccupaṭṭhitaṃ hoti sabrahmacārīsu āvi ceva raho ca, biểu hiện thân nghiệp từ ái đối với đồng phạm hạnh, trước công chúng cũng như nơi kín đáo.*

đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu trọng pháp này, đáng kính, đáng quý, không để quên mất. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường xuyên tu tập các hành vi của thân, miệng, ý; nếu được các thứ lợi dưỡng, cũng nên nghĩ phân đều cho nhau, chớ khởi tưởng tham.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 2

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại suối A-nậu-đạt[4] cùng chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị. Các vị ấy đều là La-hán, Tam minh[5], Lục thông, Thần túc tự tại, tâm không sợ hãi, chỉ trừ một Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, Thế Tôn ngồi trên hoa sen vàng mà cọng sen được làm bằng bảy báu. Năm trăm Tỳ-kheo đều ngồi trên hoa sen báu. Khi ấy, Long vương A-nậu-đạt[6] đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Sau khi quan sát hết Thánh chúng rồi, Long vương bạch Thế Tôn:

–Nay con thấy trong chúng này, trống, thiếu, không đủ, vì không có Tôn giả Xá-lợi-phất. Cúi xin Thế Tôn sai một Tỳ-kheo mời Tôn giả Xá-lợi-phất đến.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất đang ngồi vá y cũ tại tinh xá Kỳ hoàn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Mục-liên:

–Ông đến chỗ Xá-lợi-phất bảo Xá-lợi-phất rằng: "Long vương A-nậu-đạt muốn tương kiến.

Mục-liên đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, Tôn giả Mục-liên đã đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất tại tinh xá Kỳ hoàn và nói với Xá-lợi-phất, Như Lai dạy: "Long vương A-nậu-đạt muốn tương kiến."

---

4. A-nậu-đạt tuyền 阿耨達泉。Xem Trường 18, kinh Thế Ký (T1n1, tr. 116c6). Pāli: Anotatta.

5. Nguyên Hán: Tam đạt 三達, thường nói là tam minh. Pāli: Tevijjā.

6. A-nậu-đạt Long vương 阿耨達龍王。Xem Trường 18, kinh Thế Ký (T1n1, tr. 117a1).

Xá-lợi-phất đáp:

–Thầy hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.

Mục-liên đáp:

–Hết thảy Thánh chúng và Long vương A-nậu-đạt mong đợi tôn nhan, muốn được tương kiến, xin hãy đi ngay, đừng có chậm trễ.

Xá-lợi-phất đáp:

–Thầy hãy đến đó trước. Tôi sẽ đến sau.

Lúc ấy, Mục-liên lại nói lại:

–Thế nào, Xá-lợi-phất, trong thần túc, có thể hơn được tôi sao, mà nay lại bảo tôi đi trước? Nếu thầy không đứng dậy ngay thì tôi sẽ nắm cánh tay kéo đến suối ấy.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất nghĩ thầm: "Mục-liên đang tìm cách đùa thử ta vậy!"

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cởi dây đai kiệt-chi[7] đặt xuống đất, nói với Mục-liên:

–Nếu thần túc của thầy là đệ nhất, thử cất giải y này lên khỏi mặt đất, sau đó hãy nắm cánh tay tôi dẫn đến suối A-nậu-đạt.

Lúc ấy, Mục-liên thầm nghĩ:

–Xá-lợi-phất định đùa với ta nên muốn thử chăng? Nay ông ấy đã cởi dây đai đặt trên đất bảo, nếu cất lên được, sau đó nắm cánh tay dẫn đến.

Mục-liên lại nghĩ: "Đây ắt có nguyên nhân, nếu không, chẳng việc gì phải khổ nhọc." Lập tức, Tôn giả duỗi tay lấy sợi đai nâng lên, nhưng không thể khiến dây đai nhúc nhích mảy may nào. Mục-liên dùng hết sức của mình, vẫn không di chuyển đai này, không thể làm lay động được. Rồi Xá-lợi-phất lấy đai ấy buộc chặt vào cành cây Diêm-phù. Lúc này, Tôn giả Mục-liên lại dùng hết thần lực của mình muốn nâng dây này, nhưng không thể làm nó lay động, rốt cuộc không thể làm di chuyển được. Đang lúc nâng đai này lên, đất Diêm-phù chấn động.

Xá-lợi-phất thầm nghĩ: "Tỳ-kheo Mục-liên có thể khiến Diêm-phù-đề này rung động, huống chi dây đai này. Nay ta nên đem đai này buộc chặt vào hai thiên hạ." Bấy giờ, Mục-liên cũng lại nâng nó. Buộc vào ba thiên hạ cho đến bốn thiên hạ cũng có thể nâng lên như nâng chiếc y mỏng.

---

[7] Kiệt-chi đái 竭支帶; tức tăng-kiệt-chi 竭支, dịch là phú kiên y; giải y phủ vai. Pāli: Saṃkacchika.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất lại tự nghĩ: "Tỳ-kheo Mục-liên có thể nâng bốn thiên hạ, cũng không đáng để nói. Nay ta phải đem đai này buộc chặt vào lưng núi Tu-di." Mục-liên lại làm lay động núi Tu-di này và cung Tứ Thiên vương, cung trời Tam thập tam. Xá-lợi-phất lại buộc chặt đai ấy vào một ngàn thế giới. Mục-liên cũng làm cho lay động.

Xá-lợi-phất lại buộc chặt đai này vào hai ngàn thế giới, ba ngàn thế giới, cũng lại lay động. Lúc này, trời đất chấn động mạnh, chỉ có chỗ Như Lai ở suối A-nậu-đạt là không lay động, giống như người lực sĩ đùa với lá cây, không nghi nan.

Bấy giờ, Long vương bạch Thế Tôn :

–Vì sao trời đất này nay chấn động dữ vậy?

Thế Tôn nói hết duyên gốc này cho Long vương.

Long vương bạch Phật:

–Hai vị ấy, thần lực của ai là hơn hết?

Thế Tôn bảo:

–Thần lực Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là hơn hết.

Long vương bạch Phật:

–Trước đây Thế Tôn đã từng xác nhận, thần túc của Tỳ-kheo Mục-liên là bậc nhất, không ai vượt hơn được.

Thế Tôn đáp:

–Long vương nên biết, có bốn Thần túc. Sao gọi là bốn? Là tự tại Tam-muội thần lực, tinh tấn Tam-muội thần lực, tâm Tam-muội thần lực, giới Tam-muội thần lực[8]. Này Long vương, đó gọi là có bốn Thần túc lực này. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào có bốn Thần lực này, thường xuyên tu hành không hề buông bỏ, đó là thần lực bậc nhất.

Long vương A-nậu-đạt bạch Phật:

–Tỳ-kheo Mục-liên không được bốn Thần túc ấy sao?

Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo Mục-liên cũng được bốn Thần túc lực này và thường xuyên tu hành không hề buông bỏ. Tỳ-kheo Mục-liên muốn giữ thọ mạng đến một kiếp, cũng có thể làm được. Nhưng Tỳ-kheo Mục-liên không biết tên của Tam-muội mà Xá-lợi-phất nhập.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất lại tự nghĩ: "Tam thiên đại thiên quốc độ, Mục-liên đều có thể di chuyển, làm cho vô số côn trùng bị chết, không tính hết. Nhưng tự thân ta nghe chỗ ngồi của Như Lai không thể

---

8. Chi tiết, xem kinh số 8 phẩm 29 trên.

lay động được. Nay ta có thể dùng đai này buộc chặt vào chỗ ngồi của Như Lai.” Mục-liên lại dùng thần túc nâng dây đai ấy nhưng không thể làm lay động. Lúc này, Mục-liên tự nghĩ như vầy: “Chẳng lẽ thần túc ta bị sút giảm rồi sao? Nay nâng đai này mà không thể làm nó lay động. Ta hãy đến chỗ Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này.”

Mục-liên sau khi buông đai này, liền dùng thần túc đi đến chỗ Thế Tôn. Từ xa, trông thấy Xá-lợi-phất đã ngồi ở trước Như Lai. Thấy vậy, Mục-liên lại tự nghĩ: “Đệ tử của Thế Tôn, thần túc bậc nhất không ai vượt qua ta. Nhưng ta không bằng Xá-lợi-phất sao?”

Bấy giờ, Mục-liên bạch Phật:

–Không lẽ với thần túc, con đã có sự sút giảm chăng? Vì sao? Vì con rời khỏi tinh xá Kỳ hoàn trước Xá-lợi-phất, sau đó Xá-lợi-phất mới đi. Nay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã ngồi trước Như Lai.

Phật bảo:

–Thần túc của ông không hề giảm sút, nhưng ông không thể hiểu được thần túc Tam-muội mà Xá-lợi-phất đã nhập. Vì sao? Vì trí tuệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất vô lượng, tâm được tự tại. Ông không được tùy tâm bằng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất đã được tự tại nơi tâm thần túc. Khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nghĩ đến pháp gì, tâm được tự tại đối với pháp ấy.

Đại Mục-liên ngay lúc đó im lặng.

Long vương A-nậu-đạt vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế được, vì nay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có rất nhiều thần lực không thể nghĩ bàn. Những Tam-muội mà ngài nhập, Tỳ-kheo Mục-liên không thể biết tên được.

Bấy giờ, Thế Tôn vì Long vương A-nậu-đạt thuyết pháp vi diệu, khích lệ, làm Long vương hoan hỷ. Ngay tại đó Thế Tôn thuyết giới. Sáng sớm hôm sau, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo trở về vườn Kỳ-đà Cấp cô độc.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với nhau:

–Từ miệng Thế Tôn đã ký thuyết, người có thần thông bậc nhất trong các Thanh văn chính là Tỳ-kheo Mục-liên, nhưng ngày nay không bằng Xá-lợi-phất.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khởi tưởng khinh mạn đối Mục-liên. Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ thầm: “Các Tỳ-kheo này khởi tưởng khinh mạn đối với Mục-liên, sẽ chịu tội khó kể hết.”

Phật bảo Mục-liên:

–Hãy hiện thần lực của ông khiến cho chúng này thấy, chớ để cho

đại chúng khởi tưởng biếng nhác.

Mục-liên đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Mục-liên lễ sát chân Thế Tôn, rồi ngay ở trước Như Lai mà biến mất, đi qua bảy hằng hà sa cõi Phật phương Đông. Ở đó có Phật tên Kỳ Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở cõi ấy. Mục-liên đến cõi ấy với y phục phàm thường, rồi ở đó đi quanh trên miệng bát. Nhân dân ở cõi ấy có hình thể rất lớn. Khi các Tỳ-kheo ở đó thấy Mục-liên, nói với nhau:

–Các thầy hãy nhìn xem, con sâu này giống y như Sa-môn.

Các Tỳ-kheo bắt xuống cho Phật ấy xem:

–Bạch Thế Tôn, nay có một con sâu giống y như Sa-môn.

Kỳ Quang Như Lai bảo các Tỳ-kheo:

–Cách đây bảy hằng hà sa quốc độ thế giới kia về phương Tây, có Phật hiệu là Thích-ca Văn Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Đây là đệ tử vị ấy, thần túc bậc nhất.

Bấy giờ, Đức Phật kia bảo Mục-liên:

–Các Tỳ-kheo này nảy ý tưởng khinh mạn. Ông hãy hiện thần túc cho đại chúng được thấy.

Mục-liên đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Mục-liên vâng lời Phật dạy, lấy bình bát đựng năm trăm Tỳ-kheo kia đem lên trời Phạm thiên.

Khi ấy, Mục-liên dùng chân trái dẫm lên núi Tu-di, chân phải đặt trời Phạm thiên, rồi nói kệ này:

Thường hãy niệm tinh cần
Tu hành trong pháp Phật
Hàng phục ma, oán địch
Như dùng móc dạy voi.[9]
Nếu ai nơi pháp này
Thực hành không phóng dật
Sẽ dứt sạch gốc khổ
Không còn các bức não.[10]

---

[9] *Pāli, ibid. Dhunātha maccuno senaṃ, naḷāgāraṃva kuñjaro, các ông hãy quét sạch quân ma, như voi dẹp nhà lá.*

[10] *Bài kệ, xem Pāli, S 6. 2.4 Aruṇavatì (R. i. 156).*

Bấy giờ, Mục-liên làm cho âm vang này tràn đầy khắp tinh xá Kỳ hoàn. Các Tỳ-kheo khi nghe âm thanh này, đến bạch Thế Tôn:

–Mục-liên đang ở nơi nào mà nói bài kệ này?

Thế Tôn đáp:

–Tỳ-kheo Mục-liên đang ở cách đây bảy hằng hà sa cõi Phật về phương Đông, đựng năm trăm Tỳ-kheo trong bình bát, chân trái dẫm lên núi Tu-di, chân phải đặt lên trời Phạm thiên mà nói bài kệ này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo tán thán:

–Thật là việc chưa từng có, thật là kỳ diệu! Tỳ-kheo Mục-liên có thần túc lớn như vậy mà đối với Mục-liên chúng con khởi ý khinh mạn. Xin Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Mục-liên đem năm trăm Tỳ-kheo ấy trở về chốn này.

Thế Tôn hiện từ xa đạo lực cho Mục-liên biết ý. Mục-liên bèn đem năm trăm Tỳ-kheo trở về vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thành Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho hàng ngàn vạn chúng. Đại Mục-liên đem năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn. Đệ tử của Phật Thích-ca Văn ngước lên nhìn các Tỳ-kheo ấy. Lúc ấy, các Tỳ-kheo ở thế giới phương Đông đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo ấy:

–Các vị từ đâu đến và là đệ tử của ai, đi đường mất bao lâu?

Năm trăm Tỳ-kheo kia bạch Phật Thích-ca Văn:

–Thế giới chúng con hiện ở phương Đông. Phật hiệu là Kỳ Quang Như Lai, là đệ tử của Phật ấy, nhưng hôm nay chúng con lại cũng không biết là từ đâu đến và đã trải bao nhiêu ngày!

Thế Tôn hỏi:

–Các ông có biết thế giới Phật không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa không, bạch Thế Tôn.

–Hôm nay các vị có muốn về lại nơi ấy không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Chúng con muốn trở về lại nơi ấy.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo kia:

–Hôm nay, Ta sẽ vì các vị nói về pháp sáu giới, hãy suy niệm kỹ.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

–Vì sao pháp ấy được gọi là pháp sáu giới? Tỳ-kheo nên biết, con

người là sáu giới[11], thụ bẩm tinh khí của cha mẹ mà sinh ra. Sao gọi là sáu? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới[12].

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu giới này. Thân người thụ bẩm tinh khí này mà sinh sáu nhập[13]. Sao gọi là sáu nhập? Đó là nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập và ý nhập. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu nhập này nhờ cha mẹ mà có được. Y nơi sáu nhập mà có sáu thức thân. Sao gọi là sáu? Y nơi nhãn thức mà có nhãn thức thân. Y nơi nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức mà có ý thức thân[14].

Này Tỳ-kheo, đó gọi là sáu thức thân. Nếu có Tỳ-kheo nào hiểu sáu giới, sáu nhập, sáu thức này, có thể vượt qua sáu cõi trời mà thọ hình trở lại[15]. Nếu ở nơi ấy mạng chung sẽ sinh vào chốn này, thông minh cao tài, ngay trên hiện thân dứt sạch kết sử, đạt đến Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Mục-liên:

–Nay ông hãy đem các Tỳ-kheo này trở về cõi Phật ấy.

Mục-liên đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Mục-liên lại lấy bình bát đựng năm trăm Tỳ-kheo ấy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi, trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay đã đến cõi Phật ấy. Mục-liên đặt các Tỳ-kheo này xuống xong, đảnh lễ sát chân Phật ấy, rồi trở về thế giới Nhẫn này[16]. Các Tỳ-kheo cõi kia sau khi nghe sáu giới này đều dứt sạch cấu uế, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Trong các đệ tử của Ta, Thanh văn có thần thông bậc nhất khó ai bì kịp, chính là Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

11. Lục giới chi nhân 六界之法。Cf. Pāli, M. 140 Dhātuvibhaṅga (R.iii. 239): Chadhāturo ayaṃ, bhikkhu, puriso chaphassāyatano aṭṭhārasamanopavicāro caturādhiṭṭhāno, "Này các Tỳ-kheo, con người này là sáu giới này; là sáu xúc xứ, mười sáu ý cận hành, bốn trú xứ."

12. Pāli, ibid., Chayimā dhātuyo– pathavīdhātu, āpodhātu, tejodhātu, vàyodhātu, ākāsadhātu, viññāṇadhātu.

13. Lục nhập 六入, sáu xứ. Pāli: Cha āyatanāni.

14. Lục thức thân 六識身, Pāli, Cha viññāṇkāyā.

15. Vượt qua sáu Dục giới thiên, tái sinh Sắc giới.

16. Nhẫn giới 忍界, thế giới Kham nhẫn, tức thế giới Ta(Sa)-bà. Skt. Sahalokadhātu.

-oOo-

Kinh số 3

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Sư tử[17], nước Bạt-kỳ. Lúc ấy, các Tỳ-kheo đức cao có thần túc[18], như Hiền giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Ly-việt, A-nan,... gồm năm trăm người đều có mặt.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Đại Mục-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, đi đến chỗ Xá-lợi-phất. A-nan trông thấy ba đại Thanh văn đến chỗ Xá-lợi-phất, liền bảo Ly-việt:

–Ba đại Thanh văn đến chỗ Xá-lợi-phất. Hai chúng ta cũng nên đến chỗ Xá-lợi-phất. Vì sao? Vì để nghe Xá-lợi-phất nói pháp vi diệu.

Ly-việt đáp:

–Việc này đáng vậy.

Lúc ấy, Ly-việt, A-nan đến chỗ Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất nói:

–Kính chào chư Hiền! Mời ngồi xuống chỗ này.

Xá-lợi-phất nói với A-nan:

–Nay tôi có điều muốn hỏi: "Vườn Ngưu sư tử này thật là khả ái lạc, hương trời tự nhiên bay khắp bốn phía. Ai có thể làm cho khu vườn này trở nên khả ái[19]?

A-nan đáp:

–Nếu có Tỳ-kheo nào nghe nhiều, những điều đã nghe không quên, tổng trì nghĩa và vị[20] của các pháp, tu hành phạm hạnh đầy đủ.[21] Các pháp như vậy thảy đều đầy đủ, không quên sót, vì bốn bộ chúng

---

17. Sư tử viên 師子園; đoạn dưới nói: Ngưu sư tử viên 牛師子園。Trong Pāli không có vườn nào tên Sư tử. Nội dung kinh tương đương M 32 Mahā-Gosiṅgasutta (R. i. 213), tại vườn Gosiṅgasālavanadāya: Ngưu giác Sa-la lâm. Có lẽ Hán dịch đọc là Gosiṃha (Ngưu Sư tử) thay vì Gosiṅga (Ngưu giác, sừng bò). Khu rừng này ở tại Nādika, trong lãnh thổ của Vajji (Bạt-kỳ). Xem, Hán dịch tương đương, Trung 48, kinh 184: Ngưu giác Sa-la lâm 牛角娑羅林。

18. Thần túc cao đức 神足高德。Pāli, ibid.: Abhiññātehi abhiññātehi, rất nổi tiếng, được mọi người biết đến.

19. Pāli, ibid., Kathaṃrūpena bhikkhunā gosiṅgasālavanaṃ sobheyyā'ti? Tỳ-kheo như thế nào thì làm sáng chói khu rừng Gosiṅgasāla này? So sánh Trung 48, ibid. "Tỳ-kheo như thế nào thì làm khởi phát rừng Ngưu giác Sa-la này?"

20. Pāli: Sātthā sabyañjanā: (pháp ấy) có nghĩa và có văn.

21. Pāli: Kevalaparipuṇṇaṃ parisuddhaṃ brahmacariyaṃ abhivadanti, (pháp ấy) hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh và tuyệt đối hoàn hảo.

mà nói pháp không mất thứ lớp, cũng không sơ sót, không có loạn tưởng. Tỳ-kheo như vậy làm cho khu vườn Ngưu sư tử này trở nên khả ái lạc.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với Ly-việt[22]:

–Hôm nay, A-nan đã nói rồi. Nay tôi lại muốn hỏi ý nghĩa nơi thầy. Vườn Ngưu sư tử mà trở thành khả ái lạc, thầy hãy nói, có nghĩa như thế nào[23]?

Ly-việt đáp:

–Tỳ-kheo vui thích sống nơi nhàn tĩnh, tọa thiền tư duy, cùng tương ưng chỉ quán. Tỳ-kheo như vậy làm cho khu vườn Ngưu sư tử trở thành khả ái.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với A-na-luật[24]:

–Nay thầy hãy nói về ý nghĩa làm cho khả ái.

A-na-luật đáp:

–Nếu Tỳ-kheo nào dùng Thiên nhãn quan sát trông suốt các chúng sinh kẻ chết người sống, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường ác, hoặc tốt hoặc xấu; thảy đều biết tất cả. Hoặc có chúng sinh thân, miệng, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục; hoặc lại có chúng sinh thân, miệng, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh. Giống như một người nhìn không trung, thấy không thiếu thứ gì[25]. Tỳ-kheo có Thiên nhãn cũng lại như vậy, xem thấy thế giới không chút nghi ngờ. Tỳ-kheo làm cho khu vườn Ngưu sư tử trở thành khả ái.

Xá-lợi-phất lại nói với Ca-diếp:

–Nay tôi hỏi thầy, các Hiền giả đã nói ý nghĩa làm cho khả ái như vậy. Nay đến lượt thầy nói việc ấy.

Ca-diếp đáp:

–Nếu có Tỳ-kheo nào hành hạnh A-lan-nhã, lại dạy người khác khiến hành A-lan-nhã, tán thán đức nhàn tĩnh, tự thân đắp y vá nhiều mảnh[26], lại dạy người khác hành Đầu-đà, thân tự biết đủ, sống nơi

---

22. Ly-việt 離越, xem kinh 2 phẩm 4. Pāli: Revata (Khadiravaniyo), đệ nhất lâm trú (āraññakānaṃ).

23. Nội dung câu hỏi Xá-lợi-phất nêu cho các Tỳ-kheo như nhau: Ai làm sáng chói khu rừng này? Văn Hán dịch biến thiên, dễ gây hiểu nhầm.

24. A-na-luật 阿那律; Thiên nhãn đệ nhất. Pāli: Anuruddha.

25. Hán dịch lược bỏ đoạn giữa về Thiên nhãn.

26. Bổ nạp chi y 補納之衣, đây hiểu là trì y phấn tảo, một trong các hành Đầu-đà. Pāli: Paṃsukūliko.

nhàn tĩnh, lại dạy người khác khiến tu hạnh ấy. Tự thân đầy đủ giới đức, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến[27], lại dạy người khác khiến hành pháp này, tán thán pháp này, đã có thể khuyến hóa, lại dạy người khác khiến hành pháp này, giáo hóa không biết mệt mỏi. Tỳ-kheo như vậy làm cho vườn Ngưu sư tử trở thành khả ái không gì bằng.

Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất nói Đại Mục-liên:

–Các Hiền thánh đã nói ý nghĩa làm cho khả ái. Nay đến lượt Thầy nói về ý nghĩa làm cho khả ái. Khu vườn Ngưu sư tử này khoái lạc vô song, nay thầy muốn nói thế nào điều đó?

Mục-liên đáp:

–Ở đây, Tỳ-kheo nào có đại thần túc, được tự tại nơi thần túc, vị ấy có thể biến hóa vô số ngàn việc mà không có gì nghi ngờ. Cũng có thể phân một thân thành vô số thân, hoặc hoàn lại thành một thân. Có thể đi xuyên qua vách đá. Vọt lên, chìm xuống, một cách tự tại. Cũng như thuyền lướt trên sông, giống như chim bay trên không, chẳng lưu dấu vết. Giống như lửa dữ thiêu đốt núi hoang. Cũng như mặt trời, mặt trăng chiếu khắp mọi nơi. Cũng có thể đưa tay sờ mặt trời, mặt trăng. Cũng có thể hóa thân cao đến trời Phạm thiên. Tỳ-kheo như vậy khiến vườn Ngưu sư tử khả ái[28].

Bấy giờ, Mục-liên nói với Xá-lợi-phất:

–Chúng tôi đều đã nói rõ ý kiến của mình. Nay chúng tôi hỏi ý nghĩa nơi Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo như thế nào làm cho khu vườn Ngưu sư tử này trở thành rất là khả ái?[29]

Xá-lợi-phất nói:

–Nếu có Tỳ-kheo nào có khả năng hàng phục tâm, chứ không phải[30] Tỳ-kheo không thể hàng phục tâm kia. Nếu Tỳ-kheo kia muốn đạt Tam-muội tức thì Tỳ-kheo kia có thể được Tam-muội, tùy ý xa gần thành tựu Tam-muội, tức có thể thành tựu việc ấy. Giống như nhà

---

27. Nguyên Hán: Giải thoát kiến tuệ 解脫見慧, biết rằng giải thoát.

28. Nguyên Hán dịch: Nghi Sư tử viên trung 宜牛師子園中。Câu văn dịch này bị gãy, dễ khiến hiểu lầm. So nội dung toàn kinh mà chỉnh lại.

29. Dịch sát nguyên Hán, phải nói: "Vườn Ngưu sư tử này cực kỳ khoái lạc, Tỳ-kheo như thế nào nên ở trong đó?" Như vậy có thể hoàn toàn sai với ý nghĩa nội dung toàn kinh. Khu vườn này không phải là đệ nhất trong các khu vườn để được đánh giá quá cao như vậy.

30. Trong bản Hán: Nhiên bĩ tâm bất năng 然彼心不能, nghi thiếu chữ phi: Nhiên phi bĩ tâm… Đối chiếu Pāli: No ca bhikkhu cittassa vasena vattati.

trưởng giả có y phục đẹp đựng đầy trong rương. Bấy giờ, trưởng giả kia tùy ý muốn lấy những áo nào thì lấy tùy ý mà không có gì nghi ngờ. Ở đây cũng vậy, có thể tùy ý nhập vào Tam-muội. Tỳ-kheo có thể vận dụng tâm, chứ không phải Tỳ-kheo không thể vận dụng tâm[31], tùy ý nhập định cũng không có gì nghi ngờ. Như vậy, Tỳ-kheo có thể vận dụng tâm, chứ không phải Tỳ-kheo không thể vận dụng tâm. Tỳ-kheo như vậy sẽ khiến vườn Ngưu sư tử khả ái.

Lúc này, Xá-lợi-phất nói với các Hiền giả:

–Chúng ta đã tùy theo biện tài của mình mà nói và cũng tùy theo chỗ thích hợp mà khéo nói ý nghĩa này. Chúng ta hãy cùng đến hỏi Thế Tôn: "Tỳ-kheo như thế nào khiến vườn Ngưu sư tử này khả ái?" Nếu Thế Tôn có dạy điều gì thì chúng ta sẽ phụng hành.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Tôn giả Xá-lợi-phất!

Lúc ấy, các đại Thanh văn cùng nhau đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ các đại Thanh văn đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

–Lành thay, đúng như những gì A-nan nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan nghe pháp có thể ghi nhớ, tổng trì các pháp mà đầy đủ sự tu hành phạm hạnh. Với pháp như vậy, được khéo nghe, không quên sót, cũng không có tà kiến, vì bốn bộ chúng mà nói lại, lời lẽ không thác loạn, cũng không sơ suất.

Những điều Tỳ-kheo Ly-việt nói lại cũng thích thay! Vì sao? Vì Ly-việt ưa thích nơi nhàn tĩnh, không ở giữa người đời, thường niệm tọa thiền, không có tranh cãi, cùng tương ưng chỉ quán, sống an tịch mịch nhàn tĩnh.

Tỳ-kheo A-na-luật nói cũng lại thích thay! Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-na-luật Thiên nhãn bậc nhất. Vị ấy dùng Thiên nhãn quan sát ba ngàn thế giới. Giống như người sáng mắt xem hạt ngọc trong lòng bàn tay, Tỳ-kheo A-na-luật cũng lại như vậy, dùng Thiên nhãn quan sát khắp ba ngàn đại thiên thế giới này không chút đáng ngờ.

Nay Tỳ-kheo Ca-diếp cũng lại thích thay! Vì sao? Vì Tỳ-kheo Ca-diếp tự thân hành hạnh a-lan-nhã, lại hay tán thán đời sống ở nơi nhàn tĩnh. Tự mình khất thực, lại có thể ca ngợi đức khất thực. Tự

---

31. Lưu ý văn Hán dịch đảo trang: Tâm năng sử Tỳ-kheo, phi Tỳ-kheo năng sử tâm 心能使比丘非比丘能使心。

thân mặc y rách vá, lại hay tán thán về đức mặc y rách vá. Tự thân biết đủ, lại tán thán về đức biết đủ tự thân ở nơi hang núi, lại hay tán thán về đức ở hang núi. Tự thân thành tựu giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến*, lại hay dạy người thành tựu năm phần Pháp thân này. Tự thân có thể giáo hóa, lại hay khiến mọi người thực hành pháp ấy.

Lành thay! Lành thay! Như những gì Mục-liên đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Mục-liên có oai lực lớn, thần thông bậc nhất, tâm được tự tại, ý muốn kia làm gì đều có thể thành ngay. Hoặc hóa một thân phân làm vạn ức, hoặc hợp trở lại làm một. Đi xuyên qua vách đá mà không có trở ngại. Vọt lên, chìm xuống tự tại. Cũng như thuyền lướt trên nước, không chướng ngại. Như chim giữa hư không, không để lại dấu vết. Giống như mặt trời, mặt trăng, không chỗ nào không chiếu. Có thể hóa thân cho đến trời Phạm thiên.

Lành thay! Như những gì Xá-lợi-phất nói. Vì sao? Vì Xá-lợi-phất có thể hàng phục tâm, không phải không hàng phục tâm. Xá-lợi-phất khi muốn nhập định thì có thể thành tựu không có khó ngại. Giống như trưởng giả có y phục đẹp, tùy ý lấy mà không có khó ngại. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cũng lại như vậy, có thể hàng phục tâm, không phải không có thể hàng phục. Xá-lợi-phất tùy ý nhập Tam-muội, tất cả đều hiện tiền.

Lành thay! Lành thay! các Tỳ-kheo, các ông đã nói những gì theo chỗ thích hợp của mình. Nhưng bấy giờ hãy nghe những gì Ta nói. Tỳ-kheo làm sao khiến vườn Ngưu sư tử khả ái? Nếu có Tỳ-kheo nào sống nương theo làng xóm, đến giờ, vị ấy đắp y mang bát, vào làng khất thực. Sau khi khất thực xong, vị ấy trở về chỗ ở, rửa mặt và tay, ngồi dưới bóng một gốc cây, chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, buộc niệm trước mặt. Tỳ-kheo ấy tự nghĩ: "Nay ta sẽ không dời bỏ chỗ ngồi này, cho đến khi diệt tận hữu lậu, thành vô lậu."

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia sạch hữu lậu, tâm được giải thoát. Tỳ-kheo như vậy khiến vườn Ngưu sư tử khả ái. Vậy, này các Tỳ-kheo, hãy luôn siêng năng tinh tấn, chớ có biếng nhác.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 4

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay, Ta sẽ nói về sự chú nguyện có sáu đức, các vị hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

–Sáu đức ấy là gì? Ở đây, đàn-việt thí chủ thành tựu ba pháp. Thế nào là đàn-việt thí chủ thành tựu ba pháp? Ở đây, đàn-việt thí chủ thành tựu tín căn, thành tựu giới đức, thành tựu pháp nghe. Đó gọi là đàn-việt thí chủ thành tựu ba pháp này.

Vật được thí cũng thành tựu ba pháp. Sao gọi là ba? Vật kia thành tựu sắc, thành tựu vị, thành tựu hương. Có ba pháp thành tựu này.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu sự này được công đức lớn, danh đức vang xa, đạt được báo cam lồ. Cho nên, các Tỳ-kheo, nếu muốn thành tựu sáu sự này, hãy niệm bố thí.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 5

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số người. Lúc ấy có một Tỳ-kheo ở trên chỗ ngồi, nghĩ thầm: "Mong Như Lai nói với ta điều gì đó." Bấy giờ Như Lai biết những ý nghĩ trong tâm vị ấy, nên bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ như vầy: "Ước mong Như Lai đích thân giáo huấn ta; Tỳ-kheo ấy hãy đầy đủ giới thanh tịnh, không có tỳ vết, tu hành chỉ quán, thích ở nơi nhàn tĩnh."

Nếu Tỳ-kheo nào có ý muốn cầu y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, hãy thành tựu giới đức, ở nơi nhàn

tĩnh mà tự tu hành, cùng Chỉ quán tương ưng.

Nếu Tỳ-kheo nào lại muốn cầu sự biết đủ, hãy niệm giới đức đầy đủ, ở nơi nhàn tĩnh mà tự tu hành, cùng tương ưng với Chỉ quán.

Nếu Tỳ-kheo nào lại mong cầu sao cho bốn bộ chúng, quốc vương, nhân dân, các loài có hình hài trong thấy nhận biết mình, vị ấy hãy niệm tưởng đầy đủ giới đức.

Nếu Tỳ-kheo nào ý muốn cầu bốn Thiền, trong đó không tâm hối tiếc, không dời đổi, hãy niệm thành tựu giới đức.

Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu bốn Thần túc, hãy đầy đủ giới đức.

Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu tám Giải thoát môn mà không trở ngại, vị ấy cũng hãy niệm đầy đủ giới đức.

Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu Thiên nhĩ nghe hết tiếng trời người, hãy niệm đầy đủ giới đức.

Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu biết những ý nghĩ trong tâm người khác, các căn thiếu sót, vị ấy cũng hãy niệm đầy đủ giới đức.

Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu biết tâm ý chúng sinh là tâm hữu dục hay tâm vô dục, tâm có sân hận hay tâm không sân hận, tâm có ngu si hay tâm không ngu si, như thật biết chúng. Tâm có ái hay tâm không ái, tâm có thọ hay tâm không thọ, như thật biết chúng. Tâm có loạn hay tâm không loạn, tâm có ganh ghét hay tâm không ganh ghét, tâm có nhỏ mọn hay tâm không nhỏ mọn, tâm hạn lượng hay tâm không hạn lượng, tâm có cảm thọ hay tâm không cảm thọ, tâm có định hay tâm không định, tâm có giải thoát hay tâm không giải thoát, người nào muốn biết như thật như vậy cũng phải đầy đủ giới đức.

Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn được vô lượng thần túc, phân một thân thành vô số và hợp trở lại thành một, vọt lên và chìm xuống tự tại, có thể hóa thân cho đến Phạm thiên, vị ấy cũng phải niệm đầy đủ giới đức.

Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu tự mình nhớ lại những việc trong vô số đời trước, hoặc một đời, hai đời cho đến ngàn đời, trăm ngàn ức đời, trong một kiếp thành, kiếp bại, kiếp thành bại không thể đếm hết. "Ta đã từng chết đây, sinh kia, tên ấy, họ ấy, hoặc từ nơi kia chết sinh đến chốn này." Tự nhớ những việc vô số kiếp như vậy, hãy niệm đầy đủ giới đức mà không có niệm khác.

Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn được Thiên nhãn trông thấy hết chúng sinh, đường lành đường dữ, sắc đẹp sắc xấu, hoặc tốt, hoặc xấu, như thật mà biết. Hoặc lại có chúng sinh thân, miệng, ý hành ác, phỉ

báng Hiền thánh, thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục; hoặc lại có chúng sinh thân, miệng, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh, tâm ý chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh lên trời nơi lành; người có ý muốn như vậy, hãy niệm đầy đủ giới đức.

Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu diệt tận hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, biết như thật rằng: "Sinh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau; hãy niệm đầy đủ giới đức, trong tự tư duy không có loạn tưởng, sống ở nơi nhàn tĩnh[32].

Các Tỳ-kheo, hãy niệm đầy đủ giới đức, không có niệm khác, thành tựu đầy đủ oai nghi, sợ cả những lỗi nhỏ huống gì là lỗi lớn.

Nếu có Tỳ-kheo nào ý muốn được Như Lai nói đến, hãy niệm đầy đủ giới đức. Giới đức đã đầy đủ, hãy niệm nghe đầy đủ. Nghe đã đầy đủ thì, hãy niệm bố thí đầy đủ. Thí đã đầy đủ thì, hãy niệm đầy đủ trí tuệ và giải thoát tri kiến, thảy đều đầy đủ.

Nếu có Tỳ-kheo nào đầy đủ các thân giới, thân định, tuệ, thân giải thoát, thân giải thoát tri kiến, được trời rồng, quỷ thần trông thấy cúng dường, là chỗ đáng kính, đáng quý, được trời người cung phụng. Cho nên, này các Tỳ-kheo, ai niệm đầy đủ năm phần Pháp thân, người ấy là ruộng phước thế gian, không gì hơn được.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

32. Từ đây trở lên, sáu đoạn, tham chiếu Pāli, A VI 2 Dutiya-āhuneyyasutta (R. iii. 280): 1. Iddhividhaṃ, Thần túc; 2. Dibbāya, sotadhātuyā visuddhāya, Thiên nhĩ thanh tịnh; 3. Parasattānaṃ parapuggalānaṃ cetasā ceto paricca pajānāti, Tha tâm thông; 4. Pubbenivāsaṃ anussarati, Túc mạng thông; 5. Dibbena cakkhunā visuddhena, Thiên nhãn thanh tịnh; 6. Āsavānaṃ khayā, Diệt tận hữu lậu. Tỳ-kheo thành tựu sáu pháp này, trở thành người xứng đáng được cung kính, được tôn trọng, là phước điền vô thượng của thế gian (āhuneyyo hoti… pe… anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa).

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 30

Phẩm 37: SÁU TRỌNG PHÁP (2)

Kinh số 6

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn rằng:

–Nay con đã kiết hạ tại thành Xá-vệ. Ý con muốn đi du hóa trong nhân gian.

Thế Tôn bảo:

–Nay là lúc thích hợp.

Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ra đi.

Xá-lợi-phất đi chưa lâu, có một Tỳ-kheo ôm ý phỉ báng, bạch Thế Tôn:

–Xá-lợi-phất gây gỗ với các Tỳ-kheo, rồi không sám hối. Nay bỏ đi du hành trong nhân gian[1].

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

–Ông hãy mau đem lời của ta gọi Xá-lợi-phất.

Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Mục-liên, A-nan:

–Các ông hãy đến các phòng tập hợp các Tỳ-kheo về chỗ Thế Tôn. Vì sao? Bằng Tam-muội đã chứng nhập, Xá-lợi-phất nay sẽ rống tiếng sư tử trước Như Lai.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đều tập hợp về chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Tỳ-kheo kia vâng lời Thế

---

[1]. Chi tiết tương tợ, xem Trung 5, kinh 42.

Tôn dạy, đi đến chỗ Xá-lợi-phất, nói với Xá-lợi-phất:

–Như Lai muốn gặp thầy!

Bấy giờ, Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Vừa rồi, thầy vừa đi chưa lâu, có một Tỳ-kheo đến chỗ Ta, bạch Ta rằng: "Tỳ-kheo Xá-lợi-phất gây gỗ với các Tỳ-kheo. Chưa sám hối mà bỏ đi du hành nhân gian. Điều đó có thật không?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Như Lai đã biết điều đó.

Thế Tôn bảo:

–Ta đã biết rồi. Nhưng nay đại chúng đều có lòng hoài nghi. Nay, ở giữa đại chúng, thầy hãy dùng biện tài của mình mà làm sáng tỏ việc này.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Từ khi ra khỏi thai mẹ đến tám mươi tuổi, con thường tự tư duy, là chưa từng sát sinh, cũng chưa nói dối. Ngay cả trong khi đùa vui cũng không nói láo. Con cũng chưa từng gây đấu loạn người này với người kia. Hoặc giả có lúc không chuyên ý, mới có thể làm việc này. Nhưng, bạch Thế Tôn, nay tâm ý con thanh tịnh, há cùng đấu tranh với các vị phạm hạnh sao?

Cũng như đất này, nhận cả sạch lẫn dơ. Phân, nước tiểu, mọi thứ ô uế, thảy đều nhận hết. Máu mủ, đàm dãi, cũng không hề khước từ. Thế nhưng, đất này cũng không nói đó là xấu, cũng không nói đó là tốt. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn, tâm không lay động, làm sao lại có tranh chấp với người phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa? Người mà tâm không chuyên nhất, mới có thể có việc này. Nay tâm con đã chánh, làm sao lại có tranh chấp với người phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa?

Cũng như nước, cũng có thể rửa sạch vật tốt, cũng có thể rửa sạch vật không tốt. Nhưng nước kia không nghĩ rằng: "Ta làm sạch vật này; bỏ qua vật này." Con cũng như vậy, không có tưởng khác, làm sao lại có tranh chấp với người phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa?

Giống như ngọn lửa dữ thiêu đốt núi rừng, không lựa chọn tốt xấu, không hề tưởng niệm gì. Con cũng như vậy, há lại có tranh chấp với người phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa?

Cũng như chổi quét, không có lựa tốt xấu đều có thể quét sạch, không hề tưởng niệm gì.[2]

---

[2] *Nội dung có thêm đoạn lặp lại như trên, nhưng Hán dịch lược bỏ.*

Giống như bò không có hai sừng, hết sức hiền lành, không chút hung bạo, rất dễ điều khiển, dẫn đi đâu tùy ý, không có gì nghi ngại. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, tâm con như vậy, không khởi tưởng gây tổn hại gì, há lại có tranh chấp với người phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa?

Cũng như con gái dòng Chiên-đà-la mặc áo rách nát, đi xin ăn giữa người đời; không có gì phải cấm kỵ nó. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn, cũng không có tưởng niệm rằng: "Cứ gây gỗ rồi bỏ đi xa."

Cũng như cái nồi đựng mỡ bị rò rỉ nhiều chỗ, người có mắt thảy đều thấy chỗ rỉ ra. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn, từ trong chín lỗ rỉ ra chất bất tịnh, há cùng người phạm hạnh tranh cãi nhau.

Giống như thiếu nữ xinh đẹp, lại lấy xác chết quấn lên cổ rồi sinh ghê tởm nó. Thế Tôn, con cũng như vậy, nhờm tởm thân này như thiếu nữ ấy không khác, há cùng người phạm hạnh tranh cãi nhau rồi bỏ đi xa? Việc này không hề có. Thế Tôn đã biết điều này. Tỳ-kheo kia cũng biết rõ điều đó. Nếu có việc này, xin Tỳ-kheo ấy nhận sự sám hối của con!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

–Nay ông nên tự hối lỗi. Vì sao vậy? Vì nếu không sám hối, đầu ông sẽ bị vỡ thành bảy mảnh.

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia trong lòng sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng, vội rời chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Như Lai, bạch Thế Tôn:

–Nay, con tự biết xúc phạm Xá-lợi-phất. Cúi xin Thế Tôn nhận sự sám hối của con.

Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo, ông hãy tự hướng về Xá-lợi-phất mà sám hối. Nếu không đầu ông sẽ vỡ thành bảy mảnh.

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia liền hướng đến Xá-lợi-phất đảnh lễ sát chân, bạch Xá-lợi-phất:

–Cúi xin ngài nhận sự sám hối của con. Vì ngu muội, không phân biệt được sự thật.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

–Nay thầy hãy nhận sự hối lỗi của Tỳ-kheo này, lại phải dùng tay xoa đầu. Vì sao? Vì nếu thầy không nhận sự sám hối của Tỳ-kheo này, đầu kia sẽ bị vỡ thành bảy mảnh.

Xá-lợi-phất dùng tay xoa đầu, nói Tỳ-kheo:

–Cho phép thầy sám hối! Như ngu, như si, trong Phật pháp này rất là rộng rãi, có thể tùy thời hối lỗi. Lành thay! Nay ta nhận sự sám hối của thầy, sau này chớ tái phạm.

Xá-lợi-phất nói như vậy ba lần.

Rồi Xá-lợi-phất bảo Tỳ-kheo kia:

–Thầy chớ có tái phạm. Vì sao? Vì có sáu pháp dẫn vào địa ngục, sáu pháp sinh Thiên, sáu pháp dẫn đến Niết-bàn. Thế nào là sáu? Muốn hại người khác. Vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế được, rằng: "Ta đã khởi hại tâm." Ở trong đó khởi tâm hại rằng: "Ta sẽ dạy người khiến hại người khác." Khi đã hại được người, ở trong đó khởi vui mừng: "Ta sẽ được câu hỏi về sự không thơm[3] này." Sự việc ấy chưa xảy ra, trong lòng ưu sầu. Đó gọi là có sáu pháp khiến người rơi vào đường dữ.

Sao gọi là sáu pháp đưa người đến cõi lành? Thân giới đầy đủ, khẩu giới đầy đủ, ý giới đầy đủ, mạng căn thanh tịnh, không tâm giết hại, không tâm ganh ghét. Đó gọi là có sáu pháp này sinh vào nơi lành.

Sao gọi là tu sáu pháp dẫn đến Niết-bàn? Đó là sáu pháp tư niệm. Thế nào là sáu? Thân hành từ không hoen ố, miệng hành từ không hoen ố, ý hành từ không hoen ố. Nếu được đồ lợi dưỡng thì có thể phân chia đồng đều cho người khác mà không có tưởng tiếc rẻ. Giữ gìn giới cấm không có lầm lỗi; thành tựu đầy đủ giới mà người trí quý trọng. Điều gì là tà kiến, chánh kiến, xuất yếu của Hiền thánh, dứt sạch gốc khổ; các kiến giải như vậy, thảy đều phân minh.[4] Đó gọi là sáu pháp được đến Niết-bàn. Này Tỳ-kheo, thầy hãy tìm cầu phương tiện hành sáu pháp này.

Các Tỳ-kheo, hãy phải học điều này như vậy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia lại rời chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Xá-lợi-phất:

–Nay con lại tự sám hối. Vì như ngu, như si mà không phân biệt được sự thật. Cúi xin Xá-lợi-phất nhận sự hối lỗi của con. Sau này con sẽ không tái phạm.

Xá-lợi-phất nói:

–Cho phép thầy hối lỗi. Trong pháp Hiền thánh rất rộng rãi, hãy tự sửa đổi. Từ nay về sau, chớ có tái phạm lại.

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những gì Xá-lợi-phất dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

---

3. Hán: Bất hinh chi vấn 不馨之問; chưa rõ ý.

4. Sáu trọng pháp, hay khả hỷ, xem kinh số 1 phẩm 37 trên.

Kinh số 7

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói pháp Không tối thượng đệ nhất. Các ông hãy lắng nghe và suy niệm kỹ!

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Như vậy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

–Sao gọi là pháp Không tối thượng đệ nhất[5]? Nếu khi mắt khởi thì nó khởi, nhưng không thấy từ đâu đến. Khi mắt diệt thì nó diệt, nhưng không thấy nơi nó diệt, trừ pháp giả hiệu, pháp nhân duyên. Sao gọi là giả hiệu, nhân duyên? Cái này có, thì (cái kia) có; cái này sinh, thì (cái kia) sinh. Tức là, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc[6], xúc duyên thọ[7], thọ duyên ái, ái duyên thủ[8], thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên chết, chết duyên sầu ưu khổ não không thể đếm hết. Khổ ấm như vậy được tác thành.

Nhân duyên này không này thì không (kia), đây diệt thì (kia) diệt, vô minh diệt thì hành diệt; hành diệt thì thức diệt; thức diệt thì danh sắc diệt; danh sắc diệt thì sáu nhập diệt; sáu nhập diệt thì xúc* diệt; xúc diệt thì thọ* diệt; thọ diệt thì ái diệt; ái diệt thì thủ* diệt; thủ diệt thì hữu diệt; hữu diệt thì sinh diệt; sinh diệt thì chết diệt; chết diệt thì sầu ưu khổ não đều bị diệt sạch ngoại trừ pháp giả hiệu. Pháp tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng lại như vậy. Khi khởi thì khởi, nhưng không biết nó từ đâu đến. Khi diệt thì diệt cũng không biết nơi nó diệt, trừ pháp giả hiệu kia. Pháp giả hiệu kia là, đây khởi thì (kia) khởi, đây diệt thì (kia) diệt. Sáu nhập này cũng không có người tạo tác, cũng vậy danh sắc.[9] Pháp sáu nhập là do cha mẹ mà có thai, cũng không nhân duyên mà có. Đây cũng là giả hiệu. Trước phải có đối đãi, sau đó mới có. Giống như dùi cây tìm lửa. Vì trước có đối đãi, sau đó lửa sinh. Lửa không từ cây ra,

---

5. *Đệ nhất tối không pháp 第一最空法。*
6. *Nguyên Hán: Cánh lạc.*
7. *Nguyên hán: Thống.*
8. *Nguyên Hán: Thọ.*
9. *Bảy chữ trong ể bản được xóa bỏ trong TNM:六入亦無人造作.*

cũng không ở ngoài cây. Nếu có người nào bổ cây tìm lửa, cũng không thể được. Đều do nhân duyên hội hợp, sau đó có lửa. Sáu tình này khởi bệnh cũng lại như vậy, đều do duyên hợp ở trong đó khởi bệnh. Khi sáu nhập này khởi thì khởi, cũng không thấy nó đến. Khi diệt thì diệt, cũng không thấy nó diệt, trừ pháp giả hiệu kia. Nhân vì cha mẹ hội hợp mà có.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Trước phải thọ bào thai
Dần dần như giọt sữa
Rồi giống như khối thịt
Sau mới tượng ra hình.
Trước tiên sinh đầu cổ
Kế sinh tay, chân, ngón
Và sinh các bộ phận
Lông, tóc, móng, răng thành.
Nếu khi mẹ ăn uống
Các thứ món ăn ngon
Tinh khí dùng nuôi mạng
Nguồn gốc của thọ thai.
Hình hài thành đầy đủ
Các căn không thiếu sót
Nhờ mẹ được sinh ra
Thọ thai khổ như vậy.

Các Tỳ-kheo nên biết, nhân duyên hội hợp mới có thân này. Lại nữa, Tỳ-kheo, trong một thân người có ba trăm sáu mươi đốt xương, chín vạn chín ngàn lỗ chân lông, năm trăm mạch máu, năm trăm dây gân, tám vạn hộ trùng. Tỳ-kheo nên biết, thân sáu nhập có những tai biến như vậy. Tỳ-kheo hãy niệm tư duy về tai hoạn như vậy. Ai tạo ra bộ xương này? Ai hợp gân mạch này? Ai tạo ra tám vạn hộ trùng này?

Khi Tỳ-kheo kia tư duy như vậy liền đắc hai quả A-na-hàm hoặc A-la-hán.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

Ba trăm sáu đốt xương
Ở trong thân người này
Điều mà Cổ Phật đã diễn
Nay ta cũng nói lại.
Gân gồm năm trăm dây

Mạch cũng cùng như vậy
Trùng có tám vạn loại
Chín vạn chín ngàn lông.
Hãy quán thân như vậy
Tỳ-kheo cần tinh tấn
Mau đắc đạo La-hán
Đi đến cõi Niết-bàn.
Pháp này đều không tịch
Nhưng người ngu tham đắm
Người trí tâm vui vẻ
Nghe gốc pháp Không này.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là pháp Không tối thượng đệ nhất. Ta đã nói cho các ngươi pháp được Như Lai thi hành[10]. Nay Ta đã khởi lòng từ thương xót, điều cần lầm Ta đã làm xong. Các thầy thường phải niệm tu hành pháp này. Ở chỗ nhàn tĩnh, tọa thiền tư duy, chớ có biếng nhác. Nay không tu hành, sau hối vô ích. Đó là lời giáo huấn của Ta.[11]

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 8

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Phạm chí Sinh Lậu đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi Phật rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Phạm chí Sinh Lậu[12] bạch Thế Tôn:

–Thưa Cù-đàm, ngày nay tâm ý của người sát-lợi muốn cầu sự gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo nghĩa nào?[13] Theo đuổi mục đích gì? Tâm ý của người Bà-la-môn ý muốn cầu sự gì? Có hành nghiệp gì? Làm theo lời dạy nào? Theo đuổi gì? Quốc vương ngày nay, ý muốn

---

10. Để bản: Thuyết hành 說行。TNM: Thi hành.

11. Văn chuẩn về giáo giới này, xem Trung 21, kinh 86 (tr. 565c19), và tản mạn. Văn chuẩn Pāli, xem M 8 Sallekha (R.i. 46), và tản mạn.

12. Xem cht. kinh số 8 phẩm 17 trên. Cf. A VI 52 Khattiyasutta (R. iii. 362). Tham chiếu Hán, Trung 37, kinh 149.

13. Pāli, ibid., kiṃ-abhinivesā, tham chấp cái gì?

cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo nghĩa nào? Theo đuổi mục đích gì? Kẻ trộm ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo nghĩa nào? Theo đuổi mục đích gì? Người nữ ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo nghĩa nào? Theo đuổi mục đích gì?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phạm chí:

–Sát-lợi thường thích tranh tụng, nhiều kỹ thuật, ham thích làm việc, việc làm phải đạt cứu cánh, không nghỉ giữa chừng.

Phạm chí hỏi:

–Phạm chí, ý cầu gì?

Thế Tôn bảo:

–Phạm chí, ý thích chú thuật, ưa thích nơi chốn nhàn tĩnh, mục đích cư gia, ý nơi Phạm thiên.

Lại hỏi:

–Quốc vương, ý cầu những gì?

Thế Tôn bảo:

–Phạm chí nên biết, ý muốn của vua là được quyền cai trị, ý đặt tại binh đao, tham đắm tài bảo.

–Kẻ trộm, ý cầu gì?

Thế Tôn bảo:

–Kẻ trộm, ý trộm cướp, tâm gian tà, muốn cho mọi người không biết việc làm của mình.

–Người nữ, ý cầu điều gì?

Thế Tôn bảo:

–Người nữ, ý để nơi người nam, tham đắm tài bảo, tâm lụy nam nữ, tâm muốn tự do.

Bấy giờ, Phạm chí bạch Thế Tôn:

–Thật là kỳ diệu! Thật hy hữu! Ngài biết ngần ấy sự kiện, như thật không hư. Ngày nay, ý Tỳ-kheo cầu điều gì?

Thế Tôn bảo:

–Giới đức đầy đủ, tâm an trú đạo pháp, ý ở bốn Đế, ước muốn đến Niết-bàn. Đây là những điều cầu của Tỳ-kheo.

Lúc ấy, Phạm chí Sinh Lậu bạch Thế Tôn:

–Thật vậy, Thế Tôn, việc làm của Tỳ-kheo, ý không thể dời đổi. Ý nghĩa thật như vậy, thưa Cù-đàm, Niết-bàn thật là an lạc. Những gì Như Lai đã thuyết là quá nhiều. Giống như kẻ mù được thấy, người điếc được nghe, người ở trong tối thấy sáng. Những điều Như Lai nói

hôm nay, cũng như vậy, không đổi khác. Nay tôi việc nước quá nhiều, muốn trở về nơi ở.

Thế Tôn bảo:

–Nên biết đúng lúc.

Phạm chí Sinh Lậu rời từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi.

Phạm chí Sinh Lậu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 9

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Phạm chí Sinh Lậu đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ Phạm chí bạch Thế Tôn:

–Ở trong đây có Tỳ-kheo nào tu hành thế nào mà phạm hạnh không sứt, không rò rỉ; thanh tịnh tu phạm hạnh?

Thế Tôn bảo:

–Nếu có người nào giới luật đầy đủ, không có điều vi phạm, người đó được nói là thanh tịnh tu hành phạm hạnh.

Lại nữa, Phạm chí, khi mắt thấy sắc, không khởi tưởng đắm, không khởi niệm tưởng phân biệt[14], trừ tưởng ác, bỏ pháp bất thiện, được nhãn căn trọn vẹn; người này được nói là tu phạm hạnh thanh tịnh. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết mịn trơn, ý biết pháp, đều không có tưởng của thức,[15] không khởi niệm của tưởng[16], tu phạm hạnh thanh tịnh, thành tựu ý căn.

Bà-la-môn bạch Phật:

–Những người như thế nào là không tu phạm hạnh, không đầy đủ thanh tịnh hạnh[17]?

Thế Tôn đáp:

---

[14] Thức niệm 識念. Về thủ hộ căn môn, văn chuẩn, theo Pāli (Cf. D 2 Sāmaññaphala, và tản mạn): Cakkhunṃ rūpaṃ disvā na nimittaggāhī hoti nānubyañjanaggāhī, khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng (chi tiết).

[15] Thức tưởng 識想, thức nắm bắt tổng tướng. Xem cht. trên.

[16] Tưởng niệm 想念, như thức niệm, xem cht. trên.

[17] Thanh tịnh hạnh 清淨行: Phạm hạnh; Pāli: Brahmacariya.

–Nếu có giao hội[18] với người, đó gọi phi phạm hạnh.

Bà-la-môn bạch Phật:

–Những người như thế nào là rò rỉ,[19] không đầy đủ?

Thế Tôn đáp:

–Nếu có người giao tiếp với người nữ, hoặc sờ nắm tay chân nhau,[20] ấp ủ trong lòng, nhớ mãi không quên; người đó, này Phạm chí, được nói là hành không trọn vẹn, bị rò rỉ, các sự dâm dật[21] cùng tương ưng vơi dâm, nộ, si.

Lại nữa, Phạm chí, hoặc người ấy đùa cợt,[22] đối đáp với người nữ. Này Phạm chí, người đó được nói là người này hành không trọn vẹn, bị rò rỉ, có dâm, nộ, si; phạm hạnh không đầy đủ để tu thanh tịnh hạnh.

Lại nữa, Phạm chí, hoặc có người trừng mắt nhìn[23] người nữ không di chuyển rồi ở trong đó khởi tưởng dâm, nộ, si, sinh các loạn niệm; này Phạm chí, người này được nói là phạm hạnh không thanh tịnh, không tu phạm hạnh.

Lại nữa, này Phạm chí, hoặc có người từ xa nghe, hoặc nghe tiếng khóc, hoặc nghe tiếng cười,[24] bèn ở trong đó khởi các loạn tưởng dâm, nộ, si; này Phạm chí, người này được nói là không thanh tịnh, tu phạm hạnh, cùng tương ưng với dâm, nộ, si, phạm hạnh không toàn đủ.

Lại nữa, này Phạm chí, hoặc có người đã từng gặp người nữ,[25] sau đó sinh tưởng nhớ hoặc, hoặc con mắt người nữ, ở trong đó sinh tưởng, tại nơi khuất kín vắng vẻ, khởi dâm, nộ, si, cùng ác hạnh tương ưng; này Phạm chí, người này được nói là không tu phạm hạnh.

Bấy giờ, Phạm chí Sinh Lậu bạch Thế Tôn:

–Kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sa-môn Cù-đàm này biết rõ phạm hạnh, cũng biết không phạm hạnh; biết rõ phạm hạnh rò rỉ, cũng biết rõ phạm hạnh không rò rỉ. Vì sao? Vì nay tôi cũng có ý nghĩ này, khi thấy

---

18. Nguyên Hán: Câu hội (Pāli: Dvayayaṃsamāpatti = methunā); định nghĩa từ phi phạm hạnh (Pāli: Abrahmacariya): Hành pháp dâm dục.

19. Phạm hạnh bị sứt mẻ, rò rỉ.

20. Pāli: Không hành dâm nhưng sờ nắm.

21. Lậu, chư dâm dật 漏諸婬泆。Pāli: (brahmacariyassa) sabalaṃ, kammāsa, (phạm hạnh) có tỳ vết, có hoan ố. Nhưng Hán dịch đọc là āsavaṃ, kamāsaṃ, có lậu, có khát vọng dâm dục.

22. Pāli: Không xúc chạm thân thể nhưng đùa cợt.

23. Pāli: Không đùa cợt, nhưng nhìn.

24. Pāli: Không nhìn, nhưng nghe tiếng nữ, bị kích thích.

25. Pāli: Không thấy, không nghe tiếng, nhưng nhớ.

có người nào cùng người nữ chân tay đụng chạm nhau, khởi các loạn tưởng, khi ấy tôi nghĩ rằng người này hành bất tịnh hạnh, cùng dâm, nộ, si tương ưng. Cảm thọ bậc nhất, là người nữ. Khả dục bậc nhất, đó chính là mắt với mắt nhìn nhau, người nữ kia hoặc nói, hoặc cười, hoặc nắm chéo áo người nam; hoặc cùng nói chuyện vừa nắm chéo áo người nam.[26] Khi ấy, tôi liền sinh ý nghĩ này: "Sáu điều này, người đều hành hạnh bất tịnh hết."

Hôm nay, Như Lai đã dạy rất nhiều. Giống như người mù được mắt, người mê thấy đường, người ngu được nghe đạo, người có mắt thấy sắc; Như Lai thuyết pháp lại cũng như vậy. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay trở về sau không sát sinh nữa. Cúi xin nhận con làm Ưu-bà-tắc.

Phạm chí Sinh Lậu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kinh số 10[27]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong rừng bên ngoài thành Tỳ-xá-ly cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, Tôn giả Mã Sư[28] đến giờ khất thực, đắp y mang bát vào thành khất thực. Khi ấy, Ni-kiền Tử Tát-già[29] thấy Tôn giả Mã Sư đến, liền đến hỏi:

–Thầy ông nói những nghĩa gì? Có những giáo huấn gì? Giáo giới đệ tử bằng pháp thuyết gì?

Tôn giả Mã Sư đáp:

–Này Phạm chí, sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là: "Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia." Đó là điều mà người trí đã học. Thọ*, tưởng, hành, thức là vô thường. Năm thạnh ấm này là vô thường, tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa

---

26. Hán: Sáu trường hợp quan hệ nam nữ liên hệ dâm dục. Pāli, ibid., bảy trường hợp liên hệ hành dâm (sattannaṃ methunasaṃyogānaṃ).

27. Tham chiếu Pāli, M 35 Cūḷa-Saccakasutta (R.i. 227). Hán, Tạp 5, kinh 110.

28. Mã Sư 馬師。Tạp 5: A-thấp-ba-thệ. Pāli: Assaji.

29. Tát-già Ni-kiền Tử 薩遮尼健子。Pāli: Saccaka Niganṭhaputta.

là: "Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia." Ông muốn biết thì ý nghĩa mà thầy tôi giáo giới là như vậy, vì các đệ tử dạy nghĩa như vậy.

Khi ấy, Ni-kiền Tử lấy hai tay che tai nói:

–Thôi, thôi! Mã Sư! Tôi không thích nghe những lời này. Nếu Sa-môn Cù-đàm có dạy điều này, thì tôi thật không muốn nghe. Vì sao? Theo nghĩa của tôi thì sắc là thường. Nghĩa của Sa-môn thì vô thường. Ngày nào đó tôi sẽ gặp Sa-môn Cù-đàm để biện luận. Tôi sẽ trừ khử tâm điên đảo Sa-môn Cù-đàm.

Bấy giờ, trong thành Tỳ-xá-ly có năm trăm đồng tử cùng tập hợp lại một chỗ để bàn luận. Lúc này, Ni-kiền Tử đến chỗ năm trăm đồng tử, nói với các đồng tử: "Các cậu với tôi cùng đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao? Vì tôi muốn biện luận với Sa-môn Cù-đàm kia, để cho Sa-môn kia thấy được đường chính chân thật. Sa-môn nói sắc là vô thường. Theo nghĩa ta thì sắc là thường. Giống như lực sĩ tay nắm lấy lông của con dê lông dài, rồi dẫn đi đâu tùy ý, không có gì khó ngại. Nay ta cũng vậy, hôm nay ta sẽ cùng Sa-môn Cù-đàm kia biện luận, ta buông hay bắt tùy ý, không có gì nghi ngờ.

Giống như con voi mạnh hung bạo có sáu ngà, ở trong núi sâu nô đùa không có gì trở ngại. Nay ta cũng vậy, ta sẽ cùng Sa-môn kia biện luận, không có gì nghi nan. Giống như hai tráng sĩ bắt một người yếu, nướng trên ngọn lửa, trở qua trở lại tùy ý, cũng không có gì khó ngại. Nay ta cùng vị kia luận nghĩa cũng vậy, không có gì khó ngại. Trong luận nghĩa của ta, voi còn có thể bị hại, huống gì là người. Ta cũng có thể khiến voi đi về Đông, Tây, Nam, Bắc há không bằng người sao? Nay những vật vô tình như các cột kèo trong giảng đường này, ta còn khiến cho di chuyển, huống chi cùng người biện luận, mà có thể thắng ta sao? Ta sẽ khiến ông ấy trào máu miệng ra mà chết.

Trong số đó, hoặc có đồng tử nói như vậy:

–Ni-kiền Tử nhất định không có khả năng luận nghị[30] với Sa-môn. Nhưng chỉ sợ Sa-môn Cù-đàm mới cùng luận nghị với Ni-kiền Tử thôi.

Có người lại nói:

–Sa-môn Cù-đàm không luận nghị cùng với Ni-kiền Tử chỉ có Ni-kiền Tử mới có khả năng luận nghị với Sa-môn thôi.

Khi ấy, Ni-kiền Tử suy nghĩ như vầy: "Giả sử những điều Sa-môn Cù-đàm nói như Tỳ-kheo Mã Sư, thế thì đủ cho ta đối đáp. Nếu có nghĩa

---

30. Nên hiểu: Không thể phá luận nghị của.

gì khác, cứ nghe rồi sẽ biết.”

Bấy giờ Ni-kiền Tử dẫn năm trăm đồng tử trước sau vây quanh đi đến chỗ Thế Tôn, cùng thăm hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên.

Ni-kiền Tử bạch Thế Tôn:

–Thế nào, Cù-đàm, ngài có giáo giới gì? Dùng giáo giới gì để dạy cho các đệ tử?

Phật bảo Ni-kiền Tử:

–Những điều ta nói là, sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là: “Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.” Đó là điều mà người trí đã học. Thọ*, tưởng, hành, thức là vô thường. Năm thạnh ấm này là vô thường, tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là: “Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.” Giáo giới của ta, ý nghĩa là như vậy.

Ni-kiền Tử đáp:

–Tôi không ưa nghe ý nghĩa này. Vì sao? Vì theo nghĩa tôi hiểu, sắc là thường.

Thế Tôn bảo:

–Nay ông hãy chuyên tâm ý suy tư diệu lý, sau đó hãy nói!

Ni-kiền Tử nói:

–Nay tôi nói sắc là thường. Với năm trăm đồng tử này, ý nghĩa ấy cũng vậy.

Thế Tôn bảo:

–Nay ông nói sắc là thường. Với năm trăm đồng tử này, ý nghĩa ấy cũng vậy.

Thế Tôn bảo:

–Hôm nay ông đã tự biện thuyết rồi, sao lại dẫn theo năm trăm đồng tử kia?

Ni-kiền Tử nói:

–Nay tôi nói sắc là thường. Sa-môn muốn biện luận thế nào?

Thế Tôn đáp:

–Nay Ta nói sắc là vô thường, cũng là vô ngã. Giả tạm họp lại mà có tên sắc này chứ không chân thật, không chắc, không bền, cũng như nắm tuyết, chúng là pháp diệt vong, là pháp biến dịch. Nay ông nói sắc là thường, vậy Ta hỏi lại ông, tùy ý mà trả lời Ta.

Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân thánh vương lại có được tự tại

ở trong quốc độ của mình không? Lại nữa, đại vương kia, muốn thả ai thì thả, muốn trói ai thì trói, có được vậy không?

Ni-kiền Tử đáp:

–Thánh vương này có quyền lực tự tại đó, muốn giết ai thì giết; muốn trói ai thì trói.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân thánh vương rồi sẽ già không? Đầu có bạc, mặt co nhăn nhăn, y phục cáu bẩn không?

Khi ấy, Ni-kiền Tử im lặng không đáp. Thế Tôn hỏi lại ba lần, ông cũng ba lần im lặng không đáp lại.

Lúc ấy, lực sĩ Kim cang Mật Tích cầm chày Kim cang ở giữa hư không, bảo rằng:

–Nếu ông không trả lời, ta sẽ đập đầu ông vỡ thành bảy mảnh ngay trước mặt Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ni-kiền Tử:

–Ông hãy quan sát giữa hư không!

Lúc ấy, Ni-kiền Tử ngước nhìn lên hư không, thấy lực sĩ Kim cang Mật Tích, lại nghe trên hư không có tiếng nói rằng: "Nếu ông không trả lời Như Lai, ta sẽ đập đầu ông vỡ thành bảy mảnh." Nghe xong, hoảng sợ, y lông dựng đứng, bạch với Thế Tôn:

–Cúi xin Cù-đàm hãy cứu vớt. Xin hỏi lại. Con sẽ đáp ngay.

Lúc ấy, Thế Tôn hỏi:

–Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân thánh vương sẽ lại già không? Cũng sẽ tóc bạc, răng rụng, da chùn, mặt nhăn hay không?

Ni-kiền Tử đáp:

–Tuy Sa-môn Cồ-đàm nói vậy, nhưng theo tôi hiểu thì sắc là thường.

Thế Tôn bảo:

–Ông hãy suy nghĩ cho kỹ, sau đó mới nói. Nghĩa trước và sau không tương ưng với nhau. Ta chỉ luận, Thánh vương sẽ già không? Đầu sẽ bạc, răng sẽ rụng, da chùn, mặt nhăn hay không?

Ni-kiền Tử nói:

–Chuyển luân thánh vương vẫn bị già.

Thế Tôn nói:

–Chuyển luân thánh vương có thể tự tại trong nước của mình, vì sao lại không thể trừ khử già, bệnh, chết; nói rằng: "Ta không cần cái già, bệnh, chết. Ta thường hằng."? Giả sử có như vậy, nhưng nghĩa này

có hứa khả được chăng?

Ni-kiền Tử im lặng không đáp, buồn rầu không vui, im lặng không nói. Khi này, thân thể Ni-kiền Tử toát mồ hôi hột, mồ hôi ra ướt cả áo, thấm chỗ ngồi, cho đến dưới đất.

Thế Tôn bảo:

–Ni-kiền Tử lúc ở giữa đại chúng, ông đã rống tiếng sư tử bảo: "Các đồng tử, hãy cùng tôi đến chỗ Cù-đàm để tranh luận. Tôi sẽ hàng phục Cù-đàm như nắm lông một con dê lông dài, kéo đi phía đông hay phía Tây tùy ý. Cũng như voi đi lại tự do ở trong rừng sâu, không có gì phải sợ hãi. Cũng như hai người lực lưỡng bắt một người yếu ớt nướng trên lửa, xoay qua xoay lại tùy ý." Ông còn nói rằng: "Luận nghị của tôi còn có thể giết con voi lớn. Khi tôi luận nghị với những thứ vô tình như cây cỏ, cột kèo các thứ, tôi cũng có thể khiến chúng phải cúi đầu khuất phục, làm cho chúng toát mồ hôi nách."

Bấy giờ, Thế Tôn vén ba y cho Ni-kiền Tử xem, rồi nói:

–Ông hãy xem, nách của Như Lai không có một giọt mồ hôi. Còn ông thì ngược lại, mình đầy mồ hôi, thậm chí rơi xuống đất.

Lúc ấy, Ni-kiền Tử vẫn im lặng không đáp.

Bấy giờ, ở trong chúng đó có một đồng tử tên Đầu-ma[31]. Đồng tử Đầu-ma bạch Thế Tôn:

–Nay con nhận thấy có điều có thể áp dụng và con muốn nói.

Thế Tôn đáp:

–Hãy nói tùy ý.

Đồng tử Đầu-ma bạch Phật:

–Giống như cách thôn làng không xa, có ao tắm tốt. Trong ao tắm kia có một con của.[32] Nhân dân già trẻ, nam nữ, trong thôn đến ao tắm đó vớt con trùng này ra, rồi lấy gạch đá đập nát chân tay của nó. Trùng này dù muốn trở xuống nước, rốt cuộc không làm được việc này. Ni-kiền Tử này cũng như vậy, ban đầu rất mạnh bạo tranh luận với Như Lai, lòng ôm tật đố, ý ôm kiêu mạn. Như Lai đã diệt trừ sạch chúng vĩnh viễn không còn sót. Ni-kiền Tử này không bao giờ còn dám trở lại chỗ Như Lai để biện luận nữa.

Khi ấy, Ni-kiền Tử nói với đồng tử Đầu-ma:

–Ngươi ngu si không phân biệt chân hay ngụy. Ta không nói

---

31. Đầu-ma 頭摩。Pāli: Dumumkha.

32. Trùng nhiều cước 虫饒腳: Con sâu có nhiều chân. Dịch giả không hiểu con gì nên mô tả như vậy. Pāli: Kakkaṭaka.

chuyện với ngươi, mà ta đang biện luận với Sa-môn Cù-đàm.

Lúc ấy, Ni-kiền Tử bạch Phật:

–Tôi chỉ hỏi nghĩa lý. Xin ngài nói lại.

Thế Tôn đáp:

–Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân thánh vương muốn khiến cho già, bệnh, chết không đến, có thể được vậy không? Thánh vương kia có được toại nguyện không?

Ni-kiền Tử đáp:

–Không thể toại nguyện như vậy được.

–Muốn cho có sắc này, muốn cho không có sắc này, có được toại nguyện không?

Ni-kiền Tử đáp:

–Không được, thưa Cù-đàm.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, Ni-kiền Tử, sắc là thường hay vô thường?

Ni-kiền Tử đáp:

–Sắc là vô thường.

–Nếu vô thường, nó là pháp biến dịch. Ông có thấy: "Cái này là ta; ta là của cái kia" không?

Đáp:

–Không, thưa Cù-đàm.

–Thọ*, tưởng, hành, thức, là thường hay là vô thường?

Đáp:

–Vô thường.

–Nếu vô thường, nó là pháp biến dịch, ông có thấy nó có không?

Đáp:

–Không.

Thế Tôn hỏi:

–Năm thạnh ấm này là thường hay vô thường?

Ni-kiền Tử đáp:

–Là vô thường.

Phật hỏi:

–Nếu là vô thường, nó là pháp biến dịch, ông có thấy nó có không?

Đáp:

–Không.

–Thế nào, Ni-kiền Tử, ông đã nói là thường, như vậy không phải là trái ngược với nghĩa lý này hay sao?

Lúc ấy, Ni-kiền Tử bạch Thế Tôn:

–Nay con ngu si không phân biệt chân đế nên khởi ý muốn này, là cùng tranh luận với Cù-đàm rằng: "Sắc là thường." Giống như mãnh thú sư tử từ xa trông thấy người đến mà có tâm sợ hãi sao? Hoàn toàn không có việc này. Hôm nay Như Lai cũng như vậy, không có mảy may nào. Nay con say mê chưa hiểu nghĩa sâu mới dám xúc phạm. Sa-môn Cù-đàm đã dạy quá nhiều. Giống kẻ mù được mắt, người điếc được nghe thấu, người mê thấy đường, người không mắt thấy sắc. Cũng như vậy, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện thuyết pháp cho con. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng, từ nay trở về sau trọn đời làm người Ưu-bà-tắc, không sát sinh nữa. Cúi xin Phật và Tỳ-kheo tăng nhận lời thỉnh của con, muốn cúng bữa ăn cho Phật và Tỳ-kheo Tăng.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi Ni-kiền Tử thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, đảnh lễ sát chân rồi đi. Đến chỗ các đồng tử ở thành Tỳ-xá-ly, ông nói các đồng tử:

–Các cậu có cúng ta vật gì thì hãy mang đến ngay cho tôi để tôi bày biện, chớ để trễ thời. Nay tôi đã thỉnh Phật và Tỳ-kheo tăng, ngày mai sẽ tôi cung bữa ăn.

Lúc ấy, các đồng tử liền mang các thứ đồ ăn thức uống đến cho ông. Đêm ấy, Ni-kiền Tử chuẩn bị soạn các loại đồ ăn thức uống ngon lành, trải tọa cụ tốt, rồi đến bạch:

–Đã đến giờ, cúi xin hạ cố.

Đến giờ, Thế Tôn đắp y, mang bát, dẫn chúng tăng vào thành Tỳ-xá-ly, đến nhà Ni-kiền Tử. Đến rồi, ngồi vào chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo cũng ngồi theo thứ lớp.

Lúc này, Ni-kiền Tử thấy Phật và chúng Tăng đã an tọa, tự tay dâng các thứ đồ ăn thức uống. Sau khi thấy Phật và Tỳ-kheo tăng thọ trai xong, đã dùng nước rửa, ông lấy một chiếc ghế nhỏ, ngồi trước Như Lai để nghe pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết giảng cho ông các đề tài vi diệu; các đề tài về bố thí, về trì giới, về sinh Thiên; dục là ô uế, dâm là hạnh bất tịnh, giải thoát là an lạc. Khi Thế Tôn thấy tâm ý của Ni-kiền Tử đã khai mở, như những gì mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết pháp, về Khổ, Tập, Tận, Đạo. Ngài cũng vì Ni-kiền Tử nói hết.

Lúc ấy, Ni-kiền Tử liền ngay trên chỗ ngồi các trần cấu sạch hết,

được mắt pháp trong sạch.

Lúc này, Thế Tôn liền nói kệ:

Cúng tế, lửa hơn hết
Thi thơ, tụng đứng đầu
Vua, tôn quý loài người
Biển là nguồn các sông;
Các sao, trăng sáng nhất
Ánh sáng, mặt trời nhất
Trên dưới và bốn phương
Mọi vật sinh bởi đất,
Trời cùng với nhân loại
Phật là vô thượng tôn
Ai muốn cầu đức kia
Tam-phật là tối thượng.*

Sau khi Thế Tôn nói bài kệ này xong, Ngài đứng dậy ra đi.

Lúc ấy, năm trăm đệ tử của Ni-kiền Tử nghe thầy mình nhận sự giáo hóa của Phật, mọi người bảo nhau:

–Sao Đại sư của chúng ta lại tôn Cù-đàm làm thầy?

Rồi các đệ tử ấy ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đứng chờ ở giữa đường. Trong lúc đó, Ni-kiền Tử đến chỗ Phật để nghe pháp. Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp cho Ni-kiền Tử, khích lệ khiến hoan hỷ. Ni-kiền Tử sau khi nghe pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân liền lui đi.

Lúc ấy, các đệ tử của Ni-kiền Tử từ xa thấy thầy mình đến, mọi người bảo nhau:

–Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang đi đến. Chúng ta hãy lấy gạch đá giết chết ông ta.

Khi nghe tin Ni-kiền Tử bị các đệ tử giết, các đồng tử liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Các đồng tử bạch Thế Tôn:

–Ni-kiền Tử mà Như Lai đã giáo hóa nay đã bị các đệ tử giết. Nay đã qua đời, ông ấy sinh nơi nào?

Thế Tôn nói:

–Ông ấy là một người có đức, đầy đủ bốn Đế, đã dứt sạch ba kết sử, thành quả Tu-đà-hoàn, chắc chắn dứt sạch gốc khổ. Hôm nay, mạng chúng sinh lên cõi trời Tam thập tam. Sau này khi gặp Phật Di-lặc, vị ấy sẽ dứt sạch gốc khổ. Đó là nghĩa của nó, hãy niệm tu hành.

Các đồng tử bạch Phật rằng:

–Kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ni-kiền Tử này đến chỗ Thế Tôn để tranh luận hơn thua rồi lại tự trói chặt bởi lý luận của chính, đến nhận sự giáo hóa của Như Lai. Phàm đã gặp Như Lai thì hoàn toàn không uổng phí. Giống như có người vào biển tìm châu báu, nhất định có thu hoạch, không bao giờ trở về không. Ở đây cũng như vậy, nếu có chúng sinh nào mà đến chỗ Thế Tôn, chắc chắn sẽ được Pháp bảo, quyết không có trở về không.

Bấy giờ, Thế Tôn vì các thiếu niên nói Pháp vi diệu, khiến họ hoan hỷ.

Sau khi nghe Phật thuyết pháp, các đồng tử từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng, đảnh lễ sát chân rồi ra về.

Các đồng tử sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑